

BERNARD MINIER

Hương Vũ dịch

GIỚI



vh
NXB VĂN HỌC

epub@vctvegroup

02-12-2017

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

*Để tưởng nhớ những kỉ niệm về cha tôi
Dành tặng vợ, con gái và con trai tôi*



*Gửi tới Jean-Pierre Schamber
và Dominique Matos Ventura
những người đã thay đổi mọi thứ*

NGƯỜI GỬI:

DIANE BERG GENEVA

NGƯỜI NHẬN:

BÁC SĨ WARGNIER

VIỆN TÂM THẦN WARGNIER

SAINT-MARTIN-DE-COMMINGES

DIANE BERG - Sơ yếu lý lịch

Chuyên gia tâm lý, Liên đoàn Tâm lý học Thụy Sĩ (FSP)

Chuyên gia tâm lý học pháp lý SSPL

Ngày sinh: 16/07/1976

Quốc tịch: Thụy Sĩ

VĂN BẰNG

- 2002 - Bằng thạc sĩ Nghiên cứu Cao cấp về Tâm lý học (DES). Đại học Geneva. Luận văn: *Cơ chế bản năng, xu hướng ái tử thi và chặt xác đối với tội phạm giết người hồi thục.*
- 1999 - Bằng cử nhân Tâm lý học. Đại học Geneva. Luận văn: *Tổng quan nỗi sợ hãi thời thơ ấu của trẻ em từ 8 đến 12 tuổi.*
- 1995 - Bằng tốt nghiệp trung học: Các môn truyền thống và ngôn ngữ La tinh.
- 1994 - Chứng chỉ tiếng Anh trình độ trung cao của Đại học Cambridge.

KINH NGHIỆM LÀM VIỆC

- 2003 - Phòng khám tư, Geneva: Điều trị tâm lý và tâm lý học pháp lý.
- 2001 - Đại học Geneva: Trợ giảng cho giáo sư Spitzner tại khoa Tâm lý học và Khoa học Giáo dục (FPSE).
- 1999-2001 - Viện Tâm lý học Pháp lý. Đại học Geneva: Thực tập sinh ngành Tâm lý học.
- Phòng Y tế nhà tù Champ-Dollon: Thực tập sinh ngành Tâm lý học.

HIỆP HỘI CHUYÊN MÔN

- Học viện Quốc tế về Luật và Sức khỏe Tâm thần (LALMH).
- Hiệp hội Bác sĩ Tâm lý học - Tâm lý Trị liệu Geneva (AGPP).
- Liên đoàn Tâm lý học Thụy Sĩ (FSP).
- Hiệp đoàn Tâm lý học Pháp lý Thụy Sĩ (SSPL).

SỞ THÍCH

- Nhạc cổ điển (mười năm chơi violông), nhạc Jazz, đọc sách.
- Thể thao: Boi lội, chạy, lặn, khám phá hang động, nhảy dù.

MỞ ĐẦU

Rừ rừ rừ... tạch tạch tạch... rừ rừ rừ... tạch tạch tạch...

Tiếng lách cách đều đều của dây cáp và tiếng bánh xe kêu lên lọc xọc mỗi lần cabin chạy qua các trụ cáp. Tiếng kêu than không ngừng của gió, nghe ai oán não nề như con trẻ khóc hờn. Cuối cùng là giọng những người đi cabin hét lên để trò chuyện trong không gian âm ỉ. Họ có năm người, tính cả Huysmans.

Rừ rừ rừ... tạch tạch tạch... rừ rừ rừ... tạch tạch tạch...

“Mẹ kiếp! Tôi không muốn lên đó trong thời tiết này,” một người trong số họ cất tiếng.

Huysmans im lặng nhìn xuyên qua đám tuyết bị những cơn gió thổi xoáy tít quanh cabin, chờ đợi hồ nước xuất hiện. Cáp treo có vẻ chùng một cách bất thường, kéo thành đường vòng cung kép vồng xuống phía dưới.

Mây trắng rẽ ra. Mặt hồ xuất hiện. Thấp thoáng. Trong khoảnh khắc, trông nó như một vũng nước bên dưới bầu trời. Đúng hơn là một vệt nước chảy ra từ giữa các đỉnh núi và những dải mây bị chính mấy đỉnh núi ấy xé toạc ra.

“Thời tiết thì liên quan quái gì?” Một người khác nói. “Đằng nào chúng ta cũng sẽ mất một tuần kẹt dưới chân núi chết tiệt ấy.”

Nhà máy thủy điện tại Arruns gồm một chuỗi các gian ngầm và đường hầm sâu đến 70 mét trong lòng núi, được xây dựng ở độ cao 2.000 mét so với mực nước biển. Đường hầm dài nhất lên tới 11 kilomet, dẫn nước từ hồ bên trên vào các ống áp lực đường kính 1m50 chạy sâu xuống núi, đổ vào tua bin máy phát điện đặt dưới thung lũng. Chỉ có một cách để đến nhà máy ngầm này, đó là chui qua một giếng đứng có cửa ra vào sát đỉnh núi, xuống bằng thang máy rồi ngồi xe kéo hai chỗ chạy dọc theo đường hầm chính trong khi các cửa xả nước đã đóng. 8 kilomet đường hầm cho một chuyến hành trình kéo dài ít nhất một tiếng, xuyên vào tâm bóng tối.

Còn một cách khác để tới Arruns, là dùng trực thăng, nhưng chỉ trong trường hợp khẩn cấp. Một sân bay nhỏ được xây dựng gần hồ nước phía trên, có thể cất hạ cánh trong điều kiện thời tiết tốt.

“Moachim nói đúng,” người lớn tuổi nhất trong số họ đáp. “Thời tiết thế này thì trực thăng cũng không thể hạ cánh được.”

Họ đều biết điều này nghĩa là gì. Nếu các cửa xả mở ra, hàng nghìn mét khối nước từ cái hồ phía trên sẽ ào ào đổ vào chính đường hầm họ phải đi qua. Trong trường hợp khẩn cấp, mất khoảng hai tiếng để tháo cạn nước trong hầm, khoảng một tiếng đi xuyên qua đường hầm bằng xe kéo và trở lại giếng đứng, mười lăm phút leo lên mặt đất, mười phút đi cáp treo xuống các tổ máy và nửa tiếng đi đường bộ tới Saint-Martin-de-Comminges, nếu không có chướng ngại trên đường.

Trong trường hợp xảy ra tai nạn, sẽ phải mất ít nhất bốn tiếng mới tới được bệnh viện. Nhà máy điện thì đã cũ... Nó đi vào hoạt động từ năm 1929. Mỗi mùa đông, trước khi tuyết tan, họ đều dành bốn tuần trên đó, tách biệt khỏi thế giới, để bảo trì và sửa chữa những cỗ máy còn sót lại từ thời đại trước. Một công việc khó khăn và nguy hiểm.

Huysmans trông theo một con đại bàng đang lướt trong gió cách cabin chừng 100 mét.

Im lặng.

Anh hướng xuống miền băng giá trải rộng ngút tầm mắt phía dưới sàn cabin.

Ba đường ống áp lực khổng lồ rơi tuột xuống vực thẳm, uốn mình theo sườn dốc. Thung lũng khuất khỏi tầm nhìn. Trụ tháp cuối cùng họ vừa đi qua đã lùi tít xuống dưới, cách họ 300 mét, chơ vơ giữa sương mù ở nơi sườn núi dốc đứng. Cabin đang leo thẳng lên giếng vào. Nếu cáp treo bị hỏng, cabin sẽ rơi tự do hàng chục mét rồi nổ tung như vỏ hạt dẻ đập vào vách đá. Trong bão tuyết, nó đứng đờ như chiếc giỏ khoác trên cánh tay một bà nội trợ.

“Này, bếp trưởng! Bữa tối hôm nay có món gì?”

“Chắc chắn là chẳng có đồ tươi đâu.”

Chỉ mình Huysmans không cười. Anh đang mải ngắm một chiếc xe buýt mini màu vàng trên đường đến trạm thủy điện. Là xe của giám đốc. Rồi chiếc xe cũng biến mất khỏi tầm nhìn vì bị những đụn mây nuốt chửng như một cỗ xe ngựa bị những người da đỏ bao vây*.

Mỗi lần lên đó, anh lại có cảm giác như sắp khám phá ra bản chất sự tồn tại của chính mình, nhưng cuối cùng vẫn không nắm bắt được.

Huysmans quay nhìn về phía đỉnh núi. Họ đã gần đến trạm cuối của cáp treo, một giàn giáo kim loại bám vào cửa bê tông của giếng đứng. Khi cabin dừng lại, họ sẽ phải đi xuống, qua một loạt cầu đi bộ và bậc thang dẫn đến lô cốt bê tông. Gió gào thét dữ dội. Nhiệt độ phải cỡ dưới âm mười độ. Huysmans nheo mắt.

Hình dạng giàn giáo có gì đó rất lạ.

Một thứ đáng ra không có ở đó...

Như một cái bóng, giữa những râm thép và giằng chéo, bị từng cơn gió mạnh cố thổi bạt đi.

Là một con đại bàng, anh nghĩ. Một con đại bàng bị mắc kẹt giữa dây cáp và ròng rọc. Không, quá vô lý. Nhưng lại là sự thật. Một con chim khổng lồ, hai cánh dang rộng. Có thể là một con kền kền mắc kẹt giữa cấu trúc phức tạp của những chân song và thanh xà.

“Ê, nhìn kia!” Giọng Joachim. Anh ta cũng thấy. Những người khác đều quay lại nhìn.

“Lạy Chúa! Cái gì thế?”

Không có con chim nào cả, chắc chắn như vậy, Huysmans nghĩ.

Nỗi bất an mơ hồ dâng lên trong lòng anh. Thứ đó đang đứng đưa phía trên trạm dừng, ngay dưới những sợi dây cáp và ròng rọc, như thể lơ lửng giữa không trung. Trông nó như một con bướm khổng lồ, một con bướm đen tai ác làm vấy bẩn sự tinh khôi của tuyết và bầu trời.

“Chết tiệt! Cái quái gì thế?”

Cabin chuẩn bị dừng hẳn. Họ đã gần tới nơi. Hình thù nọ lớn dần lên.

“Trời đất quỷ thần ơi!”

Không phải con bướm, hay con chim.

Cabin dừng lại, cửa tự động trượt mở. Luồng gió giá buốt dày đặc tuyết quất vào mặt họ. Nhưng không ai bước ra, chỉ đứng đó trân trân nhìn tác phẩm của điên rồ và cái chết. Họ biết mình sẽ không bao giờ

quên được cảnh tượng đang chứng kiến.

Gió gào thét xung quanh. Âm thanh Huysmans nghe thấy giờ không còn là tiếng khóc hờn của trẻ con, mà là nỗi thống khổ, thét gào ghê rợn lẫn khuất trong tiếng gió hú. Bọn họ đều giật lùi vào cabin. Nỗi sợ hãi ập thẳng xuống như đầu máy sùng sục hơi nước. Huysmans lao tới điện đài và ấn ống nghe vào tai.

“Có phải nhà máy điện không? Huysmans đây! Gọi sen đầm*, mau! Bảo họ lên đây ngay lập tức. Có một xác chết. Kinh khủng chưa từng thấy!”

PHẦN I
QUÝ NGÀI MÊ NGỰA



Dãy Pyrenees*. Diane Berg nhìn những ngọn núi lờ mờ hiện ra khi lái xe qua đồi. Phía trước khá xa có một hàng rào trắng trải dài hết bề ngang của đường chân trời, bị những ngọn đồi cắt đứt đoạn như những đợt sóng xô. Một con chim săn mồi lần đuổi từng vòng trên không trung.

9 giờ sáng, mùng 10 tháng Mười hai.

Theo bản đồ đường bộ trên bảng điều khiển, cô phải rẽ vào chỗ ngoặt tiếp theo và tiến về hướng Nam, hướng Tây Ban Nha. Cô không có GPS hay máy theo dõi hành trình trên chiếc Lancia quý báu của mình. Cô thấy một biển báo trên đường: LỐI RA 17, MONTRÉJEAU, TÂY BAN NHA, 1000 M.

Đêm trước, Diane đã ở lại Toulouse. Một khách sạn giá rẻ, căn phòng chật chội với chiếc tivi nhỏ xíu và một bồn tắm bằng nhựa đúc. Nửa đêm, cô chợt giật mình tỉnh giấc bởi những tiếng gầm gào liên hồi. Tim đập thình thịch, cô cảnh giác ngồi dậy, tựa lưng vào đầu giường, nhưng cả khách sạn vẫn chìm trong thình lặng. Ngay khi cô bắt đầu nghĩ có lẽ mình vừa mơ thì tiếng gầm gào lại đột ngột vang lên, rùng rợn hơn bao giờ hết. Ruột gan cô thắt lại. Rồi cô nhận ra đó chỉ là lũ mèo đánh nhau dưới cửa sổ phòng mình. Nhưng Diane không tài nào ngủ tiếp được. Mới hôm qua cô vẫn còn ở Geneva, mở tiệc chia tay đồng nghiệp và bạn bè. Cô đã nhìn khắp khuôn viên trường từ cửa sổ căn phòng kí túc, tự hỏi quang cảnh nhìn ra từ căn phòng sắp tới của mình sẽ ra sao. Trong bãi đỗ xe của khách sạn, khi đang mở khóa chiếc Lancia, nước tuyết tan trên nóc chảy xuống đầy thân xe, Diane bỗng nhận ra mình đang bỏ lại tuổi trẻ phía sau. Và cô biết, chẳng cần đến quá hai tuần, cô sẽ quên hẳn cuộc đời trước đó của mình. Vài tháng nữa kể từ thời điểm này, cô sẽ thay đổi, toàn diện hơn và sâu sắc hơn. Cứ xét đến nơi cô sẽ sống trong

mười hai tháng tới, làm sao có thể khác được đây? “Hãy cứ là chính mình,” bố cô đã khuyên như vậy. Khi ra khỏi trạm dừng chân bé xíu và quay lại đường lớn, cô tự hỏi liệu những thay đổi ấy có tích cực không. Ai đó đã từng nói, có những sự thích nghi giống như phẫu thuật cắt bỏ chỉ, và cô chỉ có thể hy vọng trường hợp của mình không giống vậy.

Cô không thể ngừng nghĩ đến Viện.

Cùng những người bị giam bên trong.

Suốt cả ngày hôm trước, Diane bị ám ảnh bởi suy nghĩ, “Mình sẽ chẳng bao giờ làm được. Mình không đủ khả năng. Ngay cả khi đã chuẩn bị tinh thần, và là người giỏi nhất cho vị trí đó, mình vẫn hoàn toàn không biết phải mong đợi gì nữa. Bọn họ sẽ nhìn thấu mình.”

Trong suy nghĩ của cô, họ hiện ra với tư cách là con người, chứ không phải... quái vật.

Thế nhưng họ đúng là như vậy. Quái vật thực sự, hoàn toàn khác với cô, với bố mẹ cô cũng như tất cả những người cô biết. Như sự khác nhau giữa hổ và mèo.

Những con hổ...

Đó là những gì cô phải nghĩ về họ: nguy hiểm, chẳng thể đoán định và có thể trở nên tàn ác tới mức không hình dung nổi. Những con hổ bị giam cầm trong núi...

Khi đến trạm thu phí cầu đường, cô phát hiện ra mình bị những suy nghĩ ấy cuốn đi đến mức không nhớ đã để vé ở đâu. Nhân viên thu phí cúi bần nhìn Diane điên cuồng lục tìm tấm vé trong học đựng đồ phía trước tay lái và trong túi xách. Nhưng cũng chẳng việc gì phải vội, nào có ai đợi phía sau đâu.

Ở vòng xuyên tiếp theo, cô hướng về phía Tây Ban Nha và dãy núi. Sau vài kilomet, đồng bằng đột ngột kết thúc. Chân núi đầu tiên của dãy Pyrenees trồi lên từ trên mặt đất. Hai bên đường là những đồi cây tròn trịa, thấp lùn đối lập hẳn với những đỉnh núi cao nhấp nhô đằng xa. Thời tiết cũng thay đổi, tuyết rơi mỗi lúc một dày.

Cô ra khỏi một khúc quanh. Trước mặt đột ngột hiện ra khung cảnh hùng vĩ của sông, rừng và những khoảnh đất trắng xóa. Diane bắt gặp

một nhà thờ theo phong cách Gothic nằm trên đỉnh đồi giữa một ngôi làng nhỏ. Chiếc cần gạt nước quét qua mặt kính chắn gió khiến khung cảnh nhìn qua đó trông na ná một bức tranh khắc gỗ cũ kĩ. Spitzner đã cảnh báo cô, “Dãy Pyrenees không giống với đất Thụy Sĩ đâu.”

Đọc lè đường, những cơn tuyết chất cao hơn bao giờ hết. Diane thấy những ánh đèn nhấp nháy qua màn tuyết trước khi gặp rào chắn. Tuyết rơi mù mịt. Cảnh sát đứng ở chỗ tuyết dày nhất, vẫy những chiếc đèn còi sáng đèn. Diane nhận thấy họ đều mang vũ khí. Một chiếc xe tải và hai xe máy đang đỗ trên đám tuyết bên lề đường, dưới hai cây thông cao. Cô hạ cửa kính xuống, ghé xe ngay lập tức bị những bông tuyết dày và xộp thấm ướt.

“Phiên cô xuất trình giấy tờ.”

Diane nhào người về phía học đưng đờ. Cô có thể nghe thấy chuỗi thông báo rè rè trên đài phát thanh, hòa nhịp đều đều của hai cái cần gạt nước và những tiếng phản đối âm xì của ống xả ô tô. Hơi ẩm lạnh buốt phủ lên mặt cô.

“Cô là phóng viên à?”

“Tôi là chuyên gia tâm lý. Tôi đang trên đường đến Viện Wagnier.”

Viên cảnh sát tựa lên cửa sổ xe, chăm chú quan sát cô. Đó là một người to lớn, tóc vàng, phải cao trên 1m80. Sau lớp âm thanh phát ra trên đài, cô vẫn nghe được tiếng con sông ào ạt chảy qua cánh rừng.

“Cô làm gì ở nơi khi ho cò gáy này? Thụy Sĩ cũng đâu có gần đây.”

“Viện đó là bệnh viện tâm thần, còn tôi là chuyên gia tâm lý, anh thấy có gì liên quan không?”

Anh ta trả lại giấy tờ cho cô, “Của cô đây, cô có thể đi được rồi.”

Khi khởi động xe, cô thắc mắc không biết có phải lúc nào lực lượng sen đầm Pháp cũng kiểm tra tài xế thế này không, hay đã xảy ra chuyện gì đặc biệt. Con đường lượn qua một vài khúc quanh, men theo dòng sông (gọi là ‘Gauve’ theo như cuốn sách hướng dẫn của cô), uốn lượn qua những hàng cây. Rồi cánh rừng biến mất, nhường chỗ cho vùng đồng bằng chạy dài ít nhất 5 kilomet. Một đại lộ thẳng tắp dẫn qua các cây xăng và mấy khu cắm trại bỏ hoang. Băng rôn bay phàn phật trong gió.

Những ngôi nhà xinh đẹp mang dáng dấp nhà gỗ trên dãy Alps của Thụy Sĩ. Một chuỗi biển quảng cáo lớn huênh hoang về một khu nghỉ dưỡng trượt tuyết gần đó. SAINT-MARTIN-DE-COMMINGES, NĂM CHÍNH GIỮA THUNG LŨNG, DÂN SỐ 20.863 NGƯỜI. Tâm biển sắc sảo cho biết.

Bên trên ngôi làng, lớp lớp mây xám che khuất những đỉnh núi. Thỉnh thoảng mây bị xé rách bởi một quầng sáng như thể đang đéo tạc từng chóp nhọn trên ấy. Ở vòng xuyên đầu tiên, Diane lái xe qua biển chỉ dẫn đến trung tâm thị trấn và đi vào con đường nhỏ bên phải phía sau một tòa nhà có cửa sổ lớn gắn chữ bằng đèn nê ông: THẾ THAO & THIÊN NHIÊN. Có vài người đi bộ quanh đó và rất nhiều ô tô đang đỗ. “Đó không phải là nơi tiêu khiển cho một cô gái trẻ.” Cô nhớ lại lời thầy Spitzner, trong lúc lái xe dọc phố với tiếng càn gạt nước đều đều, quen thuộc và khiến lòng yên ổn.

Con đường bắt đầu dốc lên. Cô thoáng thấy những mái nhà lộn xộn xô nhau ở cuối con dốc. Trên mặt đất, tuyết tan thành từng vũng bùn đen bắn tóe dưới gầm xe. “Mày có chắc mày muốn đến đó không, Diane? Sẽ không giống Champ-Dollon lắm đâu.” Champ-Dollon là tên một nhà tù ở Thụy Sĩ, nơi cô đã thực hiện rất nhiều ca giám định pháp lý và tiến hành một nghiên cứu với nhóm đối tượng tội phạm tình dục ngay sau khi lấy được tấm bằng tâm lý học. Cô phải làm việc với những tên hiếp dâm hàng loạt, tội phạm ấu dâm, những ca lạm dụng tình dục trong gia đình (cách gọi chính thống của hành vi hiếp dâm loạn luân). Cô cũng được mời làm giám định viên liên kết, chuyên tiến hành các cuộc kiểm tra về độ chính xác trong lời khai của trẻ vị thành niên tự nhận là nạn nhân của hành vi lạm dụng tình dục. Và cô đã kinh hãi khám phá ra rằng, đối với những công việc kiểu như vậy, sự phỏng đoán về mặt tư tưởng và đạo đức của chính giám định viên có thể dễ dàng bóp méo bản chất của vấn đề, và trong trường hợp ấy, tính khách quan sẽ bị phương hại nghiêm trọng.

“Tôi được nghe nhiều điều kì lạ về Viện Wargnier,” Spitzner từng nói.

“Em có nói chuyện với bác sĩ Wargnier qua điện thoại. Ông ta đã để

lại ấn tượng rất tốt với em.”

“Wargnier rất tốt,” Spitzner thừa nhận.

Dù vậy, cô biết ông không còn ở đó để chào đón cô. Thay vào đó sẽ là viện trưởng kế nhiệm, bác sĩ Xavier, một người Québec đến từ Viện Pinel ở Montreal. Wargnier nghỉ hưu được sáu tháng nay, trước đó ông chính là người đã duyệt và chấp nhận đơn xin việc của cô. Ông cũng cảnh báo với cô về mức độ khó khăn của công việc qua vô số cuộc điện thoại trao đổi giữa họ.

“Đây không phải là nơi dễ thở với một phụ nữ trẻ, bác sĩ Berg. Tôi không chỉ nói mỗi Viện thôi đâu, ý tôi là cả khu vực xung quanh. Cái thung lũng ấy... Saint-Martin. Cô sẽ ở trên dãy Pyrenees, thuộc vùng Comminges. Mùa đông rất dài và không có gì nhiều để giải trí. Tất nhiên là trừ khi cô thích các môn thể thao mùa đông.”

“Cháu là người Thụy Sĩ, bác đừng quên chứ,” cô hóm hỉnh trả lời.

“Nếu vậy, tôi có một lời khuyên cho cô. Đừng để công việc cuốn đi, hãy dành thời gian cho bản thân, và ra ngoài khi rảnh rỗi. Đây là nơi có thể trở nên... phiền nhiễu... theo thời gian.”

“Cháu xin ghi nhớ.”

“Còn một điều nữa. Tôi sẽ không ở đây giúp cô ổn định công việc. Người kế nhiệm tôi, bác sĩ Xavier ở Montreal sẽ nhận vinh hạnh này. Anh ta là một bác sĩ danh tiếng và theo kế hoạch thì sang tuần sẽ đến đây. Một người rất nhiệt tình. Cô biết đấy, ở đó, họ vượt xa chúng ta trong việc điều trị cho các bệnh nhân hay gây hấn. Tôi nghĩ sẽ rất thú vị nếu cô có thể đối chiếu quan điểm của đôi bên.”

“Cháu đồng ý.”

“Dù sao thì lâu nay chúng tôi vẫn cần một trợ lý cho giám đốc tổ chức. Tôi không đủ người để giao việc.”

Diane lại chạy xe dưới một tán cây khác. Con đường tiếp tục dốc lên cho đến khi gặp một thung lũng nhỏ hẹp mọc đầy cây, như thể bị vây hãm trong sự cô lập đến ngọt ngào và hung hiểm. Diane hạ cửa kính, hương thơm của lá kim, rêu và tuyết ẩm tràn vào mơn trớn mũi cô. Tiếng dòng nước ào ạt cách đó không xa gần như nhấn chìm tiếng gầm

gừ của động cơ.

“Một nơi cô quanh,” cô nói lớn với chính mình để tự tiếp thêm can đảm.

Cô thận trọng lái xe xuyên qua vẻ u ám của buổi sáng mùa đông. Ánh đèn pha trượt trên các thân sồi và lãnh sam. Một sợi cáp chạy dọc con đường, lá cành ngã vào nó như thể không còn chút sức lực nào để tự chống đỡ. Đôi lúc, cánh rừng lại hé ra, để lộ một nhà kho bỏ hoang có mái đá phủ đầy rêu phong.

Cô thoáng thấy mấy tòa nhà nữa ở phía xa. Đi qua khúc ngoặt, chúng càng hiện ra rõ hơn. Vài ngôi nhà bằng gỗ và bê tông tựa lưng vào khu rừng, với cửa sổ lớn ở tầng trệt. Phải đi hết đường mòn dẫn xuống từ đường cái, qua một chiếc cầu kim loại bắc ngang dòng nước xiết rồi một vùng đồng bằng tuyết phủ để tới những ngôi nhà đó. Hiển nhiên, chúng cũng bị bỏ phế, mục nát. Cô không biết tại sao, nhưng những ngôi nhà trông trải, lạc sâu trong thung lũng như thế khiến cô bất giác rùng mình.

TRẠI HÈ LESISARJDS. Tám biển ở lối vào đường mòn đã gỉ sét. Vẫn không có dấu hiệu gì của Viện Wagnier. Chẳng có lấy một tấm biển chỉ đường. Như thể nơi ấy không thực sự muốn thế giới biết đến. Diane bắt đầu băn khoăn có phải cô đã đi sai hướng không. Bản đồ tỷ lệ 1/25.000 của Viện Địa lý Quốc gia trải trên chiếc ghế phụ ngay cạnh cô. Sau một kilomet và vài khúc ngoặt, cô phát hiện ra một góc đỗ xe bên đường được viền lại nhờ lớp tường bao quanh bằng đá. Cô giảm tốc và bẻ lái. Chiếc Lancia nảy qua ổ gà, khuấy tung bùn đất. Cô vớ lấy bản đồ và xuống xe. Không khí ẩm ướt vây lấy cô như một tấm ga giường.

Mặt tuyết rơi, cô mở bản đồ ra. Những tòa nhà của khu trại hè được quy hoạch thành ba hình chữ nhật nhỏ. Cô áng chừng khoảng cách mình đã đi qua theo tuyến tính lộ quanh co. Dựa vào miêu tả trong bản đồ, có hai hình chữ nhật nằm ngay phía trước. Chúng gặp nhau tạo thành hình chữ T. Mặc dù không có chỉ dẫn nào thêm về hai tòa nhà, chỗ đó khó có thể là gì khác ngoài Viện, bởi con đường kết thúc ở điểm ấy và chẳng còn biểu tượng nào khác trên bản đồ.

Cô đã gần đến nơi...

Cô quay người, đi bộ tới cuối tường chắn, và thấy hai tòa nhà bằng đá. Chúng nằm trên con dốc, bên kia bờ suối, gần về phía thượng nguồn. Dù khoảng cách khá xa, cô vẫn cảm nhận được quy mô đồ sộ ấy. Một công trình kiến trúc của người khổng lồ. Đây chính là kiểu kiến trúc đá Cyclopean có thể bắt gặp ở hầu như bất cứ vùng núi nào, dù là nhà máy điện, đập nước hay khách sạn được xây dựng từ thế kỉ trước. Chính là nó, hang ổ của tên khổng lồ một mắt*. Chỉ khác là sâu trong cái hang ấy không chỉ có một Polyphemus*, mà có đến vài tên.

Diane không phải là người dễ bị tác động. Trước đây, cô thường lui tới những địa điểm không khuyến khích du khách thăm thú. Từ thời niên thiếu, cô đã tích cực luyện tập các môn thể thao có mức độ mạo hiểm nhất định. Và luôn mang trong mình sở thích phiêu lưu. Nhưng có gì đó ở quang cảnh trước mặt khiến ruột gan cô quặn lại. Không phải một nguy cơ hữu hình. Không, là cái gì đó khác. Một nỗi sợ mơ hồ hoang hoải...

Cô lấy điện thoại ra và bấm số. Không biết trong khu vực có trạm phát sóng nào không, nhưng sau ba tiếng chuông, một giọng nói quen thuộc trả lời. “Spitzner nghe.”

Cô lập tức thấy lòng nhẹ nhõm. Giọng nói ấm áp, mạnh mẽ, điềm đạm của ông luôn xoa dịu và xua đuổi những mối hồ nghi trong cô. Đó là Pierre Spitzner, thầy hướng dẫn của cô tại khoa, người đầu tiên truyền cho cô niềm hứng thú với tâm lý học pháp lý. Chính khóa học Socrates chuyên sâu về quyền trẻ em, dưới sự bảo hộ của Ủy ban Quyền Trẻ em châu Âu trong mạng lưới liên kết giữa các trường đại học, đã cho cô cơ hội tiếp xúc và trở nên thân thiết với người đàn ông thông thái, quyến rũ, đồng thời cũng là một đức lang quân tận tâm và là bố của bảy đứa nhỏ này. Nhà tâm lý học nổi danh đã thu nhận cô về kèm cặp tại khoa Tâm lý và Khoa học Giáo dục. Ông đã giúp con nhộng hóa bướm, mặc dù hình ảnh này chắc chắn là quá tầm thường, chưa đủ để so sánh với trí tuệ và sự đòi hỏi khắt khe của Spitzner.

“Diane đây ạ. Em có làm phiền thầy không?”

“Đương nhiên là không. Thế nào rồi?”

“Em chưa đến nơi. Em vẫn đang trên đường... Từ đây em có thể nhìn thấy Viện.”

“Có chuyện gì sao?”

Lạy Thánh Peter lòng lạnh. Ngay cả qua điện thoại, ông vẫn nhận thấy sự dao động dù là nhỏ nhất trong giọng nói của cô.

“Không ạ, mọi chuyện đều ổn. Chỉ hiem... mục đích của họ là cách ly các bệnh nhân khỏi thế giới bên ngoài. Người ta đã giam giữ bọn họ ở nơi hẻo lánh, quái gở nhất. Thung lũng này khiến em nổi gai ốc.”

Vừa dứt lời, cô đã thấy hối hận. Cô đang hành xử như một đứa trẻ mới lớn lần đầu tự lực, hoặc như cô sinh viên đem lòng yêu thầy hướng dẫn của mình trong vô vọng và cố làm mọi việc để thu hút sự chú ý của ông. Cô tự nhủ, chắc hẳn ông đang băn khoăn không biết cô sẽ đương đầu ra sao khi mới nhìn thấy tòa nhà thôi đã phát hoảng lên rồi.

“Tiến lên đi chứ,” ông nói. “Em đã gặp đủ loại người hoang tưởng, tâm thần phân liệt và lạm dụng tình dục, không phải sao? Hãy tự nhủ rằng sẽ không có bất cứ khác biệt nào ở nơi đó hết.”

“Không phải tất cả bọn họ đều là kẻ sát nhân. Thực tế, chỉ có một trong số đó.”

Hình ảnh của hắn đột ngột xuất hiện trong tâm trí cô. Một khuôn mặt gầy guộc, đôi đồng tử màu mật ong chăm chăm nhìn cô với sự thèm khát của kẻ săn mồi. Kurtz quả thực là một tên thái nhân cách* phản xã hội. Kẻ duy nhất mà cô từng gặp. Máu lạnh, tàn độc và bất định. Không hề biết ăn năn hối lỗi. Hắn đã cưỡng hiếp và giết ba bà mẹ, người trẻ nhất 46 tuổi và già nhất 75 tuổi. Đó là sở thích của hắn, những phụ nữ trưởng thành. Chưa kể đến dây thừng, dây trói, bịt miệng, thòng lọng... Mỗi lần cô gắng sức gạt bỏ suy nghĩ về hắn, nụ cười mờ ám và tia nhìn man dại của hắn lại càng bám rễ trong ý thức của cô. Điều đó nhắc cô nhớ đến tấm biển Spitzner ghim trên cửa văn phòng của ông ở tầng hai của khoa Tâm lý: ĐỪNG NGHĨ ĐẾN CON VOI.

“Bây giờ đối ý chẳng phải đã quá muộn rồi sao, Diane?”

Lời ông nói khiến má cô ửng đỏ.

“Em sẽ làm được thôi, tôi chắc chắn. Kinh nghiệm và bằng cấp của em lý tưởng cho công việc đó. Tôi không nói mọi việc sẽ dễ dàng, nhưng em có thể xoay xử được, tôi biết mà.”

“Thầy nói đúng,” cô nói. “Em đúng là nực cười.”

“Không hề. Bất cứ ai ở trong hoàn cảnh của em cũng phản ứng như vậy thôi. Tôi biết Wargnier tai tiếng thế nào. Đừng để tai tiếng ấy ảnh hưởng đến em. Cứ tập trung vào công việc của mình. Và khi em quay lại đây, em sẽ trở thành chuyên gia giỏi nhất nước về rối loạn thái nhân cách. Tôi phải dừng ở đây thôi. Chủ nhiệm khoa đang đợi để đến nói chuyện về vấn đề tài chính. Em biết ông ấy đấy, tôi cần tập trung toàn bộ tinh thần. Chúc em may mắn, Diane. Nhớ giữ liên lạc nhé.”

Tiếng điện thoại tút dài. Ông đã gác máy.

Sự tĩnh lặng của không gian xung quanh, duy có tiếng dòng chảy quáy rày, phủ vây lấy Diane như một tấm bọt ướm. Một tảng tuyết lớn từ một cành cây rơi tòm xuống khiến cô giật thót. Cô bỏ di động vào túi áo khoác, gấp bản đồ lại rồi vào xe.

Sau đó cô quay xe để rời khỏi chỗ đỗ.

Đường hầm. Ánh đèn pha ô tô chiếu qua những bức tường đen tuôn nước chảy thành dòng. Không có đèn đường, chỉ thấy một khúc ngoặt đột ngột bỏ lại đường hầm phía sau. Chiếc biển báo đầu tiên rớt cuộc cũng xuất hiện trên một hàng rào trắng: VIỆN TÂM THẦN HỌC PHÁP LÝ CHARLES WARGNIER. Cô chậm rãi bẻ lái và đi qua một cây cầu. Con đường bất ngờ dốc đứng, tiếp đến là những khúc quanh tay áo qua những cây lãnh sam và cùn tuyết, cô e chiếc xe cà tàng của mình sẽ trượt bánh trên con dốc phủ băng. Xe của cô không có lớp chống trượt hay được bọc xích để đi trên tuyết. Nhưng thật may, con đường nhanh chóng bằng phẳng trở lại.

Một khúc quanh nữa thôi và họ ở ngay đó, rất gần rồi. Cô ngả người sâu vào lòng ghế khi những tòa nhà chào đón cô qua màn tuyết, sương mù và rừng rậm.

11 giờ 15 phút, sáng thứ Tư, ngày mùng 10 tháng Mười hai.



Những cây lãnh sam phủ đầy tuyết. Nhìn từ trên xuống, ở phương thẳng đứng, một dải đường thẳng tắp dần hiện ra, dẫn sâu vào giữa đám lãnh sam. Thân cây ngập trong sương mù, ngọn cây ngả nghiêng vi vút. Nơi đó ở tận cuối con đường, chính giữa hàng cây. Chiếc xe Jeep Cherokee như một chú bọ cánh cứng béo mẫm chạy qua những gốc cây lá kim cao lớn. Cặp đèn pha chiếu xuyên qua màn sương mù vẩn vít. Xe ủi tuyết đã để lại những đụn tuyết khổng lồ ở cả hai bên đường. Đàng xa, những rặng núi trắng xóa che khuất đường chân trời. Cánh rừng đột ngột kết thúc. Con đường vắn mình thành một khúc ngoặt gấp uốn quanh con dốc đầy sỏi đá rồi tiếp tục chạy dọc theo một dòng nước xiết. Dòng chảy dẫn đến một con đập nhỏ toàn nước đục ngầu. Xa thêm một quãng là cửa vào nhà máy thủy điện nằm phía bên kia miệng núi. Ven đường có một tấm biển chỉ dẫn: SAINT-MARTIN-DE-COMMINGES, XỨ SỞ GẤU, 7 KM.

Servaz nhìn tấm biển khi lái xe ngang qua. Một chú gấu núi Pyrenees được vẽ trên nền núi và lãnh sam.

Gấu núi Pyrenees, phải rồi! Đúng hơn là gấu nâu Slovenia, loài vật sẽ khiến những người chần chừ địa phương vui sướng vô ngần khi thấy chúng dưới họng súng của mình. Những người chần chừ nói, lũ gấu lảng vảng quá gần những khu dân cư, chúng tấn công đàn gia súc, thậm chí còn trở thành mối nguy hại với con người. Giống loài duy nhất nguy hiểm đối với con người chính là con người, Servaz thầm nghĩ. Mỗi năm trôi qua anh lại thấy số lượng thi thể tăng thêm trong nhà xác Toulouse. Họ không chết vì lũ gấu. *Sapiens nihil affirmat quod non probet* (người khôn ngoan không nói điều mình không biết chắc chắn), anh trầm ngâm. Anh giảm tốc khi con đường đánh một vòng rồi dẫn trở vào cánh rừng, không còn những cây lá kim cao lớn, mà đây bụi cây còi cọc

nhang khác nhau. Cách đó không xa vọng đến tiếng suối chảy róc rách. Anh có thể nghe thấy âm thanh đó qua khung cửa sổ đang hé mở bất chấp thời tiết lạnh giá bên ngoài. Hợp âm trong trẻo gần như lần át thứ nhạc phát ra từ đầu đĩa CD, *Bản giao hưởng số 5* của Mahler, tiết tấu nhanh. Một bản nhạc đầy khắc khoải và nồng nhiệt, có vẻ thích hợp với những gì đang chờ đợi anh ở phía trước.

Bỗng nhiên, ánh đèn xoay tít của xe cảnh sát và những cái bóng vẫy vẫy cúi phát sáng hiện ra trước mắt. Mấy tên sen đầm vô dụng...

Khi lực lượng sen đầm không biết phải bắt đầu một cuộc điều tra từ đâu, họ sẽ dựng rào chắn. Anh nhớ lại lời Antoine Canter nói sáng nay tại tổ hình sự Toulouse, “Chuyện xảy ra vào tối qua, trên dãy Pyrenees. Cách Saint-Martin-de-Comminges vài cây số. Cathy d’Humières cho biết đây. Tôi nghĩ cậu đã từng làm việc với bà ta rồi phải không?”

Canter là một gã đàn ông to lớn, với chất giọng thô ráp của miền Đông Nam. Một cựu cầu thủ bóng bầu dục thích chơi xấu, chuyên ẩu đả với đối thủ, và là một tên cớm đã leo từ hạng bét lên vị trí phó phòng cảnh sát. Má ông ta đầy vết rỗ li ti, như cát rỗ dưới cơn mưa, đôi mắt cự đà to tướng chăm chú quan sát Servaz.

“Chuyện xảy ra? Cái gì xảy ra?” Servaz hỏi.

Hai khóe miệng bám đầy lớp mốc trắng của Canter hé mở, “Không biết.”

Servaz trân trối nhìn ông ta, “Ý anh là gì?”

“Bà ta không chịu nói qua điện thoại, chỉ bảo là đang đợi cậu và muốn có toàn quyền quyết định trong việc này.”

“Thế thôi?”

Servaz hoang mang nhìn sếp mình. “Saint-Martin, chẳng phải là chỗ có cái trại thương điên sao?”

“Viện Wargnier.” Canter xác nhận, “Một cơ sở điều trị tâm thần đặc biệt ở Pháp, thậm chí cả châu Âu. Đó là nơi họ nhốt bọn sát nhân đã bị kiềm chế đến mất trí.”

Có kẻ đã chạy trốn và gây án dọc đường? Ra là vì thế mà các trạm kiểm soát được dựng lên quanh đây. Servaz chạy chậm lại. Anh nhận ra

những khẩu tiểu liên MAT 49 và súng săn Browning BPS-SP trong số vũ khí của mấy người sĩ quan. Anh hạ cửa kính xe xuống. Hàng ngàn bông tuyết đang lơ lửng trong không trung lạnh lẽo. Anh vẫy cái thẻ cảnh sát của mình trước mặt viên sĩ quan.

“Đi đường nào?”

“Anh phải đi tới nhà máy thủy điện.” Người đàn ông lớn giọng để át đi những thông điệp đang phát ra từ những chiếc radio, hơi thở đông lại thành những đám mây trắng đặc quánh. “Cách đây khoảng 12 kilomet, đường núi. Ở vòng xuyên đầu tiên trên đường vào Saint-Martin, anh rẽ phải. Tiếp tục rẽ phải ở vòng xuyên thứ hai. Đi theo biển chỉ đường đến Lac d’Astau. Sau đó cứ việc đi thẳng.”

“Mấy cái rào chắn này là ý tưởng của ai thế?”

“Công tố viên. Thông lệ ấy mà. Chúng tôi mở cốp xe, kiểm tra giấy tờ. Biết đâu đấy.”

“Ra vậy,” Servaz ngờ vực nói.

Anh khởi động lại xe, tăng âm lượng đầu đĩa CD. Những tiếng kèn của đoạn khúc *Scherzo** lấp đầy không gian nhỏ bé. Anh rời mắt khỏi con đường trong giây lát để lấy cà phê lạnh đặt sẵn trên giá. Lần nào cũng cùng một nghi thức, anh luôn chuẩn bị sẵn sàng cho mình theo cách đó. Theo kinh nghiệm của anh, ngày đầu tiên và giờ đầu tiên của một cuộc điều tra luôn mang tính chất quyết định. Đó là thời điểm anh buộc phải tỉnh táo, tập trung và sáng suốt. Cà phê để tỉnh táo, âm nhạc để tập trung và giúp đầu óc anh nhẹ nhõm.

Cà phê và âm nhạc... hôm nay, những cây lãnh sam và tuyết, anh vừa nghĩ vừa nhìn vệ đường, cảm nhận những cơn quặn thắt đầu tiên trong dạ dày. Servaz là dân thị thành đúng nghĩa. Với anh, núi non gần như một lãnh thổ thù địch. Tuy vậy, anh nhớ rằng không phải lúc nào cũng thế. Hồi còn nhỏ, năm nào bố cũng đưa anh lên mấy thung lũng này dạo chơi. Như một người thầy, ông giảng giải mọi điều về cây cối, đất đá và cả những đám mây, Martin Servaz bé nhỏ lắng nghe còn mẹ cậu trải một tấm khăn lên thảm cỏ mùa xuân và mở chiếc giỏ dã ngoại, trên chông mình là nhà thông thái rởm nhằm chán. Những tháng ngày

thanh bình khi thơ ngây ngự trị thế giới. Chăm chú nhìn đường, Servaz tự hỏi phải chăng lý do thực sự cho việc anh không bao giờ trở lại đây chính là vì hồi ức về những thung lũng này gắn chặt với kỉ niệm về bố mẹ.

Vì Chúa, khi nào mà mới chịu bắt tay vào việc dọn sạch đồng suy nghĩ hỗn độn, phức tạp đó đây?

Có một khoảng thời gian anh đã đi gặp bác sĩ tâm lý. Tuy nhiên, sau ba năm, chính ông bác sĩ ấy cũng phải giơ cờ trắng, “Tôi rất tiếc, tôi muốn giúp anh nhưng không thể. Tôi chưa gặp trường hợp nào có sức kháng cự lớn như thế.” Servaz cười và nói rằng không vấn đề gì. Thời điểm đó anh nghĩ, ảnh hưởng tích cực nhất trong việc chấm dứt điều trị chính là giữ gìn được túi tiền của mình.

Anh lại nhìn ra xung quanh. Quá đủ cho cái khung ròi, chỉ còn thiếu bức tranh nữa thôi. Canter bảo ông ta không biết gì hết. Còn Cathy d’Humières, trưởng công tố của Saint-Martin, lại khăng khăng bắt anh đến một mình. Tại sao? Tuy vậy, anh sẽ không nói với bà rằng anh thích thế hơn. Anh phụ trách một tổ điều tra gồm bảy người, và bảy người đó (sáu người đàn ông và một phụ nữ) đã có quá đủ việc để làm ròi. Hôm trước, họ vừa nhận điều tra về cái chết của một người vô gia cư. Thi thể được tìm thấy trong hồ với nửa người ngập nước và bị đánh bầm giập. Cái hồ cách không xa đường cao tốc gần làng Noé mà Servaz vừa đi qua. Chưa đầy bốn mươi tám tiếng sau, họ đã tìm ra thủ phạm. Có người nhìn thấy một ông lão lang thang, khoảng hơn 60 tuổi, đi cùng ba thiếu niên trong làng vài giờ trước khi chết. Đứa lớn nhất 17 tuổi, nhỏ nhất 12 tuổi. Ban đầu chúng phủ nhận, nhưng ròi cũng nhanh chóng thú tội. Không có động cơ. Cũng không hề hối lỗi. Đứa lớn nhất chỉ nói, “Lão ta là phé phẩm của xã hội, một tên ăn mày...” Không ai trong số chúng có tên trong hồ sơ lưu của cảnh sát hay bất cứ cơ quan công quyền nào. Con nhà tử tế, được học hành đầy đủ, không giao du với đám côn đồ. Tất cả những người tham gia điều tra đều nói rằng sự bàng quan của bọn trẻ đã biến chúng thành sát thủ máu lạnh. Servaz vẫn có thể hồi tưởng lại khuôn mặt phúng phính của chúng, những đôi mắt to nhạt màu chăm chú nhìn anh không chút sợ hãi, thậm chí còn

ngang ngược. Anh đã cố tìm ra tên đầu sỏ, những vụ việc kiểu này luôn có một kẻ cầm đầu, và anh cho rằng anh đã đoán ra. Đó không phải là đứa lớn nhất, mà là đứa ở giữa. Trớ trêu thay, lại là một thằng bé tên là Clément*...

“Đứa nào khai ra bọn tôi?” Thằng bé hỏi, trước sự chứng kiến của luật sư bào chữa. Ông này đang gặp trở ngại trong công tác vì thằng bé từ chối nói chuyện với ông theo đúng quyền của nó, với cái cơ ông ta là người ‘có lớn mà không có khôn’.

“Tôi mới là người đặt câu hỏi ở đây,” viên cảnh sát nói.

“Tôi cá là bà già Schmitz, đúng là đồ cặn bã.”

“Bình tĩnh lại và ăn nói cho cẩn thận,” luật sư lên tiếng. Ông ta được bố thằng bé mời về.

“Đây không phải trường học,” Servaz nhắc nhở. “Cháu biết những rủi ro mình phải gánh chịu không, cháu và các bạn của cháu?”

“Đây là trường hợp vị thành niên,” luật sư yếu ớt kháng nghị.

“Bà ta sẽ bị bắn nát sọ, đồ chó cái. Để xem bà ta có bị giết không. Phát điên lên được.”

“Đừng có chửi thề nữa,” luật sư quát, dường như đã mất hết bình tĩnh.

“Cháu có nghe tôi nói không?” Servaz bắt đầu thấy bực mình. “Cháu có thể sẽ phải chịu án hai mươi năm tù giam. Tính thử đi, khi ra tù, cháu đã già rồi.”

“Làm ơn,” ông luật sư nói. “Không...”

“Ý là già như ông á? Ông bao nhiêu tuổi? Ba mươi? Bốn mươi? Không tòi đâu, cái áo khoác nhung ấy! Chắc phải đáng giá cả gia tài ấy nhỉ. Sao ông cứ phải ức hiếp tôi thế? Chúng tôi không làm việc đó! Chúng tôi không làm cái mẹ gì hết! Nói thật luôn đây. Các ông có phải lũ ngu không vậy?”

Để dịu bớt cơn giận đang thiêu đốt, Servaz tự nhắc nhở bản thân rằng đây chỉ là một thiếu niên chưa từng gặp bất hạnh trong đời, chưa bao giờ đối mặt với cảnh sát, cũng không vướng phải rắc rối gì ở trường

học. Luật sư tái mặt, mồ hôi vã ra như tắm.

“Đây không phải phim truyền hình,” Servaz bình tĩnh nói. “Cháu không thoát được đâu. Mọi thứ đã được định đoạt rồi. Cháu mới là kẻ ngu ở đây.”

Bất cứ thiếu niên nào khác cũng sẽ phản ứng lại. Nhưng không phải đứa trẻ này. Không phải thằng bé Clément này. Nó thậm chí còn có vẻ không nhận ra mình bị cáo buộc vì tội gì. Servaz từng đọc nhiều bài báo nói về trẻ vị thành niên phạm tội cưỡng hiếp hoặc tra tấn nạn nhân nhưng không hề ý thức được sự khủng khiếp trong hành vi của mình, tưởng đâu mình chỉ đang gặp sự cố trong trò chơi điện tử hay game nhập vai mà thôi. Servaz không bao giờ tin trên đời lại có những đứa trẻ như thế, cho đến ngày hôm đó. Truyền thông vẫn thổi phồng như mọi khi. Còn anh phải trực tiếp đương đầu với hiện thực. Nhưng sự vô cảm của ba kẻ sát nhân nhỏ tuổi vẫn chưa phải là điều đáng sợ nhất, mà đáng sợ hơn là, trên thực tế, vụ án ấy đã chẳng còn là trường hợp cá biệt nữa. Thế giới biến thành phòng thí nghiệm khổng lồ cho những thử nghiệm điên rồ, nơi Chúa, ác quỷ, hoặc những hiện tượng siêu nhiên khuấy trộn đủ thứ trong ống nghiệm của họ.

Về đến nhà, Servaz mất một lúc lâu để lau chùi hai tay, cởi quần áo, và tốn hai mươi phút để tắm cho tới lúc hết sạch nước nóng, như thể muốn thanh tẩy chính mình. Sau đó, anh lấy tập thơ của Juvenal* trên giá sách xuống và giở bài *Satire XIII*, “Đến bao giờ con người mới thôi phơi bày thói trộm cắp, bội phản và lọc lừa, lợi lộc sinh ra từ đủ loại tội ác, và tiền bạc kiếm được từ dao găm hoặc độc dược? Bởi người lành thực hiếm hoi, còn không bằng số cổng thành Thebes*.”

Những đứa trẻ này, chính người lớn đã biến chúng thành như vậy, anh chua xót nghĩ khi đóng quyển sách lại. Tương lai của chúng sẽ ra sao đây? Tuyệt nhiên sẽ chẳng còn tương lai ấy nữa. Mọi thứ đều vứt cho chó gặm. Chúng ta có những thằng khốn chỉ lo lấp đầy két bạc và nhảy quanh màn hình tivi trong khi bố mẹ của lũ trẻ thì bị sa thải và biến thành những kẻ thất bại trong mắt con cái họ. Tại sao họ không nổi dậy? Tại sao họ không đốt hết ngân hàng, những cửa hiệu xa xỉ và các cơ quan công quyền, thay vì trường học và xe buýt?

Mình đang lý sự như một lão già lắm cảm, anh tự nhủ. Có phải bởi chỉ vài tuần nữa anh bước sang tuổi bốn mươi? Anh để cấp dưới phụ trách vụ ba đứa trẻ. Đây sẽ là sự chuyển hướng đáng mong đợi, ngay cả khi anh cũng không biết chuyện gì đang chờ mình ở phía trước.

Servaz đi theo chỉ dẫn của viên sen đêm địa phương và vòng qua Saint-Martin. Ngay sau vòng xuyên thứ hai, con đường bắt đầu dốc lên và anh thoáng thấy những mái nhà trắng trắng của ngôi làng phía dưới. Anh tấp vào lề đường rồi ra khỏi xe. Ngôi làng rộng hơn anh tưởng, trải dài khắp thung lũng. Qua bóng tối, anh chỉ lơ mơ nhìn ra những cánh đồng tuyết rộng lớn mình vừa đi qua, một khu công nghiệp và mấy địa điểm cắm trại ở phía Đông nằm bên kia sông. Còn cả mấy khu chung cư với những tòa nhà dài và thấp. Trung tâm thị trấn ken đầy những con phố nhỏ rối rắm nằm dưới chân ngọn cao nhất của dãy núi bao quanh làng. Hai tuyến cáp treo du lịch khảm dọc theo triền dốc mọc dây lãn sam thành một đường thẳng đứng.

Sương mù và hoa tuyết ngăn cách anh và ngôi làng, làm nhòe đi những chi tiết nhỏ, khiến Servaz có cảm tưởng Saint-Martin không phải là một nơi dễ dàng đón nhận người lạ, và ta phải tiếp cận nó từ một góc độ nào đó không phải là trực diện.

Anh trở lại chiếc xe Jeep. Con đường vẫn hướng lên trên. Vào mùa hè, cây cối rậm rạp, thảm thực vật, bụi gai và rêu ẩm sinh sôi mạnh đến mức khi đông xuống, tuyết cũng không thể che lấp hết màu xanh. Và khắp nơi là âm thanh của nước, những con lạch, dòng chảy, khe suối... Vẫn hạ cửa kính xe, anh đi qua vài ngôi làng có đến một nửa là đóng kín cửa sổ. Một tấm biển chỉ đường hiện ra: NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN, 4 KM.

Những cây lãn sam biến mất. Sương mù cũng vậy. Không còn cây cối, chỉ có tường băng cao bằng đầu người ở bên kia đường và một tia sáng rùng rợn lóe lên ở phương Bắc. Anh đỗ xe trên nền băng đen.

Cuối cùng nhà máy thủy điện cũng xuất hiện, với lối kiến trúc điển hình của thời đại công nghiệp. Một tòa nhà đá đậm chất Cyclopean với những ô cửa sổ hẹp và dài, bên trên lợp đá phiến đen rộng bản đang níu lại từng tảng tuyết lớn. Đằng sau, ba đường ống khổng lồ chạy thẳng lên như thể khao khát chinh phục được ngọn núi. Bãi đỗ xe chật kín. Xe

cô, người mặc đồng phục, và nhà báo. Một chiếc xe tải của kênh truyền hình địa phương lắp chảo thu phát vệ tinh trên nóc đang đỗ cùng vài chiếc ô tô không dán nhãn. Servaz để ý thấy logo máy tờ báo phía sau tấm kính chắn gió của chúng. Một chiếc Land Rover, ba chiếc Peugeot bảy chỗ, hai xe tải Transit, tất cả đều sơn màu sắc đặc trưng của cảnh sát Pháp, và một chiếc xe tải có mui đóng mở tự động mà anh nhận ra là phòng thí nghiệm lưu động thuộc tổ nghiên cứu của sen đầm tại Pau. Thêm một chiếc máy bay trực thăng đang đợi trên bãi hạ cánh.

Trước khi ra khỏi xe, anh ngắm mình trong tấm gương chiếu hậu. Đôi mắt thâm quầng và hai má hõm sâu, như thường lệ, trông anh giống một gã đã qua đêm trên phố, dù chuyện đó gần như là không thể, nhưng Servaz biết chẳng có ai nghĩ anh 40 tuổi cả. Anh lấy tay chải mái tóc nâu dày sao cho trông tử tế nhất có thể, chà xát bộ râu hai ngày chưa cạo cho tỉnh người, và xóc lại quần. Lạy Chúa lòng lành, anh lại sụt mất vài cân.

Máy bông tuyết mơn trớn hai má anh nhưng không hề giống với tuyết dưới thung lũng, chúng lạnh buốt. Anh lập tức nhận ra đáng lẽ mình nên mặc thêm quần áo ấm. Cảnh phóng viên, cùng đám máy quay và micrô, quay ra phía anh, nhưng không ai nhận ra anh và sự tò mò của họ lập tức tiêu tan. Anh tiến về phía tòa nhà, bước lên ba bậc thêm và xuất trình thẻ.

“Servaz!” Một giọng nói vọng qua sảnh ngoài như cú đại bác bắn đạn tuyết. Servaz quay về phía người đang tiến đến chỗ anh. Một phụ nữ cao và mảnh dẻ, khoảng ngoài 50 tuổi, trang phục thanh lịch, tóc nhuộm vàng, một chiếc khăn quàng cổ vắt qua áo choàng bằng lông lạc đà. Thay vì cử một cấp dưới, Catherine d’Humières đã đích thân đến, Servaz bỗng cảm thấy adrenaline đột ngột trào lên.

Nét mặt và đôi mắt sáng quắc trông hết như chú chim săn mồi. Những người không biết bà chắc sẽ sợ chết khiếp. Mà những người đã biết cũng vậy. Có lần ai đó đã nói với Servaz rằng d’Humières làm món *spaghetti alla puttanesca** tuyệt ngon. Servaz tự hỏi không biết bà cho gì vào đó. Máu người chằng?

Bà nắm tay anh một cách dứt khoát, một cái bắt tay mạnh mẽ như

giữa hai người đàn ông.

“Nói lại tôi nghe, cậu thuộc cung nào, Martin?”

Servaz cười. Lần gặp đầu tiên, khi anh mới vào làm việc tại tổ hình sự Toulouse và bà mới chỉ là phó công tố như rất nhiều người khác, bà đã hỏi anh cùng câu hỏi đó.

“Cung Ma kết.”

D’Humières giả vờ không nhận ra nụ cười của anh.

“Phải rồi, điều đó lý giải cho tính thận trọng, tự chủ và phớt tỉnh của cậu phải không?” Bà nhìn anh thăm dò. “Cứ để xem cậu có còn giữ được vẻ tự chủ và phớt tỉnh sau vụ này không.”

“Sau vụ gì?”

“Đi theo tôi, tôi sẽ giới thiệu với cậu.”

D’Humières dẫn anh xuyên qua sảnh ngoài, tiếng bước chân của họ vang vọng trong không gian rộng lớn. Tất cả những tòa nhà trên núi này được xây lên để phục vụ ai vậy? Một chủng tộc siêu nhân của tương lai chăng? Mọi thứ nơi đây dường như đều toát ra sự vững tin vào một tương lai rạng rỡ với nền công nghiệp tân tiến. Nhưng anh thâm nghĩ, kỉ nguyên của niềm tin vào tương lai đã biến mất từ lâu rồi.

Họ tiến về phía một gian phòng kính. Bên trong là những ngăn tủ đựng hồ sơ và cả tá bàn làm việc. Họ len qua chúng để nhập hội với một nhóm nhỏ ở giữa phòng. D’Humières giới thiệu: Đại úy Rémi Maillard, tổ trưởng tổ sen đầm tại Saint-Martin; Đại úy Irène Ziegler từ tổ nghiên cứu Pau; Thị trưởng Saint-Martin (một gã thấp lùn, vai rộng với mái tóc bồm xồm như sư tử và khuôn mặt bóng nhẫy); Và giám đốc nhà máy điện, một kĩ sư điển hình (tóc ngắn, đeo kính, dáng điệu thể thao, mặc áo len cổ lọ và áo khoác dài có mũ trùm đầu).

“Tôi đã đề nghị sĩ quan chỉ huy Servaz tới trợ giúp chúng ta. Khi còn là phó công tố của Toulouse, tôi vẫn thường nhờ cậy cậu ấy. Đội điều tra mà cậu ấy phụ trách đã hỗ trợ chúng tôi truy ra gốc rễ một số vụ án phức tạp.”

“Hỗ trợ chúng tôi truy ra gốc rễ...” Đúng là rất d’Humières. Luôn coi mình là trung tâm. Nhưng anh lập tức tự nhủ rằng ý nghĩ đó thật

không công bằng. Anh biết bà là một phụ nữ yêu công việc, không màng đến thời gian cũng như mồ hôi nước mắt của chính mình. Đó là điều anh trân trọng. Servaz thích những người tận tâm. Anh nhận ra mình cũng thuộc nhóm đó, tận tụy, cứng cỏi, và gần như nhàm chán.

“Sĩ quan Servaz và đại úy Ziegler sẽ cùng nhau đảm trách vụ án này.”

Servaz nhắc thấy khuôn mặt thanh tú của đại úy Ziegler cau lại. Một lần nữa anh tự nhủ vụ việc này hẳn phải rất nghiêm trọng. Một cuộc hợp tác điều tra giữa cảnh sát và lực lượng sen đầm, nguồn cơn vô tận của những mối bất hòa, ganh đua và độc chiếm bằng chứng, nhưng đó cũng là dấu hiệu cho thấy thời cơ đã đến. Và Cathy d’Humières đủ tham vọng để không bao giờ bỏ qua hơi hướng chính trị nào. Bà đã leo qua đủ các nấc thang, trợ lý công tố viên, phó công tố... và đảm nhận vị trí trưởng công tố tại Saint-Martin đã được năm năm nay, nhưng Servaz dám chắc bà không định dừng lại ở đó đâu đang làm công việc ấy rất tốt. Văn phòng ở Saint-Martin quá nhỏ, quá xa tâm điểm đối với một người có tham vọng như bà. Anh tin chắc rằng chỉ trong vòng một hay hai năm tới, bà sẽ ngồi lên ghế chánh án một tòa án cấp cao nào đó.

Anh cất tiếng hỏi, “Tìm thấy thi thể ở đây, tại nhà máy à?”

“Không,” Maillard trả lời và trở lên trần nhà. “Trên đó, trạm cuối của cáp treo ở độ cao 2.000 mét.”

“Ai đi cáp treo?”

“Công nhân đi lên để bảo trì máy móc,” giám đốc nhà máy trả lời. “Đó là một dạng nhà máy tự động được xây ngầm trong lòng đất, với hệ thống ống dẫn đưa nước từ hồ phía trên vào ba đường ống áp suất anh có thể thấy ở ngoài kia. Đi cáp treo là cách duy nhất để lên đó trong tình huống thông thường. Đương nhiên cũng có sân bay, nhưng chỉ được dùng trong trường hợp cứu thương khẩn cấp.”

“Không có đường mòn nào sao?”

“Có một con đường lên đó vào mùa hè. Nhưng vào mùa đông, lối ấy bị tuyết phủ lấp vài mét.”

“Ý anh là cho dù ai đã làm chuyện đó thì y bắt buộc phải sử dụng cáp

treo? Nó hoạt động thế nào?”

“Không thể đơn giản hơn. Mở khóa bằng chìa, sau đó nhấn nút để khởi động. Còn một nút bấm to màu đỏ nữa để tạm dừng nếu có sự cố.”

“Chìa khóa được để trong một cái két sắt, ở đây.” Maillard ngừng lại, chỉ một hộp kim loại được phong kín. “Khóa đã bị cạy mở. Và cửa bị phá. Thi thể được treo lên trụ tháp cuối cùng trên đỉnh cáp treo. Không còn nghi ngờ gì nữa, thủ phạm chắc chắn đã sử dụng cáp treo để vận chuyển cái xác.”

“Không có dấu vân tay?”

“Không thấy bất cứ dấu vết nào. Chúng tôi đã thu thập hàng trăm dấu vân tay trong cabin. Và đều đã được gửi đến phòng thí nghiệm. Chúng tôi đang trong quá trình lấy dấu vân tay của toàn bộ nhân viên để so sánh.”

Anh gạt đầu, “Thế còn thi thể trông như thế nào?”

“Không đầu. Và bị chặt thành nhiều mảnh. Da ở hai bên thân bị lột và kéo ra sau như một đôi cánh lớn. Anh sẽ thấy trong đoạn băng, một cảnh tượng thực sự rùng rợn, các công nhân vẫn chưa hoàn hồn.”

Servaz nhìn viên sen đàm chăm chăm, mọi giác quan đột nhiên đề cao cảnh giác. Dù hiện giờ có là thời đại bạo lực cực đoan dâng cao đi nữa, sự việc này vẫn quá ư bất thường. Anh để ý thấy đại úy Ziegler không nói gì, chỉ chăm chú lắng nghe.

“Có điểm trang không?” Anh lắc lắc tay. “Đầu ngón tay có bị cắt không?”

Trong ngôn ngữ của cảnh sát Pháp, ‘điểm trang’ để chỉ việc phá hoại công tác nhận dạng nạn nhân bằng cách hủy hoại hoặc loại bỏ các bộ phận thường được dùng để nhận dạng như, mặt, ngón tay, răng...

Viên sen đàm mở to mắt kinh ngạc, “Sao... họ chưa nói gì với anh à?”

Servaz cau mày, “Nói với tôi cái gì?”

Anh thấy Maillard hoảng sợ nhìn về phía Ziegler, rồi đến bà trưởng công tố.

“Cái xác...” Viên sen đàm lắp bắp.

Servaz cảm thấy mình sắp không giữ được kiên nhẫn, nhưng anh vẫn đợi nghe tiếp.

“Nó là một con ngựa.”

“*Một con ngựa?*” Servaz ngờ vực nhìn những người còn lại.

“Phải. Một con ngựa. Một con ngựa nòi, khoảng một tuổi, theo những gì chúng tôi biết.”

Giờ Servaz nhìn Cathy d’Humières, “Chị bắt tôi lên tận đây chỉ vì một con ngựa?”

“Tôi tưởng cậu đã biết,” bà tự vệ. “Canter không nói gì với cậu sao?”

Servaz nhớ lại bộ mặt giả ngu của Canter lúc ở văn phòng. Ông ta biết. Và ông ta cũng hiểu rằng Servaz hẳn sẽ từ chối lên tận đây chỉ vì một con ngựa. Anh còn đang vướng vạ án mạng của người đàn ông vô gia cư.

“Tôi đang phải lo chuyện ba đứa trẻ ranh giết một ông già mà chị lôi tôi lên đây vì một con ngựa sao?”

Câu trả lời của d’Humières đến ngay tức thì, hòa hoãn nhưng kiên định, “Nó không giống những con ngựa khác. Một con ngựa Thuần Chủng*. Là một con vật cực kì đắt tiền, nhiều khả năng thuộc sở hữu của Éric Lombard.”

Ra là thế, anh nghĩ. Éric Lombard, con trai của Henri Lombard và cháu của Édouard Lombard... Một đế chế tài chính, các lãnh tụ của nền công nghiệp, những doanh nhân thống trị toàn Pyrenees, danh tiếng vượt ra ngoài biên giới quốc gia, thậm chí cả khu vực, trong vòng ít nhất sáu mươi năm qua. Và tất nhiên, họ cũng có quyền tiếp cận không giới hạn với các cơ quan công quyền. Ở nơi này, những con ngựa nòi của Éric Lombard hiển nhiên quan trọng hơn một lão già vô gia cư bị sát hại.

“Và mong cậu nhớ rằng cách đây không xa là một nhà thương điên đầy những kẻ mất trí nguy hiểm. Nếu một trong số chúng gây ra việc này, có nghĩa hẳn đang lãng vãng đâu đó ngoài kia.”

“Viện Wargnier... Chị đã gọi cho họ chưa?”

“Rồi. Họ nói không có bệnh nhân nào mất tích. Và dù sao thì không ai được phép ra ngoài, ngay cả trong giây lát. Họ quả quyết rằng vượt ngục là điều không thể, an ninh được đảm bảo cực kì nghiêm ngặt. Có vài lớp tường ngăn, an ninh sinh trắc, nhân viên được tuyển chọn kĩ càng, vân vân... Đương nhiên, chúng tôi cũng sẽ xác minh lại. Nhưng viện tâm thần đó rất nổi danh, dựa vào tai tiếng và mức độ bất thường của các bệnh nhân ở đây.”

“Một con ngựa!” Servaz nhắc lại.

Qua khóe mắt, anh thấy đại úy Ziegler cuối cùng cũng nở một nụ cười mờ nhạt trên gương mặt nãy giờ vẫn lãnh đạm. Nụ cười chỉ mình anh nhận thấy, bằng cách nào đó đã làm nguôi bớt cơn giận dữ đang muốn bùng lên trong anh. Đại úy Ziegler có đôi mắt màu lục thăm thẳm như hồ nước sâu. Dưới vành mũ đồng phục, mái tóc vàng được búi gọn ra sau, anh nghĩ hẳn phải đẹp lắm. Màu môi cô phơn phớt hồng.

“Vậy những chiếc rào chắn được dựng lên để làm gì?”

“Chúng ta sẽ duy trì cho tới khi chắc chắn không có bất cứ bệnh nhân nào của Viện Wagnier trốn ra ngoài,” d’Humières nói. “Tôi không muốn bị buộc tội tặc trách.”

Servaz không nói gì nhưng trong đầu anh, dòng suy nghĩ đang cuộn lên như sóng. D’Humières và Canter nhận lệnh của cấp trên. Luôn là như vậy. Bất kể họ có những nhà lãnh đạo xuất sắc, giỏi giang đến đâu, và dù họ có hơn đứt tất cả đám người tham vọng đầy rẫy trong các cơ quan công quyền, thì cũng như bao người khác, họ phát triển khả năng cảm nhận nguy hiểm cực kì nhạy bén. Một lãnh đạo cấp cao nào đó, có khi chính thủ tướng cũng nên, đã quyết định rằng hành động ngớ ngẩn này ắt hẳn là một ý kiến hay, để giúp ích cho Éric Lombard, người bạn thân tình của các nhà chức trách tối cao trong chính phủ.

“Thế ngài Lombard mà chúng ta nhắc tới đang ở đâu rồi?”

“Đi Mỹ công tác. Trước khi liên hệ, chúng tôi muốn xác nhận xem có đúng đây là một trong những con ngựa của anh ta không.”

“Quản gia nhà anh ta đã báo mất một con ngựa vào sáng nay,”

Maillard giải thích. “Chuồng nó trống không. Các mô tả đều khớp. Không lâu nữa ông ta sẽ đến đây.”

“Ai tìm thấy con ngựa? Máy người công nhân?”

“Phải, trên đường lên trạm, vào sáng nay.”

“Họ có hay lên không?”

“Ít nhất hai lần một năm, vào đầu đông và ngay trước khi tuyết tan,” giám đốc nhà máy trả lời. “Đây là một nhà máy cũ, máy móc cũng cũ. Vì thế chúng tôi phải bảo dưỡng định kỳ ngay cả khi chúng vẫn tự vận hành mà không cần giám sát. Lần cuối công nhân lên đó là ba tháng trước.”

Servaz nhận thấy đại úy Ziegler không hề rời mắt khỏi anh.

“Chúng ta có biết thời điểm tử vong không?”

“Theo kết quả kiểm tra ban đầu thì vào khoảng nửa đêm,” Maillard nói. “Khám nghiệm tử thi sẽ cho kết quả chi tiết và chính xác hơn. Dù gì, cứ như thể thủ phạm đã biết từ trước rằng sắp có công nhân lên đó.”

“Vào nửa đêm? Nhà máy không có nhân viên an ninh sao?”

“Có. Có hai bảo vệ, phòng của họ ở cuối tòa nhà này. Họ nói rằng không hề nghe hay nhìn thấy bất cứ thứ gì bất thường.”

Servaz ngậm ngừng, mày nhíu lại. “Nhưng không thể cứ thế mà di chuyển con ngựa đi đúng không? Ngay cả khi nó đã chết. Ít nhất vẫn cần phương tiện gì đó. Xe tải chẳng hạn. Không có khách viếng thăm hay ô tô nào đến đây sao? Không gì hết à? Phải chăng họ ngủ gật và không dám nói ra? Có thể họ đang theo dõi một trận đấu trên tivi? Hoặc một bộ phim? Và cứ hình dung xem, làm sao để chắt cái xác lên cáp treo rồi kéo lên kia, treo lơ lửng, và đi xuống, tất cả đều mất thời gian. Với lại, cần bao nhiêu người để vác một con ngựa? Cáp treo có phát ra tiếng ồn khi hoạt động không?”

“Có,” đại úy Ziegler lần đầu tiên phát biểu. “Không thể không nghe thấy tiếng.”

Servaz quay đầu. Đại úy Ziegler cũng đang thắc mắc y như anh. *Có điều gì đó không đúng.*

“Cô có cách giải thích nào không?”

“Vẫn chưa.”

“Chúng ta sẽ phải thẩm vấn riêng hai gã bảo vệ,” anh nói. “Trong ngày hôm nay, trước khi thả họ về.”

“Chúng tôi đã tách họ ra rồi,” Ziegler bình tĩnh trả lời trong thẩm quyền của mình. “Họ đang được giám sát chặt chẽ trong hai căn phòng riêng biệt. Họ... đang đợi anh.”

Servaz chú ý thấy ánh mắt băng giá của Ziegler liếc qua d’Humières. Đột nhiên, mặt đất bắt đầu rung chuyển, như thể cơn chấn động đang lan khắp tòa nhà. Trong giây lát, tâm trí anh hoàn toàn lạc đi nơi khác, anh tưởng đó là một vụ tuyết lở, hoặc một trận động đất, cuối cùng anh hiểu ra, là cáp treo. Ziegler đã đứng, không thể không nghe thấy tiếng. Cánh cửa căn phòng mở ra.

“Họ đang trên đường xuống,” một nhân viên cấp dưới thông báo.

“Ai cơ?”

“Vớ cái xác,” Ziegler giải thích. “Đội của tôi, cùng các chuyên viên khám nghiệm. Họ đã xong việc của mình trên ấy.”

Chuyên viên khám nghiệm hiện trường, họ tới đây với phòng thí nghiệm di động. Trong đó, họ có thiết bị chụp ảnh, quay phim, các dụng cụ bảo quản và đóng gói mẫu sinh học để gửi đến phân tích ở IRCGN, Viện Nghiên cứu Hình sự của Lực lượng Sen đầm Quốc gia tại Rosny-sous-Bois, Paris. Bắt buộc phải có cả tủ giữ lạnh cho những mẫu phẩm dễ phân hủy. Đủ thứ nặng xị vì một con ngựa.

“Đi thôi,” anh nói. “Tôi muốn xem ngôi sao của ngày hôm nay, quán quân giải Grand Prix de Saint-Martin.”

Khi quay trở ra, Servaz kinh ngạc trước số lượng phóng viên. Anh có thể hiểu được nếu họ có mặt vì một vụ giết người, nhưng vì một con ngựa! Cứ như thể nỗi âu lo vặt vãnh của một tỉ phú như Éric Lombard là đề tài đáng săn đón với những tờ báo về người nổi tiếng cùng độc giả của họ.

Anh tiến bước, cẩn thận hết sức để tuyết không làm ướt giày. Trong lúc đó vẫn cảm nhận được đại úy Ziegler đang chăm chú quan sát

mình.

Rồi bất thành linh, anh nhìn thấy nó.

Một cảnh tượng của địa ngục... Nếu địa ngục được làm bằng băng.

Anh bắt mình phải nhìn, bất chấp nỗi ghê tởm đang dâng lên trong lòng. Những mấu xác của con ngựa được chấp lại với nhau bằng những chiếc đai to bản và cố định vào một máy nâng hàng hóa hạng nặng trang bị động cơ nhỏ và kích thủy lực. Servaz biết có thể một cái máy nâng cùng loại đã được dùng để treo con ngựa lên đó... Họ đang gỡ nó ra khỏi cáp treo. Cabin rất lớn. Anh nhớ lại cơn chấn động lúc trước. Làm sao máy gã bảo vệ có thể không nhận thấy gì cả?

Anh miễn cưỡng tập trung sự chú ý của mình vào con ngựa. Tuy không biết gì về ngựa nhưng anh cũng cảm thấy đây là một sinh vật tuyệt đẹp. Cái đuôi dài của nó giống như một cái chổi đen, từng sợi lông sáng bóng và sẫm hơn so với nền lông mao trên phần thân màu cà phê ánh đỏ anh đào. Con vật đẹp đẽ dường như được tạc ra từ một thân cây miền nhiệt đới trơn láng, bóng mượt. Bốn chân cùng màu than đen với đuôi và phần bờm còn sót lại. Vô số giọt băng li ti đọng trắng xác con vật. Servaz nhận ra nếu nhiệt độ ở dưới này đã thấp hơn mức 0°, thì trên đó phải lạnh hơn vài độ. Có lẽ đội sen đầm đã dùng một cái khò lửa hoặc mỏ hàn để làm tan chỗ băng đóng xung quanh những mối buộc thì mới gỡ nó xuống được. Trông con vật không khác gì một vết thương hở, với hai vạt da lột ngược ra và áp sát dọc hai bên sườn như đôi cánh đang gập lại.

Nỗi kinh hoàng trùm xuống tất cả những người đang tập trung ở đây.

Chỗ da bị lột trơ ra từng thớ cơ, rõ mồn một như trên tiêu bản giải phẫu. Servaz liếc nhìn xung quanh, Ziegler và Cathy d'Humieres tái mét mặt, giám đốc nhà máy trông như vừa gặp ma. Bản thân Servaz cũng hiếm khi chứng kiến điều gì ngoài sức chịu đựng thế này. Trong lúc tưởng như tinh thần suy kiệt, anh chợt nhận ra mình đã quá quen với các bi kịch của con người, đến nỗi khi chứng kiến thảm cảnh của một con vật, anh lại còn thấy sững sốt và khó chịu hơn.

Rồi đến phần đầu. Hay đúng hơn là chỗ đã từng là cái đầu, chỉ còn vết thương hở hoác nơi cổ họng, khiến toàn bộ cảnh tượng trở nên kì dị đến mức khó tiêu hóa nổi. Như một tác phẩm nghệ thuật với tuyên ngôn về sự điên cuồng tuyệt đối của người nghệ sĩ. Và quả thực, nó chứng minh cho sự loạn trí không thể chối cãi. Một lần nữa, Servaz không khỏi nghĩ đến Viện Wagnier. Khó mà lờ đi mối liên hệ, bất chấp lời quả quyết của viện trưởng rằng không bệnh nhân nào có thể đào thoát.

Theo bản năng, anh cũng phải thừa nhận rằng nỗi sợ hãi của Cathy d'Humières là hoàn toàn có cơ sở. Đây không chỉ là vấn đề về một con ngựa. Cách con vật đó bị giết khiến người ta lạnh sống lưng.

Tiếng động cơ bất ngờ gầm lên khiến họ quay đầu lại. Một chiếc ô tô dẫn động bốn bánh kích cỡ khủng của Nhật phi tới, cán nát con đường và dừng khựng lại cách đó vài mét. Các máy quay lập tức chuyển hướng chĩa vào chiếc xe. Có vẻ họ đang hy vọng sẽ chụp được hình ảnh của Eric Lombard. Nhưng họ chẳng cần phải mong đợi đến thế. Người đàn ông bước ra khỏi chiếc xe lắp kính màu khoảng 60 tuổi, với mái tóc hoa râm được húi cua. Chiều cao và hình thể ông ta nhang nhác một quân nhân hoặc một tay đôn gỗ đã về hưu. Ông ta còn mặc chiếc áo kẻ ca rô bằng vải dệt thô của thợ đốn củi. Tay áo xắn lên để lộ cánh tay mạnh mẽ, như thể không biết đến cảm giác rét buốt. Ông ta không rời mắt khỏi cái xác, có vẻ còn không nhận thấy sự hiện diện của bọn họ, cứ thế đi vòng qua, sải bước rất nhanh tới chỗ con ngựa. Sau đó, Servaz thấy đôi vai rộng của ông chùng xuống.

Người đàn ông quay ra nhìn bọn họ, con mắt đỏ ngầu sáng quắc. Vì đau đớn, và cả vì phẫn nộ.

“Thằng khốn nào đã làm việc này?”

“Ông có phải là André Marchand, quản gia của anh Lombard không?”

“Tôi đây.”

“Ông có nhận ra con vật này không?”

“Có, nó là con Tự Do.”

“Ông có chắc không?” Servaz hỏi.

“Dĩ nhiên.”

“Ông có thể nói rõ ràng hơn được không? Nó bị mất đầu.”

Người đàn ông trôn trối nhìn anh. Sau đó ông ta nhún vai và quay trở lại chỗ cái xác, “Anh nghĩ là có nhiều con non như nó ở trong vùng à? Tôi có thể nhận ra nó dễ dàng như anh nhận ra anh em của mình ấy. Dù có đầu hay không.”

Ông ta chỉ vào chân trước bên trái của con ngựa, “Vết lang trắng lan đến nửa cổ chân này chẳng hạn.”

“Cái gì cơ?” Servaz hỏi.

“Sọc trắng trên móng,” Ziegler giải thích. “Cảm ơn, ông Marchand. Chúng tôi đang chuẩn bị đưa xác nó đến trại ngựa ở Tarbes để giải phẫu. Con Tự Do có đang phải điều trị bệnh gì không?”

Servaz không thể tin vào tai mình, họ định làm xét nghiệm độc chất cho một con ngựa.

“Nó hoàn toàn khỏe mạnh.”

“Ông có mang giấy tờ của nó theo không?”

“Tôi để trong xe.” Người quản gia lục hộc đựng đồ và trở lại với một xấp giấy tờ. “Đây là thẻ đăng kí và sổ đi kèm.”

Ziegler xem qua tập tài liệu. Qua vai cô, Servaz có thể thấy vô số hàng cột, bảng biểu và ô trống được điền đầy đủ bằng chữ viết tay nắn nót. Có cả những bức phác họa ngựa, chính diện và nhìn nghiêng.

“Cậu Lombard rất mê con ngựa này,” Marchand nói. “Nó là con ngựa yêu thích của cậu ấy. Nó được sinh ra tại trường ngựa. Một con ngựa hồng xuất chúng.” Giọng ông ta tràn ngập sự phấn nộ và bi thương.

“Ngựa hồng?” Servaz hỏi nhỏ Ziegler.

“Ngựa Thuần Chủng chưa đầy một năm tuổi.”

Trong khi Ziegler xem xét xấp tài liệu, Servaz không thể không thán khen ngợi nét mặt nhìn nghiêng của cô. Cô rất hấp dẫn, với phong thái uy nghiêm và hiểu biết. Anh đoán cô khoảng hơn 30 tuổi. Cô không đeo nhẫn cưới. Servaz thắc mắc không biết cô có người yêu chưa hay vẫn

đang độc thân. Hoặc cũng đã ly dị, giống như anh.

“Chắc là ông phát hiện ra con ngựa đã biến mất khỏi chuồng vào sáng nay,” anh nói với viên quản gia.

Marchand nhìn anh bằng ánh mắt bén nhọn tỏ rõ sự khinh thị của một chuyên gia đối với kẻ ngoại đạo.

“Tất nhiên là không. Ngựa của chúng tôi không ngủ trong chuồng,” ông ta khịt mũi. “Bọn chúng đều có gian thả riêng. Hoặc trong nhà, hoặc ngoài bãi cỏ có mái che để tiện quây quần với nhau. Đúng là tôi thấy gian thả của nó trông không, điều đó là sự thật. Và thấy các dấu hiệu chứng tỏ khu trại bị đột nhập.”

Servaz không hiểu sự khác nhau giữa chuồng và gian thả nhưng điều này có vẻ khá quan trọng với Marchand.

“Tôi hy vọng anh sẽ tìm ra bọn khốn đã làm việc này,” Marchand nói.

“Sao ông lại cho là *bọn*?”

“Vì Chúa, anh nghĩ rằng chỉ một người mà có thể mang con ngựa lên đây sao? Tôi nghĩ phải có hệ thống an ninh xung quanh nhà máy chứ.”

Xem chừng không ai chuẩn bị câu trả lời cho thắc mắc ấy. Cathy d’Humières nãy giờ vẫn đứng sang một bên bỗng tiến về phía người quản gia, “Xin ông vui lòng nói với anh Lombard rằng chúng tôi sẽ cố gắng hết sức để tìm ra hung thủ. Anh ta có thể gọi cho tôi bất cứ lúc nào. Mong ông chuyển lời hộ.”

Marchand ngắm soi vị quan chức cấp cao trước mặt mình như nhà dân tộc học đứng trước đại diện của một bộ lạc kì bí ở Amazon.

“Tôi sẽ nói với cậu ấy,” ông nói. “Tôi cũng muốn nhận lại thi thể nó sau khi khám nghiệm xong. Cậu ấy chắc chắn sẽ muốn chôn nó ở tư dinh.”

“*Tarde venientibus ossa,*” Servaz tuyên bố.

Anh nghĩ là anh nhìn ra tia kinh ngạc trong mắt đại úy Ziegler.

“Là tiếng La tinh,” cô nói. “Có nghĩa là gì?”

“*Trâu chậm uống nước đục.* Tôi muốn lên trên đó.”

Ziegler nhìn sâu vào mắt Servaz. Cô cao gần bằng anh. Servaz có thể nhận thấy một cơ thể rắn rỏi, săn chắc, dẻo dai đằng sau lớp áo đồng phục. Một cô gái xinh đẹp, khỏe mạnh, và thuần phác. Anh nghĩ tới Alexandra khi còn trẻ.

“Trước hay sau khi anh thẩm vấn hai gã bảo vệ?”

“Trước.”

“Tôi sẽ đưa anh đi.”

“Tôi có thể tự đi,” anh chỉ về phía cáp treo.

Cô khẽ xua tay.

“Đây là lần đầu tiên tôi gặp một cảnh sát biết nói tiếng La tinh,” cô cười. “Cáp treo đã bị rào lại rồi. Chúng ta sẽ đi bằng trực thăng.”

Servaz tái mặt, “Cô làm phi công sao?”

“Bất ngờ phải không?”



Chiếc trực thăng hướng về mặt bên của ngọn núi như một con muỗi vo ve quanh một con voi. Lớp mái lợp đá phiến đen khổng lồ của nhà máy điện và bãi xe kín đặc đều đột ngột bị bỏ lại, quá đột ngột đối với Servaz, dạ dày anh quặn lên.

Bên dưới chiếc phi cơ, trên sắc trắng của tuyết, các nhân viên khám nghiệm mặc bộ đồ bảo hộ liền thân màu trắng đi đi lại lại giữa cáp treo và phòng thí nghiệm di động, mang theo những bao gói đựng mẫu vật mà họ thu được. Nhìn từ trên cao xuống, bộ dạng lẳng xẵng của họ thật nực cười, chẳng khác nào sự hồi hải của một đàn kiến. Servaz hy vọng họ thạo việc. Nhưng không phải lúc nào cũng được như vậy, việc đào tạo các giám định viên hiện trường thường không đáp ứng được yêu cầu. Thiếu thời gian, thiếu phương tiện, thiếu ngân sách, luôn là một điệp khúc lặp đi lặp lại, dù các chính trị gia vẫn hứa hẹn đủ điều về một tương lai màu hồng trong những bài diễn văn. Sau đó, xác con ngựa được bọc họ gói lại trong một cái túi, kéo khóa kín rồi đặt trên cang lớn, đẩy vào trong chiếc xe cứu thương dài, cuối cùng mất hút cùng tiếng còi báo động rền rĩ, như thể con ngựa đáng thương đang cần được cấp cứu.

Servaz nhìn thẳng về phía trước qua lớp kính cầu lồi bằng thủy tinh hữu cơ của máy bay.

Trời đã quang. Ba đường ống khổng lồ trôi lên từ sau lưng tòa nhà và leo dần lên sườn núi, các trụ tháp cáp treo cũng men theo con đường ấy. Anh đánh liều nhìn xuống, và lập tức hồi hận. Nhà máy thủy điện đã ở tít dưới đáy thung lũng, một loạt xe con và xe tải đang thu nhỏ lại ngay trước mắt anh. Những chiếc ống dẫn lao mình về phía thung lũng như mấy nhà trượt tuyết đang trên đỉnh của một cú nhảy. Khung cảnh choáng ngợp của đá và băng khiến ta ngạt thở.

Servaz tái mặt, nuốt khan và tập trung vào đỉnh núi trước mắt. Cà

phê anh vừa uống giờ đang trôi nổi đâu đó trong thực quản.

“Trông anh không được khỏe.”

“Không sao. Mọi thứ đều ổn.”

“Anh bị chóng mặt à?”

“Không...”

Đại úy Ziegler mỉm cười. Servaz không còn nhìn thấy đôi mắt cô vì chúng đã ẩn sau cặp kính đen, nhưng anh vẫn có thể ngắm làn da rám nắng và ánh vàng rất nhẹ của tia sáng phản chiếu từ đỉnh núi đang âu yếm gò má cô.

“Làm âm lên chỉ vì một con ngựa,” đột nhiên cô nói.

Servaz hiểu rằng cũng giống anh, Ziegler cho rằng việc huy động quá nhiều nguồn lực như thế này thật không xứng đáng, và cô đang tranh thủ bộc lộ khi không có tai mắt xung quanh. Anh tự hỏi không biết có phải cấp trên đã ép cô tham gia vụ này không. Và liệu cô có than phiền không.

“Cô không thích ngựa sao?” Anh trêu chọc.

“Rất thích,” cô trả lời, nhưng không cười. “Tuy nhiên, đó không phải là vấn đề. Chúng tôi cũng có những môi bạn tâm tương tự như các anh, thiếu nguồn lực, tài nguyên, nhân sự. Bọn tội phạm thì luôn đi trước chúng ta. Vì vậy, huy động quá nhiều thứ cho một con vật...”

“Nhưng... nếu có kẻ nào đó ngoài kia đủ khả năng làm việc này với một con ngựa...”

“Phải,” cô thừa nhận, quyết liệt đến mức anh nghĩ hẳn cô cũng có chung nỗi sợ hãi như mình.

“Nói nốt cho tôi biết những gì xảy ra ở trên kia đi.”

“Anh có thấy cấu trúc bằng kim loại kia không?”

“Có.”

“Đó là trạm dừng của cabin, nơi con ngựa bị treo trên trụ tháp, ngay bên dưới dây cáp. Chúng thực sự đã dàn cảnh. Anh sẽ thấy trong đoạn băng. Nhìn từ xa, ban đầu công nhân đã nghĩ nó là một con chim.”

“Có bao nhiêu công nhân?”

“Bốn, cộng thêm một đầu bếp. Trạm dừng của cáp treo dẫn tới giếng đứng bằng bê tông, tức là lồi vào nhà máy trong lòng núi, anh có thể trông thấy nó kia. Với sự hỗ trợ của một cần trục, họ đưa thiết bị xuống giếng và chất lên một chiếc xe kéo hai chỗ. Một quãng đường kha khá đấy, 70 mét. Họ đi vào nhà máy bằng chính đường hầm dẫn nước từ hồ bên trên, cửa nạp từ hồ vào luôn luôn đóng trong khoảng thời gian có người đi qua.”

Giờ thì chiếc trực thăng đang bay ngay bên trên trạm dừng cáp treo. Nó chen vào sườn núi như một chiếc cần cầu, trông lơ lửng như treo giữa không trung. Một lần nữa, Servaz cảm nhận được cơn nôn nao trào ngược lên từ dạ dày. Bên dưới trạm dừng, con dốc đột ngột đổ xuống một cách chóng mặt. Từ đây, họ trông thấy hồ nước ở độ cao 1.000 mét phía dưới, ngay giữa những đỉnh núi, với cái đập khổng lồ uốn thành hình cánh cung.

Dấu chân chi chít trên mặt tuyết xung quanh trạm dừng. Các giám định viên hiện trường đã tiến hành lấy mẫu và xới tung tuyết lên. Biển nhựa vàng hình chữ nhật in số đen nằm la liệt ở bất cứ chỗ nào họ tìm thấy manh mối. Những chiếc đèn pha halogen vẫn chiếu rọi mấy cột trụ kim loại. Servaz tự nhủ, chẳng mấy khi việc phong tỏa hiện trường lại dễ dàng thế này, nhưng chắc hẳn cái lạnh cũng đã gây cản trở nhất định.

Đại úy Ziegler chỉ vào trụ tháp, “Mấy người công nhân còn chưa kịp ra khỏi cáp treo. Họ gọi xuống văn phòng chính và đi xuống luôn. Họ sợ phát khiếp. Có thể họ lo tên điên thủ phạm vẫn còn lảng vảng ở đó.”

Servaz quan sát người phụ nữ trẻ. Càng nghe cô nói, anh càng thấy niềm thích thú tăng lên kéo theo cả những thắc mắc.

“Theo cô, một người không được trợ giúp có thể nhấc một con ngựa chết lên tới độ cao này và gắn nó vào giữa dây cáp không? Nghe chừng khó nhỉ?”

“Tự Do là một con ngựa tơ, vì thế nó nặng khoảng 200 cân,” Ziegler trả lời. “Ngay cả khi cắt bỏ đầu và cổ, thì vẫn còn khoảng gần 150 cân thịt. Nhân đây, chắc anh cũng đã thấy cái máy nâng ban nãy rồi. Một

thiết bị như thế di chuyển được cả những vật cực nặng. Chỉ có điều, cho dù một người có thể vắn được con ngựa lên đây bằng xe kéo hay máy nâng, thì hẳn cũng không thể cố định và treo nó lên trụ và sắp đặt từ đầu đến cuối một mình được. Hơn nữa, anh đã đúng, hẳn cần phương tiện để đưa nó lên.”

“Và những người bảo vệ không nhìn thấy gì cả.”

“Và họ có những hai người.”

“Và họ không nghe thấy gì cả.”

“Và họ có những hai người.”

Không cần ai phải nhắc lại, hai người đều biết rõ rằng 70% những kẻ giết người được nhận dạng trong vòng hai mươi tư giờ kể từ lúc gây án. Nhưng nếu nạn nhân là một con ngựa thì sao? Đây hẳn là loại câu hỏi không hề xuất hiện trong tư liệu của cảnh sát hay sen đầm.

“Việc đó quá dễ,” Ziegler nói. “Có phải anh nghĩ vậy không? Quá dễ. Hai gã bảo vệ và một con ngựa. Vì cái quái gì họ lại muốn làm thế? Nếu họ muốn trút giận lên một trong những con ngựa của Eric Lombard, tại sao họ phải gắn con vật ấy lên đỉnh của trụ cáp treo, ở chính nơi làm việc của họ để tự biến mình những kẻ tình nghi số một?”

Servaz ngẫm nghĩ về điều Ziegler vừa nói. Vậy thì tại sao? Mặt khác, có thật là họ không nghe thấy gì không?

“Thêm nữa, tại sao họ phải làm một việc như thế?”

“Không có ai chỉ là một bảo vệ, một cảnh sát, hay một sen đầm đơn thuần,” anh nói. “Ai cũng có bí mật.”

“Anh có không?”

“Cô không có à?”

“Có, nhưng còn có Viện Wargnier,” Ziegler vội vàng bổ sung, trong khi khéo léo điều khiển chiếc trực thăng. (Servaz một lần nữa nín thở.) “Chắc chắn ở đó có ít nhất một kẻ đủ khả năng làm những việc thế này.”

“Ý cô là một người có thể lọt ra ngoài và quay trở lại mà nhân viên trong Viện không hề biết?” Anh nghĩ một lúc. “Đi đến tận trường luyện

ngựa, giết con ngựa, lôi nó ra khỏi gian thả và chắt lên xe? Chỉ một mình hẳn? Và trong khoảng thời gian đó không ai để ý thấy bất cứ điều gì, dù ở đây hay ở đó? Rồi hẳn lại xẻ nó thành nhiều mảnh, đưa nó lên, và...”

“Phải, được rồi, rất vô lý,” Ziegler cắt ngang. “Và thế là chúng ta lại quay về điểm khởi đầu. Làm thế quái nào mà một người, dù là kẻ điên đi nữa, có thể treo con ngựa lên đó mà không có bất cứ sự giúp đỡ nào?”

“Giả sử có hai kẻ điên, đã an toàn thoát ra ngoài mà không bị ai nhìn thấy, rồi quay trở lại nhà tù thay vì cố trốn thoát sao? Hoàn toàn vô lý!”

“Chẳng thứ gì là có lý trong vụ án này cả.”

Chiếc trục thăng bắt chọt nghiêng về bên phải để lướt qua ngọn núi. Hoặc giả đó là do ngọn núi nghiêng về bên còn lại. Servaz không phân biệt nổi, anh nuốt nước bọt lần nữa. Trạm dừng cáp treo và lối vào giếng đứng khuất dạng phía sau bọn họ. Từng khối đá lướt qua kính trước trục thăng, rồi một cái hồ xuất hiện, nhỏ hơn nhiều so với hồ bên dưới. Mặt nước chìm trong hõm núi bị bao phủ bởi một lớp tuyết và băng mỏng, trông tựa như một miệng núi lửa đóng băng.

Servaz nhìn thấy một ngôi nhà bên bờ hồ, dựa lưng vào vách đá, ở gần một cái đập chắn lũ nhỏ.

“Hồ bên trên,” Ziegler lên tiếng. “Và ‘biệt thự’ riêng của các công nhân. Họ tới đây bằng đường sắt có dây cáp dẫn thẳng vào nhà từ sâu trong núi, nó thông cả với nhà máy. Đó là nơi họ ăn, ngủ và sinh hoạt sau khi kết thúc ngày làm việc. Họ sống ở đó năm ngày rồi lại quay trở xuống thung lũng vào cuối tuần. Theo chu kỳ ba tuần một lần. Họ có đầy đủ tiện nghi trong đó, thậm chí cả truyền hình vệ tinh, nhưng vẫn là một công việc khá gian khổ.”

“Sao họ không lên nhà máy bằng cách này, thay vì phải đóng cửa sông ngầm?”

“Nhà máy thủy điện không có máy bay trục thăng. Sân đỗ này, cũng như khu vực hạ cánh bên dưới chỉ được sử dụng để cứu hộ trong các trường hợp cực kì khẩn cấp. Và cũng chỉ khi nào điều kiện thời tiết cho phép.”

Chiếc trực thăng bắt đầu nhẹ nhàng đáp xuống mặt phẳng được cào bằng giữa một đám hỗn độn rải rác tuyết hạt* và băng tích. Xung quanh họ phủ đầy một lớp mây tuyết xôm xốp. Servaz có thể đọc ra một chữ H khổng lồ bên dưới tuyết.

“Chúng ta gặp may rồi.” cô nói vào tai nghe. “Năm tiếng trước, khi đội công nhân phát hiện ra cái xác, chúng tôi không lên được tới tận đây vì thời tiết quá xấu!”

Bộ càn trực thăng đã chạm tới mặt đất. Servaz cảm thấy như mình vừa được hồi sinh. Mặt đất rắn chắc, ngay cả trên độ cao hơn 2.000 mét. Nhưng họ vẫn sẽ phải đi xuống lần nữa theo cách đó, và chỉ nghĩ đến thôi đã đủ khiến cho dạ dày anh quặn thắt.

“Nếu tôi hiểu đúng, khi thời tiết xấu và đường hầm đầy nước, những người công nhân sẽ bị cầm tù trong núi. Vậy nếu gặp tai nạn thì họ phải làm sao?”

Đại úy Ziegler nhăn mặt.

“Họ phải tháo cạm đường hầm và quay trở lại cáp treo qua giếng đứng. Mất ít nhất hai tiếng, có thể đến ba tiếng, để tới trạm dừng cáp treo.”

Servaz thực sự muốn biết những gã này được trả bao nhiêu cho ngân ấy mạo hiểm.

“Nhà máy thuộc về ai?”

“Tập đoàn Lombard.”

Tập đoàn Lombard. Cuộc điều tra vừa mới bắt đầu và đây là lần thứ hai cái tên này xuất hiện. Servaz tưởng tượng ra một sự kết hợp bùng nổ giữa các doanh nghiệp, công ty con, công ty cổ phần, không chỉ ở Pháp mà nhiều khả năng ở cả nước ngoài. Giống như một con bạch tuộc vươn xúc tu tới mọi nơi, và máu chính là tiền, hàng tỉ đồng chảy từ các xúc tu ấy về trái tim. Servaz không phải chuyên gia trong lĩnh vực thương mại, nhưng cũng như hầu hết mọi người, ít nhiều anh cũng biết từ ‘đa quốc gia’ có nghĩa là gì. Một nhà máy cũ thế này còn có thể mang về lợi lộc gì cho một tập đoàn như Lombard?

Vòng quay của cánh máy bay chậm lại, tiếng động cơ giảm dần và tắt

ngâm.

Im lặng.

Ziegler bỏ tai nghe xuống, mở cửa và bước ra. Servaz làm theo. Họ chậm rãi đi về phía hồ băng.

“Chúng ta đang ở độ cao trên 2.000 mét,” cô nói. “Anh không sao chứ?”

Servaz hít một hơi thật sâu luồng không khí lạnh buốt nhưng trong sạch. Đầu óc anh hơi chao đảo, có lẽ vì chuyến bay, hoặc vì độ cao, nhưng cảm giác bay bổng nhiều hơn là khó chịu, chẳng khác là bao so với sự hồi hộp khi lặn biển. Anh tự hỏi liệu có thứ gì gây kích thích tương tự như độ cao hay không. Anh hoàn toàn choáng ngợp trước vẻ đẹp và sự hoang vu của nơi này. Sự thanh vắng lên tới cực điểm, một sa mạc trắng rục rỡ. Những cánh cửa chớp của ngôi nhà đóng kín. Servaz có tưởng tượng ra cảm giác của những người công nhân mỗi sáng, khi họ mở cửa sổ nhìn ra hồ rồi đi vào bóng tối trong lòng đất. Nhưng có lẽ tất cả những gì họ nghĩ chỉ là họ còn cả một ngày dài sâu bên trong núi, với âm thanh inh tai và ánh sáng nhân tạo, cùng những giờ phút đằng đẵng mệt nhọc đang chờ phía trước.

“Anh có vào không? Những đường hầm này được đào năm 1929, và nhà máy được xây dựng vào năm sau đó,” cô giải thích khi bọn họ đi về phía ngôi nhà.

Phần mái nhà chìa ra nằm tựa trên những cột đá thô sần nặng nề, tạo thành một hành lang, nơi toàn bộ cửa sổ đều trông về một hướng, trừ một cái ở mặt bên. Một trong các cột đá có gắn mạng sông giữ chảo vệ tinh.

“Cô đã vào đường hầm xem chưa?”

“Dĩ nhiên. Người của chúng tôi vẫn còn trong đó. Nhưng tôi nghĩ chúng ta sẽ chẳng tìm thấy gì đâu. Hung thủ không đi xa đến thế. Cho con ngựa vào cáp treo, ghim nó lên và đi xuống là đủ rồi.”

Ziegler mở cánh cửa gỗ. Bên trong, toàn bộ đèn đã bật sáng. Tất cả các phòng đều có người. Phòng ngủ có hai giường, phòng khách có một chiếc tivi, hai cái xô pha, một chạn bát, một căn bếp lớn và một bàn ăn.

Ziegler dẫn Servaz ra phía sau. Ở đó có một gian phòng nhỏ, giữ vai trò như cửa an ninh, đặt những chiếc tủ kim loại và có móc áo trên tường. Servaz có thể thấy hàng rào lưới màu vàng của đường sắt leo núi ở đằng sau căn phòng và phía bên kia là hố đen của đường hầm ăn sâu vào lòng núi tối tăm.

Ziegler ra hiệu bảo Servaz trèo lên cabin, đóng cánh cửa sau lưng họ, rồi nhấn nút. Động cơ ngay lập tức khởi động và mặt sàn dưới chân họ khê rung. Tàu bắt đầu chậm rãi di chuyển dọc theo đường ray sáng lóa xuống con dốc 45 độ. Dọc theo một bức tường đá đen, phía bên kia hàng rào lưới, những ánh đèn nê ông cứ xuất hiện đều đều từng quãng. Cuối cùng, đường hầm dẫn đến một căn phòng lớn xây ngay trên đá, được thấp sáng rực rỡ bởi hàng loạt bóng đèn nê ông. Một xưởng đầy những dụng cụ máy móc, ống dẫn và dây cáp. Các giám định viên hiện trường mặc bộ đồng phục liền thân màu trắng, giống những người ở dưới kia, đang chạy đi chạy lại.

“Tôi muốn thẩm vấn nhóm công nhân ngay bây giờ, cho dù chúng ta sẽ phải qua đêm ở đây chẳng nữa. Đừng để họ về nhà. Họ có đúng là những người vẫn lên đây mỗi mùa đông không?”

“Anh đang nghĩ đến điều gì thế?”

“Không có gì đặc biệt.” Giai đoạn này của cuộc điều tra cũng giống như một giao lộ giữa rừng, mọi ngã rẽ trông đều giống nhau, nhưng chỉ có một là đúng. Ở nơi này, mọi thứ đều xa xôi và tách biệt, nó hình thành mối dây gắn kết mọi người, đồng thời cũng tạo ra không ít căng thẳng. Họ buộc phải có thần kinh vững vàng.

“Lẽ nào những công nhân ấy từng có thù oán với Lombard? Nhưng tại sao phải mất công như thế? Khi ai đó muốn trả thù ông chủ, họ sẽ đột ngột xuất hiện ở chỗ làm cùng một vũ khí nào đó, trút giận lên đầu sếp hoặc đồng nghiệp trước khi tự sát. Họ sẽ không mất công móc một con ngựa lên trên một cái cáp treo.”

Servaz biết rằng Ziegler nói đúng.

“Thử tìm xem có ai đang làm việc hoặc đã từng làm việc ở nhà máy điện trong vài năm nay gần đây có tiền sử bệnh tâm thần hay không,”

anh nói. “Đặc biệt là những người trong nhóm công nhân vẫn thường lên trạm.”

“Ý kiến hay!” Ziegler kêu lên để át đi tiếng ồn. “Thế còn những người bảo vệ?”

“Công nhân trước, rồi đến bảo vệ. Chúng ta sẽ nán lại nếu cần.”

“Vì một con ngựa!”

“Vì một con ngựa,” Servaz lặp lại.

“Chúng ta gặp may rồi. Bình thường, tiếng ồn ở đây vô cùng kinh khủng! Nhưng họ đã đóng cửa nạp và nước hồ không chảy qua đường dẫn nữa.”

Servaz nghĩ, ồn thế này cũng đủ tệ lắm rồi.

“Nó hoạt động ra sao?” Anh hỏi lớn.

“Tôi không rõ lắm! Con đập ở hồ bên trên sẽ đầy nước khi tuyết tan. Nước chảy qua các hầm ngầm vào các đường ống áp lực, chính là những cái ống to anh thấy ngoài kia, cuối cùng dồn vào những tổ máy phát điện bằng sức nước trong nhà máy đặt dưới thung lũng. Động năng của nước làm quay tua bin. Nhưng ở đây cũng có tua bin, đại loại thế. Các tua bin chuyển hóa năng lượng đó thành điện, dẫn vào đường dây cao áp. Nhà máy điện sản xuất được 54 triệu kw/h mỗi năm, nói cách khác, tương đương sức tiêu thụ của một thị trấn ba mươi nghìn dân.”

Servaz không thể không mỉm cười trước bài diễn thuyết uyên bác của cô, “Với một người luôn tự nhận mình không biết, cô có vẻ thông thạo khá nhiều đấy.”

Anh nhìn lướt qua hàng động đá đen được thiết lập mạng lưới rào sắt và các cấu trúc kim loại đỡ những bó dây cáp, chuỗi đèn nê ông, ống thông gió, bảng điều khiển, nền bê tông, và những cỗ máy khổng lồ từ thời đại trước...

“Tốt,” anh nói. “Đi lên thôi. Chúng ta sẽ không tìm thấy gì ở đây đâu.”

Trời có vẻ âm u mịt mù khi họ lên đến nơi. Những đám mây ảm đạm chậm chậm trôi qua phía trên miệng núi băng khiến bầu không khí

bông dựng trở nên quái ác. Ngọn gió dữ dội đuổi dồn những bông tuyết. Khung cảnh đột nhiên như thể đang dựng lại hiện trường. Có gì đó tăm tối, ớn lạnh và hỗn loạn, nơi một tiếng ngựa hí tuyệt vọng có thể dễ dàng bị át đi bởi tiếng gió hú hét thét gào.

“Chúng ta phải nhanh lên thôi,” Ziegler giục giã. “Trở trời rồi.”

Mái tóc vàng của cô tung bay trong gió, những lọn tóc ngỗ ngược tuột ra khỏi búi tóc.



“**C**ô Berg, tôi sẽ không giấu giếm sự thật rằng tôi không hiểu nổi lý do bác sĩ Wagnier nhất định phải nhận cô về làm. Ý tôi là, tâm lý học lâm sàng, tâm lý học di truyền, các lý thuyết của Freud, tất cả những... *thứ hồ lớn* này. Sau khi cân nhắc, tôi thậm chí thấy phương pháp lâm sàng Anglo-Saxon còn đáng ưu tiên hơn.”

Bác sĩ Francis Xavier đang ngồi sau một chiếc bàn lớn. Anh ta là một người đàn ông nhỏ thó, vẫn còn trẻ, ăn mặc rất chải chuốt, đeo một cặp kính đỏ phôi tương và nhuộm tóc, bên dưới áo blu trắng là một chiếc cà vạt họa tiết sắc sảo. Giọng anh ta lẫn âm sắc Québec.

Diane khiêm tốn nhìn lướt đến quyển *Sổ tay Chẩn đoán và Thống kê các Chứng Rối loạn Tâm thần* do Hiệp hội Tâm thần Hoa Kỳ phát hành, cuốn sách duy nhất trên bàn anh ta. Cô hơi cau mày. Cô không thích cách nói chuyện này, nhưng cô đang đợi người đàn ông nhỏ thó trước mặt mình lật bài ngửa.

“Vui lòng hiểu cho, tôi là một chuyên gia tâm thần. Và... nói thế nào nhỉ? Tôi không biết cô có thể giúp được gì cho cơ sở của chúng tôi... Dĩ nhiên, tôi không có ý xúc phạm...”

“Tôi... tôi đến đây để trau dồi kiến thức và rèn luyện kỹ năng, thưa bác sĩ. Bác sĩ Wagnier hẳn đã giải thích điều này với anh. Hơn nữa, trước khi rời đi, người tiền nhiệm của anh đã nhận tôi làm trợ lý của ông ấy và đã chấp thuận sự vắng mặt, xin lỗi, sự có mặt của tôi ở đây. Ông ấy đã đứng ra cam kết với Đại học Geneva. Nếu anh phản đối sự có mặt của tôi ở đây, anh phải cho chúng tôi biết từ trước...”

“*Để trau dồi kiến thức và rèn luyện kỹ năng?*” Xavier kín đáo mím môi. “Cô nghĩ cô đang ở đâu? Trong trường đại học chẳng? Bọn sát nhân đang đợi cô ở cuối những hành lang này,” anh ta chỉ về phía cánh cửa văn phòng. “Còn kinh khiếp hơn cả lũ quái vật tòi tệ nhất từng ám ảnh

giấc ngủ của cô, cô Berg ạ. Bọn chúng là Báo ứng của chúng ta. Sự trừng phạt chúng ta phải gánh chịu vì đã giết Chúa trời, vì đã tạo ra một xã hội mà tội ác ngang nhiên tồn tại.”

Câu cuối cùng có vẻ hơi khoa trương. Cũng khoa trương như mọi chi tiết ở bác sĩ Xavier. Nhưng cách anh ta nói, với sự pha trộn kì dị giữa nỗi sợ hãi và niềm vui thích, khiến cô rùng mình. Cô có thể cảm nhận được tóc gáy mình dựng hết lên. Anh ta sợ bọn họ. Họ ám ảnh anh ta mỗi khi đêm về, và có lẽ dù đóng chặt cửa, anh ta vẫn có thể nghe thấy bọn họ gào thét.

Cô chăm chú nhìn thứ màu nhuộm trên tóc anh ta và nhớ đến nhân vật Gustav von Aschenbach trong *Chết ở Venice** người đã nhuộm tóc, lông mày và râu để vừa lòng một thiếu niên điển trai ông ta gặp trên bờ biển và tự đánh lừa rằng mình vẫn còn trẻ khỏe trong khi cái chết đã cận kề. Và ông ta chưa bao giờ nhận ra những nỗ lực ấy vô vọng và đáng thương đến mức nào.

“Tôi là chuyên gia tâm lý học pháp lý có kinh nghiệm. Tôi đã tiếp xúc với hơn một trăm tội phạm tình dục trong vòng ba năm.”

“Và bao nhiêu tên sát nhân?”

“Một.”

Xavier thoáng nở một nụ cười ác ý. Sau đó nhìn xuống hồ sơ của cô một lần nữa.

“Bằng cử nhân tâm lý học, thạc sĩ nghiên cứu chuyên sâu về tâm lý học lâm sàng của Đại học Geneva,” anh ta đọc, cặp kính đổ trượt xuống mũi.

“Tôi đã làm việc bốn năm ở một phòng khám tư về tâm lý học pháp lý và tâm lý trị liệu. Tôi được giao nhiệm vụ thực hiện các đánh giá dân sự và hình sự cho các cơ quan tư pháp. Trong hồ sơ của tôi cũng có đề cập đến.”

“Từng thực tập tại cơ quan hình sự nào chưa?”

“Tôi từng thực tập tại phòng y tế của nhà tù Champ-Dollon với tư cách chuyên gia thẩm tra pháp lý, và giám sát tội phạm tình dục.”

“Học viện Quốc tế về Luật và Sức khỏe Tâm thần (IALMH), hiệp hội

Bác sĩ Tâm lý học, Tâm lý Trị liệu Geneva, Liên đoàn Tâm lý học Pháp y Thụy Sĩ... Tốt, tốt, tốt...”

Anh ta lại ngược lên nhìn cô. Diane thấy bức bối như đang phải đối mặt với một ban bồi thẩm.

“Chỉ có điều... Cô hoàn toàn không có kinh nghiệm cần thiết đối với loại bệnh nhân này, cô còn trẻ, vẫn còn nhiều điều phải học hỏi. Nhưng rất có thể, bằng những kinh nghiệm của mình, cô sẽ, đương nhiên là hoàn toàn vô tình thôi, *hủy hoại* mọi thứ chúng tôi đang cố đạt được. Điều đó có thể trở thành nguồn cơn gây thêm phiền muộn cho các bệnh nhân ở đây.”

“Ý anh là gì?”

“Tôi rất tiếc, nhưng tôi phải yêu cầu cô tránh xa bảy bệnh nhân nguy hiểm nhất của chúng tôi, những người ở Khu A. Và tôi không can trợ lý, tôi đã có một y tá trưởng trợ giúp rồi.”

Diane im lặng lâu đến mức Xavier phải nhượng một bên lông mày. Khi mở lời, giọng cô bình tĩnh và kiên định, “Bác sĩ Xavier, tôi đến đây là vì những người ở Khu A. Chắc bác sĩ Wargnier đã nói với anh rồi. Mà chắc anh cũng có hồ sơ lưu lại trao đổi của chúng tôi. Các điều khoản trong thỏa thuận hoàn toàn rõ ràng, bác sĩ Wargnier không chỉ cho phép tôi gặp bảy người bệnh ở Khu A mà còn đề nghị tôi biên soạn một báo cáo chuyên môn ngay sau khi hoàn thành phỏng vấn, đặc biệt là trường hợp của Julian Hirtmann.”

Cô có thể thấy anh ta xù lông. Nụ cười tan biến. “Cô Berg. Bác sĩ Wargnier không còn phụ trách cơ sở này nữa. Mà là tôi.”

“Trong trường hợp đó, tôi không còn việc gì ở đây cả. Tôi sẽ báo cáo lại vấn đề với cơ quan có thẩm quyền và Đại học Geneva, để họ giải quyết. Cả bác sĩ Spitzner nữa. Tôi đã phải đi một quãng đường dài, thưa bác sĩ. Đáng ra anh đã có thể miễn cho tôi một chuyến đi vô ích.”

Cô bật dậy.

“Cô Berg, thôi nào!” Xavier nói, đứng lên và dang tay ra. “Bình tĩnh! Vui lòng ngồi xuống, ngồi xuống! Cô luôn được chào đón. Đừng hiểu lầm, tôi không hề có ý phản đối cô. Tôi chắc chắn cô sẽ làm hết khả

năng của mình. Và ai mà biết được? Có lẽ... ở một góc độ khác, một cách tiếp cận 'liên ngành' chẳng hạn, sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn về những tên *quái vật* này. Phải, phải, tại sao không? Tất cả những gì tôi yêu cầu ở cô chỉ là đừng tự ý tiếp xúc với bất kì đối tượng nào trừ trường hợp tôi cần thiết, và tuân thủ nghiêm ngặt nội quy. Trạng thái yên ổn ở Viện phụ thuộc vào một sự cân bằng hết sức mong manh. Các biện pháp an ninh ở đây có thể chặt chẽ gấp mười lần so với tất cả các viện tâm thần khác, nhưng bất cứ hành vi vi phạm quy định nào cũng có khả năng dẫn đến các hậu quả khôn lường.”

Francis Xavier đi vòng qua bàn làm việc.

Anh ta còn thấp hơn cô tưởng. Diane cao khoảng 1m65 và Xavier rõ ràng cũng chỉ tầm đó, tính cả đế giày. Trông anh ta như bời trong chiếc áo blu trắng sạch bong không tí vết.

“Đi theo tôi, để tôi dẫn cô đi một vòng.”

Xavier mở một ngăn tủ. Áo blu được treo thành hàng. Anh ta lấy một chiếc và đưa cho Diane. Nó thoang thoang mùi bột giặt, và mùi gì đó ẩm mốc.

Dáng người nhỏ thó của Xavier lướt qua Diane. Anh ta đặt một tay lên cánh tay cô, và cô nhận thấy móng tay anh ta được chăm sóc kĩ càng, thậm chí quá kĩ càng.

“Họ thực sự là những con người đáng sợ,” Xavier nhẹ nhàng nói, và nhìn vào mắt Diane. “Quên bọn họ là ai, và đã làm gì đi. Tập trung vào việc của cô.”

Diane nhớ lại những lời Wargnier đã nói qua điện thoại. Ông đã nói gần giống như vậy, chỉ khác biệt về từ ngữ.

“Tôi đã từng làm việc với người thái nhân cách phản xã hội,” Diane phản đối. Nhưng lần đầu tiên kể từ khi đến đây, giọng của cô không còn tự tin như trước nữa.

Một tia kì lạ chợt ánh lên qua cặp kính đỏ. “Cô chưa từng gặp ai giống những kẻ này đâu, cô gái ạ. Không một ai.”

Những bức tường trắng, sàn trắng, đèn nê ông trắng... Như phần lớn dân phương Tây, Diane liên tưởng màu sắc này với sự thơ ngây, hồn nhiên và trong trẻo. Vậy mà lại có những kẻ sát nhân ghê tởm đang sống giữa sắc trắng tinh khôi ấy.

“Ban đầu, trắng là màu của cái chết và tang sự,” Xavier như thể đọc được ý nghĩ của cô. “Đây vẫn là quan niệm của phương Đông. Màu trắng cũng chỉ có một giá trị duy nhất, giống màu đen. Đó còn là màu sắc tượng trưng cho nghi thức chuyển tiếp của đời người. Đây cũng là một bước chuyển tiếp trong đời cô, không phải sao? Nhưng tôi không phải là người chọn cách bài trí này, tôi mới đến đây được vài tháng thôi.”

Những cánh cổng thép trượt mở và đóng lại khi họ đi qua, tiếng khóa điện tử vang lên giữa những bức tường dày. Hình dáng thấp bé của Xavier sải bước phía trước.

“Chúng ta đang ở đâu?” Diane hỏi, trong lúc đêm những chiếc camera tự động, cánh cửa, và lối thoát hiểm.

“Chúng ta đang rời khỏi khu vực văn phòng để đi vào khu điều trị. Đây là hàng rào an ninh đầu tiên.”

Diane quan sát Xavier nhét một tấm thẻ từ vào chiếc hộp gắn trên tường. Nó đọc tấm thẻ và nhả trả lại. Cánh cổng kim loại mở ra. Ở phía xa là một căn phòng bằng kính, nơi có hai bảo vệ trong bộ đồng phục liền thân màu da cam đang ngồi bên dưới những màn hình giám sát.

“Hiện nay chúng tôi có tám mươi tám bệnh nhân được xem là nguy hiểm, có khả năng gây ra các hành vi bạo lực. Bệnh nhân của chúng tôi được gửi đến đây từ các tổ chức hình sự và các cơ sở tâm thần khác ở Pháp, và cả từ Đức, Thụy Sĩ, Tây Ban Nha... Họ mắc các vấn đề về sức khỏe tâm thần, kết hợp với xu hướng phạm pháp, bạo lực và cấu thành tội ác. Những bệnh nhân quá nguy hiểm, không thể ở lại bệnh viện ban đầu. Những đối tượng giam giữ bị rối loạn tâm thần quá nghiêm trọng không thể điều trị trong tù. Và cả những tên sát nhân đã bị tòa tuyên án không có khả năng nhận thức xã hội. Với các đối tượng như vậy, Viện

chúng tôi đòi hỏi một đội ngũ nhân viên giàu năng lực, cơ sở hạ tầng đảm bảo an ninh và an toàn cho cán bộ nhân viên cũng như khách viếng thăm. Hiện tại, chúng ta đang ở Khu C. Có ba tầng an ninh, thấp, trung, và cao. Khu vực này ở mức thấp.”

Diane nhướn mày mỗi lần Xavier nói về các bệnh nhân.

“Viện Wargnier đã chứng minh năng lực của mình trong việc trở thành cơ sở duy nhất đủ khả năng trong việc điều trị các bệnh nhân nguy hiểm, bạo lực. Công việc của chúng tôi được tiến hành dựa trên những tiêu chuẩn khắt khe và tiên tiến nhất. Ở những giai đoạn đầu, chúng tôi thực hiện quá trình đánh giá tâm thần và tội phạm học đặc biệt bao gồm phân tích huyễn tượng* và phương pháp ghi thể tích*.”

Diane giật mình. Cốt lõi của phương pháp ghi thể tích là đo lường các phản ứng của bệnh nhân trước các kích thích âm thanh và hình ảnh do nhiều loại viên cảnh và tác nhân khác nhau mang lại, đơn cử như hình ảnh của một người đàn bà hoặc một đứa trẻ khỏa thân.

“Anh áp dụng liệu pháp gây ác cảm đối với các đối tượng có dấu hiệu tâm thần lệch lạc trong quá trình ghi thể tích?”

“Chính xác.”

“Liệu pháp gây ác cảm có vẻ không nhận được sự ủng hộ rộng rãi lắm,” cô nói.

“Nó có hiệu quả ở đây,” Xavier kiên quyết trả lời.

Cô cảm thấy anh ta căng cứng người. Bất cứ khi nào có ai đó nhắc đến liệu pháp gây ác cảm, Diane nghĩ đến *Clockwork Orange**. Liệu pháp gây ác cảm bao gồm việc tạo ra sự liên tưởng giữa các hình ảnh sai trái được ghi trong băng ghi âm hoặc DVD, những hình ảnh cưỡng hiếp, trẻ em khỏa thân, vân vân... với các cảm giác cực kì khó chịu hoặc thậm chí đau đớn như sốc điện hoặc hít amoniac, thay vì các cảm giác dễ chịu mà bệnh nhân thường liên hệ với các tưởng tượng đó trước đây. Người ta tin rằng sự lặp lại có hệ thống của các trải nghiệm này sẽ tạo ra sự thay đổi lâu dài trong hành vi của đối tượng. Nói cách khác, đây là một dạng phản xạ có điều kiện của Pavlov, phương pháp này đã được thử nghiệm với tội phạm lạm dụng tình dục và ấu dâm ở một số quốc gia, đơn cử

như Canada.

Xavier mân mê nút bấm của chiếc bút cài trên túi áo ngực. “Tôi biết rằng rất nhiều chuyên gia trên đất nước này hoài nghi về liệu pháp điều chỉnh hành vi ấy. Nó vốn có nguồn gốc từ các nước Anglo-Saxon, và Viện Pinel ở Montreal, cũng là nơi tôi từng công tác. Chúng tôi đã đạt được những kết quả xuất sắc. Nhưng dĩ nhiên, các đồng nghiệp người Pháp của cô sẽ thấy khó chấp nhận một phương pháp mang tính thực nghiệm như vậy, đặc biệt là khi nó lại đến từ phía bên kia Đại Tây Dương. Họ chê trách nó vì đã bỏ qua các khái niệm cơ bản như tiềm thức, siêu ngã và vì đã thúc đẩy sự phổ biến các biện pháp trấn áp...”

Đằng sau cặp kính, đôi mắt anh ta chăm chăm nhìn Diane với vẻ giận dữ.

“Rất nhiều người ở đất nước này vẫn ủng hộ cách tiếp cận đề cao các khám phá phân tâm học*, vốn đòi hỏi việc khôi phục những lớp sâu nhất của nhân cách. Và như thế, họ bỏ qua một thực tế rằng những nỗ lực của họ đều thất bại, vì đa phần những kẻ thái nhân cách hoàn toàn không hề cảm nhận được sự hối lỗi hay những sắc thái tình cảm thông thường. Với loại bệnh nhân này, chỉ duy một thứ có tác dụng, là cải tạo.” Giọng anh ta lướt qua từ đó như một dòng nước băng giá. “Đối tượng phải tự chịu trách nhiệm cho chính quá trình điều trị của mình, nhờ vào một loạt chế độ thưởng phạt, và từ đó tạo ra hành vi sau cải tạo. Chúng tôi cũng tiến hành đánh giá mức độ nguy hiểm theo yêu cầu của các cơ quan tư pháp và y tế.” Đến đây, Xavier dừng lại trước một cánh cửa khác làm bằng kính cường lực.

“Không phải phần lớn nghiên cứu đều chỉ ra rằng hầu hết những đánh giá này đều chẳng mấy hữu dụng hay sao?” Diane hỏi. “Một số còn xác nhận rằng, phân nửa trường hợp, các đánh giá mức độ nguy hiểm tâm thần là sai.”

“Có vẻ như vậy,” Xavier thừa nhận. “Nhưng mức độ nguy hiểm thường bị xem trọng quá mức. Nếu có bất cứ nghi ngại nào, dựa vào kết quả đánh giá, chúng tôi sẽ đưa ra lời khuyên tiếp tục giam giữ hoặc kéo dài thời gian nằm viện theo đúng nguyên tắc. Sau đó...”

Anh ta bổ sung, với một nụ cười hết sức ngớ ngẩn. “Những đánh giá này ứng với một nhu cầu bất rõ sâu xa trong xã hội chúng ta, cô Berg ạ. Tòa án yêu cầu chúng tôi giải quyết vấn đề đạo đức thay cho họ, một vấn đề nan giải mà thực sự không ai có khả năng giải quyết. Làm sao nghĩ ra được biện pháp nào áp dụng cho một cá nhân nguy hiểm mà thỏa mãn cả hai yếu tố: vừa đáp ứng được các yêu cầu cần thiết để đảm bảo an toàn cho xã hội, vừa không vi phạm quyền con người của cá nhân đó? Không ai có câu trả lời thỏa đáng. Chính vì thế, tòa án ra vẻ tin rằng các đánh giá tâm thần là đáng tin cậy. Đương nhiên, không có ai thực sự bị đánh lừa hết. Nhưng hành động đó cho phép bộ máy tư pháp, vốn luôn không ngừng đối mặt với các nguy cơ bị phá rối, có thể tiếp tục hoạt động, đồng thời duy trì ảo tưởng trước công chúng rằng thẩm phán là những người khôn ngoan và luôn đưa ra các quyết định đúng đắn. Nhân thể tôi cũng xin nói luôn, đây là dối trá lớn nhất trong mọi dối trá và cũng chính là nền móng xã hội dân chủ của chúng ta.”

Một cái hộp đen khác được gắn khít trên tường, tinh vi hơn nhiều so với cái trước. Nó bao gồm một màn hình nhỏ và mười sáu nút bấm để nhập mã, cùng một bộ cảm biến lớn màu đỏ nơi Xavier vừa đặt ngón tay phải lên. “Tất nhiên, chúng tôi không gặp phải vấn đề này với các bệnh nhân ở đây. Bọn họ đã tự đưa ra quá nhiều bằng chứng cho thấy sự nguy hiểm của mình. Đây là hàng rào an ninh thứ hai.”

Có một văn phòng bằng kính nhỏ ở bên phải. Một lần nữa Diane lại thấy hai người đằng sau lớp kính. Cô tiếc nuối nhìn Xavier đi thẳng qua bọn họ mà không hề dừng lại. Cô những muốn anh ta giới thiệu cô với toàn thể nhân viên ở đây. Nhưng rồi cô biết rằng anh ta sẽ không đời nào làm vậy. Hai người đàn ông nhìn ra khi cô đi ngang qua lớp kính. Diane đột nhiên tự hỏi không biết ở đây cô sẽ được chào đón như thế nào. Xavier đã nói với ai về cô chưa? Có phải anh ta đang âm thầm tính kế gây khó dễ cho cô?

Trong giây lát, cô chìm đắm trong hồi tưởng về căn phòng thời sinh viên, những người bạn đại học, và văn phòng trong khoa... Rồi cô nghĩ về ai đó. Cô cảm thấy má mình ửng đỏ, nhưng rồi vội cất giấu hình ảnh Pierre Spitzner vào nơi sâu kín nhất trong tâm trí.

Servaz nhìn mình trong gương dưới ánh đèn nê ông. Trông anh uể oải. Anh tì cả hai tay xuống mép thành sứ mẽ của bồn rửa mặt và cố bình tĩnh hít thở. Sau đó, anh cúi xuống và vĩa nước lạnh lên mặt.

Đôi chân gằn như không thể đỡ nổi thân mình, anh có cảm giác kì lạ như thể đang đi trên một tấm đệm hơi. Chặng đường quay về bằng trực thăng vô cùng gian nan. Thời tiết trên đó đột ngột xấu đi và đại úy Ziegler đã phải bám chặt lấy cần điều khiển. Liên tiếp bị những trận gió mạnh vùi dập, chiếc trực thăng đung đưa hết bên này đến bên kia khi hạ cánh, hệt như một cái bè cứu sinh lênh đênh trên biển dữ. Vừa chạm đất, Servaz lao ngay vào nhà vệ sinh nôn mửa.

Anh quay người lại, bấp đùi tựa vào dãy bồn rửa mặt. Mấy hình vẽ nguệch ngoạc bằng bút bi hoặc bút viết bằng bôi bắn mấy cánh cửa buồng vệ sinh, BIB SƠN VƯƠNG (lời khoác lác thường thấy). SOFIA LÀ CON ĐIỂM (kèm theo một số điện thoại di động). THẺNG GIÁM ĐỐC LÀ THẺNG KHỐN BẮN THỬU (giám đốc?). Rồi hình vẽ vài gã đồng tính theo phong cách Keith Haring* đang đứng ‘móc xúc xích’ nhau thành một dây.

Rút từ trong túi áo ra một chiếc máy quay kĩ thuật số cỡ nhỏ mà Margot đã tặng anh vào sinh nhật vừa rồi, Servaz lại gằn mấy cánh cửa và chụp từng cái một. Sau đó anh quay trở ra và đi dọc theo hành lang tới sảnh ngoài.

Bên ngoài tuyết lại bắt đầu rơi.

“Khá hơn chưa?”

Anh nhận thấy sự chân thành toát ra từ nụ cười của Irène Ziegler.

“Rồi.”

“Chúng ta đi thăm vãn những người công nhân chứ?”

“Nếu cô không phiền thì tôi muốn thăm vãn họ một mình.”

Anh thấy khuôn mặt đáng yêu của đại úy Ziegler ngậy ra. Tiếng Cathy d’Humières nói chuyện với các nhà báo từ bên ngoài vọng vào, những cụm từ khuôn sáo, phong cách quen thuộc của những người

hoạt động chính trị.

“Cô vào xem hình vẽ trên cửa nhà vệ sinh thì sẽ hiểu tại sao,” anh nói. “Có những điều đàn ông sẽ dễ tiết lộ hơn khi ở riêng với nhau, nhưng lại giữ im lặng nếu có mặt một người phụ nữ.”

“Tốt thôi. Nhưng đừng quên là cả hai chúng ta đều tham gia cuộc điều tra này, thưa ngài sĩ quan chỉ huy.”

Năm người đàn ông nhìn anh đi vào, ánh mắt pha trộn giữa lo âu, mệt mỏi và tức giận. Servaz nhớ rằng họ đã bị giữ lại trong căn phòng này từ sáng. Hiển nhiên có người đã đem đồ ăn thức uống vào cho họ. Rải rác trên chiếc bàn họp cỡ lớn là những chiếc cốc rỗng, gạt tàn đầy, cùng những mẫu pizza và bánh mì kẹp còn thừa. Râu họ đã mọc dài và khuôn mặt bơ phờ như thể lạc ngoài hoang đảo, ngoại trừ người đầu bếp, một gã râu ria với cái đầu trọc bóng loáng và hai dải tai bám đầy khuyên.

“Xin chào,” Servaz nói.

Không ai trả lời. Nhưng họ kín đáo ngồi thẳng dậy, nét ngạc nhiên ánh lên trong mắt. Servaz nhận ra. Họ được thông báo rằng một sĩ quan từ cục hình sự sắp đến, nhưng giờ lại xuất hiện một gã trông có vẻ giống giáo viên hoặc nhà báo, ngoại tứ tuần, râu mọc lổm chổm hai bên má, mặc một chiếc áo khoác nhung và quần bò sờn cũ. Servaz gạt hộp bánh pizza dính mỡ và một chiếc cốc còn sót chút cà phê cùng đầu mẫu thuốc lá nổi lênh phênh sang một bên. Sau đó, anh ngồi chồm bên mép bàn, lấy tay vuốt qua mái tóc xoắn và quay về phía đám công nhân.

Anh tỉ mỉ quan sát họ. Từng người một. Mỗi lần nán lại khoảng vài chục giây. Tất cả đều nhìn xuống, ngoại trừ một người.

“Ai phát hiện đầu tiên?”

Một người đàn ông ngồi trong góc phòng giơ tay lên. Anh ta mặc áo len ngắn tay với dòng chữ ‘Đại học New York’ bên ngoài một chiếc áo sơ mi kẻ.

“Tên anh là gì?”

“Huysmans.”

Servaz lấy sổ tay trong túi áo khoác ra. “Kể cho tôi những gì anh thấy.”

Huysmans thở dài. Sự kiên nhẫn của anh đã trải qua thử thách ác nghiệt trong những tiếng vừa rồi, bản thân anh lại không phải người đặc biệt kiên nhẫn. Anh đã kể câu chuyện này ít nhất sáu lần, thế nên lần này anh lặp lại có phần máy móc.

“Các anh đi xuống luôn mà không hề bước chân ra khỏi cabin. Tại sao thế?”

Im lặng.

Cuối cùng người đàn ông vừa kể câu chuyện lên tiếng thừa nhận, “Vì sợ. Chúng tôi sợ hấn ta vẫn lẩn quất gần đây, hoặc trốn trong đường hầm.”

“Điều gì khiến anh nghĩ đó là một người đàn ông?”

“Anh có thể hình dung một phụ nữ làm việc đó không?”

“Có cãi vã hoặc bất đồng nào giữa các công nhân không?”

“Như mọi nơi,” một người khác nói. “Say xin cãi lộn, chuyện đàn bà, lắm lúc chỉ là không vừa mắt nhau. Thế thôi.”

“Tên anh là gì?” Servaz hỏi.

“Gratien Etcheverry.”

“Cuộc sống trên đó chắc là khá gian khổ nhỉ?” Servaz nói. “Nguy hiểm, cô lập, chen chúc, hấn là rất nhiều áp lực.”

“Những người được gửi lên trạm đều là dạng có cứng mới đứng đầu gió, ngài sĩ quân. Giám đốc chắc phải nói với anh rồi. Nếu không thì chúng tôi đã ở dưới này.”

“Là sĩ quan, không phải sĩ quân. Dù sao thì khi có bão hay thời tiết xấu, các anh rất dễ nổi cáu, đúng không?” Anh khẳng khẳng. “Tôi nghe nói rất khó ngủ ở độ cao đó.”

“Đúng.”

“Anh giải thích cho tôi được không?”

“Đêm đầu tiên anh sẽ thấy kiệt sức vì độ cao và công việc đến mức

ngủ say như chết. Nhưng về sau anh ngủ ít dần. Đêm cuối cùng có lẽ chỉ hai đến ba tiếng là cùng. Hiện tượng này là do ngọn núi gây ra. Nhưng chúng tôi sẽ bình thường trở lại vào cuối tuần.”

Servaz nhìn họ một lần nữa. Một số người gật đầu tán đồng.

Anh chăm chú quan sát những người đàn ông cứng cỏi, những người chưa bao giờ được học cao hơn, cũng không tự nhận mình là thiên tài hay giỏi kiếm tiền. Không, họ thâm lặng thực hiện một công việc bèo bọt để phục vụ cho lợi ích chung. Những người đàn ông chỉ tầm tuổi anh, từ 40 đến 50, người trẻ nhất có lẽ chỉ khoảng 30 tuổi. Bỗng nhiên, anh thấy xấu hổ với những gì mình đang làm. Rồi anh lại nhận ra ánh mắt sẫm soi của tay đầu bếp.

“Con ngựa này có ý nghĩa gì đối với các anh không? Các anh có biết nó không? Đã bao giờ nhìn thấy nó chưa?”

Họ kinh ngạc nhìn anh, rồi chậm rãi lắc đầu.

“Đã bao giờ xảy ra tai nạn trên trạm chưa?”

“Vài lần,” Etcheverry nói. “Lần cuối cùng là hai năm trước. Một người đã bị mất một tay.”

“Anh ta hiện tại đang làm gì?”

“Anh ta làm việc ở dưới này, trong văn phòng.”

“Tên?”

Etcheverry ngập ngừng, rồi đỏ mặt, xấu hổ nhìn những người khác. “Schaab.”

Servaz cảm thấy mình sẽ phải tìm hiểu thêm về người tên Schaab này. Một con ngựa mất đầu, một công nhân mất tay...

“Có tai nạn chết người nào không?”

Etcheverry lắc đầu.

Servaz quay qua người lớn tuổi nhất. Cường tráng, mặc chiếc áo thun cộc tay để lộ hai cánh tay cơ bắp cuồn cuộn. Đây là người duy nhất, cùng với tay đầu bếp, chưa nói gì cả, và là người duy nhất không cúi gằm xuống khi Servaz quan sát. Hơn nữa, anh nhận thấy một tia thách thức ánh lên trong đôi mắt nhạt màu của ông ta. Khuôn mặt dẹt

và bạnh sang hai bên. Một cái nhìn lạnh lẽo. Hẹp hòi, cứng nhắc, không linh hoạt, Servaz trầm nghĩ.

“Anh có phải là người ở đây lâu nhất không?”

“Đúng,” người đàn ông nói.

“Anh làm việc ở đây bao lâu rồi?”

“Dưới này hay trên đó?”

“Cả hai.”

“Hai mươi ba năm trên đó. Bốn mươi hai năm cả hai.”

Một giọng nói thẳng thừng, không nhấn nhá. Phẳng lặng như hồ nước trên núi.

“Tên anh là gì?”

“Việc gì đến cậu?”

“Tôi mới là người đặt câu hỏi chứ? Tên anh là gì?” Servaz đáp trả lời ăn nói cộc của của người đàn ông.

“Tarrieu,” người đàn ông bực mình gất lên.

“Anh bao nhiêu tuổi?”

“Sáu ba.”

“Mối quan hệ của các anh với quản lý như thế nào? Các anh có thể nói thoải mái. Sẽ không có gì lọt ra khỏi bốn bức tường này. Vừa rồi trong nhà vệ sinh, tôi đọc được một câu trên tường, ‘Thằng giám đốc là thằng khôn bản thủ’.”

Tarrieu tỏ ra nửa khinh miệt, nửa thích thú. “Đúng đấy. Nhưng nếu đây là *thanh toán* nhau thì hẳn ta mới là *thứ* được tìm thấy trên đó. Chứ không phải con ngựa. Ngài không nghĩ thế sao, *ngài cảnh sát?*”

“Có ai nói gì về thanh toán đâu?” Servaz vặn lại với cùng giọng điệu. “Anh muốn điều tra hộ tôi? Anh có muốn làm cảnh sát luôn không?”

Vài tiếng cười thâm. Servaz thấy mặt Tarrieu hơi ửng lên, như một vết mực đổ loang trong nước. Rõ ràng người đàn ông này có gan gây đổ máu. Nhưng đến mức độ nào? Đó là câu hỏi chẳng bao giờ có lời đáp. Tarrieu mở miệng định trả lời, rồi lại đổi ý vào phút cuối.

“Không,” cuối cùng ông ta nói.

“Có ai trong các anh quen thuộc với trường luyện ngựa không?”

Tay đầu bếp đeo khuyên tai ngượng ngập giơ tay.

“Tên anh là gì?”

“Marousset.”

“Anh thích cưỡi ngựa à, Marousset?”

Tarrieu phụt cười, những người khác bắt chước. Servaz cảm thấy cơn giận dữ của Tarrieu đang trào ra.

“Không... Tôi là đầu bếp. Thỉnh thoảng tôi có đến giúp đầu bếp nhà Lombard một tay, ở lâu đài... Khi họ mở tiệc sinh nhật, ngày kỉ niệm phá ngục Bastille... Khu chuồng ngựa ngay cạnh đó.”

Marousset có đôi mắt to và sáng, nhưng con người không lớn hơn đầu kim là mấy. Và mồ hôi gã đang vã ra như tắm.

“Vậy là anh đã nhìn thấy con ngựa đó rồi?”

“Tôi không hứng thú với ngựa lắm. Có khi cũng đã nhìn thấy rồi... Có hàng đàn ngựa...”

“Và anh thường xuyên gặp anh Lombard?”

Marousset lắc đầu. “Tôi chỉ đến đó một... hoặc hai lần mỗi năm... và hiếm khi ra khỏi bếp...”

“Nhưng thỉnh thoảng anh cũng thấy anh ta chứ, chẳng lẽ lần nào cũng như vậy, đều không bắt gặp sao?”

“Phải, chưa từng gặp.”

“Anh ta có đến nhà máy bao giờ không?”

“Lombard, đến đây á?” Tarrieu châm chọc. “Đối với Lombard, cái nhà máy này chỉ là một hạt cát. Chẳng nhẽ cậu soi từng ngọn cỏ mỗi lần cắt cỏ à?”

Servaz quay ra nhìn những người khác. Họ đều khẽ gật đầu xác nhận.

“Lombard không sống ở gần đây,” Tarrieu vẫn nói bằng giọng khiêu khích. “Paris, New York, vùng Caribe, Corsica... Hẳn không thèm đếm xỉa đến cái đập này. Nó vẫn tồn tại vì ông già hẳn để lại di chúc bắt hẳn phải giữ lấy nó. Nhưng hẳn cũng chẳng buồn quan tâm.”

Servaz gật đầu. Anh muốn nói một câu đay nghiến. Nhưng để làm gì? Có lẽ Tarrieu có lý do của mình. Có lẽ trước đây ông ta đã từng ẩu đả với một tên cớm bất tài hoặc nhu nhược nào đó. Con người là tảng băng trôi. Dưới mặt nước là một khối khổng lồ những thứ họ không bao giờ nói với ai, một khối khổ đau và bí mật. Không có ai thực sự giống như vẻ ngoài của họ.

“Tôi có thể cho cậu vài lời khuyên không?” Tarrieu chột nói.

Servaz cứng người, cảnh giác. Nhưng chất giọng ông ta đã thay đổi, vẻ thù địch biến mất, cả thái độ đề phòng và châm chích cũng vậy.

“Tôi nghe đây.”

Người đàn ông cao tuổi nói, “Những người bảo vệ ấy. Thay vì mất thời gian với chúng tôi, tốt hơn cậu nên hỏi họ. Dọa họ một chút.”

Servaz nóng nảy nhìn ông ta. “Tại sao?”

Tarrieu nhún vai. “Ở đây cậu mới là cảnh sát cơ mà,” ông ta đáp.

Servaz đi xuống hành lang và bước ra ngoài, cái lạnh đột ngột ủa đến thay cho không gian ấm nóng bên trong. Đèn flash liên tục lóe lên, chiếu rọi sảnh ngoài bằng luồng sáng chớp nhoáng, đồng thời tạo nên những cái bóng to lớn đầy hăm dọa. Servaz thấy Cathy d’Humières trèo vào xe riêng. Màn đêm dần buông xuống.

“Thế nào?” Ziegler hỏi.

“Mấy gã này có lẽ không liên quan đến vụ án, nhưng tôi vẫn muốn xác minh thêm lý lịch của hai người trong số họ. Người đầu tiên là Marousset, tay đầu bếp. Người kia là Tarrieu. Còn một người tên Schaab nữa, mất một tay trong một tai nạn vào năm ngoái.”

“Sao lại là hai người kia?”

“Chỉ để kiểm tra thôi.” Anh nhớ lại ánh mắt của Marousset. “Tôi cũng muốn liên hệ với cục phòng chống ma túy, xem họ có hồ sơ về tay đầu bếp không.”

Đại úy Ziegler nhìn anh chăm chú nhưng không nói gì thêm.

“Kiểm tra khu vực lân cận đến đâu rồi?”

“Chúng tôi đã hỏi tất cả những người dân sống dọc theo con đường dẫn đến nhà máy, xem có ai nhìn thấy phương tiện nào đi qua lúc nửa đêm không. Nhưng cho đến giờ vẫn chưa có phát hiện gì mới.”

“Còn gì nữa không?”

“Có một hình vẽ graffiti trên tường bên ngoài nhà máy. Nếu có tên du thủ du thực nào lảng vảng xung quanh, chắc hẳn bọn chúng đã nhìn hoặc nghe thấy gì đó. Trong vụ án này, rõ ràng hung thủ đã phải chuẩn bị kỹ lưỡng và nghiên cứu địa điểm. Điều này lại dẫn ta về với hai gã bảo vệ. Có lẽ họ biết ai vẽ hình graffiti kia và cả lý do họ không nghe thấy gì hết.”

Servaz nhớ lại lời khuyên của Tarrieu.

Maillard tới gần bọn họ. Anh ta đang ghi chép trên một tập giấy nhỏ.

“Còn Viện Wargnier?” Servaz hỏi. “Một mặt, chúng ta có một vụ án rõ ràng do kẻ điên gây ra, mặt khác, có một lỗ sát nhân tâm thần bị nhốt cách đây chỉ vài kilomet. Ngay cả khi viện trưởng đã thề thốt rằng, không có bất cứ bệnh nhân nào trốn ra ngoài, chúng ta vẫn phải kiểm tra kỹ lưỡng.” Anh liếc nhìn Ziegler rồi đến Maillard. “Chỗ hai người có chuyên gia tâm thần không?”

Ziegler và Maillard nhìn nhau.

“Một chuyên gia tâm lý học tội phạm sẽ đến đây trong vòng một hoặc hai ngày nữa,” Irène Ziegler trả lời.

Servaz khẽ nhú mày. *Nhờ cậy chuyên gia tâm lý học tội phạm chỉ vì một con ngựa...* Anh biết, trong lĩnh vực này, sen đầm luôn đi trước cảnh sát vài bước, cũng như vài mảng khác nữa, nhưng anh tự hỏi, làm thế liệu có phải hơi quá rồi không. Ngay cả sen đầm cũng không thể dễ dàng huy động chuyên gia như vậy.

Cánh tay Eric Lombard quả thực rất dài...

“May cho anh là có chúng tôi ở đây đây,” Ziegler châm chọc, kéo anh về hiện thực. “Nếu không anh sẽ phải mời một chuyên gia bên ngoài.”

Anh không để tâm đến lời mỉa mai của cô. Anh biết cô ám chỉ điều gì. Vì không hề có sự chuẩn bị trong việc đào tạo đội ngũ chuyên gia nghiên cứu tội phạm cho riêng mình như bên sen đầm, phía cảnh sát

thường phải chấp nhận mời chuyên gia bên ngoài, mà các nhà tâm lý học thông thường không phải lúc nào cũng áp ứng đủ tiêu chuẩn cần thiết cho công việc.

“Nhưng xét đến cùng đây cũng chỉ là một con ngựa,” anh nói, dù không mấy thuyết phục.

Anh nhìn Irène Ziegler. Cô không cười nữa. Trái lại, anh có thể nhận thấy sự căng thẳng và lo lắng trên nét mặt cô. Cô nhìn anh thăm dò. Cô ấy không còn coi nhẹ việc này nữa, anh thầm nghĩ. Cũng như anh, hẳn cô đã bắt đầu nghĩ còn có điều gì đó nghiêm trọng hơn rất nhiều ẩn sau hành vi rùng rợn này.



“**C**ô đã đọc cuốn *Cỗ máy thời gian* chưa?”

Họ đang đi bộ dọc hành lang dài và trống trải. Tiếng bước chân vang vọng lẫn trong tiếng huyền thuyên của tay bác sĩ tâm thần lấp kín lỗ tai Diane.

“Chưa,” cô nói.

“H. G. Wells, một nhà xã hội học. Ông ta quan tâm đến các vấn đề phát triển khoa học kỹ thuật, công bằng xã hội và đấu tranh giai cấp. Ông ta là người đầu tiên khám phá các chủ đề kiểu như kỹ thuật di truyền trong *Hòn đảo của bác sĩ Moreau* hay các nhà bác học điên trong *Người vô hình*. Ở *Cỗ máy thời gian*, người dẫn chuyện du hành đến tương lai. Anh ta khám phá ra rằng, nước Anh đã trở thành thiên đường trên mặt đất với người Eloi, những cư dân sống hòa bình và an nhiên.”

Anh ta không rời mắt khỏi cô, đồng thời quẹt thẻ vào một chiếc hộp an ninh khác.

“Người Eloi là hậu duệ của một bộ phận nắm đặc quyền trong giai cấp tư sản. Trải qua hàng nghìn năm, họ đã đạt tới sự sung túc và ổn định đến mức trí tuệ tiêu biến, tư duy chỉ bằng một đứa trẻ 5 tuổi. Vì họ không cần phải nỗ lực làm bất cứ việc gì dù là nhỏ nhất trong hàng thế kỉ, nên họ rất nhanh cảm thấy mệt mỏi. Những sinh vật ngọt ngào, vui vẻ, nhưng cũng thờ ơ đến đáng sợ. Đồng loại của họ có thể chết đuối ngay trước mắt, nhưng chẳng ai thèm đưa, dẫu chỉ là một ngón tay ra để giúp đỡ.”

Diane nghe tai này ra tai kia. Cô đang cố gắng tìm kiếm dấu hiệu của sự sống, sự có mặt của con người, và ghi nhớ đường đi lối lại giữa cái mê cung này.

“Khi đêm xuống, người dẫn chuyện khám phá ra một sự thật khác,

còn khủng khiếp hơn. Người Eloi không chỉ có một mình. Bên dưới lòng đất còn một chủng tộc khác nữa, những kẻ gớm guốc và tàn bạo, người Morlock. Bọn họ là hậu duệ của giai cấp vô sản. Từng chút một, vì lòng tham của những người đứng đầu, họ đã tiến hóa xa khỏi tầng lớp thượng lưu để trở thành một giống nòi khác. Những người Eloi kia tốt đẹp bao nhiêu thì họ xấu xí bấy nhiêu. Bọn họ bị ép phải sống chui rúc trong công ngầm và đường hầm. Bọn họ đã sống trong tăm tối quá lâu tới mức không còn quen với ánh sáng, chỉ có thể rời khỏi hang ổ của mình khi hoàng hôn xuống. Đó là lý do tại sao ngay sau khoảnh khắc mặt trời lặn, người Eloi buộc phải trốn chạy khỏi miền quê yên bình của mình, sợ hãi co cụm lại trong những cung điện đổ nát. Là vì mục đích sinh tồn. Người Morlock, đã trở thành những kẻ ăn thịt người...”

Diane bắt đầu cảm thấy phát cáu với đồng chuyện huyền thuyên không dứt của Xavier. Anh ta đang muốn ám chỉ điều gì? Hiển nhiên, anh ta thích lắng nghe chính mình nói.

“Đó chẳng phải một mô tả khá chính xác về xã hội chúng ta đang sống hay sao, cô Berg? Một mặt, người Eloi, với trí tuệ và ý chí bị hao mòn bởi cuộc sống no đủ về vật chất, không có nguy hiểm rình rập, lại phát triển tính thờ ơ và ích kỉ. Mặt khác, những kẻ săn mồi tồn tại để nhắc nhở họ về bài học cũ: nỗi sợ hãi. Cô và tôi là người Eloi, cô Berg... Còn bệnh nhân ở đây là người Morlock.”

“Cách nhìn đó không phải có phần quá giản đơn sao?”

Anh ta phớt lờ bình luận của cô. “Cô muốn biết bài học của câu chuyện này là gì không? Chắc chắn có một thông điệp sâu cay ẩn chứa trong đó, Wells nghĩ rằng trí thông minh suy giảm là hệ quả tự nhiên của sự... an toàn quá mức. Loài vật sống trong sự hòa hợp tuyệt đối với môi trường xung quanh là một cơ chế quá đơn thuần. Tự nhiên chỉ kêu gọi trí thông minh khi thói quen và bản năng không đủ để đáp ứng nhu cầu. Trí thông minh chỉ phát triển ở nơi nào có sự thay đổi, và nơi nào có sự đe dọa.”

Anh ta nhìn cô rất lâu, rồi cười nhả nhở.

“Giới thiệu cho tôi biết về đội ngũ cán bộ ở đây đi,” cô nói. “Cho đến

giờ chúng ta vẫn chưa gặp nhiều người lắm. Mọi khâu đều tự động sao?”

“Chúng tôi thuê khoảng ba mươi hộ lý gì đó. Cùng với sáu y tá, một bác sĩ, một chuyên gia tình dục học, một bếp trưởng, bảy phụ bếp và phục vụ căng tin, và chín nhân viên bảo trì. Tất cả đều làm bán thời gian, đương nhiên là vì ngân sách hạn chế. Ngoại trừ ba hộ lý trực đêm, y tá trưởng, đầu bếp và tôi làm toàn thời gian. Như vậy là có sáu người ngủ lại đây. Cộng với bảo vệ, hy vọng họ không ngủ.” Anh ta phá lên cười một tiếng cụt ngủn rồi nói thêm, “Cả cô nữa là bảy người.”

“Sáu người, với... tám mươi tám bệnh nhân?”

Có tất cả bao nhiêu bảo vệ? Cô thắc mắc. Nghĩ đến cảnh về đêm, tòa nhà rộng thênh thang này không hề có nhân viên, với tám mươi tám tên tâm thần nguy hiểm bị giam giữ dọc hành lang trống trải, cô bỗng cảm thấy sống lưng ớn lạnh.

Xavier dường như nhận ra sự bất an ấy. Anh ta cười toét miệng và nhìn cô bằng ánh mắt đen đúa chớp nháy như một vũng dầu. “Như tôi đã giải thích, hệ thống an ninh ở đây được bố trí rất nhiều lớp, dày đặc, thậm chí còn nhiều hơn mức cần thiết. Từ khi thành lập, Viện Wargnier chưa từng để xảy ra vụ vượt ngục nào, mà dấu hiệu của sự vượt ngục cũng không.”

“Anh sử dụng phương pháp điều trị nào?”

“Như cô đã biết, việc sử dụng các loại thuốc chống ám ảnh đã được chứng minh là hiệu quả hơn so với các chất cổ điển. Phương pháp điều trị căn bản của chúng tôi là kết hợp dùng thuốc gốc hoóc môn thuộc nhóm LHRH với thuốc chống trầm cảm SSRI. Liệu pháp điều trị này trực tiếp tác động đến việc sản xuất hoóc môn tình dục và làm giảm các triệu chứng rối loạn ám ảnh. Dĩ nhiên, liệu pháp này hoàn toàn vô hiệu với bảy bệnh nhân ở Khu A...”

Họ đi vào một sảnh lớn, tới chân cầu thang mà qua kẽ hở mỗi bậc có thể thấy bức tường đá xù xì phía sau. Diane cho rằng đây chính là những bức tường hùng vĩ cô đã thấy trên đường đến, với dãy cửa sổ bé tí như trong nhà tù. Những bức tường đá, cầu thang bê tông, sàn xi

măng. Diane tự hỏi mục đích thiết kế ban đầu của tòa nhà này là gì. Nhưng từ một khung cửa sổ lớn có thể trông ra dãy núi đang bị màn đêm chậm rãi nuốt chửng. Cô ngạc nhiên vì bên ngoài trời tối quá nhanh. Cô không để ý đến thời gian. Đột nhiên một cái bóng lặng lẽ phủ lên người cô. Diane đã phải cố nén cơn sửng sốt.

“Cô Berg, xin phép được giới thiệu y tá trưởng của chúng ta, Elisabeth Ferney. Các vị ‘quán quân’ của chúng ta tối nay thế nào, Lisa?”

“Họ khá lo âu. Tôi không biết bằng cách nào, nhưng họ đã biết chuyện về nhà máy điện.”

Một giọng nói lạnh lẽo, uy quyền. Y tá trưởng là người phụ nữ cao lớn tầm 40 tuổi với những đường nét có vẻ nghiêm nghị, nhưng nhìn tổng thể lại không quá khó chịu. Mái tóc màu hạt dẻ, phong thái bề trên và ánh mắt thẳng thắn nhưng đề phòng. Nghe những lời chị ta nói, Diane nhớ lại trạm kiểm soát trên đường đến đây.

“Tôi đã bị sen đàm chặn lại trên đường. Chuyện gì xảy ra vậy?”

Xavier thậm chí không buồn trả lời. Diane có vẻ chẳng mấy quan trọng với anh ta. Lisa Ferney hướng đôi mắt nâu nhìn cô chăm chú, quay sang Xavier. “Anh không định đưa cô ấy đến Khu A tối nay đấy chứ?”

“Cô Berg là... *chuyên gia tâm lý* mới của chúng ta, Lisa. Cô ấy sẽ ở lại đây một thời gian. Và cô ấy có quyền tiếp cận mọi thứ.”

Một lần nữa, ánh mắt lạnh lùng của người y tá lại dán vào Diane.

“Nếu vậy, tôi tin rằng chúng ta sẽ còn gặp nhau nhiều đấy,” Lisa Ferney nói khi đi lên cầu thang.

Cầu thang bê tông dẫn tới một cánh cửa khác trên đỉnh tòa nhà. Cánh cửa này không làm bằng kính mà bằng thép dày, với một ô nhỏ hình chữ nhật. Nhìn qua đó, Diane thấy một cánh cửa thứ hai y hệt. Cửa kép an ninh, giống như trên tàu ngầm hoặc trong két bạc ngân hàng. Phía trên cánh cửa thép là một chiếc camera đang ghi hình họ.

“Chào buổi tối, Lucas,” Xavier nói, nhìn lên ống kính. “Mở ra.”

Một chiếc đèn LED chuyển từ đỏ sang xanh lá và Xavier kéo mở cánh

cửa bọc thép nặng nề. Bước vào bên trong, họ yên lặng đợi tới khi cánh cửa đầu tiên khóa lại như cũ. Giữa không gian đóng kín, ngoài mùi quặng khoáng và kim loại ra, Diane có thể ngửi thấy mùi nước hoa của y tá trưởng. Đột nhiên, từ phía sau cánh cửa thứ hai vang lên một tiếng thét dài khiến cô giật mình. Mất một lúc lâu dư âm của nó mới tan đi.

Xavier tiếp tục, như thể không nghe thấy tiếng thét, “Với bảy bệnh nhân ở Khu A như tôi vừa nói với cô, chúng tôi thực hiện một loại liệu pháp gây ác cảm đặc biệt. Một dạng ‘cải tạo hành vi’.” Đây là lần thứ hai anh ta dùng cách diễn đạt này, và một lần nữa, Diane lại cứng người. “Tôi xin nhắc lại, bọn chúng là những tên thái nhân cách phản xã hội thực sự. Không ăn năn, không thấu cảm, vô phương cứu chữa. Ngoài phương pháp cải tạo này, chúng tôi cũng chỉ áp dụng các phương pháp điều trị tiêu chuẩn, ví dụ như thường xuyên kiểm tra mức serotonin của chúng. Quá ít serotonin trong máu là biểu hiện của bạo lực và bốc đồng. Mặt khác, mục tiêu của chúng tôi là không bao giờ cho chúng cơ hội gây ra tai họa. Những con quái vật này không sợ gì cả. Chúng biết chúng sẽ không bao giờ thoát thân nhưng cũng không có bất cứ mối đe dọa hay quyền lực nào có thể chạm đến chúng.”

Một tiếng bíp, và Xavier đặt những ngón tay được chăm chút kỹ lưỡng lên cánh cửa bọc thép thứ hai. “Chào mừng đến địa ngục, cô Berg! Nhưng không phải tới nay. Không, Lisa nói đúng, không phải tới nay. Tới nay tôi sẽ vào một mình. Để Lisa đưa cô trở lại.”

Servaz nhìn chăm chăm vào người bảo vệ thứ hai.

“Như vậy là anh không nghe thấy gì cả?”

“Không.”

“Vì tiếng tivi?”

“Hoặc là tiếng đài,” người đàn ông trả lời. “Nếu không xem tivi thì chúng tôi luôn bật đài phát thanh.”

“To hết cỡ?”

“Khá to, phải.”

“Thế anh đã xem hoặc nghe cái gì vào đêm hôm qua?”

Giờ đến lượt gã bảo vệ thở dài. Hết sen đầm lại đến cốm, đây là lần thứ ba gã phải thuật lại sự việc.

“Một trận bóng đá, Marseille với Atlético Madrid.”

“Và sau trận đấu thì anh bật đĩa DVD, phải không?”

“Phải.”

Ánh đèn nê ông khiến cái đầu cạo nhẵn thín của gã bóng lên. Servaz trông thấy một vết sẹo lớn. Từ lúc vào phòng, anh đã quyết định chọn cách ứng xử thật tự nhiên. Với kiểu người này, phải làm rõ từ đầu ai là người cầm trịch. “Anh xem phim gì?”

“Một bộ phim kinh dị loại B, *Màn đêm có mắt*.”

“Âm lượng thế nào?”

“To, như tôi đã nói.”

Những khoảng lặng dài của Servaz khiến gã bảo vệ lo ngại. Gã cảm thấy mình cần phải giải thích, “Đồng nghiệp của tôi hơi điếc. Vả lại chúng tôi ở đây một mình. Nên ai quan tâm chứ?”

Servaz gật đầu hiểu ý. Gần như khớp từng từ một với những gì đồng nghiệp của gã đã nói.

“Một trận bóng đá kéo dài bao lâu, theo lệ thường?”

Gã bảo vệ nhìn anh như thể người ngoài trái đất. “Bốn mươi lăm phút, nhân đôi... cộng với thời gian nghỉ giữa hiệp và ngoài giờ... Hai tiếng. Chừng đó.”

“Còn bộ phim?”

“Không biết... Một tiếng rưỡi, hai tiếng...”

“Trận đấu bắt đầu lúc mấy giờ?”

“Là giải đấu cúp Europa League, 8 giờ 45 phút.”

“Hừm... Như vậy sẽ kéo dài đến khoảng 12 giờ rưỡi... các anh có đi tuần tra không?”

Người bảo vệ nhìn xuống, lúng túng. “Không.”

“Tại sao không?”

“Chúng tôi xem một bộ phim khác.”

Servaz vươn người tới trước. Anh thoáng thấy bóng mình phản chiếu trên cửa sổ. Bên ngoài tối đen như mực. Nhiệt độ hẳn đã giảm xuống dưới 0 độ khá nhiều.

“Một bộ phim kinh dị khác?”

“Không...”

“Thế thì là gì?”

“Một phim khiêu dâm...”

Servaz nhướn một bên lông mày và phô ra nụ cười dữ tợn đều cáng nhât của mình. Trong khoảnh khắc, trông anh giống một nhân vật hoạt hình. “Hừm, ra thế... Cho đến mấy giờ?”

“Không biết. 2 giờ sáng, tôi nghĩ vậy...”

“Thế à! Và rồi?”

“Rồi?”

“Rồi các anh có đi tuần không?”

Lần này gã chùng vai xuống thấy rõ. “Không.”

“Xem phim khác?”

“Không, chúng tôi đi ngủ.”

“Không phải các anh phải đi tuần đêm sao?”

“Phải.”

“Thường xuyên không?”

“Cứ hai hoặc ba tiếng một lần.”

“Và đêm qua các anh không đi lần nào, có đúng không?”

Gã bảo vệ chỉ nhìn chăm chăm vào mũi giày. Dường như gã đang hoàn toàn say mê ngắm nghía một điểm bé tí xíu nào đó. “Đúng...”

“Tôi không nghe thấy tiếng anh.”

“ĐÚNG!”

“Tại sao các anh không đi?”

Lần này gã ngẩng đầu lên. “Thì... ai... ai lại nghĩ đến việc lên đây giữa mùa đông chứ? Không một ai hết... Hoàn toàn hoang vắng... Đi

tuần để làm gì?”

“Nhưng dù sao anh cũng được trả tiền cho việc đó, không phải sao? Thế còn những hình vẽ graffiti trên tường?”

“Bọn trẻ con thỉnh thoảng lên đây... Nhưng chỉ khi nào thời tiết tốt...”

Servaz vươn tới gần hơn, mặt anh chỉ cách gã cỡ chục phân. “Như thế là nếu một chiếc ô tô đi lên đây giữa bộ phim, thì anh cũng không nghe thấy?”

“Phải.”

“Còn cáp treo?”

Gã ngáp ngừng trong giây lát. Đủ để Servaz nhận ra. “Cũng vậy.”

“Anh chắc không?”

“Ừm... có.”

“Còn cơn chấn động?”

“Chấn động nào?”

“Cáp treo gây ra chấn động. Tôi đã cảm nhận được. Anh không cảm thấy nó đem qua à?”

Tiếp tục áp úng. “Chúng tôi bị cuốn vào bộ phim.”

Gã đang nói dối. Servaz có thể chắc chắn. Một tấm màn dối trá mà bọn họ cùng nhau thêu dệt, trước khi lực lượng sen đầm đến. Trả lời như nhau, áp úng như nhau.

“Một trận đấu cộng với hai bộ phim, mất khoảng năm tiếng,” Servaz tính toán, như thể một ông chủ nhà hàng đang nhắm tính hóa đơn. “Nhưng khi các anh xem phim thì đâu phải lúc nào cũng có tiếng, đúng không? Phải có những khoảng lặng chứ. Ngay cả một bộ phim kinh dị... Đặc biệt là phim kinh dị... Khi căng thẳng leo thang, khi hồi hộp lên đến cao trào...” Servaz vươn đến gần hơn nữa. Mặt anh gần như đã chạm vào mặt gã bảo vệ. Anh có thể ngửi thấy hơi thở hôi hám và cả nỗi sợ hãi của gã. “Đâu phải các diễn viên chỉ gào thét và bị cắt cổ từ đầu chí cuối, đúng chứ? Và cái cáp treo, mất bao lâu để nó lên đến trên đó? Mười lăm, hai mươi phút? Đi xuống cũng thế. Anh hiểu tôi muốn nói gì

không? Sẽ là một sự trùng hợp khủng khiếp nếu tiếng ồn của cáp treo hoàn toàn bị át đi bởi bộ phim, không phải chứ? Anh nghĩ sao?”

Tay bảo vệ nhìn anh, như nhìn một con thú săn mồi.

“Tôi không biết,” gã nói. “Có lẽ nó xảy ra trước... hoặc trong trận đấu. Dù sao thì chúng tôi cũng không nghe thấy gì hết.”

“Anh còn giữ đĩa DVD không?”

“Ừ... còn...”

“Được, chúng ta sẽ tái dựng một chút để xem thực chất bộ phim có lẫn át được âm thanh đó hay không. Và chúng ta cũng sẽ thử với trận bóng. Cả bộ phim khiêu dâm nữa, tại sao không? Phải làm mọi thứ ra đầu ra đũa chứ.”

Servaz có thể thấy mồ hôi vã ra trên mặt gã bảo vệ.

“Chúng tôi có uống một chút,” gã lẩm bẩm, khẽ đến nỗi Servaz phải yêu cầu gã nhắc lại.

“Gì cơ?”

“Chúng tôi đã uống...”

“Nhiều không?”

“Kha khá.”

Gã bảo vệ giơ hai tay, lòng bàn tay hướng lên như đầu hàng.

“Anh xem... Anh không thể tưởng tượng được trên này thế nào đâu, giữa mùa đông, sĩ quân ạ. Anh đã nhìn xung quanh chưa? Khi trời tối, anh cảm thấy mình đơn độc giữa nơi hoang vắng. Như thế... như thế anh ở chốn vô cùng... trên một hoang đảo, phải... một hòn đảo lạc giữa biển băng tuyết,” gã nói tiếp, vắn vẽ đến bất ngờ. “Không ai ở nhà máy quan tâm chúng tôi làm cái quái gì ở đây ban đêm hết. Đối với họ, chúng tôi vô hình, chúng tôi không tồn tại. Tất cả những gì họ muốn là đảm bảo không ai tới phá hoại thiết bị.”

“Đầu tiên, là sĩ quan, không phải sĩ quân. Dù có nói thế nào thì ai đó đã lên được đến đây, phá cửa, khởi động cáp treo và cho con ngựa lên,” Servaz kiên nhẫn nói. “Tất cả những việc đó đều mất thời gian. Và đều gây chú ý.”

“Chúng tôi đã đóng cửa chớp. Có một trận bão tuyết đêm qua. Hệ thống sưởi không ổn định. Vì thế chúng tôi túm tụm lại, uống một chút cho ấm người và bật tiếng tivi hoặc nhạc thật lớn để không phải nghe tiếng gió. Vì say khướt, nên rất có thể chúng tôi nghĩ đó là âm thanh do cơn bão gây ra. Vậy là chúng tôi đã không làm tròn trách nhiệm, dễ hiểu thôi. Nhưng chúng tôi không liên quan gì tới con ngựa cả.”

Một điểm cộng cho gã bảo vệ, Servaz nghĩ. Không khó để tưởng tượng một cơn bão tuyết ở nơi này đáng sợ đến thế nào. Những cơn gió giạt, tuyết xối xả, những tòa nhà cũ kĩ hoang liêu hút gió, tiếng kẽo kẹt của cửa chớp và cửa ra vào... Một nỗi sợ hãi bản năng, giống như nỗi sợ hãi đã kìm hãm tổ tiên xa xưa nhất của loài người khi lần đầu chạm trán với cơn thịnh nộ bất trị của thiên nhiên. Dù có cứng đầu bậm trợn như hai gã này.

Anh do dự. Hai lời khai giống hệt nhau, nhưng anh vẫn không tin họ. Dù gã kia có xoay chuyển vấn đề thế nào, Servaz vẫn chắc chắn ít nhất một điều, bọn họ nói dối.

“Sao?”

“Câu chuyện của họ khớp nhau.”

“Phải.”

“Hơi gọn gàng quá.”

“Chính là điều tôi nghĩ.”

Maillard, Ziegler và Servaz họp lại trong một căn phòng nhỏ không cửa sổ và chỉ có một bóng đèn nê ông lơ mờ chiếu sáng. Trên tường là một tấm áp phích đề ‘*Y tế lao động, phòng tránh và đánh giá các mối nguy hiểm nghề nghiệp*’ với các chỉ dẫn và một số điện thoại. Một môi hiện rõ trên khuôn mặt của hai viên sen đàm. Servaz biết trông mình cũng chẳng khá hơn. Tại lúc này và ở nơi này, bọn họ đều có cảm giác như đã đi đến tận cùng của mọi sự: tận cùng mỗi mết, tận cùng thế giới, tận cùng đêm đen.

Những cốc cà phê đầy đã được mang tới. Servaz nhìn đồng hồ đeo

tay. 5:32. Giám đốc nhà máy đã về nhà từ hai tiếng trước, với bộ mặt xám ngoét và đôi mắt đỏ ngầu, sau khi nói lời tạm biệt với mọi người. Servaz cau mày khi thấy Ziegler đang gõ gõ gì đó trên chiếc laptop nhỏ. Bất chấp cơn mệt, cô vẫn đang tập trung vào bản báo cáo.

“Họ đã thông nhất phải khai những gì trước khi chúng ta có thời gian tách họ ra,” anh kết luận, nuốt ngẹn cà phê. “Hoặc họ là thủ phạm gây ra vụ án, hoặc họ muốn giấu giếm điều gì đó.”

“Giờ chúng ta phải làm gì?” Ziegler hỏi.

Anh ngẫm nghĩ trong chốc lát, vò nát cái cốc nhựa và quẳng về hướng sọt rác, nhưng trượt.

“Chúng ta chẳng thu được gì từ bọn họ,” anh nhào người qua để nhặt cái cốc lên. “Hãy thả họ đi.”

Servaz mừng rỡ nhìn lại hai gã bảo vệ. Anh đã gặp vô số kẻ như vậy suốt mười bảy năm trong ngành. Trước cuộc thẩm vấn, Ziegler cho anh biết tên bọn họ đã xuất hiện trong STIC (hệ thống xử lý tội phạm hình sự), nhưng cũng không có gì đáng bận tâm. Không dưới 26 triệu người từng được lưu tiền án tiền sự ở STIC. Một phần trong số đó được xếp vào loại phạm tội nhẹ, trong sự bất mãn hết sức của các nhà hoạt động tự do bảo vệ nhân quyền, những người đã trao tặng lực lượng cảnh sát Pháp giải thưởng Big Brother* vì đã dựng lên ‘tháp theo dõi thời đại công nghệ thông tin’.

Nhưng anh và Ziegler phát hiện ra hai gã bảo vệ này có tiền án. Cả hai đều từng chịu vài án tù tương đối ngắn so với những hành vi phạm tội của mình, tấn công và hành hung, đe dọa giết người, giam giữ trái phép, tống tiền và hàng loạt các hành vi bạo lực. Một vài vụ còn có cả đồng phạm. Dù hồ sơ phạm tội dài dằng dặc như danh sách Who’s Who*, tính tổng cộng, mỗi người cũng chưa ngồi quá năm năm tù. Cuộc thẩm vấn nào cũng vậy, họ tỏ ra ngoan ngoãn như cừu, thề thốt đã rút ra bài học và trở về với con đường hoàn lương chân chính. Nhưng cuối cùng, tất cả chỉ là giả tạo. Những lời ba hoa thường thấy mà chỉ mấy tay luật sư mới có thể vờ tin được.

Theo bản năng, Servaz cảm thấy nếu anh không phải là cảnh sát,

hoặc nếu anh hỏi bọn họ cùng những câu như thế trong một bãi đỗ xe vắng vẻ, hẳn họ đã gây khó dễ, chưa biết chừng còn dùng bạo lực với anh mà chẳng ngại ngần gì.

Servaz đưa tay vuốt mặt. Dưới đôi mắt xinh đẹp của Irène Ziegler đã hiện quầng thâm, anh lại càng thấy cô thêm cuốn hút. Cô đã cởi áo vét đồng phục, ánh đèn nê ông nhảy nhót trên mái tóc vàng. Anh ngắm nhìn cổ cô. Có một hình xăm nhỏ lấp ló nơi cổ áo. Một chữ Hán.

“Chúng ta nên đi nghỉ và chợp mắt vài tiếng. Kế hoạch ngày mai là gì?”

“Trường luyện ngựa,” cô nói. “Tôi đã cho người quây kín gian thả. Giám định viên hiện trường ngày mai sẽ lo liệu.”

Servaz nhớ ra việc gian thả đã bị đột nhập.

“Chúng ta sẽ bắt đầu với các nhân viên chuồng trại. Chắc phải có người đã nghe hoặc nhìn thấy gì đó chứ.” Anh nói rồi quay sang Maillard, “Đại úy, khỏi cần phiền anh hỗ trợ. Chúng tôi sẽ cập nhật tình hình với anh sau.”

Maillard gật đầu.

“Có hai câu hỏi chính. Cái đầu của con ngựa đi đâu? Và tại sao phải mất công treo con ngựa lên đỉnh cáp treo như thế? Việc này hẳn phải có ý nghĩa gì đó.”

“Nhà máy thuộc về tập đoàn Lombard. Tự Do là con ngựa yêu thích của Eric Lombard. Thế nên rõ ràng anh ta là mục tiêu của bọn chúng,” Ziegler nói.

“Một lời buộc tội?” Maillard gợi ý.

“Hoặc trả thù.”

“Trả thù cũng có thể là một lời buộc tội,” Servaz nói. “Một người như Lombard nhất định phải có kẻ thù, nhưng tôi không tưởng tượng được một đối thủ làm ăn đơn thuần có thể đi xa đến thế. Tôi nghĩ tốt hơn hết chúng ta cần phải tra xét trong số những nhân viên của anh ta, những người đã bị sa thải, hoặc những người có tiền sử bệnh tâm thần.”

“Còn một giả thuyết khác,” Ziegler gập chiếc laptop lại. “Lombard là

một tập đoàn đa quốc gia có công ty con ở rất nhiều nước, Nga, Nam Mỹ, Đông Nam Á... Rất có thể họ đã từng qua lại với xã hội đen hoặc ổ nhóm tội phạm có tổ chức.”

“Ý hay đấy. Cứ lưu ý những khả năng ấy và tạm thời chưa quyết định vội. Có khách sạn tử tế nào quanh đây không?”

“Có khoảng mười lăm khách sạn hoặc hơn ở Saint-Martin,” Maillard trả lời. “Còn tùy xem anh muốn tìm nơi như thế nào. Nếu là anh tôi sẽ thử khách sạn Russell.”

Servaz ghi nhớ thông tin, dù đầu óc vẫn còn nghĩ đến hai gã bảo vệ, sự im lặng và lúng túng của họ.

“Những gã đó đang sợ,” anh đột nhiên nói.

“Gì?”

“Hai gã bảo vệ. Có ai hoặc cái gì đó đã làm họ sợ hãi.”



Servaz giật mình tỉnh giấc vì tiếng điện thoại. Anh nhìn giờ trên đồng hồ của chiếc radio. 8:37. *Chết tiệt!* Anh không nghe thấy tiếng chuông báo thức, đáng ra anh nên nhờ bà chủ khách sạn gọi mình dậy. Irène Ziegler sẽ đến đây trong vòng hai mươi phút nữa. Anh vớ lấy điện thoại.

“Servaz nghe.”

“Trên đây thế nào rồi?”

Giọng của Espérandieu... Như thường lệ, trợ lý của anh đã đến văn phòng sớm nhất. Servaz hình dung cậu ta đang đọc một cuốn truyện tranh Nhật Bản hoặc thử những phần mềm ứng dụng mới nhất cho cảnh sát, diện chiếc áo chui đầu thiết kế hợp thời mà vợ cậu chọn cho, và một lọn tóc rủ xuống lông mày.

“Khó nói,” anh đáp và đi về phía nhà tắm. “Chỉ có thể nói là không giống tất cả những gì chúng ta từng biết.”

“Chết tiệt, giá mà em được thấy.”

“Cậu sẽ được xem đoạn băng.”

“Trông cái xác thế nào?”

“Một con ngựa bị treo trên trụ tháp của cáp treo, ở độ cao 2.000 mét,” Servaz trả lời, điều chỉnh nhiệt độ nước tắm bằng bàn tay không cầm điện thoại.

Một thoáng im lặng.

“Một con ngựa? Trên đỉnh cáp treo?”

“Phải.”

Im lặng kéo dài.

“Mẹ kiếp,” Espérandieu thô lỗ nói, vừa hớp cái gì đó bên cạnh ống nghe.

Servaz dám cá đó là một thứ nước sủi bọt, chứ không phải cà phê đơn thuần. Espérandieu là chuyên gia về phân tử. Phân tử để đánh thức vào buổi sáng, phân tử để đi ngủ, để ghi nhớ, tiếp thêm năng lượng, chống ho, cảm lạnh, đau đầu và nôn nao trong bụng... Điều phi thường nhất là, Espérandieu không phải một tay cớm già nào đó sắp về hưu, mà là một trinh sát trẻ thuộc tổ điều tra hình sự chỉ vừa mới bước sang tuổi ba mươi. Cực kì khỏe mạnh. Cậu chạy dọc dòng Garonne ba lần một tuần. Tuyệt đối không gặp vấn đề gì với chỉ số cholesterol hay triglyceride. Nhưng cậu hay tưởng tượng ra một đám ma quỷ, mà vài kẻ trong số đó, rốt cuộc đã hóa thành thật.

“Khi nào anh trở lại? Bọn em cần anh ở đây. Bọn trẻ đang tố cáo cảnh sát *đánh đập chúng*. Luật sư của chúng nói rằng bà lão say rượu,” Espérandieu tiếp tục. “Và rằng lời khai của bà là vô giá trị. Ông ta yêu cầu thẩm phán thả đứa lớn nhất ngay lập tức. Hai đứa còn lại đã về nhà.”

Servaz cân nhắc thông tin trong giây lát. “Còn dấu vân tay?”

“Phải đợi đến mai.”

“Gọi cho phó công tố. Bảo anh ta kéo dài thời hạn đối với đứa lớn nhất. Ta biết chính chúng là thủ phạm. Dấu vân tay sẽ ‘lên tiếng’. Bảo anh ta nói chuyện với thẩm phán. Và giục phòng thí nghiệm khẩn trương lên.”

Anh đập máy. Giờ đã tỉnh như sáo. Ngay sau khi ra khỏi nhà tắm, anh nhanh chóng lau khô người và mặc quần áo. Anh vừa đánh răng vừa nhìn mình qua tấm gương trên bồn rửa mặt và nghĩ về Irène Ziegler. Anh ngạc nhiên khi thấy mình mất nhiều thời gian hơn bình thường để ngắm nghía khuôn mặt, tự hỏi mình nên trưng ra hình ảnh nào với cô sen đầm áy. Một gã trai vẫn còn trẻ, trông không tệ, nhưng hoàn toàn kiệt quệ vì mệt mỏi? Một tên cớm ngoan cố, nhưng được việc? Một người đàn ông đã ly hôn hiện rõ nổi cô đơn cả trên nét mặt và mớ áo xống? Nếu phải miêu tả chính mình, anh sẽ trông thấy những gì? Hai quầng thâm dưới mắt rõ mồn một, nếp nhăn quanh miệng và một đường thẳng đứng giữa hai chân mày. Trông anh như thể vừa ra khỏi lồng quay máy giặt. Tuy vậy, anh vẫn tin chắc, dù nom mình có bệ

rac đến đầu, khuôn mặt anh vẫn toát lên nét gì đó trẻ trung và nồng nhiệt. Lạy Chúa lòng lành! Đột nhiên anh bị làm sao vậy? Cái cách anh vừa tự nhủ thầm thật chẳng khác nào một thiếu niên mới trở giò. Anh nhún vai và đi ra ngoài ban công. Khách sạn Russell nằm ở khu trên cao của Saint-Martin, và căn phòng của anh nhìn ra những mái nhà của thị trấn. Đặt tay trên thành lan can, anh quan sát bóng tối rút dần khỏi những con phố hẹp, nhường chỗ cho bình minh rực rỡ. 9 giờ sáng, bầu trời phía trên dãy núi sáng ngời và trong suốt như một mái vòm pha lê. Phía trên, ở độ cao 2.500 mét, những dòng sông băng như thể hiện ra từ bóng tối, lấp lánh trong nắng, ngay cả khi mặt trời còn chưa ló dạng. Thẳng trước mặt là ngôi làng cổ, di tích lịch sử của thị trấn. Những khu chung cư nằm ở bên trái, cạnh dòng sông. Phía bên kia lưu vực rộng lớn, cách đây chừng 2 kilomet là vùng rừng cao ngất uồn lượn như một vạt sóng với vết sẹo ở giữa do tuyến cáp treo du lịch tạo thành. Phóng tầm mắt ra xa, Servaz có thể thấy những bóng người lướt qua mấy con phố nhỏ ở trung tâm thị trấn để tới chỗ làm. Đèn pha sáng rực của xe tải giao hàng, những thiếu niên ngồi trên xe máy nổ bình bịch trên đường đến trường. Chủ cửa hàng đang cuốn cửa sắt lên. Servaz rùng mình. Không phải vì trời lạnh, mà bởi anh vừa nhớ lại hình ảnh con ngựa bị treo trên kia, cùng với một hoặc một vài kẻ đứng sau tội ác đó.

Anh nhào người ra ngoài lan can. Ziegler đang đợi dưới nhà, dựa vào chiếc Peugeot. Cô đã thay bộ đồng phục thành chiếc áo len cổ lọ và áo vét da. Cô đang hút thuốc, một chiếc túi vắt qua vai.

Servaz xuống gặp cô và mời cô vào uống cà phê. Anh đang đói nên muốn ăn gì đó trước khi lên đường. Kiểm tra đồng hồ, cô nhìn mặt, nhưng cuối cùng vẫn rời chiếc xe, theo anh vào trong. Khách sạn Russell có từ thập niên 1930, phòng ốc không đủ ấm, những dãy hành lang dường như dài vô tận và u ám. Nhưng phòng ăn, với một không gian rộng cùng những chiếc bàn bày lọ hoa xinh xắn, lại vô cùng hấp dẫn và ấn tượng. Servaz ngồi xuống chiếc bàn gần cửa sổ lớn và gọi một cốc cà phê đen cùng bánh mì bơ, còn Ziegler gọi nước cam tươi. Ở bên cạnh là mấy người Tây Ban Nha, những vị khách du lịch đầu tiên của mùa này, đang nói chuyện âm ỉ.

Khi quay đầu lại, một chi tiết khiến anh chú ý, Irène Ziegler không chỉ cởi bỏ đồng phục, sáng nay cô còn kẹp một chiếc khuyên xinh xắn vào cánh mũi bên trái và nó sáng lóa lên dưới ánh nắng chiếu từ cửa sổ. Đây là loại trang sức mà anh tin chỉ có thể xuất hiện trên người con gái anh, chứ không phải một đại úy sen đầm. Thời đại đã đổi thay, anh nghĩ.

“Cô ngủ ngon không?”

“Không. Cuối cùng tôi phải uống nửa viên thuốc ngủ. Còn anh?”

“Tôi không nghe thấy tiếng báo thức. Ít nhất khách sạn cũng yên tĩnh, hầu hết khách du lịch vẫn chưa đến.”

“Phải hai tuần nữa họ mới đến. Thời điểm này của năm lúc nào cũng yên tĩnh.”

“Cái cáp treo du lịch đó là của khu nghỉ dưỡng trượt tuyết à?” Servaz chỉ về tuyến cáp đôi trên những ngọn núi.

“Phải, Saint-Martin 2000. Còn một khu nghỉ dưỡng nữa ở Peyragudes, cách đây 15 kilomet. Anh có thích trượt tuyết không?”

Một nụ cười mỉa mai hiện lên trên gương mặt Servaz.

“Lần cuối cùng tôi xỏ giày trượt tuyết là hồi 14 tuổi. Không phải kỉ niệm đẹp đẽ gì. Tôi không có... tinh thần thể thao lắm.”

“Nhưng trông anh rất khỏe khoắn,” Ziegler cười nói.

“Cô cũng vậy.”

Lạ lùng thay, cô gái đỏ mặt. Câu chuyện ngượng ngập. Tối qua họ là hai điều tra viên trong một vụ án, trao đổi các quan điểm chuyên môn. Sáng nay họ lại đang ngại ngùng cố gắng làm quen.

“Tôi hỏi anh một câu được không?”

Anh gật đầu.

“Hôm qua anh yêu cầu tìm hiểu kĩ hơn về ba người công nhân. Tại sao vậy?”

Người bồi bàn mang đồ ăn ra, nom già cả và buồn bã chẳng khác gì cái khách sạn. Servaz đợi đến lúc ông ta đi khỏi mới kể về cuộc nói chuyện với năm người đàn ông.

“Cái lão Tarriêu đó để lại ấn tượng thế nào với anh?”

Servaz hồi tưởng khuôn mặt bành bạnh và ánh mắt lạnh lẽo. “Một người đàn ông thông minh, nhưng giận dữ.”

“Thông minh? Thú vị thật đấy.”

“Tại sao?”

“Toàn bộ vụ dàn xếp kinh hoàng này... sự điên rồ... Tôi nghĩ dù ai làm việc đó, hẳn không những điên rồ mà còn thông minh. Cực kì thông minh.”

“Nếu vậy chúng ta có thể loại trừ hai gã bảo vệ,” anh nói.

“Có lẽ. Nếu một trong số bọn họ không giả vờ.”

Cô lấy laptop ra khỏi túi và mở trên bàn, giữa cốc nước cam và cốc cà phê của Servaz. Suy nghĩ khi nãy lại thoáng hiện lên. Thời đại đang thay đổi, một thế hệ điều tra viên mới đang dần kế tục. Cô có thể thiếu kinh nghiệm nhưng cô vẫn tương thích với thời đại của mình, và dù gì, kinh nghiệm là thứ có thể tích lũy.

Cô gõ gì đó và anh tranh thủ ngắm nhìn cô. Cô rất khác so với ngày hôm qua, trong lần gặp đầu tiên với bộ cảnh phục. Anh chăm chú quan sát hình xăm nhỏ trên cổ cô, chữ Hán lộ ra ngay bên trên cổ áo. Anh nghĩ đến Margot. Hình xăm kiểu này là sao? Và cả khuyên mũi. Anh có nên gắn thêm ý nghĩa nào đó cho chúng hay không? Ziegler có một hình xăm và một cái khuyên mũi. Có lẽ cô còn đeo trang sức ở những nơi khác nữa, rốn, hay thậm chí ngay núm vú hoặc chỗ kín, anh đã đọc được điều này ở đâu đó. Ý nghĩ ấy khiến anh bần khoăn. Điều đó có thay đổi cách cô suy nghĩ hay không? Anh bỗng nhiên tò mò muốn biết về đời tư của người phụ nữ này. Dù vậy, anh cũng tự ý thức được rằng cuộc sống riêng của mình mấy năm qua đã thoái hóa chẳng khác nào sa mạc. Anh gạt ý nghĩ đó sang một bên.

“Tại sao lại là sen đầm?” Anh hỏi.

Cô ngước lên, ngập ngừng trong thoáng chốc. “À, ý anh là tại sao tôi lại vào lực lượng sen đầm?”

Anh gạt đầu, không rời mắt khỏi cô. Viên đại úy mỉm cười, “Công việc ổn định, tôi nghĩ thế. Và không phải làm những việc mà ai cũng

làm.”

“Việc gì?”

“Trước đây ở trường đại học, tôi học ngành xã hội. Tôi chơi với một nhóm bạn có tư tưởng rất tự do. Tôi thậm chí còn từng sống trong một khu nhà chiếm dụng bất hợp pháp. Cớm, sen đầm, họ là kẻ thù. Rặt một lũ phát xít, chó giữ cửa cho bọn cầm quyền, tiền đồn của chủ nghĩa phản động. Cớm là những kẻ bảo hộ cho sự an yên sung túc của tầng lớp tư sản và đàn áp những người di dân, vô gia cư, hoặc những kẻ không gặp thời vận... Bố tôi là sen đầm, tôi biết ông không như thế. Nhưng tôi vẫn nghĩ những người bạn đại học của tôi đã đúng và bố tôi là trường hợp cá biệt, chỉ thế thôi. Sau khi tốt nghiệp đại học, tôi thấy những người bạn ‘cách mạng’ của mình trở thành bác sĩ, công chứng viên, nhân viên ngân hàng hay quản lý nhân sự, nói ngày một nhiều về tiền bạc, đầu tư, tỷ suất lợi nhuận và tất cả những cái đó, tôi bắt đầu tự vấn bản thân. Vì lúc đó tôi đang thất nghiệp, nên rốt cuộc tôi đã tham gia thi tuyển.”

Chỉ đơn giản là vậy, anh nghĩ.

“Servaz, không phải tên của người vùng này,” cô nói.

“Ziegler cũng vậy.”

“Tôi sinh ra ở Lingolsheim, không xa Strasbourg.”

Anh đang định đáp lại thì điện thoại của Ziegler bắt đầu rung. Cô ra dấu xin lỗi và trả lời. Anh thấy cô nhú mày. Cô tắt điện thoại và chăm chăm nhìn anh.

“Là Marchand. Ông ta đã tìm thấy đầu con ngựa.”

“Ở đâu?”

“Ở trường luyện ngựa.”

Họ đi khỏi Saint-Martin bằng con đường khác với con đường mà anh đã đến. Chiếc xe đi bên rìa thị trấn, qua trụ sở của sen đầm. Gần đây, lực lượng này được triệu tập ngày một thường xuyên để giám sát việc truyền thông đưa tin về các loại hình thể thao mạo hiểm.

Đi thẳng thêm 3 kilomet nữa, họ rời khỏi đường cái để đi vào một nhánh đường phụ. Giờ xe đang băng qua một đồng bằng rộng lớn, bốn bề là núi. Vẫn còn một quãng đường khá dài phía trước. Servaz cảm thấy anh có thể rảnh rang hít thở một chút. Không lâu sau, hai bên đường bắt đầu xuất hiện hàng rào. Mặt trời chói chang, rực rỡ trên tuyết.

“Đây là điền trang của gia đình Lombard,” Irène Ziegler thông báo.

Cô lái nhanh, mặc kệ xe xóc nảy. Họ đến một giao lộ với lối mòn dẫn vào rừng. Hai người cưỡi ngựa, đội mũ bảo hiểm nhìn họ đi qua, một nam một nữ. Ngựa cưỡi của họ cũng có bộ lông màu đen và nâu đỏ giống như con đã chết. *Ngựa hồng*, Servaz nhớ lại. Xa hơn chút nữa có một tấm biển đề TRƯỜNG LUYỆN NGỰA chỉ họ rẽ trái.

Khu rừng lùi dần về sau.

Họ đi qua vài dãy nhà thấp trông giống như kho thóc. Những hàng rào lớn vây thành hình chữ nhật, rải rác vài chướng ngại bên trong. Một dãy những gian nhốt ngựa dài và thấp. Bãi cỏ cùng một tòa nhà bề thế hơn, có vẻ là một sân cưỡi ngựa trong nhà. Một chiếc xe tải của sen đầm đang đỗ bên ngoài.

“Một nơi xinh đẹp,” Ziegler nhận xét, rồi trèo ra khỏi xe. Cô đảo mắt nhìn quanh khu rào vây. “Hai trường luyện ngựa ngoài trời, một để biểu diễn nhảy ngựa và một để dạy ngựa, một đường đua việt dã. Còn nữa, ở phía sau đằng kia, một đường phi nước đại.”

Một viên sen đầm đến gặp họ. Servaz và Ziegler đi theo anh ta. Họ được chào đón bởi những tiếng ngựa hí hoảng sợ và tiếng móng ngựa gõ dồn trên đất, như thể bọn chúng biết có chuyện gì đó đang xảy ra. Servaz toát mồ hôi lạnh. Hồi trẻ anh đã thử cưỡi ngựa. Một thất bại cay đắng. Ngựa làm anh sợ. Cả tốc độ, độ cao, hay ngay cả những đám đông lớn cũng khiến anh hoảng sợ. Khi tới cuối khu chuồng, họ thấy một dải băng vàng LỰC LƯỢNG SEN ĐẦM QUỐC GIA chằng dọc một bên tòa nhà, cách bức tường gần 2 mét. Họ phải giẫm lên tuyết để vòng qua. Marchand và Maillard đang đợi họ ở phía sau với hai viên sen đầm khác. Họ đứng bên ngoài dải băng. Dưới bóng bức tường gạch là một

đồng tuyết lớn. Servaz chăm chú nhìn nó trong chốc lát trước khi nhận thấy mấy điểm màu nâu. Anh rung mình phát hiện ra hai trong số ấy là một đôi tai ngựa, và điểm thứ ba là mi dưới của đôi mắt đang nhắm lại. Maillard và người của anh ta đã làm rất tốt. Ngay khi tìm ra, họ liền vây khu vực xung quanh lại và đứng cách xa đồng tuyết. Tuyết chắc chắn đã bị xáo trộn trước khi họ đến bởi dấu chân của người đầu tiên tìm thấy đầu ngựa, nhưng họ vẫn cố giữ nguyên hiện trường. Giám định viên chưa tới. Không ai được phép vào khu vực đó cho đến khi họ xong việc.

“Ai tìm thấy nó?” Ziegler hỏi.

“Là tôi,” Marchand nói. “Sáng nay, khi đi dạo qua các gian thả, tôi để ý thấy dấu chân trên tuyết xung quanh tòa nhà. Tôi lần theo chúng và bắt gặp cái đồng này. Tôi lập tức biết nó là cái gì.”

“Ông *lần theo* chúng?” Ziegler hỏi.

“Phải. Nhưng dựa vào tình huống hiện tại, tôi nghĩ ngay đến các vị, thế nên tôi cẩn thận không giẫm lên và giữ khoảng cách với chỗ đó.”

Servaz bỗng nhiên tập trung suy nghĩ.

“Ý ông nói là những dấu vết này vẫn còn nguyên, chưa ai giẫm lên chúng?”

“Tôi không cho phép ai đến gần khu vực này hay giẫm lên tuyết,” người quản gia trả lời. “Chỉ có hai loại dấu chân ở đây, của tôi, và của thằng khốn đã chém đầu con ngựa.”

“Nếu có gan, chắc tôi sẽ hôn ông một cái,” Ziegler nói.

Servaz thấy ông ta đỏ mặt, và anh cười. Họ lần theo dấu chân của chính mình và quay lại chỗ cũ, nhìn qua dải băng vàng.

“Ở đó,” Marchand chỉ về phía những dấu chân chạy dọc theo tường, sắc nét và rõ ràng, giấc mơ của bất cứ giám định viên hiện trường nào. “Đó là dấu chân của hắn, còn đây là của tôi, chỗ đó.”

Marchand đã giữ cho dấu chân của mình cách dấu chân kia khoảng hơn một mét. Hai đường đi không giao nhau tại bất cứ điểm nào. Tuy vậy, ông ta không thể cưỡng lại sự cám dỗ mà lại gần ụ tuyết, minh chứng chính là vị trí dấu chân cuối cùng của ông ta.

“Ông không chạm vào ụ tuyết chứ?” Ziegler hỏi.

Ông ta cúi đầu. “Tôi có chạm vào. Tôi là người đã phủ tuyết khỏi tai và mắt con ngựa. Như đã nói với đồng nghiệp của cô, tôi gần như đã định phủ hết tuyết đi, nhưng rồi tôi nhận ra mình đang làm gì, và dừng lại kịp thời.”

“Ông đã làm đúng, ông Marchand,” Ziegler cất lời khen ngợi.

Marchand quay sang họ với vẻ sững sờ, sợ hãi và kinh ngạc.

“Loại người nào lại đi làm việc này với một con ngựa? Có lẽ các vị hiểu xã hội chúng ta đang sống hơn tôi, bởi tôi hoàn toàn mù tịt rồi. Có phải tất cả chúng ta đều điên cả rồi không?”

“Sự điên rồ có thể lây lan,” Servaz trả lời. “Giống như cảm cúm. Đó là điều mà các nhà tâm lý học đáng lẽ phải phát hiện ra từ lâu rồi mới phải.”

“Lây lan?” Marchand bối rối.

“Nó không lây từ người này sang người khác như cảm cúm, nhưng từ cộng đồng này sang cộng đồng khác. Nó lây nhiễm cả một thế hệ. Tác nhân truyền nhiễm của bệnh sốt rét là muỗi. Còn tác nhân truyền nhiễm của sự điên rồ, hay chí ít, tác nhân ưa thích của nó, là truyền thông.” Servaz giải thích

Marchand và Ziegler ngỡ ngàng nhìn anh. Servaz vẫy nhẹ tay, như muốn nói ‘Đừng để ý đến tôi’, và bước ra chỗ khác. Ziegler kiểm tra đồng hồ, 9:43. Cô nhìn mặt trời tỏa sáng rực rỡ bên trên những tán cây.

“Vì Chúa! Bọn họ đang làm gì vậy? Chẳng mấy chốc tuyết sẽ tan hết mất.”

Mặt trời đã chuyển hướng, vài dấu chân lúc họ đến hầy còn nằm trong bóng râm giờ đã phơi dưới nắng. Chưa đủ ấm nên tuyết chưa tan, nhưng cũng chỉ giữ được một lát. Cuối cùng, họ cũng nghe thấy tiếng còi hiệu vang lên từ trong rừng. Một phút sau, chiếc xe tải mang theo phòng thí nghiệm của đội khám nghiệm hiện trường đã đỗ giữa sân trong.

Ba giám định viên mất hơn một giờ để chụp ảnh và ghi hình toàn bộ khu chuồng, chuẩn bị khuôn đàn hồi để đúc lại dấu chân, thu thập mẫu tuyết nơi vị khách không mời đã đi qua. Cuối cùng, họ cẩn thận di dời cái đầu ngựa, lấy mẫu và chụp ảnh toàn bộ bên trong và bên ngoài khu vực. Ziegler tỉ mỉ ghi chép từng bước trong quy trình khám nghiệm hiện trường và nhận xét sơ bộ vào một cuốn sổ gáy xoắn.

Trong lúc đó, Servaz đi đi lại lại khoảng hơn chục mét dọc theo một con suối chảy giữa hai hàng rào cây mâm xôi và hút thuốc, hết điếu này đến điếu khác. lát sau, anh lặng lẽ đánh bạo tiến lại gần để xem giám định viên làm việc mà không vượt quá hàng rào. Một viên sen đàm cầm chiếc bình giữ nhiệt đi tới và mời anh một cốc cà phê.

Tám biển nhựa vàng in số đen được cắm xuống tuyết bên cạnh mỗi dấu vết để chụp ảnh. Một giám định viên ngồi xổm, chụp từng vết chân với đèn flash, mỗi kiểu lại tăng hoặc giảm độ lấy nét. Họ đặt một chiếc thước kẻ chia độ màu đen bằng nhựa dẻo bên cạnh vết chân. Người thứ hai đi đến và mở một cái va li. Đó là bộ khuôn lấy mẫu dấu chân. Giám định viên đầu kia đến giúp anh này một tay vì họ phải thật khẩn trương, tuyết đã bắt đầu tan. Người thứ ba tập trung nghiên cứu cái đầu ngựa. Bức tường đằng sau quay về hướng Bắc nên anh ta có thể tranh thủ thời gian, không cần vội vã như các đồng nghiệp. Servaz có cảm giác mình đang quan sát sự nhẫn nại của một nhà khảo cổ khi khai quật một tuyệt phẩm đặc biệt quý giá. Cuối cùng cả cái đầu ngựa cũng hiện ra. Servaz không biết gì về ngựa, nhưng anh dám thề là ngay cả chuyên gia cũng sẽ nói Tự Do là một con vật tuyệt đẹp. Mắt nó nhắm lại như đang say ngủ.

“Dường như nó được ru ngủ trước khi bị giết và chặt đầu,” Marchand nhận xét. “Nếu vậy, ít nhất nó cũng không phải chịu đau đớn. Và cũng lý giải vì sao không ai nghe thấy tiếng hí.”

Servaz trao đổi bằng ánh mắt với Ziegler. Kết quả kiểm tra độc chất sẽ xác nhận điều đó, nhưng chuyện này đã phần nào trả lời một trong những câu hỏi của bọn họ. Bên trong dải băng, các giám định viên đang

dùng nhíp thu thập những vật mẫu cuối cùng và cất chúng vào ống nghiệm. Servaz biết rằng, số vụ án được phá nhờ tang vật tìm thấy ở hiện trường chưa chiếm tới bảy phần trăm, nhưng điều đó vẫn không làm giảm bớt lòng khâm phục của anh trước sự kiên nhẫn và bền bỉ của những người này.

Khi họ xong việc, Servaz là người đầu tiên bước qua dải băng, anh cúi xuống nhìn vết chân.

“Cỡ 45 hoặc 46,” anh ước lượng. “Chắc chắn tới 99% là đàn ông.”

“Theo nhân viên hiện trường, đó là giày leo núi,” Ziegler nói. “Và gã đi đôi giày này có xu hướng dồn lực lên gót chân và má ngoài bàn chân. Dù sao dấu hiệu đó cũng cực kì khó phát hiện, trừ khi là một chuyên gia chính hình. Cũng có một số dấu hiệu đặc thù, ở đó, đó và đó.”

Giống như dấu vân tay, những dấu vết do một đôi giày để lại rất đặc trưng, không chỉ vì kích thước và họa tiết trên đế giày, mà còn bởi một loạt những dấu hiệu nhỏ xíu, hàm chứa rất nhiều điều. Mòn vẹt do đi hằng ngày, những hạt sỏi tí hon kẹt dưới đế, các vết rách, thủng và xước do cành cây, móng chân, mảnh vỡ thủy tinh hay kim loại hoặc đá nhọn... gây ra. Chỉ có điều, không giống vân tay, tuổi đời của những dấu hiệu này có hạn. Chỉ có cách nhanh chóng đối chiếu với đôi giày nguyên bản mới có thể đảm bảo chắc chắn việc nhận diện. Nếu không, các dấu hiệu ấy sẽ mất đi và được thay mới do chủ nhân của đôi giày đã đi bộ thêm nhiều kilomet, qua đủ mọi địa hình.

“Ông đã thông báo với anh Lombard chưa?” Anh hỏi Marchand.

“Rồi, cậu ấy buồn thương vô cùng và quyết định rút ngắn chuyến đi Mỹ để trở về sớm nhất có thể. Tôi nay cậu ấy sẽ lên máy bay.”

“Ông có phải là người phụ trách khu vực này không?”

“Phải. Cả trường luyện ngựa.”

“Có bao nhiêu người làm việc ở đây?”

“Đây không phải một trường luyện ngựa lớn. Vào mùa đông chỉ có bốn người, gồm một giữ ngựa, một huấn luyện viên cưỡi ngựa, tôi và Hermine, con bé là người điên rồ nhất ở đây, chủ yếu chăm sóc cho ba con ngựa trong đó có Tự Do. Bốn chúng tôi làm tất cả mọi việc. Vào mùa

hè, chúng tôi thuê thêm nhân viên hỗ trợ. Hai huấn luyện viên, các hướng dẫn viên leo núi, và người giúp việc thời vụ.”

“Có bao nhiêu người ngủ lại đây?”

“Hai người, người giữ ngựa và tôi.”

“Hôm nay mọi người đều ở đây cả chứ?”

Marchand nhìn họ, lần lượt từng người một.

“Huấn luyện viên đang đi nghỉ đến cuối tuần. Mùa thu là mùa xả hơi. Tôi không biết Hermine hôm nay có đến không. Con bé đang buồn khổ ghê lắm. Đi theo tôi.”

Họ băng qua khoảng sân lớn, hướng về phía tòa nhà cao nhất. Khi bước vào trong, Servaz thấy váng vất bởi mùi phân ngựa. Mồ hôi phủ một lớp trên gương mặt anh. Họ đi qua kho chứa đồ và tới lối vào một trường luyện ngựa trong nhà. Một cô gái đang cưỡi và huấn luyện chú ngựa trắng. Nó bước từng bước vô cùng uyển chuyển. Trông cả hai vô cùng hòa hợp. Bộ lông trắng của con vật phơn phớt xanh. Nhìn từ xa, ức và mõm nó sáng óng lên như sứ. Servaz nghĩ đến một con nhân mã cái.

“Hermine!” Marchand gọi.

Cô gái quay đầu, chậm rãi tiến về phía họ, dừng lại và xuống ngựa. Servaz thấy mắt cô sững húp đỏ hoe.

“Gì thế?” Cô gái hỏi, vỗ lên cổ và mõm con ngựa.

“Cháu tìm Hector về đây được không, cảnh sát muốn gặp riêng mọi người. Có thể vào văn phòng của bác.”

Cô ta lặng lẽ gật đầu. Chỉ khoảng 20 tuổi. Vóc người nhỏ nhắn hơn bình thường, khá xinh xắn với phong cách tomboy, mặt đầy tàn nhang, mái tóc mang màu của những sợi rơm ướn. Cô nhìn Servaz bằng ánh mắt sâu nảo rồi cúi đầu dắt con ngựa rời đi.

“Hermine yêu ngựa lắm, nó cưỡi ngựa cừ khôi và là một huấn luyện viên ưu tú. Một đứa trẻ ngoan, nhưng có cá tính khá đặc biệt. Con bé cần trưởng thành thêm. Hermine chính là người chăm sóc con Tự Do. Kể từ khi nó sinh ra.”

“Cụ thể là phải làm những gì?” Servaz hỏi.

“Dậy rất sớm, chải lông và chăm sóc con ngựa, cho ăn, đưa nó ra đồng để tập chạy. Công việc của người giữ ngựa gồm cả luyện tập và chăm sóc ngựa. Hermine còn phụ trách hai con ngựa đua Thuần Chủng trưởng thành nữa. Ngựa biểu diễn. Nghề đó không phải ngày một ngày hai. Đương nhiên con bé không định huấn luyện con Tự Do cho tới năm sau. Cậu Lombard và con bé đang nóng lòng chờ đợi. Nó là một con ngựa rất có triển vọng, nòi giống tốt. Có thể nói nó là linh vật ở đây.”

“Còn Hector?”

“Ông ta là người già nhất trong số chúng tôi. ông ta làm việc ở đây không biết đã bao lâu rồi. Từ trước khi tôi đến nữa, trước tất cả mọi người.”

“Tổng cộng có bao nhiêu con ngựa?” Ziegler hỏi.

“Hai mươi mốt. Ngựa Thuần Chủng, ngựa yên Pháp, một con giống Holsteiner. Mười bốn con trong số đó là của chúng tôi, còn lại là nội trú. Chúng tôi cung cấp dịch vụ nội trú, đỡ đẻ và huấn luyện cho một khách hàng bên ngoài.”

“Có bao nhiêu chuồng tất cả?”

“Ba mươi hai. Và một gian đỡ đẻ 40m² có công cụ theo dõi bằng hình ảnh. Có cả các gian để kiểm tra ngựa cái mang thai, một phòng chẩn trị, hai gian thả, một trung tâm phối giống, hai trường ngựa ngoài trời với rào chướng ngại vật để biểu diễn nhảy vượt rào, tám héc-ta đồng cỏ, bãi quây, đường mòn với những bãi cỏ có mái che và một đường phi nước đại.”

“Đây là một trường luyện ngựa rất tốt,” Ziegler xác nhận.

“Vào ban đêm chỉ có hai người các ông để mắt trông coi mọi thứ sao?”

“Có một hệ thống báo động. Tất cả chuồng và các khu nhà đều được khóa kín. Những con ngựa này có giá trị rất lớn.”

“Và ông không nghe thấy gì cả?”

“Không, không gì hết.”

“Ông có dùng thuốc ngủ không?”

Marchand khinh miệt nhìn Servaz. “Đây không phải thành phố. Chúng tôi ngủ ngon. Chúng tôi sống theo cách con người nên sống, hòa hợp với mọi thứ.”

“Không có một tiếng động lạ nào dù là nhỏ nhất sao? Có gì bất thường không? Thứ có thể đã đánh thức ông lúc nửa đêm ấy? Ông cố nhớ lại xem.”

“Tôi đã thử rồi. Nếu nhớ ra thì tôi đã nói với anh. Luôn có tiếng ồn ở một nơi thế này. Lũ ngựa di chuyển, tiếng gõ kéo kẹt. Vì khu rừng ở sát bên nên không lúc nào yên tĩnh tuyệt đối cả. Tôi không còn để ý đến những tiếng động đó từ rất lâu rồi. Và còn có cả Cisco và Enzo, đáng lẽ chúng phải sửa chửa.”

“Lũ chó,” Ziegler nói. “Chúng thuộc giống gì?”

“Ngao Ý.”

“Tôi không thấy chúng đâu cả. Chúng đâu rồi?”

“Tôi nhốt lại rồi.”

Hai con chó và một hệ thống báo động. Cùng hai người đàn ông ngủ lại...

Một con ngựa nặng bao nhiêu? Anh nhớ lại lời Ziegler, gần 200 cân thì phải. Các vị khách này không thể nào đi bộ đến được. Nhưng làm sao bọn chúng có thể giết một con ngựa, chặt đầu nó, tống phần thân lên một phương tiện nào đó và rời đi mà không bị ai phát hiện, không đánh thức cả lũ chó và người sống ở đây? Còi báo động cũng chẳng kích hoạt? Servaz không thể hiểu nổi. Cả người và chó đều không hề hay biết. Hai gã bảo vệ ở nhà máy điện cũng không nghe thấy gì, chỉ đơn giản là không thể. Anh quay sang Ziegler.

“Chúng ta có thể yêu cầu một bác sĩ thú y đến và lấy mẫu máu của lũ chó được không? Buổi đêm chúng được thả hay bị nhốt trong cũi?” Anh hỏi Marchand.

“Chúng ở bên ngoài, nhưng được xích lại bằng một sợi xích dài. Không ai có thể đến gần chuồng ngựa mà không đánh động chúng. Hẳn tôi cũng phải tỉnh giấc nếu chúng sửa. Anh nghĩ chúng bị đánh thuốc

phải không? Nếu vậy tôi sẽ ngạc nhiên lắm đấy, sáng hôm qua chúng tôi như sáo, hoàn toàn bình thường.”

“Kết quả xét nghiệm độc chất sẽ xác nhận việc đó,” Servaz trả lời, tự hỏi con ngựa bị đánh thuốc thì có gì lỗi chớ lại không.

Nơi làm việc của Marchand là một căn phòng nhỏ bừa bộn ở giữa kho chứa đồ và khu chuồng trại, cúp xếp đầy trên những chiếc kệ. Cửa sổ nhìn ra rừng và đồng cỏ phủ tuyết với những cánh đồng, hàng rào, bờ gậu bao quanh. Trên bàn làm việc đặt một laptop, một chiếc đèn và một mớ bong bóng những hóa đơn, bì đựng tài liệu và sách về ngựa.

Trong vòng nửa tiếng trước, Ziegler và Servaz đã tham quan toàn bộ nơi này và kiểm tra chuồng của con Tự Do, nơi các giám định viên đang bận rộn làm việc. Cửa vào chuồng đã bị phá, có rất nhiều máu dưới sàn. Rõ ràng là Tự Do đã bị chạt đầu tại đây, chắc hẳn là bằng một cái cửa, và có lẽ sau khi bị đánh thuốc ngủ. Servaz quay sang người giữ ngựa.

“Tôi đó ông không nghe thấy bất cứ tiếng động gì sao?”

“Có lẽ bây giờ tôi đang ngủ,” ông già cao lớn trả lời.

Ông ta không cạo râu, trông già đến mức nên được cho về hưu từ lâu. Râu bạc mọc ra từ cằm và hai bên má hõm sâu tua tủa như gai nhím.

“Không một âm thanh nào? Không gì cả?”

“Trong chuồng lúc nào chẳng có tiếng động,” ông ta nói, giống y như Marchand, nhưng khác với hai gã bảo vệ, câu trả lời của họ nghe không giống đã được diễn tập.

“Ông đã làm việc cho nhà Lombard từ rất lâu rồi phải không?”

“Tôi làm việc cho cậu Lombard. Và cả bố cậu ấy nữa.”

Mắt ông đỏ ngầu, những mạch máu li ti đan thành một mạng lưới chẳng chịt màu tía trên lớp da mỏng ở mũi và má. Servaz tin chắc ông ta không dùng thuốc ngủ dạng viên mà lúc nào cũng khư khư bên mình một thứ gây ngủ dạng lỏng.

“Làm việc cho anh ta thế nào?”

Người đàn ông trăn trăn nhìn Servaz với cặp mắt đỏ. “Chúng tôi

không thường xuyên gặp cậu Lombard, nhưng cậu ấy là một người chủ tốt. Và yêu lũ ngựa. Tự Do là con ngựa yêu thích của cậu ấy. Sinh ra tại đây. Nòi giống hoàng gia. Cậu ấy phát cuồng vì nó. Hermine cũng vậy.”

Người đàn ông hạ mắt xuống. Servaz thấy bên cạnh ông ta, cô gái trẻ đang cố kìm nước mắt.

“Ông nghĩ có người nào bất mãn với Lombard không?”

Người đàn ông vẫn cúi thấp đầu. “Tôi chẳng thể nói được gì.”

“Nhưng ông cũng chưa từng thấy anh ta bị đe dọa lần nào sao?”

“Chưa.”

“Cậu Lombard có rất nhiều kẻ thù,” Marchand cắt ngang.

Servaz và Ziegler quay sang nhìn người quản gia. “Ý ông là gì?”

“Là như tôi đã nói.”

“Ông có biết ai trong số đó không?”

“Tôi không quan tâm đến việc làm ăn của Éric. Tôi chỉ có hứng thú với những con ngựa của cậu ấy thôi.”

“Ông dùng từ ‘kẻ thù’, hẳn phải có ẩn ý gì chứ?”

“Chỉ là một cách diễn đạt.”

“Còn gì nữa?”

“Công việc làm ăn của Éric luôn có rất nhiều áp lực.”

“Rõ ràng quá nhỉ,” Servaz khẳng định. “Là vô tình hay cố ý?”

“Quên những gì tôi vừa nói đi,” người quản gia trả lời. “Tôi chỉ đoán vậy thôi. Tôi không biết gì về công việc của cậu Lombard hết.”

Trong khoảnh khắc, Servaz không tin ông ta. Nhưng anh vẫn nói lời cảm ơn. Khi ra khỏi tòa nhà, anh thấy lóa mắt trước bầu trời xanh trong bên ngoài. Tuyết tan dần dưới mặt trời. Vài con ngựa nhìn ra ánh nắng bên ngoài gian chuồng, những con đang có người cưỡi thì nhảy qua các chướng ngại vật.

Servaz đứng một lát cho đầu óc tỉnh táo, anh ngửa mặt lên nhìn trời...

Hai con chó và một hệ thống báo động. Cùng hai người đàn ông ngủ lại.

Và không ai nhìn hay nghe thấy gì. Dù là ở đây hay ở nhà máy điện. Không thể nào. Vô lý hết sức.

Càng thu thập được nhiều chi tiết về vụ án này, dường như tâm trí anh lại càng rối lên với cả mớ suy nghĩ hỗn độn. Anh thấy như thể mình là một chuyên gia bệnh học, đầu tiên đào được một ngón tay, rồi một bàn tay, một cánh tay, cuối cùng là cả cái xác. Càng lúc anh càng bất an. Mọi chi tiết trong vụ việc này đều khác thường và không thể lý giải được. Theo bản năng, như một con thú, Servaz ngửi thấy mùi nguy hiểm. Anh nhận ra mình đang run lên, dù mặt trời vẫn ngay trên đỉnh đầu.



Vincent Espérandieu nhượng một bên lông mày khi thấy bộ mặt đỏ như tôm luộc của Servaz đi vào văn phòng của cậu ở đại lộ Embouchure.

“Anh cháy nắng kìa,” cậu nhắc.

“Ánh tuyết hắt vào đây,” Servaz trả lời thay cho lời chào hỏi. “Với lại tôi còn đi một chuyến trực thăng.”

“Anh, trong một chiếc trực thăng ư?”

Đã từ lâu Espérandieu biết sếp mình chẳng ưa gì tốc độ hay độ cao, lái xe quá 130 km/h là anh sẽ tái mét ngồi lún sâu vào ghế.

“Cậu có gì uống cho khỏi đau đầu không?”

Vincent Espérandieu mở một ngăn kéo. “Aspirin? Paracetamol? Ibuprofen?”

“Cái nào tác dụng nhanh ấy.”

Espérandieu lấy chai nước khoáng và một chiếc cốc cho Servaz. Cậu đặt một viên thuốc trước mặt anh, rồi cũng tự mình nuốt một viên con nhộng. Qua cánh cửa mở, ai đó đang bắt chước tiếng ngựa hí hoàn hảo rồi cười khùng khục.

“Mấy thằng khôn ngu ngốc,” Servaz nói.

“Nhưng anh phải thừa nhận là họ đúng đi, tổ hình sự được điều động để điều tra một vụ giết ngựa...”

“Một con ngựa của Éric Lombard.”

“À.”

“Và nếu cậu thấy nó, cậu cũng sẽ thắc mắc liệu những kẻ đứng sau việc này có gây thêm tội ác kinh khủng nào như thế nữa không.”

“Những kẻ? Anh cho là không chỉ một người?”

Servaz lơ đãng nhìn cô gái nhỏ tóc vàng kiêu diễm đang cười trên màn hình máy tính của Espérandieu, trông cô như hề với một ngôi sao lớn vẽ bên mắt trái.

“Cậu nghĩ xem, nửa đêm một mình cậu có thể kéo chừng 200 cân thịt và treo nó lên độ cao cách mặt đất 300 mét không?”

“Đó là một quan điểm hoàn toàn có căn cứ,” trợ lý của anh thừa nhận.

Servaz nhún vai và nhìn quanh. Những tấm rèm được hạ xuống, che đi bầu trời xám xịt và những mái nhà của Toulouse ở bên này, che đi bức vách kính ngăn cách họ với hành lang ở bên kia. Bàn thứ hai, chỗ làm việc của Samira Cheung, lính mới, hiện đang trống.

“Còn lũ trẻ thế nào rồi?” Anh hỏi.

“Đứa lớn nhất được gửi trả về trại giam để điều tra thêm. Như em đã nói với anh, hai đứa kia về nhà rồi.”

Servaz gật đầu.

“Em đã nói chuyện với bố của một đứa,” cậu nói thêm. “Một người làm bảo hiểm. Gã không chấp nhận được chuyện đó. Gã cảm thấy hoang mang cực độ. Nhưng khi em nhắc đến nạn nhân, gã đã sửng cò: ‘Lão ta chỉ là một kẻ lang thang. Say sưa tối ngày! Các anh không định cho lũ trẻ vào tù chỉ vì một kẻ lang thang vô gia cư đây chứ?’”

“Gã nói thế sao?”

“Nguyên văn. Gã gặp em trong văn phòng bè thế của mình. Điều đầu tiên gã nói: ‘Con trai tôi không làm gì cả. Đó không phải cách nó được nuôi dạy. Là những đứa khác. Thằng Jérôme đã lôi kéo nó, bố nó thất nghiệp.’ Gã nói như thế trong mắt gã, thất nghiệp cũng tương tự như buôn ma túy hay ấu dâm vậy.”

“Con gã là đứa nào?”

“Thằng bé tên là Clément.”

Thằng đầu tiên, Servaz nghĩ. Cha nào con nấy. Cùng một thái độ khinh người như nhau.

“Luật sư của chúng đã liên hệ với thẩm phán,” Espérandieu tiếp tục.

“Hiển nhiên họ đã vạch ra chiến lược, họ sẽ buộc tội đứa lớn nhất.”

“Con của tay thất nghiệp.”

“Phải.”

“Mắt xích yếu nhất.”

“Bọn người đó khiến em buồn nôn,” Espérandieu nói.

Giọng nói của cậu nghe có vẻ trẻ con và hơi lè nhè. Cùng với lối cư xử có phần kiêu cách, một số đồng nghiệp đã nghi ngờ cậu không chỉ có hứng thú với phụ nữ. Lúc đầu, Servaz cũng thắc mắc tương tự khi Espérandieu vừa gia nhập đội của mình. Thị hiếu thời trang của cậu trai này cũng làm nảy sinh thái độ bất mãn ở một số sĩ quan kiểu Người Tiên Sử trong đội. Họ luôn cho rằng nếu là một cảnh sát, người ta phải có bốn phận phô bày sự mạnh mẽ và kiêu hùng của nam giới.

Cuộc đời đã bao dung với Espérandieu. Ở tuổi ba mươi, cậu có cuộc hôn nhân tuyệt vời và một bé gái 5 tuổi cực kì xinh xắn, chính là cô bé có nụ cười làm bừng sáng màn hình máy tính kia. Servaz nhanh chóng thân thiết với trợ lý của mình. Cậu mời anh đến nhà ăn tối không dưới sáu lần trong vòng hai năm kể từ khi gia nhập đội. Lần nào cũng vậy, Servaz hoàn toàn bị chinh phục bởi sức hấp dẫn và trí tuệ của quý bà và quý cô nhà Espérandieu. Cả hai đều có thể xuất hiện trên tạp chí, để quảng cáo kem đánh răng, du lịch hay các kì nghỉ gia đình.

Nhưng một sự việc đã nảy sinh giữa cậu lính mới và các sĩ quan kì cựu trong đội. Có vẻ như bản năng giết chóc của họ bị đánh thức khi phải làm việc chung với một đồng nghiệp trẻ và có khả năng là người lưỡng tính. Servaz phải can thiệp và hậu quả là kết nạp thêm cho mình vài kẻ thù lâu năm. Cụ thể là hai gã đực rựa ngoan cố, những tên vô lại hẹp hòi. Họ quyết không bao giờ tha thứ cho anh. Một trong hai gã đó đã nhận từ anh vài lời chửi bới trong lúc tranh cãi. Nhưng Servaz cũng nhận được sự công nhận và tôn trọng lâu dài của Espérandieu, Charlène lại mang thai và họ đã đề nghị Servaz làm cha đỡ đầu.

“Một phóng viên của France TV3 cùng vài nhà báo từ mấy tòa soạn đã gọi đến. Họ muốn biết chúng ta có bằng chứng nào liên quan đến lũ trẻ không. Nhưng hơn hết, họ muốn biết chúng có bị đánh không. Có

tin đồn về hành vi đồi xử dã man của cảnh sát với trẻ vị thành niên. Họ diễn đạt như vậy, và như thường lệ, phát tán cách diễn đạt ấy ra. Copy, paste, là tất cả những gì họ có thể làm. Nhưng chắc hẳn phải có kẻ tung tin đồn.”

Servaz cau mày. Nếu cánh nhà báo đánh hơi được điều gì đó, chuông điện thoại sẽ réo không ngừng. Lại phải có công bố, bác bỏ, họp báo, rồi một vị bộ trưởng lên tivi và hứa hẹn sẽ ‘làm tới cùng’. Ngay cả khi cảnh sát tìm được cách chứng minh mọi công đoạn đều đúng luật, mỗi nghi ngờ vẫn cứ tồn tại.

“Anh muốn một cốc cà phê không?” Cậu trợ lý hỏi.

Servaz gật đầu. Espérandieu đứng dậy và đi ra ngoài. Servaz nhìn các màn hình máy tính đang nhấp nháy trong cảnh tranh tối tranh sáng. Anh lại nghĩ tới ba cậu bé mới lớn, điều gì đã dồn ép chúng gây ra hành động ngu dại đến thế.

Những đứa trẻ đó cả ngày chỉ được bán cho những giấc mơ và sự dối trá. *Bán*, không phải cho. Những kẻ bán hàng độc địa đã biến sự vỡ mộng của tuổi dậy thì thành hàng hóa. Vật chất tầm thường, khiêu dâm, bạo lực, dối trá, thù ghét, rượu, ma túy, tất cả đều được bày bán trong lớp cửa kính trưng bày hào nhoáng của chủ nghĩa tiêu dùng hàng loạt, mà giới trẻ chính là mục tiêu.

Espérandieu trở lại với cốc cà phê.

“Phòng của lũ trẻ thì sao?” Servaz hỏi.

Samira Cheung đi vào. Sáng hôm đó, thành viên mới nhất của đội mặc chiếc áo khoác da ngắn trông có vẻ quá mỏng so với thời tiết mùa này, một chiếc áo len cùng dòng chữ ‘*Tôi là người vô chính phủ*’, quần da màu đen và đôi boot nhựa dẻo màu đỏ cao đến đùi.

“Chào,” cô nói, với tai nghe chiếc iPod vắt hờ trên áo khoác và một chiếc cốc bự bốc hơi nghi ngút trên tay.

Servaz chào đáp lại, không tránh khỏi cảm giác vừa mê hoặc vừa hoang mang trước phục trang khó tin của cấp dưới. Samira Cheung mang dòng máu Trung Quốc của bên nội và Pháp, Ma rốc của bên ngoại. Cô đã nói với Espérandieu (cậu không thể dần lòng mà lập tức kể

lại với Servaz) rằng mẹ cô hồi 26 tuổi, đang là một nhà thiết kế nội thất có tiếng trên thế giới, đã yêu điên cuồng một khách hàng Hong Kong, mà theo lời Samira -là một người đàn ông có vẻ đẹp và trí tuệ hiếm có. Nhưng bà đã quay trở lại Paris cùng với cái thai, ngay sau khi phát hiện ra bố cô là kẻ nghiện nặng và chơi gái mại dâm gần như hằng ngày. Một chi tiết đáng ngại, Samira Cheung là sự kết hợp giữa một cơ thể hoàn hảo với một trong những khuôn mặt xấu xí nhất mà Servaz từng thấy. Đôi mắt lồi được đánh viền thật đậm, khuôn miệng rộng tô son màu đỏ máu và một cái cằm nhọn hoắt. Một người trọng nam khinh nữ trong đội đã tổng kết ngoại hình của cô bằng một câu, “Với cô ta thì ngày nào cũng là lễ Halloween.” Tuy vậy, có một điểm nổi trội về gen hoặc sự giáo dục của Samira Cheung xứng đáng được công nhận. Đầu óc cô nhạy bén như một cái roi da. Và cô không hề do dự trong việc sử dụng nó. Cô nhanh chóng tiêu hóa các nguyên tắc cơ bản của nghề này và đã hơn một lần chứng tỏ óc sáng kiến của mình. Rất tự nhiên, Servaz liên tục giao phó cho cô những nhiệm vụ ngày càng phức tạp và cô cũng không chút ngại ngần làm thêm giờ để hoàn thành.

Cô ngồi xuống chỗ của mình, gác đôi gót giày lên cạnh bàn và ngả người tựa vào lưng ghế trước khi quay ra nhìn bọn họ.

“Chúng tôi đã lục soát phòng của ba thằng bé,” cô trả lời câu hỏi của Servaz. “Nhìn chung thì không tìm được gì mấy, ngoại trừ một chi tiết.”

Servaz nhìn cô.

“Hai đứa đầu tiên có những trò chơi điện tử cực kì bạo lực ở nhà. Kiểu như anh phải cho nổ tung đầu đối thủ để giành điểm tối đa, hoặc đánh bom dân thường, tiêu diệt kẻ thù bằng đủ thứ vũ khí tinh vi. Những thứ vô cùng đẫm máu, anh biết đấy, máu me be bét.”

Servaz nhớ lại một cuộc tranh luận gần đây trên báo chí về các game bạo lực như thế. Nhà sản xuất bất bình và phát biểu rằng bọn họ ‘ý thức rất rõ về vấn đề bạo lực và chú ý không vượt quá giới hạn’, rằng một số lời cáo buộc chống lại bọn họ là ‘không thể chấp nhận được’. Rằng họ đã đúng khi bán các trò mà người chơi có thể tra tấn, trộm cướp và sát nhân. Rồi các nhà tâm lý học vào cuộc. Họ quả quyết một cách uyên thâm rằng không hề có mối tương liên giữa trò chơi điện tử và bạo lực

trong giới trẻ. Nhưng trái lại, các nghiên cứu khác cũng chỉ ra, những người trẻ ham mê game bạo lực thường đứng dưng và ít phản ứng trước nỗi đau của người khác.

“Ngược lại, chúng tôi không hề tìm thấy bất cứ trò chơi điện tử nào trong nhà thằng bé Clément. Thế nhưng có một cái đầu chơi điện tử...”

“Nghĩa là ai đó đã dọn dẹp trước,” Espérandieu nói.

“Ông bố,” Servaz đề xuất.

“Phải,” trợ lý của anh trả lời. “Bọn em nghi ngờ gã đã tống khứ đồng trò chơi ấy đi để chúng ta có một cái nhìn trong sạch hơn về con trai gã. Và cũng tố cáo hai đứa kia nhiều hơn.”

“Mấy người đã niêm phong ba căn phòng đó chưa?”

“Rồi, nhưng luật sư đệ đơn kháng án, xin phép gỡ bỏ niêm phong, lấy cớ rằng đó không phải hiện trường vụ án.”

“Bọn trẻ có máy tính trong phòng không?”

“Có, bọn em đã xem xét nhưng dữ liệu bị xóa rồi, dù trước đó cảnh sát yêu cầu phụ huynh không được động vào bất cứ thứ gì. Bọn em sẽ phải quay lại với một nhân viên kỹ thuật để kiểm tra ổ cứng.”

“Chúng ta có thể chứng minh là vụ án đã được mưu tính từ trước,” Samira nói. “Nếu chúng có lên kế hoạch, giả thuyết tai nạn sẽ được loại bỏ hoàn toàn.”

Servaz bần khoăn nhìn cô.

“Ý cô là gì?”

“Cho đến giờ, không có gì chứng tỏ bọn chúng muốn giết ông ta cả. Nạn nhân có lượng còn lớn trong máu. Luật sư bào chữa có khả năng sẽ viện dẫn rằng chết đuối là nguyên nhân chính dẫn đến tử vong. Việc này còn tùy thuộc vào kết quả khám nghiệm tử thi.”

“Chết đuối trong 50 centimet nước?”

“Tại sao không? Cũng không phải là chưa từng xảy ra.”

Servaz suy nghĩ trong giây lát, Samira nói đúng.

“Còn dấu vân tay?” Anh hỏi.

“Chúng tôi đang đợi.”

Cô thả gót giày xuống sàn và đứng lên.

“Tôi phải đi đây. Tôi có hẹn với thẩm phán.”

“Lính mới cừ đó chứ?” Espérandieu nói khi cô gái đã rời khỏi phòng.

Servaz gật đầu cười. “Cậu có vẻ thích Samira.”

“Cô ấy làm việc chăm chỉ, đáng tin cậy và ham học hỏi.”

Servaz đồng tình. Anh không hề do dự giao phó trọng trách điều tra vụ án mạng của người đàn ông vô gia cư cho Espérandieu và Samira. Họ ngồi chung một văn phòng, thích khá nhiều thứ giống nhau (đặc biệt là một số kiểu quần áo nhất định), và họ có vẻ hợp nhau. Cũng chỉ có thể mong đợi hai cảnh sát cá tính mạnh có quan hệ tốt đến chừng ấy là cùng.

“Bọn em sẽ tổ chức một bữa tiệc nhỏ vào thứ Bảy,” Espérandieu nói. “Charlène nhất định muốn mời anh tham gia.”

Servaz nghĩ tới vợ cậu trợ lý và sắc đẹp có phần quá đáng của cô. Lần gặp mặt gần đây nhất, cô mặc một chiếc váy dạ tiệc đỏ tôn dáng, mái tóc đỏ nhảy nhót dưới ánh đèn như một ngọn lửa, và anh cảm thấy cổ họng mình nghẹn ứ. Vợ chồng Espérandieu là những chủ nhà hoàn hảo, anh đã có một buổi tối rất thú vị, nhưng điều đó không có nghĩa là anh muốn tham gia vào nhóm bạn của họ. Anh từ chối lời mời, lấy cớ rằng đã hứa dành buổi tối hôm đó với con gái.

“Em để hồ sơ của bọn trẻ trên bàn anh nhé,” người trợ lý gọi với theo khi anh ra khỏi cửa.

Trở lại văn phòng của mình, Servaz cắm sạc điện thoại và bật máy tính lên. Hai giây sau có thông báo một tin nhắn đến. Anh mở khóa. Một cách miễn cưỡng. Vì với Servaz, điện thoại di động chính là phòng tuyến cuối cùng của sự cách ly với công nghệ. Nhưng Margot đã ép anh phải mua một cái sau khi anh đến muộn nửa giờ trong một lần hai người hẹn gặp.

b ớ con đây b nghĩ sáng thứ Bảy đc ko? Hôn b

Thứ ngôn ngữ quái quý gì đây? Có phải chúng ta đang leo trở lại lên cây sau khi mất chừng ấy thời gian để trèo xuống không? Anh bỗng cảm thấy như thể mình vừa đánh mất chìa khóa. Những tác động gần

đây của thế giới hiện đại khiến Servaz cảm thấy mình giống một kẻ xa lạ trong thời đại này, như thể cỗ máy thời gian đã đưa anh đến thẳng đây từ thế kỷ 18 vậy. Anh lần lại số trong trí nhớ và nghe thấy giọng con gái mình trong hộp thư thoại, đại ý là con bé sẽ gọi lại nếu anh để lại tin nhắn. Tiếng nhạc nền kinh khủng khiến anh phải kết luận rằng địa ngục chính là nơi trú ngụ của những nhạc sĩ tồi.

Ánh mắt anh dừng lại trước tập hồ sơ về vụ án của lão vô gia cư. Theo lý thì anh phải giải quyết nó ngay lập tức. Đó là những gì anh nợ lão già đáng thương ấy. Cuộc đời bừa bãi của lão đã chấm dứt theo một cách ngớ ngẩn nhất mà người ta có thể hình dung ra. Nhưng anh không có tâm trạng nào để làm việc ấy.

Servaz đang để tâm đến chuyện khác. Anh quay sang máy tính, vào Google và gõ một dãy từ khóa. Công cụ tìm kiếm cung cấp trên 20.800 kết quả cho '*doanh nghiệp của Tập đoàn Éric Lombard*'. Hiển nhiên là ít kết quả hơn so với Obama hay The Beatles, nhưng dù sao vẫn là một con số đáng nể. Chẳng đáng ngạc nhiên, Éric Lombard là một nhân vật hấp dẫn cánh truyền thông. Anh ta phải đứng thứ năm hoặc sáu trong danh sách những người giàu nhất cả nước.

Servaz đọc lướt qua mấy trang đầu. Một số trang cung cấp lý lịch của Éric Lombard, ông bố Henri và ông nội Édouard. Cũng có những bài viết trên vài tờ thương mại, người nổi tiếng, thậm chí cả về thể thao, bởi Éric Lombard đã xây dựng được một trường luyện ngựa hứa hẹn toàn những nhà vô địch. Có một vài trang dành hẳn cho những kì tích thể thao của anh ta. Người đàn ông này là một vận động viên thể thao và nhà thám hiểm đầy nhiệt huyết. Một nhà leo núi, một vận động viên chạy việt dã và ba môn phối hợp, một tay đua ô tô thể thao lão luyện. Anh ta còn từng tham gia đoàn thám hiểm Bắc Cực và Amazon. Có vài bức hình chụp anh ta trên chiếc mô tô giữa sa mạc hay đang cầm lái một chiếc máy bay thương mại. Rải rác trong các bài báo là những từ tiếng Anh mà Servaz hoàn toàn mù tịt, *freeride**, *base jump**, *kitesury**.

Có một bức ảnh được đính kèm trên vài bài báo. Một gã Viking. Đó là những gì Servaz nghĩ khi thấy anh ta. Tóc vàng, râu vàng, mắt xanh ánh thép. Rám nắng. Khỏe mạnh. Đầy năng lượng. Nam tính. Tự tin.

Nhìn chằm chằm vào ống kính máy ảnh theo cái cách anh ta nhìn bất cứ ai đến gần mình, với sự tự tin của một kẻ được người khác trông đợi. Một hình ảnh quảng cáo sống cho tập đoàn Lombard. Tuổi: 36.

Từ góc độ pháp luật, Lombard Group là một công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn, nhưng công ty mẹ, Lombard Enterprises, là tập đoàn cổ phần hóa. Bốn công ty con chính của tập đoàn là Công ty Truyền thông Lombard (sách, báo chí, phân phối, nghe nhìn), Lombard Company (chuyên thiết bị thể thao, quần áo, du lịch và hàng hóa cao cấp, nhà thầu lớn thứ tư toàn cầu chuyên cung cấp các vật dụng xa xỉ), Công ty Hóa dược Lombard (dược phẩm và hóa chất) và AIR (chuyên về hàng không, quốc phòng và công nghiệp vũ trụ). Tập đoàn Lombard sở hữu 15% cổ phần của AIR, thông qua hình thức trung gian của công ty mẹ, Tổ chức doanh nghiệp Lombard. Bản thân Eric Lombard là giám đốc điều hành của Lombard Group, giám đốc điều hành Lombard Company và Công ty Hóa dược Lombard, cũng như chủ tịch hội đồng quản trị của AIR. Với tấm bằng của một trường thương mại ở Pháp và trường Kinh tế Luân Đôn, anh ta bắt đầu sự nghiệp của mình tại một trong những công ty con của Lombard Company, một thương hiệu sản xuất đồ thể thao danh tiếng.

Tập đoàn sở hữu 78.000 nhân công trải rộng trên khoảng hơn bảy mươi lăm quốc gia, và doanh thu năm ngoái đạt 17.928 triệu euro với lãi kinh doanh đạt 1.537 triệu euro, lợi nhuận ròng đạt 677 triệu, trong khi tổng các khoản nợ tài chính là 3.458 triệu euro. Những con số đó có thể khiến bất cứ người bình thường nào cũng cảm thấy choáng ngợp, nhưng đối với các chuyên gia tài chính toàn cầu thì không hẳn. Đọc đến đây, Servaz hiểu rằng nếu tập đoàn này vẫn mãi bám lấy cái nhà máy thủy điện bé tí lồi thối kia thì chỉ có thể là vì lý do lịch sử và tình cảm. Bởi ở đó, trên dãy Pyrenees, đế chế Lombard đã được khai sinh.

Treo con ngựa lên đó là nhằm mục đích tượng trưng. Mục tiêu chính là giáng cho Eric Lombard một đòn vào đúng chỗ hiểm là lịch sử gia đình và sự ham mê đến ám ảnh của anh ta với ngựa.

Bởi đó là những gì nổi bật hơn cả mà độc giả có thể nhận thấy từ toàn bộ những bài báo viết về đương kim công tử của đế chế này. Trên

tất cả, tình yêu với ngựa luôn đứng ở vị trí đầu tiên. Eric Lombard sở hữu các trang trại ngựa giống ở một vài nước như Argentina, Pháp, Ý, nhưng anh ta chỉ trung thành với mỗi tình đầu, trường luyện ngựa nơi anh ta lần đầu tiên ngồi trên lưng ngựa, nằm gần lâu đài của gia đình trong thung lũng Comminges.

Servaz bỗng tin chắc rằng vụ án thảm khốc ở nhà máy điện không phải hành động ngẫu nhiên của một tên điên nào đó trốn ra từ viện tâm thần, mà là một hành vi có chủ đích, có ý thức và có kế hoạch.

Anh dừng lại để suy nghĩ. Anh do dự trước việc lên đường theo đuổi một manh mối đòi hỏi phải bóc trần đến tận xương tủy của đế chế công nghiệp này, chỉ để giải thích cho cái chết của một con ngựa. Mặt khác, cảnh tượng khủng khiếp khi con vật bị chặt đầu được tháo ra khỏi buồng cáp treo vẫn còn đây, cùng với cơn sốc của anh vào thời điểm đó. Marchand đã nói gì nhỉ? “Cậu Lombard có rất nhiều kẻ thù.”

Chuông điện thoại reo. Servaz nhắc máy. Là d’Humières.

“Hai gã bảo vệ mất tích rồi.”

“Đừng bao giờ quay lưng lại với họ,” bác sĩ Xavier nói.

Phía trên những khung cửa sổ lớn, mặt trời như đang thiêu đốt rặng núi, trải một dòng dung nham đỏ chói vào bên trong căn phòng.

“Phải chú tâm. Từng giây một. Cô phải hiểu đúng mọi chuyện ở đây. Cô sẽ sớm học được cách nhận biết các tín hiệu. Một ánh mắt thoáng qua, một nụ cười hằm hè, một nhịp thở chỉ hơi nhanh... Đừng bao giờ mất cảnh giác. Và đừng bao giờ quay lưng lại với họ.”

Diane gật đầu. Một bệnh nhân đang tiến đến gần. Một tay đặt trên bụng.

“Xe cứu thương đâu rồi, bác sĩ?”

“Xe cứu thương?” Xavier nói, luôn miệng cười.

“Là cái xe sẽ chở tôi đến bệnh viện phụ sản. Tôi đã chảy hết nước ối rồi. Đáng lẽ nó phải đến đây rồi chứ.”

Bệnh nhân là một người đàn ông ngoài bốn mươi, cao hơn 1m80 và

phải nặng tầm 150 cân. Tóc dài, khuôn mặt gàn như bị bộ râu dày phủ kín, đôi mắt ti hí đang sáng lập lòe. Đứng cạnh hắn, trông Xavier như một đứa trẻ. Nhưng anh ta cũng không mấy may lo lắng.

“Nó sẽ đến đây ngay thôi,” anh ta trả lời. “Là bé trai hay bé gái thế?”

Đôi mắt ti hí nhìn anh ta chòng chọc.

“Là kẻ phản Chúa,” người đàn ông trả lời và đi mất.

Diane nhận thấy một nam y tá đang theo dõi từng cử chỉ của hắn ta. Có khoảng hơn mười lăm bệnh nhân trong khu biệt giam.

“Có không ít Thượng đế và giáo đồ ở đây,” Xavier vẫn cười. “Từ thời thượng cổ, sự điên loạn đã luôn bị thôi thúc bởi các nguyên nhân tôn giáo vào chính trị. Không lâu trước đây, các cư dân này thấy cộng sản ở khắp nơi. Giờ là bọn khủng bố. Qua đây.”

Xavier đến một cái bàn tròn nơi ba người đàn ông đang chơi bài. Một trong số họ trông giống một tù nhân với hai cánh tay vạm vỡ, xăm trổ, hai người còn lại dáng vẻ bình thường.

“Tôi muốn giới thiệu Antonio với cô,” Xavier nói, chỉ về phía người đàn ông xăm trổ. “Antonio từng đầu quân cho Binh đoàn Lê dương Pháp*. Không may, anh ta lại tin chắc rằng doanh trại nơi anh ta được bố trí đóng quân chỉ toàn gián điệp. Rót cuộc một đêm nọ, anh ta đã bóp cổ một người trong số đó. Đúng thế không, Antonio?”

Antonio gật đầu mà không hề rời mắt khỏi mấy quân bài.

“Mossad*,” anh ta nói. “Bọn chúng ở khắp nơi.”

“Về phần Robert, anh ta trút giận lên đầu bố mẹ mình. Anh ta không giết họ, không, chỉ là đánh đập họ khá kinh khủng. Phải nói thêm rằng hai vị phụ huynh đã bắt anh ta phải làm nô dịch trong trang trại của gia đình từ khi mới 7 tuổi, cho anh ta ăn bánh mì và sữa qua ngày, còn bắt anh ta ngủ dưới hầm. Robert 37 tuổi. Bố mẹ anh ta mới là những người nên bị nhốt lại, nếu cô muốn biết ý kiến của tôi.”

“Là những giọng nói đã bảo tôi làm thế,” Robert nói.

“Và cuối cùng, đây là Greg. Có lẽ là trường hợp thú vị nhất. Greg đã hãm hiếp mười hai người phụ nữ trong chửa đầy hai năm. Anh ta sẽ

chăm trước bọn họ ở bưu điện hoặc siêu thị, đi theo họ về nhà, ghi lại địa chỉ, đột nhập vào nơi ở của họ khi họ đang ngủ, đánh họ, trói lại và lật họ nằm sấp trước khi bật đèn lên. Chúng ta sẽ bỏ qua những gì anh ta đã bắt họ phải chịu, chỉ cần nhớ rằng các nạn nhân của anh ta đã nhớ nuốc cả đời. Nhưng anh ta không giết họ, không. Thay vào đó, anh ta bắt đầu viết thư cho họ. Anh ta tin rằng việc... *giao hợp* đã làm những người phụ nữ đó yêu anh ta và bọn họ đều có với anh ta một đứa con. Vì thế, anh ta để lại tên và địa chỉ, chẳng bao lâu thì cảnh sát lùng ra anh ta. Nhưng Greg vẫn tiếp tục viết thư cho họ. Hiển nhiên là chúng tôi không gửi đi. Tôi sẽ cho cô xem. Đó là những bức thư cực kì diễm tuyệt.”

Diane nhìn Greg. Một người đàn ông hấp dẫn, ở độ tuổi ba mươi, tóc sẫm, mắt nhạt màu, nhưng khi ánh mắt họ giao nhau, cô rùng mình.

“Chúng ta tiếp tục nhé?”

Hành lang dài đỏ rực dưới ánh hoàng hôn.

Một cánh cửa có ô thoáng ở phía tay trái họ. Những giọng nói vọng qua cánh cửa. Tiếng líu ríu bèn chồn và một tràng phát biểu liên thoảng. Cô liếc mắt vào ô thoáng khi băng qua và sửng sốt vô cùng. Cô vừa thấy một người đàn ông đang nằm trên bàn mổ với mặt nạ thở ôxy và cực điện trên thái dương. Các y tá xúm quanh.

“Cái gì thế?” Cô hỏi.

“Liệu pháp sốc điện.”

Sốc điện... Diane sớn hết da gà. Kể từ khi được áp dụng lần đầu tiên trong tâm thần học vào thập niên 1930, việc sử dụng liệu pháp sốc điện đã trở thành đề tài gây tranh cãi. Những người phản đối cho rằng điều này thật vô nhân đạo, bại hoại, và là một hình thức tra tấn. Đến mức sang thập niên 1960, cùng với sự xuất hiện của thuốc an thần, việc sử dụng ECT hay liệu pháp sốc điện đã giảm đi đáng kể. Nhưng rồi tới khoảng giữa thập niên 1980, người ta lại chứng kiến sự trỗi dậy bất ngờ của nó ở một số quốc gia, trong đó có Pháp.

“Cô nên hiểu rằng,” Xavier nói khi thấy cô kinh ngạc đến chết lặng. “ECT ngày nay hoàn toàn không còn giống như trước đây. Nó được áp dụng với các bệnh nhân mắc chứng trầm cảm nghiêm trọng. Bọn họ

được đưa vào trạng thái gây mê toàn diện kết hợp cùng giãn cơ ngắn hạn. Phương pháp điều trị này đã thu được những kết quả đáng chú ý. Nó có hiệu quả với hơn 85% trường hợp trầm cảm nghiêm trọng. Một tỉ lệ cao hơn nhiều so với thuốc chống trầm cảm. Nó không gây đau đớn, và nhờ các phương pháp hiện đại, không còn nguy cơ biến dạng cơ thể hay ảnh hưởng lâu dài tới khung xương.”

“Nhưng còn ảnh hưởng đối với trí nhớ và nhận thức thì sao? Bệnh nhân có thể phải chịu đựng trạng thái rối loạn trong vài giờ. Và chúng ta vẫn chưa biết chính xác ECT tác động thế nào lên não. Có nhiều bệnh nhân trầm cảm ở đây không?”

Xavier thận trọng nhìn cô.

“Không. Chỉ có 10% thôi.”

“Có bao nhiêu bệnh nhân tâm thần phân liệt và thái nhân cách?”

“Gần 50% là tâm thần phân liệt, 25% phần trăm là thái nhân cách và ba mươi bệnh nhân loạn tâm thần, sao cô hỏi thế?”

“Tôi cho rằng anh chỉ sử dụng ECT với các bệnh nhân bị trầm cảm phải không?”

Cô cảm thấy sự biến chuyển trong bầu không khí giữa hai người. Xavier chăm chăm nhìn cô. “Không, chúng tôi cũng áp dụng với những người cư trú ở Khu A.”

Cô nường một bên lông mày vì ngạc nhiên. “Tôi tưởng anh phải có sự đồng ý của bệnh nhân hay người giám hộ hợp pháp, để...”

“Đối với các trường hợp cá biệt này, chúng tôi không cần.”

Cô nhìn chăm chăm vào khuôn mặt khó đoán định của Xavier. Có điều gì đó cô không nắm bắt được. Cô hít một hơi thật sâu, cố làm cho giọng mình nghe ôn hòa nhất có thể.

“Mục đích là gì? Đó không phải phương pháp chữa bệnh... ECT không có hiệu quả với bệnh lý nào khác ngoài trầm cảm, hưng cảm và một số rất ít dạng tâm thần phân liệt nhất định và...”

“Vì mục đích an ninh trật tự.”

Diane khẽ nhú mày, “Tôi không hiểu.”

“Rõ ràng đây thôi. Đó là sự trừng phạt.”

Giờ thì anh ta quay lưng về phía cô và chăm chú nhìn vàng mặt trời màu cam đang biến mất dần sau rặng núi đen. Cái bóng của anh ta trải dài trên sàn nhà.

“Trước khi vào Khu A có một điều cô buộc phải hiểu, cô Berg. Không còn gì trên đời có thể khiến bảy người đó sợ hãi. Ngay cả biệt giam. Bọn chúng ở trong thế giới riêng của mình, không gì có thể chạm tới chúng. Hãy nhớ rằng, cô chưa bao giờ gặp bất cứ bệnh nhân nào như chúng. Chưa bao giờ. Và đương nhiên hình thức tra tấn thể xác cũng bị cấm ở đây, như bất cứ nơi nào khác.”

Anh ta quay lại nhìn cô. “Bọn chúng chỉ sợ duy nhất một thứ, sốc điện.”

“Ý anh là,” Diane ngập ngừng, “anh áp dụng với bọn họ...”

“Không dùng thuốc gây mê.”



Ngày hôm sau, khi đang lái xe trên xa lộ, Servaz nghĩ về hai gã bảo vệ. Cathy d'Humières cho biết họ không đến chỗ làm vào đêm hôm qua. Sau khi đợi chừng một tiếng, giám đốc nhà máy đã buộc phải gọi điện.

Anh ta gọi vào di động của họ. Hết cuộc này đến cuộc khác. Không ai trả lời. Vì thế Morane đã cấp báo với lực lượng sen đầm, họ liền cử vài người đến nơi ở của hai bảo vệ. Một người sống cách Saint-Martin 20 kilomet, người còn lại hơn 40 kilomet. Họ đều sống một mình và không được phép ở cùng một tỉnh với những đồng bọn trước đó, vì những người này đã bị họ dọa giết không chỉ một lần, một người trong số đó thậm chí còn phải nhập viện. Servaz biết rất rõ rằng, trên thực tế, cảnh sát không quá câu nệ trong việc thực thi những yêu cầu kiểu này. Lý do hiển nhiên là nó kéo theo quá nhiều thủ tục, có quá nhiều tội phạm, quá nhiều người đang trong thời gian quản chế, quá nhiều phán quyết để có thể thực hiện hết. Một trăm nghìn người lãnh án tù thực ra vẫn đang tự do và đợi đến lượt mình chấp hành án. Đó là trong trường hợp họ không cao chạy xa bay ngay thời điểm bước ra khỏi phiên tòa với hy vọng sẽ bị lãng quên trong thời hạn truy cứu trách nhiệm. Họ ý thức quá rõ ràng rất ít khả năng chính phủ Pháp sẽ dành tiền bạc và nhân lực để truy tìm mình.

Sau khi thông báo với anh về hai gã bảo vệ, bà trưởng công tố cũng cho biết Eric Lombard đang trên đường từ Mỹ trở về và anh ta muốn nói chuyện với điều tra viên ngay lập tức. Servaz suyt chút nữa thì nổi nóng. Anh đang phải xử lý một vụ án mạng, và ngay cả khi anh muốn tìm ra thủ phạm giết con ngựa, ngay cả khi anh có cảm giác đáng sợ rằng đây chỉ là màn dạo đầu cho một cái gì đó còn tồi tệ hơn, thì anh cũng không phải quân cờ để Eric Lombard tùy ý sai khiến.

“Tôi không biết mình có thể đến hay không,” anh xẵng giọng. “Vẫn còn nhiều việc ở đây liên quan đến cái chết của lão già vô gia cư.”

“Sẽ tốt hơn nếu đi gặp,” d’Humières vẫn khẳng định. “Có vẻ Lombard đã gọi cho bộ trưởng Bộ Tư pháp, ông này gọi cho chánh án tòa án tỉnh, và chánh án lại gọi cho tôi. Giờ thì tôi gọi cho cậu. Một phản ứng dây chuyền bình thường. Dù sao thì chỉ một lát nữa thôi Canter sẽ nói với cậu điều tương tự, tôi dám chắc Lombard cũng có ảnh hưởng ở Bộ Nội vụ. Vả lại, tôi tưởng cậu đã nắm được thủ phạm vụ lão già vô gia cư rồi.”

“Lời khai chúng tôi có được không đủ thuyết phục,” Servaz miễn cưỡng thừa nhận, vì giờ anh không muốn đi sâu vào vấn đề này. “Và chúng tôi đang đợi kết quả giám định. Có một số manh mối ở hiện trường, dấu vân tay, dấu chân, máu...”

“Cậu không hổ danh là một người cung Ma kết nhỉ? Servaz, đừng nói với tôi cái câu cảnh sát phải làm việc quá tải, tôi không nghe đâu. Tôi không định nài nỉ cậu. Nhưng hãy giúp tôi việc này. Khi nào cậu có thể xuống đó? Eric Lombard sẽ đợi cậu ở lâu đài của mình tại Saint-Martin bất cứ lúc nào sau ngày mai. Anh ta sẽ ở đó qua cuối tuần. Cậu hãy sắp xếp thời gian nhé.”

“Được rồi. Nhưng tôi sẽ quay về đây ngay khi nói chuyện xong để giải quyết nốt vụ lão già vô gia cư.”

Trên đường cao tốc, anh đỗ lại một trạm xăng để tiếp nhiên liệu. Mặt trời đang tỏa nắng, và những đám mây đã trốn đi đâu mất. Anh tranh thủ gọi cho Ziegler. Cô có một cuộc hẹn lúc 9 giờ tại trại ngựa ở Tarbes về việc giải phẫu con ngựa. Cô đề nghị anh tham gia cùng. Servaz đã đồng ý nhưng nói rằng anh muốn đợi bên ngoài.

“Tùy anh,” cô nói, không giấu nổi vẻ ngạc nhiên.

Anh biết giải thích thế nào với cô rằng anh rất sợ ngựa đây? Rằng đi xuyên qua một trang trại đầy những con quái thú ấy là một thử thách mà anh không thể chịu đựng nổi? Cô nói cho anh tên một quán rượu nhỏ gần đó, trên đại lộ Régiment-de-Bigorre. Cô sẽ gặp anh ở quán ngay sau khi xong việc. Khi anh đến Tarbes, ánh mặt trời tươi mới như

nắng xuân đang chiếu sáng thị trấn. Ở rìa vườn quốc gia Pyrenees, dưới bầu trời xanh ngắt, những tòa nhà cao vút lên giữa miền cây xanh như dựa lưng vào rặng núi trắng tinh không tì vết phía sau. Không một gợn mây. Bầu trời trong vắt, những đỉnh núi lấp lánh dường như nhẹ bẫng và hư ảo đến nỗi có thể bay lên như những quả bong bóng khí. Hệt như một chương ngại tinh thần, Servaz nghĩ thầm khi ngâm nhìn khung cảnh ấy. Tâm trí con người va chạm với những chóp núi này như thể đập vào bức vách. Chúng để lại ấn tượng về một lãnh thổ hoàn toàn xa lạ với con người, một miền đất hoang, một nơi cùng trời cuối đất, theo nghĩa đen.

Anh đi vào quán Ziegler đã nói, ngồi xuống bàn gần cửa sổ rồi gọi một cốc cà phê sữa và một chiếc bánh sừng bò. Trong góc, gần quầy bar là chiếc tivi đang bật kênh tin tức, liên tục chiếu những phóng sự trực tiếp. Âm lượng tối đa và Servaz không thể nghĩ ngợi gì được. Anh đang định hỏi xem họ có thể vặn nhỏ tiếng đi không thì nghe thấy một phóng viên nhắc đến cái tên Éric Lombard. Anh ta đang đứng bên rìa một trường bay với chiếc micrô nằm trong tay. Đằng sau là những ngọn núi trắng y hệt ngoài kia. Anh chăm chú quan sát. Khi khuôn mặt của Éric Lombard choán kín màn hình, Servaz đứng dậy và lại gần quầy bar.

Nhà tử phú được phỏng vấn khi đang bước xuống từ chiếc máy bay riêng tại sân bay Tarbes. Sau lưng anh ta là một chiếc phi cơ màu trắng với dòng chữ LOMBARD xanh nước biển in trên phần thân. Lombard mang vẻ mặt trầm buồn của một người vừa mất đi người thân yêu. Phóng viên đang hỏi anh ta, “Có phải con ngựa này đặc biệt quan trọng với anh không?”

“Nó không chỉ là một con ngựa,” vị doanh nhân trả lời, giọng anh ta là sự pha trộn cẩn trọng giữa xúc cảm và sự cứng rắn. “Nó là một người đồng hành, một người bạn, một cộng sự. Những người thực sự yêu ngựa đều hiểu rằng chúng không đơn thuần là những con vật. Và Tự Do là một con ngựa kiệt xuất. Chúng tôi đặt hy vọng rất lớn vào nó. Nhưng trên hết, điều khiến tôi không thể chịu đựng nổi là cách nó bị giết. Tôi sẽ làm tới cùng để tìm ra kẻ phạm tội.”

Servaz quan sát thấy ánh mắt Éric Lombard nhìn thẳng vào máy quay phim và qua đó, nhìn thẳng vào khán giả truyền hình, một ánh mắt chuyển từ đau đớn sang phần nộ, thách thức và hăm dọa.

“Dù là kẻ nào đã làm việc này, tôi muốn chúng biết rằng, chúng sẽ không thoát tội được đâu, tôi là một người khao khát công lý.”

Servaz liếc nhìn xung quanh. Mọi người đều đang chăm chú vào màn hình tivi. Không tòi, anh nghĩ, diễn hay đấy. Rõ ràng đã có sự chuẩn bị từ trước, nhưng dù sao vẫn toát ra sự thành thật. Servaz tự hỏi một người đàn ông như Éric Lombard có thể ra tay đến mức nào để thực hiện lời đe dọa của mình. Anh dành ra hai giờ tiếp theo cố gắng kiểm lại những thông tin họ đã biết và chưa biết. Tất nhiên ở thời điểm này, ngu muội còn tốt hơn hiểu biết. Khi cuối cùng cũng thấy Irène Ziegler trên vỉa hè bên ngoài cửa sổ, anh đột nhiên cảm lặng. Cô mặc bộ đồ đua xe bằng da màu đen với những tấm bảo vệ kim loại màu xám cứng cáp trên vai và đầu gối, cùng đôi bốt được bọc sắt ở mũi chân và gót, cầm chiếc mũ bảo hiểm trong tay. Một nữ tướng... Một lần nữa anh lại choáng váng trước vẻ đẹp của cô. Anh nhận thấy cô gần như chẳng thua kém gì Charlene Espérandieu, nhưng đẹp theo kiểu khác, khỏe khoắn hơn, bớt đi chút tinh tế. Charlene giống một biểu tượng thời trang, còn Irène Ziegler giống một nhà vô địch môn lướt sóng. Anh lại bần chồn. Anh nhớ lại cảm giác khi thấy chiếc khuyên trên mũi cô. Không thể phủ nhận rằng Irène Ziegler là một phụ nữ lôi cuốn.

Servaz nhìn đồng hồ đeo tay. Đã 11 giờ.

“Thế nào?” Anh nói.

Cô giải thích rằng họ vẫn chưa tìm được gì nhiều từ việc giải phẫu phân thân, còn cái đầu thì đã được khám nghiệm trước đó rồi. Marchand cũng đến. Giám định viên cho rằng con ngựa đã bị đánh thuốc mê, kết quả phân tích độc chất sẽ xác nhận điều này. Khi họ ra ngoài, Marchand có vẻ nhẹ nhõm. Cuối cùng ông ta cũng đồng ý đưa con vật đến lò mổ. Ngoại trừ cái đầu vì Lombard muốn giữ lại. Theo Marchand, anh ta định nhồi nó để treo lên tường.

“Treo lên tường?” Servaz sửng sốt nhắc lại.

“Anh có nghĩ là họ phạm tội không?” Cô sen đàm hỏi.

“Ai?”

“Hai gã bảo vệ.”

“Tôi không biết.”

Servaz lấy di động ra và gọi đến số của lâu đài. Một giọng nữ trả lời.

“Tôi là sĩ quan chỉ huy Servaz thuộc tổ điều tra hình sự Toulouse. Vui lòng cho tôi gặp Éric Lombard.”

“Anh nói tên anh là gì cơ?”

“Servaz.”

“Vui lòng giữ máy.”

Một hồi chuông tưởng như vô tận. Rồi giọng của một người đàn ông trung niên vang lên.

“Alô?”

“Vui lòng cho tôi nói chuyện với Éric Lombard.”

“Cho hỏi ai gọi đó?”

“Sĩ quan chỉ huy Servaz, thuộc tổ hình sự.”

“Anh gọi về vấn đề gì?”

Servaz cảm thấy cơn giận đang trào lên. “Nghe này, ông chủ của các vị chính là người đã yêu cầu gặp tôi. Trong khi tôi đang có đủ chuyện phải giải quyết. Vì thế tôi không có thì giờ để lãng phí đâu!”

“Mời anh đánh vắn rõ ràng tên mình và nhắc lại lý do anh gọi đến đây,” người đàn ông ở đầu dây bên kia vẫn điềm tĩnh. “Ngài Lombard cũng không có thì giờ để lãng phí.”

Sự ngạo mạn của người đàn ông khiến Servaz á khẩu. Suýt nữa thì anh gác máy, nhưng kịp thời trấn tĩnh lại.

“Servaz, S-E-R-V-A-Z. Tôi gọi để trao đổi về vụ án con ngựa của anh ta, con Tự Do.”

“Sao anh không nói sớm? Xin giữ máy.”

Người đàn ông trở lại sau hai mươi giây.

“Ngài Lombard sẽ đợi anh vào lúc 3 giờ chiều nay.”

Đó không phải một lời mời, mà là mệnh lệnh.

Lái xe vào tư dinh của Éric Lombard giống như đi vào xứ sở cổ tích. Họ đã bỏ ô tô và xe máy lại bãi đỗ xe của trụ sở sen đầm ở Saint-Martin và mượn một chiếc xe công vụ. Họ vẫn đi tuyến đường cũ, con đường dẫn đến trường luyện ngựa, nhưng thay vì rẽ trái vào rừng, họ tiếp tục đi thẳng. Sau đó băng qua vùng đồi núi quang đãng trông sồi, du, đoan và lãnh sam trên những vạt cỏ. Mảnh đất bát ngát trải rộng ngút tầm mắt. Những hàng rào xuất hiện ở khắp nơi. Ngựa trên bãi cỏ. Và máy cày bên đường, sẵn sàng sử dụng. Vẫn còn vài mảnh tuyết rải rác đây đó, nhưng không khí trong trẻo và rục rỡ. Servaz liên tưởng đến một trại gia súc ở Montana hay một đồn điền ở Argentina. Họ nhìn thấy những biển báo **ĐIỀN SẢN TƯ NHÂN, CẤM VÀO** ghim trên những thân cây hay hàng rào bao quanh cánh đồng. Nhưng tuyết nhiên không có tường bao. Đi tiếp 5 kilomet nữa, họ thấy bức tường đá, cao 4 mét và chắn mất một phần phong cảnh. Bên kia là rừng cây gỗ lớn. Họ dừng xe lại bên ngoài cánh cổng. Một phiến đá hoa cương được gắn trên một trong những chiếc cột trụ. Servaz thấy dòng chữ **LÂU ĐÀI TRẮNG** được dát vàng.

Trên đỉnh cột là một chiếc camera đang xoay. Họ không cần ra khỏi xe để gọi cửa, cánh cổng gần như mở ra ngay lập tức. Họ đi thêm khoảng một kilomet nữa, hai bên đường trồng những cây sồi hàng trăm năm tuổi. Con đường thẳng tắp và lát phẳng hoàn hảo, lượn theo một triền dốc đen bên dưới những tán cây bện xoắn của hàng đại thụ. Servaz thấy ngôi nhà ở cuối mảnh đất đang dần tiến lại phía họ. Một lát sau, họ đỗ xe dọc rìa đường trông những cây thạch nam và hoa trà hồng phấn phủ đầy tuyết. Servaz thấy hơi thất vọng, tòa lâu đài không lớn như anh mong đợi. Nhưng nhìn lại lần thứ hai, anh lập tức rũ bỏ ấn tượng đó. Dinh thự này mang vẻ đáng yêu như một đứa trẻ, có lẽ được xây dựng vào cuối thế kỉ 19 hoặc đầu thế kỉ 20, nửa mang dáng dấp của những tòa lâu đài xứ Loire, nửa giống những dinh cơ oai vệ ở vùng quê nước Anh. Một tòa lâu đài cổ tích... Bên ngoài những ô cửa sổ ở tầng

trệt là một hàng cây hoàng dương được tĩa thành hình thú, một con voi, một con ngựa, một con hươu cao cổ và một con hươu đực kiên trì đứng trong tuyết. Bên tay trái, về phía Đông, Servaz thấy một khu vườn tiêu chuẩn với những bồn nước và pho tượng trong dáng vẻ đăm chiêu. Một bể bơi được che lại và một sân quần vợt. Vườn cam bát ngát ở phía sau, lấp một loạt những chiếc ăng ten kì lạ.

Anh nhớ lại những gì mình đã đọc trên internet, Éric Lombard là một trong những người giàu và có ảnh hưởng lớn nhất nước Pháp. Anh ta đứng đầu một đế chế có mặt trên hơn bảy mươi quốc gia. Nhiều khả năng vườn cam đã biến thành một trung tâm thông tin liên lạc tối tân. Ziegler đóng sầm cửa xe.

“Xem kìa.”

Cô chỉ vào đám cây. Anh nhìn về phía đó, đếm được khoảng hơn ba mươi chiếc camera cố định trên những thân cây, giữa các cành nhánh. Chúng hẳn phải bao quát được toàn bộ khu đất. Không có điểm mù. Người ta đang quan sát họ từ đâu đó bên trong lâu đài. Bọn họ tiến về phía một con đường rải sỏi, băng qua những thảm hoa và hai chú sư tử cúi rạp mình được tạo hình từ cây hoàng dương. Mỗi con cao tới 5 mét. Lại thật, Servaz nghĩ, đây giống như một khu vườn được thiết kế riêng để giải trí của bọn trẻ con nhà giàu. Nhưng anh chưa thấy ở đâu nhắc đến Éric Lombard đã có con. Trái lại, hầu hết các bài báo đều miêu tả về một anh chàng độc thân lâu năm với vô số những cuộc chinh phục. Hay những tác phẩm nghệ thuật bằng thực vật này đã có từ thời thơ ấu của anh ta? Đợi họ trên bậc tam cấp là một người đàn ông ngoài 60 tuổi, cao lớn, mặc đồ đen. Ông ta nhìn họ bằng ánh mắt lạnh băng. Mặc dù là lần đầu tiên gặp mặt, Servaz đã biết ngay đó là ai, người đàn ông trong điện thoại, và anh cảm thấy cơn giận dữ lại dâng lên. Người đàn ông không hề mỉm cười, chỉ bảo họ đi theo mình và quay gót. Một lần nữa, giọng ông ta biểu thị, đây không phải lời đề nghị mà là mệnh lệnh.

Họ bước qua cửa chính. Một dãy phòng tiếp khách dẫn từ gian này sang gian khác, xuyên suốt tòa nhà vì họ có thể thấy ánh sáng tự nhiên ở phía cuối, như thể họ đang đi qua một đường hầm rộng lớn, trống trải, và âm vang. Kiến trúc bên trong tòa nhà thật kì vĩ. Đại sảnh thực

chất được chiếu sáng nhờ những khung cửa sổ ở tầng trệt, vì trần nhà rất cao. Người đàn ông mặc đồ đen dẫn họ đi dọc đại sảnh và qua phòng tiếp khách đầu tiên không hề có đồ đạc, rồi rẽ sang một cánh cửa đôi ở bên phải. Một thư viện với những bức tường kín chất đầy sách cổ, bốn cánh cửa ra vào kiểu Pháp cao tí tởm mở ra ngoài cánh rừng. Éric Lombard đang đứng cạnh một cánh cửa. Servaz lập tức nhận ra, mặc dù anh ta quay lưng lại phía họ. Vị thương gia đang nói vào tai nghe.

“Cảnh sát đã đến,” người đàn ông mặc đồ đen nói, giọng ông ta nửa cung kính, nửa khinh miệt khi nhắc đến hai vị khách.

“Cảm ơn, Otto.”

Otto rời khỏi phòng. Lombard kết thúc cuộc đàm thoại bằng tiếng Anh, tháo tai nghe ra và đặt xuống một chiếc bàn gỗ sồi. Anh ta chậm rãi quan sát họ, đầu tiên là Servaz, rồi đến Ziegler. Ánh mắt dừng lại lâu hơn, anh ta có vẻ ngạc nhiên trước trang phục của cô, rồi mỉm cười âm áp. “Vui lòng bỏ quá cho Otto. Ông ấy bị lẫn lộn thời đại rồi. Thỉnh thoảng ông ấy lại đối xử với tôi như với hoàng tử hay một vị vua vậy, nhưng tôi biết mình có thể trông cậy vào ông ấy trong bất cứ hoàn cảnh nào.”

Servaz không nói gì. Anh đợi những lời tiếp theo.

“Tôi biết các vị rất bận rộn và không có thì giờ để lãng phí. Tôi cũng vậy. Tôi vô cùng yêu quý con ngựa đó. Một sinh vật tuyệt diệu. Tôi muốn đảm bảo các vị sẽ làm mọi điều, tất cả mọi điều để tóm được kẻ đã gây ra tội ác ghê tởm kia.”

Một lần nữa, anh ta lại chăm chú nhìn họ. Đôi mắt xanh lam tràn ngập nỗi buồn, cả sự cố chấp lẫn uy quyền. “Tôi muốn nói rõ thế này, các vị có thể gọi cho tôi bất kể ngày đêm, hỏi bất cứ điều gì các vị nghĩ là giúp ích cho cuộc điều tra, dù câu hỏi ấy nghe nực cười đến đâu. Tôi yêu cầu các vị đến đây để chắc chắn rằng các vị sẽ không bỏ qua bất kì chi tiết nào, rằng các vị sẽ làm mọi việc có thể để phá án. Những gì tôi muốn là truy tra tới cùng, và tôi đã được cam đoan rằng các vị đều là những điều tra viên xuất sắc.” Anh ta cười, rồi nụ cười nhạt dần. “Nếu kết quả chứng minh điều ngược lại, hoặc các vị lơ là trách nhiệm, hoặc

chỉ xử lý vấn đề cho xong vì đây chỉ là một con ngựa thì đừng trách tôi quá đáng.”

Lời đe dọa thẳng thừng. *Những gì tôi muốn...* Người đàn ông này vô cùng thẳng thắn. Anh ta không lãng phí thời gian mà vào thẳng vấn đề. Servaz thấy như thế cũng dễ ưa. Cùng với tình yêu dành cho ngựa của anh ta nữa.

Nhưng Irène Ziegler rõ ràng không có cùng cảm nhận. Servaz nhận thấy mặt cô đã biến sắc.

“Anh có đe dọa chúng tôi cũng chẳng được ích gì,” cô lạnh lùng đáp trả.

Lombard trân trân nhìn cô. Nét mặt anh ta dịu lại và thể hiện sự hối lỗi chân thành.

“Thứ lỗi cho tôi. Tôi dám chắc cả hai vị đều tuyệt đối tận tâm và đủ năng lực. Cấp trên của các vị không ngớt lời khen ngợi. Tôi đúng là xuẩn ngốc. Nhưng... sự cố này quả thật đã khiến tôi rối bời. Xin hãy chấp nhận lời xin lỗi chân thành của tôi, đại úy Ziegler.”

Ziegler miễn cưỡng gật đầu nhưng không nói gì thêm.

Servaz nói, “Nếu anh không phản đối, tôi muốn bắt đầu luôn bằng vài câu hỏi dành cho anh, nhân lúc chúng ta đều ở đây.”

“Đương nhiên rồi. Đi theo tôi. Để tôi mời các vị cà phê.”

Éric Lombard mở một cánh cửa ở cuối căn phòng. Một phòng khách khác. Ánh nắng tràn vào qua cánh cửa kiểu Pháp rọi lên hai chiếc ghế bành bằng da và một bàn trà đã sắp sẵn khay đặt ba chiếc tách và một ấm cà phê. Servaz biết cái ấm kia hẳn phải là một món đồ cổ vô giá, cũng như các đồ đạc khác. Mọi thứ đều đã được bố trí sẵn, bao gồm cả đường, mấy chiếc bánh ngọt Đan Mạch, và một bình sữa.

“Câu hỏi đầu tiên,” Servaz mở đầu không chút do dự, “anh có đoán ra ai có khả năng gây ra chuyện này không, hoặc ít nhất là người có lý do để gây án?”

Éric Lombard đang rót cà phê. Anh ta ngừng lại, nhìn xoáy vào Servaz, mái tóc vàng phản chiếu trong tấm gương lớn phía sau. Anh ta mặc áo chui cổ tròn trắng sữa và quần màu xám, làn da cực kì rám

năng.

Anh ta trả lời không chớp mắt, “Có.”

Servaz rùng mình. Ziegler bên cạnh anh cũng vậy.

“Và không,” anh ta lập tức bổ sung. “Đó là hai câu hỏi trong một. Có, tôi biết rất nhiều người có lý do chính đáng để làm việc ấy. Không, tôi không biết ai thực sự có khả năng làm được.”

“Anh có thể nói cụ thể hơn không,” Ziegler tỏ ra hơi khó chịu. “Tại sao ai đó lại muốn giết con ngựa?”

“Để làm tổn thương tôi, trả thù tôi, đe dọa tôi. Tôi tin rằng nếu ở vào địa vị và sở hữu gia tài như tôi, chắc chắn cô cũng sẽ có kẻ thù. Cô khơi dậy sự đố kỵ ở người khác, cô xâm nhập thị trường của đối thủ, cô từ chối đề nghị của ai đó, cô dồn ép họ đến mức phá sản, cô sa thải hàng trăm con người... Nếu tôi buộc phải liệt kê danh sách tất cả những người khinh ghét tôi, nó có thể dày như một quyển danh bạ điện thoại.”

“Anh nói cụ thể hơn nữa được không?”

“Đáng tiếc là không. Tôi hiểu các vị đang hướng tới điều gì. Ai đó đã giết con ngựa yêu quý của tôi và treo nó lên đỉnh chiếc cáp treo của tôi. Vì thế bọn chúng đang cố nhằm vào tôi. Tất cả đều chĩa vào tôi. Tôi đồng ý, rõ ràng là thế. Nhưng tôi hoàn toàn không nghĩ ra người nào có thể làm việc đó.”

“Anh không nhận được bất cứ đe dọa nào qua lời nói hay văn bản sao, có thư nặc danh không?”

“Không.”

“Tập đoàn của anh kinh doanh trên bảy mươi lăm quốc gia...” Servaz nói.

“Bảy mươi tám!” Lombard sửa lại.

“Tập đoàn của anh có quan hệ với bất cứ tổ chức xã hội đen hay ổ nhóm tội phạm có tổ chức nào không, kể cả gián tiếp? Tôi có thể hình dung ở vài đất nước, loại... *giao thiệp* này ít nhiều không thể tránh khỏi.”

Một lần nữa, Lombard lại nhìn xoáy vào Servaz, nhưng ánh mắt lần này không chút hằn học. Anh ta thậm chí còn mỉm cười. “Anh rất

thẳng thắn, sī quan. Có thể anh đang nghĩ đến cái *đầu ngựa* trong *Bố già*? Không, tổ chức của tôi không hề có quan hệ với các ổ nhóm tội phạm. Ít nhất là theo những gì tôi biết. Nhưng tôi không phủ nhận rằng ở vài nước, chúng tôi buộc phải giả câm giả điếc với một số hành vi nhất định, như ở châu Phi hay châu Á. Nhưng trong những trường hợp đó, thẳng thắn mà nói, chúng tôi bắt tay với chế độ độc tài, chứ không phải xã hội đen.”

“Và việc đó không khiến anh lo ngại?” Ziegler hỏi.

Lombard nhướn mày.

“Bắt tay với bọn độc tài,” cô giải thích.

Lombard lại cười, một cách khoan dung, nhưng là nụ cười của đấng quân vương đang lưỡng lự giữa việc nhạo báng sự xác lác của thần dân hay là chém đầu cô ta ngay tại chỗ.

“Tôi không nghĩ trả lời câu hỏi đó sẽ có ích cho cuộc điều tra của các vị,” anh ta đáp. “Các vị cũng nên biết, tôi không phải là người duy nhất nắm quyền. Rất nhiều ngành chúng tôi có đối tác, đầu tiên và trước hết phải kể đến chính phủ Pháp. Đôi khi có những khía cạnh chính trị mà tôi không có quyền kiểm soát.”

Thẳng thắn, nhưng có khả năng luôn lách bằng mấy câu khuôn sáo khi cần.

“Có một điều tôi không hiểu, sao lại có chuyện không ai nghe hay nhìn thấy gì, kể cả ở trường luyện ngựa hay nhà máy điện? Chẳng ai có thể tha lời một con ngựa đi loanh quanh giữa đêm mà không phát ra tiếng động được.”

Mặt Lombard tối sầm lại.

“Anh nói đúng. Bản thân tôi cũng thắc mắc điều này. Ai đó, ở đâu đó, chắc chắn đã nói dối. Và tôi tha thiết muốn tìm ra kẻ đó,” anh ta bổ sung, vẻ hăm dọa.

Lombard cục cằn đặt chiếc tách xuống khiến bọn họ giật mình.

“Tôi đã triệu tập tất cả mọi người, nhân viên ca ngày và ca đêm ở nhà máy điện, nhân viên trường luyện ngựa. Tôi đã trực tiếp tra hỏi họ, từng người một ngay khi về đây. Việc đó mất của tôi bốn tiếng. Tôi chắc

chấn các vị sẽ tin khi tôi nói rằng mình đã gây áp lực lớn nhất có thể với họ. Không ai nghe thấy gì vào đêm hôm đó. Đương nhiên điều đó là vô lý. Tôi không nghi ngờ sự thành thật của Marchand và Hector. Họ chưa từng làm tổn thương bất cứ con ngựa nào của tôi và đã làm việc cho gia đình tôi từ rất lâu rồi. Cả hai đều trung thực, đượ việc và quan hệ của tôi với họ lúc nào cũng rất tốt. Có thể nói họ không khác gì người trong nhà. Vì thế, các vị có thể loại họ ra khỏi danh sách. Cả Hermine nữa. Con bé là một cô gái tốt, vô cùng yêu quý con Tự Do. Sự việc này đã làm con bé suy sụp.”

“Anh có biết mấy nhân viên bảo vệ đã biến mất không?” Servaz hỏi.

Lombard cau mày. “Có. Chỉ mình bọn họ là tôi chưa tra hỏi.”

“Họ có hai người, và cần tối thiểu hai người để treo con ngựa lên đó. Cả hai đều có tiền án.”

“Hai kẻ tình nghi lý tưởng,” Lombard ngờ vực nói.

“Có vẻ anh thấy giả thuyết này không mấy thuyết phục?”

“Tôi không biết... tại sao hai gã đó lại treo con Tự Do tại chính nơi làm việc của mình? Làm vậy chẳng khác nào lạy ông tôi ở bụi này?”

Servaz gật đầu đồng tình. Rồi phản biện, “Nhưng bọn họ đã chạy trốn, cả hai người.”

“Hãy thử đặt mình vào địa vị của họ, với tiền án trong hồ sơ cảnh sát. Hy vọng không làm anh mất lòng, nhưng họ thừa biết nếu cảnh sát đã tìm ra nghi phạm rồi thì hiếm khi điều tra rộng ra nữa.”

“Ai đã thuê họ?” Ziegler hỏi. “Anh biết những gì về họ? Tôi cược anh đã tìm hiểu hết về bọn họ từ hôm qua rồi.”

“Chính xác. Marc Morane, giám đốc nhà máy điện đã thuê họ. Qua một chương trình tái hòa nhập cho phạm nhân của nhà tù ở Lannemezan.”

“Họ đã từng gây rắc rối gì ở nhà máy điện chưa?”

“Morane quả quyết là không.”

“Có nhân viên nào làm việc cho nhà máy điện hay tập đoàn của anh bị sa thải trong mấy năm gần đây không?”

Lombard lần lượt nhìn hai người khách. Với mái tóc, bộ râu và đôi mắt màu lam, anh ta thực sự toát ra vẻ hấp dẫn không thể cưỡng nổi, như một tay thủy thủ lão luyện, như những bức chân dung trên báo.

“Đây là tiểu tiết rồi. Tôi không dính dáng đến việc quản lý nhân sự, cũng như giải quyết các vấn đề nhỏ như nhà máy điện. Nhưng hai vị có toàn quyền truy cập tài liệu liên quan đến nhân sự. Và nhân viên của tôi cũng tùy ý các vị bố trí. Tất cả bọn họ đều đã được phổ biến vấn đề này. Thư kí của tôi sẽ gửi cho các vị một danh sách tên họ cùng số điện thoại. Đừng ngần ngại liên hệ với bất cứ ai. Nếu có kẻ nào trong số đó gây khó dễ cho các vị, cứ gọi cho tôi. Như tôi đã nói, trong tất cả các mối quan tâm hiện nay, đây là vấn đề được ưu tiên hàng đầu, và tôi cũng toàn tâm toàn ý giúp đỡ các vị 24/24.” Anh ta lấy ra một tấm danh thiếp và đưa nó cho Ziegler. “Còn nữa, các vị đã thấy nhà máy thủy điện rồi đấy. Nó đã xuống cấp và chẳng mấy sinh lời. Chúng tôi giữ nó lại chỉ vì lý do lịch sử và gia đình. Marc Morane, giám đốc hiện tại là người tôi biết từ nhỏ. Chúng tôi học cùng trường tiểu học. Nhưng tôi không gặp anh ta nhiều năm nay rồi.”

Servaz hiểu rằng lời lưu ý cuối cùng chính là muốn nhấn mạnh thứ bậc của tất cả những người liên quan. Đối với người thừa kế đế chế này, giám đốc nhà máy điện chỉ là một nhân viên như bao kẻ khác, ở tận nấc thang dưới cùng, chẳng khác công nhân của chính anh ta là mấy.

“Trung bình một năm anh dành bao nhiêu thời gian ở đây?” Ziegler hỏi.

“Khó nói lắm. Để tôi nghĩ xem... Có lẽ khoảng từ sáu đến tám tuần. Không hơn. Đương nhiên tôi dành nhiều thời gian ở căn hộ tại Paris hơn lâu đài cổ này. Tôi cũng thường xuyên ở lại New York. Thành thực mà nói, quá nửa thời gian của tôi đều là đi công tác. Nhưng tôi thích đến đây, đặc biệt vào mùa trượt tuyết và mùa hè, để vui đùa cùng lũ ngựa. Tôi cũng có những trại nuôi ngựa và trường luyện ngựa khác, chắc hẳn các vị cũng biết. Nhưng đây là nơi tôi đã trải qua phần lớn thời thơ ấu và niên thiếu của mình, trước khi bố tôi gửi tôi đi du học. Có thể các vị thấy nó u ám, nhưng với tôi nó rất thân thuộc. Tôi đã có quá nhiều trải nghiệm ở đây, cả tốt và xấu. Nhưng qua thời gian, ngay cả

những kỉ niệm xấu rớt cuộc cũng dường như đẹp lên. Kí ức đã làm nhiệm vụ của nó...”

Giọng nói của anh ta khàn khàn về cuối câu. Servaz cứng người, mọi giác quan đều đề cao cảnh giác. Anh đợi Lombard nói tiếp, nhưng chỉ nhận về sự im lặng.

“Anh nói ‘trải nghiệm tốt và xấu’ là có ý gì?” Ziegler nhỏ giọng hỏi.

Lombard gạt câu hỏi đi bằng một cái phẩy tay. “Không quan trọng. Đã lâu quá rồi... Cũng chẳng liên quan gì đến cái chết của con ngựa.”

“Điều đó phụ thuộc vào đánh giá của chúng tôi,” Ziegler trả lời.

Lombard lưỡng lự. “Hẳn mọi người sẽ cho rằng đây là nơi thôn dã lý tưởng cho một cậu bé như tôi lớn lên, nhưng thực tế thì hoàn toàn ngược lại.”

“Thật sao?” Ziegler nói.

Servaz thấy Lombard nhìn cô cảnh giác.

“Nghe này, tôi không nghĩ là...”

“Nghĩ sao?”

“Dừng ở đây thôi. Không có gì thú vị cả.”

Servaz nghe thấy Ziegler thở dài, “Anh Lombard, anh đã gây áp lực nhất định cho chúng tôi, nói rằng nếu chúng tôi xem nhẹ vụ việc này, chúng tôi sẽ phải hối hận. Và anh cũng nhấn mạnh rằng, chúng tôi không được bỏ qua bất cứ manh mối nào, cho dù là nực cười nhất. Chúng tôi là điều tra viên, không phải thầy bói hay phù thủy. Chúng tôi cần biết mọi chi tiết có thể khai thác được. Biết đâu động cơ gây nên hành vi đâm máu kia lại liên quan đến quá khứ thì sao?”

“Công việc của chúng tôi là tìm ra mối liên hệ và động cơ,” Servaz nhấn mạnh.

Lombard chăm chú nhìn hai người, họ biết anh ta đang cân nhắc thiệt hơn. Cả Ziegler và Servaz đều ngồi yên. Vị thương gia do dự thêm một lát, rồi nhún vai.

“Để tôi kể với các vị về Henri và Édouard Lombard, bố và ông nội tôi,” anh ta đột ngột lên tiếng. “Đây là một câu chuyện khá khác biệt.

Hãy để tôi nói cho các vị biết Henri Lombard thực sự là ai. Một người đàn ông lạnh như băng và cứng như đá. Bạo lực và ích kỉ. Một người cuồng tín với lối sống ngăn nắp trật tự, giống như bố mình.”

Ziegler vô cùng sửng sốt, Servaz cũng đang nín thở. Lombard một lần nữa ngừng lại và nhìn họ một lúc. Hai điều tra viên im lặng chờ anh ta tiếp tục, sự im lặng dường như kéo dài vô tận.

“Chắc các vị đã biết, doanh nghiệp Lombard thực sự bắt đầu ăn nên làm ra kể từ Chiến tranh thế giới thứ hai. Sự thật là bố và ông tôi không ngại sự có mặt của người Đức. Bố tôi chỉ vừa bước sang tuổi hai mươi và ông tôi điều hành công ty, ở đây và ở Paris. Một trong những giai đoạn phồn thịnh nhất suốt chiều dài lịch sử của tập đoàn, họ làm ăn cực kì tốt với khách hàng Đức Quốc xã.”

Anh ta ngả người tới trước. Từng cử động phản chiếu trong chiếc gương sau lưng, như một bản sao không muốn dính líu đến những gì bản chính định nói.

“Khi quân giải phóng đến, ông nội tôi bị xử tội đồng minh với phát xít, kết án tử hình nhưng cuối cùng được khoan hồng. Ông bị giam ở Clairvaux, tình cờ Rabatet cũng bị giam bên cạnh. Ông được thả vào năm 1952, một năm sau thì mất vì trụy tim. Trong khoảng thời gian này, con trai ông là Henri lên tiếp quản. Bố tôi quyết định mở rộng việc kinh doanh của gia đình, theo hướng đa dạng hóa và hiện đại hóa. Khác với cha mình, hoặc có lẽ chính vì tuổi còn trẻ, ông đã cảm nhận được gió đã đổi chiều ngay từ năm 1943 trong khi ông nội tôi không hề hay biết. Bố tôi kết giao với quân kháng chiến và những người theo phe tổng thống de Gaulle. Hầu như không vì bất kì lý tưởng nào, chỉ đơn thuần là cơ hội. Ông là một người sáng suốt, với tầm nhìn rộng. Sau trận Stalingrad*, ông hiểu rằng thời đại của Đức Quốc xã chỉ còn được tính bằng ngày nên đã lợi dụng triệt để cả hai phe. Một bên là quân Đức, một bên là quân kháng chiến. Chính bố tôi là người gây dựng nên cơ đồ ngày nay của Lombard, từ thập niên 1950-60 đến 1970. Sau chiến tranh, ông dứt khoát phát triển một mạng lưới quan hệ giữa giới lãnh đạo của phe de Gaulle và cựu chiến binh kháng chiến vốn nắm giữ các vị trí quan trọng. Trên thương trường, ông là thủ lĩnh xuất sắc của

ngành công nghiệp, một người xây dựng đế chế, một người có tầm nhìn vĩ mô, nhưng ở nhà, ông là một bạo chúa, một người chồng, người cha tàn bạo, xa cách và vô tình. Về ngoài cửa ông vô cùng oai nghiêm, cao, gầy, luôn mặc đồ đen. Người dân ở Saint-Martin không tôn trọng cũng không coi thường ông, nhưng tất cả đều sợ ông. Ông là một người yêu bản thân quá mức và không còn gì cho người khác nữa. Dù là vợ con...”

Éric Lombard đứng lên. Servaz và Ziegler nhìn anh ta đi tới một cái tủ buýp phê. Anh cầm lên tám ảnh được lồng khung và đưa cho Servaz. Một người đàn ông cao lớn với khuôn mặt nghiêm khắc, đôi mắt sắc của loài chim săn mồi, mũi dài và mái tóc trắng, mặc một bộ vét sẫm màu bên ngoài chiếc sơ mi trắng tinh không tì vết. Trông Henri Lombard không có điểm gì giống với con trai mình, mà giống một người truyền giáo, một thuyết giả cuồng tín. Servaz không thể không nghĩ tới bố anh, người đàn ông gầy nhỏ, ưu tú có khuôn mặt mà trí nhớ của anh không ghi lại được.

“Cả ở nhà và ở công ty, bố tôi đều để lại ấn tượng như kẻ bạo chúa. Ông dùng bạo lực tinh thần và thậm chí cả thể chất với nhân viên, vợ và con của mình. (Servaz thấy rõ giọng Lombard hơi nghẹn lại. Một nhà thám hiểm thời hiện đại, một thần tượng tạp chí dường như đã trở thành một người hoàn toàn khác). Mẹ tôi mất vì ung thư ở tuổi 49. Bà là người vợ thứ ba của ông. Trong suốt mười chín năm chung sống, bà luôn là nạn nhân của sự bạo hành, của năm đám giận dữ, và những trận đánh đập. Ông cũng sa thải rất nhiều người giúp việc và nhân viên. Tôi thuộc về một kỉ nguyên mà sự hà khắc chính là đức hạnh. Nhưng sự hà khắc của bố tôi đã vượt xa mức độ có thể chấp nhận được. Tâm trí ông bị xâu xé bởi bóng tối.”

Servaz và Ziegler lén nhìn nhau. Cả hai đều ý thức được rằng đây là một câu chuyện không tưởng mà người thừa kế của đế chế đang phơi bày trước mặt họ. Chắc chắn cánh phóng viên sẽ đồng ý trả bất cứ giá nào để có được câu chuyện này. Có vẻ Éric Lombard đã quyết định sẽ tin tưởng họ. Và tại sao? Bỗng nhiên Servaz hiểu ra. Theo diễn biến của hai mươi tư giờ vừa qua, vị trùm tư bản chắc hẳn đã gọi hàng tá cuộc điện thoại. Servaz nhớ lại những con số đáng giật mình đã thấy trên

web, một cơn ớn lạnh chạy dọc sống lưng anh. Eric Lombard thừa đủ tiền và quyền lực để có được bất cứ thông tin nào anh ta muốn. Đột nhiên anh tự hỏi, không biết Lombard có mở một cuộc điều tra song song hay không. Một cuộc điều tra bên trong một cuộc điều tra, không chỉ để tìm ra nguyên nhân cái chết của con ngựa, mà còn để theo dõi sát sao những nhân viên điều tra chính thức. Điều đó là đương nhiên. Lombard chắc chắn hiểu rõ về họ cũng như họ biết về anh ta.

“Đây là thông tin quan trọng,” Ziegler cuối cùng cũng nói. “Anh đã đúng khi chia sẻ điều đó với chúng tôi.”

“Cô nghĩ thế à? Tôi ngạc nhiên đấy. Tất cả đã bị chôn vùi quá lâu. Hiển nhiên toàn bộ những gì tôi vừa nói với hai vị là tuyệt mật.”

“Nếu đó là sự thật, chúng tôi nhận thấy một động cơ, căm ghét, trả thù. Có thể từ phía một cựu nhân viên, một mối quan hệ nào đó trước đây, hay kẻ thù cũ của bố anh chẳng hạn.” Servaz nói.

Lombard lắc đầu vẻ hoài nghi. “Nếu vậy, tại sao họ phải đợi lâu đến thế? Bố tôi mất đã mười một năm.”

Anh ta đang định nói thêm gì đó thì điện thoại của Irène Ziegler rung lên. Cô kiểm tra số gọi tới rồi nhìn họ. “Tôi xin phép.”

Cô đứng dậy và đi tới một góc phòng.

“Bố anh sinh năm 1920, nếu tôi không nhầm,” Servaz tiếp tục. “Và anh sinh năm 1972. Ít nhất có thể nói, ông ấy sinh anh khi đã có tuổi. Ông còn người con nào khác nữa không?”

“Em gái tôi, Maud. Em ấy sinh năm 1976, kém tôi bốn tuổi. Cả hai chúng tôi đều là kết quả từ cuộc hôn nhân thứ ba và cuối cùng của ông. Trước đó bố tôi chưa có con. Tại sao thì tôi không biết. Lời giải thích chính thức là ông gặp mẹ tôi ở Paris, tại một rạp hát nơi bà làm diễn viên...”

Một lần nữa, Lombard dường như đang băn khoăn liệu mình có thể tin tưởng hai người họ đến đâu. Anh ta nhìn thẳng vào mắt Servaz, có ý thăm dò, và đi đến quyết định.

“Mẹ tôi thực ra là một diễn viên giỏi, nhưng bà không bao giờ bước chân lên sân khấu, cũng như chưa từng xuất hiện trong bộ phim nào.

Đúng hơn, tài năng của bà chỉ được phô bày cho một số người xem, các đại gia lớn tuổi sẵn sàng chi trả một số tiền lớn để có được bà bên cạnh. Có vẻ bà đã sở hữu một lượng khách hàng trung thành là những thương gia giàu có. Đòi hỏi của bà rất cao. Bô tôi là một trong những người kiên trì nhất. Hẳn ông đã sớm cảm thấy ghen tuông. Ông muốn bà chỉ thuộc về mình. Cũng như với tất cả mọi chuyện, ông phải là số một và phải loại bỏ đối thủ của mình bằng mọi giá. Vì thế, ông cưới bà. Hay đúng hơn, theo cách ông nhìn nhận, là ông mua bà, ông chưa bao giờ thôi nghĩ bà là một... *ả điểm*, dẫu đã lấy bà. Lúc hai người kết hôn, ông 50 tuổi, còn bà 30. Về phần mẹ tôi, chắc hẳn bà cho rằng ‘sự nghiệp’ của mình đang xuống dốc và đã đến lúc nghĩ đến một thứ gì đó khác. Nhưng bà không hề biết người đàn ông mình sắp cưới lại tàn bạo đến thế. Bà đã phải trải qua một quãng thời gian kinh khủng.”

Eric Lombart chợt trở nên ủ dột. Anh ta chưa bao giờ tha thứ cho bố mình, Servaz rùng mình nhận ra rằng, giữa Lombard và anh có một sự tương đồng khá lớn. Với cả hai, kỉ niệm về gia đình đều là một mớ hỗn độn vui sướng và khổ sở, với những giây phút tươi sáng và bao khoảnh khắc kinh hoàng. Anh quan sát Ziegler qua khóe mắt. Cô vẫn đang nói chuyện điện thoại ở đầu kia của căn phòng, lưng xoay về phía hai người đàn ông.

Cô bất ngờ quay lại và bắt gặp ánh mắt Servaz. Anh lập tức cảnh giác, cuộc điện thoại có gì đó khiến cô bất an.

“Làm sao anh biết chuyện về bố mẹ mình?”

Lombard bật cười vô cảm. “Vài năm trước, tôi có thuê một nhà báo để đào xới lịch sử gia đình mình.” Anh ta ngập ngừng trong chốc lát. “Suốt một thời gian dài, tôi đã muốn biết thêm về bố mẹ. Ít nhất từ góc nhìn của đứa con, tôi cũng cảm nhận được cuộc hôn nhân của họ chẳng hề yên ấm. Nhưng tôi không ngờ tới những gì mình khám phá ra. Tôi mua sự im lặng của tay nhà báo đó. Tốn kém. Nhưng xứng đáng.”

“Từ bây đến nay, có nhà báo nào khác lượn lờ thăm dò không?”

Lombard nhìn Servaz chăm chăm. Một lần nữa, anh ta lại là một doanh nhân không biết nhượng bộ.

“Đương nhiên là có. Tôi đã mua chuộc tất cả bọn họ. Từng người một. Tốn kém cả gia tài nhưng... *qua một ngưỡng nhất định, ai cũng đều bán mình...*”

Lombard nhìn Servaz, và người cảnh sát hiểu ngay ra thông điệp. Cả anh cũng vậy. Một cơn giận trào dâng. Sự ngạo mạn quá mức thật khiến người ta điên tiết. Nhưng cùng lúc, anh cũng biết, người đàn ông này nói đúng. Có lẽ bản thân anh đủ khả năng từ chối nhờ những đạo lý mà anh luôn theo đuổi kể từ khi tham gia lực lượng cảnh sát. Nhưng giả sử, nếu anh là một trong những nhà báo đó, và cũng chính người đàn ông đang ngồi đối diện kia đưa ra lời đề nghị, nhân danh con gái anh, các trường học tốt nhất với những giáo viên tốt nhất, rồi đến trường đại học danh tiếng nhất và là một vị trí đảm bảo trong ngành nghề mơ ước của con bé, liệu anh có đủ dũng khí để chối từ một tương lai như thế cho Margot không? Ở một phương diện nào đó, Lombard đã đúng. Qua một ngưỡng nhất định, ai cũng đều bán mình... Người cha đã mua vợ của ông ta, đưa con mua cánh nhà báo, và rõ ràng, cả các chính trị gia. Éric Lombard giống bố mình hơn anh ta tưởng.

Servaz không hỏi thêm gì nữa. Anh đặt chiếc cốc đã cạn xuống. Ziegler quay lại chỗ ngồi. Anh liếc mắt nhìn cô. Trông cô căng thẳng và lo lắng.

Lombard lạnh lùng nói tiếp, “Được rồi, giờ tôi muốn biết các vị đã có manh mối gì chưa?”

Cảm tình Servaz vừa dành cho anh ta một khác trước lập tức tan biến. Người đàn ông này lại nói chuyện với họ như thể họ là đầy tớ của anh ta.

“Tôi rất tiếc,” anh nhanh chóng trả lời với nụ cười của một viên kiểm toán thuế. “Ở thời điểm này, chúng tôi muốn tránh tiết lộ về cuộc điều tra với những người liên quan.”

Lombard nhìn anh một lúc lâu. Servaz thấy rõ anh ta đang lưỡng lự giữa hai lựa chọn, Tiếp tục đe dọa họ hoặc tạm thời rút lui. Anh ta chọn phương án thứ hai. “Tôi hiểu. Dù sao, tôi cũng biết phải tìm ở đâu. Cảm ơn vì đã dành thời gian đến đây.”

Anh ta đứng lên. Cuộc nói chuyện chấm dứt.

Họ trở về theo đúng lối vào ban nãy. Bóng tối dần buông khi hai người đi xuyên qua dãy phòng tiếp khách. Bên ngoài, trời đã nổi gió, những hàng cây đang đung đưa rên rỉ. Có thể tuyết sẽ lại rơi. Anh nhìn đồng hồ. 16:40. Mặt trời lặn dần, đám động vật tạo hình bằng cây cảnh đổ bóng trên mặt đất. Anh hơi ngoái lại và thấy Éric Lombard đang đứng bất động bên một trong các khung cửa sổ tầng trệt và dõi theo họ. Cảnh anh ta là hai người nữa, trong đó có Otto. Servaz nhớ lại giả thuyết của mình, rằng các điều tra viên cũng là đối tượng của một cuộc điều tra khác. Trong khung cửa sổ hình chữ nhật tối tăm, Lombard và hai người hầu cận trông như hình ảnh phản chiếu qua một tấm gương. Mọi chi tiết đều kì lạ, lặng im và đáng sợ. Vừa vào đến xe, Servaz liền quay sang hỏi Ziegler, “Chuyện gì thế?”

“Là Rosny-sous-Bois. Họ đã được trả mẫu DNA.”

Anh ngờ vực nhìn cô. Mẫu phẩm được lấy chưa đầy bốn mươi tám tiếng. Phân tích DNA không thể hoàn thành trong thời gian ngắn như thế được. Các phòng thí nghiệm đều ngập đầy việc! Chắc chắn ai đó ở địa vị rất cao đã đẩy vụ án này lên hàng đầu.

“Hầu hết dấu vết DNA được tìm thấy trong cabin, tóc, nước bọt, móng tay, đều khớp với các công nhân hoặc nhân viên nhà máy điện. Nhưng họ cũng tìm thấy dấu nước bọt trên một cửa sổ cabin. Nó là của một người bên ngoài nhà máy, người có hồ sơ trong FNAEG. Một người không bao giờ được phép ở đó...”

Servaz cứng người. FNAEG là viết tắt của *Fichier national des empreintes génétiques* (kho dữ liệu DNA quốc gia). Một cơ quan gây tranh cãi. Nó không chỉ lưu giữ hồ sơ DNA của những tên cường hiếp, giết người và ấu dâm, mà của cả những người đã phạm đủ loại tội lớn bé, tất tần tật từ ăn cắp vặt cho đến tàng trữ vài gam cần sa. Do đó, số hồ sơ lưu trong kho dữ liệu năm ngoái đã đạt tới 470.492 bộ. Có thể nói, kho dữ liệu này nằm dưới sự kiểm soát chặt chẽ nhất tại Pháp, nhưng con số khổng lồ ấy là nỗi lo chính đáng với các luật sư và thẩm phán. Trong khi đó, khuynh hướng vượt quá phạm vi bình thường của kho dữ liệu lại giúp các điều tra viên bắt giữ được nhiều tội phạm quan trọng. Hành

vi phạm pháp thường được xác định theo những mối liên quan nhất định. Một tên ‘yêu râu xanh’, từ lỏng thường dùng để chỉ can phạm hiếp dâm, cũng có thể là một tên đào tường khoét vách hay cướp giết. Minh chứng là những dấu DNA được tìm thấy ở hiện trường các vụ trộm đã giúp bắt giữ không chỉ một tên tội phạm hiếp dâm hàng loạt.

“Là ai?” Anh hỏi.

Ziegler bối rối nhìn anh. “Anh đã bao giờ nghe đến cái tên Julian Hirtmann chưa?”

Những bông tuyết lại bắt đầu lác đác rơi trong bầu không khí lạnh giá. Một cơn giận mang hơi hướng của sự điên rồ đột ngột trào dâng. Không thể nào, bộ não của anh gào lên.

Servaz nhớ đã đọc vài bài báo trên tờ *La Dépêche du Midi* vào thời điểm tên sát nhân hàng loạt khét tiếng người Thụy Sĩ được đưa lên dãy Pyrenees. Bài báo miêu tả chi tiết những biện pháp an ninh đặc biệt đã được sử dụng cho chuyến áp tải. Làm sao Hirtmann có thể leo qua những bức tường của viện tâm thần, thực hiện hành vi điên rồ đó, rồi trở lại phòng giam được?

“Không thể nào,” Ziegler lẩm bẩm.

Đó cũng là suy nghĩ của chính anh.

Anh quay sang nhìn cô với vẻ ngờ vực, rồi lại nhìn những bông tuyết qua kính chắn gió.

“*Credo quia absurdum*,” cuối cùng anh nói.

“Lại tiếng La tinh,” cô đáp. “Nó có nghĩa là gì?”

“Tôi tin điều đó vì nó vô lý.”



Diane ngồi ở bàn làm việc của mình được một giờ đồng hồ thì nghe thấy tiếng cánh cửa đột ngột mở ra và đóng lại. Cô nhìn lên, tự hỏi ai có thể cứ thế đi vào mà không thèm gõ cửa. Cô đoán là Xavier hoặc Lisa Ferney.

Không có ai.

Cô băn khoăn nhìn vào cánh cửa đóng. Tiếng bước chân vang vọng, nhưng căn phòng trống không... Ánh đèn màu xanh xám không phản chiếu gì khác lên ô cửa sổ mờ sương, ngoài mảng giấy dán tường đã phai và một chiếc tủ tài liệu bằng kim loại. Bước chân dừng lại và ai đó kéo ghế. Một tiếng bước chân khác, lần này là gót giày phụ nữ, cũng dừng lại theo.

“Các bệnh nhân của chúng ta hôm nay thế nào?” Là giọng Xavier.

Cô nhìn chăm chăm vào bức tường. Văn phòng Xavier ở ngay bên cạnh, nhưng bức tường ngăn cách rất dày. Mất một lúc cô mới hiểu ra. Âm thanh phát ra từ lỗ thông gió ngay phía dưới trần nhà.

“Lo âu,” Lisa Ferney trả lời. “Họ chỉ nói về chuyện con ngựa. Các tình tiết kích động tất cả bọn họ.”

Hiện tượng âm thanh lạ kì khiến cô có thể nghe rõ từng từ một.

“Tăng liều lượng thuốc lên nếu cần,” Xavier nói.

“Tôi đã làm rồi.”

“Rất tốt.”

Diane có thể nắm bắt từng sắc thái nhỏ nhất trong giọng nói của hai người kia, dù nó không to hơn tiếng rì rào là mấy. Cô thắc mắc Xavier có biết điều này không. Chắc anh ta chẳng bao giờ để ý. Trước Diane, chưa từng có ai khác làm việc trong căn phòng này và cô cũng không tạo ra nhiều tiếng động. Có lẽ âm thanh chỉ truyền đi theo một chiều.

Văn phòng của cô là một không gian nhỏ bụi bặm, 2x4 mét, từng được dùng làm kho chứa đồ, vẫn còn những thùng hồ sơ chòng đống ở một góc. Căn phòng có mùi bụi bặm và cả mùi gì đó khác nữa, khó chịu nhưng chẳng thể gọi tên. Mặc dù, họ đã nhanh chóng bố trí một chiếc bàn, máy tính và ghế bành cho cô, Diane vẫn không khỏi cảm thấy văn phòng mình như nơi để thùng rác.

“Anh nghĩ sao về cô gái mới đến?” Élisabeth Ferney hỏi.

Diane ngồi thẳng dậy, căng thẳng lắng nghe.

“Còn cô, thì sao?”

“Tôi không biết, vấn đề là ở chỗ đó. Anh có cho rằng cảnh sát sẽ đến đây vì con ngựa không?”

“Họ đến thì sao?”

“Thì sẽ đánh hơi khắp nơi. Anh không sợ à?”

“Sợ gì?” Xavier nói.

Một khoảng lặng. Diane quay đầu về phía lỗ thông gió.

“Sao tôi lại phải sợ? Tôi chẳng có gì phải giấu giếm cả.”

Nhưng giọng anh ta, ngay cả qua lỗ thông gió, lại ám chỉ điều ngược lại. Diane đột nhiên cảm thấy bứt rứt. Cô đang vô tình nghe trộm một cuộc nói chuyện mà hai người kia rõ ràng không muốn ai nghe được. Cô lấy chiếc điện thoại di động từ chiếc áo blu và nhanh chóng tắt máy, dù chắc chắn sẽ chẳng ai gọi tới.

“Nếu là anh, tôi sẽ chỉnh đốn lại để họ thấy càng ít càng tốt,” Lisa Ferney nói. “Anh có định để họ gặp Julian không?”

“Chỉ khi họ yêu cầu.”

“Vậy có lẽ tôi nên đến thăm hẳn ta một chút.”

“Được.”

Diane nghe thấy tiếng áo blu của Lisa Ferney sột soạt phía bên kia bức tường. Tiếp đó là một khoảng lặng.

“Đừng,” Xavier đột ngột lên tiếng. “Giờ không phải lúc.”

“Anh quá căng thẳng rồi, tôi có thể giúp anh.”

Giọng người y tá qua lỗ thông gió đã trở nên âu yếm, nựng nịu.

“Ôi, Chúa ơi, Lisa... nếu có ai đến thì sao...”

“Chú rùa nhỏ xấu xa này, chẳng mấy chốc đã ngóc đầu lên rồi.”

“Lisa, Lisa, xin cô... Đừng ở đây... Trời ơi, Lisa...”

Diane cảm thấy má mình ửng đỏ. Xavier và Lisa đã là tình nhân bao lâu rồi? Anh ta mới đến Viện có sáu tháng. Nhưng, không phải cô và Spitzner... Tuy vậy, không thể so sánh tình cảm đó với những gì cô vừa nghe thấy. Có lẽ nguyên nhân nằm ở chính nơi này, tất cả những thôi thúc, thù ghét, rối loạn tâm thần, giận dữ và hưng cảm ning chung với nhau thành một nồi cháo dơ dáy. Có gì đó rõ ràng rất vô luân trong cuộc đối thoại của bọn họ.

“Anh muốn tôi dừng lại phải không?” Lisa Ferney thì thầm từ phía bên kia bức tường. “Nói đi. Nói đi, tôi sẽ dừng lại.”

“Khônggggg...”

“Đi thôi. Chúng ta đang bị theo dõi.”

Bóng tối dần buông. Ziegler quay đầu lại và cũng nhìn thấy Lombard nơi cửa sổ. Giờ anh ta đang đứng một mình.

Cô nổ máy, quay vòng trên con đường nhỏ. Hệt như khi nãy, hai cánh cổng tự động mở ra trước mặt họ. Servaz liếc nhìn gương chiếu hậu. Anh nghĩ là trông thấy Lombard rời khỏi cửa sổ khi bọn họ đi xa dần.

“Thế còn các dấu vân tay và mẫu phẩm khác?” Anh hỏi.

“Vẫn chưa có kết luận gì vào thời điểm này. Nhưng họ còn kha khá việc phải làm. Có hàng trăm vân tay và các loại dấu vết. Cho đến giờ, tất cả đều là của nhân viên nhà máy. Rõ ràng, nghi phạm đã sử dụng găng tay.”

“Nhưng hẳn để lại nước bọt trên cửa sổ.”

“Anh có nghĩ đó là một dạng thông điệp không?” Trong khoảnh khắc, cô rời mắt khỏi con đường để nhìn anh.

“Một lời thách thức... ai mà biết được?” Anh nói. “Chúng ta không thể loại trừ bất cứ điều gì.”

“Hoặc có thể đơn giản chỉ là tình cờ. Những tình huống ngẫu nhiên vẫn thường xảy ra nhiều hơn ta tưởng, tất cả những gì hấn cần làm đó là hắt hơi bên cạnh cửa sổ.”

“Cô biết gì về tên Hirtmann này?”

Ziegler khởi động cần gạt nước. Tuyết đang rơi nhanh và dày hơn dưới nền trời u ám.

“Hấn là một tên giết người có tính toán. Không phải loại rối loạn tâm thần điên loạn như những bệnh nhân khác ở Viện Wargnier. Một tên thái nhân cách nguy hiểm, một kẻ sẵn môi phản xã hội đặc biệt thông minh và tàn nhẫn. Hấn bị kết tội giết vợ và tình nhân của vợ một cách man rợ, nhưng hấn cũng là nghi can giết gần bốn mươi người khác. Tất cả đều là phụ nữ. Ở Thụy Sĩ, tỉnh Savoie thuộc Pháp, phía Bắc nước Ý, Áo... Vấn đề là, hấn chưa bao giờ thú tội. Và người ta lại không chứng minh được bất cứ điều gì. Ngay cả vụ án giết vợ, hấn cũng sẽ không bao giờ bị bắt nếu không có quá nhiều diễn biến trùng hợp một cách ngẫu nhiên.”

“Cô có vẻ nắm rõ vụ án của hấn.”

“Mười sáu tháng trước, trong lúc rảnh rỗi, đột nhiên tôi cảm thấy hứng thú khi hấn bị chuyển đến Viện Wargnier. Có rất nhiều bài bình luận trên báo ở thời điểm đó. Nhưng tôi chưa bao giờ nhìn thấy hấn.”

“Dù gì, việc này đã thay đổi mọi thứ. Từ giờ phải căn cứ vào giả thuyết rằng Hirtmann chính là người chúng ta muốn bắt. Ngay cả khi thoát nhìn sẽ thấy đây là chuyện là bất khả. Chúng ta biết gì về hấn? Điều kiện giam giữ ở Viện thế nào? Cần bắt đầu từ đó.”

Ziegler gạt đầu, mắt vẫn chăm chú nhìn đường.

Servaz nói thêm. “Cũng phải suy xét về những câu hỏi cần đặt ra cho hấn. Chúng ta phải có sự chuẩn bị trước khi đến. Tôi không biết rõ vụ việc như cô, nhưng hiển nhiên Hirtmann không chỉ là một tên sát nhân thông thường.”

“Còn cả nghi vấn liệu hấn có đồng phạm trong Viện hay không,” Ziegler tiếp lời. “Và liệu có bất cứ lỗ hổng an ninh nào không.”

Servaz gạt đầu, “Phải tổ chức một cuộc họp trừ bị. Mọi việc bỗng

dưng trở nên rõ ràng hơn nhưng cũng phức tạp hơn. Ta cần dự tính mọi khả năng trước khi đến đó.”

Ziegler đồng ý. Hiện tại Viện đã trở thành mối ưu tiên hàng đầu, nhưng họ không có đủ nguồn lực cần thiết và vẫn chưa nắm được toàn bộ manh mối.

“Tôi được biết, một bác sĩ tâm lý chuyên về tội phạm học sẽ từ Paris đến đây vào thứ Hai,” cô nói. “Ngày mai tôi phải dự một cuộc họp báo quan trọng ở Bordeaux. Tôi không định hủy lịch chỉ vì một con ngựa. Tôi đề nghị chúng ta đợi đến thứ Hai mới tới Viện.”

Servaz nói, “Bên cạnh đó, nếu Hirtmann thực sự đứng sau vụ việc này và có thể trốn ra khỏi Viện, chúng ta phải đảm bảo bằng mọi giá rằng những bệnh nhân khác sẽ không làm được như vậy.”

“Tôi đã xin tiếp viện từ cảnh sát khu vực ở Saint-Gaudens. Bọn họ đang trên đường đến.”

“Chúng ta cần thiết lập trạm kiểm soát ở mọi lối ra vào của Viện, lục soát tất cả xe cộ, thậm chí là xe của cán bộ nhân viên và bố trí các tổ canh gác bí mật trên núi để theo dõi khu vực xung quanh.”

Ziegler gật đầu, “Đội tiếp viện sẽ đến nhận nhiệm vụ vào đêm nay. Tôi cũng đã yêu cầu một số thiết bị quan sát ban đêm và thiết bị hồng ngoại. Cùng với giấy phép tăng gấp đôi lực lượng mặt đất. Nhưng tôi sẽ rất ngạc nhiên nếu được chấp thuận. Chúng tôi cũng đang đưa hai tổ quân khuyến vào hoạt động. Dù sao thì một số ngọn núi quanh Viện cũng không thể vượt qua được mà không có dụng cụ hỗ trợ. Chỉ có thể đi dọc theo đường cái hoặc dọc theo thung lũng. Lần này, kể cả Hirtmann có thành công vượt qua hệ thống an ninh của Viện, hắn cũng không thể qua được cửa của chúng ta.”

Không còn đơn thuần là vấn đề con ngựa. Đột nhiên sự việc trở nên nghiêm trọng hơn nhiều.

“Còn một chuyện nữa chúng ta phải tìm hiểu.” Cô nhìn anh với ánh mắt thăm dò. “Mối quan hệ giữa Hirtmann và Lombard là gì? Và vì sao hắn lại nhắm vào con ngựa?”

Đến nửa đêm, Servaz vẫn chưa ngủ. Anh tắt máy tính và đèn bàn. Chiếc máy tính là một cỗ máy khủng long vẫn chạy Windows 98 mà anh thừa hưởng từ cuộc ly hôn. Anh đi qua một căn phòng khác, mở cửa kính và bước ra ngoài ban công. Dưới ba tầng lầu, con phố thật hoang liêu, thi thoảng mới có một chiếc ô tô đơn độc tìm lối len qua hai hàng xe đỗ san sát. Như đa số các thành phố khác, nơi đây rất nhạy với những khoảng trống có thể lấp đầy. Và cũng như đa số các thành phố khác, ngay cả khi cư dân đã đi ngủ, bản thân thành phố vẫn thức. Bất kể thời điểm nào, thành phố cũng kêu vo vo và rung lên như một cỗ máy. Tiếng bát đĩa loảng xoảng từ nhà hàng phía dưới. Tiếng chuyện trò, đúng hơn là cãi vã giữa một người đàn ông và một phụ nữ. Ai đó dạo trên phố cho con chó của mình tè lên một chiếc ô tô. Servaz quay trở vào phòng khách, tìm trong bộ sưu tập đĩa CD và bật *Bản giao hưởng số 8* của Mahler do Bernstein chỉ huy với âm lượng khá lớn. Thời điểm này, hàng xóm bên dưới đã say giấc từ lâu. Những tiếng búa nện của bản số 6 hay hợp âm nghịch tai của bản số 10 không thể đánh thức nổi họ.

Julian Hirtmann...

Cái tên như vang vọng trong không gian. Từ vài giờ trước, sau khi Irène Ziegler phát âm nó trên xe, hai từ đó đã đọng lại trong không khí. Cả mấy tiếng qua, Servaz đã cố tìm hiểu hết những gì có thể về tên bệnh nhân ở Viện Wagnier này. Không phải không bất ngờ khi anh phát hiện ra Julian Hirtmann cũng thích Mahler giống mình. Một điểm chung giữa bọn họ. Anh dành vài giờ lướt Internet và ghi chú. Hệt như cách anh tìm hiểu về Eric Lombard, nhưng vì mục đích khác. Có cả hàng trăm trang web viết riêng về tên sát nhân người Thụy Sĩ này.

Linh cảm bất an ban đầu giờ lan ra như một đám mây độc. Trước đó, bọn họ chỉ đơn thuần đối phó với một sự việc kì lạ, cái chết bất thường của một con ngựa, và sẽ chẳng có gì nghiêm trọng nếu chủ con ngựa là một nông dân địa phương chứ không phải ngài tỉ phú. Nhưng giờ, mặc dù anh không hiểu tại sao và bằng cách nào, vụ án lại dính líu tới một trong những tên sát nhân man rợ nhất trong lịch sử. Servaz bỗng cảm thấy như thể mình đang đứng giữa một hành lang dài đầy những cánh

cửa phong kín. Đằng sau mỗi cánh cửa là một khía cạnh đáng sợ và không thể ngờ tới của vụ án. Anh kinh hãi bước vào hành lang đó và mở từng cánh cửa. Trong tâm trí anh, hành lang lạ lùng ấy được thắp sáng bằng ánh đèn đỏ, đỏ như máu, đỏ như cơn thịnh nộ, đỏ như quả tim đang đập. Anh vãi nước lạnh lên mặt, nỗi âu lo thất lại trong dạ dày. Chắc chắn rất nhiều cánh cửa khác sẽ sớm mở ra, để lộ một loạt những căn phòng mà căn sau lại mờ mịt và quái đản hơn căn trước. Và đây mới chỉ là khởi đầu...

Julian Alois Hirtmann đã bị giam gần mười sáu tháng ở Khu A của Viện Wargnier, khu vực dành riêng cho những tên phản xã hội nguy hiểm và chỉ bao gồm bảy bệnh nhân cả thầy. Nhưng Hirtmann khác hẳn sáu tên còn lại ở chỗ:

1. Hẳn thông minh, tự chủ và là nghi can của một loạt vụ án chưa bao giờ sáng tỏ;

2. Hẳn từng là người có địa vị trong xã hội, hiếm nhưng không hẳn là trường hợp ngoại lệ trong số các tội phạm giết người hàng loạt. Tại thời điểm bị bắt, hẳn đang là công tố viên của tòa án Geneva;

3. Hẳn bị bắt giữ sau một loạt các diễn biến trùng hợp như Ziegler đã đề cập, việc xét xử hẳn dẫn tới tình trạng rối ren về chính trị và hình sự chưa từng có trong lịch sử luật pháp ở Thụy Sĩ.

Những diễn biến trùng hợp ấy là một câu chuyện khó tin, vô cùng rùng rợn, nếu không muốn nói là đê tiện và hơn hết, là bi thảm. Vào ngày 21 tháng Sáu năm 2004, khi một cơn bão dữ dội quét qua hồ Geneva, Julian Hirtmann, bằng cử chỉ rất mực long trọng, đã mời tình nhân của vợ đến ăn tối tại tư trang bên hồ của hẳn. Mục đích lời mời này là, muốn 'làm rõ mọi chuyện và thu xếp sự ra đi của Alexia một cách hào hiệp'.

Cô vợ đẹp mê hồn trước đó đã nói với hẳn rằng cô ta muốn rời đi và sống với tình nhân, một thẩm phán tại tòa án Geneva, đồng nghiệp của Hirtmann. Suốt bữa ăn, họ nghe bản nhạc trác tuyệt *Kindertotenlieder* của Mahler và thảo luận về các điều khoản của vụ ly hôn (Servaz điếng người khi đọc được thông tin này, thắc mắc không biết điều tra viên

nhật huyết nào lại chú thích rằng ‘*Khúc ca cho những đứa trẻ đã chết* này là một trong những bản nhạc yêu thích của hấn ta’). Nhưng cuối cùng, Hirtmann rút ra một khẩu súng và ép đôi tình nhân đi xuống tầng hầm. Hirtmann và vợ hấn đã biến căn hầm thành một cái ‘động thỏa mãn lạc thú bạo dâm’, nơi cặp đôi tổ chức những cuộc truy hoan cùng đám bạn bè thượng lưu ở Geneva. Có vẻ Hirtmann thích nhìn người vợ xinh đẹp của mình bị vài người đàn ông quan hệ và đánh đập cùng một lúc, cũng như chịu đủ mọi hình thức tra tấn tinh vi, còng tay, xích, roi vọt, hay bị gắn vào những cỗ máy kì quái chỉ bán tại mấy cửa hàng chuyên dụng ở Đức và Hà Lan. Tuy vậy hấn lại phát điên vì ghen tuông khi phát hiện cô ta muốn rời bỏ hấn để đến với người khác. Một tình tiết khiến mọi chuyện nghiêm trọng hơn, đó là hấn luôn coi tình nhân của vợ là một thằng cha vô cùng ngu xuẩn và tẻ nhạt.

Trên một trong rất nhiều bài báo, Servaz đã trông thấy tấm ảnh chụp chung tại tòa án Geneva của Hirtmann và gã tình địch mà sau này đã trở thành nạn nhân của hấn.

Gã nhân tình có vẻ thấp bé khi đứng cạnh tay công tố viên cao gầy. Dựa vào bức ảnh, Servaz có thể xác định giờ hấn khoảng ngoài 40 tuổi. Gã khổng lồ thân thiện đặt một bàn tay lên vai kẻ vừa là tình địch vừa là đồng nghiệp, chăm chú nhìn người kia với ánh mắt hau háu theo cách con hổ quan sát con mồi. Servaz tự hỏi ở thời điểm ấy, Hirtmann có biết rằng hấn ta sắp sửa giết người kia không. Lời chú thích viết: *Công tố viên Hirtmann với nạn nhân tương lai, thẩm phán Adalbert Berger, trong bộ áo choàng quan tòa tại đại sảnh.*

Vào đêm 21 tháng Sáu, Hirtmann bắt vợ và tình nhân cởi hết đồ và nằm xuống chiếc giường dưới hầm, uống champagne cho đến khi cả hai đều say khướt. Rồi hấn ra lệnh cho gã nhân tình đổ một chai rượu cỡ lớn lên cơ thể Alexia trong khi cô ta nằm run lẩy bẩy, còn hấn tiếp tục đổ champagne lên khắp người tên kia. Khi cuộc rượu kết thúc, hấn đưa cho gã nhân tình một vật lăn lóc gần đó. Đồ vật này tương tự một chiếc khoan điện, với mũi khoan được thay bằng dương vật giả. Một món đồ như vậy, người bình thường sẽ cảm thấy vô cùng dị hợm, nhưng lại không hề hiếm lạ trong các cửa hàng chuyên bán đồ chơi người lớn và

với những vị khách của các bữa tiệc bên hồ. Ban chiều, Hirtmann đã cẩn thận chỉnh sửa món đồ, để nếu có chuyên gia đa nghi nào đó kiểm tra đường dây điện thì vụ việc vẫn sẽ giống một tai nạn ngẫu nhiên. Hắn cũng thay thế chiếc cầu dao đang hoạt động bình thường bằng một cái đã hoàn toàn bị vô hiệu hóa, loại có thể tìm được ở những cửa hàng kiểu mới. Ngay khi gã tình nhân đưa vật thể ướt sũng vào âm đạo của vợ hắn, Hirtmann, tay đeo găng cao su cách điện, liền bật công tắc. Tác dụng đến ngay tức thì. Rõ ràng champagne là một chất dẫn điện rất tốt. Chắc chắn Hirtmann đã đạt được khoái cảm trả thù trước cảnh tượng hai cơ thể run lên bần bật mất kiểm soát, tóc họ dựng ngược lên như mặt sắt bị nam châm hút, nếu lúc đó không xảy ra ‘nhiều diễn biến trùng hợp’ kia.

Vì chiếc cầu dao bị lỗi, dù có cắt điện cũng sẽ không thể cứu được đôi tình nhân nhưng điện áp tăng đột ngột đã gây ra một hậu quả mà Hirtmann không thể lường trước. Nó kích hoạt hệ thống báo động của ngôi nhà. Thời điểm Hirtmann lấy lại được bình tĩnh, lực lượng cảnh sát mãn cán của Thụy Sĩ đã có mặt trước cửa nhà hắn do được báo động bởi tiếng còi rít và lảng giềng quanh đó.

Tuy nhiên, hắn không hề luống cuống, bởi đã chuẩn bị sẵn kế hoạch cho mọi tình huống. Chỉ có điều, thực tế, sự việc lại xảy ra sớm hơn so với những gì hắn dự tính. Hắn đã kể với cảnh sát về sở thích cá nhân quái đản và chức vụ công tố viên của mình, đồng thời thông báo vụ tai nạn thảm khốc vừa xảy ra trong hầm, với vẻ mặt bối rối và quẫn trí, hổ thẹn và kinh hoàng. Hắn mời các sĩ quan cảnh sát đi theo mình xuống dưới hầm. Đây là lúc diễn biến thứ hai khởi phát. Để tắt còi báo động và tỏ ra như thể đã cố gắng giúp đỡ đôi tình nhân, Hirtmann buộc phải ngắt hết toàn bộ hệ thống điện. Nhưng thật không ngờ, viên sĩ quan Christian Gander, thuộc sở cảnh sát bang Geneva, đã tuyên bố rằng khi anh và đồng nghiệp bước vào căn hầm u ám, một trong hai nạn nhân vẫn còn sống. Đó là vợ của Hirtmann, Alexia. Trong ánh đèn pin yếu ớt, cô ta đột nhiên tỉnh lại, vừa đủ thời gian để chỉ vào kẻ hành hình mình với ánh mắt khiếp sợ trước khi gục xuống mãi mãi. Hai vị cảnh sát lập tức chìa súng vào gã khổng lồ và còng tay hắn lại, lờ đi những lời kháng

ngộ và đe dọa của hắn. Họ gọi hai cuộc điện thoại, cuộc đầu tiên tới bệnh viện để yêu cầu xe cấp cứu, cuộc thứ hai tới đơn vị điều tra hình sự Geneva. Quân tiếp viện ập đến ngôi nhà sau mười lăm phút, tiến hành lục soát kỹ lưỡng và nhanh chóng khám phá ra một khẩu súng ngắn tự động, được nạp sẵn đạn và mở chốt an toàn, nhét dưới một món đồ nội thất. Hirtmann bị giải đi và một đội khám nghiệm hiện trường được cử đến. Phân tích thức ăn thừa từ bữa tối cũng cho thấy gã công tố viên sát nhân kia đã chuốc thuốc cho các nạn nhân.

Những mẫu tài liệu và tin tức được tìm thấy trong văn phòng của Hirtmann chính là cơ sở để điều tra viên xâu chuỗi các vụ mất tích không thể lý giải nổi của hơn hai mươi phụ nữ trẻ trong vòng mười lăm năm trước đó. Bỗng dưng tính chất vụ án mang một diện mạo hoàn toàn khác. Một kẻ giết người vì tình lại trở thành tên giết người hàng loạt. Khi khám xét kết tiền, người ta còn phát hiện được vài cặp tài liệu đầy những mẫu tin cắt ra từ những bài báo viết về nhiều vụ mất tích khác, trải rộng khắp năm quốc gia. Dãy Alps của Pháp, dãy Dolomites của Ý, vùng Bavaria của Đức, Áo và Thụy Sĩ. Tổng cộng hơn bốn mươi vụ án trong vòng hai mươi lăm năm. Không vụ mất tích nào trong số đó được tháo gỡ. Hiển nhiên, Hirtmann khai rằng hắn quan tâm đến những vụ án đó từ góc độ nghề nghiệp đơn thuần, thậm chí còn tỏ ra hài hước khi tuyên bố rằng hắn nghi ngờ tất cả những cô gái trẻ đó đều là nạn nhân của cùng một tên sát nhân. Tuy vậy, không thể xác định được bất cứ mối liên hệ có căn cứ pháp lý nào giữa những vụ mất tích nói trên và vụ án ban đầu, vì chúng khác nhau cả về động cơ và bản chất tội ác.

Ở tòa, Hirtmann cuối cùng cũng bộc lộ bản chất thật sự. Thay vì tìm cách tiết chế thái độ, hắn lại trưng ra một nụ cười tự mãn. Một loạt những vụ bê bối động trời đã vỡ lở trong phiên xử, vì hóa ra vài thành viên trong tòa án và giới thượng lưu Geneva đều từng tham gia những buổi dạ tiệc tại nhà hắn. Hirtmann thích thú tiết lộ tên tuổi từng người và hủy hoại không biết bao nhiêu thanh danh. Vụ án gây chấn động kinh hoàng về cả chính trị và hình sự, dính dáng đến tình dục, ma túy, tiền bạc, công lý, và truyền thông. Không ít ảnh chụp vẫn còn được lưu

lại từ thời đó, được đăng nguyên bản trên các trang báo khắp thế giới với những dòng tít như: *Ngôi nhà kinh dị* (chụp một dinh thự lớn bên hồ với mặt tiền phủ đầy dây thường xuân), *Quái vật rời khỏi trụ sở tòa án* (Hirtmann xuất hiện trong chiếc áo chống đạn, cao hơn một cái đầu so với các cảnh sát xung quanh), *Geneva dậy sóng*, *Nhiều người bị cáo buộc đã tham gia vào những cuộc truy hoan của Hirtmann...*

Servaz nhận thấy một bộ phận dân mạng lại tôn thờ Hirtmann. Vô số trang web mở ra dành riêng cho hắn. Thay vì mô tả hắn như một tên tội phạm điên cuồng, chúng lại xây dựng một tượng đài của chủ nghĩa thông dân và bạo dân hay một biểu tượng của *ý chí sức mạnh, một ngôi sao sáng chói trong thiên hà của quỷ Satan, một siêu nhân theo trường phái Nietzsche** Các diễn đàn còn tột tệ hơn. Ngay cả Servaz, thân là cảnh sát, cũng chưa bao giờ tưởng tượng được lại có nhiều người điên đang chưa bị bắt vào trại đến vậy. Những cá nhân với các tên hiệu kiểu như 6-Borg*, Đồng cảm với Quỷ dữ hay Nữ thần Kali* diễn giải các học thuyết rối rắm và điên rồ như chính tên hiệu mà họ chọn. Các diễn đàn và trang web trong thế giới ảo này khiến anh sầu não. Anh tự nhủ, nếu là ngày xưa, hẳn tất cả những kẻ điên này đã sớm nhận ra chúng chỉ là thiếu số và phải trốn cho thật kĩ. Nhưng ngày nay, nhờ các phương tiện truyền thông hiện đại, vốn khởi nguồn với mục đích trao đổi sự ngu dốt, điên rồ và tí chút kiến thức bủn xỉn, bọn chúng phát hiện ra chúng không đơn độc. Chúng có thể liên hệ với nhau và cảm thấy sự điên rồ của mình được tiếp thêm sức mạnh. Servaz nhớ lại những gì anh từng nói với Marchand, và tự chỉnh lại trong đầu: Sự điên rồ quả thực là một dịch bệnh, con đường lây nhiễm ưa thích của nó là truyền thông và Internet.

Anh chợt nhớ tin nhắn của cô con gái hỏi anh có thể xin nghỉ ngày thứ Bảy không. Anh nhìn đồng hồ, 1:07. Đã sang thứ Bảy rồi. Servaz do dự. Anh gọi vào số con gái để gửi tin nhắn vào hộp thư thoại.

“A lô?”

Anh ngạc nhiên. Con bé nhắc máy ngay lập tức, giọng rất khác thường ngày. Anh thắc mắc không biết có phải mình vừa gọi nhầm số không.

“Margot?”

“Bố đây à?” Con bé thốt lên. “Bố biết mấy giờ rồi không?”

Anh lập tức đoán ra, con bé đang chờ một cuộc gọi khác. Nó phải bật điện thoại cả đêm, trùm chặn nghe để không cho mẹ và bố dượng biết. Bạn trai kiểu gì lại gọi vào giờ này cơ chứ? Rồi anh chợt nhớ ra tối thứ Sáu lũ học sinh được chơi thả ga.

“Bố có làm con mất giấc không?”

“Bố nghĩ sao?”

“Bố chỉ muốn nói với con là bố nhận được tin nhắn rồi. Bố sẽ cố gắng nghỉ vào buổi chiều. 5 giờ, có tiện cho con không?”

“Bố chắc mình vẫn ổn chứ? Nghe giọng bố là lạ...”

“Bố không sao, con yêu. Chỉ là... hiện tại bố có rất nhiều việc.”

“Lúc nào bố cũng nói thế.”

“Vì đó là sự thật. Con biết không, đừng nghĩ chỉ những người kiếm được rất nhiều tiền mới làm việc nhiều. Toàn dối trá hết.”

“Con biết mà bố.”

“Đừng bao giờ tin bọn chính trị gia,” anh buột miệng. “Bọn họ đều là lũ giả dối.”

“Bố, bố biết mấy giờ rồi không? Chúng ta có thể nói chuyện này vào lúc khác được không?”

“À phải. Hơn nữa, bố mẹ không nên cố điều khiển con cái, ngay cả khi họ nghĩ những gì mình nói là đúng. Họ nên dạy cho chúng tự biết suy nghĩ. Dẫu con cái của họ không nghĩ rằng cách họ...”

Có vẻ là một bài diễn văn hơi dài vào lúc đêm muộn thế này.

“Bố không hề điều khiển con. Đây gọi là đối thoại, và con cũng biết tư duy độc lập rồi mà.”

Servaz bỗng cảm thấy dở dẩn. Nhưng cảm giác đó khiến anh mỉm cười.

“Bố có một cô con gái tuyệt vời,” anh nói.

Con bé bật cười khúc khích, “Bố có vẻ đang vui nhỉ.”

“Bố cảm thấy rất tuyệt và giờ là 1 giờ 15 phút sáng. Cuộc đời vẫn đẹp. Con gái bố cũng vậy. Chúc con ngủ ngon. Hẹn gặp con ngày mai.”

“Chúc bố ngủ ngon.”

Servaz lại quay trở ra ban công. Ánh trăng đang tỏa sáng trên tháp chuông nhà thờ Saint-Sernin. Lũ học sinh xô đẩy nhau đi qua đường. Chúng hò hét, cười đùa, ồn ã như một đội kỵ binh, rồi tan biến vào đêm. Tiếng cười của chúng vương vất mãi như một tiếng vọng xa xôi từ tuổi trẻ của chính anh. Khoảng 2 giờ sáng, cuối cùng Servaz cũng nằm xuống giường và chìm vào giấc ngủ.

Sáng hôm sau, thứ Bảy ngày 13 tháng Mười hai, Servaz triệu tập một cuộc họp nội bộ để tìm phương án giải quyết vụ án mạng của người đàn ông vô gia cư. Samira Cheung đi đôi tất cao đến gối sọc đỏ trắng, quần soóc da ôm sát và đôi boot cao mười hai phân với một hàng khóa kim loại ở phía sau. Servaz đoán cô thậm chí không cần cải trang nếu muốn thâm nhập vào một ổ mại dâm địa phương, rồi lại nghĩ đây chính là kiểu bình luận của những kẻ như Pujol hay Simeoni, hai tên đực rựa hẹp hòi trong đơn vị đã gây khó dễ cho trợ lý của anh. Còn Espérandieu mặc áo len chui cổ kẻ ngang dày dặn khiến cậu trông càng trẻ trung và không giống cảnh sát một chút nào. Trong khoảnh khắc, Servaz lo lắng tự hỏi không biết mình đang chịu trách nhiệm một cuộc điều tra hay vừa dịch chuyển tức thời sang một lớp văn ở trường đại học. Cả Samira và Espérandieu đều lôi laptop ra. Như thường lệ, cô gái trẻ vắt tai nghe mp3 trên cổ, Espérandieu đang lướt ngón tay trên chiếc iPhone, với Servaz, nó chỉ như một chiếc điện thoại di động siêu mỏng, như thể đang lật giở những trang sách. Theo yêu cầu của anh, Samira một lần nữa chỉ ra những điểm yếu của lời cáo buộc. Bọn họ không có bằng chứng chứng minh ba thằng bé trực tiếp liên quan đến cái chết của lão già vô gia cư. Kết quả pháp y xác minh nạn nhân đã chết đuối ở mức nước cao chừng 50 phân sau khi bất tỉnh, rất có khả năng do bị đánh tới tấp, trong đó có một cú đập mạnh vào đầu. Cụm từ ‘rất có khả năng’ khiến vấn đề trở nên khiên cưỡng. Vì ông già vô gia cư còn có chỉ số còn

trong máu là 1,9 gam tại thời điểm xảy ra tai nạn. Servaz và Espérandieu hoàn toàn ý thức được báo cáo pháp y sẽ được bên biện hộ sử dụng nhằm định lại tội trạng thành ‘hành vi bạo lực cố ý, vô tình dẫn đến chết người’, hoặc thậm chí bác bỏ lập luận rằng chính những cú đánh là nguyên nhân dẫn đến chết đuối, khi hoàn toàn có thể quy kết cho tình trạng say xỉn của nạn nhân. Nhưng cho đến giờ, bọn họ vẫn cẩn thận né tránh đề cập đến vấn đề này.

“Kết luận cứ để quan tòa,” cuối cùng Servaz nói. “Giới hạn lại theo những gì ta biết từ báo cáo, tránh suy diễn.”

Cùng ngày thứ Bảy hôm đó, anh hoang mang nhìn vào bản danh sách cô con gái đưa cho mình.

“Cái gì đây?”

“Danh sách quà Giáng sinh của con.”

“Tất cả sao?”

“Đấy là danh sách thôi. Bố không phải mua tất cả,” con bé càu nhàu.

Anh nhìn nó. Chiếc khuyên bạc vẫn nguyên xi ở môi dưới, chiếc vòng hồng ngọc trên lông mày trái, tai trái vừa kết nẹp thêm chiếc khuyên thứ năm. Servaz thoáng nghĩ về người đồng đội của mình trong vụ án hiện tại. Anh cũng nhận thấy Margot bị va đập vào đầu đó, con bé có một vết thâm tím trên gò má phải. Anh lướt qua danh sách một lần nữa, một cái iPod, một khung ảnh kỹ thuật số (con gái anh giải thích đây là loại khung ảnh chiếu những bức hình lưu trong thẻ nhớ trên một cái màn hình), một máy điện tử Nintendo DS cầm tay (với Chương trình huấn luyện não bộ của bác sĩ Kawashima), một máy ảnh du lịch (tích hợp cảm biến 7 megapixel, ống kính zoom 3X và chế độ chống rung, nếu có thể), một laptop màn hình 17 inch (ưu tiên loại gắn chip Intel Core 2 Duo thông số 2GHz, RAM 2 GB, ổ cứng 250 GB và ổ ghi CD-DVD). Con bé cân nhắc một chiếc iPhone, nhưng sau cùng quyết định rằng có lẽ nó ‘hơi đắt’. Servaz không biết tí gì về giá cả của những thứ này hay ý nghĩa mấy từ như “RAM 2 GB”. Nhưng anh biết một điều, rằng không có món đồ công nghệ nào vô hại. Trong thế giới

công nghệ ngày nay, những giây phút của tự do và suy tưởng thực sự đang trở nên ngày càng khan hiếm. Việc mua sắm điên cuồng, lòng mê đắm các công cụ thừa thãi... rốt cuộc những thứ này mang lại lợi ích gì? Tự nhiên anh thấy, một thổ dân của bộ lạc nào đó ở New Guinea dường như lại sở hữu trí tuệ khôn ngoan và tinh thần lành mạnh hơn đa số những người đang sống bên cạnh anh. Chỉ mình anh nghĩ thế, hay anh giống như một nhà triết học cổ hủ trong cái hộp của chính mình, đang nhìn một thế giới điên cuồng? Anh nhét danh sách vào túi áo và hôn lên trán cô bé.

“Bố sẽ suy nghĩ.”

Qua buổi chiều, thời tiết đã thay đổi. Trời mưa, một trận gió mạnh nổi lên, họ trú dưới một mái hiên phủ bạt đang bay phàn phật trước dãy cửa sổ trưng bày được thắp sáng rực rỡ giữa trung tâm thành phố. Những con phố chật ních người, xe cộ và đồ trang trí Giáng sinh.

Thời tiết trên đó thế nào nhỉ? Anh bỗng đứng tự hỏi. Tuyết có đang rơi trên Viện không? Servaz hình dung cảnh Julian Hirtmann trong phòng giam của hắn, đang thả lỏng thân hình cao lớn để ngắm tuyết rơi bên ngoài cửa sổ. Kể từ hôm nghe được thông tin Ziegler cung cấp trong xe, tâm trí anh hiếm khi ngừng nghĩ về gã khổng lồ người Thụy Sĩ ấy.

“Bố, bố có nghe con nói không thế?”

“Có, đương nhiên rồi.”

“Bố sẽ không quên cái danh sách con đưa chứ?”

Anh hứa với con rằng không. Rồi anh đề nghị đến một quán cà phê ở quảng trường Capitole uống chút gì đó. Trước sự ngạc nhiên của anh, con bé gọi bia. Trước giờ con bé luôn gọi coca không đường. Servaz hiểu ra một sự thật tàn nhẫn rằng, Margot đã 17 tuổi mà anh vẫn coi nó là cô nhóc lên năm, dẫu có cao lớn đến đâu đi nữa. Có lẽ vì sự thiếu cận này mà thỉnh thoảng anh không biết phải xử sự thế nào với con chẳng. Con bé có quầng thâm dưới mắt, râu rĩ nhìn cốc bia. Anh chợt thấy hoài nghi. Điều gì làm con bé buồn? Con bé đợi điện thoại của ai vào lúc 1 giờ sáng? vết thâm trên má là sao? Những nghi vấn của một tên cớm, anh

thâm nghi. Không, nghi vấn của một người cha...

“Vết thâm kia là sao vậy?” Anh hỏi.

Con bé ngược lên. “Sao ạ?”

“Vết thâm trên gò má con... làm sao mà có?”

“Ừm... con va vào đâu đó. Sao thế ạ?”

“Ở đâu?”

“Có nghiêm trọng không ạ?”

Con bé gắt lên. Mặt anh đỏ lựng. Thấm vấn một nghi phạm còn dễ dàng hơn hỏi chuyện con gái mình.

“Không,” anh nói.

“Mẹ bảo vấn đề của bố là nhìn thấy điều xấu ở khắp mọi nơi. Rằng bố bị bệnh nghề nghiệp.”

“Chắc mẹ con nói đúng đấy.” Giờ đến lượt anh nhìn xuống cốc bia của mình.

“Nửa đêm con tỉnh dậy đi vệ sinh và va vào cánh cửa. Câu trả lời thế đã được chưa ạ?”

Anh chăm chú nhìn con bé, băn khoăn không biết có nên tin hay không. Lời giải thích hoàn toàn hợp lý, chính anh cũng từng bị một vết bầm trên trán vào lúc nửa đêm. Tuy nhiên, có gì đó trong giọng nói và sự cáu bẳn khi con bé trả lời khiến anh không thoải mái. Phải chăng chỉ là do anh tưởng tượng ra? Tại sao anh có thể nhìn thấu các đối tượng thấm vấn mà lại thấy con gái mình khó hiểu đến vậy? Và tại sao khi đương đầu giải quyết một vụ án, anh như cá gặp nước nhưng lại vô dụng đến thế trong quan hệ giữa người với người? Anh biết một bác sĩ tâm lý sẽ trả lời thế nào. Đáng ra anh nên kể với anh ta về tuổi thơ của mình...

“Bố con mình đi xem phim đi,” anh nói.

Đêm hôm đó, anh đặt đồ ăn nhanh vào lò vi sóng và nhấp một ngụm cà phê (khi anh phát hiện ra hết sạch cà phê thì đã quá muộn nên đành sờ tới hũ cà phê hòa tan cũ kỹ quá hạn từ bao giờ), anh lại đắm mình vào

tiểu sử của Julian Alois Hirtmann. Đêm đã buông xuống Toulouse. Bên ngoài, một trận gió dữ dội quét qua và trời đang mưa, nhưng không gian trong phòng tràn ngập âm nhạc của Gustav Mahler, *Bản giao hưởng số 6*. Sự tập trung của anh được hưởng ứng nhờ đêm khuya thanh vắng và khung cảnh mờ mờ dưới ánh sáng hắt ra từ chiếc đèn bàn nhỏ và màn hình máy tính. Servaz lấy sẵn quyển sổ tay và tiếp tục ghi chép. Các ghi chú của anh đã dài tới vài trang. Trong khi tiếng đàn vĩ cầm từ phòng khách vọng sang, anh lại cày cui với sự nghiệp của tên giết người hàng loạt. Thẩm phán tại Thụy Sĩ yêu cầu đánh giá tâm thần nhằm cấu thành trách nhiệm hình sự. Sau vô số cuộc thẩm vấn, các chuyên gia được bổ nhiệm đều nhất trí rằng nghi phạm ‘không đủ năng lực pháp lý’, viện dẫn các triệu chứng mê sảng, ảo giác, sử dụng ma túy liều cao đã ảnh hưởng đến khả năng phán đoán và làm trầm trọng thêm chứng tâm thần phân liệt của hắn, và hoàn toàn không có sự thấu cảm. Điểm cuối cùng khỏi cần bàn cãi, ngay cả Servaz cũng tán thành. Theo báo cáo, bệnh nhân của họ có ‘khiếm khuyết về tâm lý nên không thể kiểm soát hành động của mình, không đủ khả năng tự chủ để đưa ra lựa chọn và quyết định’.

Dựa vào các dữ liệu tra cứu được trên một số trang web về tâm thần học pháp y, Servaz nhận thấy các chuyên gia được bổ nhiệm đã sử dụng một phương pháp cổ điển, nhằm hạn chế sự can thiệp của đánh giá chủ quan, họ cho Hirtmann làm một tập hợp các bài kiểm tra đã được chuẩn hóa, giải thích rằng họ căn cứ vào hướng dẫn chẩn đoán và thống kê các chứng rối loạn tâm thần. Servaz thầm nghĩ, biết đâu Hirtmann cũng quen thuộc với hướng dẫn này chẳng kém gì mấy chuyên gia kia.

Tuy vậy, ý thức rõ mức độ nguy hiểm của đối tượng, họ đã đề xuất lệnh bắt giữ và tống giam tại một cơ sở chuyên môn trong khoảng thời gian ‘không xác định’. Hirtmann từng lưu trú tại hai bệnh viện tâm thần ở Thụy Sĩ trước khi được chuyển đến Viện Wargnier. Khu A không phải chỉ có mình hắn là bệnh nhân nước ngoài. Viện này là cơ sở duy nhất tại châu Âu thử nghiệm vai trò của trại giam tâm thần đa quốc gia trong khuôn khổ pháp lý chung của châu Âu trong tương lai. Servaz

chau mày khi đọc được thông tin ấy. Hệ thống pháp luật ở châu Âu quá khác nhau về điều lệ, thời gian thi hành án và ngân sách. Số tiền Pháp chịu chi trả cho hệ thống hành pháp tính trên đầu người chỉ bằng một nửa so với Đức, Hà Lan hay thậm chí là Anh. Vậy hệ quả của thử nghiệm kia là gì đây?

Anh đứng dậy để ra tủ lạnh lấy bia, chợt nghĩ đến sự mâu thuẫn rõ ràng giữa tính cách hòa đồng trong xã hội và học thức được mọi người công nhận với chân dung đen tối do các chuyên gia phác họa về một nạn nhân của nỗi ghen tuông bệnh lý và những huyền tưởng giết người không thể kiểm soát. Jekyll và Hyde* sao? Hay nhờ tài thao túng của mình, Hirtmann đã thành công trong việc thoát khỏi án tù? Servaz sẵn lòng đặt cược cho giả thuyết thứ hai. Anh tin chắc rằng, trong lần đầu tiên xuất hiện trước mặt các chuyên gia Hirtmann đã biết phải hành xử và nói năng thế nào. Nghĩa là giờ Servaz và đội của anh phải giáp mặt với một kẻ giỏi thao túng đồng thời là diễn viên siêu cấp? Làm sao để họ có thể nhìn thấu hắn? Liệu nhà tâm lý học tội phạm do lực lượng sen đậm cử đến có thành công với kẻ đã cho các chuyên gia người Thụy Sĩ ăn quả lừa hay không?

Bên cạnh đó, mối liên hệ giữa Hirtmann và Lombard có thể là gì? Sợi dây rõ ràng nhất là địa lý. Có khả năng Hirtmann chỉ ngẫu nhiên nhắm vào con ngựa hay không? Phải chăng hắn nảy ra ý tưởng này khi đi ngang qua trường luyện ngựa? Nơi đó cách xa đường lớn. Không có lý do gì để Hirtmann đến đây cả. Và nếu hắn là kẻ giết con ngựa, tại sao lũ chó không đánh hơi được sự có mặt của hắn? Và tại sao hắn không lợi dụng cơ hội để trốn đi? Làm cách nào hắn vượt qua được hệ thống an ninh của Viện? Câu hỏi này lại dẫn tới câu hỏi khác.

Tâm trí Servaz đột ngột sang số. Con gái anh có quàng thâm dưới mắt và ánh nhìn buồn bã. Tại sao? Tại sao trông con bé lại buồn và mệt mỏi như thế? Con bé trả lời điện thoại vào lúc 1 giờ sáng. Con bé đang chờ điện thoại của ai? Và vết thâm trên má, đời nào anh lại tin những lời giải thích của Margot. Anh sẽ nói chuyện này với mẹ con bé.

Servaz tiếp tục đào bới quá khứ của Julian Hirtmann cho đến tận những phút đầu tiên của ngày mới. Anh nằm xuống, Chủ nhật ngày 14

tháng Mười hai. Anh có cảm tưởng trong tay đang cầm những mảnh ghép của hai câu đố tách biệt. Chúng không ăn khớp.

Con gái anh có quầng thâm dưới mắt và ánh nhìn buồn bã. Và con bé có một vết thâm tím trên gò má. Điều đó có nghĩa là gì?

Đêm hôm đó, Diane Berg nghĩ về bố mẹ cô. Bố cô là một người đàn ông sống kín đáo, thuộc tầng lớp trung lưu, kiểu người theo phái Calvin cứng nhắc và xa cách mà đất nước Thụy Sĩ vẫn đều đều sinh ra như sôcôla và két sắt. Mẹ cô sống trong thế giới của riêng bà, một thế giới vô hình bí mật, nơi bà nghe thấy âm nhạc của thiên thần, nơi bà là trung tâm, là lẽ sống, tâm trạng của bà dao động liên miên giữa trầm uất và hưng phấn. Một người mẹ quá chú ý đến bản thân đến nỗi không thể cho con cái bất cứ thứ gì ngoài những vụn thừa tình cảm. Diane đã sớm nhận ra thế giới kì dị của bố mẹ cô không có cô trong đó.

Cô bỏ nhà đi lần đầu tiên vào năm 14 tuổi. Cô không đi được xa lắm. Cảnh sát Geneva đã đưa cô về nhà sau khi cô bị bắt quả tang ăn cắp một chiếc đĩa CD của Led Zeppelin cùng cậu bé bằng tuổi mới gặp hai tiếng trước. Trong một môi trường *hòa hợp* như thế, nổi loạn là điều không thể tránh khỏi. Diane đã trải qua các thời kì hoang mang, kiếm tìm sự công nhận và nổi loạn trước khi vào khoa tâm lý ở trường đại học, nơi cô học tập để khám phá chính bản thân và bố mẹ mình, ngay cả khi cô không thể hiểu nổi họ.

Cuộc gặp gỡ của cô với thầy Spitzner chẳng khác nào định mệnh. Trước ông, cô không có nhiều người yêu lắm. Dù vẻ ngoài của cô để lại ấn tượng về một phụ nữ trẻ chủ động, tự tin, nhưng với Spitzner thì khác. Ông nhanh chóng nhìn thấu cô. Ngay từ đầu, cô đã nghi ngờ mình không phải là người đầu tiên ông chinh phục trong số các sinh viên, sau này ông cũng đã xác nhận điều đó, nhưng cô không quan tâm. Cũng như cô chẳng buồn để ý đến cách biệt về tuổi tác giữa họ hay việc ông đã có vợ và là bố của bảy đứa trẻ. Nếu phải áp dụng tài năng tâm lý học vào chính trường hợp của bản thân, cô sẽ coi mối quan hệ của họ là mô típ cũ rích, Pierre Spitzner đại diện cho mọi thứ cô không thấy ở bố

mẹ mình. Và mọi thứ mà họ căm ghét. Cô nhớ lại một cuộc đối thoại dài và nghiêm túc giữa họ.

Cuối cùng ông nói, “Tôi không phải bố hay mẹ em. Đừng đòi hỏi ở tôi những gì tôi không thể cho em.”

Với ly rượu Jack Daniels trong tay, ông đuổi người trên chiếc ghế bành trong một nhà xưởng nhỏ mà trường đại học giao cho ông tùy ý sử dụng. Ông không cạo râu, ngực trần, phô bày cơ thể, đặc biệt rắn chắc đối với một người đàn ông ở tuổi đó.

“Ví dụ như?”

“Chung thủy.”

“Hiện tại thầy ngủ cả với những phụ nữ khác?”

“Phải, vợ tôi.”

“Ý em là, *những phụ nữ khác.*”

“Không, không phải hiện tại. Hải lòng chưa?”

“Em không quan tâm.”

“Em đang nói dối.”

“Ồ, được rồi, em có quan tâm.”

“Còn tôi chẳng quan tâm em ngủ với ai,” ông đáp.

Nhưng có một điều mà chính ông hay bất kì ai khác đều không nhận ra, Diane đã lớn lên cùng những bí mật của mẹ cô, trong một ngôi nhà với những cánh cửa đóng kín và những căn phòng gắn mác ‘con không được phép vào’. Có điều, sự căm căm ấy chỉ có tác dụng kích thích tính hiếu kì quá mức của cô mà thôi. Một đặc điểm có ích đối với nghề này, nhưng đôi lúc cũng khiến cô rơi vào hoàn cảnh trở trêu. Diane thoát khỏi dòng suy tưởng và dõi theo vàng trắng đang lẩn trốn sau những đám mây bị xé ra như gạc trắng. Vài giây sau, nó xuất hiện ở một chỗ rách mới của tầng mây, rồi lại biến mất thêm lần nữa. Gần cửa sổ phòng cô, trong khoảnh khắc, dường như một nhánh lãnh sam nặng tuyết vừa phát ánh lân tinh trong dòng sữa trắng từ trên trời đổ xuống, rồi mọi thứ lại trở về với bóng tối.

Cô quay đi khỏi khung cửa sổ hẹp và sâu. Những cây kim màu đỏ

trên đồng hồ báo thức của cô phát sáng trong bóng đêm mờ mịt. 12 giờ 25 phút đêm. Khắp nơi đều yên ắng. Cô biết rằng ít nhất phải có một hoặc hai bảo vệ đang thức ở tầng trên, nhưng chắc hẳn họ đang nằm ườn trên ghế bành xem tivi ở đầu kia của tòa nhà.

Bên này Viện, vạn vật tĩnh lặng trong giấc ngủ.

Nhưng không phải tất cả mọi người...

Cô đi tới cánh cửa phòng mình. Cô đã tắt đèn từ lâu. Một kẽ hở vài milimet bên dưới cánh cửa khiến luồng khí lạnh buốt quét qua đôi chân trần làm cô run lên. Vì cái lạnh, nhưng cũng vì adrenaline xộc vào các mạch máu. Thứ gì đó đã khơi dậy sự hiếu kì trong cô.

12 giờ rưỡi đêm.

Âm thanh nhẹ đến mức gần như không nghe thấy. Giống như đêm hôm trước. Và những đêm khác nữa.

Một cánh cửa mở ra. Rất chậm. Rồi không còn gì nữa. Có người không muốn bị bắt gặp.

Thình lạng một lần nữa.

Giống như cô, người đó đang chờ đợi.

Tiếng tách của công tắc đèn, rồi một tia sáng lóe lên bên dưới cánh cửa phòng. Tiếng bước chân trong hành lang. Nhẹ đến mức gần như bị át đi bởi nhịp tim đập của cô. Trong khoảnh khắc, một bóng đen chặn lại ánh sáng lọt qua khe cửa. Cô chân chừ. Đột ngột ra quyết định. Mở cửa. Quá muộn. Cái bóng đã biến mất.

Một lần nữa mọi thứ lại rơi vào thình lạng, ánh sáng vụt tắt.

Diane ngồi bên mép giường trong bóng tối, run rẩy trong bộ đồ ngủ mùa đông và chiếc áo choàng có mũ. Cô thắc mắc, ai là người có thể đi lại quanh Viện hằng đêm? Và hơn hết, vì mục đích gì cơ chứ? Rõ ràng, việc đó tuyệt đối bí mật, vì người kia vô cùng thận trọng tránh để kẻ khác nghe thấy.

Hôm đầu tiên, Diane tưởng là một hộ lý hay y tá thấy đói và không muốn ai biết mình đi đột kích cái tủ lạnh lúc nửa đêm. Nhưng chứng mất ngủ khiến cô không thể chợp mắt và ánh đèn hành lang chỉ bật

sáng trở lại hai giờ sau đó. Đêm sau, vì mệt mỏi, cô đã thiếp đi mất. Nhưng đêm qua, sự việc kia tái diễn. Cơn mất ngủ quay về cùng tiếng cửa mở rất khẽ, ánh sáng ngoài hành lang và cái bóng lén lút lướt về phía cầu thang.

Tuy vậy, do quá mệt, cô đã thiếp đi trước khi người đó trở về.

Cô trốn bên dưới lớp chăn lông vịt và nhìn ra khung cửa sổ hình chữ nhật mờ ảo đang phản chiếu hình ảnh căn phòng nhỏ lạnh lẽo của mình. Cô phải ngủ một chút. Ngày mai là Chủ nhật, cô được nghỉ. Cô sẽ tranh thủ thời gian xem lại các ghi chép của mình, xuống Saint-Martin. Nhưng thứ Hai là ngày quan trọng, bác sĩ Xavier đã nói với cô rằng thứ Hai anh ta sẽ đưa cô đến Khu A...

Cô phải ngủ một chút.

Bốn ngày... Cô đã đến Viện được bốn ngày. Cảm tưởng như chỉ trong một khoảng thời gian ngắn, các giác quan của cô đều được gọt giũa sắc bén. Liệu cô có thể thay đổi chỉ trong thời gian ngắn như vậy không? Nếu vậy, cô sẽ trở thành người như thế nào sau một năm nữa, khi rời nơi này trở về nhà? Cô tự mắng mình. Phải dừng ngay ý nghĩ đó lại. Cô có hàng tháng trời chờ đợi trước mắt.

Cô vẫn không thể hiểu nổi tại sao họ có thể nhốt tội phạm ở một nơi thế này, chắc chắn là nơi quái gở và dị thường nhất mà cô từng đến.

Nhưng nơi đây sẽ là nhà của mày trong vòng một năm tới, cô gái ạ. Ý nghĩ đó làm cơn buồn ngủ của cô bay biến.

Cô ngồi ở đầu giường và bật đèn bàn. Cô mở máy tính để kiểm tra hòm thư. May sao, Viện có kết nối Internet không dây.

[Bạn không có thư mới.]

Cảm xúc lẫn lộn. Cô có thực sự mong ông sẽ viết thư cho cô không? Sau những gì đã xảy ra? Cô là người quyết định chấm dứt, ngay cả khi nó làm cô suy sụp. Ông đã đồng ý với thái độ khắc kỷ như thường lệ, và cô thấy mình bị tổn thương. Cô chìm vào vực sâu đau khổ đến mức chính cô cũng phải ngạc nhiên.

Cô do dự trong chốc lát rồi gõ lên bàn phím.

Cô biết ông không thể hiểu được sự im lặng của cô. Cô đã hứa sẽ kể tỉ

mỉ và sớm viết thư cho ông. Như mọi chuyên gia tâm lý pháp lý khác, Pierre Spitzner luôn khát khao tìm hiểu mọi điều có thể về Viện Wargnier. Khi nghe tin đơn xin việc của Diane được chấp nhận, ông không chỉ coi đó là cơ hội của riêng cô mà còn của cả chính ông để biết thêm về một nơi khởi phát vô số lời đồn đại.

Cô gõ những chữ đầu tiên:

Pierre thân,

Em rất ổn. Nơi này...

Tay cô dừng lại.

Một hình ảnh đột nhiên xuất hiện... Ánh chớp rõ ràng, sắc nét như băng...

Ngôi nhà lớn của Spitzner trông ra hồ, căn phòng tranh tối tranh sáng, tĩnh lặng và trống trải. Pierre và cô trên chiếc giường rộng rãi. Ban đầu, họ chỉ đến để lấy tài liệu mà ông để quên. Vợ ông đang ở sân bay, đợi chuyến bay tới Paris, nơi bà sẽ diễn thuyết trong một buổi tọa đàm với chủ đề ‘Nhân vật và góc nhìn’ (vợ Spitzner là tác giả của mười mấy bộ tiểu thuyết trinh thám phức tạp và đẫm máu với yếu tố tình dục rất mạnh, đã đạt được những thành công nhất định). Pierre nhân dịp này đưa cô đi tham quan ngôi nhà. Khi họ đi qua phòng ngủ của hai vợ chồng, ông đã đẩy cửa và nắm tay Diane kéo vào. Ban đầu, cô cự tuyệt làm tình ở đó, nhưng ông cứ khăng khăng nài nỉ hết như một đứa trẻ và cuối cùng đã lay động được cô như bao lần vẫn thế. Ông còn thuyết phục Diane mặc đồ lót của vợ ông. Bộ đồ lót được mua ở những cửa hiệu đắt đỏ nhất Geneva... Diane do dự. Nhưng bầu không khí nhuốm hơi hướng tội lỗi và gia vị của trái cấm quá cám dỗ để có thể ngoan đạo được lâu. Cô nhận ra cô mặc cùng cỡ với bà vợ của người tình. Cô nằm dưới ông, mắt nhắm lại, cơ thể bọn họ gắn kết hoàn hảo và hòa hợp, khuôn mặt đỏ gay của Pierre phía trên cô. Bỗng một tiếng nói, tách bạch, sắc lẹm, đay nghiến, vọng vào từ ngưỡng cửa căn phòng:

“Mang con điếm của ông cút khỏi đây.”

Diane đóng máy tính lại. Mọi ham muốn viết lách đã bay biến. Cô quay đầu để tắt đèn. Rùng mình. Cái bóng ở ngay bên dưới cửa phòng cô... bất động... Cô nín thở, không thể nhúc nhích dù chỉ một phân. Sự hiếu kì và tức tối đã chiến thắng. Diane lao vọt ra cửa.

Nhưng cái bóng lại một lần nữa biến mất.

PHẦN II
CHÀO MỪNG TỚI ĐỊA NGỤC

Vào Chủ nhật, ngày 14 tháng Mười hai, lúc 7 giờ 45 phút sáng, Damien Ryck, còn gọi là Rico, 28 tuổi, rời khỏi nhà để sẵn sàng cho một chuyến độc hành lên núi. Bầu trời xám xịt và cậu biết trước rằng mặt trời sẽ không ló dạng vào ngày hôm đó. Ngay khi tỉnh dậy, cậu bước ra ban công rộng rãi và thấy một lớp sương dày phủ kín các mái nhà và đường phố khắp vùng Saint-Martin. Phía trên thị trấn, từng cuộn mây vân vũ bao quanh các đỉnh núi.

Dựa vào dự báo thời tiết, cậu quyết định khởi hành để thanh lọc đầu óc, tản bộ nhẹ nhàng dọc theo lối mòn mình đã thuộc lòng. Đêm hôm trước, chính xác hơn là vài tiếng trước, cậu mới chuánh choáng về đến nhà sau bữa tiệc với bạn bè mà tại đó cậu đã hút vài điếu thuốc, rồi đi ngủ luôn mà không thay quần áo. Lúc tỉnh dậy, sau khi tắm xong, uống một cốc cà phê đen lớn và hút một điếu thuốc nữa ngoài ban công, cậu chợt nghĩ không khí tinh khiết trên cao sẽ có lợi cho mình. Rico định hoàn thành bản tranh khắc kim loại của mình vào tầm cuối buổi sáng, một công việc tinh tế đòi hỏi đôi tay vững vàng.

Rico là tác giả tiểu thuyết đồ họa. Một nghề nghiệp tuyệt vời cho phép cậu làm việc tại nhà và kiếm tiền bằng công việc mình yêu thích. Những cuốn tiểu thuyết đồ họa đen trắng có nội dung cực kì u ám đã tìm đến được một lượng độc giả sành truyện nhất định. Danh tiếng của cậu đang ngày càng nổi trong thế giới nhỏ bé của tiểu thuyết đồ họa. Là một người say mê trượt tuyết ngoại biên*, leo núi, dù lượn, leo núi bằng xe đạp và du lịch vòng quanh thế giới nói chung, cậu đã khám phá ra rằng, Saint-Martin là ngôi nhà lý tưởng để trở về. Nghề nghiệp của cậu gắn liền với công nghệ truyền thông hiện đại, tức là cậu không cần sống ở Paris, nơi đặt trụ sở văn phòng nhà xuất bản Éditions d'Enfer mà cậu phải gặp sáu lần một năm. Ban đầu, những cư dân Saint-Martin

không thể quen nổi với vẻ ngoài như tranh biếm họa của cậu. Những lọn tóc đen và vàng, khăn rằn, áo choàng poncho màu cam, khuyên bấm khắp người và một bộ râu màu hồng. Vào mùa hạ, họ còn được thưởng lãm mười mấy hình xăm trên cơ thể gần như suy dinh dưỡng của cậu. Hai vai, cánh tay, lưng, cổ, bắp chân và bắp đùi chi chít các tác phẩm nghệ thuật được cấu thành chỉ bằng ba màu sắc, lộ ra dưới quần soóc hay áo ba lỗ ở khắp các hướng. Tuy nhiên, rất đáng để thử làm quen với Rico. Cậu không chỉ là một nghệ sĩ tài năng, mà còn là một gã khá hấp dẫn, vô cùng hài hước, ân cần với trẻ em, người già cũng như tất cả hàng xóm láng giềng.

Sáng hôm đó, Rico đi đôi ủng leo núi loại siêu nhẹ. Trùm bên ngoài tai nghe mp3 là một chiếc mũ len có tai mà nông dân vùng cao nguyên Andean vẫn đội, cậu lên đường, hướng tới con đường mòn leo núi bắt đầu ngay bên cạnh một siêu thị cách nhà 200 mét.

Sương mù vẫn chưa tan. Cậu chạy một vòng quanh dãy xe đẩy hàng trong sân đỗ bên ngoài siêu thị bỏ hoang. Ngay khi đi lên đường mòn, Rico đã bắt đầu sỏi những bước dài hơn. Phía sau cậu, chuông nhà thờ điểm 8 giờ đúng. Những tiếng chuông dường như phải xuyên qua vài lớp bông mềm mới chạm đến cậu.

Rico cẩn thận không để mình bị treo chân trên nền đất gồ ghề, rải rác đầy rễ cây và những hòn đá lớn. Cậu chạy 2 kilomet qua một đồng bằng rộng và phẳng tới nỗi khiến cậu suýt mất phương hướng.

Cậu tiến về phía dòng suối đang chảy róc rách, rồi đi qua những cây cầu nhỏ rắn chắc làm bằng gỗ lãnh sam. Con dốc cao dần lên, Rico bắt đầu cảm nhận được nhịp hoạt động của gân khoeo chân. Màn sương đã loãng ra. Cây cầu sắt bắc qua con suối ngay trước khi nước đổ xuống dòng thác gầm gào hiện ra ở phía trước. Đây là đoạn đường gian nan nhất. Vượt qua nó, địa thế sẽ gần như bằng phẳng trở lại. Cậu ngẩng đầu, rảo chân bước rồi chợt thấy có gì đó treo dưới cây cầu. Một cái túi hoặc vật thể lủng nhùng nào đó được buộc vào khung sắt của cầu.

Cậu cúi đầu để tập trung vào những khúc quanh cuối cùng của lối mòn. Nhịp tim hiện tại của cậu là 150 lần/phút. Nhưng khi ngẩng lên, cậu tưởng tim mình như sắp nổ tung. Chẳng có cái túi nào treo dưới cầu

hết. Đó là một cơ thể! Rico chết lặng. Cú sốc dữ dội cùng với việc gồng sức leo núi khiến cậu nghẹt thở. Miệng há to, cổ hớp lấy không khí, cậu nhìn chăm chăm vào cái xác. Cậu đi nốt vài mét cuối cùng, tay chống hông.

Mẹ kiếp, cái quái gì thế?

Ban đầu, Rico không hiểu đó là thứ gì. Cậu tự hỏi liệu có phải mình đang bị ảo giác do đêm qua vui chơi quá đà hay không, nhưng cậu lập tức nhận ra chẳng có ảo ảnh nào hết. Nó quá chân thực, quá khủng khiếp. Không hề giống những bộ phim kinh dị cậu vẫn thích xem. Trước mắt cậu là một người đàn ông... một người đàn ông đã chết, trần truồng và bị treo dưới một cây cầu!

Quy tha ma bắt! Một cơn ớn lạnh khủng khiếp chảy qua huyết mạch.

Cậu rùng mình liếc quanh. Đây không phải một vụ tự tử. Ngoài đai tròng quanh cổ, còn có vài cái khác buộc xác chết vào những khung sắt của cầu. Ai đó đã chụp một chiếc mũ để che kín mặt người đàn ông, loại mũ trùm màu đen bằng vải chống thấm, liền với áo choàng không tay khoác sau lưng.

Chết tiệt!

Rico choáng váng vì hoảng sợ. Cậu chưa từng thấy thứ gì giống thế. Cảnh tượng trước mắt gây ra nỗi kinh hãi ác tính, thổi tràn khắp các mạch máu trong cơ thể. Cậu chỉ có một mình trên núi, cách khu dân cư gần nhất 4 kilomet và chỉ có một con đường để đến đó, con đường mà cậu đã đi qua. Con đường mà tên sát nhân đã đi qua.

Cậu băn khoăn không biết có phải vụ sát hại vừa mới xảy ra không. Nói cách khác, tên giết người vẫn quanh quẩn đâu đây. Rico lo lắng, nhìn chăm chăm vào đám đá và sương mù, hít sâu hai lần rồi quay bước. Cậu cố sức lao thật nhanh xuống lối mòn dẫn tới Saint-Martin.

Servaz chưa bao giờ yêu thích thể thao. Thành thực mà nói, anh ghét thể thao. Tất cả các môn thuộc đủ mọi hình thức. Bất kể ở sân tập hay trên tivi. Anh cũng chẳng thích tham dự sự kiện thể thao nào. Một

trong những lý do anh không mua tivi là vì nó chiếu các chương trình thể thao nhiều quá mức cần thiết, với lịch dày đặc, cả ngày lẫn đêm.

Tuy vậy, trong mười lăm năm kết hôn, anh đã ép mình phải hoạt động thể chất ở mức tối thiểu, đồng nghĩa với việc chạy bộ mỗi sáng Chủ nhật đúng ba mươi lăm phút, không hơn. Có lẽ chính nhờ vậy, anh không tăng dù chỉ nửa cân kể từ năm 18 tuổi và vẫn mua cùng một cỡ quần. Lý do của điều kì diệu này là gen của bố anh, ông đã giữ nguyên thân hình thon gọn bảnh bao như một chú chó săn trong suốt cuộc đời mình, ngoại trừ những ngày cuối cùng, khi rượu và trầm uất chỉ chừa lại cho ông da và xương.

Nhưng sau khi ly hôn, Servaz đã thề sẽ bỏ bất cứ hoạt động nào gần giống với thể dục. Việc anh đột nhiên quyết định bắt đầu tập tành trở lại vào sáng Chủ nhật chính là bởi hôm qua Margot đã nói, “Bố, con quyết định bố con mình nên nghỉ hè cùng nhau. Chỉ có hai bố con mình thôi. Đi thật xa khỏi Toulouse.” Con bé đã nói về Croatia, những bờ vịnh nhỏ, những hòn đảo có nhiều núi, đài kỉ niệm và ánh nắng chan hòa. Nó muốn một kì nghỉ vừa vui vẻ vừa phải có tinh thần thể thao, nghĩa là chạy bộ và bơi vào buổi sáng, nằm dài nhàn nhã và vãn cảnh vào buổi chiều, buổi tối anh sẽ đưa con bé đi nhảy múa hoặc dạo chơi bên bờ biển. Con bé đã sắp sẵn kế hoạch. Nói cách khác, tốt hơn hết, Servaz nên có sức khỏe.

Chính vì thế, anh đã mặc chiếc quần soóc cũ, áo thun nhàu nhĩ và mang đôi giày thể thao rồi bắt đầu chạy dọc bờ sông Garonne. Đất trời xám xịt, mù hơi sương. Vào ngày nghỉ, anh thường không bao giờ bước chân ra khỏi nhà trước buổi trưa. Nhưng giờ đây, bầu không khí thanh bình đáng kinh ngạc đang phủ lên thành phố, như thể vào ngày Chủ nhật, ngay cả bọn cóc và máy thẳng khôn cũng đi nghỉ hết.

Anh chạy với tốc độ vừa phải và nghĩ lại những gì con gái nói. Đi thật xa khỏi Toulouse... Tại sao phải xa Toulouse? Biểu cảm buồn bã, mệt mỏi của con bé... nỗi lo lắng của anh quay trở lại. Điều gì ở Toulouse khiến con bé muốn trốn chạy? Điều gì hay ai đó? Anh nghĩ về vết bầm tím trên má con bé và đột nhiên có một dự cảm chẳng lành.

Một giây sau, anh dừng chân, thở hổn hển, có lấy hơi. Anh đã chạy

quá nhanh. Anh chóng tay lên đầu gối, cảm giác hai lá phổi nóng cháy. Chiếc áo thun ướt đẫm mồ hôi. Anh nhìn đồng hồ. Mười phút! Anh có được mười phút nhưng tưởng như mình đã chạy cả nửa tiếng! Vì Chúa, anh hoàn toàn kiệt sức. Mới 40 tuổi mà đã lụ khụ như một lão già. Đúng lúc đó, điện thoại của anh rung lên sâu trong túi quần.

“Servaz đây,” anh càu nhàu.

“Sao thế?” Giọng Cathy d’Humières. “Không khỏe à?”

“Tôi đang chạy bộ,” anh gắt.

“Tôi cũng thấy cậu cần tập luyện. Rất tiếc phải làm phiền cậu vào ngày Chủ nhật. Có chuyện. Lần này, e rằng không phải là một con ngựa.”

“Ý chị là gì?”

“Chúng ta tìm thấy một xác chết ở Saint-Martin.”

Anh đứng thẳng dậy. “Một... xác chết?” Anh vẫn đang cố điều hòa nhịp thở. “Xác chết kiểu gì? Có... thể căn cứ không?”

“Chưa tìm thấy.”

“Không có giấy tờ gì trên người sao?”

“Không. Ông ta khóa thân, ngoại trừ đôi ủng và một chiếc áo choàng đen.”

Servaz cảm thấy như thể vừa bị ngựa đá. Anh lắng nghe d’Humières kể lại những gì bà biết. Chàng trai trẻ leo núi, cái cầu sắt bắc qua dòng suối, thi thể treo bên dưới...

“Nếu ông ta bị treo dưới cầu, rất có thể là một vụ tự tử,” anh đánh bạo nói, dù không mấy tin tưởng. Ai lại muốn lìa đời trong phục sức lố bịch như thế?

“Theo báo cáo ban đầu, có vẻ giống một vụ giết người hơn. Tôi không biết thêm chi tiết nào nữa. Tôi muốn cậu gặp tôi trên đó.”

Servaz cảm thấy như thể một bàn tay lạnh ngắt đang vuốt ve gáy anh. Những gì anh lo sợ đã xảy ra. Đầu tiên là DNA của Hirtmann, giờ đến vụ này. Ý nghĩa của nó là gì? Có phải khởi đầu của một loạt án mạng? Lần này, tên điên người Thụy Sĩ không thể rời khỏi Viện. Nếu

vậy, ai đã giết người đàn ông đó?

“Được rồi,” anh trả lời. “Tôi sẽ báo cho Espérandieu.”

D’Humières nói cho anh biết nơi phải đến và đập máy. Có một chiếc ghế dài gần đó, Servaz đi đến và ngồi xuống. Anh đang ở trong công viên Prairie aux Filtres, những thảm cỏ trải dài về phía dòng Garonne, kéo tới tận chân cầu Pont-Neuf. Rất nhiều người đang chạy bộ dọc dòng sông.

“Espérandieu nghe,” cấp dưới của anh bắt máy.

“Chúng ta có một xác chết ở Saint-Martin.”

Im lặng. Servaz nghe thấy tiếng Espérandieu nói chuyện với ai đó. Giọng trợ lý của anh bị chặn lại vì bàn tay đặt trên ống nghe. Servaz tự hỏi liệu có phải cậu ta còn đang nằm cạnh Charlène không.

“Được rồi, em chuẩn bị ngay đây.”

“Hai mươi phút nữa tôi sẽ đến đón cậu.”

Anh cúp máy, rồi chợt thấy điều đó là không thể. Anh đã mất mười phút chạy bộ đến đây, và với tình trạng hiện tại, anh không thể quay trở lại nhanh như thế được. Anh gọi lại cho Espérandieu.

“Vâng?”

“Cứ từ từ. Tôi sẽ không đến kịp trong ít nhất nửa giờ nữa.”

“Anh không ở nhà à?” Espérandieu ngạc nhiên hỏi.

“Tôi đang đi tập thể dục.”

“Tập thể dục? Tập cái gì?” Giọng Espérandieu chứng tỏ cậu vô cùng kinh ngạc.

“Chạy bộ.”

“Anh, chạy bộ?”

“Đây là buổi đầu tiên,” Servaz thành thực nói, anh bắt đầu bực mình.

Anh nghĩ, hẳn Espérandieu đang cười thầm ở đầu dây bên kia. Có lẽ cả Charlène Espérandieu, nằm bên cạnh chồng, cũng đang cười. Liệu bọn họ có đem những thói quen sau khi ly hôn của anh ra làm trò mua vui lúc chỉ có hai vợ chồng không nhỉ? Nhưng có một điều anh có thể chắc chắn, Espérandieu thật lòng ngưỡng mộ anh. Cậu ta đã tự hào đến

ngờ ngẩn khi Servaz đồng ý làm bố đỡ đầu cho đứa con sắp sinh của bọn họ.

Lúc đến chỗ để xe ở bãi Cours Dillon, anh đi khập khiễng, chậm như một con sên vì cơn đau xóc bên hông. Về đến nhà, anh liền đi tắm, cạo râu và thay đồ, rồi lái xe ra ngoại ô.

Ngôi nhà đơn lập mới xây với bãi cỏ không rào chắn. Con đường cong trải nhựa theo phong cách Mỹ dẫn tới gara và cửa chính. Một người hàng xóm đứng trên đỉnh thang, cố gắn một ông già Noel vào mép mái nhà, xa hơn chút nữa là lũ trẻ đang chơi bóng dưới lòng đường. Một cặp vợ chồng cao gầy khoảng 50 tuổi chạy bộ trên vỉa hè trong bộ quần áo phản quang. Servaz bước tới bấm chuông, rồi ngoảnh ra nhìn người hàng xóm đang mạo hiểm loay hoay với những chiếc đèn nhấp nháy và ông già Noel.

Khi quay đầu lại, suýt nữa anh nhảy dựng lên, Charlène Espérandieu đã mở cửa tự bao giờ, đang đứng đó trước mặt anh và mỉm cười. Cô mặc chiếc áo khoác len mỏng có mũ bên ngoài áo thun màu hoa cà và quần bò dành cho người mang thai. Cô đi chân trần. Không thể không để ý thấy cái bụng tròn nhô lên. Và cả sắc đẹp của cô nữa. Mọi thứ ở Charlène Espérandieu đều nhẹ nhàng, tao nhã và đầy sức sống. Như thế ngay cả việc mang thai cũng không làm cô mệt mỏi hay lầy đi khiêu hài hước và thiên hướng nghệ sĩ của cô. Charlène quản lý một phòng tranh ở trung tâm Toulouse. Servaz cũng từng được mời đến vài buổi trưng bày cá nhân. Trên những bức tường trắng, anh khám phá ra rằng các tác phẩm nghệ thuật thật lạ lùng, khó chịu và đôi lúc cũng vô cùng mê hoặc.

Đứng bất động mất một lát, Servaz mới lấy lại được phong thái và nở nụ cười lịch sự.

“Mời anh vào. Vincent gần xong rồi. Anh uống cà phê nhé?”

Chợt nhớ ra mình vẫn chưa ăn uống gì từ lúc ngủ dậy, anh theo cô vào bếp.

“Vincent kể với em rằng anh đã bắt đầu chạy bộ,” cô đẩy một chiếc

cộc về phía anh.

Giọng nói vui đùa của Charlène không hề khiến Servaz khó chịu, thậm chí anh còn cảm kích vì cô đã làm bầu không khí tươi sáng hơn.

“Thử thôi. Tôi phải thừa nhận mình khá thảm hại.”

“Anh cứ kiên trì. Đừng từ bỏ.”

“*Labor omnia vincit improbus.*” Servaz gật đầu giải thích. “Có công mài sắt có ngày nên kim.”

Charlène cười. “Vincent nói với em anh vẫn thường trích dẫn tiếng La tinh.”

“Chỉ là chút mách khéo để gây chú ý khi cần thiết thôi.”

Trong phút chốc, anh những muốn nói cho cô nghe về bố mình. Anh chưa từng kể với bất kì ai, nhưng nếu cần một người để giải bày, thì đó là Charlène. Cảm giác đó đến ngay từ lần gặp đầu tiên, khi cô thực sự đã hỏi cung anh, nhưng là một cuộc thẩm vấn thân thiện, thậm chí đôi lúc còn dịu dàng. Cô gật đầu đồng tình và nói tiếp, “Vincent rất ngưỡng mộ anh. Em nhận ra có những lúc anh ấy còn cố bắt chước anh, hành động hoặc phản ứng theo cách mà anh ấy nghĩ anh sẽ hành xử. Ban đầu, em không hiểu những thay đổi ấy là do đâu, nhưng sau khi quan sát anh thì em liền hiểu ra.”

“Tôi hy vọng cậu ta bắt chước những mặt tốt.”

“Em cũng hy vọng thế.”

Anh im lặng. Espérandieu xộc vào bếp, mặc áo khoác màu bạc mà Servaz cảm thấy không thích hợp trong tình huống này cho lắm.

“Em đã sẵn sàng!” Cậu đặt một bàn tay lên cái bụng tròn của vợ. “Nhớ tự chăm sóc mình em nhé.”

“Cô ấy được mấy tháng rồi?” Servaz hỏi khi đã vào xe.

“Bảy tháng. Anh chuẩn bị tinh thần làm cha đỡ đầu đi. Giờ thì, nói qua cho em nghe chuyện xảy ra thế nào.”

Servaz kể cho cậu chút thông tin mà anh biết.

Một tiếng ba mươi phút sau, họ xuống xe ở bãi đỗ của siêu thị, nơi đã

lúc nhúc toàn xe máy, những người tò mò, và phương tiện của lực lượng sen đầm. Bằng cách nào đó, thông tin đã truyền ra ngoài. Màn sương tan loãng đến lúc này chỉ còn là một lớp trong mờ giăng giăng. Servaz thấy vài chiếc xe của báo chí, và một chiếc từ đài truyền hình địa phương. Cánh nhà báo và người xem đã tụ tập dày dưới chân con dốc bằng bê tông. Nửa đường phía trên, dải băng vàng của sen đầm ngăn không cho bất cứ ai xâm phạm. Servaz lấy thẻ ra và nhắc dải băng lên. Một trong các sĩ quan cấp dưới chỉ hướng đi cho họ. Họ bỏ đám đông huyền ảo lại đằng sau và lặng lẽ bước dọc lối mòn, càng lúc càng căng thẳng. Tới tận khúc ngoặt đầu tiên của con đường, họ vẫn không gặp ai, nhưng càng đi, sương càng dày. Không khí lạnh và ẩm như một chiếc găng tay ướt.

Lên đến nửa con dốc, Servaz lại cảm thấy đau xóc bên hông. Anh giảm tốc độ để giữ nhịp thở, đi tới khúc ngoặt cuối cùng rồi ngược lên. Một đám người đang lảng xảng trong màn sương phía trên. Có quầng sáng trắng rất lớn, như thể một chiếc xe tải đang đỗ trên đó và bật toàn bộ đèn pha.

Anh leo mấy trăm mét cuối cùng, càng lúc càng chắc chắn tên sát nhân đã cố tình chọn cách bài trí này. Giống như lần đầu.

Hắn không chừa chỗ cho sự tình cờ. Hắn biết khu vực này.

Có điểm gì đó không khớp, Servaz nghĩ. Không lẽ Hirtmann đã từng đến đây, trước khi hắn ta được chuyển đến Viện? Không lẽ hắn biết rõ khu vực này? Đây là những câu hỏi họ sẽ phải trả lời. Anh nhớ lại ý nghĩ xuất hiện trong đầu khi d'Humières gọi đến: Lần này làm sao Hirtmann rời khỏi Viện được? Và bởi thế, ai có thể giết người đàn ông kia?

Xuyên qua màn sương, Servaz trông thấy Ziegler và Maillard. Ziegler đang trò chuyện sôi nổi với một người đàn ông nhỏ thó rám nắng với mái tóc trắng như bóm sư tử. Servaz nhớ mình đã từng trông thấy người này. À phải, Chaperon, thị trưởng Saint-Martin, từng gặp ở nhà máy điện. Cô sen đầm nói vài lời nữa với ông thị trưởng rồi tiến về phía họ. Servaz giới thiệu cô với Espérandieu. Cô chỉ về cây cầu sắt, và bên dưới đó, trong quầng sáng trắng, họ thấy loáng thoáng một thân

người.

“Rùng rợn lắm!” Cô hét lên trong tiếng gầm của dòng nước.

“Chúng ta phát hiện được gì rồi?” Anh hét lại.

Ziegler vừa chỉ về phía cậu trai trẻ mặc áo choàng poncho màu cam đang ngồi trên tảng đá vừa tóm tắt tình hình. Cậu này ra ngoài chạy bộ, thi thể lũng lảng dưới cầu, Maillard rào khu vực lại, tịch thu điện thoại của nhân chứng duy nhất, nhưng tin tức vẫn đến tai truyền thông.

“Ông thị trưởng làm gì ở đây?” Servaz thắc mắc.

“Chúng tôi đề nghị ông ta đến để nhận dạng thi thể, vì nghĩ có khả năng nạn nhân là một công dân ở đây. Có lẽ chính ông ta tiết lộ cho báo chí. Chính trị gia, kể cả chức nhỏ, vẫn luôn cần đến nhà báo.”

Cô quay người lại và hướng về phía hiện trường.

“Và có thể là chúng ta đã xác định được nạn nhân. Theo thị trưởng và Maillard, có một dượng sĩ tên là Grimm ở Saint-Martin, bà vợ ông ta đã gọi cho sen đầm trình báo là ông chồng mất tích.”

“Mất tích?”

“Theo lời bà vợ, hôm qua Grimm rời nhà để đi chơi poker tối thứ Bảy hàng tuần và lẽ ra phải về nhà lúc nửa đêm. Bà ta gọi để thông báo ông chồng vẫn chưa trở về và không liên lạc được.”

“Bà ta gọi lúc mấy giờ?”

“8 giờ. Sáng nay tỉnh dậy, bà rất ngạc nhiên khi thấy ông chồng không có trong nhà và giường thì lạnh ngắt.”

“Giường của ông chồng?”

“Họ ngủ ở hai phòng tách biệt,” Ziegler xác nhận.

Họ lại gần hơn. Servaz chuẩn bị tinh thần. Những chiếc đèn pha công suất lớn chiếu sáng cả hai bên cầu. Màn sương mù đang xoáy tít trước mặt bọn họ, chẳng khác nào khói phả ra từ những khẩu thần công trên chiến trường. Trong ánh sáng lóa mắt của đèn pha, mọi thứ đều phủ hơi ẩm, sương mù, và bọt nước. Ngay cả dòng suối dường như cũng đang bốc khói, và những vách đá sắc nhọn sáng bóng lên như lưỡi dao. Servaz đến gần. Tiếng nước gầm gào, hòa lẫn tiếng máu sục sôi

trong người anh.

Thi thể trần truồng. Béo. Trắng.

Vì độ ẩm cao, làn da ánh lên như thoa dầu dưới quầng sáng lóa mắt của đèn pha. Ý nghĩ đầu tiên của Servaz là tay dượt sĩ này béo, thậm chí quá béo. Anh chú ý tới vùng kín rậm lông đen và cơ quan sinh dục nhỏ xíu rụt vào giữa hai bắp đùi đồ sộ toàn những ngấn thịt chảy xệ. Rồi ánh nhìn của anh chuyển lên phần thân trên trướng phình, trơn nhầy và trắng ửng, cũng đầy những ngấn thịt chảy xệ y như chỗ bắp đùi. Tới phần cổ, anh thấy cái đai thít chặt đến nỗi gần như biến vào trong thịt. Cuối cùng là chiếc mũ trùm qua mặt và áo choàng chống thấm màu đen to đùng phủ sau lưng.

“Tại sao kẻ đó lại trùm mũ qua đầu nạn nhân và treo ông ta lên trần truồng thế này?” Espérandieu nói, giọng cậu biến đổi, vừa khàn khàn vừa the thé.

“Vì cái áo mang một ý nghĩa nào đó,” Servaz đáp. “Tình trạng khóa thân cũng vậy.”

“Quả là một cảnh tượng quái dị,” Espérandieu bổ sung.

Servaz quay ra nhìn cậu. Anh trở về phía chàng trai trẻ khoác chiếc áo poncho màu cam đang ngồi xa xa bên dưới. “Mượn một cái xe, rồi chở cậu ta về trụ sở sen đầm để lấy lời khai.”

“Vâng,” Espérandieu nhanh chóng làm theo.

Hai nhân viên khám nghiệm mặc đồ trắng từ đầu đến chân và đeo khẩu trang phẫu thuật đang cúi mình xuống hàng rào sắt. Một trong hai người cầm chiếc bút soi để rọi cơ thể bên dưới. Ziegler chỉ tay vào anh ta. “Chuyên gia giám định cho rằng nguyên nhân cái chết là bị thắt cổ. Anh có thấy mấy cái đai đó không?”

Cô chỉ cái đai thẳng đứng trông quanh cổ người chết và hai đai buộc hai bên cổ tay vào với cây cầu phía trên. Hai cánh tay ông ta giơ lên và dang thành hình chữ V.

“Có vẻ tên giết người đã hạ dần xác xuống bằng cách điều chỉnh độ dài của hai chiếc đai hai bên. Càng thả nhiều dây, cái đai ở giữa càng thắt chặt vào cổ nạn nhân. Chắc hẳn phải rất lâu ông ta mới chết.”

“Một cái chết hãi hùng,” ai đó phía sau họ nói vọng lên.

Họ quay lại. Cathy d’Humières đang nhìn chăm chăm vào thi thể. Trông bà đột nhiên già đi, kiệt quệ.

“Chồng tôi định bán hết cổ phần trong công ty truyền thông của ông ấy và mở một câu lạc bộ lặn ở Corsica. Ông ấy mong tôi nghỉ việc. Vào những buổi sáng thế này, tôi thực chỉ muốn nghe lời ông ấy.”

Servaz biết bà sẽ không đời nào làm việc đó. Anh có thể dễ dàng hình dung, bà là một người vợ du kích, chiến sĩ nhỏ dũng cảm trong các môi quan hệ xã giao, cho dù sau một ngày làm việc mệt mỏi cũng không hề ngại ngần tổ chức tiệc tùng cho bạn bè và cười đùa với họ. Bà chấp nhận sự thất thường của cuộc sống mà không mảy may chớp mắt, như thể mọi thứ xảy ra, dù tệ hại đến đâu cũng chỉ như ly rượu đổ ra bàn thôi.

“Chúng ta có nhận diện được nạn nhân không?” Ziegler lặp lại với d’Humières những lời đã nói với Servaz.

“Cô có biết tên của giám định viên hiện trường không?” Servaz hỏi.

Ziegler đi tới chỗ người đó rồi trở lại cùng thông tin. Servaz hài lòng gật đầu.

“Bọn họ chuẩn bị kéo cái xác lên,” Ziegler nói.

Không khí lạnh và ẩm hơn nhiều so với bãi đỗ xe. Servaz kéo khăn quàng khít vào cổ, bất thần nghĩ tới cái đai lún sâu trong thịt Grimm, anh lại vội nổi lông ra.

Đột nhiên, anh nhận thấy mình đã bỏ qua hai chi tiết do bị lấn át bởi ấn tượng rừng rợn ban đầu. Một là, vật duy nhất còn lại trên người nạn nhân, ngoài cái áo choàng ra, là một đôi ủng da nhỏ đến mức kì cục so với một kẻ to béo như vậy. Hai là tay phải của ông ta thiếu mất một ngón. Ngón áp út. Vậy là ngón tay đã bị cắt bỏ.

“Lại đó thôi,” d’Humières nói ngay khi thi thể được nhắc lên và đặt xuống lòng cầu.

Cây cầu sắt rung lên, rên rĩ dưới chân họ. Trong phút chốc, Servaz cảm thấy một cơn sợ hãi bản năng khi nhìn dòng nước đổ ào ào xuống khoảng không phía dưới. Các giám định viên pháp y đang cầm cúi xung

quanh xác chết, tỉ mỉ gỡ bỏ cái mũ. Và rồi, toàn bộ những người đang theo dõi đột ngột bật lui. Bên dưới cái mũ, khuôn mặt nạn nhân bị bịt bằng băng dính màu bạc. Servaz có thể tưởng tượng ra những tiếng thét gào vì khiếp sợ và đau đớn của ông ta. Thấy hai con mắt lòi ra khỏi hốc mắt, anh xem xét kĩ hơn, và nhận ra không phải tự dưng mà chúng mở lớn như vậy. Tên sát nhân đã vạch mí mắt Grimm về hai hướng, chắc là bằng một cái nhíp, rồi ghim chúng vào má và lông mày. Hẳn bắt ông ta phải nhìn... Tên sát nhân còn cắt phá nham nhở khuôn mặt của nạn nhân, chắc hẳn với sự hỗ trợ của một vật nặng như búa hoặc vò, đến nỗi mũi gàn như bị xé toạc, chỉ còn dính trên mặt nhờ một dải thịt và sụn mỏng. Cuối cùng, Servaz thấy những vết bùn trên tóc của người dưng sĩ.

Trong phút chốc, không một ai nói gì. Ziegler quay sang phía bờ suối. Cô ra hiệu cho Maillard, anh ta nắm lấy cánh tay ông thị trưởng và kéo tới chỗ cái xác. Servaz nhìn họ tiến lại gần. Chaperon lộ vẻ kinh hãi.

“Chính là ông ta,” thị trưởng lắp bắp. “Là Grimm. Ôi trời ơi! Chúng đã làm gì Grimm thế này?”

Ziegler khẽ đẩy ông thị trưởng qua Maillard, viên sen đầm lại dẫn ông ta đi khỏi chỗ xác chết.

“Đêm hôm qua ông ta chơi poker với Grimm cùng bạn bè của họ,” cô giải thích. “Họ là những người cuối cùng gặp ông ta lúc còn sống.”

“Tôi nghĩ lần này chúng ta gặp một vấn đề,” d’Humières nói và đứng thẳng người lên.

Servaz và Ziegler liếc nhìn nhau.

“Chúng ta sắp có vinh dự được lên báo. Khắp trang nhất. Và không chỉ báo chí địa phương thôi đâu.”

Servaz biết bà ám chỉ điều gì. Bọn họ chuẩn bị đi vào mắt bão, cơn bão truyền thông, nhật báo, tuần báo, mọi bản tin truyền hình. Đây không phải là cách tiến triển tốt nhất cho một cuộc điều tra, nhưng họ cũng không còn lựa chọn nào khác. Anh nhận thấy mình đã bỏ sót một chi tiết, Cathy d’Humières sáng nay trông cực kì thanh lịch. Không quá

nổi bật, mà vô cùng tinh tế. Nói chung lúc nào bà trưởng công tố cũng giữ cho bề ngoài không chê vào đâu được, nhưng sáng nay, bà còn chăm chút hơn. Áo cánh, bộ vét, áo khoác, vòng cổ và hoa tai, tất cả đều được phối hợp hoàn hảo, ngay cả cách trang điểm cũng làm nổi bật khuôn mặt nghiêm nghị nhưng dễ chịu. Trông bà rất thanh nhã, chắc đã phải loay hoay khá lâu trước gương cho cố gắng đó.

Bà biết báo chí sẽ vào cuộc nên đã có sự chuẩn bị. (Không như Servaz, anh thậm chí còn chưa chải đầu. May mà nhớ cạo râu.) Nhưng có một điều bà không chuẩn bị nổi. Đó là tình trạng xác chết. Nó khiến bà choáng váng. Ở một mức độ nào đó, mọi cố gắng của bà đã tan biến. Giờ trông bà rã rời, kiệt quệ và già cỗi, bất chấp nỗ lực tự kiềm chế. Servaz đi tới chỗ giám định viên hiện trường. Anh ta đang chụp xác chết, hết kiểu ảnh này đến kiểu ảnh khác, flash lóe sáng liên tục.

“Tôi tin là anh biết cách sử dụng số ảnh theo đúng quy định.” Anh nói. “Đừng để chúng lọt ra ngoài.”

Người kia gật đầu. Anh ta đã hiểu thông điệp chưa nhỉ? Nếu bất cứ tấm ảnh nào trong số đó tới tay nhà báo, Servaz sẽ bắt anh ta phải chịu trách nhiệm.

“Giám định viên đã xem bàn tay phải của ông ta chưa?” Anh hỏi Ziegler.

“Rồi. Anh ta nghĩ là ngón tay đã bị cắt đứt bằng một vật sắc, như kim hoặc kéo tĩa cành. Sẽ kiểm tra kỹ hơn để xác minh.”

“Ngón áp út ở tay phải,” Servaz nói.

“Tuy vậy, các ngón khác không hề bị đụng vào,” Ziegler quan sát.

“Cô có nghĩ đến điều tôi đang nghĩ không?”

“Một chiếc nhẫn khắc dấu, hoặc một loại nhẫn nào đó.”

“Liệu có phải tên giết người muốn cướp về làm chiến lợi phẩm, hoặc muốn đảm bảo không ai khác thấy nó nữa?”

Ziegler kinh ngạc nhìn anh, “Sao hẳn lại muốn che giấu nó? Vả lại, tất cả những gì hẳn cần làm chỉ là tháo nó ra.”

“Có lẽ hẳn không thể. Những ngón tay của Grimm rất béo.”

Trên đường đi xuống, Servaz thấy các nhà báo cùng đám người hiếu kì đã xúm đông xúm đở. Anh muốn quay lại ngay lập tức. Tuy nhiên, con dốc bê tông đằng sau siêu thị là đường ra duy nhất. Nếu không thì anh phải leo qua núi. Anh trưng ra một biểu cảm thích hợp và đang chuẩn bị đối mặt với đám đông thì bị một bàn tay chặn lại.

“Để tôi.”

Cathy d’Humières đã lấy lại phong độ. Servaz lùi lại sau, thềm thán phục màn trình diễn của bà. Bà lảng tránh vấn đề trong khi vẫn gây ấn tượng rằng bà đang tiết lộ thông tin cho họ. Bà trả lời tất cả các câu hỏi của nhà báo, nghiêm trang nhìn thẳng vào mắt họ, nhấn mạnh từng câu với một nụ cười nhàn nhạt tinh khôn nhưng thận trọng, tuy vậy vẫn tập trung vào sự rùng rợn của tình huống vụ án. Đó là một nghệ thuật vĩ đại.

Servaz len qua đám nhà báo để ra xe, không đợi nghe hết bài diễn văn ấy. Xe anh đang đỗ ở phía xa của bãi, cạnh mấy dãy xe đẩy siêu thị. Anh gần như không nhìn thấy nó qua màn sương. Từng đợt gió mạnh tạt qua, anh dựng cổ áo khoác lên, nghĩ đến tên nghệ sĩ đã sáng tác ra bức tranh khủng khiếp trên kia. Nếu chính hắn cũng là tác giả của vụ con ngựa thì tức là hắn thích những chỗ trên cao.

Servaz đi tới chỗ chiếc xe, bỗng đứng cảm thấy có điều không ổn. Anh nhìn cái xe chầm chầm cho tới khi hiểu ra. Lốp xe lún xuống đường nhựa như những quả bóng xìt. Chúng đã bị chọc thủng. Cả bốn bánh... Và thân xe bị cào xước bằng một chiếc chìa khóa hay vật nhọn gì đó.

Chào mừng đến Saint-Martin, anh nghĩ.



Ngày Chủ nhật ở Viện. Sự tĩnh lặng lạ lùng ngự trị, khiến Diane có cảm giác nơi này đã bị bỏ hoang. Cô chui ra khỏi chăn và đi về phía nhà tắm bé tí, lạnh buốt. Cô tắm vội, gội đầu, sấy khô tóc và đánh răng với tốc độ nhanh nhất có thể vì quá lạnh.

Khi trở ra, cô liếc nhanh ngoài cửa sổ. Sương mù. Như sự hiện diện của một bóng ma đã dùng năng lực hắc ám để ngự lại. Nó trôi dạt trên lớp tuyết dày, nhấn chìm những cây lãnh sam trắng. Cả Viện bị sương mù bao phủ, tầm nhìn chỉ còn 10 mét, như thể bị chặn lại bởi một bức tường hơi trắng xóa. Cô kéo chiếc áo choàng tắm sát vào người.

Kế hoạch của cô là lái xe xuống Saint-Martin rồi đi bộ quanh những con phố. Cô nhanh chóng thay đồ và rời khỏi phòng. Căng tin ở tầng trệt vắng tanh, ngoại trừ một nhân viên đang trực. Cô gọi một cốc cappuccino và một chiếc bánh sừng bò rồi tới ngồi xuống bàn cạnh cửa sổ lớn. Chưa đầy hai phút sau, một người đàn ông trạc 30 tuổi mặc áo blu trắng đi vào phòng và cầm lấy một cái khay. Cô kín đáo quan sát, anh ta gọi một cốc cà phê sữa lớn, một nước cam và hai chiếc bánh sừng bò, đi về phía cô.

“Chào buổi sáng. Tôi ngồi đây được không?”

Cô gật đầu mỉm cười và giơ tay ra tự giới thiệu, “Diane Berg, tôi là...”

“Tôi biết. Tôi là Alex. Y tá điều dưỡng. Thế nào, cô đã ổn định chỗ ở chưa?”

“Tôi mới chỉ đến đây...”

“Không dễ dàng, phải không? Hồi mới đến và nhìn thấy nơi này, suýt nữa tôi đã quay lại xe và chạy mất,” anh ta cười. “Tôi thậm chí còn không ngủ ở đây.”

“Anh sống ở Saint-Martin à?”

“Không, tôi không sống trong thung lũng.”

Anh ta nói như thể không bao giờ muốn sống ở đó vậy.

“Không biết có phải lúc nào phòng ngủ cũng lạnh như thế này vào mùa đông không?” Cô hỏi.

Alex mỉm cười nhìn cô. Khuôn mặt khá ưa nhìn và cởi mở, với đôi mắt nâu ấm áp và mái tóc xoăn. Nốt ruồi lớn ở ngay giữa trán trông như con mắt thứ ba. Trong khoảnh khắc, ánh mắt cô bị nốt ruồi thu hút, và cô đỏ mặt khi thấy anh ta nhận ra.

“Phải, tôi e là vậy,” anh nói. “Tầng trên cùng bị gió lùa rất nhiều và hệ thống sưởi đã cũ lắm rồi.”

Bên ngoài khung cửa sổ lớn, cảnh tượng sương mù vây lấy tuyết và những cây lãnh sam quả thực vô cùng tráng lệ. Thật kì lạ khi ngồi đó, uống cà phê ở một nơi ấm áp, tách biệt khỏi toàn bộ sắc trắng ấy chỉ qua một lớp kính. Diane cảm tưởng như mình đang xem một cảnh phim vậy.

“Chính xác thì vai trò của anh là gì?” Cô hỏi, quyết tâm nắm bắt cơ hội để tìm hiểu nhiều nhất có thể.

“Ý cô là, nhiệm vụ của một y tá ở đây là gì?”

“Phải.”

“Ừm... Y tá chúng tôi chuẩn bị và phân phát thuốc, đảm bảo bệnh nhân dùng thuốc đúng cách và không gặp phải các biến chứng sau đó... Đương nhiên, chúng tôi cũng cần trông chừng các bệnh nhân... Nhưng không chỉ đơn thuần là trông chừng họ. Chúng tôi phải tổ chức các hoạt động, nói chuyện với họ, quan sát họ, luôn có mặt ở đó để lắng nghe họ... Tuy vậy, cũng không được quá mức. Công việc của y tá là không hiện diện quá nhiều cũng không vắng mặt quá nhiều. Không hờ hững cũng không giúp đỡ một cách máy móc. Chúng tôi phải biết vị trí của mình. Đặc biệt là ở đây. Với những...”

“Việc điều trị có tích cực không?” Cô hỏi, cố tránh nhìn vào nốt ruồi trên trán anh ta.

Anh cảnh giác nhìn cô. “Có... Liều dùng ở đây vượt quá định mức khuyến cáo nhiều. Kiểu như việc dùng bom nguyên tử với Hiroshima.

Nhưng cũng phải cẩn thận không đánh gục họ. Nhìn họ xem, họ không phải những thầy ma biết đi. Vấn đề là, hầu hết những... người... này đều đã kháng thuốc. Chính vì thế, chúng tôi phải viện đến tổ hợp của nhiều loại thuốc an thần, đủ làm bất tỉnh một con bò mộng, với liều dùng bốn lần một ngày thay vì ba lần. Rồi còn phương pháp sốc điện, áo trói thân. Khi không còn phương pháp nào tỏ ra có tác dụng nữa, chúng tôi dùng tới một loại chất kì diệu, clozapine...”

Diane đã từng nghe về nó. Clozapine là một loại thuốc an thần đặc biệt, sử dụng để điều trị các trường hợp tâm thần phân liệt đã kháng các phương pháp điều trị khác. Giống như hầu hết các loại thuốc sử dụng trong tâm thần học, tác dụng phụ của nó có thể rất khủng khiếp, mất kiểm soát, tăng tiết nước bọt, sùi bọt mép, suy giảm thị lực, tăng cân, co giật và nghẽn mạch...

Alex bổ sung với một nụ cười nhạt, gần như nhăn nhó, “Cô nên hiểu, ở đây, bạo lực và nguy hiểm lúc nào cũng cận kề...”

Diane tưởng đâu mình đang nghe Xavier nói: “Trí thông minh chỉ có thể phát triển ở nơi nào có sự thay đổi, và nơi nào có sự đe dọa.”

“Nhưng xét cho cùng,” Alex bật cười, “Ở đây còn an toàn hơn rất nhiều khu vực nội thành lân cận.”

Anh ta lắc đầu. “Nói riêng giữa hai ta với nhau thôi nhé. Không lâu trước đây, tâm thần học vẫn còn ở giai đoạn đồ đá, các thí nghiệm vô cùng man rợ đã được áp dụng với bệnh nhân. Chẳng khác nào Tòa án dị giáo hay bọn bác sĩ Quốc xã... Tình hình đã tiến bộ, nhưng vẫn còn phải đi một chặng đường rất dài nữa... Và ở đây người ta không dùng từ ‘chữa bệnh’. Chỉ luôn luôn là điều hòa, giảm sức ép...”

“Anh còn trách nhiệm nào khác không?” Cô hỏi.

“Còn. Một đồng việc hành chính, rất nhiều công việc liên quan đến giấy tờ, thủ tục...” Anh liếc ra bên ngoài. “Có cả phòng vấn phân tích tâm thần do bác sĩ Xavier và y tá trưởng chỉ định.”

“Cụ thể là gì?”

“Tất cả đều được vạch sẵn. Các phác đồ đã được chứng minh, các cuộc phỏng vấn tuân thủ một tiến trình có cấu trúc chặt chẽ, với những

câu hỏi ít nhiều đều đúng quy chuẩn, nhưng cũng phải tùy cơ ứng biến... Cần thể hiện thái độ trung lập nhất có thể. Không có những biểu hiện xâm phạm quá mức, cũng không được tỏ ra quá lo âu... Phải tôn trọng sự im lặng, ngừng nghỉ hợp lý... Nếu không chẳng mấy chốc sẽ gặp rắc rối...”

“Xavier và Ferney cũng tiến hành phỏng vấn?”

“Có chứ, đương nhiên rồi.”

“Phỏng vấn của anh khác gì so với họ?”

“Thực ra cũng không khác biệt là bao, trừ việc một số bệnh nhân sẽ tâm sự với chúng tôi chứ không giải bày với bọn họ. Bởi hằng ngày, bọn họ gần gũi với chúng tôi hơn và chúng tôi cũng cố gắng để vừa tạo ra sự tín nhiệm giữa y tá với bệnh nhân, vừa giữ khoảng cách trị liệu... Còn lại, Xavier và Elisabeth là những người đưa ra phác đồ điều trị...”

Giọng anh ta trở nên hơi lạ khi nói ra câu cuối. Diane hơi cau mày. “Nghe anh nói thì có vẻ anh không đồng tình lắm với các quyết định của họ.”

Cô thấy ngạc nhiên trước sự im lặng bướng bỉnh của Alex. Người y tá mất rất lâu để trả lời đến nỗi cô phải nhướn một bên lông mày. “Cô là người mới ở đây, Diane... rồi cô sẽ hiểu...”

“Tôi sẽ hiểu cái gì?”

Anh ta không đáp, chỉ nhìn cô với ánh mắt gian xảo. Hiển nhiên, anh ta không muốn câu chuyện đi theo hướng đó. Nhưng cô vẫn chờ đợi.

“Biết giải thích thế nào nhỉ? Đừng quên rằng nơi này không giống bất cứ chỗ nào khác... Chúng ta đang đối phó với những bệnh nhân mà không cơ sở nào khác có thể điều trị. Những gì diễn ra ở đây hơi đặc biệt.”

“Ví dụ như sốc điện không dùng gây mê với các bệnh nhân Khu A?”

Cô thấy hồi hận ngay lập tức.

Anh ta lạnh lùng nhìn cô. “Ai nói với cô?”

“Xavier.”

“Quên nó đi.” Alex chau mày nhìn xuống cốc cà phê sữa của mình, trông như thể hối tiếc vì đã để mình vướng vào cuộc bàn luận này.

“Tôi không chắc làm như vậy là hợp pháp,” cô khẳng định. “Luật pháp ở đây có cho phép những việc như thế không?”

Anh ta ngẩng lên. “Luật nước Pháp? Cô biết một năm có bao nhiêu trường hợp nhập viện tâm thần bắt buộc ở nước này không? Năm mươi nghìn... Trong một nền dân chủ hiện đại, việc tự ý đưa ai đó vào viện mà không có sự chấp thuận của họ chỉ là cá biệt. Nhưng không phải ở đây... Các bệnh nhân tâm thần, ngay cả những người chỉ bị xem là mắc các chứng rối loạn tâm thần, cũng có ít quyền lợi hơn công dân bình thường. Cô muốn bắt giam một tên tội phạm? Phải đợi đến 6 giờ sáng. Nhưng nếu ai đó bị hàng xóm tố giác là điên loạn, đồng thời họ kí vào đơn yêu cầu nhập viện với tư cách là bên thứ ba, thì cảnh sát sẽ có mặt bất kể ngày đêm. Luật pháp chỉ vào cuộc khi cá nhân đó đã bị tước đoạt mất quyền tự do của mình. Và ngay cả vậy... việc viện đến luật cũng chỉ xảy ra khi người đó ý thức được các quyền của mình mà thôi. Tâm thần học ở đất nước này là thế đấy. Cùng với sự thiếu thốn nguồn lực, lạm dụng thuốc an thần, ăn gian làm dối trong điều trị. Các bệnh viện tâm thần là một khu vực cấm. Và nơi này thậm chí còn kinh khủng hơn các nơi khác.”

Alex phát biểu với giọng điệu đầy bất mãn. Nụ cười trên khuôn mặt đã tắt ngấm. Giờ thì anh ta đứng lên và đẩy ghế. “Hãy quan sát kĩ mọi thứ xung quanh và tự đưa ra quyết định cho mình.”

“Quyết định về cái gì?”

“Về những chuyện đang diễn ra ở đây.”

“Bởi có chuyện gì đó đang diễn ra à?”

“Chuyện đó quan trọng sao? Cô là người muốn tìm hiểu về nơi này mà, không phải ư?”

Cô nhìn anh ta trả lại cái khay và rời khỏi phòng.

Việc đầu tiên Servaz làm là hạ rèm che xuống và bật đèn lên. Anh

muốn đảm bảo không có nhà báo nào đang theo dõi họ bằng ống kính chụp ảnh tầm xa. Tác giả tiểu thuyết đồ họa trẻ tuổi đã về nhà. Trong phòng điều tra, Espérandieu và Ziegler đã lấy laptop ra và đang đánh chữ nhoay nhoáy. Cathy d’Humières đứng ở một góc phòng gọi điện thoại. Rồi bà cúp máy, đi đến và ngồi xuống bên bàn. Servaz quan sát họ trong chốc lát rồi quay người lại.

Có một chiếc bảng trắng kê trong góc cạnh cửa sổ. Anh kéo nó ra ngoài sáng, cầm bút lên và viết hai cột dọc:

NGỰA	GRIMM
chặt xác	khỏa thân
mất đầu	thắt cổ
	cắt ngón tay, ủng, áo choàng
bị giết vào ban đêm?	bị giết vào ban đêm?
DNA của Hirtmann	DNA của Hirtmann?

“Chúng ta có đủ cơ sở để kết luận rằng hai vụ án do cùng thủ phạm gây ra không?” Anh hỏi.

“Có tương đồng và cũng có khác biệt,” Ziegler đáp.

“Tuy nhiên, hai vụ án được thực hiện cách nhau bốn ngày ở cùng một thị trấn,” Espérandieu nói.

“Chính xác. Khả năng có hai hung thủ khác nhau là khá thấp. Khó tránh giả thuyết là cùng một người.”

“Hoặc nhiều người,” Servaz bổ sung. “Đừng quên những gì chúng ta đã nói trên trực thăng.”

“Tôi chưa quên. Dù sao, có một thứ cho phép chúng ta thiết lập mối liên hệ rõ ràng giữa hai vụ án...”

“DNA của Hirtmann.”

“DNA của Hirtmann,” anh xác nhận.

Servaz nhấc tấm rèm cửa lên. Anh nhòm ra bên ngoài rồi bất thần thả xuống.

“Cô có nghĩ, hấn ra khỏi Viện và người của cô không hề hay biết

không?” Anh hỏi, quay mặt lại phía họ.

“Không, không thể. Tôi đã đích thân kiểm tra việc bố trí. Hẳn ta không thể lách qua mạng lưới đó.”

“Nếu vậy thì không phải Hirtmann.”

“Hoặc ít nhất, không phải lần này.”

“Nếu lần này không phải Hirtmann, thì vụ trước có thể cũng không phải do hắn,” Espérandieu gợi ý.

Mọi người quay ra nhìn cậu.

“Hirtmann chưa bao giờ lên đỉnh cáp treo. Người khác đã làm việc đó. Một người từng tiếp xúc với hắn ở Viện, và có thể vô tình hay hữu ý, có sợi tóc của Hirtmann trên người.”

Ziegler quay sang Servaz với ánh mắt nghi ngờ. Cô hiểu ra rằng anh đã không kể hết với người trợ lý.

“Vấn đề là thứ ta tìm thấy trong cabin cáp treo không phải sợi tóc,” cô nói. “Mà là nước bọt.”

Espérandieu nhìn cô, rồi hướng ánh mắt sang Servaz, anh gật đầu với cậu tỏ ý xin lỗi.

“Tôi không thấy có logic nào hết,” Servaz nói. “Tại sao bọn chúng lại giết con ngựa trước rồi mới đến người đàn ông? Tại sao lại treo con ngựa lên đỉnh cáp treo? Và treo người đàn ông bên dưới cầu? Mục đích là gì?”

“Cả hai đều bị treo lên, theo cùng một kiểu,” Ziegler nói.

Servaz nhìn cô. “Đúng thế.”

Anh qua chỗ chiếc bảng, xóa vài dữ kiện và viết:

NGỰA	GRIMM
treo trên cáp treo	treo trên cầu sắt
nơi heo hút	nơi heo hút
bị cắt mất đầu	thắt cổ, cắt ngón tay, ủng, áo choàng
giết vào ban đêm?	giết vào ban đêm?

“Cũng có lý. Tại sao lại chọn con vật đó?”

“Để nhắm vào Éric Lombard,” Ziegler nói. “Nhà máy điện và con ngựa dẫn tới anh ta. Anh ta chính là mục tiêu.”

“Tạm coi là vậy. Giả sử Lombard là mục tiêu, thì ông được sĩ liên quan gì ở đây? Hơn nữa, con ngựa bị chặt đầu và cắt xẻ phân nửa, trong khi ông được sĩ khóa thân với một cái áo choàng. Mỗi liên hệ giữa hai bên là gì?”

“Lột da con vật cũng là cách khiến nó trần truồng,” Espérandieu đánh bạo nói.

“Và con ngựa có hai miếng da lớn treo hai bên,” Ziegler tiếp lời. “Ban đầu chúng ta nghĩ nó tượng trưng cho đôi cánh, nhưng có thể nó mô phỏng chiếc áo choàng...”

“Cũng có thể,” Servaz nói dù không hoàn toàn bị thuyết phục.

“Nhưng tại sao lại chặt đầu? Và tại sao lại là áo choàng và đôi ủng. Chúng tượng trưng cho điều gì?”

Không ai có câu trả lời. Anh tiếp tục, “Chúng ta luôn gặp phải cùng một câu hỏi, Hirtmann có thể liên quan gì đến tất cả những việc này?”

“Hắn đang thách thức các anh!” Giọng nói vang lên từ cửa ra vào.

Họ quay lại. Một người đàn ông đang đứng ở cửa phòng.

Ban đầu, Servaz cho rằng đây là một nhà báo, và chuẩn bị tống cổ hắn ra ngoài. Người đàn ông khoảng ngoài 40 tuổi, với mái tóc dài màu nâu nhạt, một bộ râu xoăn. Anh ta gỡ cặp kính tròn tí hon xuống để lau lớp sương mờ mới đọng khi đi từ chỗ lạnh vào nơi ấm áp, rồi lại đeo kính và nhìn mọi người bằng cặp mắt sáng quắc. Anh ta mặc áo len chui cổ nặng trĩu và quần nhung kẻ dày. Trông như một thầy giáo dạy Khoa học Xã hội, một nhà hoạt động đoàn hoặc một người hoài niệm thập niên 1960.

“Anh là ai?” Servaz xẵng giọng hỏi.

“Anh là người phụ trách vụ điều tra này à?” Vị khách lại gần, giơ tay ra. “Simon Propp, chuyên gia tâm lý học tội phạm. Đáng lẽ mai tôi mới

đến, nhưng sen đàm gọi và cho tôi biết chuyện vừa xảy ra. Vì thế nên giờ tôi ở đây.”

Anh ta đi vòng qua bàn và bắt tay tất cả mọi người, dừng lại nhìn những chiếc ghế trống, chọn cái bên trái Servaz và ngồi xuống. Dám chắc anh ta chọn nó là có lý do, Servaz tự dưng cảm thấy không thoải mái, như thể ai đó đang cố thao túng mình.

Simon Propp nhìn tấm bảng trắng.

“Thú vị thật,” anh ta nói.

“VẬY SAO?” Servaz vô thức mĩa mai. “Nó gọi cho anh suy nghĩ gì?”

“Tôi rất muốn anh tiếp tục, coi như tôi không có mặt, nếu anh không phiền,” tay bác sĩ tâm lý trả lời. “Rất xin lỗi vì đã làm gián đoạn mọi người. Dĩ nhiên, tôi không ở đây để phán xét phương pháp làm việc của các anh.” Servaz thấy anh ta xua tay. “Và hơn nữa, đó cũng không phải điều tôi có thể làm. Tôi đến để giúp đỡ các anh khi cần thảo luận về tính cách của Julian Hirtmann, hoặc khi các anh muốn phác họa một chân dung tâm lý lâm sàng dựa vào những manh mối tìm thấy ở hiện trường.”

“Lúc vào anh nói hẳn đang thử thách chúng tôi?” Servaz nói.

Anh thấy tay bác sĩ nheo đôi mắt vàng nhỏ bé đằng sau cặp kính. Bộ râu bóng mượt khiến anh ta trông giống một tiểu yêu tinh ranh mãnh. Cặp má phúng phính, đỏ ửng lên vì lạnh. Servaz thấy không mấy dễ chịu, như thể đang bị mổ xẻ về tâm lý vậy. Nhưng anh vẫn đáp lại ánh mắt của người mới đến.

“Phải,” Propp nói, “Hôm qua tôi đã làm bài tập về nhà của mình ở chòi hóng mát. Tôi đã nghiên cứu hồ sơ của Hirtmann khi nghe tin DNA của hắn được tìm thấy trong cabin cáp treo. Hiển nhiên, hắn là một kẻ thích thao túng, một tên thái nhân cách và là một gã cực kì thông minh. Nhưng còn hơn thế. Hirtmann là trường hợp đặc biệt nhất trong số những tên giết người có tính toán cho đến thời điểm này. Sớm muộn gì, chứng rối loạn nhân cách sẽ ảnh hưởng tới năng lực trí tuệ và đời sống xã hội của bọn chúng, bằng cách này hay cách khác. Và sớm muộn gì, những người xung quanh sẽ ý thức được bản chất quái vật của

chúng. Đó là lý do bọn chúng thường cần đến một tông phạm, ví dụ như một người vợ, cũng ẩn giấu bản chất quái vật như chúng, để giúp chúng duy trì vỏ bọc giả tạo. Nhưng Hirtmann, khi còn tự do, đã thành công trong việc tách bạch phần nhân cách phần nộ và điên cuồng ra khỏi đời sống xã hội của mình. Hắn là một chuyên gia đánh lạc hướng. Trước hắn cũng có những tên thái nhân cách khác có khả năng tương tự, nhưng không ai trong số đó đạt tới sự nghiệp xuất chúng như hắn.”

Propp đứng lên, chậm rãi đi vòng quanh bàn, ra phía sau từng người họ. Càng lúc càng thấy khó chịu, Servaz đoán đây hẳn là một trong các trò bịp của mấy tay bác sĩ tâm lý.

“Hắn là nghi phạm giết hơn bốn mươi cô gái trẻ trong hai mươi lăm năm. Bốn mươi vụ giết người và không chút manh mối. Không có bất cứ manh mối nào liên kết với thủ phạm! Nếu không phải nhờ những mẫu báo và hồ sơ tìm được trong nhà và trong két sắt, những vụ án đó sẽ không bao giờ dẫn tới hắn.”

Propp dừng lại ngay sau Servaz, nhưng anh không quay lại mà chỉ nhìn vào Irène Ziegler ở đầu bên kia bàn.

“Và đột nhiên, hắn để lại một dấu vết, một dấu vết rõ ràng, phổ thông, tầm thường.”

“Anh quên mất một chi tiết,” Ziegler nói.

Propp ngồi xuống ghế.

“Thời điểm hắn gây ra hầu hết các vụ án đó, phân tích DNA vẫn chưa tồn tại hoặc chưa chính xác đáng tin như hiện tại.”

“Đúng thế, nhưng...”

“Như vậy, anh đang cho rằng những gì chúng ta có hiện nay không có vẻ gì giống với Hirtmann mà chúng ta biết, phải không?” Ziegler nói, nhìn thẳng vào mắt vị chuyên gia.

Propp chớp mắt và gật đầu.

“Và theo quan điểm của anh, dù DNA của hắn xuất hiện ở đó, nhưng hắn ta không phải là người giết con ngựa?”

“Tôi không hề nói vậy.”

“Tôi không hiểu.”

“Đừng quên hắn đã bị giam cầm trong nhiều năm. Hoàn cảnh của hắn đã thay đổi. Hắn đang chết vì buồn chán, và xin nhớ cho, đây là một kẻ đã từng hoạt động vô cùng tích cực. Hắn muốn chơi đùa. Nghĩ mà xem. Cho đến khi bị bắt vì vụ án giết người vì tình ngớ ngẩn, hắn đã có một đời sống xã hội nhiệt huyết, hứng khởi, cầu tiến. Hắn cũng đạt được địa vị cao trong nghề. Hắn có một cô vợ xinh đẹp và những buổi thác loạn với toàn tinh hoa của giới thượng lưu Geneva. Cùng lúc đó, hắn cũng thực hiện những vụ bắt cóc, tra tấn, hãm hiếp và giết chết các cô gái trẻ trong bí mật tuyệt đối. Nói cách khác, đối với một con quái vật như hắn, đó là cuộc sống trong mơ. Hắn nhất định không muốn nó kết thúc. Đó là lý do tại sao hắn rất cẩn thận phi tang những cái xác.” Propp chạm những đầu ngón tay vào nhau bên dưới bộ râu. “Hiện tại hắn không còn lý do gì để trốn tránh nữa. Trái lại, hắn muốn mọi người biết đó chính là mình, hắn muốn được người ta nhắc tới, muốn thu hút sự chú ý.”

“Nhưng hắn có thể trốn hắn ra ngoài và bắt đầu lại từ đầu trong tự do tuyệt đối cơ mà,” Servaz phản bác. “Tại sao hắn còn quay về xà lim của mình? Việc đó thật vô lý.”

Propp gãi râu. “Tôi thừa nhận đó cũng là câu hỏi đã đeo bám tôi suốt từ hôm qua. Tại sao hắn lại muốn quay về Viện? Với nguy cơ rõ ràng rằng, có thể hắn sẽ không còn cơ hội ra ngoài nữa nếu các biện pháp an ninh được thắt chặt. Vì sao phải liều lĩnh như thế? Mục đích là gì? Anh nói đúng, việc đó thật vô lý.”

“Trừ khi đối với hắn, cuộc chơi này còn kích thích hơn cả tự do,” Ziegler nói. “Hoặc hắn biết chắc chắn vẫn có thể tiếp tục ra ngoài.”

“Sao có thể?” Espérandieu kinh ngạc nói.

“Tôi nghĩ Hirtmann không thể gây ra vụ án mạng thứ hai,” Servaz khẳng định. “Phòng tuyến an ninh của cảnh sát rất chặt. Chẳng phải đó là những gì chúng ta vừa nhất trí sao?”

Chuyên gia tâm lý nhìn từng người bọn họ, và vẫn trầm tư vuốt râu. Đằng sau cặp kính, đôi mắt vàng ti hí của anh ta trông như hai trái nho

chín nầu.

“Tôi nghĩ anh đã đánh giá quá thấp người đàn ông này,” anh ta nói. “Và anh hoàn toàn không nhận ra mình đang phải đối phó với ai.”

“Hai gã bảo vệ,” Cathy d’Humières đột nhiên nói. “Có tin mới nhất về họ không?”

“Không có gì,” Servaz nói. “Tôi không nghĩ họ có tội. Mặc dù bọn họ đã chạy trốn. Vụ này quá tinh vi với bọn họ. Cho tới giờ, bọn họ chưa từng chứng tỏ mình có khả năng gì ngoài những vụ bạo lực và buôn lậu tầm thường. Một thợ sơn qua một đêm không thể biến thành Michelangelo được. Những mẫu phẩm lấy được trong cabin và trên đỉnh cáp treo sẽ cho chúng ta biết bọn họ đã từng có mặt ở hiện trường hay không, nhưng tôi không cho là vậy. Tuy nhiên họ đang giấu giếm gì đó, chắc chắn là như thế.”

“Tôi đồng ý,” Propp nói. “Tôi đã xem văn bản ghi lại cuộc thẩm vấn. Hồ sơ của họ không đủ thuyết phục. Nhưng tôi vẫn sẽ kiểm tra lại xem bọn họ có bất cứ tiền sử bệnh tâm thần nào không. Được biết đã từng có những tên đầu gấu vật vãnh, nhưng chỉ qua một đêm liền biến thành quái vật tàn nhẫn không thể tin nổi. Linh hồn con người có thể cất giấu rất nhiều bí ẩn. Chúng ta không thể loại trừ bất cứ điều gì.”

Servaz cau mày lắc đầu. “Còn buổi chơi poker vào đêm trước đó. Thử xác định xem liệu có tranh cãi nào không. Có thể Grimm đang nợ nần...”

“Còn một vấn đề chúng ta phải nhanh chóng giải quyết,” bà trưởng công tố lên tiếng. “Trước đây, những gì chúng ta có trong tay chỉ là một con ngựa, nghĩa là có thể tranh thủ thời gian. Nhưng lần này, nạn nhân là con người. Truyền thông sẽ chẳng mất nhiều thời gian để liên hệ vụ việc với viện tâm thần. Nói gở, nếu việc chúng ta tìm thấy DNA của Hirtmann ở hiện trường vụ án bị lộ ra ngoài, họ sẽ bu vào. Các anh đã thấy số lượng nhà báo bên ngoài chưa? Hai câu hỏi được ưu tiên hàng đầu đó là, các biện pháp an ninh của Viện Wagnier có bất kì lỗ hổng nào không, và liệu chúng ta đã bố trí đủ các trạm và bắt kiểm soát

chưa? Phải trả lời được các câu hỏi này càng sớm càng tốt. Tôi đề nghị chúng ta ghé thăm Viện ngay hôm nay.”

Ziegler phản bác, “Nếu vậy, đám nhà báo đang đóng quân ngoài kia sẽ dễ dàng theo đuôi chúng ta. Chắc chắn chẳng được ích lợi gì khi nhử họ sang đó.”

Bà trưởng công tố ngừng lại trong chốc lát để suy nghĩ, “Đúng nhưng chúng ta phải tìm ra câu trả lời sớm nhất có thể. Tôi đồng ý chúng ta nên rời chuyến thanh tra sang ngày mai. Trong lúc đó, tôi sẽ tổ chức một buổi họp báo để đánh lạc hướng chú ý của cánh săn tin. Martin, cậu nhận trách nhiệm gì?”

“Ngày mai, trước tiên đại úy Ziegler, bác sĩ Propp và tôi sẽ tới Viện trong lúc chị tổ chức họp báo, trung úy Espérandieu tham gia khám nghiệm tử thi. Bây giờ chúng tôi sẽ đi thăm vấn vợ của ông dược sĩ.”

“Được rồi, cứ thế đi. Nhưng đừng quên hai ưu tiên hàng đầu của chúng ta. Một là tìm hiểu xem Hirtmann có thể trốn ra ngoài Viện hay không, và hai là tìm ra mối liên hệ giữa hai vụ án.”

“Còn một góc độ nữa mà chúng ta chưa nghĩ đến,” Simon Propp tuyên bố.

“Đó là gì?” Servaz hỏi.

Họ đang ở trong bãi đỗ ô tô khiêm tốn phía sau tòa nhà, xa khỏi tầm mắt của cánh nhà báo. Servaz chìa cái chìa khóa điều khiển từ xa vào chiếc Cherokee mà thợ cơ khí đã trả lại sau khi thay bốn lốp xe mới. Vài bông tuyết bay bay trong bầu không khí lạnh lạnh. Cuối thung lũng là những đỉnh núi trắng xóa, nhưng bầu trời phía trên lại mang một màu xám vô tận. Chẳng mấy chốc tuyết sẽ lại rơi dày.

“Kiêu hãnh,” tay bác sĩ tâm lý trả lời. “Ai đó trong thung lũng này đang đóng vai Chúa trời. Hấn nghĩ hấn ở trên loài người, trên cả luật pháp, và hấn đang chơi trò thao túng chúng ta, những kẻ sinh lão bệnh tử đáng thương. Việc đó cần lòng kiêu hãnh đến vô hạn. Bằng cách này hay cách khác, lòng kiêu hãnh như thế sẽ thể hiện ở người sở hữu nó, trừ khi hấn che đậy nó bên dưới một diện mạo khiêm tốn, giả dối đến

cực độ.”

Servaz bất chợt dừng lại và nhìn tay bác sĩ tâm lý.

“Đó là một mô tả khá đúng với Hirtmann,” anh nói. “Ngoại trừ khiên tôn giả dối.”

“Và đúng với rất nhiều người nữa,” Propp sửa lời anh. “Kiêu hãnh không khó gặp, tin tôi đi, ngài sĩ quan chỉ huy.”

Nhà của ông dược sĩ là căn hộ ở cuối phố. Trên thực tế, con phố này cũng không lớn hơn một cái hẻm là bao, chỉ đủ rộng cho xe cộ đi lại. Khi nhìn thấy ngôi nhà, Servaz nghĩ mình đang ở Thụy Điển hoặc Phần Lan, một nơi đặc trưng kiểu Scandinavia. Mái lợp ván sơn màu xanh nhạt, che kín cả hàng hiên bằng gỗ rộng lớn chiếm một phần của tầng hai. Cây bu lô và sồi mọc khắp nơi.

Servaz và Ziegler ra khỏi xe. Bên kia đường, những đứa trẻ ùm chụp cả mở quần áo ấm đang đắp người tuyết. Servaz dựng cổ áo và quan sát chúng nạo lớp tuyết cuối cùng trên thảm cỏ bằng gang tay. Như một dấu hiệu của thời đại, lũ trẻ trang bị cho tác phẩm của mình một khẩu súng nhựa. Trong khoảnh khắc ngắn ngủi, Servaz cảm thấy vui mừng. Dù dáng vẻ của người tuyết quá hiếu chiến nhưng bọn trẻ vẫn có thể hưởng thụ những niềm vui giản đơn thay vì nhốt mình trong phòng ngủ, dán mắt vào máy tính và chơi điện tử.

Máu anh đột nhiên đông lại. Một thằng bé vừa bước tới một chiếc thùng rác lớn dọc con phố. Servaz nhìn nó kiễng chân mở thùng ra. Trước cặp mắt sững sốt của anh, thằng bé thọc tay vào bên trong và lôi ra một con mèo chết. Nó xách gáy con mèo, băng qua thảm cỏ và thả chiến lợi phẩm của mình xuống, cách người tuyết 2 mét.

Hình ảnh đó ăn khớp đến không ngờ, trông hệt như người tuyết vừa bắn chết con mèo.

“Lạy Chúa tôi,” Servaz kinh hoàng thốt lên.

Irène Ziegler đứng bên cạnh anh cất tiếng, “Theo các nhà tâm lý học trẻ em, việc đó hoàn toàn không liên quan gì đến ảnh hưởng của truyền

hình và truyền thông. Bọn trẻ biết cái gì là thực, cái gì không.”

“Phải, chắc chắn rồi. Hồi nhỏ, tôi từng đóng giả Tarzan nhưng chẳng bao giờ tin mình có thể thực sự giáp mặt với một con khỉ đột hay treo mình trên dây leo và chuyền qua chuyền lại.”

“Thế nhưng tâm hồn lũ trẻ đã sớm bị oanh tạc bởi các trò chơi, hình ảnh và ý tưởng bạo lực từ thời thơ ấu.”

“Tất cả những gì chúng ta có thể hy vọng là các nhà tâm lý học trẻ em nói đúng,” anh đáp với giọng điệu có phần mỉa mai và buồn bã.

“Sao tôi lại ngờ rằng họ nói sai nhỉ?”

“Vì cô là một cảnh sát.”

Một người đàn bà đang đợi họ ở trước cửa. Bà hút một điếu thuốc kẹp bằng ngón giữa và ngón trỏ. Mắt nheo lại phía sau dải khói, bà nhìn họ bước về phía mình. Mặc dù sen đầm mới báo cho bà biết về vụ án mạng của ông chồng cách đây ba tiếng đồng hồ, nhưng bà không có vẻ gì là quá đau buồn.

“Xin chào, Nadine,” Chaperon nói. Đại úy Ziegler đã đề nghị ông ta đi cùng. “Xin gửi đến bà lời chia buồn chân thành nhất. Bà biết tôi quý Gilles thế nào đấy... Thật khủng khiếp... Những gì đã xảy ra...”

Thị trưởng bỗng ngắc ngứ, dường như vẫn vô cùng khổ sở khi nhắc đến vụ việc. Vợ nạn nhân miễn cưỡng hôn phớt ông ta để chào hỏi, nhưng khi ông ta bước đến, định vòng tay qua người bà thì bà kiên quyết giữ khoảng cách và nhìn sang những người mới đến. Bà tầm 50 tuổi, cao và gầy, gương mặt dài như ngựa và mái tóc bạc. Servaz cũng nói lời chia buồn. Bà gằn như nghiền mạnh tay lúc bắt tay anh. Ngay lập tức, anh cảm thấy sự thù địch trong bầu không khí. Chaperon đã nói gì với họ nhỉ? Công việc của bà là làm từ thiện.

“Cảnh sát muốn hỏi bà vài câu,” thị trưởng tiếp tục. “Họ đã hứa với tôi rằng chỉ hỏi những điều cấp thiết nhất, còn lại thì để sau. Chúng tôi vào nhà được chứ?”

Không nói một lời, người đàn bà quay gót và dẫn họ vào trong. Servaz để ý thấy ngôi nhà làm toàn bằng gỗ. Trong sảnh nhỏ có kê một chiếc kệ ở bên phải, trên đó bày một chiếc đèn chụp và một con cáo

nhồi bông cấp một con quạ trong miệng. Cách bài trí ấy khiến Servaz nghĩ đến một túp lều sắn. Còn có một giá treo áo khoác, nhưng Nadine Grimm không hề đề nghị treo áo giúp họ. Bà biến mất sau chiếc kệ, chỗ cầu thang dẫn lên hàng hiên ở tầng hai. Không gây ra một tiếng động dù là nhỏ nhất, bà chỉ vào chiếc trường kỉ đan bằng liễu gai quay ra đồng và rừng, bên trên xếp đầy những chiếc nệm sờn cũ. Còn bà ngồi xuống chiếc ghế bập bênh gần hiên và kéo chăn phủ lên đùi.

“Cảm ơn,” Servaz nói. Anh cất lời sau một chốc do dự, “Câu hỏi đầu tiên của tôi là bà có đoán được ai là người đã giết chồng mình không?”

Nadine Grimm nhả khói thuốc và nhìn sâu vào mắt Servaz. Hai cánh mũi phập phồng như thể bà vừa ngửi thấy mùi gì khó chịu lắm. “Không. Chồng tôi là dược sĩ, không phải một tay anh chị.”

“Ông ấy có nhận được cuộc điện thoại bất thường hay lời đe dọa nào không?”

“Không.”

“Bọn nghiện có tìm đến nhà thuốc không? Đã bao giờ bị trộm cướp chưa?”

“Không.”

“Ông ấy có buôn bán methadone* không?”

Bà nhìn họ với ánh mắt vừa nóng nảy vừa bản gắt. “Các anh còn nhiều câu hỏi như thế này không? Chồng tôi không liên quan gì tới bọn nghiện, ông ta không có kẻ thù, và cũng không dây dưa vào việc làm ăn mờ ám nào. Ông ta chỉ là một tên đàn và nghiện rượu.”

Chaperon tái mặt. Ziegler và Servaz nhìn nhau.

“Ý bà là gì?”

Bà nhìn họ, sự ghê tởm hiện lên rõ ràng hơn bao giờ hết. “Chẳng có gì, như tôi đã nói, chuyện xảy ra thật kinh khủng. Tôi không biết ai có thể gây ra việc này. Thậm chí là, tại sao họ lại làm như thế. Cách giải thích duy nhất của tôi là, một trong những thằng điên bị nhốt trên kia đã sống ra. Tốt hơn hết, các anh nên làm gì đó để xử lý chuyện ấy, thay vì mất thời gian ở đây,” bà cay nghiệt bổ sung. “Nhưng nếu các anh mong đợi được thấy một bà góa khóc lóc, thì miễn đi. Chồng tôi không

yêu vợ lắm và tôi cũng chẳng ưa gì ông ta. Thậm chí chẳng có chút tình cảm nào ngoài sự khinh rẻ. Đã một thời gian dài, hôn nhân của chúng tôi không khác nào một dạng... giao ước. Nhưng tôi không giết ông ta vì chuyện đó.”

Trong một khoảnh khắc, Servaz chợt tin rằng vợ nạn nhân vừa thú tội giết người, cho đến khi anh hiểu ra, bà đang nói điều ngược lại. Bà không giết chồng, mặc dù có đủ lý do để làm vậy. Anh hiếm khi thấy sự lạnh lùng và thù địch lại dồn nén trong một con người nhiều đến vậy. Sự ngạo mạn và thờ ơ quá mức bỗng khiến anh do dự. Anh không biết phải cư xử thế nào. Có lẽ họ cần đào sâu hơn vào đời sống vợ chồng nhà Grimm, nhưng anh băn khoăn không biết giờ có phải thời điểm thích hợp không.

“Tại sao bà lại khinh miệt ông ấy?” Cuối cùng anh hỏi.

“Tôi vừa nói đấy thôi.”

“Bà bảo chồng bà là một người đàn độn. Vì cơ gì bà lại nói như vậy?”

“Đó là điều tôi phải rõ hơn ai hết chứ, anh không nghĩ thế sao?”

“Bà vui lòng nói rõ hơn đi.”

Anh cứ ngỡ bà vợ Grimm sắp phun ra điều gì đó chẳng mấy dễ chịu, nhưng bắt gặp ánh mắt Servaz, hình như bà đã đổi ý. Bà nhả khói thuốc lá, chăm chăm nhìn anh. Với vẻ thách thức, bà nói, “Chồng tôi học dược vì ông ta quá lười và không đủ thông minh để làm một bác sĩ. Ông ta mua cái nhà thuốc đó nhờ tiền của bố mẹ, vì họ giàu sụ. Hiệu thuốc có vị trí tốt, ngay giữa trung tâm Saint-Martin. Thế nhưng, vì lười chây thây và đơn giản là không đủ năng lực, ông ta chưa bao giờ có thể khiến nó sinh lời. Có sáu hiệu thuốc ở Saint-Martin mà hiệu thuốc này lại ít khách nhất. Người ta chỉ đến đó khi không còn lựa chọn nào khác, hoặc là ngẫu nhiên. Ví dụ như, khách du lịch đi ngang qua và cần một viên aspirin. Ngay cả tôi cũng không tin tưởng ông ta khi cần uống thuốc.”

“Vậy tại sao ông bà không ly dị?”

Bà cười khẩy. “Anh nghĩ tôi có thể bắt đầu lại cuộc đời ở tuổi này sao? Căn nhà đủ rộng cho hai người. Chúng tôi có không gian riêng và chúng tôi hạn chế tối đa việc can thiệp vào cuộc sống của nhau. Bên

cạnh đó, tôi thường phải đi công tác. Điều đó khiến cho... đã khiến cho mọi thứ dễ dàng hơn.”

Servaz nghĩ tới một thành ngữ La tinh tương ứng: *Consensus non concubitus facit nuptias* (Điều làm nên hôn nhân không phải là đêm tân hôn, mà là sự đồng thuận.)

Anh quay sang ông thị trưởng và hỏi, “Tối thứ Bảy nào ông ấy cũng đi chơi poker, vậy còn ai tham gia nữa?”

“Có tôi, và mấy người bạn khác,” Chaperon trả lời. “Như tôi đã nói với đại úy.”

“Ai đã ở đó vào tối qua?”

“Serge Perrault, Gilles, và tôi.”

“Họ có phải bạn chơi thường ngày của ông không?”

“Phải.”

“Ông có đặt tiền không?”

“Có, ít thôi. Hoặc khao ăn nhà hàng. Ông ta chưa bao giờ kí bất cứ giấy nợ nào, nếu đó là điều anh đang nghĩ. Và dù sao thì Gilles vẫn thường thắng. Ông ta chơi rất khá,” ông bổ sung và nhìn về phía bà vợ Grimm.

“Có chuyện gì đặc biệt xảy ra trong lúc các ông chơi không?”

“Ví dụ như?”

“Tôi không biết. Một cuộc tranh cãi chẳng hạn...”

“Không.”

“Các ông chơi ở đâu?”

“Ở chỗ của Perrault.”

“Sau đó?”

“Gilles và tôi cùng nhau ra về, như thường lệ. Gilles đi đường ông ta, còn tôi về nhà ngủ.”

“Ông không thấy bất cứ điều gì trên đường về sao? Không gặp ai hết ư?”

“Không, tôi nhớ là không.”

“Chồng bà gần đây có nhắc đến điều gì bất thường không?” Ziegler hỏi Nadine Grimm.

“Không.”

“Ông ta có vẻ lo âu, nghĩ ngợi gì không?”

“Không.”

“Chồng bà có liên quan gì đến Éric Lombard không?”

Nadine Grimm nhìn họ, tỏ vẻ không hiểu. Rồi một tia sáng ánh lên trong mắt, bà đập điều thuốc vào tay vịn lan can và cười. “Cô nghĩ vụ án của chồng tôi liên quan tới con ngựa à? Thật ngớ ngẩn!”

“Bà chưa trả lời câu hỏi của tôi.”

Nadine Grimm cười khẩy lần nữa, “Tại sao một kẻ như Lombard lại phí thời giờ với loại thất bại như chồng tôi? Không. Tôi không nghĩ thế.”

“Bà có bức ảnh nào của chồng không?”

“Để làm gì?”

Suýt chút nữa Servaz đã mất bình tĩnh, gần như quên mất rằng bà mới chỉ góa chồng trong có vài giờ. Nhưng anh kiềm chế lại.

“Tôi cần một bức hình để tiện cho việc điều tra,” anh trả lời. “Nếu bà có vài cái thì càng tốt. Ảnh chụp gần đây nhất có thể.”

Bắt gặp ánh mắt của anh, Ziegler hiểu ra. Ngón tay bị cắt. Servaz hy vọng có thể thấy cái nhẫn trện trong ảnh.

“Tôi không có bức ảnh nào gần đây của chồng tôi. Và tôi cũng không biết ông ta cất những bức khác ở đâu. Tôi sẽ phải lục tìm trong đồng đồ của ông ta. Còn gì nữa không?”

“Giờ thì không,” Servaz đứng lên.

Anh cảm thấy ớn lạnh tới tận xương tủy và chỉ muốn làm một việc. Biến khỏi đây. Càng nhanh càng tốt. Anh tự hỏi có phải bà góa Grimm cho họ ngồi ngoài hiên là có ý đui khéo họ không. Nỗi lo và cơn lạnh khiến ruột anh thắt lại. Có gì đó châm chích anh như mũi kim, một chi tiết chỉ mình anh nhận thấy. Khi Nadine Grimm với tay ra để đập điều thuốc vào thành lan can, cổ tay chiếc áo len của bà hơi trượt lên...

Servaz trông thấy những lằn sẹo nhỏ màu trắng trên cánh tay gầy trơ xương. Người đàn bà này từng cố kết liễu đời mình.

Vừa vào đến xe, anh quay sang thị trưởng. Một ý nghĩ vụt lóe lên trong anh khi nghe bà vợ Grimm nói chuyện. “Grimm có tình nhân không?”

“Không,” Chaperon dứt khoát đáp.

“Ông chắc chứ?”

Thị trưởng nhìn anh bằng ánh mắt kì lạ, “Chẳng ai chắc chắn điều gì một trăm phần trăm. Nhưng nếu là Grimm thì tôi dám lấy mạng mình ra đánh cược. Ông ta không phải loại người có chuyện cần giấu giếm.”

Servaz ngẫm nghĩ giây lát về lời ông thị trưởng.

“Nếu có điều gì chúng tôi học được từ nghề này, thì đó là chẳng ai hoàn toàn giống với vẻ ngoài của họ. Và ai cũng có bí mật cần giấu giếm cả.” Vừa nói, anh vừa nhìn vào gương chiếu hậu. Thêm một sự việc khá bất ngờ, mặt Chaperon tái dại. Trong tích tắc, mắt ông ta tràn đầy một nỗi khiếp sợ thuần túy.

Diane ra khỏi Viện, cơn gió lạnh buốt tạt vào người cô. May thay, cô đã mặc áo phao cùng áo len cao cổ và đi đôi boot viền lông. Cô băng qua khoảng đất để tiến về phía chiếc Lancia của mình, tay lần túi lấy chìa khóa, lòng nhẹ nhõm khi có thể rời khỏi nơi này một lát. Cô ngồi sau tay lái, nổ máy, nghe tiếng lách cách của bộ khởi động. Đền trên bảng điều khiển sáng lên rồi tắt ngấm, gần như ngay lập tức. Không có gì xảy ra nữa. Chết tiệt! Cô thử lần nữa. Vẫn vậy. Ôi, không! Cô thử đi thử lại, xoay chìa hết lần này tới lần khác. Không có gì cả...

Ấc quy, cô nghĩ. Nó cạn rồi.

Hoặc là vì lạnh.

Cô tự hỏi không biết có ai ở Viện sẵn lòng giúp mình không. Cơn bão lòng bỗng dưng ập tới. Cô ngồi bất động sau tay lái, nhìn mấy tòa nhà qua kính chắn gió. Quả tim vô cớ đập thành thịch. Đột nhiên, cô cảm thấy mình xa nhà quá đỗi.

Đêm hôm đó, Servaz nhận được điện thoại của Alexandra, cô vợ cũ. Về Margot. Servaz đâm lo. Alexandra giải thích với anh rằng Margot đã quyết định bỏ học piano và karate, hai môn gắn bó với con bé từ thuở nhỏ. Nó không đưa ra lý do hợp lý nào mà chỉ đơn giản thông báo với mẹ nó sẽ không tiếp tục học nữa.

Alexandra có vẻ quẫn trí. Gần đây Margot đã thay đổi rất nhiều. Mẹ con bé linh cảm thấy con gái mình đang giấu giếm chuyện gì đó. Cô không thể đối thoại được với con gái như trước nữa. Servaz để cho vợ cũ xả hết nỗi niềm, nhưng đồng thời cũng thắc mắc, chẳng lẽ cô không giải bày với bố dượng của Margot hay sao? Phải chăng, anh ta cứ ung dung đứng ngoài cuộc? Hoàn toàn ý thức được mình đang suy nghĩ nhỏ nhen, nhưng Servaz phát hiện ra rằng, bản thân anh hy vọng vào giả thuyết thứ hai. Anh hỏi, “Con bé có bạn trai không?”

“Em nghĩ là có. Nhưng con bé không chịu nói gì về việc đó cả. Không giống nó chút nào.”

Rồi anh hỏi Alexandra có xem qua đồ đạc của Margot không. Anh hiểu vợ cũ đủ rõ để biết chắc chắn cô đã làm thế. Và đúng như anh nghĩ, cô xác nhận mình đã thử nhưng không tìm thấy gì cả.

“Công nghệ phát triển cùng với thư điện tử và tin nhắn điện thoại, nên không thể theo dõi được quan hệ thư từ của chúng,” Alexandra nuối tiếc nhận xét. “Em lo lắm, Martin. Anh xem có thể phát hiện được thêm gì không. Biết đâu nó sẽ tâm sự với anh.”

“Đừng lo. Anh sẽ thử nói chuyện với con bé. Anh chắc rằng không có chuyện gì đâu.”

Anh chợt nhớ lại ánh mắt buồn bã của con gái. Quàng thâm dưới mắt. Và hơn hết, vết bầm tím trên má. Một lần nữa, ruột gan anh thắt lại.

“Cảm ơn anh, Martin. Anh dạo này thế nào?”

Anh tránh né câu hỏi và kể sơ qua về vụ án hiện tại mà không đi vào chi tiết. Khi họ vẫn còn là vợ chồng, thỉnh thoảng Alexandra lại nảy ra những ý tưởng hữu ích đến bất ngờ, đưa đến một góc nhìn mới mẻ hẳn.

“Một con ngựa và một người đàn ông trần truồng? Nghe lạ kì quá. Anh có nghĩ sẽ còn những vụ tiếp theo không?”

“Đó là điều anh đang lo ngại,” anh thừa nhận. “Nhưng đừng kể lại với ai. Ngay cả tên trộm nhà em,” anh bổ sung, và như thường lệ, tránh nhắc đến tên tay phi công đã cướp vợ mình.

“Chuyện này dễ khiến người ta liên tưởng rằng, những kẻ đó đã lén lút làm một việc vô cùng xấu xa,” cô nhận xét khi anh nói với cô về tay tài phiệt và ông dược sĩ. “Và họ đều nhúng tay vào việc ấy. Mọi người đều có bí mật muốn giấu giếm.”

Servaz lặng lẽ gật đầu. Cô có biết cô đang nói về cái quái gì không? Họ cưới nhau được mười lăm năm. Bao nhiêu năm trong số đó cô ta đã ngoại tình với tay phi công kia? Bao nhiêu lần hai người họ lợi dụng thời gian nghỉ giữa các chuyến bay để làm tình, một cái cơ hợp lý cho tiếp viên và phi công? Và sau mỗi chuyến bay, cô ta về nhà, tiếp tục đời sống gia đình như thể không có chuyện gì xảy ra, luôn mang về món quà nhỏ nào đó cho hai bố con. Cho đến một ngày, rốt cuộc cô ta cũng đi đến quyết định. Để biện hộ, cô nói với Servaz rằng Phil không gặp ác mộng, rằng anh ta không hề mắc bệnh mất ngủ, và rằng ‘anh ấy không sống giữa những xác chết’.

“Sao lại là một con ngựa?” Anh hỏi. “Mối quan hệ ở đây là gì?”

“Em không biết,” cô hồ hững trả lời, và anh biết sự lãnh đạm của cô nghĩa là gì. Thời gian trao đổi ý kiến giữa họ về những cuộc điều tra của anh đã chấm hết. “Anh mới là cảnh sát mà,” cô nói thêm. “Thôi được rồi, em phải đi đây. Anh thử nói chuyện với Margot xem.”

Cô cúp máy. Mọi chuyện chệch hướng từ lúc nào? Từ bao giờ con đường của họ đã tách khỏi nhau? Có phải là khi anh bắt đầu dành ngày càng nhiều thời gian ở văn phòng và ít ở nhà hơn? Hay là trước đó? Họ gặp nhau ở trường đại học, sáu tháng sau thì đi đến đám cưới, bất chấp

lời khuyên của bố mẹ cô. Những ngày đó, họ vẫn còn là sinh viên. Servaz muốn đi dạy Ngữ văn cùng tiếng La tinh như bố mình và viết ‘những cuốn tiểu thuyết đương thời vĩ đại’, còn Alexandra, khiêm tốn hơn, đang đi học để làm trong ngành du lịch. Cuối cùng Servaz tham gia vào lực lượng cảnh sát. Chính thức thì đó là quyết định trong một phút nông nổi, nhưng sự thật là bởi vì quá khứ của anh.

Chuyện này dễ khiến người ta liên tưởng rằng, những kẻ đó hẳn đã lén lút làm một việc vô cùng xấu xa. Và họ đều nhúng tay vào việc ấy.

Nhờ đầu óc nhanh nhạy nên dù không có nghiệp vụ cảnh sát, Alexandra vẫn chạm được đến điểm cốt yếu. Nhưng liệu Lombard và Grimm có thể cùng nhau nhúng tay vào phi vụ gì đó khiến những kẻ khác muốn trả thù không? Dường như là bất khả. Kể cả có đúng thế thì liên quan gì tới Hirtmann?

Đột nhiên, một ý nghĩ khác tràn vào lòng anh như đám mực loang, Margot, phải chăng con bé đang gặp nguy hiểm? Cảm giác rồi bởi khiến tim anh se thắt. Anh vớ lấy áo khoác và rời khỏi phòng. Anh xuống lễ tân hỏi họ có máy tính và webcam không. Nhân viên lễ tân nói có, rồi dẫn anh tới một phòng họp nhỏ. Servaz cảm ơn cô ta và mở điện thoại di động.

“Bố ạ?” Con gái anh trả lời ở đây đây bên kia.

“Bật webcam của con lên,” anh nói.

“Ngay bây giờ ạ?”

“Phải, ngay bây giờ.”

Anh ngồi xuống và mở chương trình đàm thoại hình ảnh. Sau năm phút, con gái anh vẫn chưa kết nối. Servaz bắt đầu mất kiên nhẫn thì nhìn thấy thông báo ‘Margot đã kết nối’ xuất hiện ở góc phải bên dưới màn hình. Servaz bấm gọi ngay lập tức, một ánh sáng xanh nháng lên phía trên chiếc camera.

Margot đang ở trong phòng ngủ, cầm trên tay một chiếc cốc bốc khói nghi ngút. Con bé nhìn anh, vẻ tò mò và thận trọng. Phía sau con bé, trên bức tường treo một tấm áp phích lớn của bộ phim *Xác Ướp Ai Cập*, họa lại một nhân vật đang cầm khẩu súng trên nền sa mạc, kim tự tháp

lúc hoàng hôn.

“Sao thế ạ?” Con bé hỏi.

“Bố phải hỏi con mới đúng.”

“Gì ạ?”

“Con nghỉ học piano và karate. Tại sao vậy?”

Anh nhận ra, khá muộn màng, rằng giọng của mình quá cộc cằn và cách đặt vấn đề có phần hơi đường đột. Hiển nhiên là bởi anh phải chờ đợi, anh biết rõ điều đó. Anh ghét chờ đợi. Nhưng anh nên tiếp cận vấn đề theo cách khác, bắt đầu bằng một chủ đề nhẹ nhàng hơn, khiến con bé cười bằng những câu bông đùa. Vẫn cần có vài nguyên tắc cơ bản để kiểm soát tình hình, ngay cả với con gái mình.

“Ồ! Ra là mẹ đã gọi cho bố...”

“Phải.”

“Mẹ còn nói với bố những gì nữa?”

“Thế thôi... Sao?”

“Ừm, đơn giản thôi. Con sẽ mãi mãi chỉ là một người chơi piano xoàng xĩnh, tiếp tục để làm gì đâu? Piano không dành cho con, thế đấy.”

“Còn karate?”

“Con phát ớn với nó rồi.”

“Phát ớn?”

“Vâng.”

“Hừm. Chỉ thế thôi, đột ngột như vậy?”

“Không, không phải hoàn toàn đột ngột. Con đã dành thời gian suy nghĩ rất nhiều rồi.”

“Thay vào đó con định làm gì?”

“Con không biết. Chẳng lẽ con phải làm gì ạ? Có vẻ con đã đến tuổi được tự mình quyết định rồi mà, không phải sao?”

“Ồ, giờ bố mới biết đấy,” anh thừa nhận, ép mình phải cười.

Nhưng ở đầu bên kia, con gái anh không cười. Con bé nhìn chăm

chằm vào camera, qua đó nhìn anh bằng ánh mắt u ám. Dưới ánh sáng của chiếc đèn đang soi tỏ một bên mặt nó, vết bầm lại càng rõ thêm. Chiếc khuyên đeo trên lông mày lấp lánh như một viên hồng ngọc.

“Những câu hỏi này là sao? Bố và mẹ đang cố làm gì vậy?” Margot the thé hỏi. “Sao con lại cảm thấy như mình đang bị cảnh sát thẩm vấn thé? Chết tiệt!”

“Margot, bố chỉ hỏi... và con không bắt buộc phải...”

“Ồ, không? Bố biết gì không, thưa bố? Nếu đây là cách bố chất vấn nghi phạm, hẳn bố sẽ không thu được nhiều kết quả lắm đâu.”

Cô bé giáng năm đấm xuống cạnh bàn, tiếng va chạm dội lại qua cái loa khiến anh giật nảy.

“Mẹ kiếp, chó chết, khôn nạn!”

Anh bỗng thấy cõi lòng lạnh ngắt. Alexandra nói đúng. Đây không phải hành vi bình thường của con gái họ. Còn phải xem sự thay đổi này có phải chỉ là tạm thời hay không, do xảy ra việc gì đó anh không biết, hay do ảnh hưởng từ một ai đó.

“Bố xin lỗi, con gái yêu,” anh nói. “Bố đang hơi cáu vì vụ điều tra lần này. Con bỏ qua cho bố nhé?”

“Ừm, hừm.”

“Hai tuần nữa bố sẽ gặp con, nhé?”

“Nhớ gọi điện cho con trước, được không?”

Anh mỉm cười với chính mình. Như vậy giống Margot mà anh biết hơn.

“Đương nhiên rồi. Ngủ ngon, con gái yêu.”

“Bố ngủ ngon.”

Anh trở lại phòng, vứt áo khoác lên giường, hớp một ngụm rượu Scotch lấy từ tủ lạnh mini và ra ban công. Đã sắp tối, bầu trời trong trẻo, hướng Tây sáng hơn hướng Đông một chút, bên dưới là những khối núi đen. Một vài ngôi sao đã bắt đầu hiện ra, sáng như thể được lau chùi. Servaz tự nhủ rằng trời sắp trở lạnh. Ánh đèn Giáng sinh tạo thành một dòng dung nham lấp lánh trên các con đường. Nhưng tất cả

những ồn ã hồi hả này đều có vẻ quá vật vãnh bên dưới con mắt cổ xưa của dãy Pyrenees. Ngay cả máy vụ án tàn bạo nhất cũng trở nên vô nghĩa trước sự hiện diện vĩnh cửu của những ngọn núi, giống như con côn trùng bị đè bẹp trên kính chắn gió.

Servaz dựa người vào lan can, mở điện thoại ra một lần nữa.

“Espérandieu nghe,” trợ lý của anh trả lời.

“Tôi cần nhờ cậu giúp một việc.”

“Chuyện gì thế? Có gì mới ạ?”

“Không. Không liên quan tới cuộc điều tra.”

“Ồ, ra thế.”

Servaz vắt óc để tìm từ ngữ. “Tôi muốn nhờ cậu theo dõi Margot sau giờ học một hoặc hai lần một tuần. Trong vòng... để xem nào, hai hoặc ba tuần. Tôi không thể tự làm được, con bé sẽ nhận ra tôi.”

“Gì cơ?”

“Cậu nghe tôi nói rồi đây.”

Ở đầu dãy bên kia, sự im lặng dường như kéo dài vô tận. Servaz có thể nghe thấy tiếng ồn phía sau. Anh hiểu ra cậu ta đang ở một quán bar.

Espérandieu thở dài. “Martin, em không thể.”

“Tại sao không?”

“Việc đó trái với...”

“Tôi đang nhờ cậu giúp, với tư cách một người bạn,” Servaz cắt ngang. “Chỉ một hoặc hai lần một tuần trong vòng ba tuần thôi. Đi bộ hoặc đi xe theo nó. Không hơn. Cậu là người duy nhất tôi có thể nhờ cậu.”

Một tiếng thở dài khác.

“Tại sao?” Espérandieu nói.

“Tôi nghĩ con bé có thể đang dây dưa với những kẻ không ra gì.”

“Và chỉ thế thôi sao?”

“Và bạn trai của nó đánh nó.”

“Mẹ kiếp!”

“Chính thế,” Servaz nói. “Giờ thử tưởng tượng đây là Megan xem, và cậu phải nhờ tôi. Suy cho cùng, một ngày nào đó, rất có thể cậu sẽ phải làm thế.”

“Được rồi, được rồi, em sẽ làm. Nhưng chỉ một hoặc hai lần một tuần thôi đấy, không hơn, anh đồng ý chứ? Và sau ba tuần kể từ hôm nay, em sẽ ngừng, ngay cả khi em không tìm ra điều gì bất thường hết.”

“Tôi hứa với cậu,” Servaz thở phào.

“Anh sẽ làm gì nếu mọi chuyện đúng như anh nghĩ?”

“Vẫn chưa biết chắc mà. Giờ tôi chỉ muốn tìm hiểu chuyện gì đang diễn ra.”

“Được rồi, nhưng giả sử những nghi ngại của anh là sự thật, con bé chơi bởi lêu lổng với mấy thằng đầu trộm đuôi cướp, anh sẽ làm gì?”

“Tôi có thói quen hành động bốc đồng không?” Servaz nói.

“Đôi lúc.”

“Tôi chỉ muốn tìm hiểu chuyện gì đang xảy ra thôi.”

Anh cảm ơn cậu ta và cúp máy. Anh vẫn nghĩ về con gái. Về quần áo, hình xăm, các loại khuyên của con bé... và lại nghĩ vẫn vợ đến Viện, đến mấy tòa nhà đang chậm chậm trôi bồng bênh vào giấc ngủ. Về đêm, những con quái vật trong xà lim ấy mơ thấy gì? Thứ quái thai nào, mộng tưởng kinh khiếp nào nuôi dưỡng giấc ngủ của chúng? Anh tự hỏi, liệu có kẻ nào đang thức, con mắt mở trừng trừng nhìn sâu vào tâm tưởng, hồi ức về những nạn nhân từng qua tay hay không?

Bên trên dãy núi, một chiếc phi cơ bay qua, trên đường từ Tây Ban Nha sang Pháp. Cứ lướt màu bạc, sáng như sao băng. Chiếc máy bay chẳng khác nào ngôi sao chổi bằng kim loại, đèn hạ cánh nhấp nháy trong bầu trời đêm. Một lần nữa, Servaz lại cảm nhận được sự cô lập của thung lũng này, cách xa tất cả mọi thứ.

Anh trở vào trong, bật đèn lên. Lấy một quyển sách trong vali và ngồi xuống đầu giường. Tập thơ *Ode - những bài tụng ca* của Horace.

Sáng hôm sau tỉnh dậy, Servaz thấy trời đã đổ tuyết. Đường phố và mái nhà đều trắng xóa, không khí lạnh đập vào ngực anh. Anh vội rời khỏi ban công và trở vào phòng, đi tắm, mặc quần áo, xuống gác ăn sáng.

Espérandieu đã ngồi đợi sẵn bên những khung cửa sổ lớn, trên hàng hiên rộng theo phong cách Art Déco*. Cậu vừa ăn xong bữa sáng và đang đọc sách. Servaz quan sát từ xa. Trợ lý của anh hoàn toàn tập trung vào cuốn sách. Servaz ngồi xuống và tò mò nhìn trang bìa, *Cuộc săn cừu hoang* của ông Haruki Murakami nào đó. Người Nhật. Một cái tên anh chưa từng nghe thấy. Thỉnh thoảng Servaz lại nghĩ, anh và Espérandieu như hai người không chung ngôn ngữ, đến từ hai đất nước cách xa nhau, với hai nền văn hóa, phong tục và truyền thống riêng. Sở thích của cậu trợ lý vô cùng phong phú: tiểu thuyết đồ họa, văn hóa Nhật Bản, khoa học, âm nhạc đương đại, nhiếp ảnh... tất nhiên là khác xa sở thích của anh.

Espérandieu ngược lên với biểu cảm của một đứa trẻ bên bàn ăn sáng, rồi xem đồng hồ đeo tay.

“Buổi giải phẫu tử thi bắt đầu lúc 8 giờ,” cậu đóng quyển sách lại. “Em phải đi đây.”

Servaz gật đầu, không nói gì thêm. Trợ lý của anh là người biết việc. Servaz hớp một ngụm cà phê và lập tức cảm thấy cổ họng mình ran rát.

Mười phút sau, chính anh cũng đang đi qua những con phố ngập tuyết. Anh tới gặp Ziegler và Propp tại văn phòng của Cathy d’Humières trước khi họ ghé thăm Viện. Bà trưởng công tố muốn giới thiệu họ với thẩm phán phụ trách điều tra mà bà chỉ định cho vụ án này. Trên đường đi, anh tiếp tục dòng suy tưởng từ hôm trước. Lombard và Grimm được chọn làm nạn nhân từ bao giờ? Mối quan hệ giữa họ là gì? Theo Chaperon và vợ nạn nhân, Lombard và Grimm không hề quen biết. Lombard có thể đã rẽ qua hiệu thuốc một hai lần, nhưng không gì ngẫu nhiên hơn. Còn năm hiệu thuốc khác ở Saint-

Martin, và Éric Lombard chắc chắn sẽ thừa người sai phái cho một việc vặt vãnh như vậy.

Bỗng dưng anh thấy căng thẳng. Có thứ gì đó, dù chỉ là một cảm giác mơ hồ, đã rút cần ăng ten của anh lên mức cảnh giác cao độ. Anh có cảm tưởng khó chịu rằng mình đang bị bám theo... Anh bất ngờ quay lại và nhìn kĩ con phố đằng sau. Không có gì ngoại trừ một cặp tình nhân đang giã lên tuyết, cười đùa, và một bà lão đi vòng qua góc phố với cái túi mua hàng trên tay.

Chết tiệt, cái thung lũng này đang làm mình hoang tưởng.

Năm phút sau, anh đi qua cánh cổng vào trụ sở tòa án. Các luật sư chuyện trò trên những bậc thang, liên tục phì phèo hút thuốc, thân nhân các bị cáo cắn móng tay, đợi phiên tòa tiếp tục. Servaz đi qua đại sảnh và tiến về cầu thang lớn phía bên trái. Anh vừa bước đến chiếu nghỉ ở giữa, một người đàn ông nhỏ thó liền hiện ra từ phía sau cột đá hoa cương và vọt xuống cầu thang.

“Sĩ quan chỉ huy!”

Servaz dừng lại. Anh nhìn kĩ người đàn ông đi tới chỗ mình.

“A,” người kia nói, “anh chính là tay cớm ở Toulouse đến.”

“Chúng ta có biết nhau không?”

“Sáng hôm qua tôi thấy anh ở hiện trường vụ án, cùng với Catherine,” người đàn ông trả lời, giơ tay ra. “Bà ấy đã cho tôi biết tên anh. Có vẻ bà ấy nghĩ anh là người thích hợp cho vụ án này.”

Catherine... Servaz bắt lấy bàn tay đang giơ ra.

“Và ông là...?”

“Gabriel Saint-Cyr, thẩm phán điều tra danh dự, đã về hưu. Tôi đã chỉ đạo điều tra cho những phiên tòa ở đây gần ba mươi lăm năm.” Người đàn ông nhỏ bé dang tay ra như để thu cả đại sảnh rộng lớn vào lòng. “Tôi biết từng cư dân của thị trấn này, thậm chí thông thuộc cả chạn bát nhà họ, hoặc gần như thế.”

Servaz chăm chú nhìn người đàn ông trước mặt. Dáng người thấp nhưng rắn rỏi, nụ cười đôn hậu, giọng nói chứng tỏ ông ta sinh ra và

lớn lên ở ngay đây. Servaz cũng nhận thấy tia nhìn nhạy bén trong mắt ông. Anh hiểu đằng sau vẻ ngoài vui tính ấy là một bộ óc sắc sảo, trái ngược với rất nhiều người trông ra vẻ ngoài cay độc và châm biếm để che đậy đầu óc rỗng tuếch bên trong.

“Ông đang mời chào dịch vụ của mình đấy à?” Servaz vui vẻ nói.

Vị thẩm phán phá lên cười. Một tiếng cười trong, vang và cởi mở. “Vì Chúa, anh chỉ cần làm thẩm phán một ngày thôi thì sẽ mãi mãi là thẩm phán. Thú thật là những sự việc xảy ra gần đây khiến tôi tiếc nuối vì mình đã nghỉ hưu. Chuyện này chưa từng có tiền lệ. Thỉnh thoảng chỉ có một vài vụ phạm tội bộc phát, kiểu như mấy người hàng xóm tranh chấp rồi thành ra bắn nhau. Cách phô bày có hữu thói ngu dại ở loài người. Nhưng nếu anh cảm thấy muốn đi uống một ly để bàn về vụ án, tôi luôn sẵn sàng.”

“Ông quên mất chuyện bí mật nghề nghiệp rồi à, ngài thẩm phán?” Servaz trả lời bằng giọng hài hước.

Saint-Cyr nháy mắt với anh. “Ồ, anh không cần phải nói với tôi mọi chuyện. Nhưng anh sẽ không tìm được ai biết nhiều bí mật về thung lũng này hơn tôi đâu, sĩ quan chỉ huy ạ. Cứ suy nghĩ đi.”

Servaz đã nghĩ tới việc đó. Đề nghị của người đàn ông này có thể hữu ích. Một mối liên hệ với những người dân địa phương. Một người đã dành gần trọn cuộc đời ở Saint-Martin, với đặc thù nghề nghiệp như ông ta hẳn sẽ nắm được số lượng bí mật không nhỏ. “Chắc ông phải nhớ công việc của mình lắm.”

“Sẽ là dối trá nếu tôi nói điều ngược lại,” Saint-Cyr thừa nhận. “Tôi về hưu hai năm rồi, vì lý do sức khỏe. Nhưng kể từ đó đến giờ, tôi thấy mình cứ như một cái xác sống vậy. Anh có nghĩ là Hirtmann làm không?”

Servaz giật mình. “Ý ông là gì?”

“Ôi, thôi nào! Anh biết quá rõ mà, DNA tìm thấy trong cabin cáp treo ấy.”

“Ai nói với ông thế?”

Viên cựu thẩm phán bật cười ha hả khi họ bước xuống cầu thang.

“Tôi đã nói với anh rồi. Tôi biết mọi thứ đang xảy ra ở cái thị trấn này. Hẹn gặp lại, ngài sĩ quan chỉ huy! Và chúc anh một chuyến săn vui vẻ!”

Servaz nhìn ông ta đi qua hai cánh cửa đôi to lớn và biến mất trong một cơn lốc tuyết mịn màng.

“Martin, giới thiệu với cậu đây là thẩm phán Martial Confiant. Tôi đã ủy thác cho cậu ấy những thông tin điều tra sơ bộ mà hôm qua tôi vừa bắt đầu nghiên cứu.”

Servaz bắt tay vị thẩm phán trẻ tuổi. Cậu ta khoảng mới chớm 30 tuổi, cao và gầy, da sẫm màu, đeo cặp kính chữ nhật thanh lịch với phần gọng mỏng dính. Cái bắt tay chắc nịch và nụ cười âm áp.

“Trái với vẻ bề ngoài, Martial là người địa phương. Cậu ấy sinh ra và lớn lên cách đây 20 kilomet,” Cathy d’Humières nói.

“Trước khi anh đến đây, bà d’Humières đã khen anh rất nhiều, sĩ quan chỉ huy ạ.”

Giọng cậu ta mang hơi ấm êm dịu của một hòn đảo nhiệt đới, chỉ hơi gợn một chút âm điệu địa phương. Servaz cười.

“Chúng tôi sẽ đến Viện ngay sáng nay,” anh nói. “Cậu có muốn tham gia không?”

Anh nhận ra cậu ta nói chuyện hơi khó khăn, có vẻ như đang đau họng.

“Các anh đã thông báo với bác sĩ Xavier chưa?”

“Chưa. Đại úy Ziegler và tôi đã quyết định sẽ đến thanh tra bất ngờ.” Confiant gật đầu.

“Được rồi, tôi sẽ đi cùng,” cậu ta nói. “Nhưng chỉ một lần này thôi. Tôi không muốn áp đặt. Nguyên tắc của tôi là để cảnh sát làm công việc của họ. Ai làm việc người này,” cậu ta nói thêm.

Servaz im lặng đồng tình. Đây là tin tuyệt vời, nếu nguyên tắc cậu ta tuyên bố được áp dụng đúng với thực tế.

“Đại úy Ziegler đâu?” D’Humières hỏi.

Servaz xem đồng hồ đeo tay. “Không lâu nữa đâu. Chắc đường đi hơi

khó khăn vì tuyết.”

Cathy d’Humières quay về phía cửa sổ, như thể đang rất vội. “Được rồi, tôi còn phải đứng ra tiếp các nhà báo. Đằng nào tôi cũng không đi cùng các cậu. Một nơi quái gở như thế trong thời tiết thế này, hừm, không dành cho tôi đâu!”

“Thiếu ôxy lên não,” Delmas nói, xát xà phòng khử trùng lên hai bàn tay và cẳng tay rồi xả sạch dưới vòi nước.

Bệnh viện Saint-Martin là một tòa nhà lớn xây bằng gạch đỏ đứng sừng sững giữa những thảm cỏ phủ tuyết. Lối vào nhà xác và phòng giải phẫu tử thi nằm cách xa cổng chính, ở cuối một con dốc bê tông. Các nhân viên bệnh viện gọi nơi này là ‘địa ngục’. Ba mươi phút trước, khi đến đây, nghe The Gutter Twins hát *Idle Hands* qua tai nghe, Espérandieu đã nhìn thấy một cỗ quan tài đang đợi sẵn trên giá kê, đặt sát bức tường sau viện. Trong sảnh, cậu bắt gặp bác sĩ Delmas, giám định viên pháp y từ Toulouse, và bác sĩ Cavalier, một bác sĩ phẫu thuật ở bệnh viện Saint-Martin khi họ đang mặc chiếc áo ngắn tay và tạp dề phòng hộ trắng nhựa. Delmas miêu tả cho Cavalier hiểu ra họ đã tìm thấy thi thể như thế nào. Espérandieu chuẩn bị thay đồ, cậu thấy một viên kẹo bạc hà vào miệng và lấy ra một hũ kem bôi chiết xuất từ cây long não.

“Cậu nên tránh dùng cái đó,” Delmas lập tức nói. “Nó gây ăn mòn rất nhanh.”

“Xin lỗi, bác sĩ, nhưng mũi tôi rất nhạy cảm,” Espérandieu trả lời, rồi đeo một chiếc khẩu trang phẫu thuật trùm qua mũi và miệng.

Kể từ khi tham gia tổ điều tra, Espérandieu đã vài lần bị điều đi dự khán khám nghiệm tử thi. Cậu biết luôn có một thời điểm, khi giám định viên pháp y mổ bụng và lấy mẫu nội tạng, gan, lá lách, tụy, ruột, mùi hôi thối sẽ bốc lên khắp phòng và bất cứ ai có khứu giác bình thường đều không thể nào chịu nổi.

Thi thể của Grimm đang đợi bọn họ trên một chiếc bàn giải phẫu hơi nghiêng, trang bị ổ cắm và ống dẫn. Chiếc bàn khá thô sơ so với những chiếc bàn rộng hiện đại mà Espérandieu đã thấy ở Bệnh viện Đại học

Toulouse. Ngoài ra, xác nạn nhân được đỡ trên mấy thanh ngang bằng kim loại, để tránh bị ngập vào dịch thể tiết ra.

“Trước tiên, có vài dấu hiệu thường thấy của trạng thái ngạt cơ học...” Delmas vào đề luôn, uốn cái cần đèn chiếu lên cơ thể nạn nhân.

Ông ta chỉ vào đôi môi tím thâm của dượng sĩ, rồi vào phần vành tai đã biến thành màu xanh tím, “... Màu ngả xanh của màng nhầy và da...”

Ông ta chỉ cho họ bên trong mi mắt của nạn nhân, “Sung huyết màng kết...”

Ông ta chỉ vào khuôn mặt trương phình, tím ngắt, “Nghẽn mạch sẽ gây ra màu tia tía này. Đáng tiếc, rất khó phát hiện các dấu hiệu khác dựa vào tình trạng của khuôn mặt.” Delmas nói với Cavalier khi ông này cảm thấy khó có thể nhìn vào đồng bầy nhầy với hai con người đang trợn trừng khỏi hốc mắt. “Có hiện tượng xuất huyết trên bề mặt phổi và tim. Các triệu chứng cổ điển. Chúng chỉ cho thấy đây là một hội chứng ngạt không điển hình. Hiển nhiên nạn nhân chết vì ngạt cơ học, nhưng phải rất lâu mới dẫn đến tình trạng đó. Tuy nhiên, những triệu chứng này không cung cấp thêm bất cứ thông tin nào về nguyên nhân cái chết.”

Delmas tháo kính ra để lau, rồi đeo trở lại. Ông không mang khẩu trang giải phẫu, người thoang thoang mùi Eau de Cologne* và xà phòng khử trùng. Viên bác sĩ này có dáng người béo lùn với đôi má láng hồng và cặp mắt lồi to màu xanh dương.

“Kể gây án rõ ràng có hiểu biết nhất định về y học và giải phẫu,” ông ta tuyên bố. “Hắn đã chọn một cái chết kéo dài và đau đớn nhất có thể.”

Delmas chỉ ngón tay múp míp của mình vào cái rãnh do dây đai gây ra trên cổ nạn nhân.

Từ góc độ sinh lý bệnh học, có ba cơ chế gây tử vong trong việc treo cổ. Thứ nhất là mạch, tức là máu không lên được não do tắc nghẽn đồng thời cả hai động mạch cảnh. Hiện tượng đó xảy ra khi nút thắt nằm sau gáy, trực tiếp gây thiếu oxy lên não, làm mất ý thức ngay lập tức, kéo theo tử vong nhanh chóng.” Ông ta nói thêm, “Tuyệt đối không nên

cảnh báo với bất cứ ai định treo cổ tự tử về tầm quan trọng của việc quay nút thắt ra sau gáy.”

Espérandieu đã ngừng ghi chép. Như thường lệ, cậu rất khó tiếp thu khiếu hài hước của giám định viên pháp y. Về phần Cavalier, ông ta đúng nghĩa là đang nuốt từng lời của đồng nghiệp.

“Tiếp nữa là cơ chế thần kinh. Nếu thủ phạm đẩy được sĩ ra khoảng không thay vì hạ dần anh ta xuống bằng cách chơi đùa với mấy cái đai buộc trên tay, thì cú giật đột ngột sẽ gây ra các thương tổn về hành não và hành tủy, hay chính là tổn thương phần não và tủy sống,” ông ta bổ sung cho Espérandieu, nhẹ nhàng nhắc xương sọ của Grimm lên. “Và cũng gây ra cái chết gần như ngay lập tức. Nhưng đó lại không phải cách thức hung thủ áp dụng...”

Đằng sau cặp kính, đôi mắt xanh của Delmas tìm kiếm ánh mắt Espérandieu.

“Ồ, không, chàng trai trẻ ạ! Hung thủ không làm như thế... Hung thủ của chúng ta là một tay thông minh. Hẳn cần thận xoay nút thắt sang một bên. Như thế, hãn vẫn duy trì cho máu lên não qua ít nhất một trong hai động mạch cảnh, bên đối diện với nút thắt. Còn dây đai buộc vào cổ tay có tác dụng ngăn chặn mọi chấn thương đột ngột lên tủy sống. Hung thủ hiểu rất rõ mình muốn gì, tin tôi đi. Nạn nhân khôn khổ sẽ phải chịu một cái chết kéo dài và đau đớn.”

Ngón tay múp míp và sạch bong không tì vết của ông ta lần tới vết khía sâu trong cổ.

“Dù sao thì, chúng ta đang phải xử lý một ca treo cổ. Nhìn xem. Đường khía ở rất cao, ngay bên dưới góc hàm. Hơn nữa, nó không trọn vẹn, có nghĩa đây không phải trường hợp đã bị thắt cổ từ trước bằng dây thừng, vì nếu vậy thì chỉ để lại một vết lằn nông và đều khắp quanh cổ.” Ông ta nháy mắt với Espérandieu. “Cậu biết đấy. Anh chồng thắt cổ vợ bằng một sợi dây thừng, rồi cố làm cho chúng ta tin là cô ta tự treo cổ.”

“Ông đọc quá nhiều tiểu thuyết trinh thám rồi đấy, bác sĩ ạ,” Espérandieu nói.

Delmas cô nén cười, nghiêm túc trở lại như một vị giáo hoàng đến giờ ban phúc lành. Ông ta đưa ánh đèn xuống ngang tầm cái mũi bị xé vụn, khuôn mặt trương phình, và đôi mi mắt bị ghim của nạn nhân.

“Đây mới thực sự là cảnh tượng ghê tởm nhất mà tôi từng phải chứng kiến,” ông ta nói. “Có một cơn giận dữ và phẫn nộ ở đây, gần như quá sức chịu đựng.”

Tay bác sĩ tâm lý nhập bọn với họ. Anh ta ngồi ghé sau cùng với vị thẩm phán. Ziegler đang lái con 4x4* với sự thoải mái và tự tin của một tay đua địa hình. Servaz ngưỡng mộ cách cô lái xe. Cũng như anh ngưỡng mộ kỹ năng lái trực thăng của cô. Ở phía sau, vị thẩm phán nhờ Propp cung cấp thêm thông tin về Hirtmann, để rồi sửng sốt vì những gì nghe được, và cuối cùng nín lặng như những người còn lại. Bầu không khí nặng nề trong thung lũng chỉ làm tăng thêm cảm giác bất an.

Con đường uốn mình bên dưới bầu trời ảm đạm, lượn qua những cây lãnh sam cao tí ken dày đặc, với phần ngọn phủ đầy tuyết. Xe ủi tuyết đã đi qua đó, để lại những đụn tuyết cao ở cả hai bên đường. Họ đi qua nông trang cuối cùng đang bị cầm tù trong cái lạnh, hàng rào bao quanh những cánh đồng gần như biến mất bên dưới lớp chăn tuyết, một cuộn khói bốc lên từ ống khói. Thế lực vô song của thỉnh lặng và mùa đông lạnh lẽo dường như ngự trị lên tất cả.

Trời đã ngừng đổ tuyết nhưng tuyết vẫn rất dày. Đi thêm một đoạn nữa, họ bắt kịp chiếc xe ủi tuyết và vượt qua nó. Chiếc đèn xoay trên đầu chiếc xe chiếu tia sáng màu cam vào những cây lãnh sam trắng. Con đường trở nên khó đi hơn.

Bọn họ lái xe qua một khung cảnh hùng vĩ đến sững sờ. Con suối uốn khúc vòng quanh những cánh rừng với lãnh sam cao vút mọc dày đặc. Những đầm lầy than bùn đóng băng trắng xóa. Phía trên là triền rừng xám xịt và hung dữ. Thung lũng dần dần thu hẹp. Rừng bao lấy toàn bộ con đường cũng như dòng suối. Ở các khúc quanh, mấy gốc sồi lớn nằm trơ trọi bên bờ kè đang xây dựng dở. Họ đi tới một khúc quanh nữa và thấy vài tòa nhà làm bằng gỗ và bê tông, với từng dãy cửa sổ ở các tầng

trên và cửa sổ ngắm cảnh dưới tầng trệt. Một con đường mòn dẫn tới cây cầu gổ sét bắc qua dòng suối. Tiếp đến là một đồng cỏ trắng xóa dẫn vào những tòa nhà. Servaz đọc cái biển han gỉ khi họ đi qua, TRẠI HÈ LES ISARDS. Những tòa nhà hư nát và cũ mòn. Chúng đã bị bỏ hoang.

Anh tự hỏi ai lại muốn cắm trại ở một nơi ẩm đạm như thế. Mới vừa nghĩ đến việc nơi này nằm gần Viện, anh đã cảm thấy một luồng khí lạnh toát chạy dọc xương sống. Nhưng nhiều khả năng trại hè đã ngừng hoạt động từ lâu trước khi Viện Wargnier thành lập.

Thung lũng đẹp đến ngạt thở. Servaz sững sờ.

Một bầu không khí cổ tích.

Phải, chính là như thế, phiên bản dành cho người lớn của những câu chuyện cổ tích quý quái mà anh vẫn nhớ được từ thời thơ ấu. Ở cuối thung lũng và khu rừng trắng này, những con yêu tinh thực sự đang chờ đợi họ.

“Chào buổi sáng, tôi ngồi đây được không?”

Diane ngược lên, nhận ra người y tá đã bỏ đi đường đột và khiếm nhã ngày hôm trước. Tên anh ta là gì nhỉ? Alex, đang đứng cạnh bàn cô. Hiện tại căng tin khá đông đúc. Là sáng thứ Hai và tất cả nhân viên đều đến đây. Giờ nơi này toàn tiếng cười nói ồn ào.

“Dĩ nhiên,” cô hơi nghiêng răng.

Cô ngồi một mình một bàn. Hiển nhiên không ai muốn mời cô ngồi cùng họ. Thỉnh thoảng cô lại bắt gặp những ánh mắt liếc về phía mình. Một lần nữa, cô thắc mắc không biết bác sĩ Xavier đã nói gì về cô.

“Ừm, tôi muốn xin lỗi vì ngày hôm trước,” Alex ngồi xuống. “Chắc hẳn tôi đã hơi đường đột. Tôi không biết tại sao. Xét cho cùng, cô có quyền hỏi những câu hỏi đó. Xin hãy chấp nhận lời xin lỗi của tôi.”

Cô chăm chú quan sát anh ta. Người này có vẻ ăn năn thực sự. Cô gật đầu dù không mấy thoải mái. Cô không muốn bàn đến chuyện đó nữa. Hay thậm chí là nghe anh ta xin lỗi cũng không.

“Không vấn đề gì. Tôi đã quên rồi.”

“Như thế càng tốt. Chắc cô nghĩ tôi rất vô lý.”

“Không hề. Những câu hỏi của tôi đúng là... không thích đáng lắm.”

“Đúng vậy,” anh ta cười. “Như thế cô chẳng bao giờ thiếu chuyện để hỏi.”

Anh ta cắn chiếc bánh sừng bò một cách ngon lành.

“Chuyện gì đã xảy ra dưới thung lũng hôm qua thế?” Cô đổi chủ đề. “Tôi tình cờ nghe được vài cuộc nói chuyện, hình như xảy ra vụ gì đó kinh khủng lắm.”

“Người ta tìm thấy thi thể một người đàn ông, một dược sĩ ở Saint-Martin.”

“Ông ta chết thế nào?”

“Họ thấy ông ta treo lủng lẳng dưới một cây cầu.”

“Ồ! Ra thế...”

“Ừm,” Alex ậm ừ, miệng nhồm nhoàm đầy bánh.

“Một cách kết thúc cuộc đời thật tồi tệ!”

Anh ta ngược lên và nuốt miếng bánh đang nhai. “Không phải tự tử.”

“Không phải?”

Anh ta nhìn sâu vào mắt cô, “Giết người.”

Cô không biết có phải Alex đang đùa không. Cô cười cười, sẫm soi biểu cảm của anh ta. Có vẻ không phải. Nụ cười của cô biến mất. Một cơn ớn lạnh chạy giữa hai xương bả vai.

“Thật kinh khủng! Họ chắc chắn không?”

“Chắc,” anh ta nói, hơi ngả về phía cô để không phải cao giọng mà cô vẫn nghe thấy, dù không gian xung quanh khá ồn ào. “Và đó chưa phải là tất cả...”

Alex cúi lại gần hơn. Hơi gần quá. Diane nhích ra, cô không muốn trở thành nguồn cơn của mấy chuyện đồn thổi khi mới chỉ chân ướt chân ráo đến đây.

“Theo những gì tôi nghe được, ông ta hoàn toàn khỏe thân, trừ một cái áo choàng và một đôi ủng. Và ông ta đã bị đánh đập, hành hạ. Rico tìm thấy ông ta. Cậu ta là một tác giả chuyên sáng tác tiểu thuyết đồ

họa và thường chạy mỗi buổi sáng.”

Diane tiêu hóa tin tức đó trong im lặng. Một vụ án mạng trong thung lũng, một tội ác điên cuồng, chỉ cách Viện có vài kilomet...

“Tôi biết cô đang nghĩ gì,” anh ta nói.

“Ồ, thật sao?”

“Cô đang nghĩ, đó là một tội ác điên cuồng, và nơi này thì đầy những tên sát nhân điên cuồng.”

“Phải.”

“Ra khỏi đây là điều bất khả.”

“Thật sao?”

“Phải.”

“Chưa ai từng trốn thoát ư?”

“Chưa.” Anh ta nuốt một miếng nữa. “Dù sao thì điểm danh không thiếu bất cứ ai.”

Cô hớp một ngụm cappuccino và lau sôcôla trên miệng bằng một tờ giấy ăn.

“Ồ, vậy thì tôi cảm thấy yên tâm hơn rồi,” cô nói đùa.

Lần này, Alex bật ra một tiếng cười sảng khoái. “Phải, tôi biết kể cả nếu không có chuyện gì xảy ra, riêng việc cô là lính mới ở đây đã đủ phiền muộn rồi. Thế mà giờ còn có sự việc kinh khủng thế này nữa... Không phải một thông tin có thể giúp cô giảm căng thẳng, đúng không? Tôi rất tiếc vì đã đem tin dữ đến cho cô.”

“Chỉ cần anh không phải là hung thủ là được.”

Anh ta cười to hơn, đến mức vài người quay ra nhìn. “Đây có phải sự hóm hỉnh của người Thụy Sĩ không? Tôi rất thích đấy!”

Diane mỉm cười. Giữa điệu bộ tức tối bỏ đi hôm trước và tâm trạng vui vẻ của hôm nay, cô không biết đâu mới là con người thật của Alex. Nhưng nhìn chung, anh ta có vẻ dễ ưa. Cô hát hàm về phía những người xung quanh.

“Tôi đã hy vọng bác sĩ Xavier giới thiệu tôi với các cán bộ nhân viên ở đây. Nhưng cho đến giờ, anh ta không hề làm việc đó. Sẽ không dễ để

hòa nhập nếu không ai chịu chìa tay ra trước.”

Alex chăm chú nhìn cô bằng ánh mắt thân thiện và chậm rãi gật đầu. “Tôi hiểu. Nghe này, tôi đề nghị thế này. Tôi không thể làm gì vào sáng nay, tôi có một cuộc họp chuyên môn với nhóm điều trị. Nhưng tôi sẽ đưa cô đi một vòng và giới thiệu cô với những người còn lại trong nhóm.”

“Cảm ơn lòng tốt của anh.”

“Chuyện thường thôi mà. Tôi không hiểu nổi tại sao Xavier hay Lisa lại không làm việc đó.”

Câu hỏi hay lắm, cô nghĩ thầm.

Giám định viên pháp y và bác sĩ Cavalier đang cắt một trong hai chiếc ủng ra với sự hỗ trợ của kìm cắt xương chuyên để giải phẫu tử thi và một cái móc banh vết mổ sắc bén.

“Có thể thấy, đôi ủng này không phải của nạn nhân,” Delmas tuyên bố. “Nhỏ hơn ít nhất ba cỡ. Thủ phạm đã cố nhét vào. Tôi không biết người đàn ông khốn khổ này đã phải đeo nó bao lâu, nhưng hẳn là rất đau đớn. Mặc dù không tệ bằng những việc tiếp theo hung thủ đã làm.”

Espérandieu nhìn ông ta, sổ ghi chép vẫn cầm trong tay.

“Sao hẳn lại bắt ông ta đi ủng quá nhỏ so với chân nhỉ?” Cậu hỏi.

“Đó là điều cậu phải tìm ra. Có thể chỉ đơn giản là muốn anh ta đi ủng mà không có sẵn cái gì khác.”

“Nhưng tại sao lại lột hết quần áo, tháo giày của ông ta, rồi đi ủng nữa?”

Giám định viên pháp y nhún vai và quay lưng đi để đặt chiếc ủng bị cắt lên bàn phẫu thuật. Ông ta cầm một chiếc kính lúp và một cái kìm rồi cẩn thận gỡ bỏ những hạt sỏi li ti và những mẫu thủy tinh kẹt lại trong lớp bùn và cao su. Ông ta bỏ mẫu phẩm vào một loạt ống nghiệm hình trụ nhỏ. Rồi ông lại nhặt cái ủng lên, rõ ràng đang phân vân chọn giữa một cái túi rác màu đen và một túi giấy lớn màu nâu. Cuối cùng, ông ta chọn túi giấy. Espérandieu nghi ngờ nhìn ông ta.

“Tại sao tôi lại chọn túi giấy mà không phải cái kia? Vì bùn bám trên ủng trông thì có vẻ đã khô, những chắc hẳn vẫn còn ẩm. Tang vật ướt không bao giờ được phép bảo quản trong túi ni lông, độ ẩm có thể hình thành nấm mốc và hủy hoại nghiêm trọng những bằng chứng sinh học trong đó.”

Delmas đi vòng qua bàn phẫu thuật. Ông ta tiến lại gần ngón tay bị cắt và sẫm soi bằng cái kính lúp trong tay.

“Bị cắt bởi một dụng cụ sắc, gỉ. Kim hoặc kéo cắt cây chẳng hạn. Và khi nạn nhân vẫn còn sống. Đưa tôi mấy cái kim kia và một cái túi,” ông ta nói với Espérandieu.

Espérandieu làm theo. Delmas dán nhãn chiếc túi, ném những mảnh vụn cuối cùng vào một trong những cái thùng đang xếp dựa vào tường, sao đó tháo găng tay ra với một tiếng rột lớn.

“Chúng ta xong rồi. Không còn nghi ngờ gì nữa, Grimm chết do ngạt cơ học. Nói cách khác là treo cổ. Tôi sẽ chuyển những mẫu phẩm này đến phòng thí nghiệm của sen đầm ở Rosny-sous-Bois, như đại úy Ziegler đã yêu cầu.”

“Theo phán đoán của ông, liệu có xảy ra khả năng hai tên cục súc nào đó đứng đằng sau toàn bộ tội ác ghê tởm này không?”

Giám định viên pháp y nhìn Espérandieu chăm chăm.

“Tôi không thích đoán mò,” ông ta nói. “Tôi làm việc dựa trên các cơ sở thực tế. Suy luận là sở trường của cậu. Hai tên cục súc nào?”

“Hai gã bảo vệ. Những kẻ đã từng bị kết án vì tội hành hung và buôn lậu mấy thứ lặt vặt. Bộ não ngu si không có trí tưởng tượng, với điện não đồ gần như phẳng lì và một cái bề trần trề hoóc môn nam.”

“Nếu bọn chúng đúng như cậu mô tả, tôi sẽ nói là khả năng xảy ra việc đó cũng tương đương với việc tất cả những thằng đàn to xác ở đất nước này đột nhiên hiểu ra ô tô còn nguy hiểm hơn súng cầm tay. Nhưng tôi nhắc lại một lần nữa, kết luận đưa ra phụ thuộc vào cậu.”

Tuyết lại rơi dày và họ cảm thấy như đang đi vào một chiếc bánh

kem khổng lồ. Như thế chỉ cần vấy đũa thân một cái, thân mùa đông đã biến thành thực vật dày đặc che khuất đoạn cuối thung lũng thành một động bàn tơ dệt từ băng tuyết. Nó khiến Servaz liên tưởng đến dải san hô bằng băng dưới tận cùng đáy biển. Con suối chảy giữa hai bờ kè đắp bằng tuyết.

Con đường dẫn sâu vào bên trong núi đá, được che chở bằng hàng rào chắn vững chãi và uốn lượn theo những đường viền quanh núi, hẹp đến nỗi Servaz tự hỏi họ sẽ làm gì nếu gặp một chiếc xe tải đi ngược chiều.

Khi họ ra khỏi đường hầm không biết thứ bao nhiêu, Ziegler đi chậm lại và tấp vào lề bên kia, nơi bức tường phòng hộ tạo thành một cái ban công chìa ra đám cây cỏ đóng băng.

“Chuyện gì thế?” Confiant hỏi.

Ziegler không đáp, chỉ mở cửa và đi ra ngoài. Cô đi ra sát tường, ba người còn lại liền làm theo.

“Xem kìa,” cô nói.

Họ hướng ánh mắt về phía cô chỉ và thấy những tòa nhà ở đằng xa.

“Ồi! Ghê quá,” Propp la lên. “Trông như một nhà tù thời Trung cổ ấy.”

Phần thung lũng mà họ đang đứng vẫn chìm trong bóng xanh của ngọn núi, trong khi những tòa nhà phía trên cao đã tắm mình trong ánh vàng buổi sáng, tuôn ra từ những chóp núi như một dòng sông băng. Nơi đó vô cùng hoang dã và cô độc, nhưng đẹp đến mức Servaz không thốt nên lời. Vẫn là kiểu kiến trúc Cyclopean mà anh đã thấy ở nhà máy điện. Anh tự hỏi những tòa nhà này đã được sử dụng với mục đích gì trước khi Viện Wagnier tiếp quản chúng. Hiển nhiên, chúng cũng xuất hiện cùng thời với nhà máy điện và cơ sở ngầm của nó. Thời kì huy hoàng! Khi những bức tường và các công trình được xây dựng để có thể tồn tại qua hàng thế kỉ. Khi người ta cố gắng làm tốt công việc của mình hơn là chỉ nghĩ tới lợi ích trước mắt. Khi một công ty được đánh giá qua những đóng góp của nó hơn là tiềm lực tài chính.

“Tôi thấy càng lúc càng khó tin rằng, ai đó có thể trốn thoát khỏi nơi

này lại muốn quay trở lại,” tay bác sĩ tâm lý lên tiếng.

Servaz quay sang anh ta, cũng có cùng ý nghĩ. Anh nhìn về phía Confiant và thấy cậu đang nói chuyện điện thoại cách đó vài mét. Servaz tự hỏi cậu ta thấy cần phải gọi điện cho ai vào thời điểm này.

Vị thẩm phán trẻ tuổi gặp điện thoại lại và đi qua chỗ họ.

“Đi thôi,” cậu ta nói.

Chạy thêm một kilomet, sau một đường hầm nữa, họ rời khỏi con đường trong thung lũng, vào một lối còn hẹp hơn, băng qua dòng suối trước khi hướng lên con dốc, xuyên giữa đám cây đầu tiên. Bên dưới lớp tuyết dày, khó mà phân định được những ngã rẽ, nhưng vài chiếc xe đã để lại vết lốp. Servaz đếm đến mười rồi thôi. Anh thắc mắc liệu con đường còn dẫn tới đâu ngoài Viện. Sau 2 kilomet tiếp theo, anh đã có câu trả lời. Những tòa nhà hiện ra trước mắt, con đường không chạy xa hơn nữa.

Họ sập cửa và một lần nữa chìm trong tĩnh lặng. Như thể bị kẹt trong nỗi sợ hãi nào đó, cứ thế nhìn ra xung quanh. Trời rất lạnh, Servaz rụt sâu hơn vào áo khoác.

Được xây dựng trên phần bằng phẳng nhất của con dốc, Viện bao quát toàn bộ khu vực phía trên của thung lũng. Những ô cửa sổ hẹp trông ra dãy núi đối diện con đường, với triền rừng bát ngát. Tít trên đỉnh là những vách đá cao đến chóng mặt phủ toàn đá và tuyết.

Rồi anh thấy, cách đó vài trăm mét, trên triền núi, những viên sen đầm mặc áo choàng đang vừa nói vào bộ đàm vừa quan sát bọn họ qua ống nhòm.

Một người đàn ông nhỏ thó mặc áo blu trắng lao ra khỏi Viện, bước đến gặp họ. Servaz ngạc nhiên liếc nhìn những người đồng hành. Confiant lộ vẻ áy náy.

“Là tôi đã báo với bác sĩ Xavier,” vị thẩm phán điều tra giải thích.
“Anh ta là một người bạn của tôi.”

Bác sĩ Xavier có vẻ vui mừng khi có khách tới. Anh ta đi theo lối nhỏ phủ tuyết trước cổng, dang rộng hai tay.

“Các anh đến vào thời điểm bất tiện quá. Chúng tôi đang họp giao ban. Thứ Hai hằng tuần tôi lại triệu tập cuộc họp, lần lượt với các nhóm điều trị khác nhau ở mỗi đơn vị chăm sóc, tất cả bác sĩ, y tá, hộ lý và nhân viên công tác xã hội.”

Nhưng nụ cười toe toét kia lại như ám chỉ rằng, anh ta chẳng tiếc chút nào khi phải đột ngột kết thúc buổi họp tế ngắt của mình. Anh ta nồng nhiệt bắt tay vị thẩm phán.

“Cuối cùng lại phải nhân vụ việc kinh khủng này thì cậu mới đến thăm chỗ tôi làm việc.”

Bác sĩ Xavier là một người đàn ông nhỏ thó, vẫn còn trẻ, vẻ ngoài không chèn vào đâu được. Servaz nhận thấy chiếc cà vạt hợp thời bên dưới cổ áo blu của anh ta. Viên bác sĩ cười luôn miệng, thân thiện nhìn hai nhân viên điều tra. Biểu hiện của anh ta vừa ân cần, vừa linh lợi hài hước. Servaz ngay lập tức cảnh giác. Theo bản năng, anh luôn đề phòng những người dễ dàng tỏ ra lịch thiệp và tươi cười.

Anh nhìn lên những bức tường cao ngất. Viện bao gồm hai tòa nhà năm tầng đồ sộ kề nhau thành hình chữ T với thanh ngang dài gấp ba lần thanh dọc. Anh quan sát những ô cửa sổ hẹp trên các bức tường đá xám. Tường dày đến mức tưởng như chúng có thể chịu được đòn tấn công của một quả tên lửa. Chắc chắn một điều, chuyện trốn ra ngoài bằng cách đào tường gần như là không tưởng.

“Chúng tôi đến để xác định liệu có khả năng một bệnh nhân của anh trốn ra ngoài hay không,” Confiant nói với tay bác sĩ tâm thần.

“Hoàn toàn không thể,” Xavier trả lời không chút do dự. “Và bên

cạnh đó, không có ai biến mất cả.”

“Chúng tôi biết,” Servaz nói.

“Tôi không hiểu,” anh ta lúng túng. “Nếu thế thì vì sao các vị lại tới đây?”

“Chúng tôi nghi ngờ một trong những bệnh nhân của anh có khả năng ra ngoài, giết con ngựa của Éric Lombard rồi quay trở lại phòng giam,” Ziegler nói.

Mắt viên bác sĩ nheo lại. “Cô không đùa đấy chứ?”

“Tôi cũng nghi thế đấy,” Confiant vội nói, ném ánh mắt khó chịu sang hai điều tra viên. “Nghe hoàn toàn vô lý. Nhưng họ vẫn muốn đảm bảo chắc chắn.”

Servaz cảm thấy như thể mình vừa bị sốc điện. Tay thẩm phán trẻ tuổi không những tự ý báo trước với Xavier, giờ lại còn chỉ trích công việc của họ trước mặt người khác.

“Các anh có nghĩ tới một đối tượng cụ thể nào không?” Xavier hỏi.

“Julian Hirtmann,” Servaz trả lời, không chút nao núng.

Viên bác sĩ tâm thần nhìn anh, nhưng lần này không nói gì cả. Anh ta chỉ nhún vai và quay bước. “Đi theo tôi.”

Lối vào là ba lớp cửa kính trên cùng bậc tam cấp, ngay gần một góc ở phần giao nhau của chữ T.

“Tất cả khách viếng thăm và mọi nhân viên đều đi qua lối này,” Xavier giải thích khi bước lên bậc thang. “Có bốn lối thoát hiểm ở tầng trệt và một ở tầng hầm, hai cái đặt bên hông cuối hai hành lang trung tâm, một ở cạnh bếp, một cái nữa bên tòa nhà phụ, phía sau phòng tập gym,” anh ta nói và chỉ về phía thanh nhỏ hơn của chữ T. “Nhưng chúng tuyệt đối không thể mở ra từ bên ngoài, và cần một chìa khóa đặc biệt mới mở được từ bên trong. Chúng có chức năng mở khóa tự động, tuy nhiên, chỉ khi có cháy lớn. Đó là trường hợp duy nhất.”

“Ai giữ những chiếc chìa khóa này?” Servaz hỏi.

“Khoảng hai mươi người,” Xavier nói khi đi qua những cánh cửa kính. “Các trưởng nhóm chăm sóc, ba giám sát viên ở tầng trệt, y tá

trưởng, bếp trưởng, và tôi... Nhưng trong mọi tình huống, nếu một trong những cánh cửa đó bị mở, nó sẽ ngay lập tức kích hoạt chuông báo động trong phòng điều khiển.”

“Chúng tôi cần danh sách những người giữ chìa khóa,” Ziegler nói.

“Có người trực thường xuyên trong phòng điều khiển không?” Servaz hỏi.

“Có. Anh sẽ thấy, phòng ở ngay đây thôi.”

Họ vừa đi vào một tiền sảnh rộng lớn. Phía bên phải là một nơi giống phòng chờ, với những chậu cây xanh và dây ghế nhựa cố định vào một thanh ngang. Đối diện là một phòng kính hình bán nguyệt, loại hay thấy ở ngân hàng hoặc khu vực tiếp tân. Không có ai ở đó. Phía bên trái là một không gian rộng lớn có những bức tường trắng bóng được trang hoàng bằng tranh vẽ. Những khuôn mặt bị hành hạ nhe hàm răng sắc nhọn như dao, những cơ thể méo mó, màu sắc chói mắt. Servaz đoán ra ngay, đây là các tác phẩm nghệ thuật của người bệnh.

Anh chuyển hướng nhìn qua một cánh cửa thép có ô thoáng tròn nhỏ. Phòng điều khiển. Xavier băng qua tiền sảnh để đi vào căn phòng đó. Anh ta lấy ra một trong những chiếc chìa được móc vào sợi xích ở thắt lưng, tra vào ổ và mở cánh cửa bọc thép. Có hai bảo vệ bên trong đang theo dõi mấy chục màn hình. Họ mặc bộ áo liền quần màu cam, cúc chưa đóng kín lộ ra áo thun trắng bên trong. Còng tay và những cái vòng xoắn dày chìa khóa đeo bên thắt lưng kêu xũng xểng chói tai theo mỗi cử động. Có những hộp xịt hơi cay treo trên tường nhưng không có súng.

Những chiếc màn hình chiếu hình ảnh hành lang dài, cầu thang, tiền sảnh, và căng tin. Tất cả đều vắng hoe. Hai người đàn ông hồ hững nhìn vào chúng với biểu cảm trống rỗng hết như hai gã bảo vệ.

“Viện được trang bị bốn mươi tám chiếc camera,” Xavier giải thích. “Bốn mươi hai cái bên trong, sáu cái bên ngoài, và dĩ nhiên toàn bộ đều được đặt ở những vị trí chiến lược.”

Anh ta chỉ vào hai người đàn ông.

“Luôn luôn có ít nhất một người trực đêm. Hai người vào ban ngày.”

“Một người mà phải chú ý tới hơn bốn mươi màn hình,” Servaz nhấn mạnh.

“Chúng tôi không chỉ có camera,” Xavier trả lời. “Cơ sở này được chia thành vài khu vực riêng biệt, mỗi khu có cấp độ an ninh khác nhau tùy thuộc mức độ nguy hiểm của các bệnh nhân ở đó. Nếu phát hiện xâm nhập trái phép từ khu vực này sang khu vực khác, hệ thống báo động sẽ tự động kích hoạt.”

Anh ta chỉ vào một hàng đèn nhỏ màu đỏ phía trên những chiếc màn hình.

“Các biện pháp sinh trắc thích hợp cũng được áp dụng tương ứng với mỗi cấp độ an ninh. Để tiếp cận Khu A là khu điều trị những bệnh nhân nguy hiểm nhất, bắt buộc phải đi qua một cửa an ninh kèp được canh gác 24/24.”

“Có phải tất cả các nhân viên đều được đi vào Khu A không?” Ziegler hỏi.

“Đương nhiên không. Chỉ có nhóm điều trị phụ trách Khu A cùng với y tá trưởng, hai bảo vệ ở tầng năm, bác sĩ điều trị, giáo sĩ, và tôi. Và mới đây có thêm một bác sĩ tâm lý ở Thụy Sĩ sang.”

“Chúng tôi cũng cần danh sách những người đó,” Ziegler nói. “Cùng với mô tả công việc của từng người và các kỹ năng tương ứng.”

“Tất cả đều lưu trong máy tính chứ?” Servaz hỏi.

“Phải.”

“Ai là người cài đặt hệ thống máy tính?”

“Một công ty bảo vệ tư nhân.”

“Và ai bảo trì hệ thống?”

“Cũng công ty đó.”

“Anh có sơ đồ ở đây không?”

Tay bác sĩ tâm thần có vẻ bối rối. “Sơ đồ gì?”

“Sơ đồ lắp đặt, dây cáp, các thiết bị sinh trắc... của tòa nhà.”

“Chắc là ở chỗ công ty bảo vệ đó.”

“Chúng tôi cần cả địa chỉ, tên doanh nghiệp và số điện thoại của họ.

Họ có cử người đến kiểm tra thiết bị định kì không?”

“Họ kiểm tra mọi thứ từ xa. Nếu có gì hỏng hóc hay trục trặc, máy tính của họ sẽ ngay lập tức nhận được thông báo.”

“Anh không nghĩ như thế khá nguy hiểm sao? Các khóa an ninh có thể bị kiểm soát từ bên ngoài.”

Xavier cau mày. “Bọn họ không có khả năng mở chốt cửa. Hay vô hiệu hóa hệ thống an ninh. Tất cả những gì họ có thể làm là quan sát tình hình đang diễn ra, và kiểm tra xem mọi thứ có hoạt động chính xác hay không.”

“Những người bảo vệ thì sao?” Servaz nhìn hai người đàn ông. “Bọn họ có phải người của công ty đó không?”

“Phải,” Xavier nói và rời khỏi phòng điều khiển. “Nhưng bọn họ không được phép can thiệp trong trường hợp có bất cứ bệnh nhân nào lên cơn, vì đó là công việc của các hộ lý. Như các anh biết đấy, xu hướng ‘thuê ngoài’ giờ phổ biến ở khắp nơi, như các bộ ngành trong chính phủ vẫn nói.”

Anh ta dừng lại giữa sảnh nhìn họ.

“Như tất cả những nơi khác, chúng tôi tận dụng các thứ có sẵn, và dường như càng ngày càng ít đi. Trong hai mươi năm qua, mỗi bộ máy kế nhiệm của đất nước này lại kín đáo xóa sổ hơn 50.000 giường bệnh tại các cơ sở tâm thần, cắt giảm hàng nghìn công ăn việc làm. Thế nhưng cứ trông mà xem, dưới danh nghĩa của nhu cầu cấp bách về kinh tế và thị trường tự do, áp lực mà con người phải chịu đựng chưa bao giờ lớn đến thế. Những người điên, loạn tinh thần, hoang tưởng, tâm thần phân liệt đang lang thang ngoài kia nhiều hơn bao giờ hết.”

Anh ta tiến về phía một hành lang dài ở cuối sảnh. Xem ra nó chạy suốt chiều dài của tòa nhà, nhưng thỉnh thoảng họ lại đi qua một cánh cổng kim loại mà Servaz chắc chắn sẽ được khóa lại khi đêm xuống. Anh còn thấy cả những cánh cửa gắn biển đồng đề tên các cán bộ, có một chiếc ghi tên Xavier, và một cái đề: Elisabeth Ferney, y tá trưởng.

“Nhưng dù sao, tôi nghĩ rằng có thể xem như chúng tôi may mắn,” Xavier nói thêm khi dẫn họ qua một cánh cửa kim loại khác. “Để bù đắp

cho tình trạng thiếu người, chúng tôi may mắn được trang bị hệ thống an ninh và giám sát hiện đại bậc nhất. Hơn hẳn những nơi khác. Ở Pháp, khi cấp trên muốn che đậy việc thiếu thôn ngân sách và lực lượng lao động bị cắt giảm, họ nghĩ ra những khái niệm phi lý nhất, thuần túy chỉ là trò chơi chữ, như ai đó đã chỉ ra gần đây, kiểu như ‘tiến bộ chất lượng’, hay ‘các dự án thực hiện thường niên’, hay ‘chẩn đoán điều dưỡng’. Anh biết chẩn đoán điều dưỡng là gì không? Nó cho phép y tá nghĩ rằng họ có khả năng đưa ra chẩn đoán thay cho bác sĩ, và rõ ràng điều đó đồng nghĩa với việc cắt giảm một số lượng lớn các bác sĩ. Đơn cử như, một trong các đồng nghiệp của tôi đã chứng kiến y tá đưa một bệnh nhân vào khoa tâm thần sau khi cho rằng anh ta mắc chứng ‘hoang tưởng nguy hiểm’, chỉ bởi anh ta rất cáu kỉnh, công khai xung đột với ông chủ của mình, đồng thời đe dọa sẽ kiện ông này ra tòa! May cho người đàn ông khốn khổ ấy là đồng nghiệp của tôi lại tình cờ có mặt đúng lúc, ngay lập tức bác bỏ chẩn đoán kia và cho anh ta về nhà.”

Bác sĩ Xavier dừng lại ngay giữa hành lang và nhìn họ bằng ánh mắt nghiêm nghị đến bất ngờ.

“Chúng ta sống giữa thời đại mà xuyên tạc chính trị và bạo lực thể chế đang tác động lên những đối tượng dễ tổn thương nhất trong xã hội.” Anh ta lo ngại nói. “Các chính phủ hiện thời và tay sai của họ đều đang đồng thời theo đuổi cả hai mục đích: Kiểm soát xã hội và biến con người thành hàng hóa.”

Servaz nhìn viên bác sĩ. Kết luận của chính anh cũng tương tự như vậy. Nhưng anh tự hỏi, nếu trở về thời mà các bác sĩ tâm thần vẫn còn quyền lực, hẳn họ cũng chẳng đời nào tự chặn đường kiếm cơm của mình, nói cách khác là chịu dừng việc tạo ra đủ loại thí nghiệm vốn dựa vào ý tưởng nhất thời nhiều hơn là thực tế khoa học, và thường để lại hậu quả khủng khiếp khi dùng con người làm chuột bạch.

Đi thêm một đoạn, Servaz nhận thấy có thêm hai nhân viên bảo vệ cũng mặc quần áo màu cam đang ở trong một phòng kính khác. Bên phải là căng tin mà họ vừa xem qua trên màn hình.

“Căng tin cho nhân viên,” Xavier giải thích.

Những ô cửa sổ cao rộng trông ra cảnh quan ngập tuyết, tường được sơn bằng những gam màu âm áp. Một đám người đang ngồi tán gẫu và uống cà phê. Họ đi vào một căn phòng có trần cao và tường màu đỏ hồng như thịt cá hồi, trang trí bằng những bức ảnh phong cảnh lớn. Ghế bành rẻ tiền nhưng thoải mái được đặt rải rác, tạo ra một nơi nướng nấu yên tĩnh và ấm cúng.

“Đây là phòng thăm bệnh,” bác sĩ tâm thần nói. “Nơi gia đình bệnh nhân có thể nói chuyện riêng với người thân đang cư trú tại Viện. Đương nhiên, chỗ này chỉ dành cho những bệnh nhân ít nguy hiểm nhất, số lượng cũng không nhiều. Có một camera giám sát toàn thời gian, và các hộ lý luôn trực bên cạnh.”

“Còn những người khác thì sao?” Propp mở lời.

Xavier cẩn trọng nhìn tay bác sĩ tâm lý.

“Đa số bọn họ không bao giờ có người tới thăm,” anh ta đáp. “Đây không phải là một bệnh viện tâm thần hay nhà tù bình thường. Đây là cơ sở thí điểm đặc biệt ở châu Âu. Chúng tôi có bệnh nhân đến từ khắp mọi nơi. Tất cả bệnh nhân đều là những đối tượng cực kì tàn bạo, ngược đãi, cưỡng hiếp, tra tấn, giết người. Gây ra tội ác với người thân hoặc người lạ. Tất cả đều tái phạm. Tất cả đều bất định và nguy hiểm. Ở đây, chúng tôi có những kẻ nguy hiểm nhất trong những kẻ nguy hiểm,” Xavier nở một nụ cười kì dị. “Chẳng mấy ai buồn nhớ tới sự tồn tại của những bệnh nhân này. Có lẽ đó là lý do tại sao Viện lại đặt ở một nơi biệt lập như vậy. Chúng tôi là gia đình cuối cùng của họ.”

Servaz thấy câu cuối cùng có phần cường điệu quá mức, cũng giống như mọi thứ khác ở Xavier.

“Có bao nhiêu tầng an ninh tất cả?”

“Ba. Thấp, trung bình và cao. Phụ thuộc vào mức độ nguy hiểm của bệnh nhân. Nó không chỉ quyết định cường độ và hiệu suất của hệ thống an ninh, số lượng bảo vệ, mà còn cả tính chất của việc điều trị cùng mối quan hệ thích hợp giữa các nhóm chăm sóc và bệnh nhân.”

“Ai quyết định mức độ nguy hiểm của một bệnh nhân mới?”

“Các nhóm của chúng tôi. Chúng tôi kết hợp phỏng vấn lâm sàng,

bằng câu hỏi trắc nghiệm và hồ sơ vụ án từ các đồng nghiệp, với một phương pháp đánh giá mới mang tính cách mạng tiếp thu từ đất nước của tôi. Trên thực tế, chúng tôi có một bệnh nhân mới đang được đánh giá ngay lúc này. Theo tôi.”

Anh ta dẫn họ đến một cầu thang với từng bậc lớn bằng bê tông tách rời nhau, có cảm giác rung lên theo mỗi bước chân đi. Đến tầng đầu tiên, họ thấy mình đang đứng bên ngoài một cánh cửa được gia cố bằng lưới kim loại chắc chắn.

Lần này, bên cạnh việc đánh mật mã lên một bàn phím nhỏ, Xavier còn phải đặt bàn tay lên bộ cảm biến nhận diện sinh trắc.

Một tấm biển trên cánh cửa cho họ biết: KHU VỰC C. MỨC ĐỘ NGUY HIỂM THẤP, CHỈ DÀNH CHO CÁN BỘ CẤP C, B VÀ A.

“Đây có phải lối vào duy nhất của khu vực này không?” Ziegler hỏi.

“Không, còn một cửa an ninh thứ hai nữa ở cuối hành lang cho phép đi từ khu vực này tới khu vực kế tiếp, khu vực an ninh tầng trung, dành riêng cho các cán bộ có quyền hạn đối với cấp B và A.”

Anh ta dẫn họ đi dọc theo một hành lang nữa rồi dừng lại trước một cánh cửa đề ‘Đánh giá’ và mở nó ra. Xavier đứng tránh sang một bên cho đoàn người đi qua.

Căn phòng không có cửa sổ, hẹp đến nỗi họ phải đứng nép vào nhau. Hai người đang ngồi trước một màn hình máy tính, một nam một nữ. Màn hình hiện lên hình ảnh từ một camera quan sát và một loạt cửa sổ trình duyệt thể hiện các biểu đồ với chỉ số đang thay đổi. Camera đang quay một người đàn ông còn khá trẻ, đang ngồi trên chiếc ghế đầu trong một căn phòng không có cửa sổ, không lớn hơn gian buồng để đồ quét dọn là bao. Servaz thấy gã đó đang đeo một bộ kính thực tế ảo. Anh hướng ánh nhìn xuống dưới, khẽ rùng mình. Quần gã bị kéo tụt xuống đùi, một cái ống kì lạ nối với dây điện được quấn quanh dương vật của gã.

“Phương pháp đánh giá lệch lạc tình dục mới này dựa vào chương trình thực tế ảo, sử dụng một hệ thống quan sát vận động nhân cầu và ghi thể tích dương vật,” bác sĩ tâm thần giải thích. “Đây là thiết bị gắn

vào cơ quan sinh dục, như các vị có thể thấy. Nó cho phép chúng tôi đo tỉ lệ sinh lý ở trạng thái hưng phấn khi phản ứng trước các yếu tố kích thích khác nhau. Nói cách khác, đó là sự cương cứng của bệnh nhân. Kết hợp với phản ứng cương cứng, các phản ứng vận động nhãn cầu của bệnh nhân cũng được đo lường với sự hỗ trợ của một thiết bị theo dõi hồng ngoại, có tác dụng xác định khoảng thời gian anh ta quan sát các hình ảnh trong kính thực tế ảo, cũng như chính xác một điểm mà anh ta tập trung sự chú ý trong mỗi cảnh.”

Viên bác sĩ tâm thần cúi xuống và chỉ vào một trong số những cửa sổ trên màn hình. Servaz thấy những đường đủ màu sắc lên xuống. Bên dưới mỗi đường là từng loại kích thích được biểu thị, ‘nam trưởng thành’, ‘nữ trưởng thành’, ‘trẻ em’, vân... vân...

“Kích thích được truyền qua kính thực tế ảo sẽ thay đổi hình ảnh từ một người nam trưởng thành sang một người nữ trưởng thành, một bé gái 9 tuổi, tới một bé trai 9 tuổi, và cuối cùng là một nhân vật giả định vô tính. Mỗi phim ngắn kéo dài ba phút. Mỗi lần, chúng tôi đều đo phản ứng của mắt và cơ thể.” Anh ta đứng thẳng lên. “Phải nói rằng đa số đối tượng của chúng tôi là những người lạm dụng tình dục. Chúng tôi có tổng cộng 88 giường bệnh, 53 ở Khu C, 28 ở Khu B và 7 ở Khu A.”

Servaz dựa vào tường. Anh đang vã mồ hôi, từng cơn rùng mình lan khắp cơ thể. Cổ họng anh nóng cháy. Nhưng khủng khiếp hơn cả hình ảnh gã đàn ông đang ngồi ở tư thế vừa nhục nhã vừa siêu thực, trong lúc người ta cố tình khơi ra những huyền tưởng lệch lạc trong trí óc gã, bằng cách đó tra tấn thể xác gã, chỉ với mục đích thuận tiện cho việc kiểm tra.

“Có bao nhiêu bệnh nhân ở đây từng giết người?” Anh hỏi bằng giọng run run.

Xavier nghiệt ngã nhìn anh, “Ba mươi lăm. Toàn bộ nhóm bệnh nhân ở khu vực B và A.”

Diane nhìn họ băng qua tiền sảnh rộng lớn đi vào hành lang dẫn tới cầu thang dành cho cán bộ. Ba người đàn ông và một phụ nữ. Xavier

đang nói chuyện với họ, nhưng trông khá căng thẳng và phòng thủ. Người đàn ông và người phụ nữ đi hai bên dòn dập đặt câu hỏi. Cô đợi đến khi họ đi khuất mới rón rén bước ra cửa kính. Một chiếc 4x4 đang đỗ ngoài trời cách đó khoảng hơn chục mét. Trên cửa xe in dòng chữ SEN ĐÀM.

Diane nhớ lại cuộc trò chuyện giữa cô và Alex về ông dược sĩ bị sát hại. Có vẻ cảnh sát đã liên hệ vụ đó với Viện. Rồi một suy nghĩ khác nảy ra trong đầu cô. Lỗ thông gió trong văn phòng, cuộc hội thoại cô tình cờ nghe được giữa Lisa và Xavier. Và vụ việc kì lạ về con ngựa. Lisa Ferney từng nhắc đến khả năng cảnh sát sẽ gọi tới. Lẽ nào có sự liên quan giữa hai vụ việc? Cảnh sát chắc hẳn cũng đang băn khoăn về điều này. Cô lại nghĩ ngợi về cái lỗ thông gió.

Cô quay người khỏi cửa kính và vội vã băng qua tiền sảnh.

“Anh có thuốc cảm không?”

Tay bác sĩ tâm thần lại chăm chăm nhìn Servaz, rồi mở ngăn kéo bàn. “Dĩ nhiên.”

Anh ta đưa cho anh một cái lọ màu vàng. “Đây, anh uống đi, paracetamol và ephedrine. Tác dụng khá tốt đấy. Trông anh xanh lắm. Anh muốn tôi gọi bác sĩ cho anh không?”

“Không, cảm ơn, tôi sẽ ổn thôi.”

Xavier đi tới một chiếc tủ lạnh nhỏ ở góc phòng và trở lại với chai nước suối và một cái cốc. Văn phòng của anh ta trông khiêm tốn, với dãy tủ kim loại đựng tài liệu, một tủ lạnh đựng đồ uống, một giá sách nhỏ đầy những tựa sách chuyên ngành, vài chậu cây trên bậu cửa sổ, và một cái bàn trống, không có gì ngoài điện thoại, máy tính và đèn.

“Uống mỗi lần một viên. Trong tôi đã bốn ngày. Anh có thể cảm luôn cả lọ.”

“Cảm ơn.”

Trong khoảnh khắc, Servaz thân thờ ngấm viên thuốc tan ra trong cốc nước. Cơn đau đầu như thể đang khoan vào hộp sọ phía sau mắt

anh. Nước lạnh khiến cổ họng anh thoải mái. Người anh ướt đầm mồ hôi, áo sơ mi bên trong dán chặt vào lưng anh. Chắc hẳn anh đang bị sốt. Cũng là cảm lạnh, nhưng là một cơn lạnh từ bên trong. Điều hòa nhiệt độ ở cạnh cửa chỉ 23°C. Một lần nữa, anh như thấy lại hình ảnh trên màn hình máy tính. Tên hiệp dân bị cưỡng hiếp lại bởi máy móc, thiết bị đo, các dụng cụ điện tử. Anh lại cảm thấy dịch mật đắng nghét đang dâng lên trong cổ họng.

“Chúng tôi sẽ tới thăm Khu A,” anh nói, sau khi bỏ cốc nước xuống.

Anh những muốn giọng mình nghe cứng cõi rõ ràng, nhưng cơn bồng rạt trong cổ đã biến nó thành tiếng khàn khàn rin rít. Đối diện anh, biểu cảm linh lợi hài hước của tay bác sĩ tâm thần bỗng chốc trở nên cáu kỉnh. Servaz liên tưởng đến một đám mây lướt qua mặt trời và biến phong cảnh tươi mới thành thứ gì đó quỷ quyệt, u ám.

“Việc đó có thực sự cần thiết không?” Xavier dè dặt nhưng khẩn thiết nhìn sang tay thẩm phán đang ngồi phía bên trái hai điều tra viên.

“Phải,” Confiant ngay lập tức nói, quay về phía họ. “Chúng ta có thực sự cần phải...”

“Tôi tin là có,” Servaz cắt ngang. “Để tôi nói với các anh một điều mà chỉ chúng ta biết với nhau thôi nhé.” Anh ngả người về phía Xavier. “Nhưng có lẽ anh đã biết rồi.”

Anh quay sang tay thẩm phán trẻ. Trong khoảnh khắc ngắn ngủi, hai người đàn ông đánh giá nhau trong im lặng. Servaz chuyển ánh nhìn sang Ziegler và anh có thể đọc rõ ràng thông điệp trong ánh mắt cô: Đừng gây căng thẳng.

“Anh đang nói về cái gì vậy?” Xavier hỏi.

Servaz hắng giọng. Liều thuốc sẽ không có tác dụng ngay trong vài phút. Hai thái dương của anh như bị ép bằng một cái kẹp. “Chúng tôi tìm thấy DNA của một trong những bệnh nhân của anh... ở nơi con ngựa nhà Lombard bị giết. Trên đỉnh cáp treo. DNA của Julian Hirtmann.”

Xavier trợn mắt. “Lạy Chúa! Điều đó là không thể!”

“Anh hiểu điều này nghĩa là gì không?”

Xavier quã trĩ nhĩn Confiant và cúĩ đầu xuông. Sự kinh ngạc của anh ta không phải giả tạo. Anh ta không hề biết.

“Điều này nghĩa là,” Servaz kiên quyết tiếp tục, “có hai khả năng. Một là bản thân Hirtmann ở trên nhà máy vào đêm hôm ấy. Hai là ai đó tiếp cận đủ gần để lấy nước bọt của hãn và đem lên. Như vậy là dù có phải Hirtmann hay không, thì cũng có người trong cơ sở này dính líu tới sự việc, bác sĩ Xavier ạ.”

“Lạy Chúa, đây là một cơn ác mộng,” tay bác sĩ tâm thần nhỏ thó nhìn họ bằng ánh mắt tuyệt vọng. “Người tiền nhiệm của tôi, bác sĩ Wargnier, đã đấu tranh rất nhiều để thành lập nơi đây. Có không ít người phản đối dự án. Và hiện tại họ vẫn chưa buông bỏ, chỉ là đang đợi thời cơ để tiếp tục chống phá. Nhiều người cho rằng, lũ tội phạm này nên ở trong tù. Và có những người chưa bao giờ chấp nhận sự có mặt của họ trong thung lũng. Nếu tin này truyền ra ngoài, sự tồn tại của Viện sẽ bị đe dọa nghiêm trọng.”

Xavier tháo cặp kính đỏ, rút trong túi ra một mảnh vải nhỏ và bắt đầu run rẩy lau hai mắt kính.

“Những người sa chân vào đây đều không còn chỗ nào khác để đi. Nơi đây là chốn trú ẩn sau cuối của họ. Nếu không có chúng tôi, họ sẽ lâm vào đường cùng. Các bệnh viện tâm thần truyền thống hay nhà tù bình thường sẽ không chứa chấp họ. Chỉ có năm cơ sở dành cho bệnh nhân tâm thần ở Pháp, và Viện là cơ sở duy nhất phù hợp với những bệnh nhân này. Mỗi năm chúng tôi tiếp nhận hàng chục yêu cầu nhập viện. Từ những kẻ tội đồ đã bị phán quyết là thành phần phản xã hội, cho đến những phạm nhân bị rối loạn nhân cách nghiêm trọng đến mức không thể giam giữ trong tù, hay những tên tâm thần quá nguy hiểm để có thể trị liệu tại các bệnh viện truyền thống. Ngay cả những viện tâm thần khác cũng gửi yêu cầu tới chúng tôi. Các đối tượng đó sẽ đi đâu nếu chúng tôi đóng cửa?”

Những ngón tay anh ta đang xoáy tròn trên mắt kính nhanh hơn bao giờ hết.

“Như tôi đã nói, phải hơn ba mươi năm trở lại đây, lấy danh nghĩa đáp ứng các giá trị tư tưởng, khả năng sinh lời, và ưu tiên ngân sách, hệ thống chăm sóc tâm thần ở đất nước này đã bị tàn phá. Viện Wargnier

ngôn của chính phủ một khoản lớn. Tất nhiên, không giống các cơ sở điều trị tâm thần bình thường khác, nơi đây là một phần của thực nghiệm ở cấp độ châu lục, được Liên minh châu Âu tài trợ một phần. Nhưng chỉ một phần thôi. Ở Brussels có khá nhiều người bi quan về thực nghiệm này.”

“Chúng tôi không có ý định để lộ thông tin ra ngoài,” Servaz nói.

Xavier nhìn anh, vẻ nghi ngờ. “Sớm muộn gì tin đồn cũng sẽ lọt ra thôi. Làm sao các vị có thể tiến hành điều tra trong bí mật tuyệt đối được?”

Servaz biết rằng anh ta nói đúng.

“Chỉ có một giải pháp,” Confiant nói. “Chúng ta phải giải quyết triệt để càng sớm càng tốt nếu muốn đảm bảo truyền thông không nắm được thông tin và bắt đầu điên cuồng truyền bá chúng. Nếu tìm ra được kẻ nào trong số nhân viên của anh dính líu tới việc này trước khi thông tin về DNA tới tai giới truyền thông, chí ít chúng ta có thể chứng minh rằng chưa có bệnh nhân nào đủ khả năng trốn thoát khỏi đây.”

Xavier gật đầu đồng ý.

“Tôi cũng sẽ tự tiến hành điều tra,” anh ta nói. “Và tôi sẽ cố gắng hết sức để giúp đỡ các anh.”

“Vậy chúng tôi có thể xem qua Khu A được không?” Servaz nói.

Xavier đứng bật dậy. “Tôi sẽ đưa các anh đến đó.”

Diane đang ngồi trước bàn làm việc của mình. Bất động. Nín thở.

Cô nghe được từng tiếng động, từng lời nói, rõ ràng như thể họ đang trò chuyện trong chính văn phòng của cô vậy. Ví dụ như giọng nói của người cảnh sát, vừa mệt mỏi, vừa trĩu nặng áp lực. Anh ta đang đối phó với vụ việc này, liệu chuyện ấy còn kéo dài bao lâu nữa? Từng lời anh ta nói đã khắc sâu vào tâm trí Diane. Cô không theo dõi vụ việc về con ngựa chết, nhưng hoàn toàn hiểu được rằng họ đã tìm thấy DNA của Hirtmann ở hiện trường vụ án. Và cảnh sát nghi ngờ ai đó trong Viện dính líu tới việc này.

Một con ngựa chết... Một dược sĩ bị giết... Viện bị tình nghi...

Cô thấy sợ, nhưng đồng thời, lòng hiếu kì khó kiềm chế cũng đang dần dần hình thành. Kí ức về cái bóng lướt qua cửa phòng cô hồi đêm quay trở lại. Thời sinh viên, Diane từng tình cờ nghe trộm được một gã đàn ông dọa dẫm, đe nẹt cô gái ở phòng kế bên. Gã đến liên tục vài đêm liền, ngay khi Diane chuẩn bị chìm vào giấc ngủ. Lần nào cô cũng nghe thấy cùng một lời đe dọa, cùng một tông giọng khe khẽ, găm gù, rằng gã sẽ giết cô gái kia, cắt xẻo cô ta, biến cuộc đời cô ta thành địa ngục, rồi cánh cửa đóng sầm lại và tiếng bước chân nhỏ dần trên hành lang. Tất cả những gì còn lại là tiếng thốn thức nghẹn ngào của cô gái phòng bên, như tiếng vọng buồn của hàng nghìn nỗi cô đơn, hàng nghìn mối sầu đau khác đang bị khóa chặt trong sự im lặng của thành phố.

Cô không biết người đàn ông đó là ai, cô không nhận ra giọng gã, cũng như không thực sự quen biết cô gái phòng bên. Thỉnh thoảng gặp nhau ở hành lang, họ chỉ buông mấy lời chào, chúc ngủ ngon hay tán gẫu xã giao. Diane được biết tên cô gái là Ottilie, cô ta đang học thạc sĩ ngành kinh tế. Người ta từng bắt gặp cô đi cùng một sinh viên râu ria, đeo kính, nhưng hầu hết thời gian đều ở một mình. Không bạn bè, không điện thoại của bố mẹ.

Lẽ ra, Diane không nên can dự vào chuyện ấy, vì đó chẳng phải việc của cô. Nhưng một đêm, cô đã không thể kìm lòng được, bèn lén lút đi theo người đàn ông nọ, khi gã rời khỏi phòng cô gái. Cô phát hiện ra gã sống trong một ngôi nhà nhỏ bé xinh đẹp. Qua khung cửa sổ lớn, cô thấy một người phụ nữ. Đúng ra có thể đứng ở đây, nhưng cô lại quyết định theo dõi gã mỗi khi rỗi rãi. Gã làm quản lý siêu thị, có hai đứa con, một 5 tuổi, một 7 tuổi. Gã chơi cá độ ngựa và lén lút mua hàng tại Globus, chuỗi cửa hàng cạnh tranh với siêu thị gã làm quản lý. Diane phát hiện ra gã quen biết cô gái phòng bên vào thời điểm cô ta đi làm thêm ở siêu thị để trả tiền học. Gã khiến cô ta mang thai, rồi dọa dẫm, đe nẹt, bắt cô ta nạo bỏ. Chưa hết, gã còn có một tình nhân khác, cô nhân viên thu ngân trang điểm lòe loẹt, thường chóp chép nhai kẹo cao su và sẫm soi từ đầu xuống chân khách hàng. “Tôi phải lòng nữ hoàng của siêu thị,” như Bruce Springsteen đã hát. Một buổi tối, Diane soạn

thư nặc danh bằng máy tính và nhét nó dưới khe cửa phòng bên. Nội dung thư vồn vẹn là: *Anh ta sẽ không bao giờ bỏ vợ*. Một tháng sau, cô phát hiện ra người hàng xóm của mình đã nạo thai ở tuần thứ mười hai, chỉ vài ngày trước thời hạn phá thai hợp pháp ở Thụy Sĩ.

Giờ đây, Diane lại tự hỏi, phải chăng ước muốn được can thiệp vào cuộc sống người khác của mình là do cô đã lớn lên trong một gia đình nơi sự im lặng, bí mật, và những điều không được phép nói ra lại trở nên quá đỗi bình thường, xuất hiện nhiều hơn cả những khoảnh khắc yêu thương chia sẻ. Cô cũng tự hỏi người bố theo chủ nghĩa Calvin khắc kỷ của cô có bao giờ phản bội mẹ cô không. Còn cô dám chắc về điều ngược lại, rằng trong số những người đàn ông lén lút ghé thăm mẹ cô, một số đã lợi dụng trí tưởng tượng thái quá của bà, tâng bốc những niềm hy vọng vĩnh viễn không thể thỏa mãn của bà.

Diane vật vã không yên trên ghế. Chuyện gì đang xảy ra ở đây? Cô cảm thấy càng lúc càng không thoải mái khi cố gắng chấp nối vài yếu tố mình nắm được. Tội tệ nhất là vụ việc ở Saint-Martin. Một tội ác kinh khủng. Nhưng nghĩ đến chuyện rất có thể vụ việc đó dính dáng tới Viện, cảm giác bất an của cô kể từ khi đến đây lại tăng lên thấy rõ. Cô thấy tiếc vì không có ai để giải bày, chia sẻ những hoài nghi của mình. Bạn thân của cô. Hoặc Pierre.

Rồi cả người cảnh sát đó. Cô không biết gì về anh ta, trừ những biến âm và chất giọng khi anh ta nói. Và một điều gần như chắc chắn, anh ta đang chịu áp lực. Có căng thẳng, lo lắng. Nhưng đồng thời có cả sức mạnh, quyết tâm. Và sự hiếu kì nữa. Một người lý trí và tự tin, cô thấy chính mình trong hình ảnh anh cảnh sát.

“Cho phép tôi giới thiệu Elisabeth Ferney, y tá trưởng của chúng tôi.”

Servaz thấy một phụ nữ cao ráo đang tiến lại phía họ. Gót giày của cô ta đập lộp cộp trên nền gạch lát. Cô ta thả tóc xõa trên vai, dẫu không dài như tóc của Charlène Espérandieu. Cô ta chào họ bằng một cái gật đầu, không nói cũng không cười, và ánh mắt nấn ná lâu hơn mức cần

thiết trên người Irène Ziegler. Servaz thấy cô sen đầm trẻ sụp mắt xuống.

Có một vẻ sống sượng, độc đoán ở Élisabeth Ferney. Servaz nghĩ cô ta ở độ tuổi bốn mươi, mà cũng có thể mới ba lăm hay đã gần năm mươi. Chiếc áo blu lưng thùng và thái độ cay nghiệt khiến anh khó xác định được tuổi tác. Anh nghĩ cô ta là người cực kì mạnh mẽ, với một ý chí thép. Và nếu hung thủ thứ hai là một phụ nữ thì sao? Bỗng dưng anh tự hỏi. Rồi anh giật mình nhận ra mình mới quần trí làm sao. Nếu mọi người đều trở nên đáng nghi, điều đó có nghĩa không ai là nghi phạm cả. Họ không có manh mối nào thỏa đáng.

“Lisa là linh hồn của Viện Wagnier,” Xavier nói. “Cô ấy biết rõ nơi này hơn ai hết, và không có một phương pháp trị liệu hay khía cạnh thực tiễn nào mà cô ấy không quen thuộc. Cô ấy cũng hiểu rõ từng người một trong số tám mươi tám bệnh nhân. Ngay cả các bác sĩ tâm thần cũng phải báo cáo công việc của mình cho Lisa xem xét.”

Gương mặt y tá trưởng vẫn lạnh tanh. Cô ta di chuyển về phía Xavier, và anh ta ngay lập tức ngừng lời để lắng nghe. Cô ta thì thầm gì đó vào tai viên bác sĩ. Servaz tự hỏi liệu có phải người mình vừa được giới thiệu mới thực sự đứng đầu cơ sở này. Xavier trả lời cô ta theo phong thái vốn có, trong khi những người khác im lặng chờ đợi cuộc hội đàm riêng tư của họ kết thúc. Cuối cùng cô ta ưng thuận, gật đầu đáp lễ với các vị khách và rời đi.

“Tiếp tục thôi,” bác sĩ tâm thần nói tiếp.

Khi họ tiến về hướng đối diện, Servaz dừng bước và ngoái lại quan sát Lisa Ferney. Áo blu của cô ta căng chặt trên bờ vai rộng, gót giày cao nện lên gạch lát sàn. Tới cuối hành lang, trước khi biến mất sau góc ngoặt, cô ta cũng ngoái lại và ánh mắt họ gặp nhau. Servaz nghĩ cô ta thoáng mỉm cười.

Xavier nói, “Điều quan trọng là phải tránh mọi thái độ có thể gây ra xung đột.”

Họ đang đứng bên ngoài cánh cửa an ninh cuối cùng dẫn vào Khu A.

Không còn lớp sơn bóng loáng trên những bức tường. Chỉ có đá trần, ánh đèn nê ông nhợt nhạt, sàn nhà bê tông, tạo cảm giác như một pháo đài Trung cổ nếu không có những cánh cửa bọc thép.

Xavier ngẩng đầu về phía chiếc camera bên trên cánh cửa. Một chiếc đèn điện tử hai cực chuyển từ đỏ sang xanh và những then khóa kêu đánh tách bên trong lớp sắt dày. Anh ta kéo mở cánh cửa nặng trĩu và dẫn họ vào một khoảng hẹp giữa hai cánh cửa bọc thép. Họ đợi cánh cửa đầu tiên chậm rãi tự đóng và khóa lại với một tiếng cách. Tới lượt những then khóa của cánh cửa thép thứ hai bật mở, cũng tạo ra từng âm thanh. Giống như bên trong khoang động cơ của một con tàu, mọi thứ chìm trong tối tăm. Nguồn sáng duy nhất đến từ những lỗ cửa sổ hai bên thành tàu. Mùi của kim loại. Xavier trang nghiêm nhìn lần lượt từng người họ. Servaz ngờ rằng đây là mảnh cũ anh ta bày ra mỗi khi có vị khách nào đó đi qua cánh cửa này.

“Chào mừng tới địa ngục,” anh ta tuyên bố cùng một nụ cười.

Một phòng kính. Bên trong có một bảo vệ. Một hành lang ở bên tay trái. Servaz di chuyển về phía trước và nhìn thấy một tiền sảnh màu trắng, những tấm thảm lông cừu màu xanh dương dày dặn, một dãy cửa ra vào cùng những ô cửa sổ nhỏ ở phía bên trái và đèn tường phía bên phải.

Người bảo vệ đặt tờ tạp chí đang đọc xuống và ra khỏi phòng kính. Xavier khách sáo bắt tay anh ta. Trông anh ta như một gã khổng lồ, phải cao hơn 1m90.

“Cho phép tôi được giới thiệu Ngài Atlas*,” Xavier nói. “Những người ở Khu A đã đặt biệt hiệu này cho anh ấy.”

Ngài Atlas cười lớn. Anh ta bắt tay họ. Một cái bắt tay nhẹ như lông hồng, như thể anh ta sợ sẽ làm gãy xương họ.

“Sáng nay bọn họ thế nào?”

“Bình tĩnh,” Ngài Atlas nói. “Sẽ là một ngày tốt lành.”

“Có thể là không,” Xavier nhìn những vị khách.

“Cốt yếu là đừng kích động họ,” Ngài Atlas giải thích, nhắc lại những gì tay bác sĩ tâm thần đã nói. “Giữ khoảng cách. Có một giới hạn các vị

phải tôn trọng. Nếu các vị vượt quá giới hạn, họ có thể cảm thấy bị tấn công và sẽ phản ứng theo hướng tiêu cực.”

“Tôi e rằng các vị ấy đến đây hôm nay để vượt quá giới hạn,” Xavier nói. “Bọn họ là cảnh sát.”

Biểu cảm của Ngài Atlas đanh lại. Anh ta nhún vai và trở lại phòng kính.

“Mời qua đây,” Xavier nói.

Họ đi vào một hành lang, tiếng bước chân bị tấm thảm xanh dày hút lấy. Xavier chỉ vào cánh cửa thứ nhất.

“Andreas, người Đức. Hắn đã giết bố và mẹ trong lúc họ đang ngủ bằng hai phát đạn súng trường. Vì sợ phải sống một mình, hắn chặt đầu họ và tống vào tủ lạnh. Mỗi đêm hắn lại bỏ đầu họ ra để có người xem tivi cùng. Hắn đặt đầu họ lên những người rơm cụt đầu và cho ngồi cùng trên xô pha phòng khách.”

Servaz chăm chú lắng nghe, rùng mình hình dung ra cảnh tượng đó. Anh thoáng nghĩ đến cái đầu Tự Do tìm thấy đằng sau trường luyện ngựa.

“Một hôm, viên bác sĩ của gia đình tới nhà để xem bố mẹ hắn ra sao, do ngạc nhiên là đã lâu họ không đến khám. Andreas đã dùng búa đánh ông ta đến chết, và lại chặt đầu. Hắn nói như vậy không phải rất tuyệt sao, giờ bố mẹ hắn đã có người bầu bạn, viên bác sĩ là một người tốt và giỏi khoản tâm tình. Trong lúc đó cảnh sát bắt đầu xem xét vụ mất tích của viên bác sĩ. Khi họ đến thẩm vấn Andreas và bố mẹ hắn, vì họ là những người có trong danh sách bệnh nhân của ông ta, Andreas để họ vào nhà và nói: ‘Họ ở đây.’ Và thực sự, họ ở đó. Ba cái đầu nằm trong tủ lạnh, đợi đến tối mới được lấy ra.”

“Hấp dẫn thật,” Confiant nói.

Xavier tiếp tục, “Vấn đề là, tại bệnh viện tâm thần nơi hắn bị giam giữ, Andreas đã cố chặt đầu một trong những y tá trực đêm. Người phụ nữ khôn khổ ấy không chết, nhưng cô ta không còn nói năng được trừ phi có máy móc hỗ trợ, chưa kể cả cuộc đời sẽ phải quàng khăn và mặc áo cổ lọ để che đi vết sẹo khủng khiếp mà con dao rọc giấy của Andreas

để lại.”

Bắt gặp ánh mắt của Ziegler, anh thấy cô đang có cùng suy nghĩ với mình. Đây rõ ràng là người có xu hướng thích chặt đầu. Và buồng giam của hắn không xa chỗ Hirtmann. Servaz nhìn qua khung cửa sổ nhỏ. Andreas là một gã khổng lồ phải nặng gần 150 cân, với vòng bụng hơn 100 phân và cỡ giày tầm 46 hoặc 47, cái đầu to tương kệt giữa hai bả vai như thể không có cổ. Mặt hắn sưng sía đáng sợ.

Xavier chỉ vào cánh cửa thứ hai ở phía trước một chút.

“Bác sĩ Jaime Esteban đến với chúng tôi từ Tây Ban Nha. Hắn đã giết ba cặp đôi trong hai mùa hè, ở bên kia biên giới, trong vườn quốc gia Aiguestortes và Ordesay Monte Perdido. Trước đó, hắn là một công dân gương mẫu, một người độc thân nhưng cực kì tôn trọng những phụ nữ tìm đến mình để phẫu thuật. Ở địa phương, hắn là một cố vấn pháp luật và luôn nói lời tử tế với mọi người.”

Anh ta đi tới một ô cửa sổ nhỏ rồi bước sang bên cạnh và ra hiệu cho những người khác lại gần.

“Chúng tôi vẫn không biết tại sao hắn làm thế. Hắn nhắm vào những người leo núi riêng lẻ. Luôn là những cặp đôi, luôn là người trẻ. Đầu tiên, hắn sẽ dùng gậy hoặc đá đập vỡ sọ người nam, cưỡng hiếp và bóp cổ người nữ trước khi ném thi thể bọn họ xuống khe núi. Ồ, và hắn uống máu bọn họ. Giờ hắn nghĩ mình là ma cà rồng. Trong bệnh viện nơi hắn bị giam giữ ở Tây Ban Nha, hắn đã từng cắn cổ hai y tá nam.”

Servaz đi tới cửa sổ. Anh thấy một người đàn ông gầy gò với bộ râu đen được cắt tỉa gọn ghẽ đang ngồi trên giường, mặc bộ áo liền quần ngắn tay màu trắng, tóc chải sáp bóng mượt. Phía trên chiếc giường là một cái tivi đang bật.

“Và giờ, bệnh nhân nổi tiếng nhất của chúng ta,” Xavier tuyên bố, như một nhà sưu tập giới thiệu tác phẩm quý giá nhất của mình.

Anh ta gõ mật mã lên cái hộp an ninh cạnh cửa.

“Chào buổi sáng, Julian,” Xavier nói khi bước vào.

Không có tiếng trả lời. Servaz bước theo anh ta.

Anh ngạc nhiên trước kích cỡ của căn phòng. Nó có vẻ rộng hơn

nhiều so với những phòng giam trước. Còn lại những bức tường và sàn trắng cũng tương tự như vậy. Ở cuối phòng là một cái giường, sát tường đặt chiếc bàn nhỏ cùng hai cái ghế. Hai cánh cửa bên trái trông như thể dẫn tới một phòng tắm hay một cái tủ tường. Khung cửa sổ trông ra dãy núi và đỉnh của một cây lãnh sam đọng tuyết.

Servaz còn ngạc nhiên trước sự sơ sài của căn phòng. Anh thắc mắc đây có phải là chủ ý áp dụng riêng cho tên tù nhân người Thụy Sĩ này không. Căn cứ vào hồ sơ của hắn, Hirtmann là một người đàn ông ham hiểu biết, thông minh, quảng giao. Một độc giả ưu tú đã hấp thu đủ tinh hoa văn hóa khi còn sống cuộc đời tự do và cũng là kẻ sát nhân bí mật. Ở đây không có gì ngoại trừ một bộ đầu đĩa CD trên bàn. Tuy nhiên, khác với các phòng giam trước, đồ đạc không được bọc nhựa hay gắn chặt trên sàn. Như thế họ không coi Hirtmann là mối nguy hiểm với chính bản thân hắn hay với những người khác.

Servaz rùng mình nhận ra giai điệu phát ra từ đầu đĩa CD. *Bản giao hưởng số 4* của Gustav Mahler.

Hirtmann nhìn xuống tờ báo đang đọc. Servaz hơi ngả người tới trước. Anh nhận ra gã đàn ông Thụy Sĩ đã gầy đi so với bức ảnh lưu trong hồ sơ. Da hắn trắng hơn, gàn như trong suốt, tương phản với mái tóc cứng sậm màu được cắt ngắn, thưa thớt vài sợi bạc. Mớ râu đen lâu ngày không cạo đã mọc lún phún, che hết cằm, nhưng vẫn toát lên phong thái gia giáo và lịch thiệp, dù hắn có thể mặc quần áo của một gã lang thang và sống chui rúc dưới một cây cầu ở Paris. Gương mặt hắn toát lên vẻ nghiêm khắc và đôi lông mày nhíu chặt có lẽ đã từng khiến người khác nể sợ ở tòa án. Hắn mặc bộ áo liền quần phanh cổ và chiếc áo thun trắng đã ngả xám vì giặt nhiều lần. Hắn cũng già đi một chút, so với trong ảnh.

“Cho phép tôi giới thiệu sĩ quan chỉ huy Servaz, thẩm phán Confiant, đại úy Ziegler và giáo sư Propp,” Xavier nói.

Trong ánh sáng rọi lại từ ô cửa sổ phía sau, gã đàn ông Thụy Sĩ nhìn lên và lần đầu tiên, Servaz thấy được đôi mắt hắn sáng tới mức nào. Chúng không phản chiếu thế giới bên ngoài, mà đang bùng cháy một ngọn lửa nội tâm. Hiệu ứng đó chỉ kéo dài một giây rồi tan biến và gã

đàn ông Thụy Sĩ một lần nữa lại trở thành vị công tố viên trước đây ở Geneva, tao nhã, lịch sự và tươi cười.

Hắn đẩy ghế ra sau và duỗi khung xương dài đuột của mình. Trông hắn còn cao hơn trong ảnh. Servaz áng chừng cũng phải gần 1m90.

“Xin chào,” hắn nói.

Hắn nhìn vào Servaz. Trong khoảnh khắc, hai người đàn ông quan sát nhau trong im lặng. Rồi Hirtmann có một cử chỉ kì lạ. Hắn đột ngột chìa tay về phía Servaz khiến anh gần như nhảy dựng. Hắn bắt lấy bàn tay viên cảnh sát và lắc mạnh. Servaz rùng mình. Tay Hirtmann lạnh và ướt, như thớ thịt cá, có lẽ do ảnh hưởng của thuốc.

“Mahler,” viên cảnh sát nói, tỏ vẻ điềm tĩnh.

Hirtmann kinh ngạc ra mặt, “Anh cũng thích Mahler?”

“Phải. Bản số 4, chương đầu tiên,” Servaz nói.

“Bedachtig... Nicht eilen... Recht gemachlich...”

“Từ từ, không vội vàng. Thong dong vừa phải,” Servaz dịch lại.

Hirtmann vẫn ngạc nhiên, nhưng đã thêm vui mừng, “Adorno đã so sánh phần này với cụm từ ‘ngày xưa ngày xưa’ của một câu chuyện cổ tích.”

Servaz rơi vào thinh lặng, lắng nghe bản nhạc.

“Mahler đã sáng tác nó trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn,” Hirtmann tiếp tục. “Anh có biết không?”

Chắc chắn là tôi biết.

“Có,” Servaz trả lời.

“Ông ấy đi nghỉ dưỡng. Một kì nghỉ ác mộng, thời tiết tồi tệ...”

“Liên tục bị quấy nhiễu bởi tiếng kèn đồng của ban nhạc trong làng.”

Hirtmann cười, “Quả là một hình ảnh đầy tượng trưng, không phải sao? Một thiên tài âm nhạc bị một ban nhạc kèn đồng trong làng làm phiền.”

Giọng hắn sâu lắng và kiên định. Rất êm tai. Giọng nói của một diễn viên, một nhà hùng biện. Có một nét nữ tính trên gương mặt hắn, đặc biệt là khuôn miệng rộng và mỏng, cả đôi mắt nữa. Nhưng ngược lại,

hắn sở hữu cái mũi to dày và một vầng trán cao.

Xavier đi tới chỗ cửa sổ và nói tiếp, “Như anh thấy đây không thể trốn khỏi đây, trừ khi anh là Superman. Cửa sổ gắn khung thép cách mặt đất 14 mét.”

“Ai biết mật mã mở khóa cửa?” Ziegler hỏi.

“Ừm, tôi, Élisabeth Ferney, và người bảo vệ khu A.”

“Có nhiều người đến thăm anh ta không?”

“Julian?” Xavier quay sang tên tù nhân người Thụy Sĩ.

“Vâng?”

“Anh có nhiều người viếng thăm không?”

Hirtmann cười. “Có anh, thưa bác sĩ, và quý cô Ferney, Ngài Atlas, gã thợ cắt tóc, giáo sĩ, đội trị liệu, bác sĩ Lepage...”

“Ông ta là bác sĩ chỉ đạo chuyên môn,” Xavier giải thích.

“Anh ta có bao giờ rời khỏi phòng không?”

“Cứ sáu tháng một lần anh ta lại rời khỏi phòng. Để chữa sâu răng. Chúng tôi nhờ cậy một nha sĩ ở Saint-Martin lên đây vì đã có đầy đủ trang thiết bị cần thiết để khám chữa tại chỗ.”

“Còn hai cánh cửa kia?” Ziegler hỏi.

Xavier mở chúng ra. Một tủ quần áo với vài chòng đồ lót cùng một dây mắc treo áo liền quần màu trắng. Một phòng tắm nhỏ không có cửa sổ.

Servaz kín đáo quan sát Hirtmann. Ở hắn toát ra sức lôi cuốn không thể phủ nhận. Anh chưa từng gặp ai ít giống một tên giết người hàng loạt đến thế. Hirtmann vẫn hết như người đàn ông trong quá khứ khi còn tự do. Một công tố viên không nhượng bộ, một người đàn ông có phong thái lịch thiệp, biết tận hưởng cuộc sống, có thể thấy điều đó ở đôi môi và cái cằm của hắn. Thứ duy nhất có vẻ không mấy phù hợp là ánh mắt hắn. Tối. Chòng chọc. Đôi tròng đen lách phát ra thứ ánh sáng tinh nhạy, mi mắt nhỏ nhưng không hấp háy. Ánh nhìn như một khẩu súng phóng điện. Servaz đã từng gặp những tên tội phạm có ánh mắt như vậy. Nhưng anh chưa bao giờ có cảm giác này, cảm giác mình đang

đứng trước một nhân cách vừa sáng chói lại vừa mơ hồ. Nếu là ngày xưa, có lẽ một người như Hirtmann đã bị hỏa thiêu vì tội dùng yêu thuật. Còn ngày nay, hắn được đem ra nghiên cứu, người ta tìm cách để hiểu hắn. Nhưng Servaz đủ kinh nghiệm để biết cái ác không cách nào đong đếm được, hay có thể quy về một nguyên lý khoa học, một học thuyết tâm lý, hay một nguyên nhân sinh học. Những người tự nhận mình có tư tưởng cách tân cho rằng cái ác không tồn tại, họ coi đó là một dạng mê tín dị đoan, một niềm tin cảm tính dành cho những tinh thần yếu đuối. Nhưng đó chỉ đơn giản bởi họ chưa bao giờ bị hành hạ đến chết trong ngục, chưa bao giờ xem các đoạn phim trên Internet về những đứa trẻ bị cưỡng hiếp, chưa bao giờ bị bắt cóc, chưa bị đánh đập, bị ép phải dùng ma túy, hay cùng lúc bị hàng chục người đàn ông cưỡng hiếp trong hàng tuần liền trước khi được thả, lang thang trên vỉa hè của những thành phố lớn tại châu Âu, hay bị tẩy não thành những kẻ tự làm mình phát nổ giữa đám đông. Và họ chưa bao giờ nghe tiếng mẹ mình la hét ở bên kia cánh cửa, khi mới 10 tuổi...

Servaz cô thoát khỏi dòng suy tưởng. Tóc gáy anh dựng ngược khi nhận ra Hirtmann đang quan sát mình.

“Anh có thích chỗ này không?” Propp hỏi.

“Tôi nghĩ là có. Người ta đối xử tốt với tôi.”

“Nhưng theo lẽ tự nhiên, anh sẽ muốn ở ngoài hơn chứ?”

Rõ ràng nụ cười của Hirtmann có ý mỉa mai.

“Đó là một câu hỏi lạ lùng,” hắn trả lời.

“Phải, rất lạ lùng,” Propp đồng ý. “Anh không phiền nếu chúng ta nói một chút về việc đó chứ?”

“Tôi không phản đối,” Hirtmann lặng lẽ trả lời, mắt nhìn ra cửa sổ.

“Anh làm những gì trong ngày?”

“Còn anh?” Hắn nháy mắt khi quay đầu lại.

“Anh vẫn chưa trả lời câu hỏi của tôi.”

“Tôi đọc báo, nghe nhạc, tán gẫu với các cán bộ, tôi nhìn phong cảnh, tôi ngủ, tôi mơ...”

“Anh mơ về cái gì?”

“Người ta hay mơ về cái gì?” Gã tù nhân Thụy Sĩ nhắc lại, như thể đó là một câu hỏi triết học.

Trong hơn mười lăm phút, Servaz lắng nghe Propp dồn dập đặt câu hỏi cho Hirtmann. Hắn trả lời hoàn toàn bộc phát, thản nhiên và luôn mỉm cười. Cuối cùng, Propp cảm ơn hắn và Hirtmann nghiêng đầu như muốn nói, “Không có gì.” Đến lượt Confiant. Hiển nhiên, cậu ta đã chuẩn bị trước câu hỏi. Vị thẩm phán trẻ đã làm bài tập về nhà, Servaz nghĩ, nhưng anh thích những phương pháp tự nhiên hơn. Anh gần như không nghe cuộc đối thoại tiếp theo đó.

“Anh đã biết chuyện xảy ra bên ngoài chưa?”

“Tôi có đọc trên báo.”

“Và anh nghĩ sao?”

“Ý cậu là gì?”

“Anh có nghĩ được người nào có thể gây ra một việc như thế không?”

“Cậu đang ám chỉ... rằng đó có thể là một người như tôi?”

“Đó có phải là những gì anh nghĩ không?”

“Không, đó là những gì cậu nghĩ.”

“Thế anh nghĩ sao về việc đó?”

“Tôi không biết. Tôi chẳng nghĩ gì cả. Có thể là ai đó ở đây...”

“Điều gì khiến anh nói như vậy?”

“Có hàng tá người làm được việc tương tự, không phải sao?”

“Những người như anh?”

“Những người như tôi.”

“Và anh nghĩ rằng ai đó đã ra khỏi đây và gây án?”

“Tôi không biết. Cậu nghĩ sao?”

“Anh có biết Eric Lombard không?”

“Anh ta là chủ của con ngựa bị giết.”

“Và Grimm, ông được sĩ?”

“Tôi hiểu.”

“Anh hiểu cái gì?”

“Các cậu tìm thấy ở hiện trường thứ gì đó liên quan đến tôi.”

“Điều gì khiến anh nói như vậy?”

“Là gì nhỉ? Một thông điệp kiểu như ‘Tôi là người đã giết ông ta’, kí tên Julian Alois Hirtmann chẳng?”

“Theo anh thì tại sao lại có kẻ muốn đổ tội cho anh?”

“Điều đó là hiển nhiên, không phải sao?”

“Anh vui lòng giải thích thêm được không?”

“Bất cứ người bệnh nào trong cơ sở này đều là thủ phạm lý tưởng.”

“Anh có nghĩ thế không?”

“Sao cậu không nói thẳng từ đó ra?”

“Từ gì?”

“Từ mà cậu đang nghĩ ấy.”

“Từ gì?”

“Diên.”

Confiant im lặng.

“Loạn óc.”

Confiant im lặng.

“Khùng. Rồ dại. Thần kinh. Mất trí. Cuồng loạn. Tâm thần...”

“Được rồi, tôi nghĩ thế là đủ,” bác sĩ Xavier xen ngang. “Nếu các vị không còn câu hỏi nào khác, vui lòng để bệnh nhân của tôi được yên tĩnh một mình.”

“Xin đợi một lát.”

Họ quay lại. Hirtmann không cao giọng, nhưng âm điệu đã thay đổi. “Tôi cũng có điều muốn nói với các vị.”

Họ lần lượt nhìn nhau và quan sát lẫn với vẻ thắc mắc. Hấn không cười nữa. Gương mặt nghiêm lại.

“Các vị tới đây để thẩm tra tôi ở đủ mọi góc độ. Các vị nghi ngờ rằng tôi có liên quan tới chuyện đang xảy ra ngoài kia, dĩ nhiên, điều đó thật ngờ ngẩn. Các vị cảm thấy thuần khiết, lương thiện, trong sạch, tâm

hòn không vướng chút tội lỗi, bởi các vị đang ở trước mặt một con quái vật. Điều đó, cũng thật ngỡ ngàng.”

Servaz và Ziegler thấy được vẻ kinh ngạc trong ánh mắt nhau. Xavier bối rối. Chỉ còn Confiant và Propp vẫn điềm nhiên đợi hấn nói tiếp.

“Các vị tưởng tội ác của tôi khiến cái ác trong thâm tâm các vị bớt đáng trách hơn sao? Khiến sự đồi bại và những hành vi đê tiện của các vị bớt ghê tởm hơn sao? Các vị tưởng bọn sát nhân, hiếp dâm và tội phạm nói chung đứng ở một đầu, còn các vị ở đầu bên kia ư? Không đâu, các vị phải hiểu: chẳng có tấm màn chống thối nào ngăn được tội ác chảy tràn khắp chốn. Nhân tính chỉ có một loại thôi. Khi các vị đối vợ gạt con, khi các vị giao bố mẹ già cho viện dưỡng lão để được rảnh tay, khi các vị giàu có trên mồ hôi nước mắt của kẻ khác, khi các vị không cho những người ăn xin dù chỉ một đồng, khi các vị làm khổ bao người vì sự ích kỷ và thờ ơ của bản thân, thì các vị cũng không hơn gì tôi đâu. Về cơ bản, các vị giống đám bệnh nhân chúng tôi hơn các vị tưởng đấy. Đây là vấn đề mức độ, không phải bản chất. Bởi vì bản chất của chúng ta giống nhau, chính là bản chất mà cả nhân loại đang có.”

Hấn nghiêng người qua một bên và rút dưới gối ra một cuốn sách lớn. Một cuốn *Kinh Thánh*.

“Giáo sĩ đã đưa nó cho tôi. Ông ta nghĩ rằng nó sẽ cứu rỗi tôi.”

Hấn bật ra một tiếng cười cụt lủn và chói tai. “Ngớ ngẩn! Tôi chẳng có gì cần cứu rỗi cả. Thứ duy nhất cứu rỗi được chúng ta là một cuộc tàn sát bằng bom nguyên tử.”

Giọng hấn giờ đây mạnh mẽ và đầy thuyết phục. Servaz dễ dàng hình dung được hiệu ứng mà nó từng tạo ra tại tòa án. Biểu cảm gay gắt của hấn đòi nhận về sự ăn năn, phục tùng của người khác. Bỗng dưng bọn họ trở thành tội đồ, còn hấn là tông đồ. Bọn họ hoàn toàn mất phương hướng. Ngay cả Xavier cũng có vẻ ngạc nhiên.

“Tôi muốn nói vài lời riêng tư với sĩ quan chỉ huy,” Hirtmann đột nhiên lên tiếng, giọng dịu lại.

Xavier quay sang Servaz, anh nhún vai. Anh ta nhúu mày, vẻ không

thoải mái.

“Sĩ quan?” Anh ta hỏi.

Servaz gật đầu.

“Được thôi,” Xavier quay về phía cửa.

Propp cũng nhún vai, rõ ràng rất bức dọc vì Hirtmann không đề nghị thảo luận với mình, Confiant cũng tỏ vẻ phản đối. Nhưng bọn họ đều theo tay bác sĩ tâm thần lần lượt ra ngoài. Ziegler là người cuối cùng đi ra, ném một ánh nhìn lạnh lẽo về phía Hirtmann.

“Một cô gái đẹp,” Hirtmann nói khi cô đóng cánh cửa sau lưng lại.

Servaz vẫn giữ im lặng. Anh lo lắng nhìn xung quanh.

“Tôi chẳng có gì để mời anh, trà hay cà phê. Tôi không có những thứ đó ở đây. Nhưng hãy nhận tâm lòng của tôi.”

Servaz những muốn bảo hắn đừng diễn nữa và đi thẳng vào vấn đề, nhưng anh kìm lại được.

“Bản giao hưởng yêu thích của anh là bản nào?”

“Tôi không thích bản nào hơn bản nào,” Servaz xẵng giọng trả lời.

“Ai cũng thích một số thứ hơn những thứ khác.”

“Vậy thì là bản số 4, số 5, và 6.”

“Bản phối của ai?”

“Bernstein, dĩ nhiên. Kế đó, Inbal rất xuất sắc. Và Haitink cho bản số 4, Wien cho bản số 6... Nghe này...”

“Ừm... Lựa chọn hay lắm. Nhưng cũng chẳng có ý nghĩa gì ở đây,” Hirtmann nói thêm, chỉ vào chiếc loa rẻ tiền.

Servaz không thể phủ nhận âm thanh từ dàn loa này thật tầm thường. Anh bỗng nhận ra từ đầu Hirtmann đã là người dẫn dắt cuộc đối thoại, ngay cả khi những người khác đặt câu hỏi tới tấp với hắn.

“Tôi rất tiếc phải nói điều này, nhưng bài thuyết giảng đạo đức vừa rồi của anh không thuyết phục được tôi, Hirtmann ạ. Tôi không có điểm chung nào với anh, phải nói rõ như thế,” anh thẳng thừng nói.

“Anh cứ việc nghĩ thế nếu anh thích. Nhưng điều anh vừa nói không đúng. Điểm chung của chúng ta là Mahler, ít nhất là vậy.”

“Anh muốn nói với tôi việc gì?”

“Anh đã nói chuyện với Chaperon chưa?” Hirtmann hỏi, một lần nữa đổi giọng. Hắn chăm chăm nhìn Servaz, tập trung vào từng phản ứng của anh.

Servaz cảm thấy một cơn rùng mình chạy dọc xương sống. Hắn ta biết tên thị trưởng Saint-Martin...

“Rồi,” anh thận trọng trả lời.

“Chaperon là bạn của... tay Grimm đó, anh có biết không?”

Servaz trân trối nhìn Hirtmann. Làm sao hắn biết được? Hắn lấy thông tin này từ đâu?

“Có,” anh trả lời. “Có. Ông ta có nói với tôi. Và anh, làm sao...”

“Vậy hãy bảo ông thị trưởng kể cho anh nghe về những vụ tự tử.”

“Vụ gì?”

“Tự tử, sĩ quan ạ. Hỏi ông ta về những vụ tự tử!”

“Tự tử? Chuyện đó là sao?”

“Tôi không biết. Nhưng có vẻ Chaperon biết.”

Ziegler nhìn anh bằng ánh mắt bắn khoăn.

“Là Hirtmann nói với anh điều đó ư?”

“Phải.”

“Và anh tin hẳn?”

“Tôi phải xem thế nào đã.”

“Hẳn ta là kẻ tâm thần mà.”

“Có thể.”

“Và hẳn không nói thêm gì nữa sao?”

“Không.”

“Sao hẳn lại muốn nói chuyện với anh?”

Servaz cười, “Vì Mahler, tôi nghĩ vậy.”

“Gì?”

“Âm nhạc... Gustav Mahler. Đó là điểm chung giữa chúng tôi.”

Trong khoảnh khắc, Ziegler rời mắt khỏi con đường, và nhìn anh như thể muốn nói có lẽ còn nhiều người điên chưa được đưa vào viện. Nhưng Servaz đã để tâm trí đi lạc nơi khác. Cảm giác đang phải giáp mặt với một thứ mới mẻ và đáng sợ đang lớn dần trong lòng anh, rõ ràng hơn bao giờ hết.

“Rất thông minh, những nỗ lực của hẳn,” Propp nói khi họ đang hướng về Saint-Martin.

Xung quanh, những cây lãnh sam như đang lao vụt về hướng ngược lại. Servaz nhìn qua cửa sổ, chìm vào suy tưởng.

“Tôi không biết bằng cách nào, nhưng hẳn đã lập tức đánh hơi được

có một lần ranh phân cách trong nhóm, và hẳn cô chia rẽ chúng ta bằng cách gọi lên sự đồng cảm ở một thành viên trong số chúng ta.”

Servaz bất thần quay ra sau, nhìn sâu vào mắt tay bác sĩ tâm lý.

“Sự đồng cảm ở một thành viên trong số chúng ta,” anh nhắc lại. “Nói hay lắm. Anh nói vậy là ý gì, Propp? Anh cho rằng tôi đã quên mất hẳn là ai sao?”

“Ý tôi không phải thế, sĩ quan,” anh ta đáp lời, vẻ khó chịu.

“Anh nói đúng, bác sĩ ạ,” Confiant chen vào. “Chúng ta phải giữ đoàn kết và vạch ra một chiến lược điều tra chặt chẽ và đáng tin cậy nhất.”

Lời cậu ta quát vào Ziegler và Servaz như lần roi da. Servaz cảm thấy cơn giận dữ một lần nữa bùng lên.

“Cậu nói là đoàn kết sao? Vậy mà cậu đã hai lần phê bình công việc của chúng tôi trước mặt người khác! Đây là cái cậu gọi là đoàn kết à? Tôi tưởng cậu có thói quen để cảnh sát làm việc của họ.”

Không hề nao núng, Confiant đáp trả ánh mắt của viên cảnh sát.

“Tôi sẽ không can thiệp trừ khi tôi thấy rõ ràng ràng các điều tra viên của tôi đang làm đường lạc lối,” cậu ta trả lời, giọng gay gắt.

“Nếu thế thì cậu nên nói chuyện với Cathy d’Humières. ‘Một chiến lược chặt chẽ và đáng tin cậy’. Và chiến lược đó là gì vậy, thưa ngài thẩm phán?”

“Dù là gì thì cũng không phải nhắm vào Viện.”

“Chúng ta sẽ không thể khẳng định điều gì nếu không đến đây,” Irène Ziegler phản đối, giọng cô điềm tĩnh đến nỗi Servaz phải ngạc nhiên.

Anh kiên quyết, “Bằng một cách mà chúng ta chưa biết, DNA của Hirtmann đã bị đem ra khỏi Viện và bỏ lại trên cáp treo. Và đây không phải một giả thuyết, mà là thực tế. Khi phát hiện ra cách thức làm việc ấy, ta sẽ sớm bắt được thủ phạm.”

“Tôi thừa nhận,” Confiant nói. “Ai đó ở Viện liên quan tới cái chết của con ngựa. Nhưng không thể là Hirtmann, chính anh cũng đã nói như vậy. Hơn nữa, chúng ta nên hành động thận trọng hơn. Nếu để tin

tức lọt ra ngoài, sự tồn tại của Viện sẽ bị đe dọa.”

“Có thể như thế,” Servaz lạnh lùng nói. “Nhưng đó không phải là vấn đề của tôi. Và cho tới lúc kiểm tra xong sơ đồ hệ thống an ninh tổng thể, chúng ta không được phép loại trừ bất cứ giả thuyết nào. Cứ hỏi một giám đốc nhà tù bất kì mà xem, chẳng hệ thống nào không có sơ hở. Một số cá nhân sở hữu tài năng tìm ra những mắt xích yếu. Chưa kể đến giả thuyết có sự đồng lõa trong nội bộ Viện.”

Confiant kinh ngạc ra mặt, “Anh vẫn nghĩ rằng Hirtmann có thể ra khỏi đó sao?”

“Không,” Servaz miễn cưỡng trả lời. “Càng lúc càng thấy ít khả năng là vậy. Nhưng còn quá sớm để loại trừ. Dù sao đi nữa, chúng ta cũng phải trả lời cho một câu hỏi không kém phần quan trọng khác. Ai có thể lấy được nước bọt của Hirtmann và để lại trên cáp treo? Hơn hết là, vì mục đích gì? Bởi chắc chắn hai vụ án này liên quan đến nhau.”

“Khả năng hai gã bảo vệ sát hại ông được sĩ cực kì khó xảy ra,” Espérandieu tuyên bố trong phòng điều tra, chiếc laptop mở ra trước mặt. “Theo Delmas, bất cứ ai làm việc này đều rất thông minh, nham hiểm, và thích ngược đãi, cũng như có hiểu biết rất rõ về giải phẫu.”

Đọc những ghi chú của mình trên màn hình, cậu thuật lại các kết luận của giám định viên pháp y về vị trí của nút thắt.

“Điều đó chứng minh cảm nhận ban đầu của chúng ta,” Ziegler nhìn quanh căn phòng. “Grimm rất lâu sau mới chết. Và ông ta đã phải chịu rất nhiều đau đớn.”

“Theo Delmas, ngón tay của ông ta bị cắt đứt trước khi chết.”

Căn phòng chìm trong im lặng.

“Nếu chỉ nhìn vào bề ngoài để phân tích thì việc treo cổ khóa thân, áo choàng và ngón tay bị cắt liên quan tới nhau,” Propp nói. “Không thể làm cái này mà không làm cái kia. Có một ý nghĩa nào đó ẩn sau. Và việc tìm ra ẩn tình đó hoàn toàn phụ thuộc vào chúng ta. Mọi thứ dường như chỉ ra rằng hung thủ đã sắp đặt kĩ càng. Bọn chúng phải

chuẩn bị dụng cụ, và chọn thời gian, địa điểm. Không có gì được phép ngẫu nhiên. Hệt như vụ sát hại con ngựa.”

“Ai nhận nhiệm vụ tìm hiểu về dây đai?” Servaz hỏi.

“Tôi,” Ziegler giơ chiếc bút đang cầm lên. “Phòng thí nghiệm đã nhận diện được kiểu và mẫu. Tôi sẽ gọi đến nhà sản xuất.”

“Tốt. Còn áo choàng?”

“Người của chúng tôi đang tìm hiểu. Chúng tôi cũng sẽ xem xét kỹ hơn nhà của nạn nhân,” Ziegler nói.

Servaz lại nghĩ tới Nadine Grimm, ánh mắt bà nhìn anh, và vết sẹo trên cổ tay. Anh cảm thấy dạ dày thắt lại.

“Tôi sẽ lo việc đó,” anh nói. “Ai phụ trách hai gã bảo vệ?”

“Người của chúng tôi,” Ziegler lại lên tiếng.

“Được.”

Anh quay sang Espérandieu, “Tôi cần cậu quay về Toulouse, thu thập tất cả thông tin liên quan đến Lombard, càng nhiều càng tốt. Việc này rất gấp. Chúng ta phải tìm ra mối liên hệ giữa anh ta và Grimm bằng bất cứ giá nào. Nhờ Samira giúp một tay nếu cần. Và xin cảnh sát phát lệnh tìm kiếm hai gã bảo vệ.”

Servaz vừa nhắc đến một thực tế rằng, cho tới lúc này, cảnh sát và sen đầm vẫn sở hữu cơ sở dữ liệu riêng biệt, hiển nhiên, điều đó khiến công việc của cả hai đều khó khăn hơn. Nhưng chính quyền nước Pháp vốn nổi tiếng là chưa bao giờ thích sự đơn giản. Espérandieu đứng dậy, xem đồng hồ đeo tay. Cậu gập máy tính lại.

“Như thường lệ, việc nào cũng gấp. Nếu các anh không cần tôi nữa, tôi sẽ đi luôn.”

Servaz liếc nhìn đồng hồ trên tường.

“Được. Chúng ta đều có việc để làm. Về phần tôi, tôi cần đi gặp một người. Tôi nghĩ đã đến lúc hỏi Chaperon vài câu.”

Diane rời Viện, quấn kín người trong chiếc áo len, quần trượt tuyết, áo phao mùa đông và đôi boot viền lông. Cô đeo hai đôi tất, thoa chút

son dưỡng môi. Con đường mòn phủ dày tuyết bắt đầu ở phía Đông của tòa nhà và dẫn sâu vào những rặng cây về hướng thung lũng.

Chẳng mấy chốc đôi boot đã lún sâu vào lớp tuyết mới tinh, nhưng cô vẫn bình tĩnh giữ nhịp bước đều đặn. Hơi thở của cô tạo thành những đám mây hơi nước nho nhỏ. Cô cần hít thở không khí trong lành. Kể từ khi nghe lỏm được cuộc đối thoại qua lỗ thông gió, bầu không khí trong Viện bỗng trở nên ngột ngạt. Chúa ơi! Làm sao cô có thể chịu đựng hết một năm ở nơi này?

Đi bộ vẫn luôn giúp cô thanh lọc đầu óc. Không khí giá buốt kích thích các tế bào thần kinh. Càng nghĩ, cô càng nhận ra không có gì ở Viện diễn ra như cô đã dự kiến.

Toàn bộ các vụ việc kinh khủng diễn ra ngoài kia có vẻ đều liên quan tới nơi này...

Diane băn khoăn, có ai đã từng để ý thấy chuyện kì lạ mà cô vẫn thường thấy mỗi đêm không? Có lẽ việc đó cũng chẳng liên quan tới những chuyện kia, nhưng cô băn khoăn liệu có nên nói với Xavier, để đề phòng.

Một con quạ bỗng cất tiếng kêu ngay trên đầu cô làm tim cô muốn nhảy ra khỏi lồng ngực. Rồi nó đập cánh bay mất, tĩnh lặng một lần nữa ngự trị. Thật tiếc vì không có ai để trò chuyện. Nhưng cô ở đây một mình, và chỉ có cô, một mình cô, mới có thể đưa ra quyết định đúng đắn.

Con đường không quá dài nhưng nổi cô đơn của những ngọn núi đè nặng lên Diane. Ánh sáng và sự tĩnh lặng rơi xuống từ trên đỉnh những ngọn cây mang tới một cảm giác buồn thảm, tang tóc. Những gờ đá ngất ngưỡng bao xung quanh thung lũng chưa bao giờ hoàn toàn khuất khỏi tầm mắt, cũng như những bức tường nhà lao không bao giờ biến mất khỏi tầm nhìn của tù nhân. Nơi đây không giống chút nào với khung cảnh rực rỡ và thoáng đãng nơi quê hương Thụy Sĩ quanh hồ Geneva của cô. Con đường đã bắt đầu dốc xuống dưới và cô phải cẩn thận tìm chỗ đặt chân. Cây mọc dày hơn. Cuối cùng cô cũng vượt qua những bụi cây tầng thấp và tới được bìa rừng. Cô tiến về một khoảng

trông rộng lớn với vài tòa nhà ở giữa. Cô lập tức nhận ra trại hè nằm sâu dưới thung lũng mà cô đã đi qua trên đường đến Viện. Ba tòa nhà trông vẫn quý quý và đồ nát như lần đầu tiên cô nhìn thấy. Tòa nằm gần khu rừng nhất, gần như đã bị cây cối mọc lấn hết. Hai tòa nhà còn lại chẳng còn gì ngoài những ô cửa sổ nứt vỡ và những cổng vòm trống rỗng, lớp bê tông xanh rì vì rêu và đen đúa vì nắng mưa. Gió lùa qua những khe hở, thanh âm lúc trầm, lúc chói, như một điệu ca ai oán thăm sâu. Những chiếc lá úa quăn lại và ướt đẫm, xếp thành gò lớn dưới chân những bức tường bê tông, một nửa ngập trong tuyết và tỏa ra mùi thực vật phân hủy.

Diane chậm rãi đi qua một khoảng trống. Tường hành lang và sảnh ở tầng trệt viết đầy những lời chửi rủa hết như ở các khu vực dân nghèo quanh đó. Những chữ graffiti với nội dung tục tĩu như 'Đậu má bọn cớm' hay các câu từ để xác lập lãnh thổ, mặc dù cũng không ai thèm tranh giành với chúng, những bức vẽ thô kệch, bậy bạ... ở khắp nơi. Cô kết luận rằng Saint-Martin phải có khá nhiều mầm non họa sĩ.

Bước chân cô dội lại trong khoảng không vang vọng của những dãy hành lang. Từng luồng rét buốt mơn trớn làn da khiến cô run lên. Cô có thể dễ dàng tưởng tượng ra đây đó từng đám trẻ chạy nhảy và xô đẩy nhau, và những giám thị hiền hậu như những chú chó chăn cừu cổ xưa đàn thú vào trong bãi rào. Vậy mà không hiểu sao, cô không thể rũ bỏ cảm giác nơi này gợi lên nỗi buồn và tù ngục nhiều hơn là niềm vui của những kì nghỉ hè. Cô nhớ lại một lần phải chịu trách nhiệm đánh giá độ tin cậy trong lời khai của một cậu bé 11 tuổi khi còn làm ở văn phòng tư nhân về tâm lý học pháp lý ở Geneva. Đứa trẻ đã bị một giám thị phụ trách trại hè cưỡng hiếp. Cô có đủ hiểu biết để ý thức được rằng thế giới không giống như một cuốn tiểu thuyết của Johanna Spyri*. Cũng có thể là vì cô thấy mình đang ở một nơi xa lạ, hoặc vì những sự việc gần đây, nhưng cô không thể ngừng nghĩ tới vô số những vụ việc xảy ra gần như ở khắp nơi như cưỡng hiếp, giết người, tra tấn về thể xác lẫn tinh thần. Gần như phút giây nào và ở bất cứ nơi đâu cũng có thể đang diễn ra một vụ việc như thế. Ý nghĩ đó khiến cô vág vát đến mức gần như không thể chịu đựng nổi, hết như khi ta nhìn mãi vào mặt trời, và vài lời thơ

của Baudelaire* bỗng vọng lên trong tâm trí cô, *Giữa sài lang, hổ báo, ưng, khuyển. Giữa tinh tinh, bọ cạp và rắn độc. Những quái vật gào thét, trườn bò, gào rống. Trong bầu thú đê mật của tội lỗi thế nhân.*

Đột nhiên cô thấy đông cứng. Có tiếng động cơ ở bên ngoài. Một chiếc ô tô chậm chậm tiến tới và dừng lại bên ngoài trại hè. Lốp xe nghiêng xuống lạo xạo. Cô đứng bất động giữa hành lang, đờ tai lắng nghe. Tiếng sập cửa. Ai đó đang đi tới. Có phải những mầm non họa sĩ, trở lại để hoàn thành nốt nhà nguyện Sistina* của chúng? Nếu vậy, cô không nghĩ ở lại đây một mình cùng với chúng là ý hay. Khi cô quay lại và im lặng tiến ra đằng sau tòa nhà thì nhận thấy mình đã rẽ nhầm, hành lang này là một ngõ cụt. Chết tiệt! Tim cô đập thình thịch. Cô đang lần lại dấu chân cũ của mình thì nghe thấy tiếng bước chân của vị khách giẫm lên những tấm bê tông ngoài cửa vào. Lén lút khẽ khàng như những chiếc lá bay trong gió. Cô giật mình. Hẳn ta đã ở đó! Cô không có lý do gì để lẩn trốn, nhưng cũng không dám xuất hiện. Đặc biệt là khi người kia đang bước đi rất thận trọng, thậm chí còn dừng lại. Cô đứng im không nhúc nhích. Cô dựa vào tấm bê tông lạnh ngắt và cảm thấy nỗi sợ hãi đang khiến mồ hôi túa ra ở chân tóc. Ai lại muốn đi dạo quanh một nơi thế này? Sự cẩn trọng quá mức trong mỗi bước đi của vị khách khiến cô nghĩ hẳn người ấy phải làm gì đó khuất tất. Nhưng chuyện gì sẽ xảy ra nếu cô đột ngột xông ra và hô lên 'Xin chào'?

Vị khách quay lại và bắt đầu bước một cách dứt khoát về phía cô. Diane hoảng sợ. Tuy nhiên, không lâu sau, vị khách dừng lại. Cô nghe thấy tiếng người đó quay bước và đi trở lại hướng kia. Cô bèn đánh bạo ngó qua khúc quanh. Những gì nhìn thấy chẳng thể khiến cô an tâm. Một chiếc áo choàng dài màu đen có mũ đang bay phàn phật sau lưng người đó như cánh dơi. Áo choàng che mưa, thớ vải chống thấm cứng đờ kêu sột soạt theo mỗi bước chân.

Nhìn từ đằng sau, Diane không thể phân biệt được đó là nam hay nữ... Nhưng vẻ lén lút trong cách di chuyển của kẻ ấy thì quý quyết, đáng sợ, như thể ai đó vuốt một ngón tay lạnh ngắt qua cổ cô.

Nhân khi vị khách bắt đầu quay về phía bên kia, cô rời khỏi chỗ nấp, nhưng mũi giày lại đạp trúng thứ gì đó bằng kim loại. Một tiếng *keng*

lạnh ngắt dội vào những bức tường bê tông. Diane lao trở về chỗ tối lúc này, tim đập thành thịch. Cô nghe thấy tiếng bước chân dừng lại.

“Có ai ở đó không?”

Một người đàn ông. Giọng cao vút, the thé, nhưng là của đàn ông. Diane cảm thấy như thể cổ cô phồng lên rồi lại xẹp xuống, còn quả tim khiếp sợ đang điên cuồng bơm máu qua các động mạch. Một phút trôi qua.

“Ai ở đó thế?” Người đàn ông hét lên, còn lớn hơn lúc này.

Có gì đó bất thường trong giọng nói của hắn. Một tia hăm dọa, nhưng còn kèm theo âm điệu rầu rĩ, mong manh và thống khổ. Không thể cắt nghĩa. Diane nghĩ tới một con mèo cong mình nhảy dựng lên vì hoảng sợ.

Cô không nhận ra giọng nói này.

Thình lạng tưởng chừng vô tận. Người đàn ông không di chuyển, cô cũng vậy. Đầu đó gần đây, nước đang nhỏ xuống một cái vũng. Thứ âm thanh tí tách ấy cũng vang vọng một cách đầy tai ương giữa không gian chỉ toàn tiếng xào xạc ẩm đạm của cỏ cây bên ngoài. Rồi một chiếc ô tô đi qua bên đường, nhưng cô gần như không chú ý đến nó. Cô giật bắn mình khi người đàn ông bật khóc, tiếng khóc sâu thẳm, dội vào những bức tường như một quả bóng.

“Lũ khốn, lũ khốn, lũ khónnn!” Cô nghe thấy hắn thốn thức. “CẶN BÃ! ĐÊ TIỆN! TAO RỬA CHO CHÚNG MÀY CHẾT HẾT! CHẾT THIÊU TRONG LỬA ĐỊA NGỤC!”

Tiếp đó là tiếng gào thét khủng khiếp.

Diane gần như không dám thở. Toàn thân cô sớn gai ốc. Gã đàn ông cứ khóc. Cô nghe thấy tiếng vạt áo choàng đi mưa loạt soạt khi hắn khụy gối xuống đất. Hắn rấm rứt và rên rỉ rất lâu. Cô đánh bạo nhìn thêm lần nữa, nhưng không thể thấy khuôn mặt bên dưới cái mũ. Đột nhiên, người đàn ông bật dậy và chạy đi. Một khắc sau, cô nghe thấy tiếng cửa xe đóng sầm, động cơ nổ máy và chiếc xe chạy vào con đường. Cô ra khỏi chỗ ẩn nấp, cố gắng thở đều trở lại. Cô không biết mình vừa nghe và thấy điều gì nữa. Gã đàn ông đó có thường xuyên đến đây

không? Phải chăng có chuyện gì từng xảy ra ở đây nên hẳn mới hành động như thế? Hành động điên cuồng mà cô tưởng rằng chỉ có thể thấy ở Viện.

Dù sao đi nữa, hẳn đã dọa cô sợ chết khiếp. Cô quyết định sẽ về nhà và vào bếp nấu viên nấu món gì đó nóng hổi. Như thế sẽ giúp thần kinh cô dịu lại. Khi bỏ lại khu nhà sau lưng, gió còn thổi lạnh hơn, cô bắt đầu run lên bần bật. Cô biết không đơn thuần chỉ vì cái lạnh.

Servaz đi thẳng tới tòa thị chính. Một quảng trường hình chữ nhật chạy dài bên sông, cùng một cái bục sân khấu, những quán cà phê ngoài trời, và ở chính giữa, quốc kì Pháp và cờ châu Âu bay lật phật trên một ban công. Servaz để xe lại một bãi đỗ nhỏ nằm giữa quảng trường và dòng sông rộng, trong vắt và chảy xiết dưới chân một con đê bằng bê tông.

Anh đi ven theo những thảm hoa rồi len lỏi qua mấy chiếc ô tô đỗ dọc dãy quán cà phê trước khi đi vào tòa thị chính. Khi đến tầng hai, anh được biết ngài thị trưởng không ở đây, và có thể sẽ tìm được ông ta ở nhà máy sản xuất nước khoáng đóng chai mà ông ta quản lý. Viên thư kí gây khó dễ một hồi, rồi cuối cùng cũng đồng ý cho Servaz số điện thoại di động của thị trưởng, nhưng khi Servaz bấm máy thì cuộc gọi lại chuyển vào hộp thư thoại. Anh nhận ra mình đang đói và lại nhìn đồng hồ đeo tay, 15:29. Họ đã ở Viện đến năm tiếng đồng hồ.

Khi rời khỏi tòa thị chính, anh vào quán cà phê đầu tiên trông thấy. Quán này trông ra quảng trường. Ở phía đối diện, đám thanh thiếu niên đang trên đường từ trường về nhà, cặp sách đeo sau lưng, những đứa khác đi trên xe máy nổ bình bịch và nhả khói mù mịt.

Người bồi bàn tiến đến. Servaz ngược lên. Cao, da ngăm đen, xấp xỉ 30 tuổi, cậu ta hẳn phải rất được lòng phái yếu, với bộ râu lún phún và đôi mắt sẫm màu. Servaz gọi một đĩa trứng trắng và một cốc bia.

“Cậu sống ở vùng này lâu chưa?” Anh hỏi người bồi bàn.

Tay bồi bàn cảnh giác nhìn anh. Một sự cảnh giác pha lẫn thích thú.

Servaz lập tức hiểu ra, chắc hẳn anh chàng thắc mắc có phải vì

khách này đang gạ tình mình không. Có lẽ đây cũng không phải lần đầu.

“Tôi sinh ra cách chỗ này 20 kilomet, ” cậu ta trả lời.

“Những vụ tự tử, cậu nghĩ sao về chúng?”

Lần này, không còn vẻ thích thú nữa, chỉ đơn thuần là cảnh giác.

“Anh là ai? Nhà báo à?”

Servaz chìa cho cậu ta xem thẻ ngành. “Tổ hình sự. Tôi đang điều tra vụ án mạng của dược sĩ Grimm. Chắc cậu cũng đã nghe qua?”

Tay bồi bàn thận trọng gạt đầu.

“Thế nào? Những vụ tự tử, cậu nghĩ sao?”

“Tôi cũng như mọi người ở đây thôi.”

Lời cậu ta nói như một mũi kim chích vào người cảnh sát, làm anh ngồi thẳng dậy.

“Như thế nào?”

“Chuyện xưa rồi, tôi không biết nhiều lắm.”

“Nói cho tôi nghe phần không nhiều lắm ấy đi.”

Tay bồi bàn khó chịu ra mặt, lo lắng đưa mắt liếc quanh hàng hiên, chuyển trọng tâm từ chân này sang chân kia. “Chuyện xảy ra lâu lắm rồi...”

“Khi nào?”

“Khoảng mười lăm năm trước.”

“Chuyện xảy ra... Chuyện gì xảy ra?”

“Là... một loạt người tự tử.”

Servaz nhìn cậu ta, tỏ vẻ không hiểu.

“Một loạt người tự tử ư?” Anh bực mình nói. “Cậu nói rõ xem nào, vì Chúa!”

“Có vài vụ tự tử... những thanh thiếu niên. Trai và gái tuổi từ 14 đến 18, theo tôi nhớ là thế.”

“Ở Saint-Martin sao?”

“Phải. Và ở mấy thị trấn trong thung lũng.”

“Có vài vụ tự tử? Bao nhiêu?”

“Làm sao tôi biết được? Lúc đó tôi mới 11 tuổi! Chắc là năm. Hoặc sáu. Hoặc bảy. Dù sao cũng dưới mười vụ.”

“Và lũ trẻ đều chết cùng một thời điểm sao?” Servaz kinh ngạc.

“Không. Nhưng ngay sát nhau. Kéo dài trong vài tháng.”

“Vài tháng là bao lâu? Hai tháng? Ba tháng? Hay mười hai tháng?”

“Có lẽ là mười hai tháng. Phải. Chắc là một năm. Tôi không rõ...”

Dù sao cậu ta cũng không phải bác học Einstein, Servaz thầm nghĩ. Hoặc cậu ta không hề muốn hợp tác.

“Và có ai biết tại sao bọn trẻ lại làm thế không?”

“Tôi nghĩ là không... Không!”

“Chúng không để lại thông điệp nào sao?”

Tay bồi bàn nhún vai. “Nghe này, lúc ấy tôi chỉ là một đứa trẻ. Anh phải tìm những người lớn tuổi hơn, may ra họ có thể nói cho anh rõ việc đó. Tôi chỉ biết đến thế thôi. Rất tiếc.”

Anh nhìn tay bồi bàn len lỏi qua những chiếc bàn và mắt hút vào bên trong. Anh không cố ngăn lại. Qua ô cửa kính, Servaz thấy cậu ta thì thào với một người đàn ông to béo, có lẽ là ông chủ. Người đàn ông liếc về hướng Servaz với vẻ nhăn nhó, rồi nhún vai và quay trở lại quỳ tính tiền.

Servaz có thể đi vào và hỏi ông ta, nhưng anh tin đây không phải là nơi thu được thông tin xác thực. Một loạt thanh thiếu niên tự tử vào mười lăm năm trước... Anh tập trung suy nghĩ. Quả là một câu chuyện khó tin! Điều gì có thể khiến những thiếu niên sống trong thung lũng này tự tử? Và mười lăm năm sau, một vụ giết người và một con ngựa chết... Liệu có mối liên hệ nào giữa hai chuỗi sự kiện này không? Servaz nheo mắt, quan sát những đỉnh núi ở cuối thung lũng.

Khi lao vào hành lang ở số nhà 26 đại lộ Embouchure, Espérandieu nghe thấy giọng nói oang oang hét lên từ phòng ban nào đó. “Ê, người tình bé nhỏ của sếp đây rồi!”

Espérandieu quyết định lờ đi lời lăng mạ. Pujol là một gã não ngắn miệng rộng, hai thứ thường đi chung với nhau. Một gã cao lớn cường tráng với mái tóc hoa râm, như hình ảnh điển hình của xã hội Trung cổ. Một kho những câu cợt nhả chỉ mua vui được cho người bạn, đồng thời cũng là cái tôi khác của hắn, Ange Simeoni, ‘bộ đôi nam cao ngu ngốc’ không thể tách rời, như lời bài hát của Aznavour. Servaz đã chĩnh đôn họ, và bọn họ chắc chắn sẽ không bao giờ dám làm thế trước mặt anh. Nhưng Servaz không ở đây.

Espérandieu đi dọc dãy văn phòng cho tới khi đến phòng của mình ở cuối hành lang, cạnh phòng Servaz. Cậu đóng cánh cửa sau lưng lại. Samira đã để lại một lời nhắn trên bàn làm việc: *Tôi đã đưa hai gã bảo vệ vào FPR như anh bảo.* FPR là hồ sơ những người mất tích. Cậu vò tờ giấy ném vào sọt rác, mở iPhone bật bài *Family Tree* của ban nhạc Rock TV on the Radio và kiểm tra tin nhắn. Servaz đã yêu cầu cậu thu thập càng nhiều thông tin càng tốt về Éric Lombard, và Espérandieu biết phải kiểm chứng ở đâu. Cậu có một lợi thế so với hầu hết các đồng nghiệp của mình, trừ Samira, đó là cậu hiện đại. Espérandieu thuộc về thế hệ của truyền thông đa phương tiện, văn hóa ảo, diễn đàn, mạng xã hội. Và chỉ cần biết tìm đúng chỗ, ta sẽ gặp được những người thú vị. Nhưng cậu thực sự không muốn Servaz hay ai khác biết cách cậu thu thập thông tin.

“Rất tiếc, hôm nay ông ấy không đến đây.” Trợ lý giám đốc của nhà máy sản xuất nước khoáng đóng chai nhìn Servaz với vẻ mặt kiên nhẫn.

“Anh biết tôi có thể tìm ông ta ở đâu không?”

Người đàn ông to lớn nhún vai. “Không. Tôi đã cố liên lạc nhưng ông ấy không mở điện thoại. Đáng ra ông ấy phải đi làm như thường lệ. Anh thử đến nhà ông ấy chưa? Có thể ông ấy bị ốm.”

Servaz cảm ơn anh ta và ra khỏi cái nhà máy nhỏ được vây trong hàng rào mắt cáo rất cao với những vòng dây thép gai trên đỉnh. Servaz đắm chìm trong suy nghĩ khi mở khóa xe. Anh đã gọi về nhà Chaperon

nhưng vô ích, không ai trả lời. Servaz thấy ruột thắt lại vì lo lắng.

Anh trèo vào xe và ngồi sau tay lái.

Một lần nữa, anh hồi tưởng lại vẻ mặt khiếp sợ của Chaperon. Hirtmann đã nói gì nhỉ? Hãy bảo ông thị trưởng kể cho anh nghe về những vụ tự tử. Hirtmann biết điều gì mà họ không biết đây? Và làm thế quái nào hẳn lại biết?

Rồi một ý nghĩ khác nảy ra trong óc anh. Anh chụp lấy điện thoại và gọi tới một số máy viết lấu trong sổ tay. Một người phụ nữ nhận điện.

“Tôi là Servaz, ở tổ hình sự,” anh nói. “Chồng bà có phòng riêng, phòng làm việc, hay một nơi cất giữ giấy tờ không?”

Một khoảng lặng trong phút chốc, rồi có tiếng ai đó nhả khói thuốc gần điện thoại. “Có.”

“Bà không phiền nếu tôi đến xem chứ?”

“Tôi có sự lựa chọn khác sao?” Bà ta buột miệng, nhưng không có vẻ cay độc.

“Bà có thể từ chối. Trong trường hợp đó tôi sẽ buộc phải xin lệnh lục soát, và tôi sẽ có thôi. Nhưng việc bà từ chối hợp tác chắc chắn sẽ thu hút sự chú ý của ngài thẩm phán phụ trách cuộc điều tra này.”

“Khi nào thì anh tới?” Bà xẵng giọng hỏi.

“Ngay bây giờ, nếu bà không phiền.”

Người tuyết vẫn còn đó nhưng bọn trẻ con đã đi đâu mất. Cũng như cái xác mèo. Bóng tối và những áng mây hung hiểm đã phủ vây lấy bầu trời. Chỉ còn lại duy nhất một vệt hồng cam phía trên rặng núi.

Giống như lần trước, bà góa Grimm đang đợi ngoài cửa ngôi nhà màu xanh nước biển cùng với điếu thuốc trên tay và vẻ thờ ơ trên mặt. Bà lùi lại cho anh vào, “Ở cuối hành lang, cửa bên phải. Tôi vẫn chưa động vào bất cứ thứ gì.”

Servaz tiến vào hành lang ngắn ngang đồ đạc. Tranh, ghế, đồ trang trí lật vạt, và xác thú nhồi bông như đang nhìn chăm chăm khi anh băng qua. Anh mở cánh cửa cuối cùng bên phải, ngay cạnh một giá

sách. Cửa chớp đang đóng, và căn phòng chìm trong bóng tối, bốc mùi mốc meo. Servaz mở cửa sổ. Một văn phòng nhỏ tầm 9m² trông ra cánh rừng phía sau ngôi nhà. Một đống lộn xộn không biết phải diễn tả ra sao. Anh khó nhọc len vào giữa phòng. Anh hiểu ra rằng Grimm đã dành phần lớn thời gian ở căn phòng này mỗi khi có mặt ở nhà. Thậm chí còn có cả một chiếc tivi mini kê đối diện chiếc ghế bành cũ mèm đã vỡng xuống vì chất đầy cặp hồ sơ, tài liệu, tạp chí săn bắn và câu cá, cùng một cái đài cát xét xước tay và lò vi sóng.

Trong thoáng chốc, anh đứng giữa căn phòng và cảm nín nhìn đống hỗn loạn toàn thùng các tông, đồ đạc, kẹp tài liệu, và ti tỉ những thứ không xác định nổi tên.

Một cái hang, một sào huyết...

Một cái cũi!

Servaz rùng mình. Grimm đã sống cuộc đời như một con chó với bà vợ lạnh lùng băng giá.

Trên tường là những tấm bưu thiếp, một tờ lịch, và áp phích có hình núi, hồ và sông. Bên trên tủ quần áo lại có thêm xác thú nhồi bông, một con sóc, vài con cú, một con vịt trời và thậm chí một con mèo rừng. Ở một góc, Servaz thấy đôi ủng ngắn cổ. Trên một trong những cái tủ ngăn kéo là mấy cuộn dây câu. Tay dợc sĩ này là một người yêu thiên nhiên chẳng? Hay một thợ nhồi xác động vật nghiệp dư? Trong khoảnh khắc, Servaz cố đặt mình vào hoàn cảnh của người đàn ông to béo đã từng lẩn quẩn trong căn phòng này, chỉ bầu bạn với bầy thú đờ đẫn nhìn vào thứ ánh sáng mờ ảo. Anh cũng có thể hình dung ra cảnh ông ta nhồi nhét chỗ thức ăn thừa trước chiếc tivi nhỏ rồi chìm vào giấc ngủ trên ghế bành, vì bị quý bà sư tử mà ông ta đã cưới ba mươi năm trước xua đuổi tới tận cuối hành lang. Servaz lần lượt mở từng ngăn kéo. Trong ngăn đầu tiên, anh thấy bút, hóa đơn, danh sách các loại thuốc, sao kê tài khoản ngân hàng, hóa đơn thẻ tín dụng. Trong ngăn kế tiếp là một cặp ống nhòm, bộ bài vẫn còn nguyên tem và vài tấm bản đồ địa hình.

Rồi những ngón tay của anh rờ được một thứ gì đó ở dưới cùng ngăn

tử, chìa khóa. Anh lôi chúng ra. Có một chiếc chìa lớn của loại khóa gắn lên cửa và hai chiếc nhỏ hơn của loại ổ khóa rời hoặc kết an toàn. Servaz nhét chúng vào túi áo.

Trong ngăn kéo thứ ba, anh tìm thấy một bộ sưu tập mỗi câu giả, móc câu, dây cước, và một tấm ảnh. Servaz đem nó tới gần cửa sổ.

Grimm, Chaperon, và hai người khác.

Tấm ảnh đã khá cũ, Grimm có thể coi là gày, Chaperon trông trẻ hơn khoảng mười lăm tuổi. Bốn người đàn ông đang đứng trên những tảng đá quanh một đám lửa trại, cười với ông kính. Đằng sau họ, ở phía bên trái là một khoảng rừng trống bao quanh bởi những cây lá kim lớn và những cây lá rộng đang khoác bộ cánh thu khi đến mùa trút lá, một đồng cỏ thoải thoải, hồ nước, và dãy núi ở phía bên phải bức ảnh. Ảnh được chụp lúc hoàng hôn. Bóng của những hàng cây trải tới tận mặt hồ. Làn khói từ lửa trại bốc thành hình xoắn ốc trong ánh chạng vạng. Servaz nhìn thấy hai túp lều ở phía bên trái.

Bầu không khí đồng quê.

Ấn tượng về hạnh phúc và tình bạn giản đơn. Những người đàn ông tụ tập với nhau để cắm trại trên núi, một lần cuối cùng trước khi đông sang.

Servaz lập tức hiểu ra tại sao Grimm có thể chịu đựng cuộc sống ẩn dật với một bà vợ khinh miệt và nhục mạ mình như vậy. Là nhờ những giây phút ông ta có thể trốn vào thiên nhiên cùng với bạn bè. Anh nhận ra sai lầm của mình. Căn phòng không phải một nhà tù hay cũi chó. Trái lại, nơi này là một đường hầm dẫn ra thế giới bên ngoài. Những con thú nhồi bông, những tấm áp phích, đồ câu, tạp chí. Mọi vật hiện diện để nhắc nhở ông ta về những khoảnh khắc của tự do tuyệt đối, có lẽ chính là điều đóng vai trò quan trọng nhất trong cuộc sống của người đàn ông này.

Trong bức ảnh, bốn người đàn ông đang mặc áo kẻ ô, áo khoác len và quần theo thời trang thập niên 1990. Một trong số họ cầm một chiếc bình kim loại, hẳn là chứa chất lỏng gì đó không phải là nước, một người khác đang nhìn vào ông kính với nụ cười mờ nhạt và lơ đãng như

thể tâm trí ông ta đang ở nơi khác, như thể cái nghi lễ nhỏ bé này chẳng liên quan gì đến mình.

Servaz nhìn kĩ hai người đàn ông còn lại. Một người khổng lồ để râu có vẻ vui tính, còn người kia cao và khá gầy với mái tóc nâu dày và một cặp kính lớn. Anh so sánh cái hồ trong ảnh với cái hồ trên tấm áp phích treo tường, nhưng không xác định được đó chỉ là một cái nhưng ở hai góc độ khác nhau, hay là hai cái hoàn toàn khác biệt.

Anh lật tấm ảnh lại. *Hồ Oule, tháng Mười năm 1993*. Chữ viết tay gọn ghẽ, nắn nót. Anh đã đúng. Bức ảnh đã được mười lăm năm. Những người đàn ông phỏng chừng cũng tầm tuổi anh bây giờ. Ngập ngừng tứ tuần. Bọn họ có còn hoài bão không, hay đã nhìn lại cuộc đời mình? Và kết luận của họ là tích cực hay tiêu cực?

Trong bức ảnh, họ đang cười, mắt nhấp nhánh ánh sáng dịu dịu của một buổi tối mùa thu, khuôn mặt viền bằng những cái bóng thẫm.

Nhưng sự thật ra sao? Tất cả, hoặc hầu hết mọi người, đều cười khi chụp ảnh. Mỗi người đều như đang đóng một vai trong vở kịch, Servaz thầm nghĩ. Ngày nay, ai nấy đều bị ảnh hưởng trước sự tầm thường của truyền thông toàn cầu. Thậm chí rất nhiều người đã sống cường điệu, sống cuộc đời ảo, như thể đang diễn trên sân khấu. Hình thức và sự hào nhoáng đã trở thành chuẩn mực.

Servaz say mê nghiên cứu bức ảnh. Nó có quan trọng không? Trực giác mơ hồ nhưng quen thuộc nói với anh rằng câu trả lời là có. Anh do dự, rồi nhét bức ảnh vào túi áo.

Ngay lúc ấy, anh có cảm giác mình đã bỏ qua thứ gì đó. Một cảm giác mạnh mẽ, đột ngột. Cảm tưởng như não anh đã vô thức nhận ra một chi tiết và đang rung lên hồi chuông báo động.

Anh lại lật bức ảnh ra. Nghiên cứu kĩ từng chi tiết. Bốn người đàn ông đang cười. Ánh sáng buổi tối dịu dàng. Hồ nước. Màu sắc mùa thu. Ánh sáng lấp lánh trên mặt hồ. Không, không phải là nó. Thế nhưng cảm giác vẫn ở đó, rõ rệt, không thể phủ nhận. Anh đã thấy gì đó, mà không hề nhận ra.

Và đột nhiên. Anh vỡ lẽ.

Tay của họ.

Có thể thấy bàn tay của ba trong bốn người đàn ông. Họ đều đang đeo một chiếc nhẫn to bản có dấu triện bằng vàng ở ngón áp út. Bức hình được chụp từ khoảng cách khá xa nên anh không thể nhìn rõ, nhưng Servaz dám thề rằng đó chính là chiếc nhẫn ấy. Chiếc nhẫn đeo trên ngón tay bị cắt đứt của Grimm.

Anh rời phòng. Âm nhạc vọng khắp căn nhà. Jazz. Quay trở ra hành lang toàn những đồ trang trí lúc này, Servaz đi về phía tiếng nhạc và tới một phòng khách cũng lộn xộn không kém. Bà góa đang ngồi trên ghế bành, đọc sách. Bà ngẩng đầu lên và nhìn anh bằng ánh mắt thù địch. Servaz lắc lắc chùm chìa khóa trước mặt bà.

“Bà có biết những chiếc chìa này là của cái gì không?”

Nadine Grimm ngậm ngừng trong chốc lát, như thể bản khoản liệu mình sẽ gặp phải rắc rối gì nếu không nói.

“Chúng tôi có một căn nhà gỗ ở thung lũng Sospel,” cuối cùng bà nói. “Cách đây chừng 10 kilomet. Ở phía Nam Saint-Martin... cách biên giới Tây Ban Nha không xa. Nhưng chúng tôi... đúng hơn là chồng tôi, chỉ tới đó vào cuối tuần, bắt đầu khi xuân sang.”

“Chồng bà? Còn bà?”

“Chỗ đó u ám lắm. Tôi không bao giờ đặt chân đến. Chồng tôi tới Sospel để được ở một mình, để nghỉ ngơi, tĩnh tâm, và đi câu.”

Để nghỉ ngơi, Servaz nghĩ. Từ bao giờ các dược sĩ cần phải nghỉ ngơi vậy? Không phải vẫn có các nhân viên làm việc quần quật cho họ sao? Rồi anh bỗng thấy mình thật nhỏ nhen. Rốt cuộc anh biết gì về công việc của một dược sĩ? Nhưng có một điều chắc chắn, anh phải đến thăm căn nhà gỗ.

Ba mươi tám phút sau, Espérandieu có câu trả lời cho lời nhắn của mình. Những giọt mưa nặng hạt đang chảy thành dòng trên kính cửa sổ. Màn đêm đã buông xuống Toulouse, những dòng sáng mờ nhòe trên

khung cửa sổ cũng đang tuôn chảy như những hình động trên màn hình chờ.

Cậu đã gửi tin nhắn:

[Từ: vincent.esperandieu@hotmail.com - Đến: kleim162@lematin.fr - 16:33:54]

Anh có biết gì về Eric Lombard không?

[Từ: kleim162@lematin.fr - Đến: vincent.esperandieu@hotmail.com - 17:12:44]

Cậu muốn biết điều gì?

Espérandieu cười và gõ tin nhắn:

Liệu có bí mật đáng sợ nào không, những vụ bê bối bị bưng bít, những vụ kiện cáo chống lại tập đoàn Lombard ở Pháp hoặc ở nước ngoài chưa được giải quyết. Bất cứ tin đồn nào về anh ta. Bất cứ tin đồn bẩn thỉu nào.

[Từ: kleim162@lematin.fr - Đến: vincent.esperandieu@hotmail.com - 17:25:06]

Chỉ thế thôi à? Cậu đăng nhập vào msn được không?

Thung lũng bị chôn vùi trong cái bóng của ngọn núi. Servaz phải bật đèn pha. Con đường hoàn toàn trống trải. Chẳng ai lại đi lang thang ở nơi thung lũng tăm tối vào thời điểm này trong năm. Có hơn hai mươi căn nhà và túp lều trải dài theo 12 kilomet dọc bờ sông. Những ngôi nhà nghỉ hè này chỉ có người ở từ tháng Năm tới tháng Chín, và hiếm hơn, vào dịp Giáng sinh. Còn lúc này, chúng chỉ là những cái bóng khom mình xuống bên đường, gần như hòa làm một với khối núi đen khổng lồ.

Sau một khúc quanh rộng, dưới ánh sáng đèn pha, Servaz trông thấy con đường mòn qua rừng mà bà góa đã nói với anh. Anh đi chậm lại và lái chiếc Jeep vào đó. Chiếc xe xóc nảy suốt quãng đường. Anh bám chặt vào vô lăng, lái với tốc độ 15 km/h. Đêm đã buông xuống. Trăng lên.

Những hàng cây đen sì nổi bật trên nền trời chỉ sáng hơn màu đen ấy một chút. Servaz đi thêm vài trăm mét nữa, căn nhà gỗ xuất hiện trước mắt.

Anh tắt máy, để lại đèn pha, bước ra ngoài. Màn đêm tĩnh lặng chỉ còn tiếng con suối gần đó. Anh nhìn ra xung quanh, nhưng không có một tia sáng nào trong phạm vi hàng dặm quanh đây.

Servaz đi tới ngôi nhà trong ánh sáng chói mắt của đèn pha đang chiếu lên những hàng cây. Cái bóng của anh hắt ra phía trước như một người khổng lồ bằng đêm đen đang dẫn đường. Anh trèo lên những bậc thềm dẫn lên hiên và lôi chùm chìa khóa ra. Quả thật có ba ổ khóa, ổ khóa ở trung tâm tương ứng với chiếc chìa lớn nhất, và hai cái nhỏ hơn để mở ổ khóa trên và dưới. Anh mất một lúc mới tra được chìa, đặc biệt là hai cái nhỏ cùng cỡ, và ổ khóa trên cùng được xoay ngược lại. Rồi anh đẩy mở cánh cửa, nó cưỡng lại trước khi đầu hàng với một tiếng kêu rên. Servaz dò dẫm tìm công tắc đèn gần cửa. Nó ở phía bên trái, anh bật đèn lên. Ánh sáng đổ xuống từ trần nhà.

Trong vài giây, anh đứng bất động trên ngưỡng cửa, chết sững trước cảnh tượng nhìn thấy.

Trong căn nhà gỗ không có gì khác ngoài một cái bàn bếp ở bên phải, với khoảng không giống một gian bếp nhỏ ở phía sau, chiếc ghế bành dựa vào vách trong cùng, một cái bàn gỗ và hai chiếc ghế đặt đối diện nhau. Nhưng trên tường bên trái treo một chiếc áo choàng đi mưa làm bằng vải chống thấm màu đen. Xem ra, càng lúc anh càng đến gần sự thật.

Espérandieu mở cửa sổ trò chuyện trực tuyến. Cậu đợi ba phút, rồi một tin nhắn đính kèm một icon hình con chó đang thích thú đánh hơi vọt lên ở góc dưới bên phải màn hình: kleim162 vừa đăng nhập.

Ba giây sau, một hộp thoại với cùng icon mở ra.

kleim162: Sao lại hứng thú với Éric Lombard?

vince.esp: Xin lỗi, hiện tại chưa thể nói cho anh được.

kleim162: Anh vừa tìm hiểu một chút trước khi đăng nhập. Có người đã giết con ngựa của anh ta. Thông tin được đăng trên vài tờ báo. Có liên quan không?

vince.esp: Miễn bàn.

kleim162: Vince, cậu ở trong tổ hình sự. Đừng có bảo anh là cậu đang phải điều tra cái chết của một con ngựa nhé!

vince.esp: Anh có giúp tôi hay không?

kleim162: Anh được gì nào?

vince.esp: Tình cảm bạn bè.

kleim162: Chúng ta sẽ nói chuyện ôm ấp lúc khác. Và ngoài ra thì sao?

vince.esp: Anh sẽ là người đầu tiên được nghe về diễn biến của cuộc điều tra.

kleim162: Như vậy là có một cuộc điều tra. Chỉ thế thôi sao?

vince.esp: Và sẽ là người đầu tiên được biết còn thứ gì quan trọng hơn ẩn giấu đằng sau hay không.

kleim162: Được, anh sẽ đi xem xem.

Espérandieu nở nụ cười rồi đăng xuất.

“Kleim162” là tên ảo của một nhà báo điều tra tự do cho vài tạp chí lớn. Một con chồn thực sự. Kẻ thích chõ mũi vào những nơi không được chào đón. Espérandieu gặp anh ta trong một tình huống khá hi hữu, và cậu chưa bao giờ nói về ‘mối quan hệ’ này với bất kì ai, ngay cả Servaz. Ngoài mặt, cậu cũng tỏ ra giống các thành viên khác trong đội, đề phòng báo giới. Nhưng quan điểm bí mật của cậu lại khác. Cũng như chính trị gia, một cảnh sát chỉ có thể thăng tiến, và thậm chí là thăng tiến đáng kể, khi có một hai nhà báo hậu thuẫn.

Ngồi sau tay lái, Servaz gọi vào số của Ziegler. Cuộc gọi chuyển vào hộp thư thoại. Anh cúp máy. Lại gọi cho Espérandieu.

“Tôi tìm thấy một tấm ảnh ở chỗ Grimm,” anh nói. “Tôi muốn cậu

phục chế.”

Tổ điều tra có phần mềm xử lý hình ảnh, nhưng chỉ Espérandieu và Samira là biết sử dụng.

“Ảnh loại nào? Kỹ thuật số hay tín hiệu tương tự?”

“Giấy. Một bản cũ. Chụp một nhóm người. Một trong số đó là Grimm, và người nữa là Chaperon, thị trưởng Saint-Martin. Hình như cả bọn đều đeo cùng một chiếc nhẫn triện. Nó khá mờ, nhưng có gì đó khắc ở trên. Tôi muốn cậu tìm ra là gì.”

“Anh nghĩ có thể là một dạng câu lạc bộ, như Hội Phù luân hay Hội Tam điểm không?”

“Tôi không biết, nhưng...”

“... ngón áp út bị cắt,” trợ lý của anh đột nhiên nhớ ra.

“Chính xác.”

“Được rồi, anh có thể scan tấm ảnh đó và gửi cho em từ chỗ sen đầm không? Để em xem xem. Nhưng phần mềm của chúng ta chủ yếu dùng để xử lý ảnh kỹ thuật số. Với ảnh cũ được scan thì không hiệu quả lắm.”

Servaz cảm ơn cậu. Anh chuẩn bị lái xe đi thì điện thoại kêu. Là Ziegler.

“Anh gọi à?”

“Tôi tìm thấy một thứ,” anh nói luôn. “Trong căn nhà gỗ của Grimm.”

“Nhà gỗ?”

“Bà góa nói với tôi. Tôi tìm thấy chìa khóa ở bàn làm việc của Grimm. Rõ ràng, bà ta chưa bao giờ bước chân vào đó. Cô phải thấy nó...”

“Ý anh là gì?”

“Có một cái áo choàng, giống như cái trên thi thể Grimm. Và một đôi ủng. Muộn rồi, tôi chuẩn bị khóa cửa và đưa chìa khóa cho Maillard. Tôi muốn một đội khám nghiệm hiện trường lục soát chỗ này thật kỹ, ngay sáng ngày mai.”

Đầu dây bên kia im lặng. Bên ngoài, gió đang hú gào.

“Còn cô, điều tra đến đâu rồi?” Anh nói.

“Mấy cái đai thuộc loại phổ biến,” cô trả lời. “Sản xuất hàng loạt, phân phối đến toàn bộ phía Tây và Nam nước Pháp. Có số xê ri trên mỗi chiếc. Họ đang cố truy lại nhà sản xuất để tìm ra cửa hàng đã bán nó.”

Servaz ngừng lại một khắc để suy nghĩ. Ngay bên ngoài, dưới quầng sáng tỏa ra từ đèn pha, một con cú đậu lên một cành cây và đang quan sát anh. Servaz nghĩ tới ánh mắt của Hirtmann.

“Nếu tìm ra được cửa hàng đó, chúng ta có thể lấy được băng ghi hình,” anh nói.

Anh có thể cảm nhận được sự hoài nghi trong giọng Ziegler, “Ngay cả khi giữ lại băng, thì theo luật họ phải hủy chúng trong vòng một tháng. Điều đó có nghĩa là mấy cái đai phải được bán rất gần đây thì may ra...”

Servaz gần như chắc chắn kẻ giết Grimm phải chuẩn bị cho vụ này trước hàng tháng trời. Hắn có mua đai vào phút cuối không? Hay đã có sẵn từ đầu?

“Được rồi,” anh nói. “Hẹn gặp cô ngày mai.”

Servaz lái xe quay lại đường rừng để ra đường cái. Những đám mây đen trượt qua phía trước mặt trăng. Thung lũng chỉ còn những cái bóng tối thui. Bầu trời nhập vào làm một với dãy núi đen. Servaz dừng lại, nhìn trái phải, rồi lái ra đường cái.

Theo thói quen, anh nhìn gương chiếu hậu.

Trong một tích tắc, tim anh như ngừng đập. Một cặp đèn pha vừa bật lên phía sau anh... Một chiếc xe đỗ ở ven đường, trong bóng tối, không xa nơi anh vừa rời khỏi lối mòn. Qua gương chiếu hậu, anh thấy cặp đèn pha di chuyển khỏi khoảng đất rộng ven đường và bắt đầu đi theo anh. Dựa vào kích cỡ và chiều cao của chiếc xe, anh đoán là một con 4x4. Tóc gáy dựng đứng lên. Hiển nhiên chiếc 4x4 ở đó vì anh. Còn lý do nào nữa đây, ở nơi tận cùng cái thung lũng hoang vắng này? Anh

thắc mắc ai là người ngồi sau tay lái. Lẽ nào là tay chân của Lombard? Nhưng tại sao? Nếu để mắt tới anh thì người của Lombard có lựa chọn xuất hiện kiểu này không?

Anh bắt đầu cảm thấy lo lắng.

Nhận ra mình đang siết vô lăng quá chặt, anh hít một hơi thật sâu. Bình tĩnh lại. Đừng hoảng loạn. Một chiếc xe đi theo mày, thế thì sao? Thế nhưng, một cảm giác gằn như sợ hãi lại thắng thế khi anh chợt nghĩ rằng đó có thể là tên giết người. Bằng việc mở cánh cửa vào ngôi nhà gỗ đó, anh đã lớn vớn quá gằn sự thật... Ai đó đã kết luận rằng anh đang gây cản trở. Servaz một lần nữa nhìn gương chiếu hậu. Anh vừa ra khỏi một khúc cua rộng, đèn pha của kẻ theo đuôi anh đã biến mất sau những hàng cây cao dọc đường.

Rồi anh lại thấy nó một lần nữa, và tim Servaz dường như nhảy ra khỏi lồng ngực khi một luồng sáng chói lòa chiếu thẳng vào xe anh. Sáng cực độ! Anh nhận ra người mình ướt đẫm mồ hôi. Anh bị lóa mắt, chẳng khác nào một con vật sập bẫy đèn pha, hết như con cú lúc này. Tim anh đã vọt lên tận miệng.

Chiếc 4x4 giờ đã lại gằn. Rất gằn. Ngay sau anh. Luồng sáng dữ dội gằn như thiêu đốt toàn bộ nội thất trong chiếc xe Jeep, làm nổi bật từng chi tiết trên bảng điều khiển.

Servaz đạp chân ga, nỗi sợ hãi tốc độ đã bị chế ngự bởi nỗi sợ hãi kẻ đang bám theo. Và kẻ đó để anh kéo giãn một khoảng. Anh cố thở sâu và đều, nhưng tim anh đang nhảy loạn lên như một con dê núi trong lồng ngực và mồ hôi chảy thành dòng trên mặt. Mỗi lần liếc nhìn gương chiếu hậu, ánh sáng trắng ở kính sau ô tô lại khiến anh lóa mắt, và anh chỉ thấy những điểm đen nhảy nhót.

Đột nhiên, chiếc 4x4 tăng tốc. Mẹ kiếp, thằng này điên rồi! Hấn sắp đâm vào mình!

Trước khi anh kịp làm gì, chiếc xe đen đã bắt kịp anh. Trong khoảnh khắc sợ hãi tột cùng, Servaz nghĩ chiếc xe kia sắp sửa hất văng xe anh ra khỏi đường. Nhưng nó chỉ tiếp tục tăng tốc, vượt qua xe anh trên con đường thẳng trải dài rồi phóng mất, ánh đèn hậu của nó nhanh chóng

đi vào màn đêm. Servaz thấy cặp đèn hậu chớp nháy ngay trước khúc quanh tiếp theo, rồi chiếc xe biến mất. Anh đi chậm lại, lái sang vệ đường rồi đột ngột nhấn phanh. Nghiêng người lấy súng trong hộp đựng đồ, anh bước ra ngoài, hai chân lẩy bẩy. Không khí lạnh lẽo của buổi đêm thật dễ chịu. Anh muốn kiểm tra ổ đạn nhưng hai tay run rẩy đến nỗi phải mất đến vài giây mới thao tác xong.

Nhưng lời cảnh cáo rõ ràng như ban đêm trời phải tối. Ai đó trong thung lũng này không muốn cuộc điều tra của anh đi xa hơn. Ai đó không muốn anh tìm ra sự thật.

Nhưng là sự thật gì?

Ngày hôm sau, Servaz và Ziegler tham dự tang lễ của Grimm giữa những cây lân sam và hàng trăm bia mộ nơi nghĩa trang nhỏ trên đỉnh ngọn đồi.

Đằng sau đám người tiễn đưa đứng quanh mộ phần, những hàng cây đen đúa dường như cũng đang khoác đồ tang. Cơn gió khiến cành cây xào xạc thì thào cầu nguyện. Vòng hoa và ngôi mộ nổi bật lên trên nền tuyết. Thị trấn trải dài suốt thung lũng bên dưới. Servaz thăm nghĩ, ở nơi đây, họ thực sự đến gần hơn với bầu trời.

Anh đã có một đêm tồi tệ. Mấy lần giật mình tỉnh giấc, trán đầm mồ hôi. Anh không thể ngăn mình nghiền ngẫm lại những gì đã xảy ra tối qua. Anh vẫn chưa kể với Ziegler về việc đó, vì suy nghĩ kì quặc rằng nếu nói ra, có thể họ sẽ gạt anh ra ngoài và giao cuộc điều tra cho người khác. Liệu họ có đang gặp nguy hiểm không? Có một điều chắc chắn, bọn chúng không thích những kẻ lạ mặt lảng vảng xung quanh thung lũng này.

Anh nhìn ngắm sườn đồi quanh mình để cố lấy lại bình tĩnh. Mùa hè ở đây hẳn là rất dễ chịu. Sườn đồi xanh um dường như trải ra bạt ngàn tựa một mũi thuyền bên trên thung lũng. Một quả đồi tròn, thoải thoải như cơ thể một người đàn bà. Ngay cả những ngọn núi cũng mất đi vẻ hăm dọa nếu nhìn từ đây. Tiết trời dễ chịu chiều lòng người.

Trên đường ra khỏi nghĩa trang, Ziegler lấy khuỷu tay chọc anh. Anh nhìn theo hướng cô chỉ. Chaperon đã xuất hiện. Ông ta đang nói chuyện với Cathy d'Humières và vài nhân vật quyền cao chức trọng khác. Bỗng nhiên, điện thoại của Servaz rung trong túi áo.

Anh trả lời. Ai đó từ trụ sở cảnh sát quốc gia ở Paris. Servaz lập tức nhận ra giọng điệu quý tộc, từng trải, như thể người nói chuyện với anh súc miệng bằng mật mía mỗi sáng.

“Anh giải quyết vụ con ngựa thê nào rồi?”

“Ai muốn biết vậy?”

“Sở chỉ huy của Lực lượng Cảnh sát Quốc gia đang theo sát vụ việc này đây, thưa ngài sĩ quan.”

“Họ có biết một người đàn ông đã bị giết không?”

“Có, một dược sĩ tên là Grimm, chúng tôi đã biết việc đó,” quan chức nọ trả lời, như thể biết rõ vụ án từ trong ra ngoài, và đương nhiên điều đó là không thể.

“Vậy hẳn ông cũng phải biết rằng con ngựa của anh Lombard không phải ưu tiên của tôi.”

“Sĩ quan chỉ huy, Catherine d’Humières đã đảm bảo với tôi rằng anh là nòng cốt của lực lượng.”

Servaz cảm thấy cơn tức giận đang bùng lên. Rõ ràng tôi là nòng cốt hơn ông, anh nghĩ. Tôi không dành thời gian bắt tay trong hành lang, gièm pha những người bạn nhỏ của mình, hay ngồi trong cuộc họp làm ra vẻ theo sát tất cả các vụ án.

“Anh có manh mối nào không?”

“Hoàn toàn không.”

“Còn hai gã bảo vệ?”

À à, ông ta thực sự có bỏ công bỏ sức ra đọc báo cáo. Hẳn là đọc vội đọc vàng, ngay trước khi gọi cho anh, giống như một sinh viên cuống cuống làm nốt bài tập về nhà trước khi lên lớp.

“Không phải họ.”

“Sao anh có thể chắc chắn như vậy?”

Vì tôi dành thời gian tiếp xúc với nạn nhân và bọn sát nhân trong khi ông ngồi đó âm bàn tọa cả ngày, anh nghĩ.

“Họ không đủ khả năng làm việc đó. Nhưng nếu ông muốn chắc chắn, thì rất hoan nghênh ông tới đây tham gia cùng chúng tôi.”

“Thôi nào, sĩ quan, bình tĩnh lại đi. Không ai nghi ngờ năng lực của anh cả,” người đàn ông dõ dành. “Cứ tiến hành cuộc điều tra theo cách của anh, nhưng đừng quên rằng chúng ta cũng muốn tìm ra kẻ đã giết

con ngựa nữa.”

Một thông điệp rõ ràng, hoàn toàn không sao hết nếu giết một dượng sĩ và treo ông ta trần truồng trên cầu, nhưng việc chặt đầu một con ngựa thuộc sở hữu một trong những người đàn ông quyền lực nhất nước Pháp, là chuyện không thể chấp nhận được.

“Tốt thôi,” Servaz nói.

“Chúng ta sẽ nói chuyện sau, sĩ quan chỉ huy,” người đàn ông nói rồi cúp máy.

Servaz có thể hình dung ra cảnh ông ta ngồi ở bàn làm việc, trong bộ vét và cà vạt đặt may riêng, xúc nước hoa cao cấp, nở nụ cười hãnh học với những cấp dưới nhỏ bé nơi tỉnh lẻ, lôi ra mấy bản báo cáo vô thưởng vô phạt nhưng toàn những lời lẽ đao to búa lớn, rồi đi tới đi lui để phô trương thanh thế và tự thán phục bản thân trong gương trước khi xuống căng tin chém gió về việc thay đổi thế giới với đám bè tôi.

“Một nghi lễ xinh đẹp ở một nơi xinh đẹp,” ai đó nói bên tai anh.

Anh quay đầu. Gabriel Saint-Cyr đang cười với anh. Servaz bắt lấy bàn tay ông cự thắm phán đang chìa ra. Một cái bắt tay chắc nịch, không kiểu cách, không chút đe dọa, như bản thân người đàn ông đó.

“Tôi chỉ đang nghĩ, đây quả là một nơi xinh đẹp để yên nghỉ mãi mãi,” Servaz nở nụ cười.

Ông cự thắm phán gật đầu đồng ý.

“Và đó chính xác là việc tôi định làm. Chắc tôi sẽ tới đây trước anh, nhưng nếu thích, hẳn anh sẽ là một người bạn đồng hành rất tuyệt dưới suối vàng. Chỗ của tôi ở đằng kia.”

Saint-Cyr chỉ về một góc nghĩa trang, Servaz bật cười và châm một điếu thuốc, “Sao ông biết?”

“Biết gì?”

“Rằng tôi sẽ là một người bạn đồng hành tốt dưới suối vàng.”

“Ở tuổi này, với kinh nghiệm đã tích lũy được, tôi có thể nhìn thấu người khác khá nhanh chóng.”

“Và ông không bao giờ phạm sai lầm sao?”

“Hiếm lắm. Hơn nữa, tôi tin tưởng đánh giá của Catherine.”

“Bà ấy có hỏi ông cung nào không?”

Giờ đến lượt Saint-Cyr cười lớn, “Cung hoàng đạo hả? Đó là việc đầu tiên bà ấy làm khi chúng tôi được giới thiệu với nhau! Gia đình tôi đều được chôn cất ở đây,” ông nói thêm. “Ba năm trước tôi đã mua một khoảnh ở đầu bên kia của nghĩa trang, xa nhất có thể.”

“Tại sao?”

“Tôi thấy sợ mỗi khi nghĩ tới việc phải vĩnh viễn ở bên cạnh vài người hàng xóm.”

“Ông có quen Grimm không?”

“VẬY là anh đã quyết định sẽ sử dụng dịch vụ của tôi?”

“Có lẽ.”

“Anh ta là loại người giữ kẽ lắm. Anh nên hỏi Chaperon,” Saint-Cyr nói, chỉ vào ông thị trưởng càng lúc càng đi xa khỏi chỗ họ. “Họ biết nhau rất rõ.”

Servaz nhớ lại lời Hirtmann.

“Tôi cũng nghĩ thế,” anh nói. “Grimm, Chaperon và Perrault, đúng không? Chơi poker tối thứ Bảy hằng tuần...”

“Phải. Và Mourrenx. Bốn người đó trong bốn mươi năm. Không thể tách rời, từ những ngày ở trường trung học.”

Servaz nhớ lại bức ảnh trong túi áo khoác. Anh cho ông thẩm phán xem. “Đây có phải là họ không?”

Gabriel Saint-Cyr rút ra một cặp kính và đeo lên mắt trước khi ghé nhìn bức ảnh. Servaz nhận thấy ngón trở bị biến dạng vì viêm khớp của ông ta khẽ run rẩy khi rê trên bốn người đàn ông. Bệnh Parkinson.

“Phải. Đây là Grimm... Và đó là Chaperon...” Ngón tay của ông di chuyển. “Còn ở đây là Perrault. Người đàn ông cao gầy với mái tóc dày, đeo cặp kính lớn. Anh ta có một cửa hàng bán đồ thể thao ở Saint-Martin. Anh ta còn là một hướng dẫn viên leo núi.”

Rồi ngón tay ông dừng ở người khổng lồ râu ria đang giơ bình nước kim loại về phía ống kính máy ảnh, cười lớn trong ánh sáng mùa thu.

“Gilbert Mourrenx. Anh ta từng làm việc trong một nhà máy xenlulo ở Saint-Gaudens. Đã chết hai năm trước, vì ung thư dạ dày.”

“Ông nói rằng bốn người họ không thể tách rời?”

“Bọn họ từng như vậy,” Saint-Cyr trả lời, tháo kính ra. “Không thể tách rời, phải... có thể nói thế...”

Servaz nhìn chăm chăm vào vị thẩm phán. Có gì đó trong giọng Saint-Cyr... Người đàn ông lớn tuổi không rời mắt khỏi anh. Ông đang gửi cho anh một thông điệp, theo cách tế nhị nhất có thể.

“Bọn họ từng dính vào rắc rối nào chẳng?”

Quý ông hừ trí đáp lại ánh mắt của Servaz. Anh nín thở.

“Chỉ là đồn thổi... Một lần, khoảng ba mươi năm trước, có một vụ đâm đơn... từ một gia đình ở Saint-Martin. Một gia đình giản dị, người bố là công nhân nhà máy điện, người mẹ không đi làm.”

Nhà máy điện! Các giác quan của Servaz lập tức đề cao cảnh giác.

“Họ đâm đơn kiện?”

“Phải. Vì bị tống tiền. Đại loại thế...”

Người đàn ông già nhú mày, cố nhớ lại. “Nếu tôi nhớ không lầm, thì có một vài bức ảnh Polaroid*. Con gái của đôi vợ chồng khốn khổ, một đứa trẻ 17 tuổi. Trong ảnh, cô bé khỏa thân và rõ ràng là đang say rượu. Ở một bức khác, cô bé đang... cùng với vài gã thanh niên, tôi nghĩ thế. Có vẻ như mấy gã đó đã dọa sẽ công khai những bức ảnh nếu cô bé không chịu làm theo lời chúng. Nhưng cô bé đã hoảng sợ và nói cho bố mẹ biết tất cả.”

“Chuyện gì xảy ra sau đó?”

“Chẳng có gì. Hai vị phụ huynh rút lại đơn kiện trước khi sen đâm kịp thẩm vấn bốn thằng khốn. Hẳn là họ đã âm thầm giải quyết với nhau, bên thôi kiện và bên thôi tống tiền. Chắc vợ chồng nhà đó cũng không muốn những bức ảnh truyền ra ngoài...”

Servaz nhú mày.

“Lạ thật. Maillard không hề nhắc đến chuyện này với tôi.”

“Có lẽ cậu ấy không biết gì đâu. Lúc đó cậu ấy chưa vào làm.”

“Bây giờ ông còn đang công tác.”

“Phải.”

“Thế ông có tin không?”

Saint-Cyr tỏ vẻ ngờ vực. “Anh là cảnh sát. Cũng như tôi, anh biết rõ ràng mọi người đều có bí mật. Và thường thì không phải bí mật hay ho gì. Vì sao gia đình nọ phải nói dối?”

“Để moi tiền của bố mẹ bốn cậu bé còn lại.”

“Và để con gái họ mang tiếng suốt đời sao? Không. Tôi biết bố của cô bé, ông ta đã làm mấy việc lặt vặt ở chỗ tôi khi còn thất nghiệp. Một tay trung thực, gia giáo. Tôi dám cá đó không phải phong cách của họ.”

Servaz nghĩ tới ngôi nhà gỗ và thứ mình tìm được ở đó, “Ông vừa nói ai cũng có bí mật.”

Saint-Cyr chăm chú nhìn anh, “Phải. Bí mật của anh là gì, sĩ quan?”

Servaz mỉm cười bí hiểm.

“Những vụ tự tử,” anh nói. “Có ý nghĩa gì với ông không?”

Lần này anh thấy sự ngạc nhiên hiện lên trong mắt ông thẩm phán.

“Ai kể với anh?”

“Tôi có nói ông cũng không tin đâu.”

“Thử xem.”

“Julian Hirtmann.”

Gabriel Saint-Cyr trân trối nhìn anh một lúc lâu, ánh mắt đầy vẻ khó hiểu, “Anh không đùa đấy chứ?”

“Hoàn toàn không.”

Trong một tích tắc, ông thẩm phán già lặng đi. Cuối cùng ông nói, “Tối nay khoảng 8 giờ anh làm gì?”

“Tôi chưa có kế hoạch nào cả.”

“Được, hãy đến nhà tôi ăn tối. Nếu lời các thực khách của tôi đáng tin, thì tôi là một đầu bếp thứ thiệt đấy. Số 6 Impasse du Torrent. Đừng lo không tìm thấy, nó là một cối xay nước cũ, ở tận cuối con đường, ngay trước khu rừng. Hẹn gặp anh tối nay.”

“Tôi hy vọng mọi chuyện vẫn ổn,” Servaz nói.

Chaperon quay lại với một cử chỉ kì quặc. Một bàn tay ông ta đã đặt lên cửa xe. Bộ dạng căng thẳng và âu lo. Khi nhận ra Servaz, ông ta đổ mặt, “Sao anh lại nói thế?”

“Tôi đã cố tìm ông cả ngày hôm qua,” Servaz nở nụ cười thân thiện. “Nhưng vô ích.”

Trong khoảnh khắc, thị trưởng của Saint-Martin trông đầy bối rối. Rõ ràng ông ta đang cố giữ điềm tĩnh, nhưng không thể.

“Tôi bàng hoàng vì cái chết của Gilles. Một án mạng khủng khiếp... ra tay đến mức mất nhân tính như vậy... thật khủng khiếp... Tôi cần phải đi nơi khác, để được ở một mình. Tôi đi leo núi.”

“Một mình trên núi? Ông không sợ sao?”

Thị trưởng rùng mình trước câu hỏi của anh, “Vì sao tôi phải sợ?”

Nhìn thật kĩ người đàn ông nhỏ bé rám nắng, Servaz chắc chắn ông ta không chỉ sợ hãi đơn thuần, mà phải gọi là khiếp đảm. Servaz băn khoăn không biết có nên hỏi luôn ông ta về những vụ tự tử không, nhưng rồi quyết định là nên kiềm chế, không ngứa hết bài một lúc. Tối nay, anh sẽ biết thêm về sự việc sau bữa ăn tối với Saint-Cyr. Tuy vậy, anh vẫn lấy bức ảnh trong túi ra, “Bức ảnh này có gợi lại cho ông điều gì không?”

“Anh lấy nó ở đâu?”

“Chỗ của Grimm.”

“Đó là một bức ảnh cũ,” Chaperon lảng tránh ánh mắt anh.

“Phải, tháng Mười năm 1993,” Servaz nói.

Chaperon vẫy vẫy tay phải, như thể muốn nói chuyện đã lâu quá rồi. Bàn tay bóng nhờn đầy nốt đồi mồi của ông ta đập dờn trước mắt Servaz, khiến anh đông cứng lại vì ngỡ ngàng. Ông thị trưởng không còn đeo chiếc nhẫn triện nữa, nhưng chắc hẳn ông ta mới tháo ra, vì vẫn nhìn rõ một dải da hẹp, sáng màu hơn chạy vòng quanh ngón áp út.

Rất nhanh, tâm trí Servaz bị những câu hỏi dồn dập tấn công.

Ngón tay của Grimm đã bị cắt, Chaperon tháo chiếc nhẫn triện mà cả bốn người đàn ông trong ảnh đều đeo. Điều đó có nghĩa là gì? Kẻ giết người rõ ràng biết câu trả lời. Phải chăng hai người còn lại trong tấm ảnh có liên quan tới cái chết của ông dược sĩ? Và nếu có, Hirtmann biết được bằng cách nào?

“Ông có biết rõ về họ không?” Servaz hỏi.

“Có, khá rõ. Mặc dù Perrault và tôi giờ không còn gặp nhau thường xuyên như trước.”

“Họ cũng từng là bạn chơi poker của ông.”

“Phải. Chúng tôi còn thường xuyên đi leo núi với nhau. Nhưng tôi không thấy...”

“Cảm ơn ông.” Servaz ngắt lời. “Hiện tại tôi không còn câu hỏi nào khác.”

“Ai thế?” Ziegler hỏi khi hai người đã vào xe, chỉ về phía người đàn ông đang rón rén đi tới một chiếc Peugeot 405 trông cổ lỗ già nua y hệt chủ nhân.

“Gabriel Saint-Cyr, thẩm phán điều tra danh dự, đã về hưu. Hôm qua tôi gặp ông ta ở trụ sở tòa án.”

“Hai người đã nói chuyện gì?”

“Grimm, Chaperon, Perrault, và một Mourrenx nào đó.”

“Ba người chơi poker... và Mourrenx là ai?”

“Thành viên thứ tư trong nhóm. Ông ta đã chết hai năm trước vì ung thư. Theo lời Saint-Cyr, ba mươi năm trước bọn họ đã bị buộc tội tống tiền. Họ chuốc rượu một cô gái, lột trần cô ta để chụp ảnh. Rồi họ dọa sẽ công khai bức ảnh nếu...”

“... nếu cô ấy không chịu nghe lời...”

“Chính xác.”

Servaz thoáng thấy một tia sáng trong mắt Ziegler.

“Đó có thể là một manh mối,” cô nói.

“Liên quan thế nào với con ngựa của Lombard? Và Hirtmann?”

“Tôi không biết.”

“Đã từ ba mươi năm trước. Bốn chàng trai trẻ say khướt và một cô gái cũng say khướt. Thì sao chứ? Họ còn trẻ, họ làm điều dại dột. Nó dẫn chúng ta đến đâu?”

“Có lẽ đó chỉ là phần chóp của tảng băng trôi.”

Servaz nhìn cô. “Ý cô là gì?”

“Thì, có thể có những chuyện ‘dại dột’ hơn, kiểu kiểu đó. Có thể bọn họ không chỉ dừng ở đây. Có thể một trong những chuyện dại dột đã để lại hậu quả tồi tệ.”

“Nhiều có thể quá đấy,” Servaz nói. “Và còn một việc nữa, Chaperon đã tháo nhẫn triện.”

“Gì cơ?”

Servaz tả lại những gì anh thấy. Ziegler chau mày.

“Cô nghĩ hành động này có nghĩa là gì?”

“Tôi không biết. Trong lúc đó, tôi có thứ cho anh xem đây.”

“Căn nhà gỗ?”

“Phải. Chúng ta đi chứ?”

5 giờ, chuông báo thức trên tủ đầu giường rung lên và Diane run rẩy lết vào nhà tắm. Như mọi buổi sáng khác, vòi hoa sen bắt đầu bằng những tia nước nóng rẫy rồi kết thúc bằng từng dòng nhỏ giọt lạnh buốt. Cô vội vã lau người, mặc quần áo, và dành một giờ tiếp theo để đọc lại ghi chú của mình trước khi xuống căng tin ở tầng trệt.

Căng tin rất vắng vẻ, không một bóng người. Nhưng giờ cô đã biết nơi đặt chiếc máy pha cà phê dạng viên nén, và cô bước ra sau quầy để tự pha một cốc espresso. Cô trở lại tiếp tục đọc ghi chú cho tới khi nghe thấy những tiếng bước chân trong hành lang. Bác sĩ Xavier vào phòng, gật đầu với cô rồi đi thẳng ra sau quầy để tự pha cà phê. Cầm cái cốc trong tay, anh ta đi qua chỗ cô.

“Chào buổi sáng, Diane. Cô dậy sớm nhỉ.”

“Chào buổi sáng, bác sĩ. Là thói quen cũ thôi...”

Cô nhận thấy tâm trạng anh ta có vẻ tốt. Anh ta nhấp cà phê, vẫn nhìn cô với vẻ cười cười.

“Cô đã sẵn sàng chưa, Diane? Tôi có tin tốt đây. Sáng nay chúng ta sẽ tới thăm các bệnh nhân ở Khu A.”

Cô cố che giấu sự phấn khích và giữ cho giọng mình thật chuyên nghiệp, “Thật tốt quá, thưa bác sĩ.”

“Cứ gọi tôi là Francis.”

“Được thôi, Francis.”

“Tôi hy vọng lần trước không làm cô quá hoảng sợ. Tôi chỉ muốn cảnh báo cô thôi. Rồi cô sẽ thấy, mọi chuyện sẽ ổn.”

“Tôi đã rất sẵn sàng.”

Ánh mắt anh ta nhìn cô rõ ràng biểu lộ sự nghi ngờ.

“Chúng ta sẽ gặp ai?”

“Julian Hirtmann.”

Cánh cửa văn phòng mở ra khi *Seven Nation Army* của The White Stripes đang vang vang trong tai nghe, Espérandieu ngược lên khỏi màn hình.

“Này,” Samira nói. “Khám nghiệm tử thi thế nào?”

“Rất kinh khủng,” Espérandieu kéo tuột tai nghe ra.

Samira đi vòng qua bàn Espérandieu để tới chỗ ngồi của mình. Khi cô bước qua, cậu ngửi thấy thoang thoảng mùi nước hoa tươi mát và dễ chịu trên nền hương sữa tắm. Thời điểm cô đặt chân vào tổ hình sự, cậu nhận ra sự đồng điệu giữa họ. Giống như cậu, Samira Cheung cũng là mục tiêu của những lời châm biếm và sự chế nhạo công khai của một số thành viên khác. Nhưng cô gái trẻ biết cách chứng tỏ bản thân. Cô đã chinh đốn những thằng khốn đó không chỉ một lần. Và chỉ càng khiến bọn họ ghét cô hơn.

Samira Cheung chộp lấy chai nước khoáng và uống luôn. Sáng nay cô mặc một chiếc áo da ngắn bên ngoài áo khoác bò và áo nỉ có mũ,

quần rằn ri, bột cao chín phân và đội mũ len trượt tuyết có lưỡi trai.

Cô chăm chú nhìn màn hình máy tính với khuôn mặt xấu lạ thường của mình. Trang điểm cũng không giúp cô khá hơn. Ngay cả Espérandieu cũng muốn cười phá lên khi lần đầu thấy cô, nhưng cuối cùng cậu cũng quen dần. Giờ cậu thậm chí còn cho rằng cô có một sức hút kì lạ đến ngược đời.

“Vừa ở đâu thế?” Cậu hỏi.

“Ở trụ sở tòa án.”

Cậu biết điều đó có nghĩa là cô vừa nói chuyện với thẩm phán phụ trách vụ án ba thằng bé. Cậu mỉm cười, tự hỏi không biết cô đã tạo ra ấn tượng như thế nào ở trụ sở tòa án.

“Có tiên tri gì không?”

“Hình như bên kháng cáo đã rót mớ lý luận vào một cái tai biết cảm thông và lắng nghe của đáng tối cao...”

“Ý cô là gì?”

“Là giả thuyết chết đuối đang ngày một vững chắc.”

“Chết tiệt!”

“Anh có để ý thấy gì khi đến đây không?” Cô hỏi.

“Thấy gì?”

“Pujol và Simeoni.”

Espérandieu rụt lại. Đó là chuyện cậu không muốn nói tới.

“Chắc chắn rồi, họ có vẻ phấn chấn lắm,” cậu nói vẻ bi thảm.

“Bọn họ đã như thế từ hôm qua,” Samira nói. “Tôi cảm giác vì Martin không có ở đây nên họ như gà mọc đuôi tôm. Anh nên đề phòng.”

“Sao lại là tôi?”

“Anh biết rõ mà.”

“Không, tôi không biết, giải thích đi.”

“Họ ghét anh. Họ nghĩ anh đồng tính. Mà đối với họ, việc ấy cũng không khác gì ấu dâm hay giao cấu với dê cả.”

“Họ cũng ghét cô mà,” Espérandieu nói thẳng, cô không tập trung

vào cách dùng từ của Samira.

“Ít hơn anh. Họ không thích tôi vì tôi nửa Tàu nửa Ả Rập. Chỉ thiếu mỗi dòng máu da màu nữa thôi. Về cơ bản, tôi là kẻ thù. Còn với anh thì khác. Họ có hàng nghìn lý do để ghét anh, kiểu cách của anh, quần áo của anh, được Martin hậu thuẫn, vợ anh...”

“Vợ tôi?”

Samira không thể nén cười, “Dễ hiểu thôi. Họ không thể hiểu tại sao một người như anh có thể lấy được một người như cô ấy.”

Giờ thì đến lượt Espérandieu mỉm cười. Cậu đánh giá cao tính bộc trực của Samira nhưng đôi lúc ngoại giao một chút có lẽ tốt hơn.

“Bọn người tồi cổ,” anh nói.

“Động vật linh trưởng,” Samira đồng tình. “Nhưng tôi sẽ để ý giúp anh. Tôi dám chắc họ đang mưu tính gì đó.”

Khi họ bước ra khỏi xe đậu bên ngoài căn nhà gỗ của Grimm, Servaz băn khoăn phải chăng đêm qua mình bị ảo giác. Thung lũng không còn vẻ tăm tối và ma quái. Khi đóng cửa xe, anh bỗng thấy cổ họng lại bỏng rát khó chịu. Sáng nay anh quên uống thuốc.

“Cô có nước ở đây không?” Anh hỏi.

“Có một chai nước khoáng trong hộp đựng đồ,” Ziegler nói.

Họ bắt đầu đi về phía ngôi nhà bên bờ suối. Dòng nước đang chảy lấp lánh qua những thân cây, dệt nên một tấm mạng âm thanh trong trẻo tựa pha lê. Vài cây sồi đứng sừng sững trên con dốc xám, giữa những cây vân sam và lãnh sam. Có gì đó trông như một đồng rác trái phép nằm bên cạnh nước. Servaz có thể thấy mấy cái hộp giấy sét, mấy túi rác đen, một cái nệm dơ dáy, một cái tủ lạnh, và thậm chí một chiếc máy tính cũ kéo theo đồng dây cáp dằng sau, như một con bạch tuộc chết với mở xúc tu. Ngay cả trong thung lũng hoang sơ này cũng có rác, dấu hiệu rành rành cho thấy con người không thể nào ngừng hủy hoại mọi thứ.

Anh tiến về những bậc thang dẫn lên hiên. Một dải băng dày in chữ

LỰC LƯỢNG SEN ĐÀM QUỐC GIA. KHÔNG PHẬN SỰ MIỄN VÀO chần chéo trên cánh cửa. Servaz nhấc dải băng lên, mở khóa cửa và đẩy mạnh. Anh đứng sang một bên cho Ziegler bước qua.

“Thứ hay ho ở bên trái,” anh nói.

Cô bước vào trong một bước, và lập tức dừng lại. “Chết tiệt!”

Servaz theo sau cô. Quầy bếp và chạn bát, giường kiêm ghế bành chất đầy đệm tựa vào một cái tủ ngăn kéo, giá sách, đồ câu, cần, giỏ lưới đựng cá, ụng, vợt bắt cá, dòn trong một góc. Mọi thứ đều đã được phủ vô số loại bột chọn lọc, nhôm, chì cacbonat, bột nam châm đen, bột phát quang màu hồng... Tất cả đều được sử dụng để tìm ra dấu vân chìm. Những khu vực màu xanh nước biển lớn rải rác ở một số chỗ cho thấy các nhân viên khám nghiệm đã sử dụng Blue Star, họ tìm kiếm dấu máu nhưng có vẻ vô ích. Những tấm thẻ đánh số vẫn được găm đây đó. Họ thậm chí đã cắt vài mẫu thử.

Anh lén liếc nhìn Ziegler.

Trông cô có vẻ kinh ngạc. Cô đang chăm chăm nhìn vào bức tường bên trái. Chiếc áo choàng lớn màu đen với những nếp gấp óng ánh tương phản sắc nét với tường gỗ nhợt nhạt, phần mũ treo trên một cái móc, giống như con dơi đang ngủ. Phía dưới, trên nền nhà gỗ thông xù xì là một đôi ủng. Những dấu bột cũng tỏa sáng trên tấm vải đen và đôi ủng.

“Tôi không biết tại sao nhưng thứ đó khiến tôi sớn gai ốc,” Ziegler nói. “Dù suy đến cũng chỉ là một cái áo choàng đi mưa và một đôi ủng.”

Servaz liếc ra ngoài ô cửa đang mở. Bên ngoài, mọi thứ đều tĩnh lặng. Nhưng hình ảnh cặp đèn pha chớp lên qua gương chiếu hậu đã ăn sâu vào tiềm thức của anh. Anh cố dỏng tai xem có tiếng động cơ nào không. Tất cả những gì anh nghe thấy là âm thanh của dòng nước. Nỗi sợ hãi bản năng như khi đèn pha của chiếc xe đêm qua nhấn chìm anh lại ùa về. Một nỗi sợ hãi cực độ.

“Anh sao thế?” Ziegler hỏi khi nhận thấy biểu cảm của anh.

“Tôi bị theo dõi, hôm qua, trên con đường này... Một chiếc ô tô đã đợi sẵn khi tôi ra khỏi đường rừng...”

Ziegler quan sát Servaz. Vẻ lo lắng lướt qua gương mặt cô, “Anh chắc không?”

“Chắc.”

Khoảnh khắc im lặng đến ngọt ngào, “Anh phải nói với d’Humières.”

“Không. Tôi muốn chúng ta biết với nhau thôi. Dù sao, cũng chỉ trong khoảng thời gian này.”

“Tại sao?”

“Tôi không biết... Confiant hoàn toàn có khả năng viện cớ đẩy tôi ra khỏi vụ án. Hiển nhiên là lấy lý do đảm bảo an toàn cho tôi,” anh gượng cười mỗi mét.

“Anh nghĩ đó là ai?”

“Có thể là tay chân của Éric Lombard.”

“Hay những tên sát nhân?”

Cô chăm chú nhìn anh, mắt mở to kinh ngạc. Anh hiểu rằng cô đang tự hỏi bản thân sẽ phản ứng thế nào nếu việc đó xảy ra với mình. Nỗi sợ hãi là một dịch bệnh, anh nghĩ. Có một yếu tố vô cùng đen tối trong cuộc điều tra này, một khối tai ác và bí hiểm đã hình thành nên trọng tâm của vấn đề. Và giờ họ đang bị hút tới gần nguy hiểm. Lần thứ hai anh băn khoăn có phải họ đang mạo hiểm chính mạng sống của mình hay không?

“Đã đến lúc tán gẫu một chút với ông thị trưởng,” đột nhiên anh nói.

“Đừng lo, mọi sự sẽ ổn thôi.”

Diane nhìn hình thể cao lớn của Ngài Atlas, ngưỡng tượng những múi cơ mạnh mẽ bên dưới bộ áo liền quần của anh ta. Anh ta chắc phải dành hàng giờ luyện tập trên máy và nhắc những thanh tạ lấp đầy đĩa sắt. Anh ta nháy mắt thân thiện với Diane và cô gật đầu.

Trái ngược với suy nghĩ của hai người đàn ông này, Diane không thực sự sợ hãi. Đúng hơn, cô thấy mình bị thôi thúc bởi sự hiếu kì mang tính nghề nghiệp.

Họ đến một hành lang được chiếu sáng bằng đèn nê ông. Tám tấm

xanh như hút lấy tiếng bước chân của họ. Những bức tường trắng...

Nền nhạc dìu dặt, giống như trong siêu thị. Một bản nhạc New Age* nào đó, có tiếng đàn hạc và dương cầm, nhẹ bẫng như một lời thì thầm.

Những cánh cửa...

Cô đi qua chúng mà không dừng lại. Xavier sải bước phía trước. Cô ngoan ngoãn đi theo.

Không một tiếng động. Chắc hẳn họ đang ngủ. Nơi này giống như một khách sạn năm sao, loại hiện đại, tối giản, với những đường nét gọn gàng. Cô nhớ lại tiếng thét dài và quỷ quái từng nghe thấy qua cánh cửa an ninh trong lần đầu tiên tới gần nơi này. Phải chăng lần đó họ bị dùng thuốc quá liều? Không, Alex đã nói rất rõ ràng về điểm này, hầu hết bọn họ đều kháng thuốc.

Ở cánh cửa cuối cùng, Xavier dừng lại trước mặt cô, anh ta bám mật mã lên cái hộp an ninh rồi vịn tay nắm cửa. “Chào buổi sáng, Julian.”

“Chào buổi sáng, bác sĩ.”

Một giọng nói trầm, đĩnh đạc và khôn ngoan. Diane nghe thấy tiếng hẳn trước khi gặp mặt.

“Tôi giới thiệu với anh một vị khách, nhà tâm lý học mới của chúng ta, Diane Berg. Cô ấy cũng là người Thụy Sĩ, giống anh.”

Cô bước lên phía trước. Julian Hirtmann đang đứng cạnh khung cửa sổ trông ra một ngọn cây lãnh sam phủ tuyết. Hẳn rời mắt khỏi phong cảnh bên ngoài và quan sát cô. Hẳn cao hơn 1m80, khiến bác sĩ Xavier trông như một đứa trẻ khi đứng bên cạnh. Tầm 40 tuổi, tóc nâu ngắn, đường nét khuôn mặt cân đối mạnh mẽ. Tự tin. Khá đẹp trai, cô nghĩ thầm, nếu thích kiểu người cứng nhắc. Vàng trán cao, môi mím lại, mặt chữ điền. Nhưng đôi mắt mới là chi tiết khiến cô ấn tượng. Sắc. Đen. Và dữ dội. Đôi tròng đen rực sáng, ánh lên vẻ quỷ quyết. Hẳn nheo mắt lại và cô cảm nhận được ánh nhìn của hẳn đang vây lấy mình.

“Chào buổi sáng, Julian,” cô nói.

“Chào buổi sáng, bác sĩ tâm lý,” hẳn nói.

Cô thấy Xavier cười. Đôi môi của Hirtmann cũng tạo thành một nụ

cười mơ hồ.

“Cô sống ở chỗ nào Geneva?”

“Cologne,” cô trả lời.

Hắn gật đầu và đi khỏi cửa sổ, “Tôi có một ngôi nhà rất đẹp bên hồ. Giờ thì mấy tên nhà giàu mới nổi đang sống ở đó. Cái loại chỉ toàn xài máy tính và điện thoại mà không có một quyển sách trong nhà. Lạ Chúa lòng lành! Percy Bysshe Shelly* đã sống trong chính căn nhà đó khi ông ấy ở Thụy Sĩ, cô có tưởng tượng được không?”

Hắn nhìn cô bằng đôi mắt sẫm sáng ngời. Hắn đợi cô trả lời.

“Anh thích đọc sách à?” Cô ngượng ngập nói.

Hắn nhún vai, thất vọng thấy rõ.

“Bác sĩ Berg muốn thường xuyên trao đổi với anh,” Xavier cắt ngang.

Hắn quay ra nhìn cô lần nữa, “Thật sao? Tôi được gì? Ngoài niềm vui được bầu bạn cùng cô?”

“Không gì cả,” cô trả lời thẳng thắn. “Hoàn toàn không gì cả. Dù sao đi nữa, tôi cũng không định giải thoát anh khỏi nỗi khổ. Nhưng anh cũng không phải chịu đau đớn giày vò đâu. Tôi không có gì để cho anh, ngoại trừ như anh nói, niềm vui được bầu bạn cùng tôi. Nhưng tôi sẽ rất biết ơn nếu anh đồng ý gặp tôi.”

Không xun xoe, không dôi trá, cô nghĩ mình đang xoay xử khá tốt. Cô nhìn thẳng vào hắn.

“Hừm, cô thẳng thắn đấy.” Ánh mắt hắn chuyển từ Diane sang Xavier. “Một đức tính hiếm có ở nơi này. Và nếu tôi đồng ý, vậy những cuộc... gặp mặt của chúng ta sẽ bao gồm những gì? Tôi hy vọng cô không định thực hành mấy buổi phân tích nực cười. Để tôi nói luôn, vô ích thôi. Không phải với tôi.”

“Không, ý tôi là trò chuyện thực sự. Chúng ta có thể nói về mọi chủ đề, bất cứ điều gì anh thích.”

“Còn phải xem chúng ta có điểm chung nào không đã,” hắn mỉa mai.

Cô không phản ứng.

“Nói cho tôi nghe về cô xem,” hắn nói. “Về sự nghiệp của cô cho tới

giờ.”

Cô kể cho hắn nghe. Cô nhắc tới khoa Tâm lý học và Khoa học Giáo dục tại Geneva, Viện Pháp lý, phòng khám tư nơi cô từng làm việc, và nhà tù Champ-Dollon, nơi cô từng thực tập.

Hắn trang trọng gật đầu, một ngón tay đặt ở môi dưới, như thể một giám thị. Cô cố nhin không bật cười trước cử chỉ đó. Cô nhắc nhở bản thân những gì hắn đã làm với những cô gái trẻ ở tuổi cô, và cảm giác buồn cười tan biến.

“Tôi nghĩ kể từ khi cô đến đây, trong môi trường mới mẻ và khác biệt này, chắc cô phải cảm thấy có chút e sợ.”

Hắn đang thử cô. Hắn muốn xem có sự tương tác giữa hai bên không. Hắn không muốn bất cứ cuộc gặp gỡ nào mà chỉ có hắn là người nói còn cô đơn thuần lắng nghe.

“Có, nổi e sợ khi đảm nhiệm một vị trí mới, ở một nơi công tác mới, với những trách nhiệm mới, áp lực công việc. Tôi cho đó là những điều tích cực cho phép tôi tiến bộ.”

Hắn gật đầu, “Nếu cô đã nói như vậy, thì như cô biết đấy, những nhóm người bị nhốt lại với nhau có xu hướng tụt lùi. Tụt lùi ở đây không chỉ là bệnh nhân, mà còn cán bộ và ngay cả các bác sĩ. Cô sẽ thấy. Có ba tầng giam giữ, cái lồng này ở trong cái lồng khác lớn hơn, nhà thương điên nhốt lũ tâm thần, rồi đến thung lũng, và cuối cùng là thị trấn bên dưới, với toàn bộ những tên súc vật thối nát sau hàng thế kỉ phối ngẫu cận huyết, loạn luân và bạo lực gia đình. Cô sẽ thấy. Sau vài ngày, hoặc vài tuần, cô sẽ bắt đầu thấy mình trẻ con, như trở lại thành một cô bé, và cô sẽ lại muốn mút tay...”

Trong đôi mắt lạnh lẽo của Hirtmann, Diane nhận ra khao khát muốn nói những điều tục tĩu, nhưng hắn cố gắng kiềm chế. Dù sao hắn cũng từng được nuôi dạy trong gia đình gia giáo. Đột nhiên, cô nhận ra Hirtmann khiến cô nghĩ về bố mình, với tính khắc kỉ của ông, những sợi bạc trên mái tóc nâu, và diện mạo của một người đàn ông có tuổi nhưng vẫn chẵn chu, chải chuốt.

Cũng đường cằm và khoe môi góc cạnh, cũng cái mũi hơi dài, cũng

ánh mắt sắc lạnh như đang đánh giá, phán xét cô. Cô nhận ra rằng nếu không giữ bỏ những ý nghĩ này, cô sẽ mất kiểm soát.

Về sau có lúc cô tự hỏi, làm sao cùng là một người đàn ông này mà có thể tổ chức những cuộc giao hoan đòi truy đó. Hirtmann là một người đàn ông có vô số nhân cách.

“Cô đang nghĩ gì?” Hirtmann hỏi.

Hắn không bỏ lỡ bất cứ điều gì. Cô phải ghi nhớ điều này. Cô quyết định sẽ thẳng thắn, nhưng phải luôn duy trì khoảng cách nhất định.

“Tôi đang nghĩ rằng anh có nét gợi nhớ đến bố tôi,” cô nói.

Lần đầu tiên, Hirtmann có vẻ bối rối. Cô thấy hắn cười. Cô nhận ra nụ cười làm thay đổi hoàn toàn diện mạo của hắn.

“Thật sao?” Hắn nói với vẻ ngạc nhiên thực sự.

“Tôi có thể cảm nhận được anh đã từng chịu ảnh hưởng từ môi trường giáo dục đặc thù của tầng lớp tư sản Thụy Sĩ. Hệt như bố tôi, cùng một sự kín đáo, cùng một vẻ nghiêm nghị. Giống như người ta vẫn có nét đặc thù của một tín đồ đạo Tin lành ngay cả khi tưởng rằng mình đã giữ bỏ được nó. Tất cả những người thuộc tầng lớp thượng lưu của Thụy Sĩ đều như một cái két sắt có hai lớp khóa. Tôi đang tự hỏi không biết bố tôi có bí mật đáng hổ thẹn nào không, như anh chẳng hạn.”

Xavier nhìn cô bằng ánh mắt kinh ngạc và giận dữ. Khóe miệng đang cười của Hirtmann có vẻ ngoác rộng hơn.

“Xét đến cùng, tôi nghĩ chúng ta có thể hòa hợp đấy,” hắn nói. “Khi nào thì ta bắt đầu? Tôi rất háo hức được tiếp tục cuộc trò chuyện của chúng ta.”

“Không tìm thấy ở bất cứ đâu,” Ziegler cúp điện thoại. “Ông ta không có ở tòa thị chính, không ở nhà, không đến nhà máy. Như thể ông ta đã cuốn gói ra đi rồi.”

Servaz quan sát cô sen đầm rồi nhìn chăm chăm xuống dòng suối qua kính chắn gió.

“Chúng ta phải để mắt tới thị trường nhiều hơn. Khi ông ta xuất hiện

trở lại. Trong lúc đó, thử tìm Perrault xem.”

Người nhân viên, một cô gái trẻ tầm 20 tuổi, đang chóp chép nhai cục kẹo cao su như thể phải tính sổ với nó.

Trông cô ta không quá khỏe khoắn. Mà giống kiểu người ăn quá nhiều kẹo và ngồi hàng giờ trước tivi hoặc máy tính. Servaz lơ đãng nghĩ nếu là Perrault, hẳn anh sẽ cân nhắc về việc giao phó ngân kéo tiền cho cô ta. Anh nhìn ra xung quanh, thấy la liệt những tấm ván trượt tuyết, ủng leo núi, áo liền quần bó sát phản quang, áo len lông cừu và các phụ kiện thời trang đặt trên giá gỗ nhạt màu hoặc được treo ngay ngắn thẳng hàng. Anh tự hỏi Perrault thuê cô ta dựa trên tiêu chí gì. Có lẽ cô ta là ứng viên duy nhất đồng ý làm việc với mức lương ông ta đưa ra.

“Ông ta có vẻ lo lắng không?” Anh hỏi.

“Có.”

Servaz quay sang nhìn Ziegler. Họ vừa bấm chuông ở cửa hàng của Perrault. Cô nhân viên nói với họ rằng đã không thấy ông ta từ hôm qua. Ông ta xuất hiện vào sáng thứ Hai và bảo với cô ông ta phải đi xa vài ngày với lý do việc gấp của gia đình. Cô ta nói ông chủ đừng lo, cô sẽ để ý cửa hàng trong thời gian đó.

“Lo lắng như thế nào?” Ziegler hỏi.

Cô nhân viên chóp chép nhai một lát rồi mới trả lời, “Trông đầu bù tóc rối lắm, giống như không ngủ được tí nào.” Lại nhai tiếp. “Với cả ông ấy đứng ngồi không yên.”

“Trông ông ta có vẻ hoảng sợ không?”

“Có. Tôi vừa nói đấy thôi.” Cô nhân viên định thổi một quả bong bóng nhưng rồi đổi ý.

“Cô có số điện thoại của ông ta không?”

Cô gái trẻ mở ngăn kéo và lục lọi đồng giấy tờ, rút ra một tấm danh thiếp và đưa cho Ziegler. Cô sen đầm liếc qua logo có hình vẽ một người trượt tuyết lướt ngoằn ngoèo xuống núi được in rất đẹp, bên dưới là

dòng chữ: THẾ THAO & THIÊN NHIÊN.

“Cô thấy làm việc cho ông ta thế nào?” Cô hỏi.

Cô nhân viên cảnh giác nhìn Ziegler.

“Keo kiệt vô cùng,” cuối cùng cô ta nói.

Đang lắng nghe giai điệu *Come on Feel the Illinoise* trong tai nghe, qua phần thể hiện của Sufian Stevens, Espérandieu bỗng liếc qua máy tính. Trên màn hình, phần mềm xử lý hình ảnh vừa hoàn thành tác vụ cậu yêu cầu trước đó.

“Đến xem cái này đi,” cậu gọi Samira.

Cô cảnh sát đứng lên. Cô mặc áo nỉ có mũ không kéo khóa. Khi cô nghiêng người về phía cậu, Espérandieu có thể thấy khe ngực lộ ra ngay bên dưới mũi mình.

“Cái gì thế?”

Đó là hình ảnh cận cảnh của chiếc nhẫn. Không hoàn toàn sắc nét, nhưng có thể thấy rõ chiếc nhẫn triện, được phóng to gấp hai nghìn lần, ở mặt nhẫn, trên nền màu đỏ là hai chữ vàng.

“Đây là chiếc nhẫn đeo trên ngón tay bị chặt của Grimm, ông được sĩ bị giết ở Saint-Martin,” cậu nói, cổ họng khô khốc.

“Hả? Làm sao anh biết, ngón tay ông ta bị chặt mất rồi còn đâu?”

“Giải thích thì lâu lắm. Cô thấy gì?”

“Trông như hai kí tự, hai chữ cái,” Samira nhìn chăm chăm vào màn hình.

Espérandieu ép mình phải tập trung vào màn hình máy tính.

“Hai chữ C?” Anh nói.

“Hoặc một chữ C và một chữ E...”

“Hoặc một chữ C và một chữ D...”

“Hoặc một chữ O và một chữ C...”

“Đợi đã.”

Espérandieu mở vài cửa sổ bên phải màn hình, thay đổi một vài

thông số, di chuyển trở chuột. Chạy thao tác một lần nữa. Họ im lặng đợi kết quả. Samira vẫn ghé qua vai cậu. Espérandieu mừng rỡ thấy hai bầu ngực đầy, mềm và chắc. Có một nốt ruồi son ở bên ngực trái.

“Theo anh, chúng nó đang làm gì trong đó?” Một giọng chế giễu vọng vào từ hành lang.

Máy tính báo tác vụ đã hoàn thành. Hình ảnh lập tức hiện ra. Sắc nét. Hai chữ cái nổi bật rõ ràng trên nền đỏ của chiếc nhãn: CS.

Servaz tìm thấy chỗ cần tới, theo như chỉ dẫn, ở cuối một ngõ cụt dẫn ra dòng suối và một bãi cây nhỏ. Anh thấy ánh đèn trước khi nhìn ra hình thù đen kịt của cối xay. Cuối con phố, cách xa ngôi nhà cuối cùng vừa đi qua, ba cửa sổ hắt ánh đèn xuống dòng nước. Phía trên là dãy núi, những hàng lãnh sam đen, và một bầu trời đầy sao. Anh bước ra khỏi xe. Đêm đó trời rất lạnh, nhưng không lạnh bằng những đêm trước.

Anh thấy nản lòng. Sau khi cố tìm kiếm Chaperon và Perrault trong vô vọng, anh còn không tìm được vợ cũ của Chaperon. Bà rời khỏi vùng này và chuyển đến đâu đó gần Bordeaux. Ngài thị trưởng đã ly hôn, có một cô con gái đang sống ở Paris. Về phần Serge Perrault, họ cũng kiểm tra và phát hiện ông ta chưa từng lấy vợ. Cộng với nền hòa bình kì quái ngự trị giữa Grimm và bà vợ sư tử kia, chỉ có thể kết luận rằng đời sống gia đình không phải thứ dành cho ba người đó.

Servaz đi dọc theo cây cầu nhỏ cong cong bắc từ con đường sang cối xay nước. Gần đó, một bánh xe nước đang quay tròn, anh nghe thấy tiếng nước chảy ù oạp giữa màn đêm.

Anh đập vòng gõ cửa. Một cánh cửa thấp, rất cũ và nặng. Cửa mở ra gần như ngay lập tức. Gabriel Saint-Cyr đứng đó, mặc một chiếc sơ mi trắng, áo khoác len mỏng và thắt nơ bướm không chệ vào đâu được. Những khúc nhạc quen thuộc phát ra từ bên trong. Một bản tứ tấu đàn dây, Schubert, *Thần chết và nàng trinh nữ*.

“Martin, cậu vào đi.”

Servaz nhận thấy kiểu xưng hô đã đổi sang thân mật, nhưng anh không đáp lại. Một mùi hương thơm lừng từ bếp tỏa ra, kích thích khứu giác anh ngay khi bước vào, và bụng anh liền phản ứng. Anh nhận ra mình sắp chết đói, từ sáng tới giờ anh mới ăn một quả trứng trắng. Bước lên mấy bậc thang vào phòng khách ở phía bên phải, Servaz không thể không nướng một bên lông mày, ông thẩm phán bày biện thật đẹp đẽ. Chiếc khăn trải bàn trắng đến mức gần như phát sáng, hai ngọn nến lung linh trên đài nến bạc.

“Tôi góa vợ,” Saint-Cyr giải thích khi thấy vẻ mặt của Servaz. “Công việc là cả cuộc đời tôi, tôi vẫn chưa chuẩn bị cho ngày ngừng lại. Dù sống thêm mười hay hai mươi, ba mươi năm nữa cũng thế. Tuổi già chỉ là một sự đợi chờ vô ích dài đằng đẵng. Vì vậy, trong lúc chờ đợi, tôi vẫn giữ cho mình bận rộn. Tôi đã cân nhắc mọi bề, và băn khoăn liệu có nên mở một nhà hàng hay không.”

Servaz phì cười. Rõ ràng, ông thẩm phán không phải kiểu người ăn không ngồi rồi.

“Nhưng có thể chắc chắn với cậu một điều... À, cậu không ngại tôi ở tuổi này mà còn xưng hô kiểu suồng sã với cậu chứ? Tôi không nghĩ về cái chết, và tận dụng thời gian ngắn ngủi còn lại để nấu ăn, chăm sóc khu vườn. Tôi làm mọi việc. Đọc sách. Du lịch...”

“Và thỉnh thoảng ghé qua trụ sở tòa án để cập nhật tình hình.”

“Chính xác!”

Saint-Cyr ra hiệu cho Servaz ngồi xuống, rồi đi ra sau bàn bếp quay mặt về gian phòng. Martin thấy ông buộc tạp dề quanh thắt lưng. Ngọn lửa đang nổ lép bép trong lò sưởi, hắt sáng lên xà nhà. Phòng khách bày toàn đồ cổ, hẳn đã được khai quật ở mấy chợ đồ cổ, có cả những bức tranh lớn nhỏ.

“Khi nấu ăn phải có một tâm trí thanh thoi, một tâm hồn hào phóng và một trái tim ấm áp’, trích lời Paul Gauguin. Tôi hy vọng cậu không phiền khi chúng ta bỏ qua rượu khai vị?”

“Không hề,” Servaz trả lời. “Tôi đang chết đói đây.”

Saint-Cyr trở lại với hai chiếc đĩa và một chai rượu vang, biểu diễn

sự điệu nghệ của một tay bồi bàn chuyên nghiệp.

“Bánh ngàn lớp với nấm truffle,” ông ta tuyên bố, đặt một đĩa lớn bốc hơi nghi ngút trước mặt Servaz.

Mùi hương thật tuyệt vời. Servaz xiên dĩa vào món ăn và đưa một miếng lớn lên miệng. Nóng bỏng lưỡi, nhưng hiếm khi anh được ăn món nào ngon đến thế.

“Sao?”

“Nếu ông làm thẩm phán cũng giỏi như đầu bếp, hẳn tòa án ở Saint-Martin đã phải chịu một mất mát lớn.”

Saint-Cyr bình thản đón nhận lời khen. Ông tự ý thức được tài năng đầu bếp hạng nhất của mình đủ để biết đằng sau câu ca tụng cường điệu đó là một lời khen chân thành. Người đàn ông nhỏ bé nghiêng chai vang trắng về phía ly của Servaz. “Ném thử đi.”

Servaz nâng ly rượu lên ngang tầm mắt trước khi uống. Dưới ánh sáng của những ngọn nến, rượu có màu vàng kim nhàn nhạt, ánh màu ngọc lục bảo. Servaz không sành rượu, nhưng ngay khi nhấp ngụm đầu tiên, anh chắc chắn rằng mình vừa được thưởng thức một loại rượu ngon hiếm có.

“Rất tuyệt. Thật đấy. Mặc dù tôi không phải chuyên gia.”

Saint-Cyr gật đầu. “Bâtard-Montrachet 2001.” Ông ta nháy mắt với Servaz và tặc lưỡi.

Ngụm thứ hai, Servaz cảm thấy đầu mình quay cuồng. Đúng ra anh không nên đem bụng rỗng đến đây.

“Có phải ông đang hy vọng thứ này sẽ làm tôi không giữ được mồm miệng nữa phải không?” Anh mỉm cười hỏi người đàn ông đối diện.

Saint-Cyr cười lớn. “Rất vui được thấy cậu ăn ngon miệng như vậy. Trông cậu như thể bị bỏ đói mười ngày vậy.” Ông thẩm phán đột ngột đổi chủ đề. “Cậu nghĩ gì về Confiant?”

Câu hỏi khiến Servaz cảnh giác. Anh do dự. “Tôi không biết. Vẫn còn quá sớm để kết luận.”

Một lần nữa. Một tia nhìn ranh mãnh ánh lên trong mắt người đàn

ông già. “Đương nhiên là không phải như vậy. Cậu đã có kết luận rồi. Và nó tiêu cực. Đó là lý do khiến cậu không muốn nói về cậu ta.”

Servaz cảm thấy bối rối trước nhận xét này. Lời lẽ của ông thẩm phán chưa bao giờ hết sắc sảo.

“Tên của Confiant không hợp với cậu ta*,” Saint-Cyr tiếp tục, không đợi câu trả lời. “Cậu ta tỏ ra không tin tưởng bất cứ ai, và cũng không nên tin tưởng cậu ta. Như cậu có lẽ đã nhận thấy.”

Trúng phóc. Một lần nữa, Servaz nghĩ rằng quý ông này sẽ rất được việc. Khi họ ăn xong món đó, Saint-Cyr dọn đĩa.

“Thịt thỏ sốt mù tạt,” ông nói khi trở lại. “Mời dùng!”

Và mang ra một chai rượu khác. Lần này là vang đỏ. Nửa giờ sau, sau món táo trắng miệng đi kèm một ly vang Sautemes, họ ngồi trên hai chiếc ghế bành cạnh lò sưởi. Servaz cảm thấy no nê và ngà ngà say, đắm chìm trong cảm giác hưởng thụ và nhàn tản mà đã từ lâu anh không biết đến. Saint-Cyr mời anh ít rượu cognac và tự rót cho mình một ly Armagnac.

Rồi ông nhìn anh bằng ánh mắt sắc sảo, và Servaz hiểu rằng đã đến vấn đề chính.

“Cậu cũng phụ trách vụ con ngựa,” ông thẩm phán thẳng thắn vào đề, sau khi nhấp ngụm rượu đầu tiên. “Cậu nghĩ có liên quan tới vụ tay dợc sĩ không?”

“Có thể.”

“Hai vụ án rùng rợn chỉ trong khoảng vài ngày và cách nhau có vài dặm.”

“Phải.”

“Cậu nghĩ gì về Éric Lombard?”

“Ngạo mạn.”

“Đừng tập trung vào mặt xấu của anh ta. Cánh tay anh ta rất dài và có thể sẽ có ích với cậu. Nhưng cũng đừng để anh ta tiến hành điều tra hộ cậu.”

Một lần nữa, Servaz mỉm cười. Ông già tuy đã về hưu nhưng vẫn

không để mất đi sự tinh nhạy.

“Ông định nói với tôi về chuỗi tự tử.”

Ông thẩm phán đưa ly rượu lên môi.

“Ngày nay người ta trở thành cảnh sát vì lý do gì?” Ông hỏi thay vì trả lời. “Nạn tham nhũng đang hoành hành và tất cả những gì người ta nghĩ đến là làm sao để nhét cho đầy túi. Làm sao biết được điều gì mới là quan trọng? Không phải mọi việc đang trở nên vô cùng phức tạp hay sao?”

“Ồ, không, rất đơn giản là đằng khác,” Servaz nói. “Có hai loại người, bọn khôn và những người còn lại. Và người ta chỉ cần chọn phe. Nếu ai đó chưa lựa chọn, điều đó có nghĩa là anh ta đã ở phe của bọn khôn rồi.”

“Cậu nghĩ như vậy thật sao? Mọi thứ chỉ đơn giản là người tốt và người xấu? Cậu rất may mắn đấy. Lấy ví dụ, nếu cậu phải chọn giữa ba ứng cử viên trong đợt bầu cử. Người đầu tiên liệt nửa người vì viêm tủy xám, huyết áp cao, thiếu máu và vô số căn bệnh nghiêm trọng khác, đã từng dối trá, có cố vấn là một thầy chiêm tinh, ngoại tình, nghiện thuốc nặng, và uống quá nhiều martini. Người thứ hai béo phì, ba lần ứng cử thất bại, đang mắc bệnh trầm cảm, đã hai lần suy tim, hút xì gà và nốc champagne, bordeaux, brandy, whisky mỗi tối trước khi uống hai viên thuốc ngủ. Và người cuối cùng là một anh hùng chiến tranh được trao huy chương, tôn trọng phụ nữ, yêu động vật, thỉnh thoảng có thể uống một cốc bia và không hút thuốc. Cậu sẽ chọn người nào?”

Servaz mỉm cười, “Tôi cho rằng ông đang mong tôi sẽ chọn người thứ ba?”

“Làm tốt lắm, cậu vừa từ chối Roosevelt* và Churchill* để bầu cho Adolf Hitler*. Cậu thấy đấy, mọi chuyện nhiều khi không như người ta tưởng.”

Servaz cười phá lên. Anh thực sự rất thích ông thẩm phán này. Gần như chẳng lúc nào ông thiếu tỉnh táo. Tâm trí ông thông tỏ như dòng nước chảy qua chiếc cối xay nước kia vậy.

“Và đó là điều không ổn ở truyền thông hiện nay,” Saint-Cyr tiếp tục nói. “Bọn họ đeo đuổi những khía cạnh vặt vãnh vô nghĩa và thối

phòng chúng lên quá mức. Kết quả là nếu truyền thông ngày nay tồn tại vào thời điểm ấy, Roosevelt và Churchill sẽ không đắc cử. Tin vào trực giác của cậu đi, Martin. Đừng tin vào bề ngoài.”

“Những vụ tự tử,” Servaz nhắc lại lần nữa.

“Tôi sắp nói đến đây,” Ông thẩm phán rót cho mình một ly Armagnac nữa, ngược lên và chăm chăm nhìn Servaz.

“Tôi là thẩm phán điều tra vụ đó, vụ án khó nhất trong cả sự nghiệp của tôi. Nó kéo dài hơn một năm. Chính xác là kể từ tháng Năm năm 1993 đến tháng Bảy năm 1994. Bảy vụ tự tử. Thanh thiếu niên tuổi từ 15 đến 18. Và tôi vẫn nhớ rõ như thể chuyện mới xảy ra ngày hôm qua.”

Servaz nín thở. Giọng ông thẩm phán đã thay đổi, trang nghiêm và chất chứa nỗi buồn vô bờ bến.

“Đứa trẻ đầu tiên sống ở làng bên, Alice Ferrand, 16 tuổi rưỡi. Một cô bé thông minh, kết quả học tập dẫn đầu trường. Cô bé lớn lên trong môi trường giáo dục tốt, bố là giảng viên dạy văn học, mẹ là giáo viên. Alice được nhận xét là một đứa trẻ đáng yêu. Cô bé có bạn bè, thích hội họa và âm nhạc, được mọi người quý mến. Người ta tìm thấy cô bé treo cổ trong một kho thóc vào buổi sáng mùng 2 tháng Năm năm 1993.”

Treo cổ... Cổ họng Servaz thắt lại, nhưng khả năng tập trung của anh trở nên bén nhọn hơn.

“Tôi biết cậu đang nghĩ gì,” Saint-Cyr nói khi bắt gặp ánh mắt Servaz. “Nhưng tôi có thể đảm bảo với cậu là cô bé tự treo cổ, chắc chắn thế. Giám định pháp y đã khẳng định. Là Delmas, cậu biết anh ta đấy, một gã giàu năng lực. Có một manh mối trong ngăn kéo bàn học của cô bé. Bức kí họa cô bé vẽ kho thóc. Thậm chí còn bao gồm cả chiều dài chính xác của sợi dây từ xà nhà đến nút thắt, để đảm bảo đôi chân nhỏ của mình không chạm đất.”

Giọng Saint-Cyr nghẹn lại ở những từ cuối cùng. Servaz có thể thấy ông đã rơm rớm nước mắt.

“Vụ việc thật thương tâm. Alice là một đứa trẻ ngọt ngào. Năm tuần sau, vào mùng 7 tháng Sáu, một cậu bé 17 tuổi tự vẫn, mọi người chỉ nghĩ đó là sự trùng hợp kinh khủng. Nhưng đến vụ thứ ba, vào cuối

tháng, người ta bắt đầu thắc mắc.”

Saint-Cyr uống nốt chõ Armagnac và đặt chiếc ly xuống bàn trà. “Tôi cũng nhớ đó, như thể mới hôm qua. Có một đợt nắng nóng dữ dội vào tháng Sáu và tháng Bảy mùa hè năm ấy, thời tiết khắc nghiệt, những buổi tối hầm hập kéo dài vô tận. Người ta ngồi lì trong vườn nhà, bên hồ hoặc những quán cà phê ngoài trời chỉ để hưởng chút gió mát. Sẽ rất nóng nếu sống trong một căn hộ. Thời điểm đó chưa có điều hòa hay điện thoại di động như bây giờ. Tối hôm đó, ngày 29 tháng Sáu, tôi đang ngồi ở quán cà phê cùng với người tiền nhiệm của Cathy d’Humières và một phó công tố. Chủ quán cà phê ra tìm tôi. Ông ta chỉ vào chiếc điện thoại trên quầy tính tiền. Là cuộc gọi cho tôi. Từ sen đầm. ‘Vừa phát hiện thêm một vụ nữa,’ họ nói. Vì Chúa, ngay lập tức tôi hiểu câu nói nghĩa là gì.”

Servaz cảm thấy càng lúc càng lạnh.

“Thằng bé cũng treo cổ, như hai đứa trước. Trong một kho thóc đổ nát ở cuối một cánh đồng lúa mì. Tôi vẫn nhớ từng chi tiết một. Mùa hè, đồng lúa chín, một ngày dài đến vô tận, 10 giờ tối mà hơi nóng vẫn như thiêu như đốt, những con ruồi, xác thằng bé trong bóng đổ của kho thóc. Tôi đã ngất xỉu. Người ta đưa tôi tới bệnh viện. Sau đó tôi tiếp tục giải quyết vụ án. Như đã nói, tôi chưa gặp vấn đề nào phức tạp đến thế, một thử thách khủng khiếp. Nỗi đau buồn của các gia đình nạn nhân, sự thắc mắc trước tiến triển của vụ việc, cơn sợ hãi bi kịch sẽ tiếp diễn...”

“Có ai biết tại sao lũ trẻ lại làm thế không? Chúng có để lại bất kì lời giải thích nào không?”

Ông thẩm phán nhìn Servaz bằng vẻ mặt vẫn hết sức hoang mang. “Không một ý niệm nào dù là nhỏ nhất. Chúng tôi chưa bao giờ tìm ra tâm tư của chúng. Không đứa nào để lại lời giải thích. Hiển nhiên mọi người đều ám ảnh. Buổi sáng ai nấy thức dậy trong nỗi sợ hãi phải nghe tin một thiếu niên khác tự sát. Không ai hiểu được tại sao chuyện đó lại xảy ra ở đây, ở chính thị trấn này. Đương nhiên, các phụ huynh có con tầm tuổi đó mang cùng một nỗi sợ hãi, rằng con họ sẽ làm việc tương tự. Họ khiếp sợ. Họ cố gắng hết mức để trông nom con mình mà không

để chúng biết, hoặc chỉ đơn giản là không cho chúng ra ngoài. Tình hình kéo dài trong hơn một năm. Bẫy đứa trẻ tất cả. Bẫy! Và rồi, một ngày đẹp trời, nó dừng lại.”

“Quả là một câu chuyện lạ thường,” Servaz nhận xét.

“Cũng không lạ thường lắm. Kể từ đó, tôi đã nghe tới những vụ việc tương tự ở các nước khác, xứ Wales, Québec, Nhật Bản. Những hiệp ước tự tử trong đám thanh thiếu niên. Ngày nay, nó còn tồi tệ hơn. Bọn chúng liên hệ với nhau qua Internet, gửi cho nhau những thông điệp qua diễn đàn, ‘Cuộc đời tôi thật vô nghĩa, muốn tìm một người đồng hành cùng chết.’ Tôi không phóng đại đâu. Với trường hợp tự tử ở Wales, trong số thư chia buồn, người ta tìm thấy những lời nhắn đại loại như ‘Mình sẽ sớm tới bên bạn’... Ai mà tưởng tượng được một chuyện như thế?”

“Tôi nghĩ ở thế giới chúng ta đang sống, mọi sự đều có thể,” Servaz nói. “Đặc biệt là những gì xấu nhất.”

Một hình ảnh xuất hiện trong tâm trí anh. Một cậu bé đi xuyên qua cánh đồng lúa mì, bước từng bước nặng nề, với mặt trời lặn sau lưng và một dây thừng nắm chặt trong tay. Khắp xung quanh là những con chim đang hát, đêm hè dài đằng đằng ngập tràn sức sống, nhưng trong tâm trí cậu trai trẻ chẳng có gì ngoài bóng tối.

Ông thẩm phán âm thầm nhìn Servaz. “Phải, đó cũng là quan điểm của tôi. Về phần những đứa trẻ ấy, chúng đã không để lại bất kì lời giải thích nào cho hành động của mình, nhưng chúng tôi tìm được bằng chứng cho thấy chúng khuyến khích nhau trải nghiệm việc đó.”

“Ý ông là gì?”

“Trong nhà của vài đứa trẻ đã tự tử có mấy bức thư do những đứa khác gửi đến, bàn thảo về kế hoạch của mình, cách lan truyền hành động, và cả sự háo hức được trải nghiệm. Vấn đề là những bức thư không được gửi qua đường bưu điện, và bọn chúng đều sử dụng biệt danh. Khi tìm thấy xấp thư, chúng tôi quyết định lấy dấu vân tay của tất cả thanh thiếu niên trong vùng ở độ tuổi từ 13 đến 19, so sánh với những dấu vân tay tìm thấy trên thư. Chúng tôi cũng tiến hành giám

định chữ viết. Một công việc dai dẳng, cần mẫn. Cả một tổ được cắt ra để lo việc đó 24/24. Một số thư là của những đứa đã chết. Nhưng nhờ đó, chúng tôi phát hiện ra ba ứng viên mới. Không thể tin nổi, tôi biết. Chúng tôi giám sát chúng liên tục và cho một nhóm bác sĩ tâm lý làm việc với chúng. Nhưng một trong số chúng vẫn tự tử thành công bằng cách cho điện giật trong nhà tắm, dụng cụ là máy sấy tóc. Cậu bé ấy là nạn nhân thứ bảy... Hai đứa còn lại không thực hiện được.”

“Xấp thư giờ ở đâu?”

“Tôi giữ chúng. Cậu thực sự nghĩ có mối quan hệ giữa việc này với cái chết của tay dợc sĩ và con ngựa nhà Lombard sao?”

“Người ta tìm thấy Grimm bị treo cổ...” Servaz thận trọng suy đoán.

“Và con ngựa, cũng vậy, cùng một kiểu...”

Một cơn kích động quen thuộc trào dâng trong Servaz. Cảm giác đã đi được một bước quyết định. Nhưng đi đến điều gì mới được chứ?

Ông thẩm phán đứng dậy, vài phút sau quay lại cùng một chiếc hộp nặng trĩu, đựng đầy tài liệu và cặp hồ sơ.

“Tất cả đều trong này. Những bức thư, một bản sao hồ sơ vụ án, đánh giá của các chuyên gia. Đừng mở nó ra ở đây.”

Servaz gật đầu, nhìn vào trong. “Bọn trẻ còn điểm chung nào nữa không? Ngoại trừ việc tự tử và những bức thư? Bọn chúng có tham gia cùng một bang hội, hay một nhóm nào không?”

“Ồ, cậu có thể yên tâm rằng chúng tôi đã kiểm tra vấn đề đó, bám sát từng manh mối, đã khai thác tất cả những gì có thể. Hoàn toàn vô ích. Đứa nhỏ nhất 15 tuổi rưỡi, và đứa lớn nhất 18, chúng không học cùng lớp, không chung sở thích và cũng không cùng tham gia bất cứ hoạt động nào. Vài đứa trong số đó biết nhau khá rõ, còn lại thì gần như xa lạ. Điểm chung duy nhất là nền tảng xã hội. Chúng đều xuất thân từ những gia đình bình thường hoặc trung lưu. Không ai trong số chúng thuộc tầng lớp tư sản giàu có ở Saint-Martin.”

Servaz có thể thấy ông thẩm phán già thất vọng đến mức nào. Anh hiểu ông đã dành hàng trăm giờ làm việc chỉ để lần theo những manh mối dù vô nghĩa, mong manh nhất, cố gắng nắm bắt một điều không

thể nắm bắt nổi. Vụ án vô cùng quan trọng với cuộc đời của Gabriel Saint-Cyr. Anh biết ông già sẽ mang theo những nghi vấn này xuống mồ. Không bao giờ hết băn khoăn.

“Còn giả thuyết nào khác mà anh có thể đã nghĩ tới không?”

Servaz cũng bắt đầu xưng hô thân mật với ông thẩm phán, như thể xúc cảm của câu chuyện đã mang họ lại gần với nhau hơn. “Một linh cảm nào đó mà anh đã từ bỏ vì thiếu chứng cứ?”

Saint-Cyr có vẻ lưỡng lự.

“Hiển nhiên chúng tôi đã kiểm tra vô số giả thuyết,” ông thận trọng nói. “Nhưng chẳng có lấy một bằng chứng dù là mơ hồ nhất để chứng minh. Không giả thuyết nào thực tế. Đó là bí ẩn lớn nhất trong toàn bộ sự nghiệp của tôi. Tôi cho rằng mọi thẩm phán và nhân viên điều tra đều sẽ có ít nhất một bí ẩn như thế, vụ án mà họ không lý giải nổi. Và nó sẽ ám ảnh họ đến cuối đời. Một vụ án để lại cho họ dư vị vĩnh cửu của tuyệt vọng, và hầu như bác bỏ tất cả những thành công khác.”

“Đúng vậy,” Servaz nói. “Mọi người đều có những bí ẩn không lời giải. Và trong trường hợp ấy, luôn có một manh mối quan trọng hơn những manh mối khác. Một ý niệm mơ hồ vẫn chưa triển khai. Nhưng chúng ta cứ có cảm giác nó sẽ dẫn tới đâu đó, chỉ cần chúng ta may mắn, hoặc nếu cuộc điều tra đã diễn ra khác đi. Không có gì như thế thật sao? Một thứ không có trong này?”

Saint-Cyr hít một hơi thật sâu và nhìn thẳng vào mắt Servaz. Một lần nữa, ông lộ vẻ do dự, hai hàng lông mày rậm cau lại, “Có, có một giả thuyết tôi đặc biệt lưu tâm. Nhưng tôi không tìm ra cách xác minh. Vì thế nó ở lại đây,” ông nói, ngón trỏ gõ gõ vào thái dương. “Trại hè Les Isards. Có lẽ cậu đã nghe đến?”

Servaz để cụm từ đó chạy loanh quanh trong óc cho tới khi một kí ức vụt đến như đồng xu rơi vào con lộn đất. Những tòa nhà bỏ hoang, tấm biển han gỉ trên con đường đến Viện. Anh hồi tưởng lại cảm giác của mình trước cảnh tượng kì quái nơi đó. “Chúng tôi có đi qua trên đường đến Viện. Nó bị đóng cửa rồi, không phải sao?”

“Chính xác,” Saint-Cyr nói. “Nhưng nó từng hoạt động trong vài

thập kỉ. Nó mở cửa sau chiến tranh, và chỉ đóng cửa vào cuối thập niên 1990.”

Ông ngừng lại, “Les Isards được xây dựng dành cho trẻ em Saint-Martin và khu vực lân cận, những đứa không có cơ hội được đi nghỉ hè thực sự. Nó được điều hành dưới sự chỉ đạo của chính quyền thành phố, một giám đốc được bổ nhiệm, và họ nhận trẻ em từ 8 đến 15 tuổi. Một trại hè với những hoạt động thông thường, leo núi, các môn bóng, luyện tập thể chất, đi bơi ở các hồ gần đó...”

Saint-Cyr nhăn nhó, như thể bị đau răng, “Điều khiến tôi chú ý là năm đứa trong bọn đã từng đến trại hè, trong vòng hai năm trước vụ tự tử. Trên thực tế, đây gần như là điểm chung duy nhất. Khi xem xét kĩ hơn, tôi đã phát hiện ra rằng chúng đến trại liên tiếp trong hai mùa hè. Và giám đốc trại hè mới được bổ nhiệm vào năm trước khi chúng tham gia.”

Servaz chăm chú lắng nghe. Anh có thể đoán được ông thẩm phán già đang hướng tới điều gì.

“Vì thế tôi bắt đầu điều tra lai lịch của giám đốc, một gã trẻ tuổi, ngoài ba mươi, nhưng tôi không tìm thấy bất cứ điều gì khác thường. Anh ta đã cưới vợ, sinh một trai một gái, cuộc sống yên ổn...”

“Anh biết hiện giờ anh ta ở đâu không?” Servaz hỏi.

“Ở nghĩa trang. Anh ta bị tai nạn xe máy đầu như mười năm trước, đâm vào một tảng băng. Vấn đề là tôi không tìm thấy bất cứ điều gì gợi ra rằng mấy đứa bé từng bị lạm dụng tình dục. Bên cạnh đó, hai trong số bảy đứa chưa đến trại hè bao giờ. Hơn nữa, dựa vào tổng số thanh thiếu niên tham gia trại hè, không có gì ngạc nhiên khi vài đứa có chung thời gian ở đó. Cuối cùng tôi đành từ bỏ manh mối này...”

“Nhưng anh vẫn nghĩ rằng có thể mình đã phát hiện được điều gì đó?”

Saint-Cyr ngược lên. Đôi mắt ông lấp lánh, “Phải.”

“Anh đề cập đến vụ đâm đơn buộc tội Grimm và ba người còn lại, tôi cho rằng anh cũng đã thẩm vấn họ khi điều tra về những vụ tự sát, có phải không?”

“Tại sao tôi phải làm thế? Chẳng có mối liên hệ nào cả.”

“Anh chắc là mình chưa bao giờ nghĩ đến họ chứ?” Servaz hỏi.

Một lần nữa, Saint-Cyr lộ vẻ chần chừ, “Không, đương nhiên là tôi đã từng nghĩ...”

“Anh giải thích cụ thể được không?”

“Sự việc này, cùng với vụ tổng tiền tình dục không phải tin đồn đầu tiên về bốn người đó. Còn những vụ khác nữa, cả trước và sau. Nhưng chưa có bất cứ vụ nào dẫn tới kiện cáo chính thức, ngoại trừ lần duy nhất ấy.”

“Tin đồn kiểu gì?”

“Tin đồn ám chỉ có những cô gái khác cũng bị đối xử tương tự, và rằng một vài cô đã đi đến kết cục tồi tệ. Mấy gã này thích uống rượu, hề say xỉn là họ trở nên bạo lực, kiểu như thế. Nhưng những cô gái kể trên đều đã đủ tuổi, hoặc gần đủ. Trong khi các nạn nhân tử tử đều là thiếu niên. Vì thế tôi loại trừ giả thuyết về sự liên quan. Và chẳng, thời ấy không thiếu gì các thể loại đồn đại.”

“Và có thật vậy không? Về Grimm và những người kia?”

“Có thể là thật... Nhưng tôi không quan tâm lắm. Ở đây hay bất cứ nơi nào khác đều thế. Không thể đếm hết tin đồn nhằm cùng những kẻ chõ mũi khắp nơi, thích giết thời gian bằng cách bịa đặt đủ chuyện tồi tệ về hàng xóm của mình. Và họ sẽ thêm dột thêm nếu cần. Chẳng chứng minh được điều gì. Tôi tin rằng có một phần sự thật trong số tin đồn, nhưng nhìn chung chúng đều bị thổi phồng lên theo kiểu tam sao thất bản mỗi khi qua miệng một ai.”

Servaz gật đầu.

“Nhưng cậu đã đúng khi nghi ngờ rằng thủ phạm giết Grimm có mối liên hệ với chuyện quá khứ,” ông thẩm phán tiếp tục. “Mọi sự xảy ra ở thung lũng này đều bắt nguồn từ quá khứ. Nếu muốn tìm hiểu sự thật thì không được bỏ sót bất cứ chi tiết nào.”

“Hirtmann có thể đóng vai trò gì trong toàn bộ câu chuyện?”

Saint-Cyr trầm ngâm nhìn anh, “Một vai trò mà tôi thường gọi là

‘mảnh ghép không khớp’. Mỗi vụ án luôn có một yếu tố như thế, cứng đầu, không chịu khớp vào bức tranh toàn cảnh. Bỏ nó đi, mọi tình tiết đều có lý. Nhưng nó vẫn ở đấy. Không chịu biến mất. Nghĩa là một thứ gì đó, ở đâu đó, đã vượt khỏi tầm tay chúng ta. Đôi khi nó vô cùng quan trọng. Đôi khi lại không. Một số thẩm phán và điều tra viên đã quyết định tăng lơ, đây thường là nguyên nhân gây ra án oan. Về phần mình, tôi không bao giờ bỏ qua chi tiết kiểu như thế. Nhưng tôi cũng không cho phép mình bị nó ám ảnh.”

Servaz nhìn đồng hồ đeo tay và đứng dậy.

“Thật tiếc rằng anh và tôi không cùng điều tra vụ án này,” anh nói. “Tôi muốn được làm việc với anh hơn là Confiant.”

“Cảm ơn,” Saint-Cyr cũng đứng dậy. “Tôi cho rằng chúng ta có thể trở thành những đồng đội tốt.”

Ông chỉ vào bàn, bếp và những chiếc ly rỗng trên bàn trà cạnh lò sưởi. “Cho phép tôi đưa ra một đề nghị. Bất cứ khi nào cậu qua đêm ở Saint-Martin, tôi hoan nghênh cậu tới dùng bữa tối. Như thế cậu sẽ không phải ăn thứ đồ chán ngắt ở khách sạn hay đi ngủ với cái bụng rỗng.”

Servaz mỉm cười, “Nếu cứ được đối đãi hậu hĩ thế này, chắc chẳng mấy chốc tôi sẽ không thể tiến hành thêm cuộc điều tra nào nữa.”

Gabriel Saint-Cyr bật cười sảng khoái, làm vơi bớt sự căng thẳng vương lại từ câu chuyện vừa kể.

“Có thể gọi đây là bữa ra mắt. Tôi muốn gây ấn tượng với cậu bằng tài nấu ăn của tôi. Bữa tiếp theo sẽ thanh đạm hơn, tôi hứa đấy. Chúng ta phải giữ cho sĩ quan chỉ huy mạnh khỏe.”

“Nếu vậy thì tôi đồng ý.”

Ông thẩm phán nháy mắt, “Đồng thời, chúng ta có thể thảo luận về diễn tiến của cuộc điều tra. Đương nhiên là trong giới hạn cậu được phép tiết lộ. Hay nói cách khác, ở góc độ lý thuyết hơn là thực tế điều tra. Chẳng ảnh hưởng đến ai nếu cậu muốn biện hộ những giả thuyết và kết luận của riêng mình với một người khác.”

Servaz biết ông thẩm phán nói đúng. Tuy anh không định kể với ông

mọi thứ, nhưng anh ý thức được rằng với đầu óc nhạy bén và khả năng lập luận chuyên nghiệp, Saint-Cyr có thể giúp ích rất nhiều. Hơn nữa, nếu án mạng lần này liên quan đến những vụ tử xưa kia, ông cựu thẩm phán sẽ có nhiều điều để nói với anh.

Họ nồng nhiệt bắt tay nhau, Servaz trở ra với màn đêm. Khi tới cây cầu nhỏ, anh phát hiện ra tuyết đã rơi. Hít một hơi thật sâu làn không khí ban đêm cho tỉnh táo, cảm nhận những bông tuyết ướt lạnh đang mơn trớn má mình. Ra tới gần xe, anh thấy điện thoại rung lên trong túi áo.

“Có chuyện rồi,” Ziegler thông báo.

Servaz cứng người. Anh nhìn sang phía bên kia dòng nước. Hình dáng ông thẩm phán lướt qua cửa sổ, mang theo đĩa và dao đĩa. Bên trên cối xay, tuyết đang rơi dày đặc.

“Chúng tôi tìm thấy máu ở hiện trường vụ án, của một người không phải Grimm. DNA đã được xác định.”

Servaz cảm thấy như thể một vệt thẳm đang mở ra dưới chân. Anh nuốt nước bọt. Anh biết cô sắp nói gì.

“Là của Hirtmann.”

Khi Diane nghe thấy tiếng cửa kéo kẹt thì đã quá nửa đêm. Cô không ngủ, nhưng nằm trên giường và nhìn chăm chăm vào bóng tối, vẫn mặc nguyên quần áo, chờ đợi. Cô quay mặt ra, trông thấy một tia sáng dưới chân cửa. Có tiếng bước chân khe khẽ.

Cô bật dậy.

Sao cô lại làm việc này? Không ai bắt buộc cô phải làm thế. Nhưng cô vẫn hé mở cánh cửa.

Hành lang đã tối trở lại, nhưng phía cầu thang vẫn sáng đèn. Cô liếc về hướng ngược lại rồi đi ra ngoài. Cô mặc quần bò, áo len chui cổ và dép lê. Cô biết biện hộ thế nào về sự hiện diện của mình trong hành lang vào lúc nửa đêm nếu chẳng may bị ai bắt gặp? Cô tiến về phía cầu thang. Tiếp tục nghe ngóng. Tiếng bước chân lén lút vọng lên từ bên

dưới. Người nọ không dừng lại ở tầng bốn hay tầng ba. Cuối cùng, tiếng bước chân tắt lịm ở tầng hai. Diane bỗng đông cứng, không dám nghiêng người nhìn qua lan can.

Một tiếng cách.

Người cô đang bám theo vừa bấm mã mở cửa tầng hai trên hộp khóa an ninh. Mỗi tầng có một hộp như thế, ngoại trừ tầng trên cùng là khu vực phòng ngủ của cán bộ. Cô nghe thấy cửa khê khàng mở ra, rồi đóng lại. Cô thực sự đang làm việc này sao? Nửa đêm bám theo một người ở chỗ làm mới?

Diane đi xuống cầu thang, tới cửa an ninh. Cô ngập ngừng, đếm đến mười, chuẩn bị nhập mật mã thì một ý nghĩ chợt thoáng qua tâm trí.

Những chiếc camera.

Camera giám sát được đặt ở bất cứ chỗ nào bệnh nhân ngủ hoặc được tự do di chuyển. Cả ở những vị trí chiến lược, tầng trệt cũng như tầng hai, ba và bốn. Tuy nhiên, không có camera ở cầu thang nội bộ, nơi bệnh nhân không được phép lui tới, và tầng năm, khu vực dành cho cán bộ. Nếu tiếp tục đi theo vị khách ban đêm, cô sẽ xuất hiện trong camera ở chỗ này hoặc chỗ khác...

Như thế có nghĩa người đi trước cô không sợ bị ghi hình. Nhưng nếu camera ghi lại hình ảnh Diane đi theo tuyến đường của người ta, thì hành vi của cô sẽ rất đáng ngờ.

Diane chưa suy tính được gì thêm thì nghe thấy tiếng bước chân ở bên kia cánh cửa. Cô chỉ kịp vội vàng chạy lên cầu thang và trốn đi trước khi khóa an ninh kêu cách một lần nữa.

Trong tích tắc, nỗi sợ hãi bóp nghẹn lấy cô. Nhưng thay vì trở lại khu vực cán bộ, nhân vật bí ẩn kia tiếp tục đi xuống tầng dưới. Diane chỉ do dự một giây.

Mày điên rồi!

Đến cánh cửa dưới tầng trệt, cô dừng lại. Không có bất cứ ai trong tầm mắt. Vị khách ban đêm đâu rồi? Nếu người ta đã đi vào tiền sảnh, chắc chắn tiếng cửa an ninh phải kêu một lần nữa. Suýt thì cô không nhận thấy cánh cửa xuống tầng hầm, nằm bên trái cuối đoạn cầu thang.

Cánh cửa đang dần đóng lại... Chỉ có một tay nắm cửa ở phía bên này, vì thế, cánh cửa không thể mở được khi không có khóa. Diane vội vã hướng tới và lách bàn tay vào giữa khe cửa, ngay trước khi cánh cửa kim loại nặng trĩu đóng lại.

Cô chật vật đẩy nó ra.

Tiếng bước chân vẫn tiếp tục, lần này là giẫm trên bê tông, dẫn sâu vào bóng tối của tầng hầm. Mười lăm bậc cầu thang tới một chiếu nghỉ rồi tiếp tục dẫn xuống theo hướng ngược lại. Cầu thang dốc đứng, những bức tường tróc sơn.

Diane do dự.

Việc cô đi theo ai dọc theo hành lang Viện là một chuyện, nếu bị bắt gặp, cô có thể nói rằng cô ở văn phòng đến khuya và lạc đường. Nhưng sẽ là một chuyện hoàn toàn khác nếu cô đi theo người ta xuống tầng hầm.

Tiếng bước chân vẫn tiếp tục di chuyển.

Diane quyết đoán thả cho cánh cửa nặng nề đóng lại sau lưng. Cánh cửa kim loại có thể mở được từ bên trong tầng hầm nhờ một chốt ngang. Nó tạo ra một tiếng cách nhẹ khi khớp vào ngõng. Luồng khí lạnh và ẩm thấp lập tức vây lấy cô, cùng với thứ mùi ẩm mốc của tầng hầm. Diane bắt đầu đi xuống. Tới quãng cầu thang thứ hai, ánh đèn đột ngột sáng lên làm Diane giật mình bước hụt. Cô chúi tới trước, bật kêu khê khi vai đập mạnh vào bức tường phía dưới. Cô co mình lại vì đau đớn và đặt tay lên vai. Rồi nín thở. Tiếng bước chân đã dừng lại! Nỗi sợ hãi này giờ vẫn rất mơ hồ bỗng nhiên bùng lên choán lấy Diane. Tim đập thình thịch. Cô chuẩn bị quay trở ra thì tiếng bước chân lại tiếp tục. Kẻ kia đang đi xa dần... Diane nhìn xuống. Không phải bóng tối đen đặc. Có ánh sáng mờ nhạt hắt lên cầu thang, tràn qua những mặt tường như một lớp sơn màu vàng. Cô tiếp tục đi xuống, cẩn thận đặt từng bước chân và cuối cùng tới một hành lang dài trong ánh sáng mờ mờ.

Những đường ống nước và bó dây điện bên dưới trần, những vệt gỉ sét và vết mốc đen trên tường.

Tầng hầm... không phải là nơi nhiều cán bộ nhân viên sẽ lui tới.

Không khí ngọt ngào, lạnh lẽo và ẩm thấp khiến Diane nghĩ tới một hàm mộ.

Âm thanh, tiếng bước chân xa dần, tiếng nước rỉ ra từ trần nhà, tiếng o o của hệ thống thông khí ở rất xa. Tất cả đều trở nên đáng kinh hãi.

Cô rùng mình, như thể một bàn tay lạnh buốt đang rờ dọc sống lưng. Có nên tiếp tục hay không? Nơi này giống như mê cung, đầy những giao lộ và hành lang. Cố gắng bình tĩnh lại, cô tập trung tinh thần định hướng tiếng bước chân. Âm vọng xa dần và ánh sáng cũng đang mờ đi. Cô phải nhanh lên. Ánh sáng và âm thanh đến từ cùng một hướng. Cô đi đến góc tiếp theo và ghé mắt nhìn. Có một bóng người ở cuối đường... Cô chỉ đủ thời gian nhìn thoáng qua trước khi nó biến mất ở bên phải. Diane nhận ra ánh sáng chập chờn, ngắt quãng trong hành lang bắt nguồn từ một chiếc đèn pin.

Cổ họng nghẹn lại, Diane vội vã tiến lên để không phải ở một mình trong bóng tối. Cô run rẩy, vì lạnh và vì sợ. Đúng là điên rồi! Mà đang làm gì thế này? Trong tay cô không có gì để tự vệ. Cô cẩn thận bước đi, hành lang dù rộng nhưng nhiều quãng gần như chật cứng bởi những chông đồ cũ, dát giường, đệm, những chiếc giường sắt dựng vào tường, bồn rửa sứ mẻ, ghế gãy, thùng, hộp, máy tính và tivi hỏng. Hơn nữa, bóng người kia còn liên tục đổi hướng, hết sang trái rồi sang phải, đi sâu vào trong lòng tòa nhà. Và chỉ nhờ luồng sáng le lói từ đèn pin của người đó, cô mới đoán được hướng đi. Diane những muốn từ bỏ và trở lại theo lối cũ, nhưng rồi nhận ra đã quá muộn. Không thể nào tìm được lối ra trong bóng tối này! Cô tự hỏi chuyện gì xảy ra nếu bật một công tắc đèn? Liệu toàn bộ tuyến đường dưới lòng đất này có lập tức sáng lên hay không? Kẻ kia sẽ biết mình bị bám đuôi. Kẻ kia sẽ phản ứng thế nào? Có quay lại hay không? Diane không còn lựa chọn nào khác ngoài việc đi theo ánh sáng chập chờn. Xung quanh cô là bóng tối đen đặc, có tiếng móng vuốt cực nhỏ cào cạo dưới đất. Chuột! Chúng gấp gáp tránh khỏi đường đi của cô. Diane cảm thấy sức nặng của bóng tối trên vai mình. Ánh đèn trở nên mạnh hơn hoặc yếu đi phụ thuộc vào khoảng cách cô duy trì với người phía trước. Càng lúc cô càng hồi hận cho sự

bốc đồng liều lĩnh của mình. Tại sao cô không ở lại trong phòng cơ chứ?

Đột nhiên, cô nghe thấy tiếng một cánh cửa kim loại ken két mở ra, rồi đóng lại. Và cô thấy mình trong bóng tối đen đặc. Như thể bỗng nhiên mù lòa. Cô hoàn toàn mất phương hướng. Cô không thể thấy thân người, hay tay chân mình nữa... Không gì cả ngoài một màu đen tuyền. Bóng tối dày đặc và không thể xuyên thấu. Máu chảy ràn rạt qua mạch máu, cô cố nuốt nước bọt nhưng miệng khô khốc. Trong tuyệt vọng, cô hết quay bên này lại đến bên kia. Vẫn có tiếng o o trì trệ từ hệ thống thông gió và nước chảy ở đâu đó, nhưng những âm thanh này trở nên xa xôi và vô dụng với cô, hết như còi báo hiệu hoàn toàn vô ích với một con tàu đang chìm dần giữa đêm giông tố. Diane nhớ ra chiếc di động nhét trong túi quần bò. Cô run rẩy lấy nó ra. Ánh sáng từ màn hình còn lờ mờ hơn so với những gì cô lo ngại. Nó gần như không thể chiếu sáng tới đầu ngón chân cô. Cô bắt đầu di chuyển cho tới khi quàng sáng đáng thương ấy tìm thấy một thứ khác ngoài bàn tay của cô để chiếu rọi, một bức tường. Hoặc ít nhất là một vài mét vuông bê tông. Cô chậm rãi lần theo bức tường trong vài phút, cho đến khi tìm thấy một công tắc đèn. Đèn điện nháy lên rồi lan tỏa ánh sáng trắng khắp căn hầm. Cô vội vã tiến về nơi đã nghe thấy tiếng cửa sập lại. Nó giống hệt cánh cửa cô vừa đi qua. Cô đẩy chốt cửa rồi ngừng lại để cân nhắc xem sự việc sẽ thế nào nếu cô bước chân sang bên kia, sẽ thế nào nếu cánh cửa sập lại sau lưng và cô không còn đường để trở ra nữa. Rồi cô quyết định quay ngược lại vài bước, tìm lấy một tấm bảng nằm giữa đóng phé liệu. Cô chêm nó vào cánh cửa sau khi đã bước qua.

Một cầu thang và một cửa sổ lớn. Cô lập tức nhận ra nơi này. Cô đã đến đây. Cô đi lên vài bước rồi dừng lại. Không cần phải đi tiếp nữa. Trên đỉnh có một chiếc camera, cô biết thế. Và một cánh cửa an ninh bọc thép dày trở một ô nhỏ hình chữ nhật.

Ai đó đã đến Khu A hằng đêm.

Ai đó đang sử dụng cầu thang phụ và tầng hầm để tránh camera giám sát. Ngoại trừ chiếc camera phía trên cánh cửa bọc thép... Hai bàn tay Diane ướt nhẹp, ruột gan thất lại. Cô biết điều này có nghĩa là gì. Dù người đó là ai, cũng cần có sự đồng lõa của bảo vệ Khu A. Rồi cô tự nhủ,

biết đâu cũng chẳng có nghĩa lý gì. Nhỡ một nhân viên thay vì đi ngủ lại đang bí mật chơi poker, hoặc ai đang áp ủ chuyện tình bí mật với Ngài Atlas thì sao? Nhưng từ tận đáy lòng, cô biết là không phải. Cô đã nghe thấy quá nhiều. Cô đã đánh bạo lao mình vào nơi chỉ có cái chết và sự điên rồ ngự trị. Nhưng cả hai đều không nằm trong vòng kiểm soát như cô vẫn tưởng. Không biết tại sao, nhưng chúng đã tìm được cách trốn thoát khỏi lồng cũi của mình. Một trò chơi quái ác đang diễn ra ở đây, và dù thích hay không, đã đến nơi này, cô buộc phải tham gia.

Khi Servaz dừng xe ở trụ sở sen đầm thì tuyết đang rơi rất dày. Một sĩ quan gà gật bên bàn trực. Cửa xếp đã hạ xuống và anh ta phải kéo nó lên lần nữa để Servaz đi vào. Anh bê cái hộp giấy nặng ở trước ngực, tiến về phía phòng điều tra. Hành lang im lặng và vắng ngắt. Đã gần nửa đêm.

“Trong này,” một giọng nói vang lên ngay khi anh băng qua một cánh cửa.

Anh dừng lại, nhìn qua khung cửa để mở. Irène Ziegler đang ngồi trước cái bàn nhỏ trong cảnh tranh tối tranh sáng. Chỉ có một chiếc đèn bàn bật sáng. Qua cửa sổ, anh thấy tuyết xoáy tít dưới quầng sáng của đèn đường. Ziegler ngáp và vươn vai. Anh nhận ra cô đã chớp mắt trong lúc đợi anh. Cô nhìn cái hộp, rồi cười. Và đột nhiên, vào giờ khắc đêm muộn này, anh cảm thấy nụ cười ấy thật cuốn hút.

“Cái gì thế?”

“Một cái hộp.”

“Nhìn là thấy rồi. Bên trong là gì?”

“Mọi thứ về vụ tự tử hàng loạt.”

Có một tia ngạc nhiên và hứng thú ánh lên trong mắt Ziegler. “Saint-Cyr đưa nó cho anh?”

“Muốn uống cà phê không?” Anh đặt cái hộp nặng trĩu xuống chiếc bàn gần nhất.

“Espresso, có đường. Cảm ơn.”

Servaz đi ra ngoài, tiến về máy pha cà phê đặt cuối hành lang và trở lại với hai chiếc cốc nhựa chịu nhiệt.

“Đây, Irène,” anh nói.

Cô ngạc nhiên nhìn anh.

“Tôi nghĩ đã đến lúc chúng ta gọi nhau bằng tên riêng rồi, không phải sao?” Servaz nói, giọng ôn tồn gần như lời xin lỗi, nhớ đến ông thẩm phán đã rất tự nhiên gọi thẳng tên anh. Vậy tại sao anh không thể làm như vậy? Vì đã muộn, hay vì nụ cười của cô xui khiến anh chủ động.

Anh thấy Ziegler cười lần nữa, “Được rồi. Vậy, buổi tối thế nào? Có vẻ thu được rất nhiều thông tin.”

“Cô nói trước đi.”

“Không, anh trước.”

Anh ngồi tựa vào cạnh bàn và thấy cô đang chơi dờ ván bài trên màn hình. Anh bắt đầu câu chuyện của mình. Ziegler lắng nghe đầy hứng thú, không ngắt lời anh lần nào.

“Quả là một câu chuyện khó tin,” cô nói khi anh kết thúc.

“Tôi thấy ngạc nhiên khi cô chưa từng nghe chuyện ấy.”

Cô chau mày và chớp mắt, “Cũng có chút ấn tượng. Chắc vì mấy bài báo. Hoặc bố mẹ tôi từng kể trong bữa tối. Xin nhắc lại với anh, bấy giờ tôi vẫn chưa gia nhập lực lượng. Trên thực tế, thời điểm diễn ra mọi chuyện có lẽ tôi còn chưa bằng tuổi những thiếu niên ấy.”

Anh bỗng nhận ra mình chẳng biết gì về Ziegler. Ngay cả nơi cô sống. Và cô cũng không biết gì về anh. Trong vòng một tuần vừa rồi, toàn bộ những cuộc trò chuyện của họ chỉ xoay quanh vụ án.

“Nhưng cô sống không xa đây lắm,” anh nhắc nhở.

“Bố mẹ tôi sống cách Saint-Martin khoảng 15 kilomet, ở thung lũng bên cạnh. Tôi không đi học ở đây. Một đứa trẻ sẽ thấy thung lũng khác giống như một thế giới mới vậy. 15 kilomet đối với nó tương đương 1.000 kilomet với người lớn. Mỗi đứa trẻ đều có lãnh thổ riêng. Hồi ấy tôi thường đi xe buýt đến 20 kilomet về phía Tây. Tôi học trung học ở Lannemezan, cách đây 40 kilomet. Về sau học luật ở Pau. Giờ anh nhắc đến, tôi mới nhớ ra mình từng tán gẫu với bạn bè về những vụ tự tử này. Có lẽ tôi đã loại nó khỏi tâm trí.”

Servaz có cảm giác Ziegler không thích nói về tuổi trẻ của mình, và anh thắc mắc là tại sao.

“Sẽ rất thú vị nếu biết quan điểm của Propp,” anh nói.

“Quan điểm của anh ta về việc gì?”

“Về lý do khiến trí nhớ của cô loại bỏ những sự việc đó.”

Cô nhăn nhó nhìn anh. “Những vụ tự tử này có liên quan gì tới Grimm không?”

“Có thể là chẳng hề liên quan chút nào.”

“Tại sao anh lại hứng thú?”

“Kẻ giết Grimm có vẻ đang trả thù. Điều gì hoặc ai đó đã khiến lũ trẻ chấm dứt cuộc đời mình. Nhiều năm trước, Grimm, Perrault và Chaperon từng bị buộc tội liên quan đến tông tiền tình dục... Nếu đặt những mảnh ghép cạnh nhau, chúng ta có gì?”

Servaz đột nhiên cảm thấy có luồng điện chạy qua người mình. Bọn chúng đang mưu tính gì đó. Nó ở đây, ở rất gần rồi. Trọng tâm đen tối của câu chuyện, yếu tố cốt lõi nơi mọi thứ phát tán, nấp dưới một điểm mù... Anh cảm thấy adrenalin đang dồn qua các mạch máu.

“Tôi đề nghị chúng ta tiếp tục bằng việc xem trong hộp có những gì,” anh nói, giọng run run.

“Vậy thì bắt đầu thôi nhỉ?” Ziegler hỏi, nhưng không hẳn là một thách thức.

Servaz nhận thấy cùng một niềm hy vọng và phấn khích giống mình trên khuôn mặt của người đối diện. Anh nhìn đồng hồ đeo tay, đã gần 1 giờ sáng. Tuyết vẫn rơi bên ngoài.

“Được rồi. Thế còn máu,” anh đột ngột đổi đề tài. “Chính xác thì họ tìm thấy nó ở đâu?”

Cô băn khoăn nhìn anh, “Trên cầu, không xa nơi ông được sĩ bị treo cổ.”

Họ ngồi im lặng trong khoảnh khắc.

“Máu,” anh lặp lại. “Dường như không thể.”

“Phòng thí nghiệm đã khẳng định.”

“Máu... như thể...”

“... Như thể Hirtmann đã tự làm mình bị thương khi treo xác Grimm

lên.”

Ziegler tiếp lời. Cô lục lọi cái hộp đầy hồ sơ, kẹp tài liệu, ghi chú và thư từ trao đổi hành chính cho đến khi tìm được một tập tài liệu với tiêu đề ‘Tóm tắt’. Hiển nhiên là do chính tay Saint-Cyr soạn thảo. Chữ viết tay của ông thẩm phán rõ ràng và khá đẹp, chính là kiểu đối lập với chữ viết nguệch ngoạc của các bác sĩ. Servaz thấy ông đã tóm tắt lại rất nhiều giai đoạn của cuộc điều tra một cách đặc biệt mạch lạc và súc tích. Ziegler dùng bản tóm tắt tìm đường giữa mớ bòng bong trong hộp. Cô bắt đầu bằng việc dỡ từng phần của tập tài liệu và trải ra thành những xấp nhỏ, báo cáo pháp y, bản tóm tắt các phiên tòa, các cuộc thẩm vấn bố mẹ nạn nhân, danh sách vật phẩm, thư từ tìm thấy trong nhà bọn trẻ. Saint-Cyr cũng sao chép lại toàn bộ các tài liệu liên quan đến vụ án để lưu trữ cá nhân. Ngoài các bản sao còn có các mẫu báo được cắt ra, giấy nhớ, các trang giấy rời... Với mỗi thiếu niên lại có một bản đồ chỉ ra địa điểm tự tử, đánh dấu bằng hình chữ thập màu đen và những hành trình bí ẩn thể hiện bằng mũi tên hoặc vòng tròn đỏ: nào là báo cáo học tập ở trường, ảnh kỉ yếu, những dòng ghi chú nguệch ngoạc trên mấy mẫu giấy, hóa đơn cầu đường...

Servaz chết lặng. Rõ ràng, ông thẩm phán già đã biến vụ án thành cuộc viễn chinh của riêng mình. Giống như các điều tra viên đi trước, ông để mặc mình bị ám ảnh bởi bí ẩn này. Ông ta có thực sự hy vọng sẽ khám phá ra sự thật lúc về hưu không, khi chẳng còn việc gì khác để làm và có thể dành hết thời gian cho cuộc điều tra?

Sau đó, họ tìm thấy một tài liệu còn đáng lưu tâm hơn. Danh sách bảy nạn nhân, cùng với ảnh chân dung và ngày tự sát.

1993.5.2, Alice Ferrand, 16

1993.6.17, Michael Lehmann, 17

1993.6.29, Ludovic Asselin, 16

1993.9.5, Marion Dutileul, 15

1993.12.24, Séverine Guérin, 18

1994.4.16, Damien Llaume, 16

1994.7.9, Florian Vanloot, 17

“Lạy Chúa!”

Servaz run tay khi trải chúng trên bàn, dưới ánh sáng đèn. Bảy bức ảnh ghim vào bảy thẻ mục Ziegler đã đưa cho anh. Bảy khuôn mặt cười. Một số nhìn thẳng vào ống kính máy ảnh, còn lại đang ngó đi chỗ khác. Servaz liếc mắt sang đồng nghiệp. Đứng bên cạnh anh, cô có vẻ quẫn trí. Servaz tiếp tục tập trung vào những khuôn mặt trước mắt, cảm thấy cổ họng mình nghẹn lại.

Ziegler đưa cho anh một nửa xấp báo cáo pháp y và cắm cúi xem nửa còn lại. Họ yên lặng đọc hồi lâu. Không có gì đáng ngạc nhiên, các báo cáo kết luận rằng nguyên nhân dẫn đến cái chết là treo cổ, ngoại trừ trường hợp một cô bé gieo mình từ trên đỉnh núi xuống và cậu bé mặc dù bị giám sát nhưng vẫn tự làm mình giật điện trong bồn tắm. Các giám định viên pháp y không tìm thấy bất cứ điều gì bất thường, không có vùng xám, các hiện trường hoàn toàn minh bạch, tất cả đều xác nhận rằng các thiếu niên đi một mình tới địa điểm đã định và hành động đơn độc. Bốn cuộc giải phẫu do Delmas thực hiện, còn lại là do một giám định viên khác phụ trách, một người mà Servaz biết cũng có trình độ tương đương Delmas. Sau báo cáo pháp y, họ tiếp tục với bản thẩm vấn từng nhà dân trong khu vực nạn nhân sinh sống. Mục đích để tìm hiểu thêm về tính cách các em, tách biệt với lời khai của các phụ huynh. Như thường lệ, có những lời đồn thổi hiểm thù hay ác ý về một vài trường hợp, nhưng nhìn chung, đám trẻ đều được mô tả là những thiếu niên ngoan ngoãn, ngoại trừ trường hợp một cậu bé nổi loạn, Ludovic Asselin, hung bạo với bạn bè và chống đối chính quyền. Những lời khai cảm động nhất là về Alice Ferrand, nạn nhân đầu tiên. Cô bé có vẻ được yêu mến. Servaz xem bức ảnh. Tóc xoăn màu rơm óng vàng, làn da trắng sứ, cô bé nhìn vào máy ảnh bằng đôi mắt đáng yêu, nghiêm túc. Một khuôn mặt xinh đẹp với các chi tiết như vẽ qua bàn tay tài hoa của một họa sĩ, mang nét dễ thương của một cô bé ở tuổi 16, nhưng thần thái lại chững chạc hơn nhiều. Ánh mắt thông minh sắc sảo. Và còn có điều gì khác nữa... hay chỉ là do anh tưởng tượng?

3 giờ sáng, họ bắt đầu kiệt sức. Servaz quyết định tạm nghỉ. Anh đi xuống hành lang để vào nhà vệ sinh và vĩa nước lạnh lên mặt, rồi đứng thẳng dậy và nhìn mình trong gương. Một trong các bóng đèn nhấp nháy và kêu tanh tách, hắt ánh sáng ảm đạm xuống dãy cửa sau lưng anh. Anh đã ăn và uống quá nhiều ở chỗ Saint-Cyr nên giờ thấy khá mệt mỏi. Anh đi vào một buồng vệ sinh, giải phóng bản thân cho đỡ nặng bụng, rửa tay và hong khô bằng máy sấy. Trên đường trở ra, anh dừng ở chỗ máy pha đồ uống.

“Cà phê không?” Anh hét vào hành lang trống trải.

Tiếng anh vọng lại trong thinh lặng. Câu trả lời vang tới chỗ anh qua khung cửa đang mở ở phía cuối hành lang. “Espresso! Có đường, cảm ơn!”

Anh tự hỏi không biết còn ai trong tòa nhà không, ngoại trừ hai người bọn họ và viên sĩ quan ở bàn trực. Anh biết sen đầm có chỗ tạm trú ở một khu nhà khác. Anh mang cà phê băng qua căng tin tối tăm, len qua những chiếc bàn tròn sơn màu vàng, đỏ và xanh biển. Bên ngoài khung cửa sổ lớn được che chắn bằng một tấm lưới mắt cáo, tuyết lạnh lẽo rơi xuống khu vườn nhỏ. Những bờ giậu được cắt tỉa gọn gàng, một bồn cát và một cái cầu trượt bằng nhựa dành cho con cái của các sen đầm sống ở đây. Phía bên ngoài khu vườn là những cánh đồng trắng, và xa hơn, nổi bật trên nền trời đen là những dãy núi. Một lần nữa, anh nghĩ tới Viện cùng bệnh nhân của họ. Và Hirtmann... Máu của hắn trên cầu. Điều có nghĩa là gì? “Luôn có một mảnh ghép không ăn khớp,” Saint-Cyr đã nói như vậy.

Đôi lúc nó quan trọng, đôi lúc không...

5 giờ 30 phút sáng, Servaz ngả người ra lưng ghế và tuyên bố rằng đã quá đủ. Ziegler kiệt sức thấy rõ. Khuôn mặt in nét tuyệt vọng. Không có gì cả. Hoàn toàn chẳng có gì để họ bám víu vào giả thuyết lạm dụng tình dục. Không một chút manh mối nào, dù chỉ là manh nha. Trong bản báo cáo cuối cùng, Saint-Cyr đã đi đến kết luận tương tự. Bên lề, ông viết bằng bút chì: *Lạm dụng tình dục? Không có bằng chứng.* Tuy vậy ông đã gạch chân câu hỏi, hai lần. Trong khoảnh khắc, Servaz những muốn nhắc đến trại hè với Ziegler, nhưng rồi anh từ bỏ ý định. Anh quá

mệt, đơn giản là không còn chút hơi sức nào.

Ziegler xem đồng hồ đeo tay.

“Tôi không nghĩ chúng ta có thể đạt được tiến triển gì trong đêm nay. Chúng ta nên ra về và chợp mắt một chút.”

“Cũng được. Tôi sẽ về khách sạn. Hẹn gặp cô ở phòng điều tra lúc 10 giờ. Cô ở đâu?”

“Ở đây. Bọn họ đã cho tôi thuê căn hộ của một viên sen đang nghỉ phép, để tiết kiệm chi phí hành chính.”

Servaz gật đầu. “Thời nay người ta không nên quá tận tiện như vậy chứ?”

“Tôi chưa từng tham gia cuộc điều tra nào thế này,” Ziegler đứng dậy. “Trước thì một con ngựa chết, sau thì một ông dược sĩ treo cổ dưới cầu. Và chỉ có một điểm liên kết hai vụ án, DNA của một tên giết người hàng loạt... Giờ lại đến những thiếu niên thi nhau tự tử. Giống như một cơn ác mộng. Không có logic, không có manh mối trọng yếu nào. Có lẽ tôi sẽ tỉnh dậy và phát hiện ra tất cả những chuyện này không tồn tại.”

“Sẽ thức tỉnh,” Servaz kiên định nói. “Nhưng không phải với chúng ta, mà là với hung thủ. Và sẽ sớm thôi.”

Anh nhanh chóng sải bước ra ngoài và đi mất.

Đêm, anh mơ thấy bố mình. Trong mơ, Servaz là một cậu bé 10 tuổi. Mọi thứ chìm trong ánh sáng ấm áp, dễ chịu của một buổi tối mùa hè, và bố anh chỉ là một bóng hình, cũng giống như hai người đang nói chuyện cùng ông ngoài hiên nhà. Tiến lại gần hơn, Servaz nhỏ tuổi thấy hai người đàn ông rất già đang mặc áo choàng dài màu trắng. Cả hai đều để râu. Servaz len vào giữa bọn họ và nhìn lên, nhưng bọn họ không hề chú ý tới cậu. Chăm chú lắng nghe, cậu bé phát hiện ra họ đang nói tiếng La tinh. Một cuộc thảo luận sôi nổi và thân thiện. Có lúc bố anh cười lớn, rồi nghiêm túc trở lại. Tiếng nhạc phát ra từ trong nhà, giai điệu quen thuộc nhưng bấy giờ Servaz không thể nhận ra.

Sau đó, màn đêm tĩnh lặng bị phá vỡ bởi một âm thanh từ ngoài

đường vọng vào, là tiếng động cơ ô tô. Ba người đàn ông đột ngột rơi vào im lặng.

“Họ đang đến,” rớt cuộc một trong hai ông già lên tiếng.

Giọng ông ta buồn thảm, và trong mơ, Servaz bắt đầu run lên.

Servaz tới trụ sở sen đầm muộn mười phút. Anh phải viện đến một cốc lớn đựng đầy cà phê đen, hai liều thuốc và tắm bằng nước nóng hết cỡ để xua đi cơn mệt mỏi đã hăm dọa sẽ hạ gục anh. Cổ họng vẫn còn nóng cháy. Ziegler đã có mặt. Một lần nữa, cô lại mặc bộ đồ bó sát bằng da khiến anh nghĩ tới một bộ áo giáp thời hiện đại. Anh nhớ ra đã nhìn thấy chiếc xe máy của cô bên ngoài trụ sở sen đầm. Họ thu xếp ghé thăm bố mẹ của các nạn nhân tự tử và chia nhau địa chỉ. Ba cho Servaz, bốn cho Ziegler. Servaz quyết định bắt đầu bằng người đầu tiên trong danh sách, Alice Ferrand. Địa chỉ không ở Saint-Martin mà ở một ngôi làng bên cạnh. Anh tưởng tượng ra một ngôi nhà giản dị, hai phụ huynh già cả suy sụp vì đau buồn. Cho nên anh kinh ngạc khi đối diện với một người đàn ông tươi cười, rắn rỏi, vẫn còn trong thời kì sung mãn của cuộc đời. Ông ta cởi trần và đi chân đất ra chào Servaz, chỉ mặc độc một chiếc quần lạnh màu trắng nhờ, với dải dây rút thắt hờ ở eo.

Servaz bồi rối đến mức chỉ có thể lúng búng giới thiệu về bản thân và giải thích lý do viếng thăm.

Bố Alice lập tức sinh nghi. “Anh có thể ngành không?”

“Đây.”

Người đàn ông kiểm tra kĩ càng, rồi dụi đi và trả thẻ lại.

“Tôi chỉ muốn đảm bảo anh không phải một trong những tay nhà báo viết thuê thỉnh thoảng lại cố bới móc câu chuyện khi đã hết thứ để cóp nhặt,” ông ta tỏ ý xin lỗi. “Mời vào.”

Gaspard Ferrand đứng sang một bên để Servaz đi qua. Ông ta cao và thon gọn. Anh không thể không để ý đến phần thân trên rám nắng không một chút mỡ thừa, chỉ có vài sợi lông bạc trên xương ức, làn da

láng bóng và căng chặt chỗ xương sườn như một tấm bạt phủ mái hiên, với núm vú màu nâu như của một người già.

“Thứ lỗi cho bộ dạng của tôi lúc này, tôi vừa tập yoga. Yoga đã giúp tôi rất nhiều kể từ khi Alice mất, đạo Phật cũng vậy.”

Ban đầu Servaz rất ngạc nhiên, anh nhớ ra rằng bố của Alice không phải một người làm thuê hay công nhân như các phụ huynh khác, mà là một giảng viên. Anh lập tức hình dung ra một người đàn ông hưởng thụ những kì nghỉ dài, và ưa thích những điểm đến xa xôi và rục rĩ, Bali, Phuket, biển Caribe, Rio de Janeiro, hoặc Maldives.

“Tôi ngạc nhiên khi thấy cảnh sát vẫn còn hứng thú với vụ án này đây.”

“Thực ra tôi đang điều tra vụ án mạng của dược sĩ Grimm.”

Ferrand quay lại. Servaz thấy ông ta có vẻ băn khoăn.

“Anh nghĩ có sự liên quan giữa cái chết của Grimm và vụ tự tử của con gái tôi hoặc của những đứa trẻ khác sao?”

“Đó là điều tôi đang muốn tìm ra.”

Gaspard Ferrand cảnh giác thăm dò anh, “Thoạt nhìn thì không thấy mối liên hệ rõ ràng nào. Tại sao anh lại nghĩ là có điều gì đó?”

Một nhận xét sắc sảo. Servaz do dự. Gaspard Ferrand nhận ra sự ngượng ngập của vị khách. Họ vẫn đứng đối diện nhau ở hành lang hẹp, ông ta để ngực trần trong khi khách thì áo trong áo ngoài vì tiết trời lạnh giá. Ferrand trở cánh cửa đang mở dần vào phòng khách.

“Anh uống trà, hay cà phê?”

“Cà phê, nếu ông không phiền.”

“Không hề. Tôi cũng sẽ pha trà cho mình. Mời anh ngồi trong lúc tôi chuẩn bị,” ông ta nói rồi biến mất trong bếp ở phía bên kia hành lang. “Cứ tự nhiên như ở nhà.”

Servaz không hề mong đợi sẽ được chào đón nồng nhiệt như vậy. Rõ ràng, bố Alice thích có khách đến thăm, ngay cả khi đó là cảnh sát, đến hỏi về cô con gái tự tử mười lăm năm trước. Servaz nhìn quanh. Phòng khách là một đống hỗn độn. Cũng giống như nhà anh, sách và tạp chí

chồng chất khắp nơi, trên bàn cà phê, ghé bành, đồ đạc... Và bụi... Phải chăng ông ta sống một mình? Chẳng lẽ Gaspard Ferrand đã góa vợ, hay ly hôn? Nguyên nhân cho thái độ hiếu khách này? Có một phong bì từ Quỹ Hành động Chông đói nằm trên mặt tủ, Servaz nhận ra biểu tượng màu xanh và xám của giấy tái chế, bản thân anh cũng quyên góp cho tổ chức phi chính phủ ấy. Trong một khung hình có vài bức ảnh bố Alice xuất hiện cùng những người trông có vẻ là dân Mỹ La tinh hay nông dân châu Á, hậu cảnh là rừng nhiệt đới hoặc đồng lúa. Servaz nghĩ, những chuyến du lịch của Gaspard Ferrand không phải là lặn biển, cocktail lạnh, hay tắm nắng trên những bãi biển ở Caribe.

Anh thả lỏng trên chiếc ghé bành. Gần đây là một chồng sách xếp trên chiếc ghé đầu làm bằng gỗ sẫm màu. Servaz cố nhớ tên tiếng châu Phi của chiếc ghé, *esono dwa*...

Mùi cà phê thoang thoảng. Ferrand trở ra, tay cầm một cái khay với hai chiếc cốc nghi ngút khói, đường, kẹp gấp đường, và một cuốn album ảnh. Ông ta đưa cuốn album cho Servaz sau khi đặt chiếc khay xuống bàn. “Đây.”

Servaz mở ra xem. Đúng như anh nghĩ, tất cả đều là ảnh của Alice. Alice năm 4 tuổi trên chiếc ô tô trẻ em, Alice đang xách một cái thùng to gần bằng người để tưới hoa. Alice và mẹ, một người đàn bà gầy guộc mơ màng với cái mũi lớn như Virginia Woolf. Alice năm 10 tuổi, mặc quần soóc, đang chơi bóng với những cậu bé cùng tuổi, cô bé tiến về phía cầu môn đối phương cùng quả bóng dưới chân và ánh mắt dũng cảm quyết tâm... Một cô bé hiếu động, nghịch ngợm không khác gì con trai. Và là một cô bé đáng yêu, rạng rỡ.

Gaspard Ferrand buông mình xuống chiếc ghé bành ngay cạnh Servaz. Ông ta mặc một chiếc áo cổ tàu, có màu trắng nhờ như quần. “Alice là một đứa bé tuyệt vời. Rất dễ làm thân, lúc nào cũng vui vẻ và thích giúp đỡ người khác. Con bé là tia nắng của chúng tôi.”

Ferrand tiếp tục mỉm cười, như thể hỏi tưởng về Alice là việc vô cùng dễ chịu chứ không hề đau đớn.

“Con bé cũng là một đứa trẻ rất thông minh, có nhiều tài lẻ, vẽ, âm

nhạc, ngôn ngữ, thể thao, viết lách... Con bé luôn ngấu nghiến đọc sách. Ở tuổi 12, nó đã biết mình muốn làm gì sau này, trở thành một triệu phú rồi phân phát tiền cho những người cần giúp đỡ.” Gaspard Ferrand bật ra một tiếng cười the thé kì quặc. “Chúng tôi chưa bao giờ hiểu được tại sao con bé hành động như thế.”

Lần này có thể thấy được vết rạn nứt trong giọng nói. Nhưng Ferrand mau chóng bình tĩnh lại.

“Tại sao cuộc đời luôn lấy đi những điều tốt đẹp nhất mà ta có, rồi để mặc ta tiếp tục sống với sự mất mát đó? Tôi đã luôn tự hỏi mình câu hỏi ấy trong suốt mười lăm năm qua, giờ thì tôi đã tìm ra câu trả lời.”

Ferrand nhìn anh bằng ánh mắt kì lạ đến mức trong khoảnh khắc, Servaz tự hỏi có phải bố Alice đã mất trí rồi không.

“Nhưng là câu trả lời mà mỗi chúng ta phải tự tìm thấy trong tâm hồn mình. Ý tôi là, không ai có thể dạy anh hay thay anh trả lời được.”

Gaspard Ferrand chăm chăm nhìn Servaz xem anh có hiểu ý ông ta không. Servaz bỗng cảm thấy vô cùng khó chịu.

“Tôi làm anh khó xử thì phải,” người chủ nhà nói tiếp. “Thứ lỗi cho tôi. Khi sống một mình thì sẽ như thế đấy. Vợ tôi mất vì ung thư, rất đột ngột, hai năm sau khi Alice rời bỏ chúng tôi. Vậy là, anh hứng thú với vụ tự tử hàng loạt từ mười lăm năm trước, dù đang điều tra vụ án mạng của ông dượng sĩ. Tại sao vậy?”

Servaz không trả lời mà hỏi lại. “Không đứa trẻ nào để lại thư giải thích à?”

“Phải. Nhưng không có nghĩa là không có lời giải thích nào, ý tôi là vậy. Phải có lý do cho toàn bộ những vụ tự tử ấy. Không thể đơn giản chỉ là chúng cho rằng cuộc đời này chẳng đáng sống.”

Ferrand nhìn Servaz chăm chăm. Servaz thắc mắc liệu ông ta có nghe được những lời đồn về Grimm, Perrault, Chaperon và Mourrenx không.

“Alice có gì thay đổi trong khoảng thời gian trước khi tự tử không?”

Ferrand gật đầu. “Có. Chúng tôi không nhận ra ngay lập tức. Nhưng đúng là dần dần đã có sự thay đổi. Con bé không cười nhiều như trước,

nó tức giận thường xuyên hơn, rúc trong phòng riêng lâu hơn... Đại khái là thế. Một ngày nọ, con bé muốn bỏ chơi piano. Nó thôi tâm sự với chúng tôi về các kế hoạch của nó.”

Servaz tưởng như có dòng nước đá đang chảy trong mạch máu mình. Anh nhớ lại cuộc gọi của Alexandra và vết bầm trên má Margot. “Ông không xác định được những thay đổi bắt đầu từ khi nào sao?”

Ferrand ngập ngừng. Servaz có cảm giác kì lạ rằng bố Alice biết rất rõ câu trả lời, nhưng không sẵn lòng bộc bạch.

“Độ vài tháng trước vụ tự tử. Vợ tôi cho là thay đổi tuổi dậy thì.”

“Còn ông? Ông có nghĩ thế không? Rằng những thay đổi là tự nhiên?”

Ferrand nhìn anh bằng ánh mắt kì lạ. Một lát sau trả lời dứt khoát, “Không.”

“Theo ông thì chuyện gì đã xảy ra với cô bé?”

Bố Alice im lặng lâu tới mức Servaz suýt nữa phải nắm lấy cánh tay ông ta mà lắc.

“Tôi không biết,” Ferrand nói, vẫn không rời mắt khỏi Servaz. “Nhưng tôi chắc chắn đã có chuyện dị thường xảy ra. Ai đó trong thung lũng này biết rõ tại sao những đứa trẻ của chúng tôi lại hành động dại dột như thế.”

Có gì đó là lạ trong câu trả lời, giọng Ferrand cũng biến đổi kì lạ tới mức Servaz không ngăn nổi tò mò. Anh toan đề nghị ông chủ nhà nói rõ hơn thì điện thoại rung lên trong túi áo.

“Cảm phiền ông,” Servaz đứng lên.

Là Maillard. Anh ta có vẻ căng thẳng.

“Chúng tôi vừa nhận được một cuộc gọi rất kì lạ. Từ một tên đã bóp giọng. Hắn muốn trao đổi với anh. Nói rằng việc rất gấp, có thông tin về cái chết của Grimm. Nhưng hắn chỉ nói chuyện với anh. Thỉnh thoảng chúng tôi vẫn nhận được những cuộc gọi kiểu này, nhưng... tôi không biết. Lần này có vẻ khá nghiêm túc. Nghe giọng hắn như đang hoảng sợ.”

Servaz giật nảy mình.

“Hoảng sợ? Anh nói ‘hoảng sợ’ là ý gì? Anh chắc không?”

“Chắc. Tôi lấy tay mình ra cựa với anh.”

“Anh có cho hấn số của tôi không?”

“Có. Tôi không nên à?”

“Không không, anh làm đúng rồi. Anh có số của hấn không?”

“Là số di động. Hấn cúp máy ngay khi chúng tôi cho số của anh. Chúng tôi đã cố gọi lại nhưng chỉ nhận được hộp thư thoại.”

“Các anh đã nhận điện được hấn chưa?”

“Vẫn chưa. Chúng tôi phải thông qua tổng đài.”

“Gọi cho Confiant và Ziegler! Giải thích tình huống cho họ. Chúng ta phải nhận điện được người đàn ông. Làm ngay đi!”

“Được. Hấn sẽ gọi cho anh đây,” viên sĩ quan nhắc.

“Hấn gọi cho anh bao lâu rồi?”

“Chưa đầy năm phút trước.”

“Tốt. Chắc là tôi sắp nhận được điện thoại của hấn rồi. Trong lúc đó, hãy liên hệ với Confiant. Và Ziegler! Có lẽ tên này không cho tôi biết danh tính đâu, chưa kể có khi chỉ gọi để gây rối. Nhưng chúng ta phải tìm ra được hấn là ai!”

Servaz cúp máy, đầu căng như dây đàn. Chuyện gì đang xảy ra? Ai đang cố liên lạc với anh? Là Chaperon hay kẻ nào? Ai đang sợ hãi? Ai ngại sen đầm ở Saint-Martin sẽ nhận ra mình nên phải đổi giọng?

“Có rắc rối gì sao?” Ferrand hỏi.

“Chỉ là nghi vấn,” Servaz lơ đãng trả lời. “Đúng hơn, có lẽ là đáp án.”

“Công việc của anh khó khăn nhỉ!”

Servaz không thể không mỉm cười, “Lần đầu tiên tôi được nghe một giáo sư nói với mình điều ấy.”

“Tôi không nói là một công việc đáng tự hào.”

Servaz phân vân trước lời ám chỉ, “Tại sao không?”

“Các anh phụng sự những người quyền lực.”

Servaz cảm thấy cơn giận dữ của mình lại bùng lên, “Có rất nhiều đàn ông và phụ nữ không hứng thú với quyền lực, như từ dùng của ông, và có những người chọn hy sinh đời sống gia đình, kì nghỉ cuối tuần và giấc ngủ để làm phòng tuyến cuối cùng, tường thành cuối cùng trước...”

“Sự tàn bạo?” Ferrand gợi ý.

“Phải. Ông có thể khinh miệt, chỉ trích và coi thường họ, nhưng ông không thể sống thiếu họ.”

“Tương tự như, chúng ta không thể sống thiếu những thầy cô mà chúng ta đã chỉ trích, khinh miệt hay coi thường,” Ferrand mỉm cười trả lời. “Đã hiểu.”

“Tôi muốn ghé thăm phòng cô bé.”

Ferrand duỗi thẳng cơ thể cao lớn, râm nắng dưới lớp vải lanh. “Đi theo tôi.”

Servaz nhận thấy những núi bông rải rác trên cầu thang, tay vịn đã lâu không được đánh sáp. Một người đàn ông cô độc. Giống như anh. Hay Gabriel Saint-Cyr. Chaperon. Perrault... Phòng của Alice không nằm ở đầu cầu thang tầng hai mà tít trên tầng thượng, bên dưới phần mái chìa ra.

“Ở đây!” Ferrand chỉ vào cánh cửa trắng với tay nắm bằng đồng thau.

“Ông đã... Ông có bỏ đồ đạc nào của cô bé, hay tu sửa lại căn phòng kể từ đó không?”

Lần này, nụ cười của Gaspard Ferrand được thay thế bằng vẻ mặt nhăn nhó tuyệt vọng, “Chúng tôi không động vào bất cứ cái gì.”

Ông ta quay lưng đi xuống nhà. Servaz đứng yên một lúc lâu. Anh nghe thấy tiếng bát đĩa va loảng xoảng dưới bếp. Đầu cầu thang chật hẹp được chiếu sáng nhờ một ô cửa trên trần nhà. Khi nhìn lên, anh thấy một mảng tuyết mỏng trong mờ đang bám lấy lớp kính. Anh hít một hơi thật sâu rồi bước vào.

Điều đầu tiên gây ấn tượng với anh là sự tĩnh lặng. Nó càng tăng thêm khi mọi âm thanh đều chìm vào màn tuyết, đồng thời ẩn chứa điều gì thật đặc biệt. Thứ hai là sự giá lạnh. Hệ thống sưởi đã tắt. Anh

không khỏi run lên trong căn phòng lặng im và băng giá chẳng khác nào hầm mộ này. Bởi có người đã từng sống ở đây. Một cô bé, như bao cô bé khác.

Những bức ảnh treo trên tường. Một chiếc bàn học, giá kệ, tủ quần áo. Một chiếc tủ ngăn kéo với tấm gương to. Giường và hai tủ đầu giường. Đồ nội thất trông như thể được mua về từ chợ đồ cũ rồi sơn lại bằng màu tươi sáng, chủ yếu là tông cam và vàng, tương phản với tường màu tím và thảm trắng.

Những chiếc chụp đèn nhỏ cùng tủ đầu giường màu cam, giường và bàn học cũng màu cam, tủ ngăn kéo và viền gương màu vàng. Trên một bức tường là tấm áp phích khổ lớn in hình một ca sĩ tóc vàng với chữ KURT bị chẳng. Một chiếc khăn quàng cổ, bột, tạp chí, sách và đĩa CD rải rác khắp tấm thảm trắng. Một lúc lâu, tất cả những gì người ta có thể làm là đắm chìm trong đống hỗn độn ấy. Cảm giác kì lạ này là từ đâu mà ra? Hẳn là bởi mọi thứ vẫn y chang như cũ, tựa hồ thời gian ngừng lại. Mọi thứ, ngoại trừ bụi. Không ai vứt bỏ đi dù chỉ một đồ vật nhỏ nhất, như thể bố mẹ cô đã muốn thời gian dừng trôi. Họ biến căn phòng thành một bảo tàng, một lăng tẩm. Ngay cả sau từng ấy năm, căn phòng của Alice vẫn mang đến cảm giác rằng, cô bé có thể sẽ trở về, mở cửa bước vào bất cứ lúc nào và hỏi Servaz, anh đang làm gì ở đây. Liệu bố Alice có thường lên phòng này và cảm thấy thế trong suốt những năm qua hay không? Servaz nghĩ mình sẽ phát điên khi ở trong hoàn cảnh của ông. Hằng ngày phải đối mặt với cảm dỗ sẽ đi lên gác và mở cánh cửa một lần nữa, một lần cuối cùng... Anh tới bên cửa sổ và nhìn ra ngoài. Con phố đang chuyển thành màu trắng. Anh hít thêm một hơi, quay lại và bắt đầu tìm kiếm.

Trên bàn học là một đồng lộn xộn, sách giáo khoa, chun buộc tóc, kéo, bút chì, giấy ăn, những gói kẹo và một tệp giấy nhớ màu hồng mà trên cùng vẫn còn ghi lời nhắn: *Thư viện, 12:30*. Mực đã phai qua thời gian. Một cuốn sổ lịch chằng dây chun, một máy tính bỏ túi, và một chiếc đèn bàn. Anh mở sổ lịch. Vào ngày 25 tháng Tư, một tuần trước khi tự tử, Alice đã viết: *Trả sách cho Emma*. Ngày 29: *Charlotte*. Ngày 30, hai ngày trước khi chết: *Kiểm tra toán*. Chữ viết gọn gàng tròn trịa. Tay

cô bé không hề run. Servaz lật thêm vài trang. Ngày 11 tháng Tám, cô bé viết: *Sinh nhật Emma*, lúc mà cô đã mất được hơn ba tháng. Một ngày viết trước rất lâu... Emma hiện giờ ở đâu? Đã trở thành người thế nào? Anh tưởng tượng hình ảnh cô bé ở tuổi 30. Mặc dù đã bao nhiêu năm trôi qua, chắc cô bé vẫn thi thoảng nhớ lại cái năm 1993 kinh khủng. Cùng những cái chết kia. Phía trên bàn học, ghim trên tường là thời gian biểu tuần và một tờ lịch. Các ngày nghỉ lễ được đánh dấu bằng bút dạ vàng. Ánh mắt Servaz ngừng lại ngay cái ngày định mệnh, mùng 2 tháng Năm. Không có gì đặc biệt so với những ngày khác. Bên trên nữa là chiếc kệ gỗ để sách, đài cát xét, những chiếc cúp judo chứng minh sự xuất sắc của cô bé trong thể thao.

Anh chuyển sang tủ đầu giường. Ngoài hai chiếc đèn bàn có chụp màu cam, anh thấy một chiếc đồng hồ báo thức, giấy ăn, một máy điện tử cầm tay Game Boy, một chiếc cặp tóc, sơn móng tay và một quyển tiểu thuyết bìa mềm kèm kẹp sách. Anh mở ngăn kéo. Đồ văn phòng phẩm đẹp đẽ, một chiếc hộp nhỏ đựng trang sức, một gói kẹo cao su, một chai nước hoa, một thanh sáp khử mùi và những cục pin. Anh mò tận đáy ngăn kéo. Không có gì.

Trong ngăn kéo bàn học là các kẹp tài liệu, sổ tay, sách giáo khoa, một đồng bút viết, bút đánh dấu và kẹp giấy. Trong ngăn kéo ở giữa là một cuốn sổ gáy xoắn đầy những hình phác họa. Servaz mở ra xem. Alice thực sự rất có tài. Những bức vẽ bằng chì hay bút dạ cho thấy cô bé có bàn tay khéo léo và con mắt tinh tường, dù vẫn chịu ảnh hưởng nhất định từ trường lớp. Ở ngăn kéo cuối cùng, lại có chun buộc tóc, bấm móng tay, vài thỏi son và một chiếc lược vẫn còn vương vài sợi tóc vàng, nhưng còn có cả một lọ thuốc aspirin, thuốc lá vị bạc hà và một chiếc bật lửa trong suốt. Servaz mở đồng kẹp tài liệu và sổ tay ở ngăn kéo đầu tiên, bài tập về nhà, tiểu luận, bản nháp. Anh để chúng sang một bên và bước tới nhặt chiếc đài nhỏ nằm lăn lóc trên thảm ở một góc phòng. Nó vừa là đầu chơi CD vừa là radio và cũng phủ một lớp bụi dày. Servaz thổi bụi đi rồi mở lần lược từng chức năng. Không có gì. Anh tới chỗ tấm gương và bức tường treo ảnh. Một vài tấm được chụp gần khiến người trong ảnh trông như thể đang gi mũi vào ống kính.

Một vài tấm khác có cả phong cảnh đằng sau, núi, bãi biển, thậm chí là những cột trụ ở đền thờ Pantheon. Hầu hết các cô bé trong ảnh cùng tuổi với Alice. Luôn là ngàn ấy gương mặt. Thi thoảng có thêm một hoặc hai cậu bé gia nhập nhóm. Nhưng người chụp ảnh dường như không tập trung vào một khuôn mặt bất kì nào. Liệu đây có phải là những chuyến tham quan của trường? Servaz xem xét mấy tấm ảnh. Chúng đều đã ngả vàng và quăn lại theo thời gian.

Chính xác thì anh đang tìm kiếm thứ gì? Ánh mắt anh nán lại trên một trong những tấm ảnh. Khoảng một tá thiếu niên, bao gồm cả Alice, đứng cạnh tấm biển gỉ sét. Trại hè Les Isards... Alice là một trong những đứa trẻ đã đến trại hè. Anh cũng nhận thấy trong những bức ảnh có cô bé xuất hiện, Alice luôn luôn ở trung tâm. Cô gái xinh đẹp nhất, sáng chói nhất, trung tâm của sự chú ý.

Tám gương. Đã bị nứt. Ai đã ném thứ gì vào nó, tạo ra một vết nứt chéo dài. Là Alice? Hay bố cô bé, trong lúc tuyệt vọng? Có vài tấm bưu thiếp đã ngả vàng cài ở khe hở giữa khung gương và tấm kính, được gửi đến từ những địa chỉ như Venice, Hy Lạp hay Barcelona. Qua thời gian, một số đã rơi xuống chiếc tủ ngăn kéo bên dưới hoặc xuống thảm. Có một tấm khiến anh chú ý. *Thời tiết khó chịu, tớ nhớ cậu.* Sau đó kí tên: *Emma.* Một chiếc khăn quàng cổ Palestine đặt trên tủ ngăn kéo cùng đồ nữ trang mỹ kí, mấy miếng bông tẩy trang, và một hộp giày màu xanh dương. Servaz mở nó ra. Những lá thư... Một cơn chấn động chạy qua người anh khi nhớ lại thư từ của các nạn nhân tự tử trong chiếc hộp của Saint-Cyr. Anh kiểm tra từng bức một. Những bức thư ngây ngô hoặc khôi hài viết bằng mực tím hoặc đỏ tía. Luôn là những chữ kí đó. Anh không thể tìm được một lời ám chỉ dù là nhỏ nhất về bi kịch sắp xảy ra. Anh sẽ phải đối chiếu chữ viết với tệp thư trong cái hộp kia, rồi anh lại tự nhủ hẳn năm xưa người ta đã tiến hành rồi. Giờ đến ngăn kéo của chiếc tủ dưới gương. Anh nhấc những chồng áo thun, đồ lót, ga trải giường và chăn lên, quỳ xuống thảm và nhìn dưới gầm giường. Đám nùi bông khổng lồ đủ để nhồi cả một tấm chăn, và một chiếc hộp đàn guitar.

Servaz kéo chiếc hộp ra ngoài sáng và mở xem. Mặt đàn có vài vết

xước, dây Si bị đứt. Anh liếc nhìn bên trong thùng đàn, không còn gì khác. Giường trải tấm ga in họa tiết hình thoi đủ màu sắc. Anh nhặt xem mấy chiếc CD rải rác trên giường, Guns 'N Roses, Nirvana, U2. Toàn các bài hát tiếng Anh. Căn phòng giống một bảo tàng về thập niên 1990. Không có Internet, không máy tính, không điện thoại di động. Thế giới hiện tại đang thay đổi quá nhanh với một đời người, anh nghĩ. Anh lật gối, ga giường, rồi rờ cả bên dưới tấm đệm. Không có mùi nước hoa hay mùi gì đặc biệt tỏa ra từ chiếc giường, ngoại trừ mùi của bụi bặm đang cuộn lên trần nhà.

Có một chiếc ghế bành nhỏ bên cạnh giường, cũng đã được sơn thành màu cam. Một chiếc áo khoác quân đội cũ mắc trên lưng ghế. Anh gõ nhẹ phần bên dưới chỗ ngồi nhưng không phát hiện được gì ngoài việc tạo ra một đám mây bụi khác. Anh ngồi xuống và nhìn ra xung quanh, để mặc suy nghĩ của mình đi lang thang.

Anh thấy gì? Phòng ngủ của một cô bé, một cô bé điển hình trong thời đại của mình, nhưng cũng lớn trước tuổi. Trong số sách đọc, Servaz thấy có *Lũ người quỷ ám* và *Tội ác và trừng phạt*, cũng như *Con người một chiều* của Marcuse. Ai đã giới thiệu những cuốn sách này cho cô bé? Chắc chắn không phải đám bạn cùng lớp ngây thơ với khuôn mặt phúng phính. Rồi anh nhớ ra Ferrand là giảng viên văn học. Một lần nữa anh nhìn quanh căn phòng.

Đặc điểm nổi bật trong căn phòng này là những văn bản, là ngôn từ. Ngôn từ trong sách, trên bưu thiếp, trong thư... Tất cả đều do người khác viết. Vậy ngôn từ của Alice đâu? Phải chăng một cô gái ưa thể hiện bản thân qua guitar và những bản vẽ, say mê đọc sách, lại thực sự chưa từng có nhu cầu thể hiện mình qua cả từ ngữ hay sao? Cuộc đời của Alice chấm dứt vào ngày mừng 2 tháng Năm, và không có bất cứ dấu tích nào, ở bất cứ đâu về những ngày cuối cùng của cuộc đời cô. Không thể nào. Không nhật kí, không gì cả. Có gì đó không hợp lý. Tại sao một cô bé ham hiểu biết và thông minh đến vậy, trong đầu hẳn phải có vô số câu hỏi về sự tự khẳng định bản thân, lại không viết ra một dạng bút kí nào, nhất là khi đã tuyệt vọng đến mức muốn kết liễu đời mình? Chắc hẳn cô bé phải ghi lại tâm trạng và suy nghĩ trong một cuốn sổ hoặc

một tờ giấy chứ? Bọn trẻ hiện nay sử dụng blog và trang cá nhân trên các mạng xã hội, nhưng trước đây, chỉ có giấy và mực để giải bày những hồ nghi và bí mật của chúng.

Anh đứng lên, xem qua toàn bộ sổ ghi chép của Alice và cả các ngăn kéo. Nhưng không có gì ngoài sách vở ở trường. Anh lướt qua những bài tiểu luận của cô bé. Điểm số cao ngất, 15 đến 19 trên thang điểm 20. Những lời phê của giáo viên cũng đều là từ ngữ ca ngợi. Nhưng không có ghi chép cá nhân. Phải chăng bố Alice đã vào kiểm tra và dọn dẹp?

Ferrand đã cởi mở chào đón Servaz, nói với anh rằng ông ta tin lũ trẻ đã kết liễu đời mình vì một lý do cụ thể. Nhưng tại sao ông ta lại giấu đi những yếu tố có thể sẽ giúp họ tìm ra sự thật? Servaz cũng không thấy giấy tờ chính thức nhắc tới bất kì cuốn nhật kí nào. Thậm chí không có gì để chỉ ra Alice đã từng viết nhật kí. Mặc dù vậy, anh có cảm giác rõ ràng hơn bao giờ hết, rằng căn phòng này thiếu mất một thứ gì đó.

Một nơi cất giấu bí mật... Mọi cô bé đều có một nơi như thế, không phải sao? Cửa Alice là ở đâu?

Servaz đứng dậy và mở tủ quần áo. Trên các móc treo là áo khoác, váy, áo vét, quần bò và một chiếc kimono trắng với dây lưng nâu. Anh gỡ từng chiếc một, kiểm tra tất cả túi quần, túi áo. Một dây giày và bột xếp dọc phía dưới, Servaz tìm kiếm bên trong bằng một chiếc đèn pin bỏ túi. Phía trên móc treo là một cái kệ với vài chiếc vali và một cái ba lô. Anh bỏ chúng xuống thảm, để mặc một cơn bão bụi hoành hành, cẩn thận lục soát.

Không có gì. Anh dừng lại để suy nghĩ.

Căn phòng chắc hẳn đã được các nhân viên khám nghiệm lạnh lùng xem xét, có lẽ cả chính bố mẹ của Alice nữa. Chẳng lẽ họ không tìm thấy một nơi cất giấu nào sao? Thậm chí, liệu họ có chủ đích tìm một nơi như thế không? Mọi người đều nhất trí rằng Alice là một cô bé tuyệt vời. Phải chăng cô bé đã sáng tạo ra một nơi cất giấu bí mật không ai có thể đoán ra được? Hay anh đã đi nhầm hướng?

Thực sự thì anh biết gì về suy nghĩ và ước mơ của một cô bé 16 tuổi? Con gái anh cũng vừa tròn 17 được vài tháng, và anh sẽ rất lúng túng

nếu phải miêu tả phòng riêng của cô bé, lý do đơn giản là vì anh chưa từng đặt chân vào. Suy nghĩ khiến anh cảm thấy buồn nôn. Tâm trí bứt rứt như có một vết ngứa. Anh đã bỏ sót thứ gì khi kiểm tra căn phòng? Hoặc có thứ gì đáng ra phải ở đây nhưng giờ không còn nữa? Nghĩ đi! Nó ở đâu đó rất gần rồi, anh có thể cảm thấy nó. Bản năng mách bảo anh, ở đây thiếu mất một thứ. Là thứ gì? Là gì? Anh nhìn khắp xung quanh một lần nữa. Anh xem xét từng khả năng một. Anh đã kiểm tra mọi thứ, kể cả phần chân tường và các tấm ván gỗ lát sàn bên dưới tấm thảm trắng. Không có gì cả. Tuy vậy, trong vô thức, anh vẫn cảm thấy phải có thứ gì đó. Anh có thể chắc chắn nó tồn tại ngay cả khi không ai chạm được tay vào.

Servaz hắt hơi vì đám bụi trong không khí, và rút một tờ khăn giấy. Đột nhiên anh nhớ ra điện thoại của mình. Không có cuộc gọi nào cả! Một giờ đã trôi qua và không có cuộc gọi nào. Anh cảm thấy ruột gan quặn lại. Mẹ kiếp, cái tên quái đản kia đang làm gì không biết? Tại sao vẫn chưa gọi?

Servaz lấy điện thoại ra khỏi túi. Và gần như ngạt thở vì hoảng sợ, của nợ này đã tắt nguồn. Anh cố bật nó lên, hết pin! Chết tiệt!

Anh lao ra khỏi phòng và chạy rầm rầm xuống cầu thang. Gaspard Ferrand ngó đầu ra khỏi bếp khi Servaz vọt qua chỗ ông ta.

“Tôi sẽ trở lại!” Anh hét lên, trong khi lao thẳng ra mở cửa chính.

Bên ngoài, một trận bão tuyết đang hoành hành dữ dội. Gió cuồn cuộn thổi. Vĩa hè trắng xóa và những bông tuyết đang xoáy tít.

Servaz nhanh chóng mở khóa chiếc xe đỗ bên kia đường, lục lọi trong hộp đựng đồ để tìm sạc, rồi chạy trở về ngôi nhà.

“Không có gì đâu!” Anh nói với Ferrand bấy giờ vẫn đang sửng sốt.

Anh tìm ổ cắm, thấy một cái trong hành lang, liền cắm sạc vào. Anh đợi năm giây và bật điện thoại. Bốn tin nhắn!

Anh đang chuẩn bị đọc tin nhắn đầu tiên thì điện thoại reo.

“Servaz đây!” Anh hét lên.

“Anh đã đi đâu vậy, chết tiệt, vì Chúa!”

Một giọng hoảng hốt, cũng sợ hãi hết như anh. Tai anh ù lên vì máu đang bơm rần rật hai bên thái dương. Lần này người đàn ông không đổi giọng, nhưng anh cũng không nhận ra.

“Ai đấy?”

“Tên tôi là Serge Perrault, tôi là bạn của...”

Perrault!

“Tôi biết ông là ai!” Anh ngắt lời.

Một quãng im lặng.

“Tôi phải nói chuyện với anh ngay lập tức!” Perrault hét lên.

Giọng ông ta cuồn cuộn.

“Ông ở đâu?” Servaz cũng hét lên. “Ở đâu?”

“Mười lăm phút nữa gặp tôi trên đỉnh tuyến cáp treo du lịch. Nhanh lên!”

Trong lòng anh lại trào lên một cơn hoảng sợ khác. “Cáp treo du lịch nào?”

“Cái ở trên, Saint-Martin 2000! Tôi đợi anh. Mau lên đây, khôn kiếp! Anh không hiểu sao, đến lượt tôi rồi! Đi một mình thôi!”

Servaz khởi động xe. Bầu trời u ám và những con đường trắng xóa. Tuyết đang rơi lác đác. Anh bật cần gạt trên kính chắn gió, lấy đi động gọi cho Ziegler.

“Cô đang ở đâu?” Anh hỏi ngay khi cô nhắc máy.

“Với bố mẹ tôi,” cô khẽ nói, và anh hiểu rằng cô đang không ở một mình.

“Ở đâu?”

“Ở ngoại ô thị trấn, sao thế?”

Anh tóm tắt lại cuộc gọi cầu cứu của Perrault.

“Cô đang ở gần hơn tôi,” anh kết luận. “Đến càng nhanh càng tốt! Một phút cũng không thể lãng phí. Perrault đang đợi chúng ta ở trên rồi.”

“Sao không báo với sen đầm?”

“Không có thời gian. Nhanh lên!”

Servaz cúp máy. Anh hạ tấm che nắng có chữ CẢNH SÁT xuống và dính chiếc đèn hiệu gắn nam châm lên nóc xe. Anh bật còi hụ. Mất bao lâu để lên tới đó? Gaspard Ferrand không ở Saint-Martin mà sống trong một ngôi làng cách đó 5 kilomet. Những con phố phủ đầy tuyết. Theo Servaz tính toán, phải mất hơn mười lăm phút mới đến được bãi đỗ xe ở trung tâm thị trấn, cạnh cáp treo du lịch. Vậy còn thời gian đi lên tới nơi? Mười lăm hay hai mươi phút?

Trước sự kinh ngạc của Ferrand, Servaz lao đi như một viên đạn, còi hụ âm ỉ. Một trụ đèn giao thông ở cuối phố. Đèn đỏ. Anh đã chuẩn bị lao qua thì nhìn thấy một chiếc xe tải khổng lồ từ bên phải đi sang. Anh đạp phanh và lập tức cảm nhận được chiếc xe đang trượt bánh. Chiếc Jeep chệch sang một bên ngay giữa giao lộ, con quái vật thép kia thì

tránh khỏi xe anh trong đường tơ kẽ tóc, và giờ đang bám còi inh ỏi. Tiếng ồn khiến màng nhĩ của anh muốn nổ tung, còn nỗi sợ hãi tấn công anh như một cú đâm vào giữa bụng. Anh nghẹn thở. Những khớp ngón tay trắng bệch trên bánh lái. Anh về số một và tiếp tục lên đường. Không còn thời gian để nghỉ nữa! Không chỉ là ba mươi tám tấn thép suýt đâm vào anh, mà còn là chuyện sống chết trong gang tấc.

Ở giao lộ tiếp theo, anh rẽ phải và rời khỏi ngôi làng. Những cánh đồng trắng xóa trải ra tít tắp, bầu trời vẫn đầy vẻ hăm dọa nhưng tuyết đã ngừng rơi. Anh tăng tốc.

Anh đi vào Saint-Martin từ phía Đông. Ở vòng xuyên đầu tiên anh đã rẽ sai hướng. Anh vòng trở lại, chửi thề và đâm vào vô lăng, những lái xe khác nhìn anh với vẻ nghi ngờ. May mắn là đường không đông. Còn hai vòng xuyên nữa. Anh phóng qua một nhà thờ và đi trên đại lộ d'Étigny, trung tâm thương mại và văn hóa của thị trấn với một loạt khách sạn, cửa hàng quần áo sang trọng, những hàng cây tiêu huyền, một rạp chiếu phim, và vô số quán cà phê, ô tô đỗ dọc suốt đại lộ. Ở ven và giữa đường, tuyết đã biến thành một đám bùn loãng đen ngòm vì hàng tá xe cộ qua lại. Ngay trước khi tới rạp chiếu phim, anh rẽ phải. Một mũi tên chỉ đường: *Cáp treo du lịch*.

Ở cuối con phố là một bãi đỗ xe lớn, khoảng đất mênh mông dưới cái bóng lơ mơ của dãy núi. Đồi diện bãi đỗ xe, những sườn núi vươn thẳng lên trời với tuyến cáp treo đang len qua những cây lãnh sam như một vết sẹo trắng dài. Anh liếc nhìn lái xe thật nhanh qua những dãy xe tới thẳng trạm cáp treo dưới cùng. Anh lại phanh đột ngột, và một lần nữa, chiếc xe trượt bánh. Chỉ tích tắc sau, anh đã ra ngoài, chạy trên những bậc thềm dẫn lên tòa nhà đặt trên hai trụ bê tông khổng lồ. Anh vội vã lao tới cửa sổ bán vé. Một cặp đôi đang mua vé. Servaz chìa thẻ ra.

“Cảnh sát! Mất bao lâu để lên tới đó?”

Người đàn ông đằng sau cửa sổ nhìn anh với ánh mắt dè dặt, “Chín phút.”

“Có cách nào tăng tốc lên không?”

Người đàn ông trân trân nhìn anh như thể yêu cầu là quá ư điên rồ.

“Làm gì cơ?” Anh ta hỏi.

Servaz cố giữ bình tĩnh, “Tôi không có thời giờ tranh cãi với một người-biết-tuốt như anh. Thế nào?”

“Tốc độ tối đa là 5m/s,” người đàn ông sừng sĩa nói. “18km/h.”

“Thế thì làm đi, tốc độ tối đa!” Servaz nói rồi nhảy lên một trong những chiếc cabin hình vỏ trứng được cấu tạo từ vật liệu hỗn hợp với cửa sổ lớn bằng thủy tinh hữu cơ cùng bốn chỗ ngồi nhỏ xíu.

Một cánh tay cơ học bằng kim loại đóng cánh cửa sau lưng anh. Servaz nuốt nước bọt. Chiếc cabin khẽ rung lắc khi rời khỏi đường ray, rồi du đưa giữa không trung. Servaz quyết định ngồi xuống là lựa chọn tối ưu trong cái vỏ trứng lung lay này. Cabin nhanh chóng chạy về phía trụ tháp đầu tiên, bỏ lại bên dưới những mái nhà trắng của Saint-Martin. Anh liếc nhanh xuống, và giống như trong trực thăng, hồi hận ngay lập tức. Dây cáp treo dốc tới mức khiến anh lập tức có ấn tượng rằng đơn vị chủ quản ở đây hẳn phải là một trong những doanh nghiệp trơ tráo và vô trách nhiệm. Dây cáp quá mỏng manh, không đủ để anh yên bụng. Bạt ngàn mái nhà và phố xá dưới kia đang thu nhỏ lại với tốc độ chóng mặt. Những chiếc cabin đằng trước cách nhau khoảng 30 mét và chao đảo trong gió.

Đằng xa bên dưới, cặp đôi kia đã quyết định không lên nữa và quay trở về xe. Servaz chỉ có một mình. Không ai lên, không ai xuống. Những chiếc cabin trống không. Vạn vật im lặng, ngoại trừ cơn gió đang gào thét lớn hơn bao giờ hết.

Tuyết lại tiếp tục rơi. Lên được nửa tuyến, đột nhiên sương mù bao phủ dày đặc. Servaz thấy mình đang ở giữa một khung cảnh mờ ảo, đồng hành với anh chỉ có những cây lãn sam đang đứng giữa sương mù như một đội quân ma, và gió đã thổi tung những bông tuyết xung quanh chiếc cabin.

Anh đã quên súng! Vì vội vã, anh để quên nó trong hộp đựng đồ. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu anh phải đối mặt với tên giết người? Đây là còn chưa kể đến việc hẳn có thể đã đợi sẵn trên đỉnh cáp treo với vũ khí sẵn sàng, và lúc ấy Servaz sẽ chẳng khác nào một con vịt bầu vô dụng.

Không chỗ ẩn nấp. Cái vỏ nhựa này chẳng thể chắn được viên đạn nào cả.

Mong là Ziegler đã tới trước. Cô ấy không phải kiểu người bỏ quên súng. Perrault sẽ phản ứng thế nào khi thấy cô? Ông ta đã bảo anh tới một mình.

Đáng ra anh nên hỏi kẻ-biết-tuốt ở cửa bán vé rằng có thấy Ziegler hay không. Giờ thì đã quá muộn. Anh đang tiếp cận điều bí ẩn bằng một tốc độ chậm đến phát điên. Anh lấy di động ra gọi cho Perrault. Cuộc gọi được chuyển vào hộp thư thoại.

Chết tiệt! Tại sao ông ta lại tắt máy?

Anh có thể nhìn ra hai hình dáng mơ hồ trong một chiếc cabin đang đi xuống ở khoảng cách gần 200 mét. Đây là sự hiện diện đầu tiên của con người mà anh gặp kể từ khi rời trạm bên dưới. Anh gọi số của Ziegler.

“Ziegler đây.”

“Cô có ở trên không?” Anh hỏi.

“Không, tôi đang trên đường đến.” Cô ngừng lại. “Xin lỗi, Martin, xe máy của tôi trượt bánh vì tuyết và tôi bị bắn ra khỏi xe. Chỉ xước xước thôi, nhưng tôi phải đi mượn một phương tiện khác. Anh đang ở đâu rồi?”

Chết tiệt!

“Lên được gần nửa đường.”

Cái cabin có hành khách dường như tiến lại phía anh càng lúc càng nhanh. Servaz tính toán rằng nếu hai chiếc cabin đang lại gần nhau với tốc độ 18km/h, thì tổng tốc độ của chúng là 36km/h.

“Liệu có bão tuyết trên đó không?”

“Không,” anh nói. “Tôi không biết. Perrault không trả lời điện thoại.”

“Anh có vũ khí không?”

Ngay cả từ khoảng cách này, anh cũng có thể thấy một trong hai hành khách đang nhìn mình chằm chằm.

“Tôi để quên súng trong xe rồi.”

Theo sau là một khoảng im lặng ngọt ngào.

“Cần...”

Lời cô bị ngắt ngang. Servaz nhìn điện thoại. Không có gì hết! Anh quay số lần nữa. Không có sóng. Đúng là tất cả những gì anh cần! Anh thử hai lần nữa, vô ích. Servaz không thể tin vào mắt mình. Khi anh ngẩng lên một lần nữa, chiếc cabin có người đã gần anh thêm một đoạn. Một trong hai hành khách đội mũ len đen trùm kín đầu. Anh chỉ thấy được mắt và miệng gã. Người còn lại đầu trần, đeo kính. Cả hai đều đang chăm chăm nhìn Servaz qua lớp kính và sương mù.

Ánh mắt người đầu tiên trừng trừng giận dữ. Và người còn lại: khiếp sợ.

Trong một tích tắc, Servaz liền hiểu ra. Toàn bộ tình huống khủng khiếp này đã trở nên rõ ràng.

Perrault, người đàn ông cao gầy trong bức ảnh, với mái tóc rậm và mắt kính dày.

Tim Servaz nhảy loạn lên trong lồng ngực. Cứ như ác mộng, chiếc cabin kia đang tiến về phía anh, nhanh một cách đáng sợ. Chưa đầy 20 mét. Trong hai giây nữa nó sẽ đi qua anh. Và một chi tiết khác khiến anh chú ý, ở mặt bên kia của cabin, tấm kính cửa sổ bằng thủy tinh hữu cơ đã biến mất.

Perrault trần trụi nhìn Servaz, miệng há hốc, mắt trợn to sợ hãi. Ông ta đang gào thét. Servaz có thể nghe thấy tiếng hét của ông ta dù cách bao nhiêu lớp cửa sổ, dù gió đang gào thét bên ngoài cùng tiếng dây cáp và ròng rọc âm âm. Anh chưa từng trông thấy ai kinh hoàng đến vậy. Như thể ông ta sắp bị phanh thây chỉ trong giây lát.

Servaz vô thức nuốt khan. Thời điểm chiếc cabin lướt qua anh và trượt lại phía sau, mọi chi tiết đều trở nên rõ ràng. Perrault bị thắt dây thừng quanh cổ, sợi dây luôn ra ngoài qua khung cửa sổ mắt kính, treo vào một thứ giống như cái móc ngay phía trên khung cửa rồi lại luôn vào và dừng trên tay gã đàn ông trùm đầu. Có lẽ cái móc dùng để cố định hành khách bị thương và đưa xuống đất khi cabin bị kẹt. Servaz cố nhìn vào mắt tên trùm mặt, nhưng hắn đã di chuyển ra sau nạn nhân

ngay khi hai chiếc cabin lướt qua nhau.

Rõ ràng là mình biết hấn! Servaz nghĩ. Hấn sợ mình sẽ nhận ra, ngay cả khi đã trùm kín đầu!

Anh loay hoay một cách tuyệt vọng với chiếc điện thoại. Không có sóng. Hoảng loạn, anh nhìn quanh cabin để tìm nút báo động, điện thoại nội tuyến, hay thứ gì tương tự, nhưng không có gì cả. Chết tiệt! Người ta có thể chết trong một chiếc cabin chạy trên dây cáp với tốc độ 5m/s đấy! Servaz quay lại nhìn chiếc cabin đang càng lúc càng xa. Khoảnh khắc cuối cùng, anh bắt gặp ánh mắt kinh hoàng của Perrault. Nếu có một khẩu súng trong tay, ít nhất anh có thể... có thể làm gì chứ? Anh có thể làm gì? Dù sao anh cũng chỉ là một tay súng tồi. Ở các bài kiểm tra thường niên, anh chưa bao giờ thất bại trong việc khiến thanh tra nản lòng bằng kết quả bi thảm của mình.

Chiếc cabin và hai người đàn ông đã mất dạng vào sương mù.

Servaz gằn ra một tiếng cười bi thảm. Rồi chỉ muốn thét lên. Trong cơn phấn nộ, anh tung một cú đấm vào tấm kính cửa sổ.

Những giây phút tiếp theo là một trong những khoảng thời gian dài nhất cuộc đời anh. Mất hơn năm phút mới đến trạm kế tiếp. Năm phút dài vô tận với cuộc diễu hành ma quái của những cây lãn sam thẳng tắp như lính bộ binh trong sương mù. Trạm cáp là một tòa nhà thấp và nhỏ, cũng được đặt trên các cột bê tông dày như bên dưới. Trên nữa, Servaz có thể thấy những con dốc trượt tuyết hoang vắng, những tòa nhà chìm trong sương mù. Một người đàn ông đứng trên trạm dừng đang nhìn anh tiến lại. Khoảnh khắc cửa mở, anh vọt ra ngoài. Anh gằn như bay trên nền bê tông. Thẻ ngành trên tay, anh lao về phía người đàn ông mặc đồng phục.

“Dừng tất cả lại! Ngay lập tức! Ngừng cái cáp treo lại!”

Dưới chiếc mũ lưỡi trai, đôi mắt người nhân viên nhìn anh kinh ngạc, “Gì cơ?”

“Anh có thể dừng cái cáp treo lại không?”

Gió đang rít lên. Servaz phải hét lớn hơn nữa. Cơn giận dữ và sự nóng vội của anh cuối cùng có vẻ đã gây ấn tượng cho anh ta, “Có,

nhưng...”

“Thế thì dừng tất cả lại! Và gọi xuống dưới kia! Anh có đường dây điện thoại không?”

“Có, đương nhiên!”

“Dừng tất cả lại! Ngay lập tức! Và đưa điện thoại cho tôi! Nhanh lên!”

Người nhân viên xông vào bên trong. Anh ta luống cuống nói vào một chiếc micrô, nhìn Servaz bằng ánh mắt lo lắng, rồi kéo cái cần gạt xuống. Cáp treo rùng mình dừng lại, tạo ra một tiếng rít khủng khiếp ở trạm dừng. Anh chụp lấy điện thoại và quay số sen đậm. Một người phụ trách liên lạc trả lời.

“Cho tôi gặp Maillard! Sĩ quan chỉ huy Servaz gọi! Khẩn cấp!”

Một phút sau, Maillard nghe máy.

“Tôi vừa đi qua tên giết người. Hắn đang trên đường xuống, trên một trong những chiếc cabin cùng với nạn nhân tiếp theo. Tôi đã bảo họ dừng cáp treo lại. Đưa người của anh lên trạm cáp treo du lịch ngay bây giờ! Ngay khi anh vào vị trí, chúng tôi sẽ khởi động lại nó.”

Đầu dây bên kia sửng sốt trong giây lát.

“Anh chắc không?” Maillard lắp bắp.

“Chắc chắn. Nạn nhân là Perrault. Ông ta đã gọi cầu cứu hai mươi lăm phút trước, yêu cầu tôi lên gặp. Ông ta ở trong cabin đối diện mà tôi vừa đi ngang qua, bị dây thừng quấn cổ và bên cạnh là một gã đàn ông đội mũ trùm đầu!”

“Chúa ơi! Tôi sẽ báo động. Ngay khi sẵn sàng chúng tôi sẽ gọi cho anh!”

“Cố liên lạc với Ziegler nữa. Điện thoại của tôi không hoạt động.”

Maillard gọi lại sau mười hai phút, trong lúc đó Servaz chỉ còn cách đi đi lại lại trên trạm dừng, xem đồng hồ và hút thuốc liên tục, hết điếu này tới điếu khác.

“Chúng tôi đã sẵn sàng,” viên sen đậm nói trong điện thoại.

“Tốt. Tôi sẽ cho cáp treo chạy tiếp. Perrault và tên sát thủ ở trên một

trong những cabin đang trên đường xuống! Tôi đến đây!”

Anh khởi động cần gạt, nhảy lên một trong những chiếc cabin. Ngay khi nó vừa chuyển bánh, anh liền nhận ra điều không đúng. Tên giết người định đẩy Perrault xuống khoảng không và nhìn ông ta lúng lẳng ở cuối đoạn dây thừng, và chắc chắn không muốn tới trạm đỗ bên dưới cùng với nạn nhân. Servaz tự hỏi, liệu có điểm nào mà tên giết người có thể nhảy xuống từ chiếc cabin đang di chuyển hay không. Và anh lập tức biết chắc câu trả lời là có.

Liệu Maillard và người của anh ta có kế hoạch ứng phó cho những tình huống như thế này không? Họ có kiểm tra tất cả những con đường dẫn lên núi không?

Một lần nữa, anh cố gọi vào số của Ziegler, nhưng vô ích. Trên đường lên, anh đã đi qua sương mù. Không thể nhìn thấy bất cứ thứ gì ngoại trừ rừng lãnh sam và những chiếc cabin trông không gặp trên đường. Đột nhiên, anh nghe thấy tiếng phàn phật của cánh trực thăng, nhưng không thể nhìn thấy nó. Có điều, âm thanh không vọng xuống từ phía trên mà là từ phía dưới.

Chuyện gì đang xảy ra dưới đó? Mũi dán lên kính cửa sổ, anh cố nhìn qua lớp sương mù. Nhưng anh không thể nhìn xa hơn 20 mét. Cáp treo bỗng dừng lại, đột ngột tới mức anh suýt mất thăng bằng. Vì Chúa! Mũi anh đập mạnh vào cửa sổ, đau đến rớm nước mắt. Bọn họ đang làm gì? Anh nhìn quanh. Những chiếc cabin khẽ đu đưa trên dây cáp như đèn lồng treo ở hội chợ. Gió đã ngừng thổi và tuyết gàn như rơi thẳng đứng. Tuyết phủ một lớp áo choàng dày dưới gốc những cây lãnh sam. Anh cố dùng điện thoại, nhưng kết quả cũng chẳng khá hơn lần trước.

Mười lăm phút. Anh trở thành tù nhân trong quả bóng nhựa này, quan sát khung cảnh mịt mù của lãnh sam và sương mù bao quanh. Sau nửa giờ, chiếc cabin đột nhiên lắc mạnh, di chuyển về phía trước thêm 3 mét và dừng lại một lần nữa. Servaz chửi thề. Bọn họ định làm gì vậy? Anh đứng lên, ngồi xuống, rồi lại đứng lên. Ở đây thậm chí không đủ chỗ cho anh duỗi chân. Rồi rột cuộc, cabin cũng nảy về phía trước. Anh tưởng như mình đã ngồi cam chịu và chờ đợi rất lâu.

Khi anh về tới trạm phía dưới, sương mù bỗng tan đi và những mái nhà thị trấn lộ ra. Servaz thấy ánh sáng chớp lóe của đèn hiệu và rất nhiều xe cộ của lực lượng sen đầm trên bãi đỗ. Các sen đầm mặc cảnh phục đi qua đi lại, những dáng hình mặc đồ trắng của đội khám nghiệm hiện trường. Một cơ thể được đặt nằm trên cáng, phủ vải bạt chống thấm màu bạc, cạnh chiếc xe cứu thương đang mở cửa sau.

Anh chết sống.

Perrault đã chết.

Bọn họ đã dừng cáp treo lại để thực hiện khám xét sơ bộ. Họ đưa ông ta xuống và khởi động lại cáp treo. Servaz ngay lập tức hiểu rằng tên giết người đã trốn thoát. Ngay khi cửa mở, anh lao ra khỏi cabin và vội vã băng qua sàn bê tông. Anh thấy Ziegler, Maillard, Confiant và d'Humières ở những bậc thềm dưới cùng. Ziegler đang mặc bộ đồ bó liền thân bằng da, nhưng lớp da đã bị rách ở một số nơi. Đầu gối và khuỷu tay cô sưng lên, đầy vết thâm tím và vẩy máu khô. Rõ ràng cô không kịp băng bó vết thương. Cô vẫn đang cầm mũ bảo hiểm trong tay, kính che mặt đã nứt.

“Chuyện gì xảy ra vậy?” Anh hỏi.

“Chúng tôi phải hỏi anh câu đó mới đúng,” Confiant vắn lại.

Servaz trừng mắt nhìn cậu ta. Trong khoảnh khắc, anh ước gì tay thẩm phán trẻ chỉ là một bức tượng mong manh còn anh là một cái búa. Anh quay sang Cathy d'Humières.

“Có phải Perrault không?” Anh hỏi, chỉ vào thi thể dưới tấm bạt chống thấm.

Bà gật đầu.

“Ông ta gọi vào di động của tôi,” anh giải thích. “Ông ta muốn đích thân nói chuyện với tôi. Giọng ông ta có vẻ hoảng sợ, chắc hẳn đã cảm thấy mình đang gặp nguy hiểm. Ông ta bảo tôi lên gặp. Tôi đã cấp báo với Ziegler và cố gắng lên nhanh nhất có thể.”

“Và anh cảm thấy không cần yêu cầu tiếp viện sao?” Confiant hỏi.

“Không có thời gian. Ông ta muốn tôi lên một mình. Ông ta muốn nói chuyện riêng với tôi.”

Confiant nhìn anh chăm chăm, đôi mắt sáng quắc lên vì giận dữ. Cathy d’Humières trầm tư. Servaz lại liếc nhìn cái xác trên cồng. Nhân viên hiện trường đang gập bánh lại và đưa lên xe cứu thương. Anh không thấy giám định viên pháp y, chắc hẳn ông ta đã rời đi. Một đám người tò mò đứng sau dải băng cảnh sát ở cuối bãi đỗ xe. Một ánh đèn flash chợt nháng lên. Thêm một ánh đèn flash nữa.

Chiếc trực thăng chắc hẳn đã hạ cánh bởi anh không hề nghe thấy tiếng cánh quạt.

“Còn tên giết người?” Anh nói.

“Hắn thoát rồi.”

“Bằng cách nào?”

“Khi chúng tôi thấy chiếc cabin, thì một tấm kính cửa sổ đã mất và Perrault bị treo cổ bên dưới,” Maillard nói. “Chúng tôi liền phong tỏa tất cả các ngã đường. Có một chỗ, cáp treo đi qua một con đường mòn dẫn tới khu nghỉ dưỡng. Đường mòn khá rộng, tuyết phủ kín vào mùa đông khiến con đường rộng ra gấp đôi, biến thành một đường trượt tuyết nếu anh muốn trượt xuống Saint-Martin. Điểm hạ xuống thấp nhất giữa cáp treo và con đường là 4 mét. Chắc gã giết người đã tiếp đất bằng cách sử dụng đầu kia của sợi dây dùng để treo Perrault. Sau đó, một tay trượt tuyết giỏi chỉ cần ba phút là xuống tới đây.”

“Đường mòn thông ra đâu?”

“Đằng sau khu tắm suối nước nóng.” Maillard chỉ về phía ngọn núi. “Nó nằm ở phía Đông núi này. Con đường chạy quanh núi và kết thúc sau một tòa nhà lớn, khuất khỏi tầm nhìn.”

Servaz hình dung ra tòa nhà lớn mà mình đã có dịp đi qua hai lần. Chỗ có khu suối tắm nước nóng, một con đường dạo mát rộng thênh thang với hồ tắm nằm giáp núi, chúng được xây dựng vào thế kỷ 19, về sau nâng cấp để thêm vào một khu vực hiện đại quay bằng kính. Ba mặt xung quanh con đường lớn ấy mọc lên vô số khách sạn và quán cà phê. Ở giữa là một bãi đỗ xe chứa đủ hàng tá ô tô.

“Đó là nơi chúng tôi đã mất dấu hắn,” Maillard nói.

“Anh có phong tỏa đường mòn không?”

“Có, chúng tôi đã quây kín toàn bộ khu vực và một đội hiện trường đang lục soát từng góc ngách từ cáp treo tới bãi đỗ xe ở khu tắm nước nóng.”

“Hắn đã tính toán mọi khả năng,” Ziegler nhận xét.

“Tuy vậy, hắn không có nhiều thời gian.”

“Làm sao hắn biết Perrault đã gọi điện cầu cứu?” Viên sen dăm hỏi.

Bọn họ nghĩ một lúc, nhưng không ai có được lời giải thích thỏa đáng.

“Hắn sử dụng thùng động*,” Maillard nói. “Một dụng cụ leo núi rất tốt. Có thể ngay từ đầu hắn đã chở nó theo xe cùng với ván trượt tuyết rồi cất trong ba lô khoác theo người.”

“Một người chơi thể thao,” Ziegler nói. “Một gã giàu.”

Servaz gật đầu, “Chắc hẳn hắn có mang vũ khí. Nếu không Perrault sẽ không bao giờ lên với hắn. Nhưng tôi không thấy vũ khí, ván trượt tuyết hay ba lô nào cả. Diễn biến quá nhanh. Và tôi thực sự không nhận ra có gì khác ở trong cabin.”

Gương mặt Perrault biến dạng vì sợ hãi. Anh không thể thoát khỏi hình ảnh đó.

“Hắn ở vị trí nào trong chiếc cabin so với Perrault?” Ziegler hỏi.

“Perrault ở gần tôi hơn, và tên giết người đứng đằng sau ông ta.”

“Perrault có thể bị giết ở sau lưng. Hoặc một lưỡi dao.”

“Có thể. Lại một màn dàn dựng thông minh. Dù rất ít thời gian. Hắn nhanh nhẹn và ngạo mạn. Có lẽ là quá ngạo mạn. Khi chiếc cabin đến gần tôi, hắn nấp ra sau Perrault,” Servaz chau mày.

“Tại sao hắn làm thế, khi đã đội mũ trùm đầu rồi?”

“Để tôi không thấy được mặt hắn.”

Ziegler sắc sảo nhìn anh, “Ý anh là hắn sợ anh sẽ nhận ra hắn?”

“Phải. Nghĩa là tôi đã từng nhìn thấy hắn. Nhìn cận mặt!” Servaz nói. “Chúng ta phải thẩm vấn người đàn ông ở cửa bán vé. Hỏi anh ta xem có thấy ai không.”

“Chúng tôi làm rồi. Anh ta nhận ra Perrault, và quả quyết là trước

anh không còn ai lên nữa.”

“Sao có thể như thế được?”

“Vì còn một đường khác lên Saint-Martin 2000. Đường bộ. Đi từ cực Nam thị trấn lại chỉ mất chừng mười phút. Tên giết người có nhiều thời gian nên có thể đã lên bằng đường ấy.”

Từ khu tắm nước nóng ở cực Nam thị trấn, có một ngã đường dài chừng 12 kilomet chạy về hướng Tây Ban Nha và kết thúc ở gần biên giới, nơi có thung lũng anh từng đến để xem ngôi nhà gỗ của Grimm. Còn một ngã đường khác thì dẫn lên khu trượt tuyết nghỉ dưỡng.

“Nếu thế thì hẳn cần hai chiếc xe,” Servaz nói. “Một để đi lên, và một chiếc đợi phía dưới.”

“Phải. Và nhiều khả năng có người đợi sẵn hẳn ở khu tắm nước nóng. Nếu không thì cũng là chiếc xe thứ hai phải đỗ ở đó từ trước,” Ziegler nói.

“Chiếc xe thứ nhất của hung thủ có thể vẫn còn trên Saint-Martin 2000. Các anh đã bố trí chốt chặn ở đường vào khu nghỉ dưỡng chưa?” Anh hỏi Maillard.

“Có, chúng tôi đang kiểm tra tất cả xe cộ đi xuống. Và sẽ kiểm tra ngay những phương tiện đỗ bên trên.”

“Hung thủ gồm hai người,” Ziegler nói.

Servaz nhìn cô, “Phải. Hai tên ở nhà máy điện, và lần này cũng là hai tên.”

Có điều gì đó đột nhiên nảy ra trong tâm trí anh, “Chúng ta phải gọi cho Viện, ngay lập tức.”

“Chúng tôi gọi rồi, Hirtmann ở yên trong buồng giam. Hẳn ở đó suốt cả sáng nay. Có hai người ở Viện đã nói chuyện với hẳn. Chính Xavier cũng đã tới kiểm tra.”

Confiant chăm chăm nhìn Servaz, như thể muốn nói: Tôi đã bảo rồi.

“Lần này, báo chí sẽ đến thị trấn,” d’Humières dặn. “Chúng ta sẽ lên khắp các trang nhất, và không chỉ là truyền thông địa phương. Tôi không muốn ai tự tiện hành động hay phát ngôn quá khích.”

Servaz và Ziegler không nói gì.

“Thẩm phán Confiant và tôi sẽ lo việc quan hệ với báo chí. Những người còn lại, tuyệt đối giữ im lặng. Cuộc điều tra đang tiến triển và chúng ta đã có vài manh mối. Chỉ vậy thôi. Nếu họ muốn biết chi tiết, hãy để họ gặp tôi hoặc Confiant.”

“Với điều kiện là cậu ta không có những phát ngôn phá hoại công việc của các điều tra viên,” Servaz nói.

Cathy d’Humières lạnh lùng nhìn anh, “Cậu nói thế là có ý gì?”

“Bác sĩ Propp và tôi đã trải qua một khoảng thời gian không dễ chịu với sĩ quan chỉ huy Servaz trên đường từ Viện về ngày hôm kia,” Confiant giải thích. “Anh ấy đã mất bình tĩnh, có vẻ như anh ấy có vấn đề với mọi người.”

Bà trưởng công tố quay sang Servaz, “Martin?”

“‘Mất bình tĩnh’... là quá lời,” Servaz mĩa mai. “Tôi chỉ biết là ngài thẩm phán đây đã tự tiện mách nước cho bác sĩ Xavier biết rằng chúng tôi đang đến, mà chẳng hề bàn bạc trước với chị hay chúng tôi. Dù tất cả đã nhất trí với nhau là sẽ bất ngờ ghé thăm.”

“Có đúng như thế không?” d’Humières quay sang Confiant, lạnh lùng hỏi.

Mặt cậu ta xịu xuống, “Xavier là bạn tôi, tôi không thể xuất hiện cùng cảnh sát mà không báo trước với anh ấy.”

“Nếu vậy thì tại sao cậu không nói với chúng tôi?” Cathy lớn tiếng, giọng run lên vì giận dữ.

Confiant nhìn xuống, lúng túng, “Tôi không biết... việc có vẻ không quan trọng lắm.”

“Nghe đây! Chúng ta sắp sửa trở thành trung tâm của sự chú ý,” Bà điên tiết hất cằm về phía các phóng viên đang tụ tập bên ngoài dải băng cảnh sát. “Không được phép phô ra cho họ thấy chúng ta là một nhóm rã đám. Vì mọi sự đã rồi, chúng ta phải cùng chung một tiếng nói, tôi sẽ là người đại diện! Tôi hy vọng chúng ta sẽ sớm có được tiến triển nhất định với cuộc điều tra này,” bà bắt đầu bước đi. “Và tôi muốn họp lại trong ba mươi phút nữa để xem chúng ta đã có những gì.”

Ánh mắt Martial Confiant dành cho Servaz lúc rời đi hệt như ánh mắt chiến sĩ Taliban khi thấy một ngôi sao khiêu dâm.

“Được rồi, anh thật biết cách kết giao,” Ziegler dõi theo d’Humières và Confiant. “Anh bảo là người này đứng sau người kia trong chiếc cabin đúng không?”

“Perrault và kẻ giết người? Phải.”

“So với Perrault, tên giết người thấp hơn hay cao hơn?”

Servaz suy nghĩ, “Thấp hơn.”

“Nam hay nữ?”

Servaz cân nhắc một chút. Anh đã thẩm vấn bao nhiêu nhân chứng trong suốt sự nghiệp của mình? Anh biết đối với một số người, trả lời dạng câu hỏi này cũng là điều vô cùng khó khăn. Giờ thì tới lượt anh và anh nhận ra trí nhớ của mình dễ lung lạc đến mức nào.

“Đàn ông,” anh đáp sau một khoảng lưỡng lự.

“Tại sao?” Ziegler đã nhận thấy sự do dự ấy.

“Tôi không biết,” anh ngừng lại. “Vì cách hắn di chuyển, thái độ của hắn...”

“Hay nói đúng hơn, phải chăng anh thấy khó lòng tưởng tượng nổi một người đàn bà lại làm một việc như thế?”

Anh nhìn cô, gượng cười, “Có lẽ vậy. Theo cô thì tại sao Perrault lại cho rằng cần phải lên Saint-Martin 2000?”

“Dựa vào những gì ta thấy thì ông ta đang chạy trốn.”

“Dù sao thì chúng ta lại có thêm một vụ treo cổ nữa.”

“Nhưng lần này không có ngón tay nào bị chặt.”

“Đơn giản là tên giết người không có đủ thời gian.”

“Năm 1993 có một ca sĩ tóc vàng để râu, đôi mắt to ướn át, tên là Kurt. Theo cô có thể là ai?”

“Kurt Cobain,” Ziegler trả lời ngay lập tức. “Anh thấy hình Kurt ở phòng riêng của một trong mấy đứa trẻ à?”

“Alice.”

“Theo kết luận chính thức thì Kurt Cobain đã tự sát,” cô sen đầm khập khiễng đi tới xe của Servaz.

“Khi nào?” Anh khựng lại.

“Tôi nghĩ là năm 1994. Anh ta tự sát bằng súng.”

“Cô nghĩ hay cô chắc chắn?”

“Tôi chắc chắn. Ít nhất là về thời gian. Thời điểm đó tôi cũng là fan, và có tin đồn anh ta bị ám sát.”

“1994... nếu vậy, những cái chết không phải là tự sát kiểu bắt chước,” anh kết luận. “Cô đã đi gặp bác sĩ chưa?”

“Tôi sẽ giải quyết sau.”

Anh chuẩn bị nổ máy thì điện thoại reo.

“Servaz nghe.”

“Vincent đây. Điện thoại của anh làm sao thế? Em đã cố liên lạc với anh cả sáng nay!”

“Có việc gì đấy?” Anh bỏ qua câu hỏi của Espérandieu.

“Nhận triện, bọn em đã tìm ra chữ khắc trên đó.”

“Là?”

“Hai chữ cái, một chữ C và một chữ S.”

“CS?”

“Phải.”

“Cậu nghĩ nó nghĩa là gì?”

“Em không biết.”

Servaz suy nghĩ một lát, rồi một chuyện khác nảy ra trong đầu anh.

“Cậu chưa quên việc tôi nhờ cậu chứ?” Anh nói.

“Việc gì?”

“Về Margot.”

“Ôi, trời ạ, khôn kiếp, chết tiệt. Phải, em quên thật.”

“Thế tin mới nhất về lão già vô gia cư thế nào rồi?”

“À, vâng, chúng ta đã nhận được kết quả kiểm tra dấu vân tay. Cả ba

đứa trẻ đều có mặt ở hiện trường. Nhưng điều đó không thay đổi được gì mấy, theo Samira, thẩm phán đã nghiêng về giả thuyết chết đuối.”

Mặt Servaz tối sầm lại, “Chắc hẳn có người đang gây áp lực với ông ta. Kết quả giải phẫu sẽ quyết định. Xem ra bố của Clément là người có quan hệ rộng.”

“Trong khi hai đứa kia chắc chắn không có được lợi thế. Thẩm phán muốn thẩm vấn đứa lớn nhất thêm một lần nữa, con trai gã thất nghiệp ấy. Ông ta nghĩ nó là đứa chủ mưu.”

“Được lắm, quả là bất ngờ. Có tin gì về Lombard chưa?”

“Em vẫn đang nghiên cứu.”

Một căn phòng lớn không có cửa sổ, được chiếu sáng bằng đèn nê-ông và chia thành nhiều lối đi nhờ đồng giá sách kim loại cao tít cùng những chồng hồ sơ bụi bặm. Gần cửa ra vào có hai bàn làm việc, trên một chiếc đặt bộ máy tính ít nhất phải năm năm tuổi, chiếc còn lại đặt một đầu đọc vi phim*, một cỗ máy nặng nề và công kênh. Những chiếc hộp đựng vi phim xếp chồng lên nhau trên kệ.

Toàn bộ lịch sử của Viện Wagnier.

Diane hỏi rằng các tài liệu ở đây đã được lưu hết vào máy tính chưa, và người nhân viên gần như cười vào mặt cô.

Cô biết có hồ sơ điện tử của những người bệnh ở Khu A. Nhưng hôm qua, Xavier còn giao thêm cho cô tám bệnh nhân nữa, để ‘nhập môn’. Hiển nhiên bọn họ không đủ quan trọng để người ta mất công nhập dữ liệu vào máy tính. Cô đi dọc dãy tủ và bắt đầu nghiên cứu các tập tài liệu, cố xác định cách lưu trữ chúng. Theo kinh nghiệm của cô, không phải lúc nào ta cũng hiểu được phương pháp đang sử dụng. Có thể nói, chuyên viên lưu trữ, cán bộ thư viện và kỹ sư thiết kế phần mềm quả là có bộ óc phức tạp và suy nghĩ rối rắm.

Nhưng cô vui mừng phát hiện ra nhân viên ở đây là kiểu người logic, đã phân loại mọi thứ theo bảng chữ cái. Cô vớ lấy những kẹp tài liệu thích hợp và đi tới ngòi xuống bên chiếc bàn làm việc nhỏ bé. Trong căn

phòng rộng lớn lặng im, cách xa những khu vực khác của Viện, Diane đột nhiên nhớ lại tình cảnh đêm trước dưới tầng hầm, và một cơn ớn lạnh cứ thế chạy dọc sống lưng. Từ khi tỉnh dậy, cô thường xuyên nhớ lại dãy hành lang u ám, nhớ đến sự ẩm ướt lạnh lẽo cùng thứ mùi bốc ra từ căn hầm. Cô như sống lại khoảnh khắc thấy mình ngộp trong bóng tối.

Ai là người hằng đêm vẫn tới Khu A? Ai là người đàn ông đã gào thét và khóc lóc mà cô thấy ở trại hè? Ai là người dính líu tới những vụ án xảy ra ở Saint-Martin? Có quá nhiều câu hỏi... Hết câu này tới câu khác đang càn quét qua tâm trí bồn chồn của cô hết như sóng biển. Và cô tha thiết muốn biết câu trả lời.

Cô mở tập hồ sơ đầu tiên. Thông tin về các bệnh nhân được ghi chép vô cùng tỉ mỉ, từ những dấu hiệu bệnh lý đầu tiên và chẩn đoán sơ bộ đến quá trình điều trị ở vô số bệnh viện trước khi đến Viện Wagnier, có cả danh mục dược phẩm đã kê cho họ cùng mọi tác dụng phụ có thể phát sinh. Hồ sơ nhấn mạnh vào sự nguy hiểm của các bệnh nhân và yêu cầu phải hành xử thận trọng trước mặt họ. Điều đó nhắc nhở Diane, trong trường hợp cô đã quên, rằng ở Viện không có cậu bé ngây thơ nào hết.

Diane ghi chú vài dòng trên tập giấy và tiếp tục đọc những mô tả về quá trình điều trị ở Viện. Cô không hề ngạc nhiên khi phát hiện ra thuốc an thần được kê với liều lượng cực kì lớn, cao hơn rất nhiều so với quy định hiện hành. Điều này đã xác nhận lời kể của Alex. Một dạng bom nguyên tử trong dược phẩm, nghĩ mà rùng mình. Cô sẽ chẳng muốn thấy não mình bị đám hóa chất này oanh tạc. Cô biết, chúng có thể gây ra những tác dụng phụ khủng khiếp. Chỉ nghĩ tới đã thấy ớn lạnh. Mỗi hồ sơ chứa một trang riêng trình bày tỉ mỉ việc phát dược phẩm, liều lượng, số lần, thay đổi trong điều trị, quá trình phát thuốc. Bất cứ khi nào phòng ban phụ trách một bệnh nhân nhận được thuốc mới từ khoa dược của Viện, đơn thuốc phải có chữ kí của y tá điều trị và được trưởng khoa dược phê chuẩn.

Thuốc an thần, thuốc ngủ, thuốc bình thần... Nhưng không có liệu pháp tâm lý, ít nhất là trước khi cô đến. Bùm bùm bùm bùm... Cô

thoáng tưởng tượng ra cái búa khổng lồ đang nhịp nhàng giáng xuống những cái sọ đang dần bẹp rúm theo mỗi cú nện.

Đọc sang đến bộ hồ sơ thứ tư, Diane bỗng thấy thêm cả phê nhưng cô quyết định đọc cho xong đã. Cuối cùng, cô đọc mấy trang rời. Giống như những hồ sơ trước, liều lượng được kê khiến cô ớn lạnh.

*Clozapine, 1200 mg/ngày 3 viên 100 mg X 4 lần một ngày.
Zuclopenthixol acetate, 400 mg tiêm bắp mỗi ngày. Tiapride, 200 mg/giờ. Diazepam, dạng ống. Tiêm bắp 20 mg/ngày. Meprobamate, 400 mg.*

Lạy Chúa! Những bệnh nhân này sẽ biến thành người như thế nào? Cô sức nhớ Alex còn nói với cô một điều rằng, sau hàng thập kỉ dùng thuốc liều cao, hầu hết bệnh nhân ở Viện đều kháng thuốc. Những người đàn ông này vẫn đang đi lại quanh đây với lượng hợp chất trong mạch máu đủ để làm bất tỉnh một con khủng long bạo chúa, nhưng họ gần như không biểu lộ bất kì dấu hiệu đỡ dần nào. Đang chuẩn bị đóng tập hồ sơ lại, cô tình cờ thấy một dòng chữ viết bên lề: *Sao lại là phác đồ điều trị này? Đã hỏi Xavier. Không trả lời.*

Chữ viết ngoáy. Đọc xong, cô có thể hình dung ra sự thất vọng, khó chịu, và cả kinh ngạc, mà người viết đã cảm thấy. Cô chau mày và nhìn lại danh sách được phẩm và liều lượng. Cô nhớ ra clozapine được sử dụng khi những loại thuốc an thần khác đã vô hiệu. Vậy tại sao lại kê zuclopenthixol? Trong việc điều trị chứng rối loạn tâm lý do lo âu thái quá, không cần thiết phải trộn lẫn hai loại thuốc an thần hay hai loại thuốc ngủ. Tuy nhiên nó lại được áp dụng trong trường hợp này. Có thể cô đã bỏ qua vài chi tiết bất thường, dù gì cô cũng không phải là bác sĩ chuyên môn hay nhà tâm thần học, nhưng tác giả của lời ghi chú thì không. Có vẻ Xavier không buồn trả lời. Diane băn khoăn tự hỏi liệu điều này có thực sự đáng ngại không. Rồi cô lý luận rằng hồ sơ thuộc về một trong những bệnh nhân do cô phụ trách, kể từ giờ trở đi. Vậy nên, trước khi bắt đầu bất cứ liệu pháp tâm lý nào, cô phải biết tại sao người ta đi pha chế những loại cocktail điên rồ như thế. Hồ sơ đề cập tới chứng rối loạn tâm thần phân liệt, tình trạng mê sảng cấp tính và lúc

lần, nhưng không còn gì cụ thể hơn.

Cô có nên hỏi Xavier không? Ai đó đã làm việc ấy rồi, nhưng vô ích. Cô lấy những hồ sơ trước ra, rà từng chữ kí của bác sĩ chỉ đạo chuyên môn và trưởng khoa dược. Cuối cùng cô tìm thấy kết quả mình cần. Bên trên một trong những chữ kí, ai đó đã viết: *Giao thuốc chậm trễ, do đình công trong ngành vận tải*. Cô so sánh hai từ ‘đình’ và ‘điều’. Hình dạng của các chữ cái giống hệt nhau. Ghi chú bên lề do y tá phụ trách vật tư y tế viết. Cô sẽ phải bắt đầu bằng việc đặt câu hỏi với anh ta.

Với tài liệu kẹp dưới cánh tay, Diane đi cầu thang lên tầng ba. Khoa dược của Viện do một nam y tá ngoài 30 tuổi điều hành. Anh ta mặc quần bò bạc phéch, áo blu trắng và đi giày thể thao sần cũ. Râu ria chắc đã ba ngày chưa cạo, tóc tai dựng đứng như lông nhím. Hai quầng thâm dưới mắt anh ta khiến Diane ngờ rằng người này có một cuộc sống về đêm hết sức vui thú ở bên ngoài Viện.

Khoa dược gồm hai phòng. Khu vực tiếp tân có chuồng cạnh quầy hàng chất đầy giấy tờ và những chiếc hộp rỗng. Một phòng khác kê đầy những chiếc tủ khóa có chia ngăn bằng kính để lưu trữ thuốc. Người y tá, tên là Dimitri theo nhãn tên thêu trên túi áo ngực, quan sát Diane bước vào. Nụ cười của anh ta tươi quá mức cần thiết.

“Ê này,” anh ta nói.

“Xin chào,” cô trả lời. “Tôi muốn xin thông tin về việc quản lý dược phẩm.”

“Đương nhiên rồi. Cô là chuyên gia tâm lý mới phải không?”

“Đúng vậy.”

“Cô muốn biết điều gì?”

“Ừm, phương pháp quản lý dược phẩm.”

“Được ngay,” anh ta tí toáy chiếc bút trong túi áo ngực. “Đi lối này.”

Cô đi ra phía sau quầy hàng. Anh ta vớ lấy một quyển sổ lớn bằng bìa cứng trông như cuốn sổ kế toán.

“Đây là sổ ghi chép. Chúng tôi theo dõi toàn bộ vật tư y tế vào và ra.

Công việc của khoa dược là dự trữ nhu cầu của Viện, tiến hành đặt hàng, tiếp nhận, bảo quản, phân phối dược phẩm tới vô số phòng ban trong Viện. Khoa dược có ngân sách riêng. Đại khái chúng tôi đặt hàng theo từng tháng, nhưng thi thoảng cũng có những đơn đặt hàng đặc biệt.”

“Ngoài anh ra thì có ai biết về khâu nhập và phân phối dược phẩm không?”

“Bất cứ ai cũng có thể tra cứu sổ theo dõi. Nhưng toàn bộ biên bản giao nhận và đơn đặt hàng phải do chính bác sĩ Xavier, hoặc thường xuyên hơn, là Lisa hoặc bác sĩ Lepage, bác sĩ chỉ đạo chuyên môn, kí phê chuẩn. Bên cạnh đó, mỗi loại thuốc có thể kho riêng.”

Anh ta lấy xuống một chiếc kẹp tài liệu lớn và mở ra, “Tất cả dược phẩm sử dụng trong Viện đều ở đây và nhờ hệ thống quản lý như vậy, chúng tôi biết chính xác số lượng còn lại trong kho. Chúng tôi phân phối thuốc tới những phòng ban khác nhau. Đơn phân phối dược y tá phụ trách mỗi phòng ban và tôi kí phê chuẩn.”

Diane mở hồ sơ trong tay ra, cho anh ta xem ghi chú bên lề giấy.

“Đây là chữ viết tay của anh phải không?”

Cô thấy anh ta cau mày.

“Phải,” anh ta trả lời, sau khi lưỡng lự trong giây lát.

“Anh có vẻ không đồng tình với phác đồ điều trị của bệnh nhân này.”

“Thì, tôi... Tôi không thấy được lợi ích... của việc kê hai loại thuốc an thần hay zuclopenthixol acetate và clozapine cùng lúc là gì. Tôi, ừm, có hơi... nguyên tắc.”

“Anh đã hỏi bác sĩ Xavier?”

“Phải.”

“Và anh ta nói gì?”

“Rằng tôi phụ trách vật tư, không phải bác sĩ chuyên môn.”

“Tôi hiểu rồi. Có phải tất cả các bệnh nhân đều được kê thuốc liều cao như thế không?”

“Hầu hết là vậy. Cô biết đấy, sau nhiều năm điều trị, hầu hết bọn họ

đều trở nên...”

“Kháng thuốc, phải, tôi biết. Anh có phiền không nếu tôi xem qua?” Cô chỉ vào quyển sổ theo dõi và kẹp tài liệu chứa thẻ lưu trữ của từng loại thuốc.

“Không, đương nhiên là không. Cô cứ xem. Đây, mời ngồi.”

Dimitri biến sang phòng bên cạnh. Diane nghe tiếng anh ta thẽ thọt gọi điện cho ai đó. Chắc là bạn gái. Anh ta không đeo nhãn cười. Cô mở cuốn sổ theo dõi và bắt đầu lật giở. Tháng Giêng... Tháng Hai... Tháng Ba... Tháng Tư... Tồn kho tháng Mười hai dài tới hai trang. Ở trang thứ hai, Diane chú ý đến dòng chữ ngay ở giữa: *Giao hàng, Xavier đặt*, đề ngày mùng 7 tháng Mười hai. Trên cùng một dòng là tên của ba loại thuốc. Diane không biết loại nào trong số đó. Chắc chắn chúng không phải thuốc điều trị tâm thần. Vì tò mò, cô chép lại mấy cái tên vào tập ghi chú của mình và gọi Dimitri. Cô nghe thấy anh ta thì thầm ‘Yêu em’ rồi quay lại căn phòng.

“Những thuốc này là gì?”

Anh ta nhún vai, “Tôi không biết. Không phải tôi viết. Thời gian đó tôi đang nghỉ phép.” Anh ta lật giở đám thẻ lưu trữ và chau mày. “Kì lạ! Không hề có thẻ lưu trữ riêng cho ba loại thuốc này. Chỉ có hóa đơn. Người điền vào sổ theo dõi chắc là không biết mình phải làm gì.”

Đến lượt Diane nhún vai, “Quên đi. Cũng chẳng quan trọng.”

Họ đi vào căn phòng lần trước. Ziegler, Servaz, Maillard, Simon Propp, Martial Confiant và Cathy d’Humières. Như Servaz đề nghị, Ziegler đã tóm tắt sơ qua những sự kiện chính. Anh nhận thấy cô đang trình bày chúng với khuynh hướng sẽ miễn cho anh khỏi mọi phán xét sai lệch, và cô đang tự nhận trách nhiệm về mình vì đã đi xe máy vào sáng nay bất chấp dự báo thời tiết xấu. Cô hướng sự chú ý vào chi tiết liên hệ cái chết lần này với vụ trước, treo cổ. Cô không nhắc tới những vụ tự tử, nhưng có chỉ ra Grimm và Perrault, cùng với Chaperon và người đàn ông đã chết được hai năm, từng bị buộc tội tống tiền tình dục.

“Chaperon?” Cathy d’Humières ngờ vực nói. “Đây là lần đầu tiên tôi nghe có chuyện như thế.”

“Theo Saint-Cyr, vụ việc xảy ra chừng ba mươi năm trước,” Servaz bổ sung. “Rất lâu trước khi Chaperon ứng cử cho chức vụ hiện tại. Hơn nữa, đơn kiện đã được rút lại gần như ngay lập tức.”

Anh nhắc lại những điều Saint-Cyr đã kể. Bà trưởng công tố nhìn anh bằng ánh mắt hoài nghi.

“Cậu thực sự tin là có sự liên quan giữa hai vụ việc à? Một cô gái say, mấy chàng trai trẻ cũng say, vài tấm hình đại đột... Tôi không muốn biện hộ cho hành vi như vậy, nhưng nó không hẳn là thứ khiến chúng ta phải nhặng xị lên.”

“Theo Saint-Cyr, còn nhiều tin đồn khác xoay quanh bốn người đàn ông này,” Servaz nói.

“Tin đồn kiểu gì?”

“Vẫn là những hành vi tương tự, lạm dụng tình dục, hành động đòi bái và bạo lực với phụ nữ mỗi khi say xỉn. Tuy nhiên, không có đơn

kiện chính thức nào khác ngoại trừ vụ khởi kiện nói trên mà, tôi xin nhắc lại, đơn kiện đã được rút về rất nhanh. Chúng tôi cũng tìm được một số thứ trong ngôi nhà gỗ của Grimm. Áo choàng và đôi ủng gần giống áo và ủng tìm thấy trên cái xác.”

Dựa vào kinh nghiệm cá nhân, Servaz biết không nên nói quá nhiều với công tố viên và thẩm phán điều tra nếu không có bằng chứng xác thực, vì về mặt nguyên tắc họ có xu hướng đưa ra ý kiến phản đối. Tuy nhiên, anh không thể kìm được thôi thúc muốn đẩy vụ việc đi xa hơn.

“Theo Saint-Cyr, Grimm, Perrault, Chaperon và người bạn Mourrenx của họ thân thiết đến mức gần như không thể tách rời kể từ thời trung học. Chúng tôi phát hiện ra rằng cả bốn người đàn ông này đều đeo cùng một chiếc nhẫn triện, trên ngón tay bị chặt của Grimm hẳn cũng từng đeo một chiếc như thế.”

Confiant nhìn họ bằng ánh mắt khó xử.

“Tôi không thấy chiếc nhẫn này liên quan gì,” cậu ta nói.

“Chúng ta có thể giả sử nó chứa đựng một mật hiệu nào đó,” Ziegler gợi ý.

“Một mật hiệu? Tượng trưng cho cái gì?”

“Rất khó kết luận ở thời điểm này,” Ziegler thừa nhận, lạnh lùng nhìn tay thẩm phán.

“Ngón tay của Perrault không bị chặt,” d’Humières phản đối, vẻ nghi ngờ thấy rõ.

“Chính xác. Nhưng bức ảnh mà sĩ quan chỉ huy Servaz tìm thấy chứng tỏ rằng có một giai đoạn nhất định, ông ta đã đeo chiếc nhẫn triện. Nếu tên sát nhân thấy không cần phải chặt ngón tay của Perrault, có lẽ là vì ông ta không còn đeo nó nữa.”

Servaz nhìn họ. Sâu tận trong lòng, anh biết mình đang đi đúng hướng. Một thứ gì đang trôi lên bề mặt, giống như đám rễ cây đâm lên từ lòng đất. Một thứ tối tăm và lạnh lẽo.

Và trên bề mặt rừng rợn ấy, áo choàng, nhẫn cùng những ngón tay bị chặt hoặc còn nguyên, giống như những viên đá cuội nhỏ bé mà tên sát nhân đã bỏ lại trên đường.

“Rõ ràng chúng ta chưa đào đủ sâu về cuộc sống của những người đàn ông này,” Confiant đột nhiên nói. “Nếu chúng ta làm việc thay vì tập trung vào Viện, hẳn chúng ta đã tìm thấy manh mối nào đó để kịp cứu Perrault.”

Họ đều hiểu rằng từ ‘chúng ta’ đơn thuần chỉ là bóng gió. Chữ cậu ta thực sự muốn dùng là ‘các người’, cụ thể là ám chỉ Servaz và Ziegler. Cùng lúc, Servaz cũng tự hỏi Confiant không thể tỏ ra có lý được một lần hay sao.

“Dù sao, cả hai nạn nhân đều bị buộc tội trong vụ đâm đơn kia, và bọn họ đều từng đeo nhẫn,” anh nhấn mạnh. “Chúng ta không thể bỏ qua những việc trùng hợp. Và người thứ ba dính líu tới vụ kiện mà vẫn còn sống chính là Roland Chaperon.”

Anh thấy bà trưởng công tố tái mặt.

“Nếu thế thì việc này phải được ưu tiên,” bà nói.

“Đúng vậy. Chúng ta phải làm mọi cách để tìm ra thị trưởng và đảm bảo an toàn cho ông ta. Không còn thời gian mà lãng phí.” Anh xem đồng hồ đeo tay. “Tôi đề nghị dừng cuộc họp ở đây thôi.”

Phó thị trưởng thường trực của Saint-Martin nhìn họ, nỗi sợ hãi trong mắt ánh lên nhọn hoắt như cây kim. Ông ta ngồi bên bàn làm việc ở tầng hai, người tái mét, tay bòn chòn mân mê chiếc bút.

“Tôi vẫn chưa liên lạc được với anh ấy từ sáng hôm qua,” ông ta nói ngay. “Chúng tôi rất lo lắng. Đặc biệt là sau tất cả những gì vừa xảy ra.”

Ziegler gật đầu đồng tình, “Ông không biết ông ta có thể ở đâu sao?”

Phó thị trưởng lộ vẻ tuyệt vọng, “Tôi không biết gì hết.”

“Liệu có người nào mà ông ta biết và có thể đã đến chỗ họ không?”

“Cô em gái ở Bordeaux. Tôi đã gọi. Nhưng cô ấy không hay biết gì cả. Vợ cũ của anh Roland cũng không.”

Phó thị trưởng nhìn hết người này đến người kia, hoang mang và sợ hãi, như thể ông ta mới là người tiếp theo trong danh sách. Ziegler đưa cho ông ta một tấm danh thiếp. “Nếu ông biết được bất cứ điều gì, gọi

ngay cho chúng tôi. Kể cả việc nhìn qua không có gì quan trọng.”

Mười sáu phút sau, bọn họ ra khỏi chiếc xe đỗ bên ngoài nhà máy nước khoáng đóng chai mà Servaz đã ghé thăm hai ngày trước, nơi Roland Chaperon vừa là chủ đầu tư vừa là người điều hành. Một tòa nhà thấp và hiện đại, được bao quanh bởi một hàng rào cao có những vòng dây thép gai trên đỉnh. Những chiếc xe tải ngoài bãi đỗ đợi chất nước lên để chở đi. Bên trong nhà máy huyền ảo khủng khiếp. Lần trước tới đây, Servaz đã thấy một dây chuyền lắp ráp nơi vỏ chai được sục sạch bằng vòi phun, rồi nước được rót đầy vào vỏ, máy móc sẽ đóng nắp và dán nhãn. Hoàn toàn tự động, không có sự can thiệp của con người. Tất cả những gì công nhân phải làm là kiểm tra từng giai đoạn vận hành. Servaz và Ziegler đi lên cầu thang kim loại dẫn đến văn phòng lắp kính cách âm của quản lý. Vẫn người đàn ông to lớn râu ria lởm chởm mà Servaz gặp lần trước. Anh ta đang nạy vỏ hạt để cười, và cảnh giác quan sát họ đi vào.

“Có chuyện gì đang xảy ra,” anh ta phun một cái vỏ vào giỏ rác. “Roland vẫn chưa tới nhà máy, cả hôm qua và hôm nay. Ông ấy không phải kiểu người nghỉ mà không thông báo. Với những chuyện diễn ra gần đây, tôi không hiểu tại sao không bố trí thêm chốt kiểm tra trên đường. Các anh đang đợi cái gì thế? Nếu tôi mà là cảnh sát hay sen đầm...”

Ziegler đã phải bịt mũi vì mùi mồ hôi nồng nặc trong văn phòng. Giờ cô thấy rõ mảng sẫm màu lam quanh phần nách của chiếc áo sơ mi xanh dương anh ta đang mặc.

“Nhưng anh không phải cảnh sát hay sen đầm,” cô trả lời bén gọn. “Vậy là anh hoàn toàn không biết ông ấy có thể ở đâu sao?”

Người đàn ông mập ú nhìn cô bằng ánh mắt thô tục. Servaz không thể nhịn được cười. Cũng giống như anh ta, có vài người quanh đây nghĩ rằng người thành phố không có khả năng hành xử khôn khéo.

“Không. Roland không phải kiểu người ba hoa về đời sống cá nhân. Vài tháng trước chúng tôi biết được rằng ông ấy ly hôn, cũng sát ngày ra tòa thôi. Ông ấy chưa từng hé miệng về mối quan hệ có vấn đề của

mình.”

“‘Mối quan hệ có vấn đề’,” Ziegler nhắc lại, giọng mỉa mai thấy rõ. “Nói hay lắm.”

“Đi thẳng tới chỗ ở của ông ta nhé,” Servaz nói rồi trèo vào xe. “Nếu không thấy, chúng ta sẽ phải lục soát kỹ lưỡng toàn bộ ngôi nhà. Gọi Confiant và xin lệnh lục soát.”

Ziegler nhắc điện thoại trong xe và quay số, “Không trả lời.”

Servaz rời mắt khỏi con đường trong giây lát. Những đám mây phình lên vì mưa hoặc tuyết đang cuốn qua bầu trời tăm tối như một diêm báo tai ương, và ánh sáng tắt dần.

“Quên đi. Chúng ta không có thời gian. Cứ tiền trăm hậu tấu.”

Khi Margot Servaz đi ra khỏi cổng trường trung học, thì tai nghe của Espérandieu đang vang lên bài *The Stations* của The Gutter Twins. Ngồi trong chiếc xe không dán nhãn cảnh sát, cậu quan sát đám thiếu niên tán loạn ùa ra khỏi trường. Mất không đến mười giây để nhìn ra cô bé. Hôm nay, ngoài chiếc áo vét da và quần soóc sọc, con gái Servaz còn đeo một dải tóc nổi màu tím trên nền tóc đen, xỏ quần tất lưới và đi đôi tất gắn lông to tướng ở cổ chân khiến cô bé trông như thể đang trên đường đến dự một bữa tiệc ở khu trượt tuyết vậy. Espérandieu nghĩ tới Samira. Cậu liếc nhìn để chắc chắn chiếc máy ảnh kỹ thuật số đã đặt trên ghế hành khách, mở ứng dụng ghi âm trên chiếc iPhone đang chạy album *Satumalia* ở chế độ lặp lại.

“5 giờ chiều. Đang ra khỏi trường trung học. Nói chuyện với bạn học.”

Cách đó 10 mét, Margot đang tán gẫu và cười đùa, rồi rút một bao thuốc lá từ túi áo vét. Cái đó không tốt đâu, Espérandieu nghĩ thầm. Cô bé bắt đầu cuộn một điếu thuốc trong khi nghe các bạn nói chuyện. Cháu có vẻ biết mình đang làm gì đấy nhỉ, cậu nhận xét. Chắc là thói quen rồi. Đột nhiên cậu cảm thấy mình như một tên dê già đang nhòm

ngó mấy cô bé xinh xắn đi học về. Chết tiệt, Martin, thật không công bằng! Hai mươi giây sau, một thằng bé đi scooter dừng lại trước nhóm bạn. Espérandieu lập tức cảnh giác.

Thằng bé tháo mũ bảo hiểm ra và nói chuyện với con gái Servaz. Cô bé quăng điều thuốc xuống vỉa hè và nghiền nát nó bằng gót giày, rồi trèo lên ghé sau của chiếc scooter.

Chà chà. “Rời đi bằng xe scooter với một thằng bé tầm 17-18 tuổi. Tóc đen. Học khác trường.”

Espérandieu do dự, cuối cùng quyết định không chụp ảnh. Quá gần. Ai đó có thể trông thấy cậu. Thằng bé khá đẹp trai, tóc vuốt dựng lên thành chóp nhọn bằng loại keo siêu cứng. Nó đeo lại mũ bảo hiểm và đưa một cái cho Margot. Đây có phải thằng khốn đã đánh Margot và làm tan vỡ trái tim cô bé không? Chiếc scooter phóng đi. Espérandieu sang số để bám theo. Thằng bé lái xe rất nhanh và ẩu, liên tục đánh võng qua những chiếc ô tô, khiến chiếc scooter chạy ngoằn ngoèo lách vào những nơi không nên vào, trong lúc đó lại còn ngoái đầu và hét lên trò chuyện với người ngồi đằng sau. Sớm muộn gì cậu cũng sẽ phải đối mặt với sự thật phũ phàng thôi, anh bạn trẻ ạ...

Espérandieu hai lần tưởng mình đã mất dấu thằng bé, nhưng được một đoạn lại bắt kịp. Cậu không dùng còi hụ. Cậu không muốn lần đầu tiên đi theo dõi đã bị phát hiện, thêm nữa, nhiệm vụ này không mang tính chính thức, và cậu cũng không coi mình đang làm nhiệm vụ.

Cuối cùng, chiếc scooter dừng lại bên ngoài một biệt thự có khu vườn với hàng rào cao và dày bao quanh. Espérandieu lập tức nhận ra nơi này. Cậu đã từng đến đây cùng Servaz. Đây là nơi Alexandra vợ cũ của Servaz sống cùng tay phi công chết bầm của cô ta. Cả Margot cũng sống ở đây.

Cô bé tụt xuống khỏi chiếc scooter và tháo mũ bảo hiểm ra. Hai đứa trẻ bình tĩnh nói chuyện trong chốc lát, cô bé đứng trên lề đường, thằng bé ngồi trên yên scooter. Espérandieu đâm lo bọn chúng phát hiện ra mình, cậu đang đỗ cách hai đứa chưa đầy 5 mét, trên con phố khá trống trải. May thay chúng trò chuyện quá đỗi say sưa. Theo Espérandieu

quan sát, hai đứa rất thoải mái với nhau. Không la hét, không dọa nạt. Trái lại, chúng đang cười phá lên và đồng tình gật đầu với nhau. Nếu Servaz nhầm thì sao? Có lẽ nghề cảnh sát rớt cuộc đã khiến anh hoang tưởng. Margot ngả tới trước và hôn vào hai má thằng bé. Thằng này vít ga cho động cơ gầm lên dữ dội, đến nỗi Espérandieu những muốn ra khỏi xe và bước tới đuổi nó biến đi. Rồi thằng bé rồ ga và phóng mất tăm.

Chết tiệt! Không phải rồi! Espérandieu càu nhàu vì vừa lãng phí mất một giờ của cuộc đời. Cậu rửa thềm ông sếp, vòng xe lại và trở về theo đường cũ.

Servaz quan sát mặt tiền tối tăm khuất bóng giữa những hàng cây. Trắng, oai vệ, cao đến bất ngờ, với những ban công và cửa chớp bằng gỗ chạm khắc ở mỗi tầng theo kiểu nhà miền núi Thụy Sĩ. Mái nhà dốc và nhọn với phần trần tường bằng gỗ hình tam giác. Một công trình kiến trúc miền núi điển hình. Ngôi nhà được xây dựng ở cuối một khu vườn dốc, dưới bóng những cây cao, nằm ngoài tầm ánh đèn đường. Có gì như đe dọa phảng phất ở nơi này, hay chỉ là do anh tưởng tượng? Anh nhớ lại một đoạn trong *Sự sụp đổ của dòng họ Usher**: “Tôi không biết bằng cách nào, nhưng chỉ mới thoáng nhìn tòa nhà lần đầu tiên, một nỗi sầu bi không thể chịu đựng nổi đã choán lấy linh hồn tôi.”

Anh quay sang Ziegler, “Confiant vẫn chưa trả lời sao?”

Ziegler bỏ lại điện thoại vào túi và lắc đầu. Servaz mở cánh cổng gỉ sét kẻo kẹt. Họ đi bộ vào con đường chạy xe. Có những dấu chân trên tuyết, không ai buồn quét chúng đi. Servaz bước lên những bậc tam cấp. Bên dưới mái hiên bằng kính, anh xoay tay nắm cửa. Khóa. Bên trong tối om. Anh quay lại. Thị trấn trải ra phía dưới họ, được trang hoàng lộng lẫy, rộn lên sức sống như một trái tim đang đập trong lòng thung lũng. Xa xa có tiếng ô tô và còi xe, nhưng nơi đây mọi thứ đều yên ắng. Trên sườn đồi này ngự trị nỗi buồn không thể đong đếm và sự tĩnh lặng đến nghẹt thở của đời sống tư sản ngọt ngào.

Ziegler cũng bước lên cùng anh, “Chúng ta làm gì đây?”

Servaz nhìn xung quanh. Ngôi nhà trải rộng sang hai bên bậc thềm, tầng hầm được xây dựng bằng đá cối xay có trở vài ô cửa sổ. Không có đường vào qua tầng hầm, cửa sổ lắp khung sắt bên ngoài. Cửa chớp của những ô cửa sổ lớn ở tầng trệt đang mở. Trong một góc đằng sau một bụi cây, anh nhìn thấy một túp lều nhỏ trông như một ngôi nhà gỗ vùng cao Thụy Sĩ. Anh đi xuống những bậc thềm và tiến về túp lều. Không khóa. Anh mở cửa. Có mùi đất mới xới lên. Trong ánh sáng lờ mờ, anh thấy một chiếc cào, xẻng, hộp đựng hoa, một ca tưới nước, một chiếc xe rùa, và một cái thang... Servaz trở lại nhà chính cùng một cái thang nhôm kẹp dưới cánh tay. Anh đặt nó dựa vào mặt tiền và trèo lên ngang cửa sổ.

“Anh đang làm gì vậy?”

Không trả lời, anh kéo ống tay áo xuống và đâm vỡ kính cửa sổ. Phải mất hai lần.

Vẫn bằng nắm đấm bọc trong tay áo, anh gạt những mảnh kính vỡ ra, và mở chốt cửa sổ. Anh nghĩ sẽ nghe thấy tiếng còi báo động ré lên inh ỏi, nhưng không có gì cả.

“Anh có biết luật sư có thể vô hiệu hóa toàn bộ quá trình điều tra vì những gì anh vừa làm không?” Ziegler nói với lên từ bên dưới chiếc thang.

“Thời điểm này, việc cấp bách là tìm được Chaperon còn sống. Chúng ta có thể nói rằng đã thấy cửa sổ thế này từ trước và lợi dụng...”

“Tất cả đứng yên!”

Cả hai bọn họ cùng quay lại. Dưới đường chạy xe, giữa hai cây lãnh sam, một cái bóng đang chĩa khẩu súng trường vào họ, “Giơ tay lên! Không được động đậy!”

Thay vì tuân theo, Servaz thọc tay vào túi áo khoác và vung cái thẻ ngành lên trước khi trèo xuống thang.

“Bình tĩnh nào ông bạn. Cảnh sát đây.”

“Từ khi nào cảnh sát lại đi lung tung, phá cửa và đột nhập như vậy?” Người đàn ông hỏi và hạ thấp súng xuống.

“Khi chúng tôi thấy khẩn cấp,” Servaz trả lời.

“Hai người đang tìm Chaperon? Ông ta không ở đây. Chúng tôi không gặp ông ta hai ngày nay rồi.”

Servaz biết kiểu người này, ‘người giữ cửa tự phong’ mà Saint-Cyr vẫn rất thích. Mỗi phố có một hai người như vậy. Thích chỗ mũi vào cuộc sống của những người hàng xóm, chỉ đơn giản bởi họ vừa chuyển tới bên cạnh. Nghĩ rằng mình có quyền để mắt tới họ, rình rập họ qua hàng rào, đặc biệt là nếu thấy họ có điều đáng ngờ. Trong mắt mấy gã, đáng ngờ bao gồm dân đồng tính, bà mẹ đơn thân, người già cô đơn sống ẩn dật, nhút nhát, và nhìn chung, bất cứ ai trông có vẻ khôi hài hoặc không chung quan điểm cứng nhắc với mấy gã. Rất hữu dụng đối với nghiệp vụ thẩm vấn từng nhà. Mặc dù Servaz vô cùng coi thường loại người này.

“Ông không biết ông ta đi đâu sao?”

“Không.”

“Ông ta là người thế nào?”

“Chaperon? Ông ấy là một thị trưởng tốt. Một người đúng mực. Lịch sự, luôn tươi cười, lúc nào cũng thân thiện. Luôn sẵn sàng dừng lại tán gẫu một hai câu. Không phải hạng làm càn. Không giống tên đồ dười kia.”

Gã chỉ vào một ngôi nhà phía dưới đường. Servaz cho rằng ‘tên đồ dười kia’ đã trở thành mục tiêu ưa thích của tay ‘gác cổng tự phong’ này. Không thể có người này mà không có người kia. Anh suýt thì buột miệng nói rằng ‘tên đồ dười kia’ chắc chắn chưa từng bị buộc tội tống tiền tình dục. Đó là vấn đề với những tay ‘gác cổng tự phong’. Bọn họ trông mặt mà bắt hình dong, và thường chọn nhầm mục tiêu. Họ thường đi theo cặp, vợ và chồng, một bộ đôi kinh khủng.

“Chuyện gì xảy ra thế?” Người đàn ông không giấu nổi tò mò. “Trước những gì đang xảy ra gần đây, mọi người đều ru rú ở trong nhà và cẩn thận cửa ngõ. Ngoại trừ tôi. Cứ để hấn tới đây, thẳng diên, tôi sẵn sàng sống mái với hấn.”

“Cảm ơn,” Servaz nói. “Ông về nhà đi.”

Người đàn ông cảm rằm và quay đi.

“Nếu anh cần thêm bất cứ thông tin gì khác, thì tôi sống ở nhà số 5!”
Gã đàn ông nói với qua vai. “Tên là Laneonneur!”

“Tôi sẽ không thích làm hàng xóm với gã ta đâu,” Ziegler nói khi nhìn ông ta đi khỏi.

“Cô nên chú ý hơn tới hàng xóm của mình,” Servaz nói. “Tôi cá rằng cô cũng có hàng xóm như con người này. Ở đâu cũng có thể loại như vậy. Đi thôi.”

Anh trèo lại lên thang và vào trong nhà.

Những mảnh kính vỡ vụn dưới chân anh. Trong cảnh tranh tối tranh sáng, anh nhìn thấy một chiếc ghế bành bằng da, thảm trên sàn gỗ, những bức tường ốp ván, một cái bàn làm việc. Servaz tìm thấy công tắc và bật đèn trần. Ziegler xuất hiện ở cửa sổ trên đỉnh thang, và trèo vào. Đằng sau cô là ánh sáng giữa những rặng cây. Cô nhìn quanh. Có vẻ bọn họ đang ở phòng làm việc của Chaperon hoặc của vợ cũ ông ta. Có giá sách, nhiều ảnh trên tường chụp phong cảnh núi non hay những ngôi làng nhỏ của thế kỉ trước trên dãy Pyrenees, phổ phường với rất nhiều xe ngựa, khách bộ hành đội mũ. Servaz nhớ lại rằng từng có một thời, những suối nước khoáng trên dãy Pyrenees được giới tinh hoa Paris vô cùng ưa chuộng. Họ thích tới lấy nước. Chẳng mấy chốc, làng mạc trên núi biến thành những khu nghỉ dưỡng tao nhã, sánh ngang với Chamonix, Saint-Moritz hay Davos.

“Trước hết, đi tìm Chaperon đã,” Servaz nói. “Hy vọng ông ta không bị treo cổ ở đâu đó. Chúng ta sẽ lục soát nơi này.”

“Chính xác thì phải tìm cái gì?”

“Tìm thấy sẽ biết.”

Anh rời khỏi phòng làm việc.

Một hành lang. Ở cuối có một cầu thang.

Anh mở cửa, từng cái một. Phòng khách. Bếp. Phòng tắm. Phòng ăn.

Giẫm lên tấm thảm cũ được cố định bằng ghim kim loại dọc hành lang, bước chân anh không gây ra một tiếng động nào. Tường cầu thang cũng được ốp gỗ sáng màu như ở phòng làm việc. Trên tường treo những chiếc búa phá băng xưa cũ, những chiếc đế có gai bằng kim loại

buộc vào giày để đi đường tuyết, ủng da và ván trượt tuyết thô sơ, những dụng cụ leo núi cổ xưa từ thời kì của các nhà thám hiểm tiên phong. Servaz dừng lại để nhìn kĩ hơn những bức hình. Một người leo núi đang đứng trên mỏm đá thẳng đứng như cột của các ẩn sĩ*. Servaz lập tức thấy bụng mình quặn lại. Sao người đàn ông lại không thấy chóng mặt? Anh ta đứng, ngay sát khoảng không, vô tư cười với người chụp ảnh chắc hẳn cũng đang đứng đấy có độ cao tương đương, anh nhận ra người leo núi thách thức những đỉnh cao kia không phải ai khác mà chính là Chaperon. Ở một bức ảnh khác, ông ta đang treo mình vào một rìa đá nhô ra, điềm tĩnh ngồi trong bộ dây bảo hộ như con chim đậu trên cành, chỉ trông vào những sợi thừng mỏng manh hòng thoát khỏi cú ngã chí tử. Servaz nhận thấy một thung lũng với dòng sông nằm hun hút bên dưới, cách xa ông ta phải vài trăm mét.

Thật muốn biết Chaperon cảm thấy thế nào khi ngồi đu đưa ở đó. Và nhân tiện, cảm giác của ông ta thế nào khi trở thành mục tiêu của tên giết người bây giờ. Có cùng cảm giác hồi hộp đến choáng váng không? Toàn bộ nội thất của căn nhà là một thánh đường hiến dâng hết cho núi rừng và sự chinh phục các giới hạn của bản thân. Rõ ràng ông thị trưởng được rèn từ vật liệu cứng rắn hơn nhiều so với ông dược sĩ. Hay có thể nói, bọn họ được tạc từ hai cây gỗ khác nhau hoàn toàn. Bức hình này khẳng định ấn tượng đầu tiên của Servaz từ ngày gặp Chaperon ở nhà máy điện. Ông ta nhỏ thó, nhưng rắn như đá, là một người yêu thiên nhiên và các hoạt động thể lực, với cái bồm sư tử trắng và làn da rám nắng quanh năm.

Anh hình dung lại Chaperon khi ở trên cầu, chứng kiến cái chết của người bạn và sau đó trong xe. Khiếp đảm. Hoảng loạn. Servaz ngẫm nghĩ giây lát. Cái chết của con ngựa rừng rợn chằng kém nhưng cũng không khiến ông ta sợ hãi như vậy. Tại sao? Có phải chỉ bởi nó là một con ngựa? Hay vào thời điểm đó ông ta chưa cảm thấy mình ở trong tầm ngắm? Servaz tiếp tục ngẫm nghĩ, bị giày vò bởi cảm giác cấp bách đã bóp nghẹt lấy anh từ lúc ở cáp treo du lịch. Lên tới tầng trên, anh thấy một nhà tắm, một nhà vệ sinh và hai phòng ngủ, trong đó có một phòng ngủ khá lớn. Servaz xem xét căn phòng ấy và ngay lập tức bị chế

ngự bởi một xúc cảm kì lạ. Anh chau mày, có thứ gì đó bám chặt lấy tâm trí anh.

Một tủ búp phê, một tủ ngăn kéo. Một giường đôi. Nhưng xét hình dạng của tấm nệm thì từ rất lâu rồi chỉ có một người ngủ ở đây, và cũng chỉ có một cái ghế cùng một cái tủ đầu giường.

Đây là phòng ngủ của một người đàn ông đã ly hôn và sống một mình. Servaz mở tủ quần áo.

Váy áo của phụ nữ, váy liền, áo cánh, chân váy, áo chui cổ và áo khoác. Dưới cùng là một đôi giày cao gót.

Anh quệt ngón tay qua chiếc tủ đầu giường, một lớp bụi dày, y như căn phòng của Alice. Chaperon không ngủ trong phòng này. Đây từng là phòng ngủ của bà Chaperon trước khi họ ly hôn. Giống như nhà Grimm, vợ chồng Chaperon ngủ ở hai phòng tách biệt.

Có điều gì đó không đúng. Bản năng mách bảo Servaz, rằng anh sắp chạm được vào máu chốt. Cảm giác căng thẳng trở lại và nhất định không rời đi. Nó dai dẳng cảnh báo về nguy hiểm, về một thảm họa lơ lửng trên đầu. Hình ảnh Perrault gào thét như bị đày đọa dưới địa ngục hiện lên. Đầu Servaz bắt đầu quay mòng mòng. Anh bám lấy một góc giường.

Đột nhiên anh nghe thấy tiếng hét, “Martin!”

Giọng Ziegler, phát ra từ dưới gác. Servaz lao ra khỏi phòng, chân lướt trên cầu thang như không chạm bậc nào. Cánh cửa dưới gầm cầu thang đang mở. Servaz vọt qua và thấy một tầng hầm khổng lồ với những bức tường đá trát vữa xù xì. Chỗ để nôi hơi và giặt là. Ngập trong bóng tối. Nhưng ở sâu hơn có ánh đèn... Anh vội vã đi tới gần. Gian phòng ngậm rộng rãi, giữa trần treo một bóng đèn. Quầng sáng mờ, không rọi được hết các góc. Có một cái bàn lớn dùng để gia công, dụng cụ leo núi treo lỉnh kỉnh trên chiếc bảng lớn đóng bằng ván gỗ ép. Ziegler đang đứng trước một cái tủ bằng kim loại mở toang.

“Cái gì...?”

Servaz tiến tới rồi sững lại. Trong tủ là một chiếc áo choàng có mũ bằng vải chống thấm màu đen, và một đôi ủng.

“Chưa hết,” Ziegler nói.

Cô đưa cho anh một hộp giày. Servaz mở ra và đưa vào vùng chiếu sáng của bóng đèn. Anh ngay lập tức nhận ra. Chiếc nhẫn. Khắc dấu “CS”. Và duy nhất một tấm ảnh ó vàng. Nước ảnh rất cũ. Trên đó là bốn người đàn ông đứng cạnh nhau, mặc chính những chiếc áo choàng này. Nửa trên khuôn mặt họ khuất trong vành mũ trùm, tuy vậy Servaz vẫn nhận ra cái cằm bèo nhèo của Grimm và quai hàm vuông vức của Chaperon. Mặt trời đang tỏa sáng bên trên bốn con người ấy, khiến những chiếc áo choàng trở nên tai ác và lạc điệu. Phong cảnh mùa hè, không khí thôn dã dâng tràn xung quanh, tưởng chừng nghe được cả tiếng chim hót. Nhưng cái ác cũng len lõi ở đó, gần như có thể sờ thấy được, ngay giữa rừng cây ngập ánh mặt trời. Cái ác mang hình hài của bốn con người ấy. Chắc chắn cái ác có tồn tại, và bốn người đàn ông này là một trong hằng hà sa số hiện thân của nó.

Anh bắt đầu hiểu được điều đã gắn kết bọn họ.

Theo quan điểm của anh, bốn người đàn ông này có chung một đam mê, núi non, thiên nhiên, leo núi và cắm trại dã ngoại. Nhưng còn một thứ khác nữa, bí mật và quái ác hơn. Sâu trong những thung lũng này, họ biệt lập với thế giới, hoàn toàn không bị trừng phạt, họ cao hứng trước những đỉnh núi hùng vĩ quá đỗi thân thuộc và tin tưởng tuyệt đối rằng không ai có thể động đến mình. Servaz nhận ra anh đang tới gần ngọn nguồn của mọi việc. Qua nhiều năm, bọn họ đã tạo ra một dạng giáo phái, sống biệt lập ở khu vực hoang vắng này của dãy Pyrenees, nơi âm thanh của thế giới bên ngoài chỉ chạm tới qua tivi và báo chí. Họ bị cô lập hoàn toàn cả về mặt địa lý và tâm lý khỏi phần còn lại của nhân loại và thậm chí khỏi người bạn đời của mình, nguồn gốc của những cuộc ly hôn và thù ghét thâm căn cố đế.

Cho đến khi hiện thực bắt kịp họ. Cho đến khi giọt máu đầu tiên đổ xuống.

Khi việc xảy ra, cả nhóm rã đám, khiếp sợ, giống như đàn chim sáo đá vụt bay tán loạn. Và họ bị vạch trần bản chất, những tên thất bại, đốn hèn, đáng khinh và kinh tởm. Như những bạo chúa bị phê truất khỏi ngôi vương.

Không còn là chứng nhân vĩ đại của những tội ác không bị phát giác kia nữa, núi non đã trở thành sân khấu của sự trừng phạt. Giờ thì có người đang đòi lại công lý. Hẳn là ai? Và đang trốn ở đâu?

Gilles Grimm.

Serge Perrault.

Gilbert Mourrenx.

Và Roland Chaperon.

‘Câu lạc bộ’ của Saint-Martin.

Có một câu hỏi đang xoáy sâu vào tâm trí anh. Chính xác thì bản chất tội ác của bọn họ là gì? Bởi không còn nghi ngờ nữa, Ziegler đã đúng, vụ tống tiền của họ với cô gái kia chỉ là bề nổi của tảng băng trôi, và giờ anh kinh hãi phát hiện ra những gì nằm bên dưới. Đồng thời, anh cũng cảm nhận được có khúc mắc ở đâu đó, có một chi tiết không khớp với toàn cảnh. Nó quá đơn giản, quá hiển nhiên. Có một tấm bình phong chưa lộ diện, mà sự thật được giấu đằng sau.

Servaz đi tới cửa sổ tầng hầm nhìn ra khu vườn tối tăm. Bên ngoài trời tối đen như mực.

Hung thủ ở ngoài, chờ thực thi công lý. Trong đêm, chúng đã sẵn sàng công kích. Rõ ràng chúng cũng đang tìm kiếm Chaperon, như anh và Ziegler. Ông thị trưởng đang trốn ở đâu? Rất xa xôi, hay chỉ ngay gần đây?

Đột nhiên, một câu hỏi khác tấn công anh. Câu lạc bộ những kẻ bắt lương này chỉ bao gồm bốn người đàn ông trong bức ảnh, hay còn thành viên nào khác nữa?

Về tới nhà, Espérandieu gặp cô trông trẻ ở phòng khách. Cô ta đứng lên, vẻ miễn cưỡng, có lẽ hy vọng kiếm được nhiều tiền công hơn, hoặc đang xem dở phim *House* không dứt ra được. Sinh viên Luật năm đầu với một cái tên ngoại lai kiểu như Barbara, Marina hay có lẽ là Olga gì đó, cậu nhớ mang máng. Lyudmila? Stella? Vanessa? Cậu từ bỏ việc gọi tên riêng của cô ta và trả hai giờ tiền công. Cậu cũng thấy một lời nhắn

của Charlene kẹp dưới miếng nam châm trên tủ lạnh: *Triển lãm cá nhân. Em sẽ về muộn. Hôn anh.* Cậu lấy một chiếc bánh kẹp pho mát ra khỏi tủ lạnh, bỏ vào lò vi sóng rồi cầm laptop trên bàn bếp. Có vài tin nhắn trong hộp thư, có cả của kleim162. Nhan đề thư là: *Re: Nhiều nghi vấn về L. Espérandieu* đóng cửa bếp, bật album *The Age of the Understatement* của The Last Shadow Puppets, kéo ghế ra và bắt đầu đọc.

“Này Vince,

Đây là những kết quả ban đầu anh điều tra được. Không có tin sốt dẻo, nhưng có vài điểm nho nhỏ khắc họa một chân dung khác về Eric Lombard, khá khác so với hình ảnh công chúng vẫn biết đến. Cách đây không lâu, trong một diễn đàn tỉ phú ở Davos, chàng trai của chúng ta đã nhận xét về toàn cầu hóa y như Percy Barnevik, cựu chủ tịch tập đoàn ABB Thụy Điển từng nhận định, “Tôi xin định nghĩa toàn cầu hóa là tập đoàn của tôi được tự do đầu tư ở bất cứ đâu, bất cứ lúc nào, sản xuất bất cứ hàng hóa gì, mua và bán tại bất cứ thị trường nào, và chỉ tuân thủ ở mức tối thiểu sự hạn chế của các điều luật trong luật lao động và quy ước xã hội/Đây cũng là tín ngưỡng mà đa số CEO của các tập đoàn đa quốc gia tán thành.”

“Để hiểu được áp lực ngày càng lớn mà những tập đoàn này tạo ra đối với các chính phủ, chỉ cần biết rằng đầu thập niên 1980 có gần 7.000 tập đoàn đa quốc gia trên toàn thế giới, cho đến năm 1990 là 37.000, và hiện tại sau mười lăm năm, có hơn 70.000 tập đoàn, kiểm soát 800.000 công ty con và 70% dòng chảy thương mại của thế giới. Xu hướng này chỉ tăng lên chứ không giảm. Thế giới chưa bao giờ giàu có đến thế đồng thời sự giàu có chưa bao giờ lại được phân bố mất cân bằng đến thế. Số tiền CEO của Disney kiếm được nhiều gấp 300.000 lần so với một công nhân sản xuất áo thun cho một công ty ở Haiti. Mười ba thành viên hội đồng quản trị của AIR, trong có Eric Lombard, năm ngoái có mức thu nhập là 10 triệu euro mỗi người, nói cách khác, gấp đôi tổng tiền lương của 6.000 công nhân làm việc tại một trong những nhà máy của tập đoàn này ở châu Á.”

Espérandieu nhíu mày. Phải chăng kleim162 đang định cải tổ toàn bộ kiên thức về chủ nghĩa tự do trong đầu cậu? Cậu biết rằng người này theo bản năng sẽ nghi ngờ tất cả, từ cảnh sát, chính trị gia cho đến các tập đoàn đa quốc gia, và rằng anh ta không chỉ là một nhà báo mà còn là thành viên của Tổ chức Hòa bình Xanh và Tổ chức Theo dõi Nhân quyền, rằng anh ta đã đến Genoa và Seattle trong lúc người ta tiến hành những cuộc biểu tình phản đối toàn cầu hóa xung quanh hội nghị thượng đỉnh G8. Anh ta đã ở Genoa năm 2001 khi cảnh sát Ý xông vào trường Diaz, chỗ ngủ của những người biểu tình, đánh đập họ tàn nhẫn tới mức tường và sàn trường học lênh láng máu. Rốt cuộc khi xe cứu thương đến thì đã có 1 người chết, 600 người bị thương, và 281 người bị bắt.

“Éric Lombard được chuẩn bị để tiếp quản sản nghiệp của gia đình từ một vị trí ở công ty kinh doanh đồ thể thao thuộc tập đoàn. Một thương hiệu mà tất cả lũ trẻ đều biết đến nhờ vô số nhà vô địch đã sử dụng. Anh ta đã thành công bằng việc tăng gấp đôi lợi nhuận của công ty trong vòng năm năm. Anh ta làm thế nào? Bằng cách phát triển một ‘nghệ thuật’ nhà thầu phụ đáng nể. Thời điểm ấy, giày dép, áo thun, quần soóc và các thiết bị thể thao khác vốn đang được sản xuất tại Ấn Độ, Indonesia và Bangladesh, chủ yếu sử dụng lao động nữ và trẻ em. Éric Lombard đi tới và thay đổi các hợp đồng sẵn có. Hiện tại, để duy trì được giấy phép sản xuất, nhà cung cấp phải tuân thủ những điều kiện hà khắc, không bãi công, chất lượng hoàn mỹ và chi phí sản xuất thấp tới mức các nhân công của họ chỉ nhận được một khoản rẻ mạt. Để duy trì áp lực, các điều kiện cấp phép này được kiểm tra định kì hàng tháng. Một thủ đoạn mà các đối thủ cạnh tranh của anh ta cũng đã sử dụng từ trước. Nhưng kể từ khi anh ta thi hành chính sách này, công ty đã trở nên thịnh vượng hơn bao giờ hết.”

Espérandieu cúi xuống. Cậu nhìn ngắm chiếc áo thun đang mặc, trang trí bằng dòng chữ ‘Cạnh tôi là một thằng ngốc’, với một mũi tên chỉ sang trái.

“Một ví dụ khác nhé? Năm 1996, công ty y dược của tập đoàn này mua lại một công ty từng phát triển eflornithine của Mỹ, loại thuốc duy nhất có hiệu quả đối với bệnh trùng mũi khoan châu Phi, thường được gọi là bệnh ngủ. Một dịch bệnh tấn công 450.000 người ở châu Phi và nếu không được điều trị, bệnh nhân có thể bị viêm não, hôn mê và tử vong. Tập đoàn Lombard ngay lập tức ngừng sản xuất loại thuốc này. Tại sao? Lợi nhuận thấp. Bệnh dịch mặc dù lây nhiễm cho hàng trăm nghìn người, nhưng họ không phải những khách hàng có sức mua thực tế. Những nước như Brazil, Nam Phi và Thái Lan quyết định sản xuất các loại thuốc chống AIDS hoặc viêm màng não trước sự cấp bách của việc cứu người vì mục đích nhân đạo, bất chấp thực tế các bằng sáng chế này thuộc về các công ty dược phẩm lớn, thế nên Lombard gia nhập lực lượng phát đơn kiện những quốc gia kia tại Tổ chức Thương mại Thế giới. Ở thời điểm ấy, Lombard bố đã gần đất xa trời, và ở tuổi 24, Eric chính là người cầm cương của tập đoàn. Như thế, cậu đã nắm bắt được anh chàng phiêu lưu đẹp trai của chúng ta ở một khía cạnh khác, cùng người tình truyền thông của chàng chưa?”

Bởi thế, Lombard hẳn là không thiếu kẻ thù, Espérandieu nghĩ, thật đáng buồn. Cậu bỏ qua vài trang ít nhiều vẫn là những việc tương tự, dự tính sẽ đọc lại sau. Tuy vậy, cậu ngừng lại để xem kỹ một đoạn ngay bên dưới.

“Với cậu thì khía cạnh thú vị nhất có thể là xung đột gay gắt giữa Tập đoàn Lombard và các công nhân ở nhà máy Polytex, gần biên giới Bỉ vào tháng Bảy năm 2000. Đầu thập niên 1950, Polytex chuyên sản xuất một trong những loại sợi tổng hợp đầu tiên tại Pháp, họ thuê 1.000 công nhân. Cuối thập niên 1990, chỉ còn 160 công nhân. Năm 1991, nhà máy được một tập đoàn đa quốc gia mua lại và gần như ngay lập tức bị chuyển giao cho một công ty giải cứu khác, vì Polytex không còn khả năng sinh lời trước sự cạnh tranh của các loại sợi có chi phí thấp hơn, mặc dù nó có chất lượng vượt trội, có thị trường tiêu thụ, có khả năng cung cấp những vật liệu hoàn hảo

dùng trong phẫu thuật. Cuối cùng, sau một loạt các công ty giải cứu, một công ty con của Tập đoàn Lombard đã xung phong tiến lên.

Đối với các công nhân, việc một tập đoàn đa quốc gia quy mô lớn như Lombard gia nhập lĩnh vực dược phẩm, y tế và sản xuất dụng cụ phẫu thuật, dường như là giấc mơ thành hiện thực. Họ muốn tin tưởng. Họ vẫn thường bị đe dọa đóng cửa ở những lần giải cứu trước, đóng băng tiền lương, bắt buộc làm việc ngoài giờ bao gồm cả cuối tuần và ngày nghỉ. Nhưng hóa ra Lombard cũng không khác gì, ban đầu, anh ta còn yêu cầu họ phải nỗ lực nhiều hơn. Trên thực tế, tập đoàn này mua nhà máy vì một mục đích duy nhất, lấy được bằng sáng chế. Vào ngày mùng 5 tháng Bảy năm 2000, Tòa án Thương mại tại Charleville-Mézières đưa ra phán quyết bắt buộc nhà máy tuyên bố phá sản. Đối với các công nhân thì đây là một đòn đánh khủng khiếp. Điều này đồng nghĩa với việc sa thải nhân công, dừng mọi hoạt động sản xuất và thanh lý toàn bộ thiết bị. Các công nhân Polytex tức giận đến nỗi họ quyết định lấy nhà máy làm con tin, và tuyên bố sẵn sàng cho nó nổ tung cùng với mọi thứ bên trong và đổ 50.000 lít axit sulphuric xuống sông Meuse nếu các yêu sách của họ không được xem xét. Họ ý thức rất rõ vũ khí mình nắm giữ, nhà máy được xếp vào loại nguy hiểm theo 'Hướng dẫn Seveso'*. Nó chứa một lượng lớn các hóa chất cực độc mà trong trường hợp cháy nổ, có thể gây ra một thảm họa còn tồi tệ hơn thảm họa AZF ở Toulouse* năm 2001.

Các cơ quan chức năng ngay lập tức quyết định di tản dân cư ở thị trấn gần đó, hàng trăm cảnh sát bố ráp quanh hiện trường và Tập đoàn Lombard được lệnh tiến hành đàm phán trực tiếp với sự giúp đỡ của các nghiệp đoàn. Sự việc kéo dài năm ngày. Khi không có tiến triển gì, vào ngày 17 tháng Bảy, các công nhân đã đổ 5.000 lít axit sulphuric, với màu đỏ đặc trưng, xuống một con suối dẫn vào dòng Meuse. Họ đe dọa sẽ tiếp tục làm thế cứ hai tiếng một lần.

Chính trị gia, lãnh đạo và thành viên các nghiệp đoàn đã lên án đây là hành động 'khủng bố hệ sinh thái không thể bào chữa'. Một tờ báo buổi tối giật cái tit nguy hiểm chết người, 'Sự Giáng thế của Chủ

nghĩa Khủng bố Xã hội' và nhắc tới cả 'phiến quân cảm tử Taliban'. Còn mĩa mai hơn khi biết Polytex chính là một trong những nguồn gây ô nhiễm lớn nhất tới dòng Meuse và toàn vùng trong hàng thập kỉ. Cuối cùng, ba ngày sau, nhà máy bị phong tỏa bởi lực lượng đặc biệt GIGN và cảnh sát chống bạo động CRS. Các công nhân thất thểu về nhà, hoàn toàn trắng tay. Cậu có thể hình dung vài người trong số họ vẫn chưa thể chấp nhận nổi thực tế.

Đây là tất cả những gì anh tìm được cho đến lúc này. Anh sẽ tiếp tục đào xới. Chúc ngủ ngon, Vince."

Espérandieu nhú mày. Nếu quả thực liên quan đến vụ này, thì tại sao lại là bây giờ? Sau tám năm? Có công nhân nào bị vào tù không? Hay sau vài năm thất nghiệp, họ đã kết liễu cuộc đời, bỏ lại gia đình ngập trong uất hận? Cậu chú thích lại để lưu ý tìm câu trả lời.

Espérandieu xem giờ ở góc màn hình, 19:13. Cậu tắt laptop và đuổi người trên ghế rồi đứng dậy, lấy một chai sữa trong tủ lạnh. Ngôi nhà yên ắng. Megan đang chơi trong phòng, Charlène phải vài giờ nữa mới có mặt ở nhà, người trông trẻ đã về. Cậu tựa vào bồn rửa và uống một viên thuốc an thần. Cậu chiêu thuốc nhờ một ngụm sữa uống thẳng từ chai. Bất thần nhớ ra, cậu tìm tên nhà sản xuất trên hộp thuốc, và bắt gặp một thực tế phũ phàng. Để xoa dịu nỗi hoang mang chợt còn lên trong lòng khi biết về những hành vi của Tập đoàn Lombard, cậu lại đi uống một trong chính những viên thuốc do họ sản xuất ra!

Cậu tự hỏi có thể tìm hiểu thêm về Lombard bằng cách nào, và bỗng dưng nhớ ra một người quen ở Paris, một cô gái trẻ thông minh mà cậu biết từ hồi học ở trường cảnh sát và là người chắc chắn có địa vị thích hợp để thu được những thông tin đáng giá.

"Martin, đến xem này."

Họ đã quay lại lục soát từng tầng một. Servaz bắt đầu từ một căn phòng nhỏ, mà dựa vào lớp bụi dày, anh biết đã rất lâu không có người ở. Anh mở tủ và ngăn kéo, nhấc nệm và gối lên, thậm chí còn đang cố

gỡ tấm kim loại chắn trước lò sưởi thì giọng Ziegler một lần nữa vọng tới chỗ anh qua cánh cửa mở.

Anh leo tới đầu cầu thang tầng trên cùng. Đối diện với anh, ở phía bên kia hành lang, là một cái thang có tay vịn giống như trên một con tàu. Và một cửa sập mở ra ngay bên trên. Một dải ánh sáng rơi xuống từ cái lỗ đang ngoác miệng và xuyên qua bóng tối trên hành lang.

Servaz trèo lên những thanh ngang của chiếc thang và thò đầu qua lỗ hổng.

Ziegler đang đứng giữa một căn phòng và ra hiện cho anh lại gần.

Căn gác mái là một căn phòng rộng lớn bên dưới những thanh rầm, vừa là phòng ngủ vừa là phòng làm việc. Servaz rướn người và đặt chân lên sàn. Nội thất và thiết kế giống như những gì ta có thể thấy ở một căn nhà gỗ điển hình trên núi, gỗ thô, một cái tủ quần áo, một cái giường có ngăn kéo bên dưới cửa sổ, một cái bàn trà được dùng để làm việc. Trên một mặt tường treo bản đồ Pyrenees cỡ lớn, với thung lũng, làng mạc, đường sá và núi non. Ngay từ đầu, Servaz đã thắc mắc rằng Chaperon ngủ ở đâu, vì không phòng ngủ nào dưới nhà có vẻ có hơi người, giờ anh đã tìm thấy câu trả lời, chính tại đây, ngay trước mắt anh.

Ziegler nhìn khắp xung quanh, Servaz cũng vậy. Cái tủ đang mở. Mắc áo trông không lộn xộn bên trong, một chòong quần áo nằm vắt vưởng trên sàn.

Trên bàn, giấy tờ bừa bãi, và dưới giường, một cái ngăn kéo để mở, lộ ra một mớ đồ lót nam.

“Tôi lên đã thấy như vậy rồi,” Ziegler lẩm bẩm. “Chuyện gì đã xảy ra vậy?”

Servaz nhận thấy một chi tiết mà lúc đầu anh không để ý, trên bàn, giữa đồng giấy tờ, có một hộp đạn, đang mở... Trong lúc vội vã, Chaperon đã đánh rơi một viên đạn trên sàn.

Họ nhìn nhau.

Ông thị trưởng đã bỏ chạy, như thể bị ác quỷ bám gót.

Ông ta lo sợ cho mạng sống của mình.

Bây giờ tối. Diane bỗng thấy đói ngấu và vội vã đi tới cái căng tin nhỏ bé nơi cô chắc chắn sẽ tìm thấy bữa tối cho số ít cán bộ ở lại. Trên đường đi, cô chào hỏi hai bảo vệ đang dùng bữa tại một chiếc bàn gần cửa, rồi cầm lên một cái khay.

Cô băn khoăn khi nhìn qua lớp kính trưng bày và thấy những món ăn nóng hổi được dọn ra, gà và khoai tây chiên. Cô sẽ phải xem xét lại nếu muốn có một chế độ ăn hợp lý và không trở về nhà với mười cân thịt thừa khi rời Viện. Để tráng miệng, cô lấy một ít salad hoa quả. Cô ngồi bên cửa sổ và ngắm nhìn cảnh đêm bên ngoài. Những chiếc đèn nhỏ đặt xung quanh tòa nhà chiếu sáng lớp tuyết dưới gốc những cây lãnh sam tạo nên một khung cảnh kì diệu.

Khi hai bảo vệ rời đi, cô chỉ còn một mình trong căn phòng im ắng, thậm chí nhân viên đằng sau quầy hàng cũng đã biến đâu mất, khiến một cảm giác buồn bã xen lẫn nghi ngờ choán lấy cô. Hồi sinh viên, cô đã từng ở một mình một phòng không ít lần, để học và làm việc khi những người khác bỏ lại ngôi trường vắng ngắt và tới các quán rượu, câu lạc bộ ở Geneva. Chưa bao giờ cô có cảm giác xa nhà đến thế. Đơn độc quá chừng. Lạc lối quá chừng. Mỗi tối đều như vậy, ngay khi màn đêm buông xuống.

Cô giận dữ nhủ thầm phải tự chủ. Chuyện gì đang xảy ra với sự minh mẫn, với những kiến thức về tâm sinh lý con người của cô vậy? Phải chăng cô không thể tự đánh giá bản thân mình tốt hơn, thay vì chịu thua trước cảm xúc? Phải chăng chỉ đơn giản là cô không tương thích với nơi này? Cô biết cái phương trình cơ bản: không tương thích = đau lòng = lo âu. Cô phẩy tay như thể muốn gạt cơn sóng lòng sang một bên. Cô biết tại sao mình lại dễ dàng xuống tinh thần đến vậy. Không phải tại cô, mà là tại những chuyện đang xảy ra ở đây. Tâm trí cô không

thể thanh thản cho tới khi biết ngọn nguồn mọi chuyện. Cô đứng lên và đặt khay của mình lên cái băng chuyen nhỏ bé. Những dây hành lang cũng vắng lặng không khác gì căng tin.

Cô rẽ vào góc hành lang dẫn tới văn phòng của mình và sững người. Ổn lạnh tới tận ruột gan. Xavier ở đó. Anh ta đang chậm rãi đóng cửa văn phòng của cô, liếc mắt sang phải rồi sang trái. Cô nhanh chóng co mình lại sau bức tường, và thở phào nhẹ nhõm khi nghe tiếng anh ta đi khuất về phía đối diện.

Băng cát xét.

Là thứ tiếp theo khiến anh chú ý. Giữa đồng giấy tờ bừa bộn trên bàn làm việc của thị trưởng là những cuốn băng cát xét thu thanh đã lỗi thời mà không ai còn dùng nữa, nhưng có vẻ Chaperon vẫn gìn giữ cẩn thận. Servaz nhặt chúng lên và đọc các nhãn dán, CHIM HÓT 1, CHIM HÓT 2, CHIM HÓT 3. Anh đặt chúng xuống. Anh cũng thấy một chiếc đài nhỏ chạy cát xét ở góc phòng.

Người leo núi, tiếng chim hót, người đàn ông này thực sự rất say mê thiên nhiên. Và những món đồ quá cũ kĩ, ảnh cũ, băng cát xét cũ... Tất cả trong một ngôi nhà cũ, còn gì có thể bình thường hơn không?

Tuy vậy, đâu đó sâu trong tâm trí anh, chuông báo động đang réo vang. Và nó có liên quan tới những đồ vật trong căn phòng này. Chính xác hơn, có liên quan tới tiếng chim hót. Ý nghĩa của nó là gì? Anh thường có khuynh hướng tin tưởng trực giác của mình, hiếm khi nó cảnh báo anh vô cớ. Anh vắt óc suy nghĩ, nhưng không thu hoạch được gì. Ziegler thì gọi cho sen đầm, bảo họ tới phong tỏa ngôi nhà và mang theo giấy phép.

“Chúng ta đang đến gần sự thật,” cô nói khi đã cúp máy.

“Phải,” anh nghiêm nghị đồng ý. “Nhưng rõ ràng chúng ta không phải là những người duy nhất.”

Một lần nữa, anh có thể cảm thấy nỗi sợ hãi đang còn lên trong lòng. Đến lúc này, anh gằn như có thể chắc chắn, bộ tứ Grimm-Perrault-Chaperon-Mourrenx cùng với ‘những chiến công’ trước đây của họ

chính là nút thắt của cuộc điều tra. Nhưng kẻ giết người, hoặc những kẻ giết người, phải đi trước họ ít nhất hai bước. Không giống như Ziegler và anh, chúng biết mọi điều cần biết, và đã biết từ rất lâu rồi. Nhưng Hirtmann và con ngựa của Lombard thì liên quan gì tới tất cả những chuyện này? Một lần nữa, Servaz tự nhủ rằng có điều gì đó anh chưa nhìn ra.

Họ trở xuống và ra hiên trước. Đêm lạnh và ẩm ướt. Những hàng cây hắt bóng ra xung quanh khiến khu vườn trở nên u tối. Tiếng cửa kẻo kẹt văng vẳng. Trong lúc chờ đợi, Servaz tự hỏi tại sao băng cát xét thu tiếng chim hót lại ám ảnh anh đến vậy. Anh lấy những cuốn băng ra khỏi túi áo và đưa chúng cho Ziegler.

“Cử người nghe cái này. Không chỉ vài giây đầu tiên. Mà là toàn bộ.”

Cô ngạc nhiên nhìn anh.

“Tôi muốn biết trong băng có thực sự là tiếng chim không. Hay cái gì khác.”

Di động của anh rung lên trong túi áo. Anh lấy ra và nhìn tên người gọi, Antoine Canter, sếp anh.

“Servaz nghe,” anh đi xuống bậc thềm, chân giẫm lên tuyết trong vườn.

“Martin? Antoine đây. Vilmer muốn gặp cậu.”

Vilmer là giám đốc Cục cảnh sát hình sự Toulouse. Một người Servaz không thích, và lão ta cũng chẳng ưa anh. Theo quan điểm của Vilmer, Servaz chỉ là loại cảnh sát hết thời, từ chối cách tân phương pháp điều tra, đề cao chủ nghĩa cá nhân, làm việc theo bản năng, và không chịu tuân thủ các chỉ thị mới nhất từ Bộ. Những bề tôi của nhân dân mà Vilmer hằng mơ ước phải là những người dễ uốn nắn, được huấn luyện đầy đủ, luôn luôn nghe lời, và có thể thay thế nhau.

“Ngày mai tôi sẽ ghé qua,” anh nói, liếc nhìn Ziegler đang đợi ở cổng.

“Không. Vilmer muốn cậu đến văn phòng giám đốc ngay tối nay. Ông ta đang đợi cậu. Đừng có giở trò đấy, Martin. Cậu có hai tiếng để trình diện.”

Servaz lập tức rời Saint-Martin. Đã hơn 8 giờ tối. Nửa tiếng sau, anh

tách khỏi tỉnh lộ 825 để rẽ sang A64. Anh bỗng thấy mỗi một vô cùng khi lao đi trên xa lộ và chói mắt trước ánh đèn pha của những chiếc xe đi ngược chiều. Anh tấp vào một khu vực dịch vụ, mua một cốc cà phê ở máy bán hàng rồi lấy một lon Red Bull ở chiếc tủ lạnh to tướng, trả tiền tại quầy, giặt nắp và tu hết sạch trong lúc liếc nhanh các bìa tạp chí và tiêu đề báo trên giá trưng bày trước khi trở lại xe.

Servaz về đến Toulouse giữa lúc mưa phùn đang tới tấp đổ xuống. Anh chào nhân viên an ninh, đỗ xe và vội vã đi vào thang máy. Đã 9 giờ rưỡi, anh nhấn nút lên tầng thượng. Thông thường Servaz vẫn tránh đến nơi này. Những dãy hành lang luôn gợi anh nhớ lại khoảng thời gian làm việc ở đây hồi mới vào ngành. Tổng cục Cảnh sát Quốc gia toàn những người mà hiểu biết về cảnh sát chỉ dừng ở các báo cáo vô hồn, và luôn né tránh các kiến nghị của cảnh sát như né virus Ebola. Thời điểm này trong ngày, hầu hết nhân viên đã về nhà, các phòng làm việc đều vắng ngắt. Anh so sánh sự yên lặng ở đây với không khí thường xuyên hỗn loạn vì căng thẳng lan khắp tầng lầu tại chỗ làm việc của mình. Đương nhiên, Servaz cũng đã gặp gỡ không ít những người làm việc hiệu quả và có năng lực ở Tổng cục. Họ không phải loại phô trương. Thậm chí còn rất ít người biết đeo cà vạt hợp thời trang. Anh mỉm cười nhớ lại học thuyết của Espérandieu. Cậu cho rằng một khi sở hữu số lượng com lê và cà vạt nhất định tính trên mét vuông, người ta sẽ bước vào một vùng gọi là 'vùng năng lực loãng', có thể chia nhỏ thành những vùng 'quyết định ngớ ngẩn', 'cái rốn vũ trụ' hay 'ẩn núp'.

Anh xem đồng hồ và quyết định để Vilmer đợi thêm năm phút nữa. Không phải lúc nào cũng có cơ hội cho một kẻ ích kỷ như Vilmer tha thân chờ đợi. Anh tranh thủ đi tới phòng cà phê và thả một đồng xu vào cái máy. Hai người đàn ông và một phụ nữ đang ngồi tán gẫu quanh một chiếc bàn. Khi anh đi vào, âm lượng của cuộc đối thoại giảm xuống vài decibel, một trong số họ hạ giọng nói đùa một câu. Khiếu hài hước, Servaz nghĩ. Một lần vợ cũ của anh đã chê anh thiếu hài hước. Có lẽ cũng đúng. Nhưng điều đó đâu có nghĩa là anh không thông minh như người khác? Không, cứ thử đếm số thằng đàn làm việc trong lĩnh vực này đi rồi sẽ thấy. Nhưng thiếu hài hước hẳn là biểu hiện của một điểm

yếu về tâm lý. Anh sẽ hỏi Propp. Servaz bắt đầu thích tay bác sĩ tâm lý này, dù không ưa cái tính ra vẻ biết tuốt của anh ta.

Khi đã uống hết cốc cà phê không biết thứ bao nhiêu, anh rời khỏi phòng, và cuộc hội thoại tiếp tục. Người phụ nữ sau lưng anh phá lên cười. Một nụ cười giả tạo và khiếm nhã khiến anh khó chịu.

Văn phòng của Vilmer ở cách đó vài mét. Thư kí của lão chào đón Servaz với nụ cười thân thiện.

“Xin mời vào. Ông ấy đang đợi anh.”

Servaz tự nhủ đây không phải dấu hiệu tốt, đồng thời cũng tự hỏi liệu thư kí của Vilmer có được nhận lương làm ngoài giờ hay không.

Vilmer là một gã gầy gò với một nhúm râu dê cắt tỉa gọn ghẽ, mái tóc hớt hoàn hảo và nụ cười uy quyền thường trực trên môi như vết chóc mép cứng đầu. Lão luôn mặc áo sơ mi, cà vạt, com lê và giày hợp thời, với màu sắc thiên hẳn về tông sôcôla, hạt dẻ ngào đường và oải hương. Servaz xem Vilmer như bằng chứng sống của việc một thằng ngu có thể tiến xa tới đâu nhờ vào việc cấp trên của hắn là những thằng ngu khác.

“Ngồi đi,” lão nói.

Servaz ngồi xuống chiếc ghế bành bằng da màu đen. Vilmer có vẻ bực mình, tay đan vào nhau dưới cằm và im lặng đánh giá anh trong giây lát, như thể muốn anh biết là lão đang khó chịu. Biểu cảm này có thể đoạt giải Oscar ở Hollywood được đây. Servaz cũng quan sát lại, rồi mỉm miệng cười. Biểu hiện đó khiến ngài giám đốc giận điên lên.

“Cậu thấy tình huống này hài hước lắm à?”

Giống như mọi người của tổ hình sự đóng tại các địa bàn, Servaz biết Vilmer đã dành toàn bộ sự nghiệp của mình để yên ổn chễm chệ đằng sau bàn làm việc. Ngoại trừ một thời gian ngắn ban đầu làm bên phòng chống tệ nạn xã hội, lão hoàn toàn không biết thế giới ngoài kia trông ra sao. Có tin đồn lão từng là bù nhìn rơm, và là trò tiêu khiển cho đồng nghiệp.

“Không, thưa sếp.”

“Ba vụ giết người trong tám ngày!”

“Hai,” Servaz đĩnh chính. “Hai vụ giết người và một con ngựa chết.”

“Cuộc điều tra tiến triển tới đâu rồi?”

“Chúng tôi đã tiến hành điều tra được một tuần. Sáng nay chúng tôi suýt bắt được tên giết người, nhưng hắn đã trốn thoát.”

“Cậu để cho hắn trốn thoát,” Vilmer nói rành mạch, rồi vội vàng bổ sung, “Confiant đang phàn nàn về cậu.”

Servaz rùng mình, “Ý sếp là gì?”

“Cậu ta than phiền riêng với tôi và với Tòa án tối cao. Ngay lập tức chánh án thông báo cho thư kí Bộ Nội vụ, và thư kí đã gọi cho tôi.” Lão ngừng lại để tạo hiệu ứng, rồi tiếp tục, “Cậu đặt tôi vào tình huống cực kì khó xử, sĩ quan chỉ huy ạ.”

Servaz sửng sốt. Confiant đã lén lút hành động sau lưng d’Humières. Tay thẩm phán này không lãng phí chút thời gian nào.

“Sếp muốn tôi rút khỏi vụ án?”

“Đương nhiên là không,” Vilmer phủ nhận, như thể chưa từng có ý nghĩ ấy. “Phải nói rằng Catherine d’Humières đã biện hộ cho cậu một cách khá hùng hồn. Bà ta nghĩ rằng cậu và Ziegler đang làm rất tốt.”

Vilmer hít vào, như thể quá hao tâm tổn sức khi phải nhắc lại một điều thật ngỡ ngàng, “Nhưng tôi cảnh cáo cậu, nhiều nhân vật quyền lực đang theo dõi vụ này. Chúng ta đang ở tâm bão. Hiện tại thì mọi thứ bình lặng. Nhưng nếu cậu thất bại, sẽ có hậu quả đấy.”

Servaz không thể không mỉm cười. Ngồi trong bộ com lê bảnh bao, Vilmer ra vẻ như chẳng có chuyện gì to tát, nhưng thực chất thì sợ đến vãi ra quần. Bởi lão biết rất rõ rằng ‘hậu quả’ không chỉ liên đới tới riêng các điều tra viên.

“Đây là một vụ án nhạy cảm, đừng quên điều đó.”

Vì một con ngựa, Servaz nghĩ. Bọn họ chỉ quan tâm tới con ngựa. Anh cố kìm nén cơn tức giận.

“Chỉ vậy thôi sao?” Anh hỏi.

“Không. Cái tay... nạn nhân, Perrault, đã gọi điện cầu cứu cậu?”

“Đúng.”

“Sao lại là cậu?”

“Tôi không biết.”

“Cậu không thử can ngăn Perrault đừng lên cấp à?”

“Tôi không có thời gian.”

“Thế còn toàn bộ câu chuyện về các nạn nhân tự tử? Chuyện đó thì liên quan gì?”

“Hiện tại chúng tôi vẫn chưa biết rõ. Nhưng Hirtmann đã gợi ý như thế trong lần chúng tôi gặp nhau.”

“Ý cậu là gì?”

“Hắn... khuyên tôi chú ý tới những vụ tự tử.”

Vilmer nhìn anh với vẻ sững sờ, sững sờ thực sự chứ không hề vờ vịt, “Ý cậu là Hirtmann đang chỉ vẽ cách tiến hành cuộc điều tra?”

Servaz nhú mày, “Nhìn nhận vấn đề như thế thì có hơi... đơn giản thái quá.”

“Đơn giản thái quá?” Vilmer cao giọng. “Tôi có cảm tưởng các cậu đang ôm đồm quá đấy, sĩ quan chỉ huy ạ. Cậu có DNA của Hirtmann, không phải sao? Còn cần thêm gì nữa? Hắn không thể rời khỏi Viện có nghĩa là đang tồn tại một tên tông phạm trong đó. Tìm tên ấy là được!”

Thật là tuyệt khi ngắm nghĩa vụ án từ xa, bỏ qua các chi tiết và bởi thế nhận thấy mọi thứ thật đơn giản, Servaz trầm nghĩ. Nhưng về cơ bản, Vilmer đã đúng.

“Cậu có những manh mối nào rồi?”

“Vài năm trước có một vụ đâm đơn kiện Grimm và Perrault vì tổng tiền. Tổng tiền tình dục.”

“Thì sao?”

“Có vẻ như không phải lần duy nhất họ gây chuyện. Thậm chí có thể họ đã làm điều kinh khủng hơn với các phụ nữ khác. Hoặc với trẻ vị thành niên ... Đây có thể là động cơ mà chúng ta đang tìm kiếm.” Servaz ý thức được lập luận của anh rất thiếu căn cứ, và họ đang có rất ít cơ sở để tiếp tục, nhưng giờ đã quá muộn để lùi bước.

“Trả thù?”

“Có thể.”

Bỗng chốc, anh bị sao lãng bởi một bức tranh trên tường đằng sau Vilmer. Một cái bòn tiếu. Servaz nhận ngay ra tác phẩm của Marcel Duchamp. Triển lãm Dada ở Trung tâm Georges-Pompidou năm 2006. Rõ ràng là nhằm khoe mẽ, như thể muốn chứng minh cho khách khứa thấy rằng mình là một người yêu văn hóa, đam mê nghệ thuật và còn có cả khiếu hài hước.

Vilmer suy nghĩ trong giây lát, “Có mối liên hệ nào với con ngựa của Lombard?”

Servaz ngập ngừng, “Nếu bám theo giả thuyết trả thù, nghĩa là các nạn nhân hẳn đã làm một việc cực kì xấu xa,” anh gần như nhắc lại từng từ mà Alexandra đã nói. “Đặc biệt khi họ là tông phạm. Trường hợp của Lombard, vì không thể trực tiếp làm gì được anh ta, hung thủ đã nhắm vào con ngựa.”

Vilmer đột nhiên tái mặt, “Đừng nói với tôi... đừng nói với tôi là cậu nghi ngờ Éric Lombard dính líu... vào việc...”

“Lạm dụng tình dục,” Servaz giúp Vilmer nói nốt câu, dù ý thức được rằng có thể mình đang đưa mọi chuyện đi quá xa, tuy vậy nỗi sợ hãi anh thoáng thấy trong đôi mắt Vilmer không khác nào một liều thuốc kích thích. “Không, hiện tại thì chưa có dấu hiệu nào khả nghi. Nhưng chắc chắn anh ta phải liên quan gì đó với những người kia, phải có một mắt xích nối anh ta với các nạn nhân.” Ít nhất anh đã thành công ở một việc, là làm Vilmer ngậm miệng.

Ra khỏi văn phòng Tổng cục, Servaz tiến về trung tâm cổ kính của thành phố. Anh không muốn về nhà. Chưa phải lúc này. Anh cần trút gánh nặng và cơn giận dữ mà một kẻ như Vilmer đã khơi lên trong anh. Vẫn đang mưa phùn và anh không đem theo ô, nhưng anh chào đón cơn mưa như trời ban phúc lành. Như thể nó đang gột rửa anh khỏi vũng bùn dơ dáy anh vẫn đắm chìm trong mấy ngày qua.

Anh để mặc bước chân đưa mình tới phố Taur và dừng lại bên ngoài lối vào bằng kính được thắp sáng rực rỡ dẫn tới chỗ làm của Charlene,

phòng trưng bày nghệ thuật của vợ cậu trợ lý. Phòng trưng bày dài, hẹp và chiếm hai tầng lầu, có thể thấy nội thất màu trắng hiện đại qua những khung cửa sổ lớn. Sự tương phản rõ nét với mặt tiền bằng gạch đỏ cũ kĩ của những ngôi nhà xung quanh.

Có rất nhiều người bên trong. Một buổi trưng bày cá nhân. Đang định đi tiếp, anh bỗng ngẩng đầu lên và thấy Charlene Espérandieu đang vẫy tay với mình từ tầng hai. Anh hồ hững đi vào. Quần áo và tóc tai nhỏ giọt, đôi giày sũng nước để lại một vệt ướt dài trên sàn gỗ sáng màu, nhưng anh thu hút ít ánh mắt tò mò hơn anh tưởng. Tất cả những khuôn mặt này đang cố gắng tỏ ra đặc biệt, hiện đại và cởi mở, hay ít nhất là họ nghĩ như vậy. Ngoài mặt, họ có vẻ phóng khoáng và hiện đại, nhưng còn sâu bên trong thì sao? Luôn chỉ chăm chăm theo nguyên tắc của chính họ và bài xích những luồng tư tưởng khác.

Hướng về cầu thang xoắn bằng kim loại ở phía sau, anh bị lóa mắt trước sắc trắng của không gian và những chùm sáng hắt lại từ hệ thống đèn sân khấu trên đầu. Anh đang định đặt chân lên bậc đầu tiên thì một bức tranh khổng lồ treo trên bức tường phía sau khiến anh chú ý và hoàn toàn câm nín.

Bức tranh cao gần 4 mét, tái hiện cảnh đóng đinh câu rút với nền lam nhờ nhờ. Đằng sau thập giá là bầu trời giông gió, với những đám mây bị sấm chớp xé toạc. Trên thập giá, Chúa Jesus được thay bằng một người đàn bà chữa. Đầu cô ta ngoặt sang một bên và đang khóc ra máu. Máu đỏ tươi cũng chảy ra từ vòng gai đội trên vầng trán xanh xao. Không chỉ bị đóng đinh lên thập giá, ngực cô ta còn bị xẻo đứt, để lại hai vết thương đâm máu đỏ lôm. Hai con người trắng sữa, trong mờ như bị đục thủy tinh thể.

Servaz giật lùi. Chủ nghĩa hiện thực và tính bạo lực trong bức tranh quá sức kinh khủng. Loại người điên rồ nào đã tạo nên một tác phẩm thế này? Tại sao người ta lại bị mê hoặc trước bạo lực đến vậy? Hàng loạt hình ảnh gây sốc trên truyền hình, phim ảnh và sách báo, có phải một cách để ngăn chặn nỗi sợ hãi hay không? Hầu hết các nghệ sĩ chỉ biết đến bạo lực theo cách gián tiếp và trừu tượng chứ chưa từng đối mặt với nó. Trong khi đó, cảnh sát phải giáp mặt với những hiện

trường vụ án quá sức chịu đựng, lính cứu hộ phải kéo xác nạn nhân ra khỏi đống xe cộ vỡ nát, thậm chí phán ngày này qua ngày khác phải xem xét những vụ án tàn bạo... nếu để những người này sáng tác thì ai biết được họ sẽ tạo nên tác phẩm gì? Liệu có phải là cùng một thứ bạo lực kinh tởm ấy, hay là thứ gì khác hẳn?

Các bậc thang kim loại khẽ rung lên theo từng bước chân anh. Charlene đang tán gẫu với một người đàn ông bảnh bao tóc bạc mượt mà mặc com lê may riêng. Cô ngừng lại để ra hiệu cho Servaz đến gần, rồi giới thiệu họ với nhau. Servaz hiểu rằng người đàn ông này, một giám đốc ngân hàng, là một trong những khách hàng quan trọng của phòng trưng bày.

“Được rồi, tôi sẽ xuống gác để thưởng thức triển lãm tuyệt vời này,” ông ta nói. “Một lần nữa, chúc mừng cô về khiếu thẩm mỹ hoàn hảo của mình, Charlene thân mến. Tôi không biết bằng cách nào, mà lần nào cũng vậy, cô đều có thể tìm ra những nghệ sĩ vô cùng tài năng.”

Người đàn ông đi khuất. Servaz tự hỏi liệu ông ta có nhìn anh lấy một lần không, hay thậm chí còn chẳng nhận biết tình trạng của anh. Đối với những người như ông ta, Servaz không tồn tại. Charlene hôn lên má Servaz, anh ngửi thấy mùi phúc bồn tử và vodka trong hơi thở của cô. Cô lộng lẫy trong chiếc đầm bầu màu đỏ bên trong áo da ngắn màu trắng, và đôi mắt, cũng như chuối hạt trên cổ, sáng ngời lấp lánh.

“Trời đang mưa hả,” cô nhìn anh, nở nụ cười dịu dàng.

Cô xòe tay về phía những bức tranh. “Anh hiếm khi đến đây. Em rất vui vì anh đã tới, Martin. Anh thích không?”

“Nó có hơi... không thoải mái,” anh trả lời.

Cô cười vang, “Nghệ danh của họa sĩ là Mentopagus. Chủ đề của triển lãm là Tàn nhẫn.”

“À, nếu vậy thì nó rất thành công đấy,” anh đùa.

“Trông anh không ổn lắm, Martin.”

“Xin lỗi, tôi không nên vào đây trong tình trạng này.”

Cô xua tay gạt đi lời xin lỗi của anh, “Ở đây, nếu có thêm một con mắt giữa trán cũng chẳng khiến ai chú ý cả. Những người này chỉ nghĩ

đến việc con người họ tiên phong, tân tiến, hiện đại, và phá cách thế nào thôi. Họ nghĩ mình đẹp đẽ trong tâm hồn, và đẹp hơn đứt những người khác...”

Anh ngạc nhiên trước sự cay đắng trong giọng Charlène và liếc nhìn chiếc ly đầy đá của cô. Có lẽ là tác dụng của cồn.

“Sự khuôn sáo của giới nghệ sĩ vị kỉ,” anh nói.

“Nếu khuôn sáo trở thành khuôn sáo, thì chính là bởi chúng hàm chứa một sự thật quan trọng,” cô phản biện. “Trên thực tế, em thấy chỉ có hai người thực sự mang vẻ đẹp trong mình,” cô lẩm bẩm như tự nhủ. “Vincent, và anh. Hai cảnh sát. Thế nhưng anh luôn giấu nhem vẻ đẹp đi.”

Servaz bất ngờ trước lời thổ lộ của cô. Anh không ngờ cô sẽ nói như vậy.

“Em ghét nghệ sĩ,” đột nhiên cô nói, giọng run rẩy.

Hành động tiếp theo của Charlène còn gây bất ngờ hơn. Cô ngả người tới trước và một lần nữa hôn lên má anh, nhưng lần này dừng ở khóe môi. Đầu ngón tay cô len lén chạm vào môi anh. Hai cữ chỉ thân mật dù dè dặt nhưng khiến anh ngỡ ngàng. Rồi cô bước xuống và đi mất. Gót giày cô vang lách cách trên những bậc thang kim loại.

Tim Servaz đập loạn. Đầu óc anh quay cuồng. Một phần sàn nhà được rải sỏi, trát vữa và đá cuội, anh tự hỏi là một tác phẩm nghệ thuật hay là một công trường. Trên bức tường trắng đối diện anh là bức tranh hình vuông vẽ vô số nhân vật tí hon tụ lại dày đặc thành một đám đông nhiều màu sắc. Hàng trăm người, có khi là hàng ngàn. Dường như tầng hai được dành trọn cho triển lãm Tàn nhẫn.

“Rất tuyệt vời phải không?” Một phụ nữ đứng bên cạnh anh lên tiếng. “Thể loại nghệ thuật pop art* này, cả phong cách truyện tranh nữa. Trông giống một bức tiểu họa của Lichtenstein*.”

Servaz giật mình. Mãi suy tưởng nên không để ý thấy bà ta đi tới. Giọng bà như thể đang luyện thanh, lên bổng xuống trầm.

“*Quos vult perdere Jupiter prius dementat,*” anh nói.

Người đàn bà bắn khoăn nhìn anh.

“Là tiếng La tinh, ‘Muôn hủy diệt ai, Jupiter sẽ làm kẻ đó phát điên trước’.”

Anh quay đi và nhanh chóng tiến về phía cầu thang.

Ở nhà, anh bật *The Song of the Earth* trên loa, bản hiện đại do Eiji Oue trình bày cùng Michelle De Young và Jon Villars, rồi chuyển thẳng sang bản *Farewell* kinh điển. Vì không thấy buồn ngủ, anh lấy xuống một quyển sách trên giá. *Aethiopica** của Heliodorus thời Emesa.

“Và giờ con gái ta ở đây cùng ta, đứa con gái ta đã đặt tên theo tên mình, gửi gắm nơi con mọi trông mong hy vọng. Ngoài những điều tuyệt vời khác mà ta có mơ cũng không thể tưởng tượng nổi, con đã nhanh chóng học được tiếng Hy Lạp và cũng mau chóng như vậy, con đã đến tuổi trăng tròn. Như một nhánh cây tươi non hoàn hảo, con sở hữu vẻ đẹp hoàn mỹ hơn người, đến mức ánh mắt của tất cả thầy đàn ông, và cả những người Hy Lạp lạ mặt, đều đổ dồn vào con.”

Ngồi trên chiếc ghế bên cạnh giá sách, anh ngừng đọc và miên man nghĩ về Gaspard Ferrand, người bố khôn khổ. Rồi tới Alice và những nạn nhân tự tử. Những suy nghĩ của anh cứ trôi dạt như một bày quạ chao lượn trên cánh đồng. Giống như nàng Chariclea trẻ trung trong câu chuyện của Heliodorus, ánh mắt của tất cả thầy đàn ông đều đổ dồn vào Alice. Anh đã đọc đi đọc lại lời khai của những người láng giềng, Alice Ferrand là một đứa trẻ hoàn mỹ, xinh đẹp, hiểu biết, đạt thành tích xuất sắc ở trường, bao gồm cả thể thao và luôn sẵn sàng giúp đỡ người khác. Nhưng con bé gần đây đã thay đổi, theo lời bố cô gái. Chuyện gì đã xảy ra với cô bé? Suy nghĩ của anh trở lại với bộ tứ Grimm-Perrault-Chaperon-Mourrenx. Liệu Alice và những đứa trẻ tự tử khác có liên quan tới bọn chúng không? Nếu vậy thì vào lúc nào? Ở Les Isards chẳng? Nhưng hai trong số bảy nạn nhân tự sát chưa từng tới trại.

Một lần nữa, anh lại rùng mình. Như thể nhiệt độ trong phòng đã giảm vài độ. Anh muốn vào bếp tìm một chai nước khoáng, nhưng

phòng khách đột nhiên quay cuồng. Những quyển sách trên giá đang lắc lư, ánh sáng đèn bàn lại có vẻ chói lóa và hung hiểm. Servaz thả mình xuống ghế. Anh nhắm mắt lại. Khi anh mở mắt lần nữa, cơn choáng váng đã qua đi. Chuyện gì xảy ra với anh vậy, vì Chúa?

Anh đứng lên và lao vào nhà tắm. Anh lấy một viên thuốc của Xavier. Cổ họng nóng cháy, dòng nước lạnh chỉ xoa dịu trong chốc lát, rồi cảm giác bỗng rát lại ùa về. Anh xoa xoa hai mắt, băng qua phòng khách ra ban công hít thở chút khí trời. Anh nhìn đèn đường và thắc mắc tại sao những thành phố hiện đại, với ánh đèn huyền ảo và tiếng ồn không dứt, lại có thể biến cư dân của mình thành những bóng ma lơ mơ và mất ngủ vào lúc rạng đông.

Một lần nữa, Alice ám ảnh tâm trí anh. Anh thấy căn phòng của cô bé, đồ đạc màu cam và vàng, những bức tường tím và thảm trắng. Ảnh và bưu thiếp, CD và đồ dùng học tập, quần áo và sách. Một cuốn nhật kí... thiếu nhật kí. Servaz ngày càng tin chắc rằng một cô bé như Alice không thể không có nhật kí. Phải có một quyển nhật kí ở đâu đó.

Và rồi Gaspard Ferrand, giáo viên văn học, đã đi khắp thế giới và tập luyện yoga. Theo bản năng, Servaz so sánh ông ta với bố mình. Bố anh cũng từng là thầy giáo dạy Ngữ văn, tiếng La tinh và Hy Lạp. Một người đàn ông thông tuệ, giữ kẽ, lập dị, đôi lúc dễ cáu giận. *Genus irritabile vatium* (giới thi nhân hay cáu kỉnh).

Servaz biết rất rõ dòng suy tưởng này sẽ dẫn anh tới đâu. Quá muộn, anh không kịp ngăn kí ức ùa về, chúng nhấn chìm, và cuốn anh đi. Quá khứ như được tái hiện, chính xác đến mức đáng sợ.

Những sự thật. Không gì ngoài sự thật.

Vào một buổi tối tháng Bảy âm áp, Martin Servaz 10 tuổi đang chơi trong sân nhà thì trông thấy ánh đèn ô tô bên ngoài con đường dài thẳng tắp. Nhà cậu nằm giữa một trang trại biệt lập, cách thị trấn gần nhất 3 kilomet. Đã là 10 giờ đêm. Bóng tối mờ mờ bao phủ cảnh vật, tiếng dế râm ran ở những cánh đồng bên cạnh sẽ sớm bị thay thế bởi âm thanh ộp oạp của éch nhái, sấm ì ùng vọng đến từ những ngọn núi

nơi chân trời, tinh tú càng lúc càng sáng rõ trên bầu trời nhàn nhạt. Tiếng động cơ rì rầm cắt vào sự yên ả đó, lớn dần, rồi chiếc xe giảm tốc để rẽ lên lối vào nhà. Nó chậm rãi di chuyển, nảy qua những vết lún trên lối đi. Lớp xe nghiêng lạo xạo trên sỏi khi qua cổng và phanh lại trong sân. Một cơn gió thổi qua làm tán bạch dương xào xạc, hai người đàn ông ra khỏi xe. Martin Servaz không thể trông thấy mặt họ dưới bóng tối buông trùm của những hàng cây, nhưng cậu nghe rõ một người lên tiếng, “Chào chú bé, bố mẹ cháu đâu?”

Gần như cùng lúc, cửa mở và mẹ cậu đứng dưới ánh sáng nơi ngưỡng cửa. Người đàn ông vừa nói tiến về phía bà và xin lỗi vì đã làm phiền. Người ấy nói rất nhanh, trong khi người còn lại đặt một bàn tay lên vai Servaz với vẻ thân thiện. Không hiểu tại sao, cử chỉ ấy khiến cậu bé khó chịu. Như một sự gián đoạn giữa buổi tối bình yên. Như một mối đe dọa mơ hồ mà chỉ mình cậu nhận thức được dù người đàn ông kia đang cư xử ôn hòa, dù cậu thấy mẹ mình đang cười. Cậu nhìn lên, bóng bố lướt qua cửa sổ phòng làm việc ở tầng hai, ông đang sửa bài tập cho sinh viên. Servaz muốn hô lên nhắc mẹ mình cẩn thận, đừng để họ vào nhà, nhưng cậu đã được dạy phải lịch sự và giữ trật tự khi người lớn nói chuyện.

Cậu nghe thấy mẹ nói, “Mời vào.”

Người đàn ông sau lưng khẽ đẩy Servaz tới trước, cậu cảm nhận được những ngón tay to lớn nóng rát qua lớp vải áo trên vai. Cậu nghĩ cử chỉ này độc đoán chứ không còn thân thiện nữa. Ngay cả hiện tại, Servaz vẫn nhớ rõ từng bước chân của họ, chúng dội vào óc anh như một lời cảnh báo. Anh nhớ mùi nồng nồng của nước hoa và mồ hôi, nhớ tiếng dế rít lên như hồi chuông báo động. Thậm chí cả trái tim anh cũng đang nổi trống báo điềm gở. Lúc họ đi tới gần bậc thềm, người đàn ông bịt cái gì đó lên miệng và mũi Servaz. Một miếng vải ướt. Trong tích tắc, một lưỡi lửa đốt cháy cổ họng và phổi cậu, mắt chỉ kịp bắt được những chấm trắng nhảy nhót trước khi rơi vào một hố đen sâu thẳm.

Khi tỉnh lại, Servaz thấy mình đang ở trong gian nhà kho bên dưới cầu thang, buồn nôn và mù mịt. Tiếng cầu xin của mẹ đằng sau cánh cửa khiến cậu sợ hãi. Xen vào đó là giọng hai người đàn ông gầm gừ đe dọa

và thay nhau cợt nhả mẹ. Nỗi sợ hãi choán lấy Servaz, toàn thân cậu bắt đầu run lên. Cậu tự hỏi bố đã đi đâu. Theo bản năng, cậu biết hai người đàn ông này là ai. Bọn chúng không phải là người, mà là kẻ xấu trên màn ảnh, những sinh vật độc ác, những nhân vật siêu phản diện trong truyện tranh cậu từng đọc, nhà khoa học Tinkerer và tên Green Goblin*... Cậu đoán chắc bố đang bị trói ở đâu đó, bất lực, giống như cảnh ngộ thường gặp của các anh hùng trong truyện tranh, bởi nếu không, hẳn ông đã tới cứu họ. Nhiều năm về sau, Servaz tự nhủ rằng cả mở kiến thức triết học của Seneca* hay Marcus Aurelius* đều không giúp gì được cho bố nếu phải đấu lý với hai kẻ đó. Nhưng thực sự thì ta có thể nói lý với hai con sói đói khát hay không? Thứ chúng tìm kiếm không phải thịt tươi, mà là một loại thịt khác.

Nếu Servaz nhỏ bé lúc ấy có một chiếc đồng hồ, cậu sẽ biết rằng khi mình tỉnh lại là 12 giờ 20 phút đêm, và còn năm tiếng nữa tai họa khủng khiếp mới kết thúc. Trong năm tiếng ấy, cậu nghe mẹ mình la hét, nức nở, ghen ngào, rửa xả và van vãn, gần như liên tục. Cuối cùng tiếng kêu la của mẹ dần dần chuyển thành tiếng thốn thức và nấc cụt, rồi chỉ còn là những tiếng lẩm bẩm không rõ nghĩa. Khi cậu cảm thấy nước mũi chảy thành một dòng sền sệt và nước tiểu ấm nóng tràn xuống đùi, những âm thanh đầu tiên của buổi sớm mai vọng qua cửa kho, gà trống gáy vang, chó sủa ở đằng xa, một chiếc ô tô chạy qua, cách không đến 100 mét. Một luồng sáng xam xám mờ mờ bắt đầu lọt qua sàn nhà. Sự tĩnh lặng bao trùm khắp ngôi nhà, một sự tĩnh lặng tuyệt đối, dứt khoát và yên tâm tới kì lạ.

Mười lăm năm sau bi kịch, ba năm sau khi bước chân vào ngành cảnh sát, Servaz mới đủ can đảm chạm tay vào báo cáo khám nghiệm tử thi. Để rồi nhận ra mình đã phạm phải một sai lầm nghiêm trọng. Anh tưởng rằng năm tháng sẽ cho mình sức mạnh. Nhưng anh đã sai. Kinh hoàng cùng cực, anh khám phá ra tất cả những gì mẹ phải trải qua đêm hôm ấy. Vừa gấp tập báo cáo lại, là anh phải chạy ngay vào nhà vệ sinh và nôn ra toàn bộ bữa trưa của mình.

Sự thật. Không gì ngoài sự thật.

Bố anh sống sót, nhưng phải nằm viện hai tháng, trong khi Servaz

bé đại được gửi đến ở với dì. Khi xuất viện, bố trở lại với công việc giảng dạy. Tuy vậy, không lâu sau, rõ ràng ông không thể tiếp tục đứng lớp được nữa. Ông thường xuyên xuất hiện trên giảng đường với bộ dạng nhếch nhác, say xỉn, râu ria xồm xoàm, thậm chí còn sỉ vả om sòm các sinh viên. Cuối cùng, ban giám hiệu cho ông nghỉ phép vô thời hạn, từ đó ông càng lún sâu hơn vào rượu chè. Servaz bé đại lại được gửi đến ở cùng dì.

Sự thật, không gì ngoài sự thật.

Vào một ngày cuối xuân đầu hạ, hai tuần sau khi gặp người phụ nữ ở trường đại học mà sáu tháng sau sẽ trở thành vợ anh, Servaz đến gặp bố mình. Khi bước ra khỏi xe, anh nhìn ngôi nhà một lượt. Kho thóc cũ kĩ đang đổ nát dần, phần chính của ngôi nhà có vẻ bỏ không, phải đến một nửa số cửa chớp đóng im ỉm. Servaz gõ vào tấm kính cửa trước. Không ai trả lời. Anh đi vào. “Bố ơi?” Im lặng. Ông già chắc hẳn lại đang bí tí ở đâu rồi. Servaz ném áo vét và cặp da lên ghế và vào bếp uống một ly nước. Sau khi đã khát, anh lên cầu thang. Chắc bố đang say bí tí ở phòng làm việc.

Servaz trẻ tuổi đã đúng, ông Servaz đang ở trong phòng làm việc. Tiếng nhạc loáng thoáng vọng qua cánh cửa đóng kín, anh lập tức nhận ra là Gustav Mahler, nhà soạn nhạc ưa thích của bố anh. Nhưng Servaz cũng sai, bố anh không say. Cũng không đọc sách của một trong các tác giả La tinh ông yêu quý. Ông ngồi bất động trên ghế, mắt mở to và vô hồn, một lớp bọt trắng phì trên môi. Thuốc độc. Giống như Seneca, giống như Socrates.

Hai tháng sau, Servaz thi đỗ kì thi sát hạch và trở thành sĩ quan cảnh sát.

10 giờ tối, Diane tắt đèn phòng làm việc. Cô đem theo ít giấy tờ định bụng hoàn thành trước khi đi ngủ và trở về phòng ở tầng năm. Trên phòng vẫn lạnh ngắt đó cô khoác thêm chiếc áo choàng tắm rồi ngồi xuống đầu giường để đọc. Vừa xem các ghi chú của mình, cô vừa mừng tượng lại bệnh nhân đầu tiên cô gặp hôm nay. Một người đàn ông nhỏ

thó 64 tuổi, nguyên là giáo viên triết học, trông khá vô hại, giọng chua loét như thể dây thanh quản đã mài sắc. Ông ta chào hỏi rất lịch sự khi cô bước vào. Cuộc nói chuyện diễn ra trong một căn phòng nhỏ với bàn và ghế đều được cố định xuống sàn. Chiếc tivi màn hình rộng được niêm phong trong một lớp kính cầu lồi làm bằng thủy tinh hữu cơ, và tất cả các góc cạnh sắc nhọn của đồ đạc đều được bọc nhựa. Không còn ai khác trong phòng, nhưng có một hộ lý canh gác ở cửa ra vào.

“Hôm nay ông cảm thấy thế nào, Victor?” Diane hỏi.

“Như cứt.”

“Ý ông là sao?”

“Như một bãi cứt chó, một đồng rác rưởi, một...”

“Victor, tại sao ông lại thô tục thế?”

“Tao cảm thấy giống như cái thứ chui ra từ đít mày ấy, con bác sĩ, khi mày đi vào...”

“Ông không muốn trả lời tôi à?”

“Tao cảm thấy...”

Diane nhắc nhở bản thân không bao giờ được hỏi cảm giác của ông ta thêm một lần nào nữa. Victor đã giết vợ, em trai và em gái vợ bằng một cái rìu. Theo hồ sơ, vợ và người nhà bên vợ đã dối xử với ông ta như một kẻ vô dụng và liên tục cười cợt ông ta. Trong cuộc sống ‘bình thường’, Victor là người cực kì hiểu biết và có văn hóa. Trong lần nằm viện trước, ông ta đã hành hung một y tá vì đã cười trước mặt ông ta. May thay, ông ta chỉ nặng có năm mươi cân.

Dù cố gắng bao nhiêu đi nữa, Diane cũng không thể tập trung hoàn toàn vào bệnh nhân này. Một điều gì khác đang chực ụp vào tâm trí. Cô mong hoàn thành sớm công việc để rảnh rang tìm hiểu những sự kiện ở Viện. Cô không chắc mình sẽ khám phá được chuyện gì, nhưng cô đã quyết tâm điều tra sâu hơn. Và giờ cô biết phải bắt đầu từ đâu. Ý tưởng chợt nảy ra sau khi cô bất ngờ thấy Xavier rời khỏi văn phòng của mình.

Khi mở tập tài liệu tiếp theo, cô lập tức hình dung ra người bệnh. Một người đàn ông tầm 40 tuổi với ánh mắt nóng nảy, đầu tóc bần thủ

và hai má hõm sâu bên dưới một bộ râu đầy gàu. Nguyên là một nhà nghiên cứu động vật biển, người gốc Hungary và nói thạo tiếng Pháp với giọng rất nặng. Gyorgy.

“Chúng tôi có mối liên hệ vô cùng sâu sắc,” gã nói luôn. “Có thể cô chưa biết đâu, bác sĩ ạ, nhưng chúng tôi không thực sự tồn tại, chúng tôi chỉ tồn tại ở dạng suy nghĩ, xuất phát từ tâm trí của những sinh vật sống dưới đáy đại dương, sâu hơn 2.000 mét so với mực nước biển. Đó là vương quốc của bóng tối vĩnh cửu, ánh sáng ban ngày chưa bao giờ chiếu rọi tới. Lúc nào cũng tăm tối.”

Khi nghe những lời này, cô cảm thấy nỗi sợ hãi như một cơn gió lạnh buốt thổi qua người.

“Và lạnh lắm, lạnh vô cùng. Dưới có áp lực vô cùng khủng khiếp. Cứ 10 mét lại tăng lên một atmosphere. Chỉ những sinh vật đó mới chịu đựng được. Chúng giống như quái vật, cô biết đấy. Giống như chúng tôi. Chúng có những con mắt khổng lồ, cả hàm đầy răng nhọn và nội tạng tỏa sáng rực rỡ. Chúng là loài ăn xác thối, chuyên ăn những thi thể rơi xuống từ những tầng trên của đại dương, chúng là những kẻ săn mồi đáng sợ, có thể nuốt gọn con mồi chỉ bằng một cú tợp. Không có gì ngoài bóng tối và sự tàn nhẫn ở đây. Giống như ở đây. Có loài cá rắn Viper, *Chauliodus Sloani*, với cái đầu giơ xương cắm đầy răng dài sắc như dao và trong suốt như thủy tinh, cùng thân hình của một con rắn phát sáng. Có loài *Linophryne Lucifer* và *Photostomias Guernei*, xấu xí và đáng sợ hơn cả cá Piranha. Có loài *Pycnogonids* trông giống nhện. Và cá lươn rìu, trông giống như đã chết nhưng chúng thực ra vẫn sống. Những sinh vật này chưa bao giờ thấy ánh sáng, chưa từng trồi lên mặt nước. Giống như chúng tôi, bác sĩ ạ. Cô có thấy sự tương đồng không? Là bởi chúng tôi không thực sự tồn tại ở đây, không giống như cô. Chúng tôi được sinh ra từ tâm trí của những sinh vật. Mỗi khi ở dưới kia, một trong số chúng chết đi, thì một người trong số chúng tôi ở đây cũng chết.”

Mắt gã nhìn xa xăm, như thể đã đi xuống bóng tối sâu thẳm dưới lòng đại dương. Bài diễn văn vô lý của gã vẽ nên một bức tranh đẹp, nhưng ám ảnh như ác mộng. Nó khiến cô rùng mình. Thật khó để tổng

khử những hình ảnh mà gã đã gợi ra.

Mọi thứ trong Viện đều mâu thuẫn với nhau. Cái đẹp và sự tàn nhẫn. Im lặng và gào thét. Cô độc và hỗn tạp. Sợ hãi và tò mò. Từ khi đến, cô đã ở trong trạng thái rối loạn triền miên giữa những cảm xúc trái ngược.

Cô đóng tập hồ sơ của Gyorgy lại và tập trung suy nghĩ sang việc khác. Cả buổi tối cô cứ nghĩ về phương pháp điều trị mà Xavier đã áp dụng lên một số bệnh nhân. Chẳng khác nào áo trói tay bằng hóa học. Và việc anh ta lén lút vào văn phòng của cô. Liệu Dimitri, y tá khoa được, có kể với Xavier rằng cô tỏ ra quan tâm tới các phương pháp điều trị của anh ta không? Chắc là không. Qua cuộc nói chuyện, cô cảm nhận được thái độ thù địch của Dimitri đối với Xavier. Cô không được phép quên rằng Xavier mới chỉ ở đây được vài tháng, và rằng anh ta đến để thay thế người thành lập nơi này. Phải chăng anh ta cũng gặp khó khăn trong việc kết giao với các nhân viên khác? Cô giở qua tập giấy ghi chép cho tới khi tìm được tên của ba loại thuốc bí ẩn mà Xavier đã đặt hàng. Và cô vẫn thấy chúng hoàn toàn xa lạ.

Cô mở laptop, vào Google. Gõ vào từ khóa đầu tiên cô cần tìm. Hypnosal là tên chế phẩm của sodium thiopental, một loại thuốc gây mê, và là một trong ba thành phần cấu tạo nên mũi tiêm độc sử dụng trong án tử hình tại Hoa Kỳ, cũng như án tử không đau đớn tại Hà Lan. Nó được bán trên thị trường với cái tên phổ biến hơn là pentotal. Một thời gian nó đã được sử dụng trong phân tích trạng thái nửa tỉnh nửa mê, cụ thể là phải tiêm một liều gây mê để giúp đối tượng tìm lại những kí ức đã bị trấn áp do thương tổn tâm lý. Một phương pháp đã từng bị chỉ trích và loại bỏ từ lâu, vì khoa học chưa bao giờ chứng minh được chấn thương tâm lý vô thức trấn áp một khoảng kí ức nhất định.

Xavier đang định giở trò gì?

Lần thứ hai nhập lệnh tìm kiếm còn khiến cô băn khoăn hơn. Xylazine cũng là một loại thuốc gây mê, nhưng được sử dụng trong thú y. Diane tự hỏi không biết cô có bỏ sót điều gì không, và cô đọc tiếp những kết quả khác bên dưới, nhưng không tìm ra ứng dụng nào khác của loại thuốc này. Cô càng lúc càng hoang mang. Một sản phẩm thú y

có thể đóng góp được gì trong khoa dược của viện tâm thần này?

Cô nhanh chóng tiếp tục với sản phẩm thứ ba. Giờ thì lông mày cô nhíu chặt lại. Giống như hai loại thuốc trước, halothane là một tác nhân gây mê. Nhưng căn cứ vào độc tính của nó đối với tim và gan, nó đã dần biến mất khỏi phòng phẫu thuật, ngoại trừ ở những nước đang phát triển. Mọi khuyến nghị sử dụng ở người đã dừng lại từ năm 2005, giống như xylazine, hiện tại halothane chỉ được sử dụng trong thú y.

Diane dựa lưng vào gối và ngẫm nghĩ. Theo như cô biết, không có động vật nào ở Viện dù là chó hay mèo, cô đã được khuyến cáo rằng một số người bệnh có chứng sợ vật nuôi. Cô với lấy laptop và xem lại những thông tin vừa tìm được, lần lượt từng điều một. Đột nhiên ánh mắt cô bắt gặp một dòng chữ. Cô gần như đã bỏ qua điều quan trọng nhất. Ba sản phẩm chỉ dùng cùng lúc cho duy nhất một trường hợp: *Để gây mê một con ngựa...* Cô tìm thấy thông tin này trên một trang web chuyên môn dành cho thú y. Đích thân tác giả của bài viết, vốn là bác sĩ chuyên khoa về ngựa, khuyến dùng xylazine cho giai đoạn trước hôn mê với liều lượng 0,8mg/kg, dùng một liều tiêm bắp sodium thiopental, và cuối cùng là halothane với liều lượng 2,5% đối với một con ngựa nặng xấp xỉ 490 kg.

Một con ngựa...

Có thứ gì hết như một trong những sinh vật đáy biển của Gyorgy bắt đầu quẫy đạp trong bụng cô. Xavier... Cô nhớ lại cuộc đối thoại vô tình nghe được qua lỗ thông gió. Hôm ấy anh ta có vẻ quẫn trí khi cảnh sát nói rằng ai đó trong Viện có dính líu tới cái chết của con ngựa. Cô không thể nghĩ ra lý do nào khiến Xavier chạy lên đây giết con vật. Hơn thế, cảnh sát đã nhắc đến khả năng có hai hung thủ. Tuy nhiên vẫn còn một điều khác nữa. Nếu Xavier là người cung cấp thuốc để gây mê con ngựa trước khi giết nó, chắc chắn anh ta cũng là người đã tuồn DNA của Hirtmann ra ngoài.

Ý nghĩ càng khiến sinh vật đáy biển quằn quại trong khoang bụng cô. Rốt cuộc, vai trò của Xavier trong toàn bộ sự việc này là gì? Vào thời điểm ấy, liệu anh ta có biết rằng sau con ngựa, một người đàn ông sẽ bị giết hay không? Tại sao anh ta lại trở thành kẻ tòng phạm cho những

tội ác này khi mới chỉ đến đây được vài tháng?

Diane không tài nào nhắm mắt nổi. Cô trở mình trên giường, hết nằm ngửa rồi nằm sấp, nhìn chăm chăm ra khoảng sáng nhợt nhạt màu xám bên ngoài cửa sổ. Gió đang rít gào. Quá nhiều câu hỏi khiến tâm trí cô tỉnh như sáo. Đến khoảng 3 giờ sáng, cô uống nửa viên thuốc ngủ.

Servaz ngồi trên ghế bành, lắng nghe khúc tấu sáo trong đoạn đầu tiên của bản *Farewell*. Có người từng ví von nó như tiếng hót của ‘chim sơn ca trong mơ’. Tiếng đàn hạc và kèn clarinet hòa vào nhau như tiếng đập cánh. Chim hót, anh đột nhiên nhớ lại. Tại sao kí ức về chúng lại cứ bám riết lấy tâm trí anh? Chaperon yêu thiên nhiên và leo núi. Thì sao? Vì lẽ gì mấy bản thu âm lại quan trọng đến thế?

Anh suy nghĩ rất lung nhưng vẫn không thể tìm ra câu trả lời. Tuy nhiên anh chắc chắn có thứ gì đó ẩn nấp trong bóng tối đang chờ được phơi bày ra ánh sáng. Và nó có liên quan tới những bản thu âm anh tìm thấy trong nhà Chaperon. Anh háo hức muốn biết có phải là tiếng chim hót thực sự hay không. Nhưng đây không phải điều duy nhất khiến anh phiền não. Còn một chuyện khác.

Servaz đứng lên, bước ra ban công. Trời đã hết mưa nhưng có một lớp sương mù mờ nhạt bám vào vỉa hè ướt át và bóng đèn đường tạo nên một quang cảnh hư ảo. Hơi ẩm bốc lên. Anh nhớ tới Charlene Espérandieu. Nhớ tới sự thân mật bất ngờ của nụ hôn cô đặt lên má anh, và một lần nữa dạ dày anh quặn lại.

Khi trở vào qua cánh cửa kiểu Pháp, Servaz nhận ra sai lầm của mình, không phải những tiếng chim hót, mà bản thân những cuộn băng cát xét mới khiến anh chú ý. Dạ dày cứng lại như bị ai đổ xi măng xuống thực quản. Mạch đập tăng vọt. Anh lật giở cuốn sổ tay cho tới khi tìm thấy dãy số, rồi gọi điện.

“A lô?” Giọng một người đàn ông nghe máy.

“Khoảng một tiếng rưỡi nữa tôi qua nhà ông được không?”

Một khoảng lặng.

“Nhưng lúc ấy đã quá nửa đêm rồi!”

“Tôi muốn xem lại phòng Alice một lần nữa.”

“Vào đêm hôm thế này sao? Không thể đợi tới ngày mai à?”

Giọng nói ở đầu dây bên kia tỏ rõ sự chán ngán. Servaz có thể hiểu suy nghĩ của Gaspard Ferrand. Con gái ông ta đã mất được mười lăm năm. Tại sao mọi thứ đột nhiên trở nên khẩn cấp như thế được?

“Tôi thực sự vẫn muốn tới vào tối nay,” anh cố chấp.

“Được thôi. Dù sao tôi cũng không bao giờ đi ngủ trước nửa đêm. Tôi sẽ đợi anh cho tới 12 rưỡi. Sau đó tôi sẽ đi ngủ.”

Khoảng 12 giờ 25 phút, anh tới được Saint-Martin, nhưng thay vì đi vào thị trấn, anh rẽ sang đường vòng để chạy tới ngôi làng đang ngủ yên cách đó 5 kilomet.

Gaspard Ferrand mở cửa ngay khi chuông cửa vang lên. ông ta có vẻ bị kích thích và vô cùng tò mò.

“Có gì mới sao?”

“Tôi muốn xem lại phòng ngủ của Alice một lần nữa, nếu ông không phiền.”

Ferrand nhìn anh nghi hoặc. Ông ta đang mặc áo choàng tắm bên ngoài áo chui đầu cùng quần bò cũ, chân đi dép lê. Ông ta trở về phía cầu thang. Servaz cảm ơn và nhanh chóng lên gác. Vào tới phòng, anh tiến thẳng tới giá gỗ bên trên cái bàn học nhỏ màu cam.

Đài cát xét.

Thiết bị này không phải là một cái radio hay đầu CD, nó là một đài cát xét cổ mà Alice chắc hẳn đã tìm thấy ở một hàng đồ cũ nào đó.

Chỉ hiềm lần trước Servaz không thấy bất kì cuốn băng nào. Anh nhấc cái đài cát xét lên, trọng lượng của nó có vẻ bình thường, nhưng điều đó không có ý nghĩa gì. Anh xem lại toàn bộ ngăn kéo bàn học và tủ đầu giường. Không có băng cát xét, dù ở bất cứ đâu. Phải chăng Alice đã vứt hết chúng đi khi đổi sang dùng CD?

Thế tại sao cô bé lại giữ cái đài cát xét cổ lỗ này? Phòng của Alice

không khác gì một bảo tàng về thập niên 1990, với những tấm áp phích, CD, máy điện tử cầm tay Game Boy, vô số màu sắc. Nhưng có một vật lỗi thời duy nhất, chiếc đài cát xét.

Servaz nắm lấy phần quai, xách cái đài lên và kiểm tra đủ mọi góc độ. Anh ấn nút để mở khay đựng băng. Trống không. Anh lại đi xuống tầng trệt. Có tiếng tivi trong phòng khách. Một chương trình đêm muộn về văn học và văn hóa.

“Tôi cần một cái tua vít nhỏ bốn cạnh,” Servaz nói từ ngưỡng cửa. “Ông có loại đó không?”

Ferrand đang ngồi trên xô pha. Lần này, ánh mắt ông giáo sư văn học dành cho anh không giấu nổi sự hiếu kì, “Anh tìm thấy gì rồi?”

Giọng ông ta cấp bách, nôn nóng. Ông ta muốn biết.

“Không có gì, chưa có gì cả,” Servaz trả lời. “Nhưng nếu tìm ra, chắc chắn tôi sẽ cho ông biết.”

Ferrand đứng lên và rời khỏi phòng. Một phút sau, ông ta quay lại với một chiếc tua vít. Servaz quay trở lên căn phòng trên gác. Ba ốc vít rất dễ vặn. Như thể được siết lại bằng bàn tay của một đứa trẻ. Nín thở, anh gỡ tấm chắn ở mặt trước.

Thấy rồi.

Phải ngưỡng mộ sự kì công của cô bé. Một phần mạch điện tử của đài đã bị tháo bỏ, thế chỗ chúng là ba cuốn sổ tay bìa xanh dương, được gắn vào mặt trong vỏ nhựa bằng băng dính dày màu nâu.

Servaz trân trối nhìn mấy quyển sổ tay hồi lâu. Phải chăng anh đang mơ? Nhật kí của Alice. Nó đã ở đây hàng năm trời, không một ai biết tới. Và đương nhiên, may mắn là Gaspard Ferrand đã giữ gìn nguyên vẹn căn phòng của cô con gái. Servaz khẽ khàng bóc lớp băng dính đã khô và nhăn nheo, gỡ mấy quyển sổ tay ra khỏi chiếc đài cát xét.

“Cái gì thế?” Một giọng nói vang lên sau lưng.

Servaz quay lại. Ferrand đang nhìn chăm chăm vào ba cuốn sổ. Mắt ông ta lóe lên như con chim săn mồi, xem chừng tò mò đến mức phát điên. Viên cảnh sát mở cuốn sổ đầu tiên và đọc lướt. Anh thấy những từ đầu tiên. Tim anh đập dồn, *Thứ Bảy, ngày 12 tháng Tám...* Chính là nó.

“Hình như là nhật kí.”

“Nó ở trong đài?” Ferrand sửng sốt. “Từng ấy năm, nó ở trong đài?!”

Servaz gật đầu. Anh thấy đôi mắt người cha đong đầy nước, gương mặt ông ta méo xệch đi vì đau khổ. Đột nhiên anh cũng cảm thấy xót xa.

“Tôi phải xem xét chúng,” anh nói. “Biết đâu sẽ tìm ra lời giải thích cho hành động của cô bé qua những trang giấy này. Xong xuôi tôi sẽ hoàn trả cho ông.”

“Anh đã làm được,” Ferrand lẩm bẩm với giọng ủ ê. “Anh đã làm được trong khi mọi người đều thất bại... Thật không thể tin nổi... Bằng cách nào? Anh đã đoán ra bằng cách nào?”

“Chưa phải lúc này,” Servaz trấn an ông ta. “Còn quá sớm.”

Khi Servaz đọc xong thì đã là 8 giờ sáng, nên trời đang nhạt dần phía trên rặng núi. Anh gấp cuốn sổ tay cuối cùng lại và ra ngoài ban công hít thở làn không khí buổi sớm lạnh cắt da cắt thịt. Anh mệt mỏi, ôm yếu về mặt thể chất. Gần tới cực hạn. Đầu tiên là thằng bé tên Clément, và giờ là chuyện này.

Tuyết ngừng rơi. Nhiệt độ thậm chí đã nhích lên một chút. Từng lớp mây chùng chát trên vòm trời thị trấn. Trên đỉnh những con dốc, rặng lãnh sam chỉ vừa mới hiện ra từ bóng đêm giờ lại hòa lẫn vào sương mù. Các mái nhà và đường phố bắt đầu tỏa sáng rực rỡ như dát bạc, Servaz có thể cảm nhận được làn mưa đầu tiên chạm vào mặt mình. Mưa dầm lổ chổ xuống lớp tuyết đọng trên một góc ban công, và anh quay trở vào. Tuy không đói, nhưng chí ít anh cần một cốc cà phê nóng. Anh xuống lầu và ra ngoài mái hiên được thiết kế theo phong cách Art Déco rộng lớn, trông ra thị trấn đang nhòe đi vì mưa. Cô bồi bàn mang tới cho anh mấy lát bánh mì tươi, cà phê, một ly nước cam, ít bơ và một hũ mứt nhỏ. Anh ngạc nhiên khi thấy mình ngấu nghiến hết mọi thứ. Ăn giống như một phép trừ tà. Ăn có nghĩa là anh đang sống, rằng những điều quái quỷ anh đọc được trong mấy quyển sổ tay không khiến anh bận tâm. Hoặc ít nhất anh có thể giữ khoảng cách với chúng thêm một lát nữa.

Tôi là Alice, 15 tuổi. Tôi không biết mình sẽ làm gì với những trang giấy này nữa, hay rồi đây có ai đọc được chúng không. Có lẽ tôi sẽ xé hoặc đốt chúng đi ngay khi viết xong. Mà cũng có thể không. Nhưng nếu bây giờ tôi không viết, mẹ kiếp, tôi sẽ phát điên. Tôi đã bị hãm hiếp. Không chỉ một thằng khốn, mà là mấy con lợn ghê tởm. Vào một đêm mùa hè. Hãm hiếp.

Nhật kí của Alice là một trong những nội dung khó nhằn nhất anh từng phải đọc. Nó lạnh lẽo đến kinh khủng. Nhật kí riêng tư của một thiếu niên, tạo nên từ những bức vẽ, thơ, và những mật ngữ khó hiểu. Khi bình minh dần ló dạng, rụt rè như một con thú sợ sệt, anh đã muốn ném thẳng chúng vào sọt rác. Không có nhiều thông tin cụ thể trong những cuốn sổ, đúng ra là nó thiên về những lời bóng gió và ám chỉ. Tuy vậy, một vài sự thực đã phơi bày trước mắt. Vào mùa hè năm 1992, Alice Ferrand tới nghỉ tại trại hè Les Isards nay đã thành hoang phế. Chính là mấy tòa nhà Servaz trông thấy trên đường đến Viện Wargnier, là trại hè Saint-Cyr từng nhắc tới, cũng là hình ảnh xuất hiện trong một bức ảnh ghim ở phòng cô bé. Trong quá trình hoạt động, cứ đến mùa hè là Les Isards lại tiếp nhận trẻ em ở Saint-Martin và các thung lũng lân cận đến nghỉ, phần nhiều là trẻ em của các gia đình quá nghèo không thể cho con đi chơi xa. Đây là một truyền thống địa phương. Mấy người bạn thân nhất của Alice dự định đến Les Isards vào hè năm ấy, và cô bé xin phép bố mẹ để được đi cùng. Ban đầu họ do dự, rồi cuối cùng cũng đồng ý. Alice chỉ ra rằng quyết định này không hoàn toàn là để chiều lòng cô, mà còn để duy trì lý tưởng của họ về bình đẳng xã hội. Cô nói thêm rằng đó là ‘quyết định bi thảm nhất của cuộc đời mình’. Alice không đổ lỗi cho bố mẹ. Hay bản thân. Cô buộc tội bọn cầm thú, bọn khôn kiếp, bọn Quốc xã viết chữ hoa bằng mực đỏ, những kẻ đã hủy hoại cuộc đời cô. Cô đã muốn ‘thiến chúng, hoạn chúng, tòng xẻo của nợ của chúng bằng một con dao han gỉ và bắt chúng ăn, rồi giết chúng’.

Đột nhiên Servaz nảy ra ý nghĩ rằng Alice có vài điểm chung với thằng bé Clément. Cả hai đều thông minh và lớn trước tuổi. Cả hai cũng bộc lộ khả năng ngôn ngữ khác thường về bạo lực. Và cả thể chất. Ngoại trừ việc thằng bé nhắm vào một người vô gia cư, còn cô bé nhắm vào chính mình.

May cho Servaz, nhật kí của Alice không mô tả chi tiết những gì cô bé đã chịu đựng. Nó không phải là một cuốn nhật kí theo đúng ý nghĩa nguyên thủy. Cô bé không ghi lại cuộc sống thường ngày. Đúng hơn, nó là một bản cáo trạng. Một tiếng kêu đau đớn. Dù vậy, vì Alice là một

đứa trẻ thông minh với bộ óc thấu suốt, nên lời lẽ cô sử dụng đau buồn đến cùng cực. Những bức tranh còn tòi tệ hơn. Một số bức có thể sẽ rất tuyệt vời nếu đối tượng được phác họa không gồm ghiếc đến vậy. Servaz lập tức nhận ra một bức tranh miêu tả bốn người đàn ông trong chiếc áo choàng và ủng. Alice rất tài năng. Cô bé đã tỉ mỉ vẽ ra từng nếp gấp của những chiếc áo choàng chúng mặc và khuôn mặt của bốn kẻ tội đồ, bị che khuất dưới cái bóng quái ác của mũ trùm. Những bức vẽ khác mô tả bốn tên nằm ngửa, hở thân, mắt và miệng mở lớn, đã chết. Một hình ảnh tưởng tượng, Servaz nghĩ thầm.

Khi nhìn sát lại, anh thất vọng nhận ra rằng trong khi những chiếc áo choàng và những cơ thể trần truồng gần như được sao chép hoàn toàn trung thực, thì những khuôn mặt kia lại không hề giống bất cứ người đàn ông nào anh biết. Không phải Grimm, Perrault hay Chaperon. Chỉ là những gương mặt sừng phong, quái dị, những hình biếm họa sự đòi bại và tàn nhẫn, gợi nhớ lũ ác quỷ nhả nhó được điêu khắc thành tượng để tô điểm cho nhà thờ. Phải chăng Alice đã cố tình làm biến dạng diện mạo? Hay anh nên kết luận rằng cô bé và các bạn chưa bao giờ nhìn thấy khuôn mặt của những kẻ đã tra tấn mình? Rằng những tên này chưa bao giờ cởi mũ trùm của chúng? Tuy nhiên, anh có thể phỏng đoán một số điều nhất định từ những bức vẽ và đoạn trích trong nhật kí. Trước tiên, luôn có bốn gã đàn ông trong những bức vẽ. Rõ ràng là bộ tứ hiệp dâm. Cuốn nhật kí đã trả lời cho câu hỏi về đôi ủng trong cái chết của Grimm. Servaz tìm thấy nó ở vài trang tiếp theo:

Bọn chúng luôn đến vào đêm mưa bão, lũ cận bã ấy. Rõ ràng là để đảm bảo không ai tới trại hè trong khi chúng có mặt. Bối ai lại nghĩ đến việc tới cái thung lũng này sau nửa đêm khi trời đang mưa như trút nước?

Chúng lợi dụng bùn tung tóe bằng những đôi ủng ghê tởm, để lại những vết bùn dọc hành lang và vấy bẩn mọi thứ chúng chạm vào, đàn lợn dơ dáy.

Chúng nói to và cười lỗ mãng. Tôi đã nhận ra giọng của ít nhất một tên trong số chúng.

Servaz rùng mình khi đọc dòng cuối cùng. Anh xem xét kĩ lưỡng từng cuốn sổ tay, cuống cuống lật từng trang, nhưng không tìm thấy ám chỉ nào khác về nhân dạng của những tên hung đồ. Có những đoạn, từ ngữ khiến anh tê liệt, không thể đọc tiếp được nữa: *Chúng lần lượt thay phiên nhau...* Anh chớp mắt vài tiếng, rồi tiếp tục đọc. Sau khi xem qua một số đoạn nhất định, anh kết luận rằng Alice chỉ bị cưỡng hiếp một lần, hay nói đúng hơn, một đêm, nhưng cô bé không phải người duy nhất bị cưỡng hiếp đêm đó. Suốt mùa hè năm ấy, những gã đàn ông kia đã đến trại hơn sáu lần. Tại sao cô bé không nói gì cả? Tại sao không một đứa trẻ nào lên tiếng? Có một ám chỉ mơ hồ về đứa trẻ chết vào mùa hè, do ngã xuống một hẻm núi. Phải chăng cậu bé bị giết để làm gương, nhằm cảnh cáo những đứa trẻ khác? Đây có phải lý do khiến chúng giữ im lặng? Bởi chúng bị đe dọa bằng cái chết? Hay vì chúng thấy xấu hổ và nghĩ rằng sẽ không có ai tin chúng? Vào thời đó, việc tố cáo là rất hiếm. Nhật kí của Alice không hề đưa ra câu trả lời nào cho những câu hỏi này.

Còn có cả những bài thơ cho thấy trong lĩnh vực thi ca, tài năng của cô bé tỏa sáng không kém gì lĩnh vực hội họa, ngay cả khi mục đích sáng tác không phải để thể hiện nét đẹp văn chương, mà chỉ để khắc họa sự khủng khiếp của những trải nghiệm.

Ta HÌNH HÀI nhỏ bé dẫm NƯỚC MẮT?

Thứ dơ dáy, vết nhơ trên mặt đất,

vết bầm dập, phải chăng là ta thật?

và ta nhìn nền đất kề sát mặt...

Bóng kẻ bạo hành vẫn nằm đó,

Bất kể những gì chúng làm hay nói,

đều chẳng thể chạm tới lòng ta.

Cái tâm cứng rắn, mạnh mẽ thanh sạch

“Bố ơi, từ ấy nghĩa gì, CON ĐIỂM?”

Ta rõ từ khi ta lên sáu.

Chúng muốn ở ngay đây.

LŨ LỢN LŨ LỢN LŨ LỢN!

Một chi tiết, quý quái nhất trong tất cả, khiến Servaz chú ý. Theo lời mô tả của cô bé, Alice đã vài lần nhắc đến âm thanh của áo choàng, tiếng loạt soạt của thứ vải chống thấm màu đen khi những tên cầm thú di chuyển. “Tiếng động,” cô bé viết, “tôi sẽ không bao giờ quên. Mãi mãi chỉ mang một ý nghĩa, rằng cái ác có tồn tại, và nó có âm thanh.”

Những lời này khiến Servaz chìm sâu vào suy tưởng. Khi đọc tiếp, anh hiểu ra tại sao mình không tìm thấy bất cứ cuốn nhật kí hay ghi chép nào trong phòng Alice.

Tôi từng giữ một quyển nhật kí. Tôi viết về cuộc sống nhỏ bé yên bình của mình trước đây, ngày này qua ngày khác. Nhưng tôi đã xé và vứt nó đi. Giữ một quyển nhật kí để làm gì sau tất cả CHUYỆN NÀY? Bọn vô lại không những hủy hoại tương lai của tôi, chúng còn vĩnh viễn làm vấy bẩn quá khứ.

Anh hiểu rằng Alice không nỡ vứt những cuốn sổ này đi. Đây có lẽ là nơi duy nhất sự thật được phơi bày. Đồng thời cô bé cũng muốn đảm bảo bố mẹ mình sẽ không tìm thấy chúng. Vì thế cô tìm một nơi cất giấu. Có lẽ cô biết rằng sau cái chết của mình, bố mẹ cô sẽ không động tới căn phòng. Hoặc ít nhất cô bé đã hy vọng như vậy. Ngoài ra, chắc hẳn cô bé cũng thầm hy vọng rằng một ngày kia sẽ có người tìm thấy những quyển sổ. Nhưng cô bé đã không thể ngờ phải mất chừng ấy năm và người đàn ông phát hiện ra chúng lại là một người hoàn toàn xa lạ. Dù sao thì cô bé đã không chọn cách ‘thiến bọn khốn nạn đó’, cô bé đã không lựa chọn trả thù. Có người đã làm thay cô... Là ai? Là bố cô, người đau buồn vì cả cái chết của mẹ cô? Hay các bậc phụ huynh khác? Hay một đứa trẻ đã bị lạm dụng nhưng không tự tử, và giờ trở thành một người lớn đầy oán hận, đau đáu một nỗi khát khao trả thù không cách nào khuây khỏa?

Sau khi đọc đến hết, Servaz đặt những cuốn sổ sang một bên và ra ban công. Anh đang nghẹt thở. Căn phòng này, thị trấn này, những ngọn núi này... Anh muốn tránh xa khỏi đây.

Ăn xong bữa sáng, anh trở lại phòng. Trong buồng tắm, anh đổ một ít nước vào cốc đánh răng và uống hai viên thuốc Xavier đã đưa cho. Anh cảm thấy ngầy ngấy sốt và buồn nôn. Từng giọt mồ hôi lớn đang đọng trên trán. Cà phê vừa uống vẫn còn trong bụng. Anh tắm nước nóng hồi lâu, mặc quần áo, cầm điện thoại và ra ngoài.

Chiếc Cherokee đỗ cách khách sạn một đoạn, trước một tiệm bán rượu và đồ lưu niệm. Mưa giá buốt và nặng hạt, đâm lỗ chỗ trên tuyết, phớt xá bị nhấn chìm trong tiếng nước dội ào ào xuống cống. Anh ngồi vào sau tay lái và gọi cho Ziegler.

Sáng hôm sau, vừa đến văn phòng, Espérandieu liền nhắc điện thoại gọi ngay. Cuộc gọi của cậu đổ chuông ở tòa nhà mười tầng hình bán nguyệt tọa lạc tại số 122 phố Château-des-Rentiers, quận 13, Paris. Một giọng lơ lơ nghe máy.

“Chị khỏe không, Marissa?” Cậu hỏi.

Sĩ quan chỉ huy Marissa Pearl thuộc BRDE, đội điều tra tội phạm kinh tế, phó ban tài chính và kinh tế. Chuyên môn của cô là những vụ lừa đảo công nghệ cao. Marissa chưa từng bại trận trên chiến trường chống phá các thiên đường trốn thuế,* rửa tiền, tham nhũng, thư ma mời thầu, tham ô, lạm dụng quyền lực, các mạng lưới, các tập đoàn đa quốc gia hoạt động như mafia... Cô cũng là một giảng viên xuất sắc, và Espérandieu đã mê mết khóa học cô dạy ở học viện cảnh sát. Cậu đã đặt ra vô số câu hỏi. Sau giờ học, họ còn đi uống vài ly và phát hiện cùng có chung sở thích, Nhật Bản, tiểu thuyết đồ họa, nhạc Indie rock. Espérandieu đã bổ sung Marissa vào danh sách các mối quan hệ của cậu và cô cũng làm điều tương tự. Đối với công việc của họ, một mạng lưới giao thiệp tốt có thể giúp một cuộc điều tra được tiến hành suôn sẻ. Thỉnh thoảng họ lại hỏi thăm nhau qua thư điện tử hoặc điện thoại, có lẽ để đợi đến ngày mà một trong hai người sẽ cần tới sự giúp đỡ của người kia.

“Tôi đang đau đầu với một ông trùm lớn trong danh sách chỉ số

chứng khoán CAC 40,” cô nói. “Vụ lớn nhất tôi từng nhận. Chắc không cần nói cậu cũng đoán ra, bọn chúng đang thọc gậy bánh xe dữ lắm. Nhưng nhớ phải kín miệng đấy!”

“Chị sẽ là nỗi khiếp sợ đối với CAC 40 đấy, Marissa ạ,” cậu cam đoan với cô.

“Tôi có thể giúp gì cho cậu, Vincent?”

“Chị có thông tin gì về Éric Lombard không?”

Đầu dây bên kia thoáng im lặng. Rồi... “Thế đấy! Ai tuồn cho cậu?”

“Về cái gì?”

“Đừng nói với tôi chỉ là trùng hợp nhé. Chính là cái tên tôi đang điều tra, Éric Lombard. Làm sao cậu biết được?”

Cậu có thể nhận ra sự nghi ngờ trong giọng nói của cô. 380 cảnh sát thuộc đội điều tra tội phạm kinh tế hoạt động trong một thế giới có chút khuynh hướng hoang tưởng, dưới cái bóng của những tập đoàn khổng lồ vượt ra ngoài phạm vi một quốc gia.

“Con ngựa yêu thích của Lombard bị giết khoảng một tuần trước. Ở đây, trên dãy Pyrenees. Khi Lombard đang đi công tác ở Mỹ. Tiếp theo là hai án mạng xảy ra ở địa phương. Chúng tôi liên hệ những sự việc này với nhau. Có thể là trả thù. Vì thế chúng tôi đang cố tìm hiểu càng nhiều càng tốt về Éric Lombard. Hơn hết là liệu anh ta có kẻ thù nào không.”

Giọng Marissa nghe thoải mái hơn.

“Được rồi, cậu biết gì không? Cậu may mắn đấy!” (Cậu có thể hình dung ra cô đang mỉm cười.) “Chúng tôi vừa bươi móc đủ loại rác rưởi. Ai đó đã tố giác y. Cậu không thể tưởng tượng được những thứ vừa trôi lên bề mặt đâu.”

“Tôi tưởng là tuyệt mật?”

“Chính xác. Nhưng nếu tôi bắt gặp thứ gì có thể liên quan tới vụ án của cậu, tôi sẽ cho cậu biết. Hai vụ án mạng và một con ngựa? Quả là câu chuyện lạ kì! Tôi e là mình không còn nhiều thời gian. Tôi phải đi đây.”

“Tôi sẽ trông mong vào chị đây nhé!”

“Yên tâm. Chỉ cần tìm thấy thứ gì phù hợp, tôi sẽ đẩy qua. Đương nhiên là cậu cũng phải giúp tôi như vậy. Nhưng phải nói rõ, hãy coi như tôi chưa nói gì với cậu cả, và cậu không biết tôi đang làm vụ gì. Nhân tiện, đây là tin tốt nhất hiện giờ. Năm 2008, Lombard nộp thuế ít hơn cả ông lão bán bánh mì ở tầng dưới chỗ tôi.”

“Sao có thể như thế?”

“Rất đơn giản, y có những luật sư thuế giỏi nhất. Và họ nắm rõ từng kẽ hở trong số 486 lỗ hổng thuế tồn tại ở đất nước tuyệt vời này, về cơ bản là dưới hình thức tín dụng thuế. Đương nhiên, chủ yếu là kẽ hở đối với đầu tư nước ngoài. Nghĩa là ít nhiều việc đầu tư ra nước ngoài cho phép giảm thuế lên đến 60% với khối công nghiệp, thậm chí 70% cho hình thức cải tiến khách sạn và du thuyền. Hơn nữa, không có giới hạn số tiền đầu tư nên không có mức tối đa cho việc giảm thuế. Hiển nhiên là chúng ta đang nói tới đầu tư ưu tiên thu lời ngắn hạn, hoàn toàn không quan tâm tới tính khả thi về mặt kinh tế của dự án. Đương nhiên, Lombard không đầu tư thua lỗ, y có thể rút chân ra bằng cách này hay cách khác nếu buộc phải làm thế. Thêm nữa, những khoản tín dụng thuế y có được là kết quả của việc dựa vào các hiệp định quốc tế về đánh thuế hai lần, sấm sanh các tác phẩm nghệ thuật và áp dụng một lô thủ thuật kế toán như vay ngân hàng để mua cổ phiếu trong chính tập đoàn mình, y không cần phải đi mở cửa hàng ở Thụy Sĩ hay quần đảo Cayman. Vì thế đến cuối cùng, Lombard chỉ cần trả một khoản thuế ít hơn kẻ thu nhập bằng 1/1000 mình. Không tệ phải không, đối với một trong số mười người giàu nhất nước Pháp?”

Espérandieu nhớ lại thông tin của kleim162. Khẩu hiệu của các chính phủ và các tổ chức tài chính quốc tế như Quỹ Tiền tệ Quốc tế là ‘tạo ra một môi trường thuận lợi cho đầu tư’, nói cách khác là để chuyển dịch gánh nặng thuế từ người giàu sang tầng lớp trung lưu. Hoặc, như một tỉ phú Mỹ bị bỏ tù vì gian lận thuế đã cay độc nói, “Chỉ những người tầm thường mới nộp thuế.” Có lẽ cậu nên giới thiệu Marissa cho anh ta, họ sẽ tạo thành một cặp tâm đầu ý hợp.

“Cảm ơn, Marissa, chị đã giúp tôi rất nhiều.”

Espérandieu ngồi một lúc, nhìn chăm chăm vào màn hình chờ. Một vụ bê bối sắp vỡ lở, liên quan đến Lombard và tập đoàn của anh ta. Liệu nó có liên quan tới cuộc điều tra của họ không?

Ziegler, Propp, Maillard, Confiant và d’Humières ngồi bất động, lắng nghe Servaz nói. Trước mặt mỗi người đều có bánh sừng bò và bánh mì mà một viên sen đầm đã mua ở hiệu bánh gần nhất về. Ngoài ra là trà, cà phê, nước ngọt và nước lọc. Và mỗi người đều có thêm một thứ nữa: sự mỗi mệt.

“Nhật kí của Alice Ferrand đã mở ra một hướng đi mới,” Servaz kết luận. “Hay đúng hơn là nó xác nhận một giả thuyết của chúng ta. Là trả thù. Theo Gabriel Saint-Cyr, một trong mấy hướng điều tra ông ấy đã từng vạch ra là lạm dụng tình dục, nhưng sau phải từ bỏ vì thiếu bằng chứng. Nếu chúng ta tin tưởng nhật kí này, thì các thiếu niên tại trại hè Les Isards quả thực đã bị cưỡng hiếp và tra tấn nhiều lần, dẫn đến việc một số đứa tự tử.”

“Tuy nhiên, anh là người duy nhất đã đọc nhật kí cho tới lúc này...” Confiant nhận xét.

Servaz quay sang Maillard, anh ta liền đứng lên, phân phát mấy xấp bản sao quanh bàn, đặt chúng giữa những ly, tách và bánh sừng bò. Vài người đã ăn và để vụn bánh rơi vãi khắp nơi, những người khác thì vẫn chưa đụng đến.

“Hiển nhiên. Vì một lý do đơn giản là người viết cuốn nhật kí này chưa bao giờ muốn người khác đọc. Nó được giấu rất kĩ. Tôi chỉ vừa mới phát hiện ra nó đêm qua, như tôi đã nói. Nhờ nhiều yếu tố kết hợp.”

“Nếu cô gái bịa đặt toàn bộ thì sao?”

Servaz xòe hai tay, “Tôi không nghĩ vậy. Cậu có thể tự đánh giá. Nó quá thật, quá... cụ thể. Và cứ cho là bịa đặt đi, tại sao cô bé lại phải dày công giấu giếm nó như thế?”

“Tất cả dẫn tới đâu đây?” Tay thẩm phán hỏi. “Tới một đứa trẻ đã trưởng thành và đang trả thù? Hay một trong các phụ huynh? Trong trường hợp đó, tại sao DNA của Hirtmann lại có ở hiện trường? Và con

ngựa của Lombard khớp vào đâu? Tôi chưa từng thấy một cuộc điều tra nào rối rắm thế này!”

“Không phải là cuộc điều tra rối rắm,” Ziegler đáp lại bằng giọng sắc bén, “mà các sự kiện rối rắm.”

Cathy d’Humières nhìn chăm chăm vào Servaz một lúc lâu, tay vẫn cầm cái tách rỗng.

“Gaspard Ferrand là người có động cơ tốt để gây ra những án mạng này,” bà chỉ ra.

“Cũng ngang ngửa các phụ huynh khác có con tự sát,” Servaz trả lời. “Đương nhiên là cả những đứa trẻ từng bị bộ tứ cưỡng hiếp và hiện tại đã thành người lớn.”

“Đây là một khám phá rất quan trọng,” bà trưởng công tố nói. “Đề nghị của cậu là gì, Martin?”

“Không có gì thay đổi, việc cấp bách nhất vẫn là tìm Chaperon. Đây là ưu tiên của chúng ta. Trước khi hung thủ tóm được ông ta. Giờ đây, vì đã biết bộ tứ từng làm những chuyện bẩn thỉu ở Les Isards, chúng ta phải tập trung vào trại hè, và vào những đứa bé tự tử. Bởi ta đã biết có mối quan hệ giữa lũ trẻ ấy và hai nạn nhân, mắt xích chính là trại hè.”

“Ngay cả khi hai trong số những đứa trẻ tự tử chưa bao giờ đến đó?” Confiant phản đối.

“Với tôi thì rõ ràng mấy cuốn sổ tay này kể lại những chuyện đã xảy ra ở Les Isards. Hai thiếu niên còn lại bị cưỡng hiếp ở một nơi khác, không phải trại hè chẳng? Và chúng ta nên kiểm tra xem bộ tứ có xu hướng ấu dâm không? Tôi không rõ lắm... Không dấu hiệu nào cho thấy họ nhắm vào trẻ em, mà là thanh thiếu niên. Có gì khác biệt không? Tôi không đủ chuyên môn để phân định.”

“Số nam và nữ cân bằng, dựa vào danh sách nạn nhân tự tử,” Propp nói. “Nhưng anh nói đúng, mấy người này không hẳn có đặc tính của những tên ấu dâm, mà là những kẻ sẵn mỗi tình dục có thiên hướng cực đoan với bạo dâm và những trò đồi trụy nhất. Và không còn nghi ngờ gì nữa, bọn họ bị sự trẻ trung của con mỗi hấp dẫn.”

“Sa đọa quá mức,” Cathy d’Humières lạnh lùng nói. “Cậu định tìm

Chaperon như thế nào?”

“Tôi không biết,” Servaz thừa nhận.

“Chúng ta chưa gặp trường hợp thế này bao giờ,” bà nói. “Tôi đang cân nhắc đến chuyện xin tiếp viện.”

Câu trả lời của Servaz khiến mọi người ngạc nhiên, “Tôi không phản đối. Chúng ta phải tìm toàn bộ số trẻ từng ở trại hè và hiện giờ đã thành người lớn, rồi thăm vấn họ. Cả những phụ huynh còn sống nữa. Tập hợp thành một danh sách. Đây sẽ là một việc tốn công sức, thời gian. Nhưng chúng ta không có thời gian. Như vậy là cần thêm nguồn lực.”

“Được,” d’Humières nói. “Theo tôi hiểu thì tổ hình sự ở Toulouse đang ngập trong các vụ án rồi, vì thế tôi sẽ điều động bên sen đầm,” bà nhìn Ziegler và Maillard. “Còn gì nữa không?”

“Những chiếc đai được dùng để treo Grimm lên cầu,” Ziegler nói. “Nhà máy sản xuất chúng đã liên hệ với tôi. Chúng được bán qua một cửa hàng ở Tarbes... vài tháng trước.”

“Nói cách khác, chúng ta không mong đợi sẽ tìm thấy băng ghi hình,” d’Humières nói. “Họ có bán được nhiều không?”

“Đó là một siêu thị lớn chuyên về đồ thể thao. Thu ngân gặp hàng tá khách hàng mỗi ngày, đặc biệt là vào cuối tuần. Vì vậy, chúng ta không thể trông đợi gì ở hướng này.”

“Rồi. Còn gì nữa không?”

“Công ty phụ trách an ninh ở Viện,” cô sen đầm tiếp tục. “Họ cung cấp cho chúng ta một danh sách nhân viên. Tôi đã bắt đầu xem xét. Cho tới thời điểm này thì không có gì để báo cáo.”

“Giải phẫu tử thi Perrault diễn ra vào chiều nay,” d’Humières nói. “Ai có thể có mặt?”

Servaz giơ tay.

“Sau đó tôi sẽ tới Viện gặp Xavier,” anh bổ sung. “Chúng ta cần biết chính xác tất cả những người tiếp xúc với Hirtmann. Và phải gọi cho tòa thị chính Saint-Martin xem họ có thể cung cấp danh sách học sinh từng tham gia Les Isards không, vì hẳn là trại hè được cấp kinh phí và

vận hành dưới sự chỉ đạo của chính quyền thị trấn. Viện và trại hè là hai ưu tiên hàng đầu lúc này. Ngoài ra phải tiếp tục đào sâu, tìm hiểu xem có mối quan hệ nào giữa hai nơi không.”

“Mối quan hệ kiểu gì?” Confiant hỏi.

“Giả sử chúng ta tìm thấy một trong số trẻ em ở trại hè, một trong số các nạn nhân, hiện tại lại là cán bộ của Viện chẳng hạn?”

Cathy d’Humières nhìn anh sắc lẹm.

“Giả thuyết thú vị đấy,” bà nói.

“Tôi sẽ làm việc với tòa thị chính,” Ziegler nói.

Servaz ngạc nhiên. Ziegler đã lên tiếng. Không giống tác phong của cô lắm. Anh gật đầu, “Tốt. Nhưng hướng hành động quan trọng vẫn là tìm Chaperon, bất kể ông ta đang trốn ở đâu. Chúng ta phải thẩm vấn bà vợ cũ. May ra bà ta biết đôi điều. Xem xét giấy tờ của Chaperon nữa. Ngộ nhớ có gì trong các hóa đơn, biên lai thuê nhà, dẫn chúng ta tới nơi ông ta ẩn náu. Cô đã có kế hoạch gặp vợ cũ của Chaperon vào sáng nay, cứ tiếp tục đi. Tòa thị chính đến sau cũng được.”

“Được. Còn gì nữa?” D’Humières hỏi.

“Hồ sơ tâm lý,” Propp nói. “Tôi đã lắp ghép được một chân dung khá chính xác, dựa vào những yếu tố tìm thấy ở hiện trường vụ án: treo cổ, đôi ủng, khóa thân, vân vân. Nhưng những cuốn nhật kí đã thay đổi tất cả. Tôi phải quay trở lại bảng vẽ.”

“Cậu cần bao lâu?”

“Giờ chúng ta có đủ tài liệu nên sẽ khá nhanh. Tôi sẽ đưa kết luận của mình cho mọi người vào thứ Hai.”

“Vào thứ Hai? Hãy hy vọng là tên giết người cũng nghỉ ngơi vào cuối tuần,” d’Humières xẵng giọng.

Câu nói mỉa mai của bà khiến anh ta đỏ mặt.

“Điều cuối cùng. Làm tốt lắm, Martin! Tôi luôn biết mình đã quyết định đúng khi giao cho cậu vụ này.”

Nói đến đây, ánh mắt bà chuyển từ Servaz sang Confiant, nhưng có lẽ cậu ta thích ngắm móng tay mình hơn.

Khi điện thoại reo, Espérandieu đang nghe The Raconteurs hát *Many Shades of Black*. Cậu ngoáy ngoáy tai khi nhận ra Marissa, cô gọi lại từ tổ điều tra tội phạm kinh tế.

“Cậu đã nói cậu muốn biết có gì kì lạ xảy ra gần đây liên quan tới Eric Lombard phải không?”

“Về cơ bản, đúng là như vậy,” cậu xác nhận, mặc dù cậu nhớ mình đã diễn đạt có phần hơi khác.

“Tôi có thông tin đấy. Chẳng biết ích lợi gì không, vì thoạt nhìn nó không liên quan tới vụ của cậu. Nhưng nó mới xảy ra gần đây và đã gây đôi chút xôn xao.”

“Cứ nói tôi nghe xem.”

Và cô kể cho cậu nghe. Mất một lúc lâu cô mới giải thích hết. Mà Espérandieu cũng không dễ dàng nắm bắt ngay được. Đại khái là có điều khuất tất liên quan tới một số tiền là 135.000 đô la trên sổ kế toán của công ty Truyền thông Lombard. Mục chỉ là sản xuất phóng sự, người hưởng là một công ty truyền thông và dịch vụ truyền hình. Nhưng khi đối chiếu với công ty nêu trên, họ không tìm thấy bất cứ phóng sự nào tương ứng hết. Rõ ràng, bút toán dùng để che đậy một vụ biển thủ công quỹ. Nghe xong, Espérandieu hơi thất vọng. Cậu không hiểu lắm, và cảm thấy thông tin này chẳng giúp gì được cho bọn họ. Nhưng vẫn cẩn thận ghi chú vài dòng vào tập giấy của mình.

“Thế nào, có tác dụng gì với cậu không?”

“Không hẳn,” cậu trả lời. “Nhưng dù sao vẫn cảm ơn chị.”

Có điều gì khác lạ trong bầu không khí của Viện. Diane đã quan sát Xavier suốt cả buổi sáng, để ý kĩ từng biểu hiện cử chỉ của anh ta. Xavier lộ vẻ lo lắng và căng thẳng, trên thực tế, gần như là kiệt sức. Có vài lần, ánh mắt họ gặp nhau. Anh ta biết... Hoặc chính xác hơn, anh ta biết là cô biết. Hoặc có lẽ chỉ là tưởng tượng của cô. Phỏng chiếu, chuyển dịch*, cô biết ý nghĩa của những từ này.

Cô có nên báo cảnh sát không? Suốt buổi sáng nay câu hỏi cứ ám

ảnh tâm trí cô. Cô không tin cảnh sát sẽ nhận ra mối liên hệ trực tiếp giữa vụ đặt hàng thuốc mê và cái chết của con ngựa. Cô đã hỏi Alex xem có ai nuôi con gì trong Viện không. Anh ta lộ vẻ ngạc nhiên, và đưa ra câu trả lời phủ định. Cô cũng nhớ lại buổi sáng hôm mới đến, chính là buổi sáng người ta tìm thấy con ngựa. Xavier tiếp đón cô, trông không hề giống một người đã chạt vật thức cả đêm để chạt đầu một con vật, vận chuyển nó rồi treo lên độ cao 2.000 mét dưới thời tiết -10°C. Trái lại, anh ta có vẻ sáng khoái, thư thái, và hơn hết là ngạo mạn trịch thượng đến khó ưa. Dù gì thì cũng không phải kiệt sức và căng thẳng.

Đột nhiên, Diane lo lắng tự hỏi lẽ nào mình đã kết luận vội vàng. Phải chăng sự tách biệt với thế giới bên ngoài và trạng thái kì lạ bao trùm nơi này khiến cô hoang tưởng. Nói cách khác, liệu có phải cô tưởng tượng ra tất cả? Nếu thế, thật vô cùng nực cười khi liên hệ với cảnh sát chỉ để yêu cầu họ tìm ra lý do thực sự của việc đặt hàng những liều thuốc kia. Và chắc chắn cô sẽ đánh mất mọi cơ hội tạo dựng niềm tin ở Xavier và các đồng nghiệp khác. Chưa kể tới thanh danh của cô khi trở lại Thụy Sĩ.

Viễn cảnh u ám khiến cô vô cùng nản chí.

“Cô không hứng thú với những gì tôi nói sao?”

Diane trở về thực tại. Bệnh nhân ngồi đối diện đang lạnh lùng nhìn cô. Thậm chí cho tới giờ, đôi bàn tay ông ta vẫn to bè và chai sần thô ráp. Ông ta vốn là một công nhân, tấn công ông chủ bằng một cái tua vít sau khi bị đuổi việc không có lý do chính đáng. Đọc hồ sơ của ông ta, Diane tin rằng chỉ vài tuần trong bệnh viện tâm thần là đủ cho người đàn ông khốn khổ này. Nhưng ông ta đã rơi vào tay của một bác sĩ tâm thần quá nhiệt huyết, nên bị giam giữ mười năm. Thêm vào đó, họ bắt ông ta uống thuốc tâm thần liều cao và kéo dài. Khi mới đến, có lẽ người đàn ông này chỉ bị trầm cảm, nhưng giờ rốt cuộc đã hóa điên.

“Đương nhiên là có, Aaron. Tôi rất hứng thú.”

“Cô không hứng thú chút nào.”

“Tôi cam đoan với ông là có.”

“Tôi sẽ mách bác sĩ Xavier là cô không hứng thú với những gì tôi nói.”

“Tại sao ông lại làm thế, Aaron? Nếu ông không phiền, chúng ta có thể quay lại...”

“Blah blah blah, cô chỉ đang cố câu giờ.”

“Câu giờ?”

“Cô đừng nhắc lại mọi điều tôi nói.”

“Ông làm sao thế, Aaron?”

“‘Ông làm sao thế, Aaron?’ Tôi đã nói chuyện cả tiếng đồng hồ với một bức tường.”

“Không hề! Tôi chỉ...”

“‘Không hề! Tôi chỉ...’ Cốc cốc cốc, chuyện gì đang xảy ra trong đầu cô, bác sĩ?”

“Gì cơ?”

“Cô có vấn đề gì?”

“Tại sao ông lại nói thế, Aaron?”

“‘Tại sao ông lại nói thế, Aaron?’ Câu hỏi, tất cả những gì tôi nhận được chỉ là câu hỏi!”

“Tôi nghĩ chúng ta nên hoãn buổi trò chuyện này tới khi khác...”

“Không, tôi không nghĩ vậy. Tôi sẽ báo lại bác sĩ Xavier rằng cô đang phí phạm thời gian của tôi. Tôi không muốn có thêm buổi nói chuyện nào với cô nữa.”

Cô đỏ mặt, dù không muốn, “Ôi thôi nào, Aaron! Đây mới chỉ là buổi trò chuyện thứ ba của chúng ta. Tôi...”

“Cô đang ở đâu ấy, bác sĩ ạ. Cô không quan tâm. Tâm trí cô lang thang chỗ khác.”

“Aaron, tôi...”

“Cô biết không, bác sĩ? Cô không thuộc về nơi này. Cô từng ở đâu thì trở về nơi ấy đi. Trở về Thụy Sĩ quê hương của cô đi.”

Cô giật mình, “Ai nói với ông tôi là người Thụy Sĩ? Chúng ta chưa bao giờ đề cập đến.”

Ông ta ngửa đầu ra sau và bật cười, một tiếng cười gian xảo. Ông ta

nhìn thẳng vào cô với ánh mắt trơn tuột và mờ đục như một phiến đá xám.

“Cô nghĩ sao? Ở đây, chúng tôi biết tất cả. Mọi người đều biết cô là người Thụy Sĩ, giống như Julian.”

Delmas nói, “Chắc chắn anh ta đã bị đẩy xuống không trung với dây đai vòng quanh cổ. Phát hiện tổn thương nghiêm trọng ở hành não và hành tủy, không giống như trường hợp của dược sĩ. Còn cả tổn thương xung quanh đốt sống cổ vì cú giật mạnh.”

Servaz tránh nhìn vào cái xác đang sắp mặt xuống, gáy và sọ bị cắt mở của Perrault. Nếp cuộn não và tủy sống lấp lánh như thạch rau câu trong ánh sáng của phòng giải phẫu.

“Không có dấu hiệu của tụ máu hay tiêm chích,” Delmas nói tiếp. “Cậu đã thấy anh ta lúc còn sống trong cái cabin... Về cơ bản, anh ta đã hoàn toàn tự nguyện đi theo kẻ giết mình.”

“Hoặc đúng hơn, bị đe dọa bằng vũ khí gì đó,” Servaz nói.

“Tìm hiểu chuyện đó không phải là sở trường của tôi. Dù sao thì tôi cũng sẽ tiến hành kiểm tra mẫu máu. Vừa phát hiện ra trong máu Grimm có vết tích rất nhỏ của flunitrazepam, một dược chất chống trầm cảm mạnh gấp mười lần so với valium, được kê trong những trường hợp rối loạn giấc ngủ nghiêm trọng và được thương mại hóa dưới cái tên rohypnol. Nó còn được sử dụng như một loại thuốc gây mê. Grimm là dược sĩ, có lẽ anh ta sử dụng phương thuốc này để chữa trị chứng mất ngủ. Có khả năng... Hơn nữa, nó đã được phân loại vào một nhóm thuốc thường được gọi là thuốc xâm hại tình dục*, bởi nó kích thích chứng quên và là một chất chống ức chế rất mạnh, đặc biệt khi dùng kết hợp với rượu. Nó không mùi, không màu và không vị, bài tiết rất nhanh qua nước tiểu và để lại cực kì ít dấu vết trong máu, gần như rất khó bị phát hiện, mọi dấu vết hóa học sẽ biến mất trong vòng hai mươi tư giờ.”

Servaz bật ra một tiếng huýt sáo nho nhỏ.

“Nguyên nhân khiến chúng tôi chỉ tìm thấy những dấu vết cực nhỏ

trong máu là do nạn nhân đã dùng thuốc trước đó rất lâu rồi. Rohypnol có thể được hấp thu qua miệng hoặc qua tĩnh mạch, nuốt, nhai hoặc tan trong đồ uống. Kẻ hành hung có lẽ đã sử dụng nó để khiến nạn nhân nghe lời và dễ kiểm soát hơn. Đối tượng cậu cần tìm là một tên cuồng kiểm soát, Martin ạ. Và hẳn vô cùng, vô cùng thông minh.”

Delmas lật cái thi thể nằm ngửa ra. Perrault không còn mang biểu cảm khiếp sợ mà Servaz đã thấy trong cabin nữa. Thay vào đó, ông ta đang lè lưỡi. Delmas cầm một chiếc cửa điện lên.

“Được rồi, tôi nghĩ tôi đã nhìn đủ rồi,” Servaz nói. “Dù sao chúng ta cũng đã biết chuyện gì xảy ra. Tôi sẽ đọc báo cáo của anh sau.”

“Martin,” Delmas gọi, ngay khi anh sắp rời khỏi phòng.

Anh quay lại.

“Trông cậu không khỏe đâu,” với chiếc cửa trong tay, trông ông ta như một thợ sửa chữa siêng năng vào ngày Chủ nhật. “Đừng để bị vụ án cuốn đi.”

Servaz gật đầu và đi ra ngoài. Anh nhìn cô quan tài lót đệm đang đợi Perrault sau khi rời khỏi nhà xác. Servaz rời khỏi tầng hầm bệnh viện, đi lên con dốc bê tông thoải thoải rồi hít một hơi đầy lồng ngực khí trời trong lành bên ngoài. Hẳn anh sẽ bị mùi formalin, thuốc khử trùng và xác chết trộn lẫn với nhau ám lại rất lâu. Điện thoại reo lên khi anh vừa mở khóa xe. Là Xavier.

“Tôi đã có danh sách,” anh ta tuyên bố. “Của những người đã tiếp xúc với Hirtmann. Anh có cần không?”

Servaz nhìn lên dãy núi.

“Tôi sẽ ghé qua và tiện lấy luôn,” anh trả lời. “Hẹn gặp lại anh.”

Trên đường đến Viện, bầu trời tối sầm nhưng mưa đã ngừng. Ở mỗi khúc quanh, những chiếc lá vàng và đỏ, vết tích cuối cùng của mùa thu, trôi lên khỏi tuyết lè đường và bị thổi bay khi chiếc xe lao vụt qua. Gió rét buốt rung lắc những cành cây trụi đang vươn ra cào xước chiếc xe hết như những ngón tay trơ xương kinh dị. Ngồi sau vô lăng, Servaz

lại nghĩ tới Margot. Espérandieu đã theo dõi con bé theo lời anh bảo chưa? Anh nghĩ tới Charlène, tới thằng bé Clément, và Alice Ferrand... Mọi thứ xoay tít và quay mòng mòng trong đầu anh khi xe vòng qua những khúc quanh.

Điện thoại lại rung. Anh nhắc máy. Là Propp.

“Tôi quên mất không nói với anh một điều, màu trắng rất quan trọng, Martin. Những đỉnh núi phủ tuyết trắng cho con ngựa, sắc trắng của cơ thể trần truồng cho Grimm, và một làn nữa, tuyết trắng cho Perrault. Màu trắng dành cho kẻ giết người. Hẳn coi đó là biểu tượng của sự thuần khiết và thanh tủy. Hãy tìm màu trắng. Tôi nghĩ anh sẽ tìm thấy màu trắng xung quanh tên giết người.”

“Trắng như Viên?” Servaz nói.

“Tôi không biết. Tôi tưởng chúng ta đã loại bỏ hướng đó, không phải sao? Tôi xin lỗi, chỉ có thể thôi. Hãy tìm màu trắng.”

Servaz cảm ơn anh ta và cúp máy. Cổ họng anh thắt lại. Có điều gì đáng sợ đang lờn vờn trong không khí, anh đã lờ mờ cảm thấy.

Tất cả vẫn chưa kết thúc.

PHẦN III

TRẮNG

“Mười một,” Xavier nói. Anh ta đưa tờ giấy qua mặt bàn. “Mười một người đã từng tiếp xúc với Hirtmann trong hai tháng qua. Đây là danh sách.”

Viên bác sĩ tâm thần có vẻ đang bận tâm điều gì, nét mặt cau lại.

“Tôi đã nói chuyện rất lâu với từng người bọn họ,” anh ta nói.

“Rồi sao?”

“Vô ích.”

“Ý anh là gì, vô ích là sao?”

“Là không có thu hoạch. Xem chừng chẳng ai lấp liếm điều gì. Hoặc là tất cả bọn họ đều có điều giấu giếm. Tôi không biết.”

Bắt gặp ánh mắt nghi hoặc của Servaz, anh ta vẫy tay xin lỗi.

“Ý tôi là, chúng tôi sống biệt lập ở đây, cách xa tất cả. Trong những trường hợp thế này thường xuất hiện một âm mưu ngầm mà người ngoài tất nhiên khó lòng nhận ra. Những bí mật nhỏ bé, kín đáo ẩn giấu đằng sau hậu trường, những mưu kế chống lại người này người khác, chia bè kết phái. Có hẳn một cuộc chiến trong mối quan hệ giữa các cá nhân, được chi phối bởi những quy tắc mà người ngoài cảm thấy kì quái. Chắc anh đang tự hỏi tôi nói linh tinh cái gì đây.”

Servaz cười.

“Không hề,” anh nghĩ tới lực lượng cảnh sát. “Tôi biết quá rõ điều anh đang muốn nói, bác sĩ ạ.”

Xavier thả lỏng một chút, “Anh uống cà phê nhé?”

“Vâng, cảm ơn.”

Xavier đứng lên. Trong góc là một chiếc máy pha cà phê nhỏ cạnh cái giỏ đựng cà phê viên nén. Cà phê ngon và Servaz nhâm nhi từ từ. Nói Viện Wagnier khiến anh không thoải mái là đã nói giảm nói

tránh. Anh còn thắc mắc làm sao người ta có thể làm việc ở đây mà không phát điên. Không chỉ vì những người bệnh, mà còn bởi bản thân nơi đây, những bức tường dày, những ngọn núi.

“Tóm lại, rất khó để phân định rạch ròi,” Xavier tiếp tục. “Mọi người ở Viện đều có những bí mật nho nhỏ. Trong điều kiện sống thế này, không có ai chơi đẹp cả.”

Bác sĩ Xavier trưng ra nụ cười cùng ánh mắt hồi lỗi đằng sau cặp kính. Và cả anh cũng không chơi đẹp, ông bạn của tôi ạ, Servaz nghĩ.

“Tôi hiểu.”

“Đương nhiên tôi là người lập ra danh sách tiếp xúc với Julian Hirtmann, nhưng không có nghĩa là tôi nghi ngờ tất cả bọn họ.”

“Không ư?”

“Y tá trưởng của chúng tôi chẳng hạn. Cô ấy thuộc nhóm cán bộ thâm niên nhất của Viện. Từng làm việc dưới quyền bác sĩ Wagnier. Hầu như mọi hoạt động hằng ngày của Viện đều trông cậy vào năng lực và hiểu biết về các bệnh nhân của cô ấy. Tôi hoàn toàn tin tưởng người này. Anh không cần lãng phí thời gian với cô ấy làm gì.”

Servaz nhìn danh sách, “Hừm, Élisabeth Ferney, là cô ta à?”

Xavier gật đầu. “Hoàn toàn đáng tin cậy,” anh ta khẳng định.

Servaz ngược mắt lên, nhìn kỹ bác sĩ tâm thần. Anh ta bỗng đỏ mặt.

“Cảm ơn,” Servaz gấp tờ giấy lại, đút vào túi áo, rồi ngập ngừng. “Tôi có một câu hỏi cho anh, nhưng không liên quan tới cuộc điều tra. Một câu hỏi với bác sĩ tâm thần, không phải với một người bình thường hay với một nhân chứng.”

Xavier ngạc nhiên nhướng một bên lông mày.

“Anh có tin vào sự tồn tại của cái ác không, bác sĩ?”

Tay bác sĩ tâm thần giữ im lặng lâu hơn Servaz tưởng. Anh ta cứ nhìn chăm chăm vào Servaz với cặp kính đỏ khác thường của mình, như thể cố gắng xác định xem người cảnh sát này đang có mục đích gì. Cuối cùng anh ta cũng đáp, “Với tư cách là một bác sĩ chuyên khoa thần kinh, câu trả lời của tôi là: Đây không phải vấn đề thuộc phạm trù tâm thần học, mà là triết học. Và cụ thể hơn, là đạo đức. Từ góc độ đó, cái ác không thể thai nghén mà không có cái thiện, anh không thể có cái này mà không có cái kia. Anh đã nghe nói về các giai đoạn phát triển đạo đức của Kohlberg chưa?” Anh ta hỏi.

Servaz lắc đầu.

“Lawrence Kohlberg là một nhà tâm lý học người Mỹ. Lấy cảm hứng từ thuyết phát triển nhận thức của Piaget*, ông ta phân định sự tồn tại của sáu giai đoạn phát triển đạo đức ở con người.” Xavier ngừng lại, ngả ra lưng tựa ghế và đặt hai tay bắt chéo lên bụng, tập trung suy nghĩ. “Theo Kohlberg, ý thức về đạo đức của một cá nhân được hình thành lần lượt qua các giai đoạn trong quá trình phát triển nhân cách. Lần lượt, không thể nhảy cóc hay rút ngắn. Khi một cá nhân đạt đến một giai đoạn đạo đức nhất định, người ấy không thể quay lui mà sẽ tiến lên hoặc ở lại cấp độ đó cả đời. Tuy nhiên, không phải mọi cá nhân đều đạt đến giai đoạn cuối cùng, gần như không. Rất nhiều người dừng lại ở một giai đoạn đạo đức cấp thấp. Cuối cùng, những giai đoạn này là điểm chung của toàn nhân loại, bất kể văn hóa. Chúng chính là tiếp điểm của văn hóa.”

Servaz cảm nhận được rằng anh đã khơi lên hứng thú ở tay bác sĩ tâm thần.

“Ở cấp độ 1,” Xavier hào hứng bắt đầu. “Cái thiện được tưởng thưởng và cái ác bị trừng phạt. Như khi anh lấy thước kẻ đánh lên bàn tay đứa

trẻ để chúng hiểu rằng chúng vừa làm một việc sai trái. Việc nghe lời được nhận thức như một giá trị, và đứa trẻ vâng lời bởi người lớn có sức mạnh để trừng phạt nó. Ở cấp độ 2, đứa trẻ không còn vâng lời chỉ để tuân theo quyền lực, mà để nhận về phần thưởng hoặc sự hài lòng từ người lớn. Điều này đánh dấu sự bắt đầu của một cuộc trao đổi có qua có lại.”

Xavier khẽ cười.

“Ở cấp độ 3, cá nhân tiến tới giai đoạn đầu tiên của đạo đức quy ước, hay nói cách khác là các giá trị đạo đức được toàn xã hội quy ước và chấp nhận, cố gắng đáp ứng kì vọng của người khác và hoàn cảnh của chính mình. Đó là sự phán xét của gia đình hoặc các nhóm người có vị trí quan trọng với cá nhân đó. Đứa trẻ học được sự tôn trọng, trung thành, tin tưởng và biết ơn. Ở cấp độ 4, ý niệm về nhóm mở rộng ra thành xã hội. Đây là lúc xuất hiện sự tôn trọng pháp luật và trật tự. Chúng ta vẫn còn đang trong phạm vi của đạo đức quy ước, và đây là giai đoạn tuân thủ. Cái thiện bao gồm việc thực hiện nghĩa vụ của mình, và cái ác là những gì xã hội lên án.”

Xavier ngả người tới trước.

“Từ cấp độ 5 trở đi, cá nhân được giải phóng khỏi đạo đức quy ước và vượt lên trên nó. Đây là đạo đức hậu quy ước. Hành động của cá nhân vượt lên trên tính vị kỉ để trở thành vị tha. Người đó biết rằng các giá trị chỉ là tương đối, luật pháp phải được tôn trọng nhưng không phải lúc nào cũng là điều tốt. Trên hết, người đó có sự quan tâm đến tập thể. Cuối cùng, ở cấp độ 6, cá nhân tự do lựa chọn những nguyên tắc đạo đức có thể xung đột với luật pháp của đất nước, nếu coi những điều luật ấy là trái đạo đức. Lúc này, lương tâm và lý lẽ của cá nhân sẽ chiếm ưu thế. Ở cấp độ 6, cá nhân có một tầm nhìn rõ ràng, mạch lạc và trọn vẹn về hệ giá trị của chính mình. Một người như thế thường tích cực trong tập thể và các hoạt động từ thiện, là kẻ thù không đội trời chung của thói lừa lọc, ích kỉ và tham lam.”

“Rất thú vị,” Servaz nói.

“Đúng nhỉ! Chắc không nói thì anh cũng biết, đa số con người kẹt lại

ở cấp độ 3 và 4. Kohlberg còn vạch ra cấp độ 7. Có cực ít cá nhân từng đạt đến cấp này. Cá nhân ở cấp độ 7 có tình yêu bao la và lòng trắc ẩn đối với tất cả chúng sinh, chẳng khác nào thần thánh, vượt xa người trần mắt thịt thông thường. Kohlberg chỉ đề cập đến vài ví dụ, Jesus, Phật tổ, Gandhi. Dựa vào đó có thể nói, người thái nhân cách tắc lại ở cấp độ 0. Ngay cả khi đối với một bác sĩ chuyên khoa thần kinh, quan niệm này có vẻ không được học thuật cho lắm.”

“Liệu rằng có khả năng đặt ra một thước đo tương tự với cái ác không?”

Đôi mắt của tay bác sĩ ánh lên đằng sau cặp kính khi nghe câu hỏi của Servaz. Anh ta liếm môi vẽ thêm thuồng.

“Đây là một câu hỏi rất thú vị,” anh ta nói. “Tôi thừa nhận bản thân cũng thường băn khoăn tương tự. Với một thước đo như thế, một người như Hirtmann sẽ ở cấp độ cao nhất, hay về cơ bản, là một dạng đối lập với cá nhân cấp độ 7 ở thước đo đạo đức.”

Anh ta nhìn thẳng vào mắt anh qua tròng kính. Trông như đang tự hỏi Servaz đã đạt tới cấp độ nào. Servaz thấy mồ hôi vã ra, tim đập dồn dập. Có thứ gì đó lớn dần trong ngực anh. Nỗi sợ hãi. Một lần nữa anh lại nhìn thấy cặp đèn pha qua gương chiếu hậu, Perrault gào thét trong chiếc cabin, thi thể trần trụi của Grimm treo bên dưới cầu, con ngựa không đầu, tên khổng lồ người Thụy Sĩ chăm chăm nhìn anh, ánh mắt của Lisa Ferney qua những dãy hành lang của Viện. Nỗi sợ hãi đã ở đây ngay từ ban đầu, tận sâu bên trong, như một hạt giống, đòi được nảy mầm và trở hoa. Anh muốn quay gót, bỏ chạy khỏi nơi này, thung lũng này, những ngọn núi này.

“Cảm ơn, bác sĩ,” anh bật dậy.

Xavier đứng lên theo, mỉm cười và vươn bàn tay qua bàn làm việc.

“Có gì đâu.” Anh ta nắm tay Servaz một lúc. “Trông anh rất mệt mỏi, sĩ quan ạ, không khỏe chút nào cả. Anh nên nghỉ ngơi nhiều hơn.”

“Đây là lần thứ hai có người nói với tôi như vậy.” Servaz cười đáp.

Nhưng đôi chân anh run rẩy khi bước ra cửa.

15:30. Chiều đông đang tàn dần. Những cây lãnh sam đen nổi bật trên nền tuyết, bóng tối mỗi lúc một dày đặc, hình dáng ngọn núi cắt qua bầu trời xám ngắt và trùm xuống thung lũng với vẻ hăm dọa. Servaz ngồi trong xe, nhìn vào danh sách. Mười một cái tên. Anh biết ít nhất hai người trong số đó, Lisa Ferney và chính bác sĩ Xavier. Anh nổ máy, lùi vòng lại để lái xe đi. Bên rìa đường, tuyết đã gần tan hết, thay bằng một lớp màng mỏng màu đen, nhờn, mềm và sáng bóng. Không còn chiếc xe nào khác trên con đường hẹp và tối, nhưng ở vài kilomet tiếp theo, khi đi tới gần trại hè, anh thấy một chiếc xe đỗ gần cổng vào. Một chiếc Volvo 940 đỏ cũ kĩ. Servaz đi chậm lại và cố đọc biển số trong ánh đèn pha sáng rực của xe mình. Chiếc xe hẳn đến nổi một nửa những con số đã biến mất dưới lớp bùn và dưới những chiếc lá dính vào tấm biển. Chỉ là ngẫu nhiên hay ngụy trang? Nỗi lo lắng dâng lên trong anh.

Servaz liếc vào trong. Không có ai. Anh vượt qua chiếc xe chừng 5 mét rồi đỗ lại, và bước ra ngoài. Không có ai xung quanh. Cơn gió rên rĩ thấm thiết qua những tán cây, giống như âm thanh của những tờ giấy cũ loạt soạt trên một con đường vắng. Tiếng dòng nước cuộn cuộn chảy. Ánh sáng đang yếu dần. Anh với đèn pin trong hộp đựng đồ và đi tới chỗ chiếc Volvo, giẫm lên lớp tuyết hẳn ở rìa đường. Không có gì đặc biệt bên trong chiếc xe, ngoại trừ việc nó hẳn không kém bên ngoài. Anh cố mở cửa xe. Nó đã khóa.

Servaz không quên trải nghiệm ở cáp treo, bèn trở lại lấy súng. Khi băng qua cây cầu nhỏ gỉ sét, anh cảm nhận một luồng không khí lạnh lẽo bốc lên từ dòng nước. Giây phút bàn chân trượt trên con đường lầy bùn, Servaz hồi hận vì đã không đi ủng, và anh nhớ lại những dòng nhật kí Alice đã viết. Sải được vài bước thì đôi giày của anh cũng rơi vào tình trạng đáng thương hệt như chiếc Volvo. Anh tiến vào rừng. Trời bắt đầu mưa trở lại. Ban đầu, anh bước đi dưới những tàng cây, nhưng khi con đường dẫn tới một bãi đất trống nơi cỏ và tầm ma đâm xuyên qua tuyết, cơn mưa dội xuống đầu anh như hàng chục ngón tay nhỏ gõ đều đều theo một nhịp điệu ma quỷ. Servaz dựng cổ áo lên che khuất cái cổ ướt đẫm nước. Dưới cơn mưa tầm tã, trại hè trông vô cùng quạnh

quê.

Tới gần mấy tòa nhà, con đường bắt đầu thoai thoải dốc lên, Servaz trượt chân trên lớp bùn và suýt nữa thì ngã dúm dúm. Anh đánh rơi súng, nó liền trượt xuống một vũng nước. Anh chửi thề và nhặt súng lên, bụng bảo dạ chẳng may có ai đang trốn đâu đây theo dõi, hẳn sẽ cười phá lên vì sự vụng về của anh.

Tòa nhà dường như đang chờ anh tới. Tay và quần anh dính đầy bùn, khắp người ướt sũng nước mưa. Servaz gọi to, nhưng không ai trả lời. Tim anh đập điên cuồng trong lồng ngực. Từng tín hiệu báo động, hết đợt này đến đợt khác, đang nháy đỏ. Ai có thể lang thang quanh cái trại hoang liêu này, và tại sao? Nhất là, tại sao không có lời đáp lại tiếng gọi của anh? Chắc hẳn tiếng anh đủ vang để người ta nghe thấy.

Ba tòa nhà xây theo phong cách nhà gỗ vùng núi, nhưng làm bằng bê tông, chỉ có vài chỗ tô điểm bằng gỗ. Mái nhà lợp đá tảng đen. Có nhiều cửa sổ ở mỗi tầng và những ô cửa sổ lớn ở tầng trệt. Ba tòa nhà được nối với nhau bằng hành lang đi bộ có mái che. Không có ánh đèn nào hắt ra từ những ô cửa sổ. Một nửa số kính cửa sổ đã vỡ, vài chỗ được thay bằng ván gỗ dán. Nước mưa trào ra từ những máng dẫn nứt nẻ, bắn tung tóe trên mặt đất. Servaz quét ánh đèn pin qua mặt tiền của tòa nhà ở chính giữa và phát hiện ra một dòng khẩu hiệu đã phai được vẽ bên trên lối vào: *Không có kì nghỉ nào trong trường đời*. Hay trong tội ác, anh nghĩ.

Đột nhiên anh thấy có gì đó chuyển động qua khóe mắt, ở phía bên trái. Anh quay ngoắt qua. Một phần, anh băn khoăn liệu có thật là mình đã nhìn thấy gì không, hay chỉ là những cành cây rung rinh trước gió? Phần khác anh gần như chắc chắn là đã thoáng thấy một cái bóng vụt qua. Một cái bóng giữa những bóng tối.

Kiểm tra súng để đảm bảo mình đã mở chốt an toàn và trượt một viên đạn vào ổ đạn, Servaz cảnh giác tiến tới. Đi qua góc ngoài cùng bên trái của tòa nhà, anh cẩn thận đặt từng bước chân, vì mặt đất dần dốc xuống, trơn trượt với lớp bùn nhớp nháp. Ở cả hai bên, những thân sồi thẳng tắp vươn cành nhánh đen sẫm vào xa thẳm, ngược mắt nhìn lên, anh trông thấy những mảng trời xám và cơn mưa đang trút xuống. Con

dốc bùn lầy nằm giữa đám thân cây và dẫn tới một dòng suối cách đó vài mét.

Đột nhiên, anh trông thấy. Một luồng sáng.

Nhỏ bé và bập bùng như bóng ma trời. Anh chớp mắt để xua đi nước mưa đọng trên mi. Luồng sáng vẫn còn đó.

Chết tiệt, là cái gì đây? Một ngọn lửa. Nhảy nhót, mong manh, nhỏ bé, cách mặt đất một mét, trên một trong những thân cây thẳng đứng.

Còi báo động bên trong anh tiếp tục kêu vang. Ai đó đã thả ngọn lửa chắc chắn chưa thể đi xa chỗ này. Servaz nhìn quanh quất, rồi đi xuống con dốc dẫn đến cái cây và suýt trượt ngã tiếp trên lớp bùn lầy. Một ngọn nến. Nến trà, loại được dùng để ủ ấm thức ăn hoặc tạo không khí cho một căn phòng. Nó được đặt trên một cái khay gỗ nhỏ gắn lên thân cây. Luồng sáng đèn pin quét qua lớp vỏ cây xù xì, Servaz khựng lại khi nhìn thấy một trái tim lớn được khắc lên thân cây, bên trên ngọn nến vài centimet. Trong trái tim là năm cái tên:

Ludo + Marion + Florian + Alice + Michael.

Những nạn nhân tự tử. Servaz nhìn chăm chăm vào hình trái tim, sững sờ, câm nín.

Cơn mưa đã dập tắt ngọn nến.

Và bất thành linh, anh bị tấn công. Hung bạo. Dã man. Đáng sợ. Đột nhiên anh nhận thức rằng anh không chỉ có một mình. Sau một tích tắc, một thứ lạnh lẽo và mềm dẻo chụp xuống đầu anh. Hoảng sợ, anh vùng lên và quyết liệt chống trả, nhưng kẻ tấn công không chịu buông tha. Anh cảm thấy thứ lạnh lẽo kia chụp qua mũi và miệng mình. Bộ não kinh hoàng của anh gào thét trong tâm lặng: túi nhựa! Tên kia giáng một cú tàn nhẫn vào khoeo chân anh, làm Servaz đau đớn khuỷu xuống. Anh bắt lực nằm dưới đất, mặt ngập trong bùn, toàn bộ trọng lượng của gã đàn ông đè lên anh. Cái túi khiến anh ngạt thở. Qua lớp nhựa, anh cảm thấy chất bùn nhão nhoẹt và nhớp nháp. Kẻ tấn công ấn mặt anh xuống đất, choàng cái túi quanh cổ anh và cố định hai cánh tay anh bằng đầu gối hẳn. Vừa cố hớp từng hơi, Servaz vừa nhớ lại vết bùn

trên tóc Grimm. Một nỗi sợ hãi buốt giá, không thể kiểm soát choán lấy anh. Anh điên cuồng quơ quào hai chân và thân trên của gã đàn ông, cố hắt hẩn khỏi lưng mình. Vô ích! Hấn không chịu buông. Cái túi nhựa loạt soạt căng phồng lên, đẩy xa khỏi mặt khi anh thở ra và lại dán sát vào mũi, miệng và răng khi anh hít vào. Anh gần như không thở nữa. Và hoảng loạn. Đầu bị giam hãm trong một nhà tù bằng nhựa, Servaz có cảm giác trái tim mình sẽ ngừng đập bất cứ lúc nào. Đột nhiên anh bị giật ngược ra sau một cách hung bạo, một sợi dây thừng siết quanh cổ họng, đồng thời cũng thít cái túi nhựa lại luôn. Một cơn đau như thiêu như đốt hành hạ phần cổ khi anh bị lôi đi trên mặt đất.

Hai chân anh vung vẩy loạn xạ, cố trượt qua bùn để làm giảm bớt áp lực khủng khiếp trên cổ. Mông anh nhấc lên, rơi xuống và trượt qua đất mềm, hai tay níu lấy sợi dây, cố níu lỏng cái tròng siết cổ trong vô vọng. Anh không biết súng của mình đã rơi đâu mất. Anh bị lôi đi vài mét, bị trật khớp, đau đớn, và ngạt thở, hết như một con vật bị chát lên xe kéo đến lò mổ.

Không đến hai phút nữa anh sẽ chết.

Anh vẫn đang phải vật lộn để thở. Miệng anh há ra hết cỡ nhưng cái túi nhựa đã chặn không khí lại. Bên trong cái túi, ôxy đang cạn kiệt, thay vào là cacbon dioxit mà anh thở ra.

Anh sắp phải chịu chung số phận với Grimm.

Chung số phận với Perrault.

Với Alice.

Bọn chúng sẽ treo cổ anh.

Servaz sắp sửa ngất đi thì đột nhiên không khí lại ào ạt tràn vào phổi như thể một cửa xả lũ vừa mở. Làn không khí tinh khiết, không lẫn bụi. Anh cũng cảm nhận được nước mưa đang xối lên mặt mình. Anh hít lấy một hơi đầy phổi, cả không khí và nước mưa, khiến hơi thở khò khè như một cái ống bễ lò rèn.

“Hít thở! Thở đi!”

Giọng bác sĩ Xavier. Anh quay đầu, mất một lúc để điều chỉnh tiêu cự và thấy anh ta đang cúi xuống đỡ mình. Xavier trông khiếp hãi chẳng khác gì anh.

“Hắn... Hắn đâu rồi?”

“Hắn chạy mất rồi. Tôi thậm chí không kịp nhìn thấy hắn. Im lặng nào, thở đi!”

Đột nhiên họ nghe thấy âm thanh động cơ và Servaz hiểu ra.

Chiếc Volvo!

“Chết tiệt,” anh không biết mình đã lấy đâu ra sức để nói câu ấy.

Servaz ngồi dựa vào một thân cây, để mặc cơn mưa gột rửa mặt mũi và đầu tóc. Ngồi thu lu bên cạnh anh là Xavier, cũng có vẻ chẳng đoái hoài đến cơn mưa đang ngấm ướt sũng bộ com lê, hay đám bùn dính trên đôi giày bóng lộn.

“Tôi đang trên đường xuống Saint-Martin thì nhìn thấy xe của anh. Tôi thắc mắc không biết anh làm gì ở đây. Vì thế tôi quyết định vào xem thế nào.”

Tay bác sĩ tâm thần nhìn anh bằng ánh mắt sắc sảo và mỉm cười dò hỏi.

“Tôi cũng giống những người khác thôi. Cuộc điều tra, những vụ giết người... tất cả đều đáng sợ, nhưng cũng kích thích trí tò mò. Nói tóm lại, tôi đang đi tìm anh, rồi đột nhiên tôi thấy anh nằm quay trên đất, cái túi trùm đầu... và sợi dây! Chắc hung thủ không ngờ đến chuyện bị quấy rầy, nên đã chạy luôn khi nghe thấy tiếng động cơ.”

“Một cái bà... bầy,” Servaz lắp bắp, xoa nắn cổ. “Hắn đặt bầy t... tôi.”

Anh bập môi vào điều thuốc ướt đẫm. Nó gãy rời. Cơ thể anh run lẩy bẩy, co giật từng hồi. Tay bác sĩ nhẹ nhàng kéo cổ áo vét của anh sang một bên.

“Để tôi xem nào. Trông không được tốt lắm. Tôi sẽ đưa anh đến bệnh viện. Anh phải đi khám ngay. Cần chụp X-quang cổ và thanh quản.”

“Cảm ơn anh vì đã tới... tới đây.”

“Chào buổi sáng,” Ngài Atlas nói.

“Chào buổi sáng,” Diane trả lời. “Tôi đến gặp Julian.”

Ngài Atlas sẫm soi cô, mày chau lại, đôi bàn tay khổng lồ đặt trên thắt lưng của bộ áo liền quần. Diane bình thản đáp lại ánh mắt anh ta, cố gắng giữ điềm tĩnh.

“Bác sĩ Xavier không đi với cô sao?”

“Không.”

Gương mặt của người đàn ông khổng lồ thoáng chốc tối sầm. Diane tiếp tục nhìn vào mắt anh ta. Cuối cùng, Ngài Atlas nhún vai và quay đi. Cô đi theo anh ta, tim đập dồn.

“Anh có khách này,” người bảo vệ mở cánh cửa phòng giam.

Diane đi vào. Cô nhận ra sự ngạc nhiên trong ánh mắt Hirtmann.

“Chào buổi sáng, Julian.”

Người đàn ông Thụy Sĩ không trả lời. Tâm trạng hẳn có vẻ không tốt. Tinh thần thoải mái lần trước đã bay biến. Giờ cô chỉ ước mình có thể quay gót trở ra trước khi quá muộn.

“Tôi không biết hôm nay mình sẽ có khách,” cuối cùng hẳn nói.

“Tôi cũng không biết,” cô trả lời. “Ít nhất là cho đến năm phút trước.”

Lần này Hirtmann chưng hửng, khiến Diane cảm giác có chút tự mãn. Cô ngồi xuống bên chiếc bàn nhỏ và trải giấy tờ ra trước mặt, đợi hẳn đến ngồi xuống đối diện mình, nhưng hẳn không hề có ý định làm thế mà cứ tiếp tục đi qua đi lại trước cửa sổ như một con quái vật trong lồng.

Cô bắt đầu, “Vì chúng ta sẽ gặp nhau thường xuyên, tôi muốn làm rõ một vài điều, chỉ là để thiết lập khuôn khổ cho những cuộc thảo luận giữa chúng ta và nắm được cơ chế làm việc của cơ sở này.”

Hắn dừng bước, nhìn cô bằng ánh mắt ngờ vực một lúc lâu, rồi tái lập cuộc đi lại mà không nói một lời.

“Anh không phiền chứ?”

Im lặng.

“Được rồi, để bắt đầu, có nhiều người ghé thăm anh không, Julian?”

Một lần nữa, hắn dừng chân, nhìn cô chăm chăm trước khi tiếp tục đi lại với vẻ bồn chồn, hai bàn tay chấp sau lưng.

“Có người ngoài Viện nào ghé thăm không?”

Không trả lời.

“Và ở đây, ai tới thăm anh, bác sĩ Xavier? Élisabeth Ferney? Hay còn ai nữa?”

Không trả lời.

“Anh có bao giờ nói chuyện với họ về những gì xảy ra bên ngoài không?”

“Bác sĩ Xavier phê duyệt cuộc viếng thăm này chưa?” Đột nhiên hắn lên tiếng hỏi, dừng lại ngay trước mặt cô.

Diane buộc phải nhìn lên. Hắn nhìn xuống chỗ cô đang ngồi với chiều cao lêu nghêu của mình.

“Ừm, tôi...”

“Tôi cá là chưa. Chính xác thì cô đang làm gì ở đây vậy, bác sĩ Berg?”

“Thì, tôi vừa nói với anh, tôi...”

Hắn tặc lưỡi. “Không thể tin nổi bác sĩ tâm lý các cô lại thiếu hiểu biết về tâm lý đến như vậy. Tôi có thể cư xử rất lịch sự, bác sĩ Berg, nhưng tôi không thích bị xem là thằng ngu.” Hắn xẵng giọng.

“Anh có biết chuyện xảy ra bên ngoài không?” Cô hỏi, quyết định bỏ qua giọng điệu chuẩn mực của một bác sĩ tâm lý.

Hắn lại nhìn cô, dường như tư lự. Rồi quyết định ngồi xuống, vươn người về phía trước, hai cánh tay đặt trên bàn, ngón tay đan vào nhau.

“Ý cô là mấy vụ giết người hả? Có, tôi đã đọc báo.”

“Như vậy nghĩa là tất cả thông tin anh nắm được đều bắt nguồn từ báo chí, phải không?”

“Cô đang ám chỉ chuyện gì? Chuyện gì xảy ra ở bên ngoài Viện đã khiến cô trở nên thế này?”

“Trở nên thế nào?”

“Cô có vẻ khiếp sợ. Nhưng không chỉ là khiếp sợ. Cô giống một người đang tìm kiếm thứ gì, hoặc thậm chí, cô giống một con thú nhỏ thích đào hang. Hiện tại trông cô giống như thế đấy, mấy con chuột bẩn thỉu. Giá mà cô trông thấy vẻ mặt mình lúc này! Lạy Chúa, bác sĩ Berg, cô bị làm sao vậy? Cô không thể chịu được nơi này, phải thế không? Cô không sợ mình sẽ phá vỡ sự cân bằng ở đây bằng những câu hỏi của mình sao?”

“Anh nói hết như bác sĩ Xavier vậy,” cô mĩa mai.

Hắn mỉm cười, “Ồi không, làm ơn! Nghe nhé, lần đầu tiên cô xuất hiện, tôi đã cảm nhận được ngay rằng cô không cảm thấy mình thuộc về nơi đây. Nơi đây... Cô trông đợi sẽ tìm thấy gì? Ác thần hay quỷ dữ? Cô sẽ chẳng tìm thấy gì ngoài các bệnh nhân tâm thần và hoang tưởng đáng thương, bác sĩ Berg ạ. Tôi không do dự gì mà chẳng liệt mình vào đám đó. Khác biệt duy nhất giữa chúng tôi và những người bên ngoài là sự tàn bạo. Tin tôi đi, nó không chỉ giới hạn ở các bệnh nhân thôi đâu.”

Hắn xòe tay ra, “Ồ, tôi biết bác sĩ Xavier nhìn nhận mọi thứ theo cách riêng, có thể nói là lãng mạn. Anh ta coi chúng tôi là những sinh vật hiểm ác, hiện thân của nữ thần báo thù và những thứ rác rưởi na ná thế. Anh ta nghĩ rằng mình đã được giao phó một sứ mệnh. Với anh ta, nơi này là một dạng chén thánh của tâm thần học. Hết sức nhắm nhí!”

Trong khi nói, biểu cảm của Hirtmann trở nên tăm tối và cay nghiệt hơn bao giờ hết. Diane không khỏi co rúm lại.

“Viện Wargnier cũng giống như tất cả các chỗ khác, không có gì ngoài rác rưởi, tầm thường, phương pháp điều trị vô tác dụng và thuốc liều cao. Tâm thần học là quả lừa lớn nhất của thế kỷ 20. Xem phương thuốc mà họ kê đi, bọn họ thậm chí còn không biết tại sao chúng có tác dụng! Hầu hết đều là ngẫu nhiên khám phá ra, nhờ những người nghiên cứu ở các lĩnh vực khác.”

Cô chăm chăm nhìn hắn.

“Cho tôi biết anh lấy thông tin ở đâu,” cô nhắc lại. “Có phải tất cả đều từ báo chí không?”

“Cô không lắng nghe những lời tôi nói!!!”

Hirtmann lớn tiếng bằng giọng độc đoán. Diane nhảy dựng lên. Có cảm giác mình đang tuột mất hẳn, đang làm hỏng việc, đang bỏ qua thứ gì. Hẳn sẽ không không đời nào hợp tác với cô.

“Tôi có, tôi đang nghe đây...”

“Cô không nghe tôi nói.”

“Sao anh lại nói như vậy? Tôi...”

Đột nhiên cô hiểu ra.

“Anh nói, ‘không chỉ giới hạn ở các bệnh nhân’ là ý gì?”

Một nụ cười ruồi nhưng dữ tợn hiện ra trên mặt Hirtmann, “Cô sẽ thấy, khi cô muốn thấy.”

“‘Không chỉ giới hạn ở các bệnh nhân?’ Nghĩa là sao? Anh đang ám chỉ điều gì? Người điên? Biến thái? Tội phạm? Sát nhân? Có những kẻ như thế trong đội ngũ cán bộ, phải thế không?”

“Rốt cuộc, nói chuyện với cô cũng khá thú vị đấy.”

“Anh đang nói đến ai? Kẻ ấy là ai?”

“Cô biết những gì, Diane? Cô đã tìm ra điều gì rồi?”

“Nếu tôi kể thật, làm sao tôi biết được anh sẽ không nhắc lại với ai?”

Hắn bật cười, nghe thật tởm lợm và khó chịu, “Ôi, thôi nào, Diane! Nghe cứ như lời thoại của một bộ phim tệ hại ấy! Cô nghĩ sao? Rằng tôi rất hứng thú muốn biết à? Nhìn tôi xem, tôi sẽ không bao giờ ra khỏi đây. Vì thế tôi cũng chẳng quan tâm, dù ngoài kia có xảy ra động đất đi chăng nữa, hoặc ít nhất là nếu không đủ mạnh để những bức tường này vỡ làm đôi, thì động đất với tôi cũng chẳng có nghĩa lý gì.”

“Họ tìm thấy DNA của anh ở nơi con ngựa bị giết,” cô nói. “Anh có biết không?”

Hirtmann quan sát cô rất lâu, “Còn cô thì sao, làm sao cô biết?”

“Không quan trọng. Sao, anh biết chứ, hay là không?”

Hắn hơi nhăn mặt, hoặc cũng có thể là một điệu cười.

“Tôi biết cô đang tìm kiếm điều gì,” hắn nói. “Nhưng cô sẽ không tìm thấy nó ở đây đâu. Và câu trả lời cho cô là: Tôi biết tất cả, Diane ạ. Mọi chuyện xảy ra ở cả trong này và ngoài kia. Cứ yên tâm, tôi sẽ không tiết

lộ với ai về chuyện viếng thăm của cô. Tuy vậy, tôi không chắc Ngài Atlas có được kín miệng hay không. Khác với tôi, anh ta không được tự do làm việc mình muốn. Ngược đời thế đấy. Và bây giờ, ra khỏi đây mau. Mười lăm phút nữa y tá trưởng sẽ đến. Ra khỏi đây! Đi khỏi nơi này, Diane ạ. Cô đang gặp nguy hiểm.”

Espérandieu ngồi ở bàn làm việc và nghĩ ngợi. Sau cuộc điện thoại của Marissa, một ý tưởng bất chợt nảy ra trong tâm trí cậu. Cậu không thể thôi nghĩ về số tiền cô đã nhắc tới sáng nay, 135.000 đô la. Số tiền có thể tương ứng với cái gì? Thoạt nhìn, con số 135.000 đô la chẳng liên quan tới cuộc điều tra của họ. Thoạt nhìn... và rồi cậu nghĩ tới ý tưởng này.

Thật nực cười, vì ban đầu cậu đã gạt phăng ý tưởng đó. Nhưng nó bướng bỉnh không chịu biến mất. Nếu tìm hiểu thì cũng đâu mất mát gì? Đến khoảng 11 giờ, Espérandieu đi đến quyết định và tìm kiếm thông tin trên máy tính. Sau đó cậu nhắc điện thoại. Người thứ nhất nói chuyện với cậu tỏ ra lưỡng lự, không muốn trả lời thẳng. Những vấn đề thế này không nên trao đổi qua điện thoại, dù là với một cảnh sát. Tuy nhiên khi nhắc đến con số 135.000, cậu đã thu thập được vài mảnh thông tin. Trong hơn nửa giờ cậu gọi thêm năm, sáu cú điện thoại. Máy cú đầu tiên chẳng đi đến đâu. Mỗi lần nhận được câu trả lời ‘Không, không có gì như thế vào ngày hôm ấy!’, ý tưởng của cậu lại càng tỏ ra nực cười. Con số 135.000 đô la tương ứng với quá nhiều thứ. Và giờ là cuộc điện thoại cuối cùng! Cậu lắng nghe câu trả lời với cảm giác đan xen giữa hoài nghi và kích thích. Phải chăng cậu đã đoán trúng? Có khả năng không? Một giọng nói nhỏ trong đầu cậu lên tiếng như cố kiềm chế cơn hưng phấn. Đương nhiên, có thể chỉ đơn giản là một sự trùng hợp. Nhưng cậu không nghĩ vậy. Không thể vào đúng ngày hôm ấy. Khi cúp máy, cậu vẫn không tin nổi. Không thể tin nổi! Chỉ bằng vài cú điện thoại, cậu đã giúp cho cuộc điều tra có những bước nhảy vọt.

Espérandieu nhìn đồng hồ đeo tay, 16:50. Biết là mình phải báo cho

Servaz biết, nhưng cuối cùng lại đổi ý. Cần có bằng chứng xác thực đã. Cậu chụp lấy điện thoại và cuống cuồng gọi tới một số khác. Lần này đã có định hướng.

“Anh cảm thấy thế nào?”

“Không tốt lắm.”

Ziegler đang chăm chú nhìn anh, vẻ buồn bã. Các y tá đi ra đi vào. Một bác sĩ đã khám cho anh và chụp vài hình X-quang trước khi để anh nằm trên cáng và đẩy anh về phòng, dù anh hoàn toàn có khả năng đi lại.

Xavier ngồi trong hành lang bệnh viện đợi Ziegler đến lấy lời khai. Còn có một viên sen đậm gác bên ngoài cửa phòng Servaz. Cánh cửa đột nhiên mở tung.

“Vì Chúa, chuyện gì xảy ra thế?” Cathy d’Humières kêu lên, sải bước vào phòng bệnh và đến bên giường.

Servaz cố thuật lại thật ngắn gọn.

“Và cậu không nhìn thấy mặt hắn à?”

“Không.”

“Chắc không?”

“Tất cả những gì tôi có thể nói là hắn khỏe khủng khiếp. Và hắn biết làm thế nào để vô hiệu hóa một người.”

Cathy d’Humières nhìn anh rất lâu bằng ánh mắt tăm tối.

“Không thể tiếp tục như thế này được,” bà nói rồi quay sang Ziegler. “Tạm ngừng những vụ việc không cấp bách lắm và tập trung tất cả nhân viên vào việc này. Chúng ta có tin tức gì về Chaperon rồi?”

“Bà vợ cũ không biết ông ta có thể ở đâu,” Ziegler trả lời.

Servaz nhớ lại rằng Ziegler phải đến Bordeaux để gặp vợ cũ của ông thị trưởng.

“Bà ta thế nào?” Anh hỏi.

“Trịch thượng. Trưởng giả. Rám nắng nhân tạo, trang điểm quá

đậm.”

Anh không thể nhịn cười, “Cô có hỏi bà ta về chồng cũ không?”

“Có. Rất thú vị. Khi tôi nhắc tới Chaperon, bà ta liền cảm như hén. Tôi chỉ thu thập được những chuyện vặt vãnh. Việc leo núi, chính trị, những người bạn thao túng ông ta, cuộc ly dị từ cả hai phía, cuộc sống của họ đã rẽ sang hai hướng khác nhau và vân vân. Nhưng tôi có cảm giác bà ta đang giấu giếm một điều quan trọng.”

Servaz nhớ lại căn nhà của Chaperon, hai phòng ngủ riêng biệt. Giống như Grimm và vợ. Tại sao? Phải chăng vợ bọn họ đã phát hiện ra bí mật khủng khiếp kia? Sự khinh miệt của bà Grimm đối với chồng, việc bà toan tự sát, cùng với sự miễn cưỡng của vợ cũ Chaperon khi nói về đời tư của ông thị trưởng đều có chung một ngọn nguồn. Mấy người đàn bà biết chồng họ xấu xa và đòi bại, dù không rõ mức độ kinh tởm đến đâu.

“Cô có hỏi bà ta về những thứ chúng ta tìm thấy trong ngôi nhà không?” Anh hỏi Ziegler.

“Không.”

“Vậy hỏi đi. Không có thời gian đâu. Gọi và nói rằng nếu bà đang giấu giếm điều gì, mà chẳng may chúng tôi phát hiện ra chồng bà đã chết thì bà sẽ là nghi phạm số một.”

“Được. Tôi phát hiện ra một điều khá thú vị,” cô nói thêm.

Servaz chờ đợi.

“Élisabeth Ferney, y tá trưởng của Viện Wagnier từng có tiền án hồi còn trẻ. Tội lật vật. Ăn cắp xe máy, lăng mạ người thi hành công vụ, ma túy, đe dọa và hành hung, tống tiền. Phải ra tòa vài lần.”

“Và cô ta kiếm được việc ở Viện bất chấp lý lịch như vậy sao?”

“Chuyện xảy ra rất lâu rồi. Cô ta hoàn lương, đi học, công tác tại vài bệnh viện tâm thần khác, rồi bác sĩ Wagnier tiền nhiệm của Xavier đã thu nhận cô ta. Ai cũng xứng đáng có cơ hội thứ hai mà.”

“Thú vị đấy!”

“Còn nữa, Lisa Ferney thường xuyên lui tới một câu lạc bộ thể hình ở

Saint-Lary, cách đây 20 kilomet. Cô ta còn là thành viên của một câu lạc bộ bắn súng.”

Servaz và d’Humières lập tức cảnh giác. Một ý nghĩ nảy ra trong đầu Servaz. Trực giác ban đầu của anh có thể đã đúng. Lisa Ferney có lý lịch thích hợp... Dù là ai đã treo con ngựa lên thì cũng phải là người cực kì khỏe mạnh.

“Cô cứ tiếp tục tìm hiểu,” anh nói. “Rất có thể sẽ tìm ra gì đấy.”

“À đúng rồi, suýt nữa tôi quên mất. Máy cái băng cát xét.”

“Ừ?”

“Chúng chỉ là tiếng chim hót.”

“À.”

“Được rồi, sau đây tôi sẽ tới tòa thị chính xem họ có danh sách những đứa trẻ đã đi trại hè không,” cô kết luận.

“Thưa bà và cô, tôi buộc phải yêu cầu mọi người để cho sĩ quan đây nghỉ ngơi một chút,” một giọng nói oang oang vang lên từ ngoài cửa.

Họ quay lại. Một bác sĩ tầm ngoài ba mươi khoác áo blu trắng vừa đi vào. Anh ta có làn da sẫm màu với lông mày đen và rậm, gần như giao nhau ở giữa trán và một cái mũi to. Trên áo khoác, Servaz đọc được chữ *BS. Saadeh*. Anh ta mỉm cười đi tới chỗ họ. Nhưng đôi mắt không cười, lông mày đan vào nhau thể hiện sự răn đe để họ biết rằng ở đây, thẩm phán và sen đầm phải khuất phục trước một quyền uy lớn hơn, là y bác sĩ. Về phần Servaz, anh đã bắt đầu kéo tám chặn ra sau.

“Không đời nào tôi ở lại đây đâu,” anh nói.

“Và không đời nào tôi để anh đi như thế,” bác sĩ Saadeh vặn lại, đặt một bàn tay thân thiện nhưng kiên quyết lên vai anh. “Chúng tôi vẫn chưa khám xong.”

“Thế thì nhanh lên,” Servaz tỏ vẻ cam chịu, nằm phịch xuống gôi.

Tuy vậy ngay sau khi họ đã đi hết, anh nhắm mắt lại và chìm vào giấc ngủ.

Trong lúc đó, một sĩ quan cảnh sát nhắc máy ở tổng hành dinh

khổng lồ của Interpol tại số 200, Charles-de-Gaulle, Lyon. Người đàn ông đang đứng giữa một văn phòng thoáng rộng, đầy máy tính, điện thoại, máy in và máy pha cà phê, với tầm nhìn toàn cảnh trông ra sông Rhone. Còn có một cây thông trang trí khá cao, ngôi sao trên đỉnh vươn lên phía trên vách ngăn giữa các gian phòng làm việc.

Anh ta chau mày khi nhận ra giọng của người ở đầu dây bên kia.

“Vincent? Là cậu đấy phải không? Đã bao lâu rồi, anh bạn? Cậu có việc gì?”

Đứng thứ hai chỉ sau Liên Hợp Quốc về số lượng quốc gia thành viên, Interpol có mặt tại 187 nước. Tuy nhiên, đây không phải là một tổ chức cảnh sát thực sự, mà đúng hơn là một cơ quan tình báo, cố vấn cho lực lượng cảnh sát của các nước thành viên bằng nghiệp vụ chuyên môn và cơ sở dữ liệu của mình, gồm có hồ sơ về 178.000 tù nhân và 4.500 kẻ vượt ngục. Một cơ quan ban hành vài nghìn lệnh bắt giữ quốc tế mỗi năm, ‘Lệnh truy nã đỏ’ nổi tiếng. Người đàn ông vừa trả lời điện thoại là Luc Damblin. Espérandieu biết Damblin, cũng như Marissa, tại học viện cảnh sát. Hai người đàn ông trao đổi vài lời hỏi thăm xã giao rồi Espérandieu vào thẳng vấn đề.

“Tôi cần nhờ anh một việc.”

Damblin lơ đãng nhìn những tấm chân dung gắn trên vách ngăn bên chiếc máy photocopy trước mặt mình, mấy tên xã hội đen người Nga, lũ ma cô Albania, những tên trùm ma túy Mexico và Colombia, những tay trộm châu báu Serbia và Croatia, bọn ấu dâm quốc tế hoành hành ở những nước nghèo. Ai đã thêm cái mũ đỏ của Santa Claus và chòm râu trắng lên những tấm ảnh, nhưng chẳng khiến bọn chúng trông vui nhộn hơn chút nào. Damblin kiên nhẫn lắng nghe lời giải thích của người đồng nghiệp.

“Cậu may mắn đấy,” rớt cuộc anh ta trả lời. “Một tay FBI ở Washington đang nợ tôi một vụ. Tôi đã gợi ý cho cuộc điều tra của gã đi đúng hướng. Tôi sẽ gọi cho gã xem thế nào. Nhưng sao cậu lại cần thông tin này?”

“Cho một cuộc điều tra tôi đang tiến hành.”

“Có liên quan gì đến Mỹ?”

“Tôi sẽ giải thích. Đây, tôi vừa gửi ảnh cho anh,” Espérandieu nói.

Người đàn ông ở Interpol kiểm tra đồng hồ đeo tay, “Sẽ mất một khoảng thời gian đây. Gã khá bận. Cậu cần thông tin này sớm không?”

“Khá gấp, phiền anh.”

“Ừ, lúc nào chả gấp,” Damblin trả lời. “Đừng lo. Tôi sẽ ưu tiên việc cậu nhờ. Vì tình bạn của chúng ta. Thêm nữa, Giáng sinh sắp đến. Đây sẽ là quà của tôi.”

Hai tiếng sau Servaz tỉnh dậy. Mất một lúc anh mới nhận ra chiếc giường bệnh viện, căn phòng trắng, khung cửa sổ lớn với tấm rèm màu xanh dương. Khi biết mình đang ở đâu, anh tìm kiếm quần áo tư trang và thấy chúng trong túi nhựa đặt trên một chiếc ghế. Anh nhảy ra khỏi giường và mặc đồ nhanh nhất có thể. Ba phút sau, anh đã ra ngoài và gọi tới một số trên di động.

“Alô?”

“Là Martin đây. Nhà trọ có mở cửa tối nay không?”

Ở đầu dây bên kia, người đàn ông cao tuổi cười lớn, “Tôi rất mừng vì cậu đã gọi. Tôi đang chuẩn bị bữa tối.”

“Tôi cũng có vài câu hỏi cho anh.”

“Thế mà tôi lại tưởng cậu gọi cho tôi vì đồ ăn tôi nấu. Thật thất vọng! Cậu đã tìm thấy cái gì sao?”

“Tôi sẽ giải thích.”

“Tốt. Hẹn gặp lại.”

Màn đêm đã buông xuống nhưng con phố bên ngoài trường trung học vẫn sáng đèn. Ngồi trong chiếc xe không gắn gác cảnh sát cách đó 10 mét, Espérandieu thấy Margot Servaz ra khỏi trường. Cậu gần như không nhận ra cô bé. Mái tóc đen đã biến mất nhường chỗ cho một mái tóc vàng kiểu Scandinavia. Hai bím tóc nhỏ hai bên khiến cô bé chẳng

khác nào bức tranh biếm họa vẽ một Madchen* người Đức. Và chiếc mũ bê rê kì quái.

Khi cô bé quay nghiêng, dù ở khoảng cách này, cậu vẫn có thể nhận ra cô bé có một hình xăm mới trên cổ giữa hai bím tóc. Một hình xăm lớn, nhiều màu. Espérandieu nghĩ tới con gái mình. Cậu sẽ phản ứng thế nào, nếu sau này Megan cũng làm thế với cơ thể mình? Sau khi kiểm tra xem máy ảnh có ở đúng chỗ trên ghế hành khách không, cậu nổ máy. Cũng như hôm trước, Margot đứng trên vỉa hè tán gẫu với bạn học một lúc và cuộn một điếu thuốc lá. Người đón rước tận tụy với chiếc scooter lại xuất hiện.

Espérandieu thở dài. Ít nhất lần này nếu chúng bỏ xa cậu thì cậu cũng biết phải tìm chúng ở đâu. Cậu sẽ không lái xe liều lĩnh như lần trước. Cậu đánh xe ra và bắt đầu đi theo chúng. Thằng bé lái chiếc scooter tiếp tục theo đuổi thú vui nhào lộn của mình. Trên chiếc iPhone của Espérandieu, The Gutter Twins đang hát, *“Ôi bố ơi, con không thể tin nổi bố lại bỏ đi...”*

Đèn đỏ tiếp theo, cậu giảm tốc và dừng lại. Chiếc ô tô trước mặt cậu đã dừng lại và chiếc scooter đang đỗ cách cậu bốn chiếc ô tô. Espérandieu biết chúng sẽ đi thẳng qua giao lộ, cậu thả lỏng người.

Giọng hát khàn khàn trong tai nghe đang tuyên bố *“Mẹ của tôi, bà ấy không hiểu tôi. Và bố tôi, ông ấy không thể kiểm soát tôi...”* thì đèn đột ngột chuyển xanh, chiếc scooter rẽ phải, ông bô xả khói tít mù. Espérandieu tức đến xì khói theo. Giờ bọn chúng đang giở trò quỷ gì đây? Đây không phải đường về nhà. Máy chiếc xe dừng đèn đỏ trước mặt cậu mất một thời gian dài tới khó chịu mới nhúc nhích. Espérandieu thấy lo lắng. Đèn chuyển vàng, rồi đỏ. Cuối cùng cũng qua được đèn đỏ, cậu thoáng thấy thấy chiếc scooter rẽ trái ở nút giao thông tiếp theo cách đó 200 mét. Quỷ tha ma bắt! Bọn chúng đi đâu mà vội vàng như thế? Cậu vừa kịp đi qua giao lộ tiếp theo, khi đèn đã chuyển vàng, có bắt kịp chúng.

Chúng đang hướng về phía trung tâm.

Giờ thì Espérandieu đã tới gần chúng. Đường sá đông đúc hơn

nhiều, trời đang mưa và luồng sáng từ đèn pha hắt lên vỉa hè ướt át. Trong hoàn cảnh này, không dễ gì theo đuôi chiếc xe đang lạng lách. Cậu vớ lấy iPhone, mở ứng dụng thông tin giao thông và phóng to trạm dừng tiếp theo, trượt ngón cái và ngón trỏ qua màn hình cảm ứng. Mười sáu phút sau, chiếc scooter thả người ngồi phía sau xuống phố d'Alsace-Lorraine và lập tức phóng mất. Espérandieu dừng ở nơi cấm đỗ xe, kéo tấm che nắng đè chữ *Cảnh sát* xuống, và ra ngoài. Trực giác mách bảo cậu rằng lần này ắt hẳn phải có chuyện. Nhớ ra mình đã bỏ quên máy ảnh trên ghế hành khách, cậu chửi thề và quay lại lấy rồi chạy vội lên để bắt kịp mục tiêu.

Không cần cuống. Margot Servaz đang bình tĩnh đi bộ phía trước, xuyên qua đám đông. Cậu vừa chạy theo cô bé vừa bật máy ảnh lên để đảm bảo nó vẫn hoạt động.

Cô bé rẽ vào quảng trường Esquinol. Những khung cửa sổ rực rỡ cùng ánh đèn Giáng sinh mang đến vẻ lộng lẫy cho cây cối và mặt tiền những tòa nhà cổ kính. Chỉ còn vài ngày nữa là đến Giáng sinh, quảng trường nhộn nhịp đông đúc. Và rất thích hợp cho Espérandieu, vì sẽ ít khả năng bị cô bé để ý thấy. Đột nhiên, cô bé dừng lại, nhìn khắp xung quanh rồi rẽ vào Nhà hàng Père Léon. Còi báo động của Espérandieu réo lên. Đây không phải hành vi của một người không có gì phải che giấu. Cậu vội vã đi theo vào cửa quán. Giờ thì tiến thoái lưỡng nan. Cậu đã gặp Margot sáu, bảy lần hoặc hơn. Cô bé sẽ phản ứng thế nào nếu thấy cậu đi vào ngay sau mình?

Cậu nhìn qua cửa sổ đúng lúc bắt gặp cô bé hôn môi một người và ngồi xuống chiếc ghế đối diện. Trông cô rạng rỡ, vui cười trước những lời người ấy nói.

Cậu chuyển ánh mắt sang người ta.

Ôi, mẹ kiếp!

Vào buổi tối tháng Mười hai lạnh lẽo ấy, sao trời rải rác bên trên dãy núi và ánh đèn cối xay phản chiếu dưới nước hứa hẹn một sự chào đón nồng nhiệt. Gió lộng tạt qua má anh, cơn mưa một lần nữa lại chuyển

thành tuyệt. Chủ cối xay mở cửa và vị khách thấy mặt ông cứng đờ vì sửng sốt.

“Lạy Chúa lòng lành! Chuyện gì xảy ra với cậu thế?”

Servaz đã nhìn mình trong gương bệnh viện, và anh biết trông rất kinh khủng. Đồng tử giãn ra đen sẫm, hai mắt đỏ ngầu như trong bộ phim *Dracula* của Christopher Lee, cổ anh thâm tím tới tận mang tai, môi và lỗ mũi tấy lên vì cọ xát vào túi nhựa, chưa kể vết sẹo khủng khiếp màu đỏ tía nơi cổ họng do bị sợi dây thừng siết lại. Mắt anh ầng ầng nước vì lạnh, hoặc vì căng thẳng thần kinh.

“Tôi đến muộn,” anh khó nhọc nói. “Nếu anh không phiền, tôi vào trong luôn được không. Tối nay bên ngoài lạnh quá.” Cả người anh vẫn run lẩy bẩy.

Vào đến nhà, Saint-Cyr lo lắng xem xét anh kĩ hơn.

“Lạy Chúa tôi! Xuống đây sưởi ấm đi,” vị thẩm phán già nói, đưa vị khách đi xuống những bậc thang dẫn tới phòng khách rộng lớn.

Giống như lần trước, bàn đã được bày biện chu tất. Ngọn lửa rực rỡ cháy lách tách trong lò sưởi. Saint-Cyr kéo ghế cho Servaz ngồi. Ông nhắc một chai rượu và đổ đầy ly.

“Uống đi. Từ từ thôi. Cậu chắc mình ổn chứ?”

Servaz gật đầu. Anh uống một ngụm. Rượu có màu đỏ thẫm, gần như đen, nặng nhưng tuyệt hảo. Ít nhất là theo Servaz cảm nhận, anh thực sự không phải người sành rượu.

“Somontano,” Saint-Cyr nói. “Tôi mang nó về từ bên kia dãy Pyrenees, vùng cao nguyên Aragon. Nào, kể cho tôi nghe chuyện gì đã xảy ra.”

Servaz bắt đầu kể. Anh không thể ngừng nghĩ tới trại hè ấy, và lần nào một luồng adrenalin cũng trào lên khiến toàn thân nhức nhối, như cái xương cá đâm sâu xuống cổ họng con mèo. Ai đã cố thắt cổ anh? Anh tua lại cuộc tấn công trong đầu. Gaspard Ferrand? Élisabeth Ferney? Hay Xavier? Nhưng Xavier đã tới cứu anh. Trừ phi tay bác sĩ ấy từ bỏ ý tưởng giết một cảnh sát vào phút cuối. Một phút trước, Servaz đang bị tấn công dã man, và liền đó Xavier xuất hiện bên cạnh.

Có thể nào là cùng một người? Không, không thể, bởi anh đã nghe thấy tiếng chiếc Volvo lái đi mất! Anh tổng kết lại từng sự kiện trong hai ngày vừa qua. Chaperon đột ngột tháo chạy, ngôi nhà trống không, phát hiện áo choàng và nhẫn, hộp đạn trên bàn làm việc.

“Cậu đang đến rất gần sự thật,” Saint-Cyr kết luận, lo âu nhìn anh. “Cậu đã tới gần rồi.”

Ông dừng mắt ở cổ Servaz và tiếp tục, “Nhưng việc này... những gì hấn làm với cậu là tàn bạo không sao tả xiết, chừng như hiện tại không gì có thể cản hấn lại. Hấn sẵn sàng giết một cảnh sát nếu cần.”

“Hấn, hoặc họ,” Servaz nói.

Saint-Cyr nhìn anh bằng ánh mắt sắc bén, “Rất đáng lo cho Chaperon.”

“Anh không có ý tưởng gì về nơi ông ta có thể ẩn nấp sao?”

Ông trầm ngâm, “Không. Nhưng Chaperon rất thích đi bộ và leo núi. Anh ta biết mọi nẻo đường và mọi nơi trú ẩn ở cả hai bên biên giới. Cậu nên tìm sự giúp đỡ của sen đầm vùng núi.”

Hấn nhiên rồi. Tại sao anh không nghĩ tới điều đó sớm hơn nhỉ?

“Tôi đã làm một món ăn nhẹ,” Saint-Cyr nói. “Theo yêu cầu của cậu. Cá hồi sốt hạnh nhân. Món Tây Ban Nha. Đảm bảo cậu sẽ thích.”

Ông đi vào bếp và trở lại với hai chiếc đĩa bốc khói nghi ngút. Servaz uống thêm một ngụm rượu rồi bắt đầu thưởng thức món cá hồi. Món ăn tỏa hương hấp dẫn. Nước sốt thanh nhẹ, được nêm nếm rất vừa miệng, thoảng vị hạnh nhân, gừng, chanh và mùi tây.

“Cậu có nghĩ rằng ai đó đang trả thù cho những thiếu niên kia không?”

Servaz nhăn mặt gật đầu. Cổ họng anh đau đớn mỗi khi nuốt. Chẳng mấy chốc anh đã mất cảm giác ngon miệng và đẩy chiếc đĩa ra.

“Tôi xin lỗi, chỉ là tôi không thể,” anh nói.

“Đương nhiên rồi. Tôi sẽ lấy cà phê cho cậu.”

Servaz đột nhiên nhớ ra hình trái tim được khắc trên vỏ cây. Với năm cái tên. Năm trong bảy nạn nhân tự tử.

“Như vậy những tin đồn là sự thật,” Saint-Cyr nói khi quay trở lại với cà phê của Servaz. “Thật không thể tin nổi chúng tôi đã bỏ qua những cuốn nhật kí. Và chúng tôi cũng không tìm được chứng cứ gì dù là nhỏ nhất xác nhận cho giả thuyết ấy.”

Servaz hiểu Saint-Cyr. Một mặt, ông cứ thẫn phán nhẹ nhõm vì cuối cùng sự thật cũng được phơi bày, mặt khác ông đang cảm thấy điều mà bất cứ ai cũng cảm thấy khi đã theo đuổi một thứ hàng năm trời, cam chịu trước thực tế rằng mình sẽ không bao giờ thành công được thì bất thần có kẻ giành lấy nó. Cảm giác rằng mình đã bỏ qua điểm then chốt của vấn đề, rằng mình đã lãng phí thời gian cho một việc vô ích.

“Cuối cùng thì linh cảm của anh đã đúng,” Servaz nói. “Hình như các thành viên bộ tứ không bao giờ cởi áo choàng khi thực hiện những việc làm bỉ ổi đó, và chưa bao giờ lộ mặt với các nạn nhân.”

“Nhưng cứ nghĩ mà xem, không một nạn nhân nào từng lên tiếng cả!”

“Thường là như vậy, anh cũng biết rõ như tôi thôi. Rất nhiều năm sau, sự thật mới phơi bày, khi những nạn nhân đã trưởng thành, khi họ đã có thêm tự tin và không còn sợ hãi những kẻ hành hạ mình nữa.”

“Chắc là cậu xem danh sách trẻ em tham gia trại hè rồi phải không?” Saint-Cyr hỏi.

“Danh sách nào?”

Ông thẫn phán ngạc nhiên nhìn anh, “Danh sách những đứa bé từng đến Les Isards, tôi đã liệt kê đầy đủ và để trong hộp tài liệu mà tôi đưa cho cậu.”

“Không có danh sách nào trong hộp cả,” Servaz trả lời.

Saint-Cyr có vẻ méch lòng, “Đương nhiên là có! Cậu nghĩ tôi mất trí sao? Tất cả các văn kiện cần thiết đều ở trong hộp, tôi đảm bảo đấy. Bao gồm cả danh sách vừa nói. Bây giờ tôi cố tìm kiếm một mối liên hệ giữa các nạn nhân tự sát và những đứa trẻ đến trại hè, như tôi từng trao đổi với cậu. Tôi nhận ra rằng có thể còn những vụ tự tử khác xảy ra từ trước nhưng chưa được để ý tới vì chúng rời rạc, tách biệt nhau. Nhằm xác

nhận linh cảm của mình về mối liên quan giữa loạt tự tử và Les Isards, tôi đã đến tòa thị chính lấy tên tất cả những đứa trẻ từng ở trại hè, từ lúc thành lập cho tới thời điểm xảy ra vụ việc. Danh sách để ở trong hộp.”

Saint-Cyr không thích người khác nghi ngờ những lời ông ta nói, Servaz thăm nghĩ. Hoặc nghi ngờ năng lực suy luận của ông ta. Người đàn ông này hết sức tin tưởng vào bản thân.

“Tôi xin lỗi, nhưng chúng tôi không tìm thấy bất cứ danh sách nào như thế trong hộp.”

Ông thẩm phán già chăm chăm nhìn anh và lắc đầu, “Cậu đã có tất cả các bản sao. Hồi ấy tôi cực kì kĩ tính. Không như bây giờ. Tôi đã sao lại từng văn kiện trong tập hồ sơ. Tôi chắc chắn danh sách ở trong hộp.”

Ông đứng lên, “Theo tôi.”

Bọn họ đi dọc một hành lang với sàn được lát bằng những viên gạch lâu đời làm từ đá xám. Ông thẩm phán già đi qua một khung cửa thấp và bật đèn. Servaz thấy mình bị bao vây bởi một đống hỗn độn, một văn phòng nhỏ phủ bụi với đủ thứ hồ lớn. Giá sách, ghế và bàn cà phê, tất cả đều chất đầy sách về luật, những tập hồ sơ và hàng xấp tài liệu được buộc vào nhau một cách tạm bợ. Thậm chí còn có một ít rải rác trên sàn và trong góc phòng, Saint-Cyr vừa càu nhàu vừa lục lọi chồng tài liệu trên một chiếc ghế cao khoảng 30 phân. Vô ích. Lại một chồng khác. Rốt cuộc, sau năm phút, ông đứng thẳng dậy với một tập tài liệu được ghim lại và đưa cho Servaz với vẻ đắc thắng. “Đây.”

Servaz nhìn danh sách. Hàng chục cái tên trên hai cột dọc của ba trang giấy. Anh lơ đãng lướt mắt qua các cột, và ban đầu không cái tên nào khiến anh dừng lại. Cái tên quen thuộc đầu tiên xuất hiện, *Alice Ferrand*. Anh tiếp tục đọc, *Ludovic Asselin*. Một nạn nhân tự tử khác. Cách đó là cái tên thứ ba, *Florian Vanloot*. Anh đang tìm tên của hai thiếu niên còn lại trong năm nạn nhân tự tử thì ánh mắt bắt được một tên khác, một cái tên hoàn toàn không ngờ tới. Một cái tên không bao giờ nên nằm trong danh sách.

Nó khiến anh choáng váng. Servaz rùng mình như thể vừa bị sốc

điện. Thoạt tiên, anh tưởng mình hoa mắt. Anh chớp chớp mi rồi mở mắt ra lần nữa. Cái tên vẫn ở đó, cùng với những đứa trẻ khác.

Irène Ziegler.

Chết tiệt, không thể nào!

Servaz ngồi rất lâu sau tay lái, thân thờ nhìn qua kính chắn gió. Anh không nhận thấy tuyết đang rơi dày hơn bao giờ hết, hay từng lớp tuyết đang phủ trắng con đường. Đèn đường hắt một vòng tròn sáng trên tuyết, những ánh đèn trong cối xay tắt dần, ngoại trừ một cái, chắc là cửa phòng ngủ. Servaz đoán là ông thẩm phán già đang đọc sách trên giường. Ông không đóng cửa chớp. Chẳng để làm gì, trộm muốn vào nhà sẽ phải bơi ngược dòng nước và trèo dọc bức tường để lên tới cửa sổ. Nhưng ít nhất đóng cửa chớp cũng hiệu quả như một con chó hay một cái chuông báo trộm.

Irène Ziegler. Tên cô có trong danh sách. Anh tự hỏi điều này nghĩa là gì. Anh nhớ đã trở lại trụ sở sen đầm cùng cái hộp trong tay sau cuộc gặp đầu tiên với Saint-Cyr. Anh gặp cô, họ bắt tay đào xới cái hộp và phân loại từng tài liệu một trong đống hồ sơ. Saint-Cyr quả quyết danh sách đám trẻ đến trại hè nằm trong cái hộp. Nhưng dù gì ông ta cũng đã nhiều tuổi, lờ lẫm lẫn thì sao? Có lẽ trí nhớ của ông đang sa sút dần nhưng lại không muốn thừa nhận. Có lẽ ông đã để danh sách ở đâu khác.

Nhưng còn một giả thuyết nữa, một giả thuyết khó tiêu hóa hơn nhiều. Rằng Servaz chưa bao giờ thấy danh sách bởi vì Irène Ziegler đã thủ tiêu nó. Anh nhớ lại là cô hầu như không có ấn tượng về các vụ tự tử vào lần đầu tiên anh đề cập tại trụ sở sen đầm. Đột nhiên, một hình ảnh khác hiện lên: anh bị cầm chân trong cabin và cô liên lạc với cô. Đáng lẽ cô phải đến trước anh từ lâu mới phải, vì cô ở cách đó không xa, nhưng khi anh tới chỗ cáp treo thì không thấy cô đâu. Qua điện thoại, cô giải thích rằng mình gặp tai nạn xe máy, rằng cô đang trên đường đến. Lúc anh gặp được cô, thì Perrault đã chết.

Servaz chợt nhận ra, mình đang siết vô lăng chặt đến nỗi đốt ngón

tay trắng bệch. Anh dụi mắt. Anh kiệt sức. Cơ thể đau đớn cùng cực và nổi nghi ngờ lan khắp tâm trí như một liều thuốc độc. Những hình ảnh khác kéo đến... Cô hiểu biết về ngựa, cô điều khiển ô tô và trực thăng như một người đàn ông, cô nắm rõ vùng này như lòng bàn tay. Anh nhớ là vào buổi sáng hôm ấy, cô đã lên tiếng nhận việc ghé qua tòa thị chính. Cô biết thứ mình sẽ tìm được. Danh sách là manh mối duy nhất dẫn tới cô. Phải chăng, cô cũng đã xem qua giấy tờ của Chaperon nên biết sẽ phải tìm ông ta ở đâu? Liệu cô có phải người toan giết anh ở trại hè? Là người đã siết dây thừng và túi nhựa? Anh không thể tin nổi.

Cơ mệt mỏi làm xáo trộn tư duy của Servaz. Anh không thể suy nghĩ mạch lạc được nữa. Anh nên làm gì? Dù sao anh cũng chưa thể chứng minh cô sen đầm có tội.

Anh nhìn đồng hồ trên bảng điều khiển, mở điện thoại và gọi cho Espérandieu.

“Martin? Chuyện gì thế?”

Servaz kể cho cậu về cựu thẩm phán và những hồ sơ của ông ta, giải thích điều anh vừa khám phá. Một khoảng lặng dài ở đầu dây bên kia.

“Anh có nghĩ là cô ta không?” Rốt cuộc Espérandieu cũng nói, giọng hoài nghi.

“Cô ấy không ở bên cạnh khi tôi trông thấy Perrault trong chiếc cabin cùng kẻ giết người. Hắn đội mũ trùm đầu. Hắn trốn ra sau Perrault khi hai cabin đi ngang qua nhau để tôi không nhìn thấy mặt hắn. Đáng lẽ Irène phải lên tới nơi trước tôi, nhưng không. Rất lâu sau cô ấy mới đến.”

Đột nhiên, một ý nghĩ lóe lên trong đầu anh.

“Irène đã tới trại hè nhưng chưa bao giờ đả động đến điều đó. Cô ấy quen thuộc với ngựa, biết rõ về những dãy núi này, cô ấy khỏe khoắn, và tôi chắc chắn cô ấy biết cách sử dụng thừng leo núi.”

“Chúa ơi!” Espérandieu bàng hoàng kêu lên, nhưng giọng rất nhỏ. Làm Servaz đoán chắc cậu đang nằm trên giường với vợ, và Charlène đang ngủ.

“Chúng ta nên làm gì đây?” Servaz hỏi.

Im lặng. Dù không nhìn thấy mặt, nhưng anh biết chắc Espérandieu đang kinh ngạc. Cậu không quen với việc sắp để cho mình cảm cương.

“Anh thật khô hài.”

“Tôi kiệt sức rồi. Tôi nghĩ tôi còn đang sốt nữa.” Anh không nói cho cậu biết về vụ tấn công ở trại hè, anh không muốn nói về nó vào lúc này.

“Anh đang ở đâu?”

Servaz nhìn xuống con đường thanh vắng, “Bên ngoài nhà Saint-Cyr.”

Theo bản năng, anh liếc vào gương chiếu hậu. Đằng sau anh, con đường vẫn hoang liêu và không chút sinh khí. Những ngôi nhà ở cuối đường, cách đó 100 mét, đóng cửa im ỉm. Tuyết đang rơi, dày và tĩnh lặng.

“Trở về khách sạn đi,” Espérandieu. “Đừng làm gì vào lúc này. Em đến luôn đây.”

“Khi nào? Tối nay à?”

“Phải, em mặc quần áo và sẽ lên đường ngay. Anh biết Ziegler ở đâu không?”

“Tôi nghĩ cô ấy ở nhà.”

“Hoặc ở bên ngoài tìm kiếm Chaperon. Có lẽ anh nên gọi cho cô ta xem.”

“Và nói gì?”

“Em không biết, rằng anh cảm thấy không khỏe, anh đang ốm. Anh kiệt sức, anh đã nói thế còn gì. Ngay giọng nói của anh cũng thể hiện rất rõ. Báo với cô ta ngày mai anh sẽ nằm nhà, anh không thể tiếp tục được nữa. Xem cô ta phản ứng thế nào.”

Servaz cười. Sau tất cả những gì xảy ra, chắc chắn cô sẽ tin ngay tắp lự.

“Martin? Có chuyện gì thế?”

Anh cẩn thận lắng nghe. Tiếng tivi loáng thoáng ở phía sau. Ziegler

đang ở nhà. Hoặc ở chỗ ai đó. Một căn hộ? Một ngôi nhà? Anh không thể hình dung ra nơi ở của cô. Dù thế nào, cũng không phải đang ở bên ngoài, lảng vảng như một con sói đói săn đuổi ông thị trưởng. Hoặc anh. Anh lại thấy rõ hình ảnh của cô trong bộ đồ liền thân bó sát màu đen, đôi bốt cao cổ và chiếc xe máy phân khối lớn, anh thấy cô đang cầm lái trực thăng. Đột nhiên, anh dám chắc, kẻ đó chính là cô.

“Không có gì,” anh nói. “Tôi chỉ gọi để báo cho cô biết tôi cần nghỉ ngơi đôi chút. Tôi cần ngủ.”

“Anh không thấy khá hơn sao?”

“Tôi không biết. Tôi không thể suy nghĩ mạch lạc được nữa. Hoàn toàn đình trệ. Tôi kiệt sức và cổ họng đau đớn dữ dội.” Không có lời nói dối nào thật hơn khi nó chứa đựng một phần sự thật. “Ngày mai cô tự đi, được không? Chúng ta phải tìm ra Chaperon, bằng bất cứ giá nào.”

“Được,” Ziegler nói sau một lúc lưỡng lự. “Dù sao hiện tại anh cũng không đủ sức. Nghỉ ngơi đi. Tôi sẽ gọi cho anh khi có tin mới. Bây giờ tôi cũng phải đi ngủ thôi. Như anh nói đây, cần suy nghĩ cho mạch lạc.”

“Ngủ ngon, Irène.”

Anh cúp máy và gọi vào số của trợ lý.

“Espérandieu nghe,” cậu nói.

“Cô ấy đang ở nhà. Hoặc dù là gì thì cũng có tiếng một chiếc tivi quanh đó.”

“Nhưng cô ta không ngủ.”

“Thức khuya như những người khác thôi. Cậu đang ở đâu?”

“Trên xa lộ. Em sẽ dừng lại mua xăng và đến ngay. Em chưa từng thấy vùng quê nào tối tăm thế này bao giờ. Em sẽ đến trong vòng năm mươi phút nữa. Anh có nghĩ là chúng ta nên đến chỗ cô ta và đợi sẵn ở ngoài không?”

Servaz do dự. Anh có đủ sức không?

“Tôi không biết cô ấy sống ở đâu.”

“Anh đùa đấy à.”

“Không.”

“Thế chúng ta làm gì?”

“Tôi sẽ gọi cho d’Humières.”

“Vào lúc đêm hôm thế này sao?”

Servaz đặt điện thoại lên giường, đi vào nhà tắm và vã nước lạnh lên mặt. Anh rất muốn uống một cốc cà phê, nhưng cũng biết là không thể trông cậy nhiều vào nó được. Anh trở lại phòng ngủ và gọi cho Cathy d’Humières.

“Martin! Vì Chúa! Cậu biết mấy giờ rồi không? Người ngợm như thế thì cậu nên ngủ đi mới phải.”

“Tôi xin lỗi,” anh nói. “Nhưng việc rất gấp.”

Anh đoán bà trưởng công tố đã ngồi hẳn dậy.

“Một nạn nhân nữa?”

“Không. Nhưng là một tin xấu. Chúng ta có một nghi can mới. Nhưng tôi không thể nói với ai khác ở thời điểm này. Ngoại trừ chị.”

“Là ai?” D’Humières nói, chột tỉnh như sáo.

“Đại úy Ziegler.”

Đầu dây bên kia im lặng một lúc lâu, “Nói hết cho tôi nghe xem nào.”

Và anh kể. Anh kể với bà về danh sách của Saint-Cyr, về sự vắng mặt của Irène vào thời điểm Perrault bị hãm hại, thái độ miễn cưỡng khi nhắc đến tuổi thơ, cố tình né tránh việc cho biết sự thật là cô từng ở trại hè, rồi những lời nói dối vô hại về đời sống cá nhân...

“Điều đó không chứng minh cô ta có tội,” d’Humières nói.

Quan điểm luật gia điển hình, anh nghĩ. Còn như anh thấy, Irène Ziegler hiện tại là nghi phạm số một. Đây là chưa kể đến trực giác cảnh sát của anh.

“Tuy nhiên cậu nói đúng, tình hình đúng là phiền phức. Tôi không thích vụ danh sách chút nào. Cậu muốn tôi làm gì? Tôi không nghĩ cậu gọi cho tôi vào đêm hôm thế này chỉ để báo với tôi một chuyện hoàn toàn có thể đợi đến sáng mai.”

“Chúng tôi cần địa chỉ của cô ấy. Tôi không có.”

“Chúng tôi?”

“Tôi đã bảo Espérandieu tới gặp.”

“Cậu định theo dõi cô ta? Đêm nay luôn sao?”

“Có lẽ.”

“Lạy Chúa lòng lành! Martin! Cậu nên ngủ đi! Cậu đã nhìn mình trong gương chưa?”

“Tôi thà không nhìn còn hơn.”

“Tôi không thích cách làm này. Cẩn thận đấy. Nếu đúng là cô ta, thì có thể sẽ khá nguy hiểm. Cô ta từng giết hai người rồi. Và chắc chắn sử dụng súng thành thạo không thua kém gì các cậu.”

Thật là nói giảm nói tránh, anh nghĩ. Anh là một tay súng tồi. Về phần trợ lý của anh, cậu cũng không phải thanh tra Harry Callaban.

“Năm phút nữa gọi lại. Tôi cần gọi một, hai cuộc điện thoại,” bà nói.

Espérandieu gõ cửa phòng anh sau bốn mươi phút. Servaz mở cửa. Những bông tuyết đọng trên mũ áo và tóc cậu.

“Anh có cốc nước và ít cà phê không?” Cậu cầm một lọ aspirin trong tay, rồi ngược nhìn lên và thấy sếp của mình. “Quý thần ơi!”

Vào lúc Servaz rời khỏi nhà Saint-Cyr, Diane vẫn còn ngồi tại bàn làm việc.

Cô tự hỏi giờ mình phải làm gì. Cô cảm thấy đã sẵn sàng để hành động, nhưng đây có phải là điều cô thực sự mong muốn không? Trong cô còn nguyên khao khát được xử sự như thể mọi chuyện vẫn bình thường, và quên đi những gì mình đã phát hiện ra. Cô có nên thảo luận với Spitzner hay không? Ban đầu cô cho là một ý kiến hay, nhưng khi nghĩ lại, cô không còn chắc chắn nữa. Thành thực mà nói, cô không biết phải tìm đến ai.

Cô hoàn toàn đơn độc, một thân một mình. Cô xem giờ ở góc màn hình. 23:15.

Viện hoàn toàn im ắng, ngoại trừ gió đang giạt từng cơn ngoài cửa

số. Cô vừa nhập xong dữ liệu những buổi nói chuyện trong ngày vào một trang excel. Xavier đã rời khỏi văn phòng của anh ta từ lâu. Bây giờ hoặc không bao giờ. Cô cảm thấy bồn chồn. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu cô bị bắt gặp? Tốt nhất không nên nghĩ tới.

“Cô ta đây rồi.”

Espérandieu đưa cho anh cặp ống nhòm. Servaz nhìn vào ngôi nhà bốn tầng nho nhỏ dưới chân đồi. Irène Ziegler đang đứng giữa phòng khách, điện thoại áp vào tai. Cô đang nói liên thoảng. Cách ăn mặc của cô như thể chuẩn bị ra ngoài, chứ không giống một người có ý định sẽ dành cả buổi tối xem tivi trước khi đi ngủ.

“Trông cô ta không giống sắp đi ngủ chút nào,” Espérandieu lại cầm lấy cặp ống nhòm.

Họ đang đứng trên một cái gờ nhỏ bên rìa bãi đỗ xe. Có một chiếc la bàn chỉ đường, nơi đây cách Saint-Martin 20 kilomet. Xung quanh bãi đậu xe là những bờ giậu rậm rì. Họ đã lách vào khoảng trống giữa hai bụi cây. Một cơn gió lạnh giá thổi bờ giậu rung lên xào xạc. Servaz dựng cổ áo vét lên. Espérandieu đang thu mình bên dưới chiếc áo gió chuyển dần thành màu trắng vì tuyết. Servaz run lên vì lạnh, răng đánh lập cập vào nhau. Đã 0 giờ 42 phút đêm.

“Cô ta đang ra ngoài!” Espérandieu nói. Cậu thấy cô vợ lấy một chiếc áo khoác lái xe treo gần cửa trước.

Giây lát sau, cô đã đóng sập cánh cửa ra vào. Cậu hạ thấp ống nhòm, nhìn xuống lối vào ngôi nhà. Ziegler xuất hiện sau hai mươi giây. Cô đi xuống bậc thềm và tiến về phía chiếc xe máy, mặc cho tuyết rơi.

“Chết tiệt! Tôi không tin!”

Họ chạy về phía ô tô. Hai bánh sau xe hơi trượt đi ở chỗ khúc quanh gần tòa nhà, vừa kịp thấy chiếc xe máy rẽ phải ở đầu phố hướng về trung tâm của thị trấn nhỏ. Khi họ đến giao lộ, đèn giao thông đã chuyển sang màu đỏ. Họ vượt qua. Chắc chẳng thể đâm phải ai vào lúc nửa đêm nửa hôm trong thời tiết thế này. Họ đang đi trên một đại lộ dài phủ trắng tuyết. Ở đằng xa, Ziegler đang lái xe rất chậm. Như vậy bọn

họ sẽ dễ theo sát hơn, nhưng cũng dễ bị phát hiện, vì cả đại lộ dài tít tắp chẳng còn bóng người nào khác.

“Cô ta sẽ nhận ra chúng ta nếu cứ tiếp tục thế này,” Espérandieu lái chậm hơn.

Họ bỏ lại thị trấn nhỏ đằng sau và lái thêm chừng mười phút nữa với tốc độ sên bò, qua những ngôi làng trống trải, những cánh đồng trắng tuyết hai bên đường.

Espérandieu để Ziegler đi trước khá xa, cho tới lúc họ chỉ còn nhìn thấy đèn hậu của chiếc xe máy yếu ớt sáng lên trong bóng đêm như một đầu thuốc cháy. “Cô ta đang tới nơi quái quỷ nào vậy?”

Servaz có thể nhận thấy sự hoang mang trong giọng nói của Espérandieu. Cũng hệt như tâm trạng anh lúc này. Anh không trả lời.

“Anh có nghĩ là cô ta đã tìm thấy Chaperon rồi không?”

Servaz đờ người với ý nghĩ đó. Anh bỗng căng thẳng tột độ, và chìm trong nỗi sợ hãi khi nghĩ tới những chuyện có thể xảy ra. Các diễn biến dường như đều ám chỉ anh đang đi đúng hướng. Cô đã nói dối anh. Cô không hề đi ngủ mà ra ngoài lúc nửa đêm, lén lút, không một ai biết. Anh không thể dừng việc tua đi tua lại những giai đoạn của cuộc điều tra trong đầu, và mọi chi tiết đều chỉ vào cô.

“Cô ta đã rẽ phải.”

Servaz cố căng mắt nhìn. Ziegler đã rời khỏi con đường để đi vào một bãi đỗ sáng đèn bên ngoài một tòa nhà hình chữ nhật trông giống vô số kho hàng nằm nhan nhản dọc đường cái. Qua màn tuyết, họ thấy ánh đèn nê ông sáng lên trong bóng tối. Ánh sáng hắt lên khuôn mặt nhìn nghiêng của một phụ nữ. Cô ta đang hút thuốc và đội chiếc mũ quả dưa trên đầu. Nhìn theo khói thuốc bốc lên, hai người lờ mờ thấy dòng chữ CHUỐI HỒNG. Espérandieu giảm tốc độ một lần nữa. Họ thấy Ziegler dừng xe máy và xuống xe.

“Cái gì thế?” Servaz hỏi. “Một hộp đêm sao?”

“Quán bar dành cho các cô gái.”

“Cái gì cơ?”

“Một quán bar cho người đồng tính nữ.”

Họ về số và lái vào bãi đỗ, trong lúc đó Ziegler bước tới chỗ người gác cửa đeo khăn lông dày và mặc tuxedo. Cô đi qua hai cây cọ bằng nhựa và khuất dạng bên trong. Espérandieu chậm rãi lái xe ngang qua cửa vào quán bar. Phía trước một đoạn là những tòa nhà hình chữ nhật khác. Giống như những hộp giày khổng lồ. Một khu công nghiệp. Cậu rẽ và lùi vào chỗ tối, cách xa ánh đèn đường và nê ông, đầu xe hướng về phía cửa vào sần nhầy.

“Anh muốn tìm hiểu đời sống cá nhân của cô ta, chà, và giờ ta ở đây.”

“Cô ta làm gì trong đó nhỉ?”

“Anh nghĩ sao?”

“Ý tôi là, cô ta đang sẵn lòng Chaperon, cô ta biết thời gian thiết yếu thế nào, nhưng lại lãng phí thời gian đi tới đây? Lúc 1 giờ sáng?”

“Trừ phi cô ta có hẹn với người sẽ chỉ điểm cho cô ta.”

“Trong một quán bar đồng tính nữ?”

Espérandieu nhún vai. Servaz nhìn đồng hồ trên bảng điều khiển.
1:08.

“Cho tôi quay lại,” anh nói.

“Quay lại đâu?”

“Chỗ cô ta.”

Anh lục túi áo và lôi ra một bộ sưu tập nhỏ chìa khóa vạn năng. Espérandieu nhíu mày.

“Này, bình tĩnh... Không phải ý hay đâu. Cô ta có thể trở ra bất cứ lúc nào.”

“Cậu chờ tôi về rồi quay lại đây để đảm bảo cô ta vẫn ở bên trong. Tôi sẽ không đi cho tới khi nhận được ám hiệu của cậu. Di động của cậu còn pin không?”

Servaz lấy di động ra. Lần này thì nó hoạt động. Espérandieu làm theo, rồi lắc đầu.

“Từ từ đã. Anh nhìn lại mình chưa? Anh đứng còn không vững. Nếu Ziegler là kẻ giết người thì cô ta sẽ cực kì nguy hiểm.”

“Nếu cậu trông chừng cô ta, tôi sẽ có khôi thời gian để ra khỏi đó. Chúng ta không còn thời gian đâu.”

“Thế nếu hàng xóm nhìn thấy anh và báo động thì sao? Confiant sẽ hủy hoại sự nghiệp của anh. Hấn ghét anh đấy.”

“Chẳng biết ai khôn ngoan hơn ai đâu. Đi thôi. Lãng phí thời gian đủ rồi.”

Diane nhìn khắp xung quanh. Không một bóng người. Hành lang vắng tanh. Không có camera giám sát ở khu vực này của Viện, vì các bệnh nhân không thể đặt chân đến đây. Cô vịn tay nắm, cửa không khóa. Cô kiểm tra đồng hồ. 0 giờ 12 phút đêm. Cô đi vào. Căn phòng ngập ánh trăng. Văn phòng của Xavier.

Cô đóng cánh cửa sau lưng lại. Mọi giác quan đều đề cao cảnh giác và nhạy bén tới mức khó tin, như thể căng thẳng đã cho cô thị giác và thính giác của một con vật quen sống trong bóng tối. Ánh mắt cô quét qua bàn làm việc. Nó khá trống trải, chỉ có một chiếc đèn, máy tính và điện thoại. Bên phải là giá sách nhỏ, bên trái là tủ đựng hồ sơ, trong góc kê tủ lạnh, bậu cửa sổ bày vài chậu cây. Bên ngoài, cơn bão đang vẫn vũ. Đôi lúc, chắc hẳn vì mặt trăng khuất sau những đám mây, ánh sáng yếu đến nỗi tất cả những gì cô thấy chỉ là hình chữ nhật xanh xám của khung cửa sổ. Tới lúc mây trôi qua, ánh trăng lại tràn xuống đủ để cô nhìn được từng chi tiết trong phòng.

Trong góc phòng, có một cái tạ nằm trên sàn. Nó nhỏ, nhưng nặng, cô nhận ra khi tiến lại gần. Mỗi bên có bốn đĩa tạ đen, nặng hai cân một đĩa. Cô muốn mở ngăn kéo đầu tiên nhưng nó đã bị khóa. Chết tiệt. Tuy nhiên, cái thứ hai thì mở. Cô ngập ngừng và bật chiếc đèn bàn nhỏ xíu. Cô lục lọi những cặp tài liệu và giấy tờ trong ngăn kéo nhưng không có gì khiến cô chú ý. Ngăn kéo thứ ba gần như trống trơn, ngoại trừ vài chiếc bút bi và bút dạ.

Cô đi tới tủ đựng hồ sơ treo đầy những tập tài liệu. Diane rút một vài tập và mở ra xem. Hồ sơ về cán bộ công nhân viên. Cô nhận thấy không có tập nào có tên Élisabeth Ferney, nhưng có của Alexandre Barski. Vì

không còn Alexandre nào khác, cô kết luận hẳn phải là anh chàng y tá. Cô giữ nó dưới ánh đèn để nhìn rõ hơn.

Hồ sơ của Alex cho biết anh ta sinh ra ở Bờ Biển Ngà năm 1980. Trẻ hơn cô tưởng. Chưa lập gia đình. Sống tại một thị trấn tên là Saint-Gaudens, Diane nhớ đã từng nhìn thấy cái tên trên bản đồ vùng này. Anh ta làm việc cho Viện đã được bốn năm. Trước đây công tác tại EPSM, cơ sở tâm thần cộng đồng ở Armentières. Khi còn là sinh viên, anh ta đã hoàn thành vài đợt thực tập, trong có một đơn vị tâm thần dành cho trẻ em, và Diane nghĩ, đây là điều họ có thể trao đổi trong tương lai. Cô muốn thân thiết hơn với Alex, kết bạn, biến anh ta trở thành đồng minh. Alex nhận được kết quả đánh giá tốt. Qua mấy năm, đầu tiên là Wargnier, rồi đến Xavier đều viết những lời nhận xét như ‘biết lắng nghe’, ‘có năng lực’, ‘có tính chủ động’, ‘có tinh thần đồng đội’, ‘quan hệ tốt với bệnh nhân’.

Phải rồi, mà không có cả đêm đâu.

Cô đóng tập hồ sơ và trả lại chỗ cũ. Cô hơi e ngại, nhưng vẫn lục tìm hồ sơ của chính mình. *Diane Berg*. Cô mở ra và thấy hồ sơ cùng văn bản in từ các e-mail cô đã trao đổi với bác sĩ Wargnier. Cô cảm thấy bụng mình thắt lại khi đọc một lời nhận xét viết tay của Xavier ở cuối trang, “Có thể gây phiền phức?” Những hồ sơ khác treo trong tủ không tiết lộ gì thêm. Cô xem thêm một số nữa. Tài liệu về các bệnh nhân. Các giấy tờ hành chính. Việc không có hồ sơ nào của Lisa Ferney đã chứng thực nghi ngờ của Diane. Có lẽ cô ta mới thực sự là người đứng đầu ở đây. Cả Wargnier và Xavier đều không dám lập hồ sơ về y tá trưởng.

Cô kiểm tra kĩ giá sách ở phía bên kia căn phòng. Rồi xem lại bàn làm việc và máy tính. Diane lưỡng lự, cuối cùng cũng ngồi xuống ghế của Xavier. Mùi hăng hắc của gỗ, mùi nồng đượm của xà phòng và nước tẩy toilet ngoan cô bám trên lưng chiếc ghế da. Cô dừng lại, nghe ngóng cẩn thận rồi ấn nút bật máy tính. Có gì khuấy động và rên rỉ sâu bên trong chiếc máy, như một đứa trẻ mới sinh tỉnh dậy từ giấc ngủ.

Màn hình nền hiện lên, một phong cảnh mùa thu bình thường, rồi từng biểu tượng xuất hiện. Diane nhìn qua các biểu tượng nhưng không thấy gì đáng chú ý. Cô mở hòm thư của anh ta. Không có gì thú vị. E-

mail cuối cùng là vào sáng nay, gửi đến toàn bộ nhân viên với tiêu đề: *Lịch họp hoạt động các nhóm trị liệu*. Có 550 bức thư ở mục Thư đến, trong đó có mười lăm bức chưa đọc, Diane không có thời gian mở ra xem hết, nhưng cô lướt nhanh qua bốn mươi cái mới nhất và không tìm thấy gì bất thường.

Cô xem qua mục thư đã gửi. Cũng không có gì đáng nói. Cô thoát khỏi hòm thư và tìm danh sách đánh dấu trang của anh ta. Vài trang web gây chú ý bao gồm một trang hẹn hò cho người độc thân, một trang khác có đầu đề *Học cách quyên rũ từ một nhà tâm lý, tình dục học*, trang thứ ba với những hình ảnh khiêu dâm ‘trần trụi’ và trang thứ tư là *Tức ngược và suy giảm tuân hoàn tim mạch*. Cô thắc mắc không biết Xavier thực sự có vấn đề về tim hay chỉ đơn giản là người bị ám ảnh rằng mình có bệnh. Cô tiếp tục với những nội dung khác. Nhưng sau mười bảy phút, cô đành thất vọng tắt máy tính.

Rồi xem xét lại ngăn kéo bị khóa.

Cô tự hỏi phải chăng Xavier giữ một ổ cứng ngoài hoặc USB trong ngăn kéo. Ngoại trừ những trang web khiêu dâm, máy tính của anh ta hơi quá sạch sẽ đối với một người đang có điều giấu giếm.

Cô nhìn xung quanh mình, tìm thấy một chiếc kẹp giấy, bẻ thẳng nó ra và nhét một đầu vào cái khóa nhỏ, cố bắt chước các thao tác đã thấy trên phim ảnh. Rõ ràng những nỗ lực của cô chẳng dẫn tới đâu. Chiếc kẹp gãy làm đôi, một nửa kẹt lại trong ổ khóa. Diane khẽ chửi thề. Cô lấy một con dao rọc giấy và chặt vật mãi mới khều được mảnh kim loại ra khỏi ổ khóa. Cô cân nhắc mọi khả năng và đột nhiên nảy ra một ý. Cô xoay ngược chiếc ghế về phía cửa sổ và đứng dậy, nhấc từng chậu hoa lên. Không có gì. Cô thọc tay vào trong đất.

Ở chậu thứ ba, ngón tay cô móc được một thứ. Một miếng vải, với cái gì cứng cứng bên trong... Cô lôi lên và thấy một cái túi bé xíu. Bên trong là chìa khóa. Tim cô đập rộn. Nhưng khi mở ngăn kéo ra cô đã phải thất vọng. Không có ổ cứng, không USB. Chỉ là một chồng giấy tờ về Viện. Báo cáo, thư từ trao đổi với đồng nghiệp, không có gì tuyệt mật. Nếu vậy tại sao Xavier phải khóa ngăn kéo lại? Sao không để mở như những cái khác? Khi giở vài trang giấy, cô bắt gặp một tệp tài liệu không dày

như những tập hồ sơ khác. Cô rút nó ra khỏi ngăn kéo và đặt lên tấm kê giấy trên bàn làm việc, dưới quầng sáng của chiếc đèn. Chỉ có vài tờ giấy, trong đó có một danh sách tên viết theo cột dọc. Diane nhận thấy có đóng dấu của tòa thị chính Saint-Martin và là một bản sao. Vì có hai tờ, cô nhắc tờ bên trên lên.

Trên tờ thứ hai là một mẫu giấy nhớ màu vàng. Cô bóc nó ra và ghé sát vào ánh đèn. Có vài cái tên, Xavier viết tay, mỗi lần lại đi kèm một dấu chấm hỏi.

Gaspard Ferrand?

Lisa?

Irène Ziegler?

Trại hè?

Trả thù?

Sao lại là con ngựa???

Cô tự hỏi không biết chính xác mình đang nhìn vào cái gì, nhưng những câu hỏi ấy cũng là nghi vấn của cô. Có hai cái tên lạ, và từ ‘trại hè’ gợi lại trải nghiệm không hề dễ chịu tại mấy tòa nhà bỏ hoang bữa trước. Thứ cô đang cầm là danh sách nghi phạm. Đột nhiên, cô nhớ ra cuộc hội thoại nghe lỏm được qua lỗ thông gió, Xavier hứa với viên cảnh sát rằng anh ta sẽ thực hiện cuộc điều tra của riêng mình. Những câu hỏi nguệch ngoạc trên mẫu giấy này chứng tỏ anh ta đã bắt đầu hành động như đã nói. Hiển nhiên, nếu Xavier đang thực hiện một cuộc điều tra bí mật thì anh ta không phải tên tòng phạm mà cảnh sát đang tìm kiếm. Đã thế, tại sao anh ta lại đặt những liều thuốc kia?

Diane bần khoản nhét danh sách trở vào túi tài liệu, trả nó về ngăn kéo, tra chìa khóa vào ổ. Rồi ngừng lại. Cô chưa bao giờ nghe tên của hai người kia, nhưng có ít nhất một cái tên cô có thể tra cứu. Bằng việc đặt từ ‘trại hè’ ở cuối danh sách, phải chăng Xavier đang ám chỉ rằng tất cả những người này đều ít nhiều liên quan tới trại hè? Và thế thì dính dáng gì với những vụ án xảy ra ở Saint-Martin? Câu trả lời chắc hẳn phải liên quan tới từ mà anh ta viết ngay bên dưới: *Trả thù*. Diane

nhận ra mình còn cách quá xa sự thật vì có nhiều yếu tố mà cô không biết. Có vẻ Xavier đã đạt được những bước tiến nhất định, nhưng anh ta vẫn còn kha khá câu hỏi.

Đột nhiên cô cứng người lại, tay còn đang khóa dở ngăn kéo. Tiếng bước chân trên hành lang. Theo bản năng, cô co rúm trên ghế bành, tay lần về phía đèn bàn. Cô tắt nó đi. Căn phòng lại rơi vào cảnh tranh tối tranh sáng với ánh trắng xanh xám. Tim cô bắt đầu đập điên cuồng. Tiếng bước chân dừng lại bên ngoài cánh cửa. Phải chăng là một trong những người bảo vệ đi tuần? Liệu anh ta có nhìn thấy ánh sáng dưới chân cửa không? Từng giây dài lê thê tưởng chừng như vô tận. Người bảo vệ tiếp tục đi và tiếng bước chân xa dần.

Tim vẫn đập thình thịch, cô từ từ điều chỉnh nhịp thở. Hiện tại, cô chỉ muốn một điều, trở về phòng và chui vào trong chăn. Cô tha thiết muốn được đặt câu hỏi cho Xavier về cuộc điều tra này. Nhưng Diane biết, giây phút cô thừa nhận mình đã lục lọi văn phòng của anh ta, cô sẽ bị sa thải ngay lập tức và đi đời luôn cả sự nghiệp. Cô phải tìm cách khác để anh ta nói chuyện với mình.

“Xe máy của cô ta vẫn còn đây. Cô ta đang ở bên trong.”

Servaz tắt điện thoại. Anh nhìn đồng hồ, 1.27, rồi nhìn cửa ra vào của những căn hộ khác. Hoàn toàn im ắng. Mọi người đều đang say ngủ. Anh chúi chân rất lâu trên tấm thảm, lấy chùm chìa khóa vụn rã ra và bắt đầu thử tra chúng vào ổ khóa. Ba mươi giây sau, anh đã vào được bên trong. Ziegler không lắp đặt thêm chốt cửa hay khóa ba điểm nào.

Một hành lang chạy thẳng về phía trước, với hai cánh cửa bên phải, cái đầu tiên mở ra một hành lang khác, cái thứ hai là vào phòng khách. Căn phòng sáng lơ mơ nhờ ánh đèn đường. Bên ngoài cửa sổ lớn, tuyết đang rơi khá dày. Servaz đi qua bóng tối của phòng khách tĩnh lặng, tìm công tắc bật đèn. Ánh sáng bao trùm nội thất theo phong cách tối giản trong nhà. Anh dừng lại, tim đập thình thịch.

Tim màu trắng, Propp đã nói.

Anh chậm rãi đi quanh căn phòng. Những bức tường trắng. Căn

phòng được sắp đặt theo phong cách lạnh lẽo, rời rạc. Hiện đại. Anh cố hình dung về người sống ở đây, mà không dựa vào những gì anh đã biết về cô. Không hiện lên gì cả. Như thể anh đang nhìn vào căn hộ của một bóng ma. Anh đi tới chỗ mười mấy quyển sách đặt trên một cái giá giữa những chiếc cúp thể thao và rùng mình. Sách đều liên quan tới những chủ đề như tội phạm tình dục, bạo lực với phụ nữ, sự áp bức phụ nữ, khiêu dâm và cưỡng hiếp. Anh choáng váng. Anh đang tiến dần đến sự thật.

Anh đi vào trong bếp. Có gì đó đột nhiên chuyển động phía bên phải. Trước khi anh kịp phản ứng, một thứ đã rơi xuống và chạm vào chân anh. Hoảng sợ, anh nhảy ra sau, tim đập loạn lên. Một tiếng “meo...” kéo dài, con mèo chạy biến đi đâu mất. Chúa ơi, mày làm tao sợ chết khiếp! Servaz đợi cho tim mình ổn định lại, mở những chiếc tủ búp phê. Không có gì đặc biệt. Anh nhận thấy Irène Ziegler giữ một chế độ ăn uống điều độ chứ không như anh.

Anh đi về phía dãy phòng ngủ. Cửa vào một căn phòng đang mở. Có một bàn làm việc, một chiếc giường hình vuông và tủ hồ sơ bằng kim loại. Anh mở từng ngăn kéo. Hồ sơ, thuế, điện, các khóa học tại học viện sen đầm, hóa đơn thuê nhà, chăm sóc sức khỏe, phiếu đặt báo dài hạn. Trên tủ đầu giường có một cuốn sách bằng tiếng Anh. *Nữ quyền luận cấp tiến - Một tư liệu lịch sử**. Anh giật mình bởi chiếc điện thoại rung lên trong túi áo.

“Anh tìm đến đâu rồi?” Espérandieu hỏi.

“Vẫn chưa có gì. Bên cậu thế nào?”

“Cũng chưa có gì, cô ta vẫn ở bên trong. Lỡ đâu cô ta không sống một mình thì sao? Chúng ta chẳng biết gì về cô ta cả, vì Chúa!”

Tim anh hẫng một nhịp. Espérandieu nói đúng. Anh chưa từng nghĩ tới! Có ba cánh cửa trong căn hộ. Đằng sau chúng là gì? Ít nhất một trong số đó phải là phòng ngủ. Căn phòng anh đang đứng có vẻ không có người ở. Anh không gây ra tiếng động khi vào nhà, và đã gần 2 giờ sáng, thời điểm hầu hết mọi người đều say ngủ. Bụng quặn lên, anh rời khỏi căn phòng và đứng bên ngoài cánh cửa tiếp theo. Anh cẩn thận

lặng nghe. Không một tiếng động. Anh áp tai lên cửa. Im lặng, ngoại trừ tiếng máu của chính anh đập dồn trong mạch. Cuối cùng, anh đặt tay lên nắm đấm cửa và chậm rãi xoay.

Một phòng ngủ. Một chiếc giường lâu ngày không dọn. Giường trống không. Một lần nữa tim anh lại đập loạn xạ. Anh tự nhủ có thể là vì tình trạng sức khỏe thảm hại hiện giờ của mình. Anh phải nghiêm túc nghĩ tới việc luyện tập một môn thể thao nào nếu không muốn chết vì đau tim.

Anh mở hai cánh cửa cuối cùng. Chúng dẫn vào phòng tắm và nhà vệ sinh. Anh quay lại căn phòng có bàn làm việc và kiểm tra ngăn kéo bàn. Không có gì ngoài bút và sao kê tài khoản tín dụng, ánh mắt anh bị hút vào một điểm nằm bên dưới chiếc bàn. Một tấm bản đồ đường bộ. Hẳn là nó đã rơi xuống sàn. Một lần nữa điện thoại của anh lại rung lên trong túi áo.

“Cô ta đi rồi!”

“Được. Đi theo cô ta. Và gọi cho tôi khi cậu cách đây một kilomet.”

“Anh đang làm gì thế?” Espérandieu hỏi. “Biến ra khỏi chỗ đây ngay, vì Chúa.”

“Có thể tôi đã tìm thấy gì đó.”

“Cô ta đã đi rồi! Cô ta đang trên đường!”

“Đuổi theo cô ta. Nhanh lên! Tôi cần năm phút.”

Anh cúp máy. Anh bật đèn bàn lên và cúi xuống nhặt tấm bản đồ.

Đó là lúc 2 giờ 2 phút, khi Espérandieu thấy Irène Ziegler ra khỏi Chuối Hồng cùng một phụ nữ khác. Trong khi Ziegler với bộ đồ lái xe liền thân và bột da màu đen trông như một nữ tướng quyền rũ, thì bạn đồng hành của cô mặc áo khoác bóng màu trắng có phần cổ lông bên trên quần bò bó sát và đôi bốt cao cổ trắng buộc dây từ đầu đến cuối. Cô ta như thể bước thẳng ra từ tạp chí. Tóc của Ziegler vàng bao nhiêu thì tóc cô ta đen bấy nhiêu, mái tóc dài buông xõa xuống phần cổ lông. Hai phụ nữ trẻ đi tới xe của Ziegler, và cô sen đàm cười lên nó. Họ trao đổi

thêm vài lời nữa. Cô tóc đen ngả về phía cô tóc vàng. Espérandieu nuốt nước bọt khi thấy họ hôn nhau đắm đuối.

Ôi mẹ ơi, cậu nghĩ, cổ họng bỗng dưng khô khốc.

Ziegler rô ga, nàng nữ tướng mặc đồ da dán mình vào bộ khung thép của chiếc xe máy. Người đàn bà có thể là một kẻ giết người, cậu nghĩ, dội một gáo nước lạnh xuống ham muốn vừa nảy mầm trong mình. Đột nhiên, một suy nghĩ nảy ra trong đầu cậu. Cần đến hai người để giết con ngựa của Éric Lombard. Với chiếc máy ảnh số nhỏ bé, cậu chụp một bức ảnh của người phụ nữ tóc đen ngay trước khi cô ta biến vào trong sàn nhảy. Cô ta là ai? Liệu kẻ ám sát có thể là hai người đàn bà không? Anh lấy điện thoại ra và gọi cho Servaz.

Chết tiệt! Cậu chửi thề sau khi cúp máy. Martin cần năm phút nữa! Anh ta mất trí rồi! Anh ta nên ra khỏi đó ngay lập tức. Espérandieu phóng đi hết tốc lực, vượt qua người gác cửa quán bar. Cậu rẽ ở lối ra của bãi đỗ xe hơi đột ngột và một lần nữa bánh xe bị trượt trên tuyết trước khi xe tăng tốc trên con đường dài thẳng băng. Cậu chỉ thôi đạp chân ga khi lại trông thấy đèn hậu của cô, và tự động liếc đồng hồ trên bảng điều khiển. 2:07.

Martin, vì Chúa, ra khỏi đó ngay!

Servaz đang xoay bản đồ theo đủ mọi hướng.

Một tấm bản đồ chi tiết vùng cao nguyên Comminges. Tỷ lệ 1/50.000. Dù cố gắng đến mấy, anh vẫn không tài nào phát hiện ra điều gì. Thế nhưng, gần đây Ziegler đã xem tấm bản đồ này. Nó ở đây, chỗ nào đấy, nhưng mình không thấy. Thấy cái gì cơ? Đúng hơn, anh phải tìm kiếm cái gì? Đột nhiên anh nghĩ ra, nơi trú ẩn của Chaperon!

Nó phải ở... đương nhiên, ở đâu đó trên tấm bản đồ này.

Sau một quãng dài thẳng tắp, luôn đến một đoạn mà lái xe phải đi chậm lại để cua vào lối rẽ. Một đoạn mọc đầy lãnh sam và những cây bu lô nặng trĩu tuyết, với con đường ngoằn ngoèo giữa những quả đồi thấp

và một dòng suối uốn lượn. Hẳn vào ban ngày, phong cảnh này sẽ đẹp như một bức tranh trên bưu thiếp, nhưng nó lại trở nên kì dị vào ban đêm dưới ánh sáng đèn pha.

Espérandieu thấy Ziegler giảm tốc và phanh lại, rất cẩn thận men theo khúc quanh đầu tiên trước khi biến mất sau những cây lãnh sam cao vút. Cậu nhấc chân khỏi chân ga và cũng đi vào khúc quanh với sự cẩn trọng tương tự, vòng qua quả đồi đầu tiên ở tốc độ vừa phải. Cậu tưởng như mình đang ở trong một cảnh phim quay chậm khi tới chỗ dòng suối chảy qua.

Nhưng chưa hết.

Lúc ấy, có lẽ cậu không thể nhận ra là cái gì. Một bóng đen. Nó lao ra từ phía bên kia con đường và nhảy vào luồng sáng của cặp đèn pha. Theo bản năng, Espérandieu đạp chân phanh. Một phản xạ sai lầm. Chiếc xe chệch sang một bên, lao vào cái bóng, và gây ra một vụ va chạm dữ dội. Tay bám chặt vô lăng, cậu cố bẻ lái nhưng đã muộn. Xe dừng lại, cậu bật xi nhan báo sự cố, tháo dây an toàn, chụp lấy đèn pin trong hộp đựng đồ và vội vã ra ngoài.

Một con chó! Cậu đã đâm phải một con chó. Con vật nằm giữa đường trong tuyết lạnh, nhìn Espérandieu bằng ánh mắt van lơn. Nó thở gấp gấp, hai bên sườn phập phồng, một đám hơi nước phả ra trước mõm, và một chân đang run lên bần bật.

Đừng cử động, anh bạn nhỏ! Tao sẽ trở lại ngay! Espérandieu nghĩ, gần như nói ra miệng. Cậu thọc tay vào áo gió. Điện thoại! Nó không ở đây! Espérandieu tuyệt vọng nhìn con đường. Chiếc xe máy đã đi mất từ lâu. Chết tiệt! Chết tiệt! Chết tiệt! Cậu lao vào xe, cúi người, bật đèn và mò mẫm dưới chỗ ngồi. Không có gì! Không thấy tấm hơi chiếc điện thoại khốn kiếp ấy đâu. Không trên ghế, không dưới sàn. Nó ở đâu mới được cơ chứ?

Dù xoay tằm bản đồ theo hướng nào, Servaz cũng không tìm thấy bất cứ dấu hiệu hay kí hiệu nào gợi ý chỗ Chaperon có thể đang ẩn náu. Nhưng có lẽ cô không cần phải đánh dấu nó. Có lẽ tất cả những gì cô

phải làm là liếc qua bản đồ để kiểm tra lại điều mình đã biết. Servaz nhìn chăm chăm vào Saint-Martin, với khu nghỉ dưỡng trượt tuyết, thung lũng bao quanh và những đỉnh núi, con đường anh đã đi đến đây và đường dẫn tới trạm thủy điện, trại hè, Viện Wargnier và toàn bộ làng mạc xung quanh.

Anh ngó nghiêng. Một tờ giấy trên bàn khiến anh chú ý. Một tờ giấy giữa đồng giấy tờ lộn xộn.

Anh cầm lên và cúi người xuống. Chứng thư của một bất động sản nào đó. Tim anh lại đập rộn lên. Chứng thư dưới cái tên Roland Chaperon, công dân của Saint-Martin-de-Comminges. Có một địa chỉ. Đường 12, khu vực 4, thung lũng Aure, thành phố Hourcade. Servaz chữi thề. Anh không có thời gian đi tra cứu ở cục đăng kí sở hữu hay văn phòng thế chấp. Anh nhận thấy Ziegler đã viết một chữ cái và một chữ số bằng bút dạ đỏ ở cuối tờ giấy. D4. Là nó. Anh cầm tờ giấy bằng bàn tay nhớp nháp mồ hôi trong khi luýnh quýnh lướt ngón tay trên bản đồ.

Espérandieu quay lại tìm và thấy điện thoại rơi dưới đường. Cậu cuống cuống nhặt lên. Nó đã vỡ thành hai mảnh, cái vỏ nhựa bật tung. Chết tiệt! Cậu vẫn cố gọi cho Servaz, nhưng vô ích. Đột nhiên, cậu bị nỗi sợ hãi choán lấy. Martin! Con chó rên lên một tiếng xé lòng. Espérandieu nhìn nó. Mẹ kiếp! Mình đang mắc kẹt trong cơn ác mộng gì thế này!

Cậu giật mở cửa trước, trở lại chỗ con chó và luồn tay xuống bệ nó lên. Nó rất nặng. Con chó gầm gừ, đe dọa, nhưng vẫn để cậu ẵm đi. Espérandieu đặt nó nằm ổn định ở ghế sau, sập cửa lại và ngồi vào ghế lái. Cậu liếc nhìn đồng hồ. 2:20! Ziegler có thể về tới nhà bất cứ lúc nào. Martin, ra khỏi đó, nhanh lên, ngay lập tức! Vì tất cả tình yêu của Chúa! Cậu phóng xe đi như tên bắn, bẻ thẳng lái ở phút cuối. Chiếc xe xé gió lao trên đường, mấy lần chệch đi ở những khúc quanh. Cậu bám lấy vô lăng như một tay đua địa hình. Tim cậu đang đập 160 nhịp/phút.

Một hình chữ thập tí hon bằng mực đỏ mà ban đầu anh đã không nhìn ra. Ngay ở giữa chỗ D4. Servaz mừng rỡ. Trên bản đồ có một hình chữ nhật đen bé xíu ở giữa một khu vực rừng núi hoang vắng. Một căn nhà gỗ, hay một túp lều? Không quan trọng. Giờ Servaz đã biết Ziegler sẽ đi đâu sau khi cô rời khỏi quán bar.

Đột nhiên anh nhớ ra thời gian. 2:20. Có gì đó không đúng. Đáng lẽ Espérandieu phải gọi cho anh từ lâu rồi. Ziegler đã rời khỏi sàn nhảy mười sáu phút trước! Thừa cả thời gian để... Anh cảm thấy dòng mồ hôi lạnh chảy dọc sống lưng. Anh phải ra khỏi đây, ngay lập tức. Anh hoảng sợ nhìn về phía cửa, đặt tấm bản đồ lại chỗ cũ, tắt đèn bàn rồi đến công tắc trên tường và đi ra phòng khách. Anh nghe thấy tiếng động cơ bên ngoài. Servaz vội vã chạy ra cửa sổ, vừa kịp nhìn thấy xe máy của Ziegler ở góc tòa nhà. Anh rùng mình. Cô ta đã về tới!

Anh nhanh chóng tắt đèn phòng khách, hít hải chạy ra cửa trước, rời khỏi căn hộ và nhẹ nhàng đóng cửa lại sau lưng. Tay anh run rẩy đến mức suýt nữa thì đánh rơi chùm chìa vạn năng. Anh đóng cửa và bắt đầu chạy xuống cầu thang, rồi đột ngột dừng lại sau vài bước. Anh đang đi đâu? Đường này sẽ không dẫn đi đâu hết. Nếu đi ra bằng đường này, anh sẽ đối mặt với cô ta. Anh sống người khi nghe thấy tiếng cổng trước lách cách mở ở hai tầng phía dưới. Anh đã mắc kẹt. Anh chạy hai bậc một lên cầu thang, nhẹ nhàng nhất có thể, và trở lại nơi mình xuất phát. Đầu cầu thang tầng ba. Anh nhìn khắp xung quanh. Không có chỗ thoát thân, không có chỗ ẩn náu, Ziegler sống ở tầng trên cùng.

Trái tim anh đập thình thịch như muốn nhảy ra khỏi ngực. Anh cố nghĩ. Cô có thể xuất hiện bất kì lúc nào và thấy anh ở đây. Cô sẽ phản ứng thế nào? Giờ đã gần 2 giờ rưỡi sáng, lẽ ra anh đang nằm bẹp trên giường mới phải. Nghĩ đi! Nhưng anh không thể nghĩ ra phương án nào. Anh không có lựa chọn. Một lần nữa anh lấy chìa khóa vạn năng ra, tra vào ổ, mở cửa và đóng nó lại sau lưng. Khóa lại! Anh vội vàng đi vào phòng khách. Căn hộ chết tiệt này quá trống trải, quá tối giản. Không có chỗ nào để ẩn nấp! Trong khoảnh khắc, anh nghĩ tới việc bật

đền lên, ngồi trên ghế xô pha và cứ thế chào hỏi cô, với vẻ tự nhiên nhất có thể. Anh sẽ nói với cô rằng anh đã tự vào bằng chìa khóa vạn năng. Rằng anh có việc quan trọng phải nói với cô. Không! Thật ngu ngốc! Anh đang toát mồ hôi, thở hổn hển, cô sẽ nhìn ra nỗi sợ hãi trong mắt anh ngay lập tức. Đáng ra anh nên đợi cô ở đầu cầu thang. Đúng là đồ ngu! Giờ thì đã quá muộn! Liệu cô có giết anh không?

Rùng mình, anh nhớ lại rằng cô đã toan làm thế rồi. *Ở trại hè hôm ấy!* Ý nghĩ làm anh bưng tỉnh. Mình phải trốn! Anh sai chân bước vào phòng ngủ, luồn xuống gầm giường khi nghe tiếng khóa lách cách ngoài cửa chính.

Anh trườn vào sâu hơn, qua khung cửa mở, anh nhìn thấy một đôi bốt ngoài tiền sảnh. Cầm anh tựa trên sàn, mặt đầm đìa mồ hôi, như thể đang gặp ác mộng. Như thể anh đang trải nghiệm một điều không có thật, một điều không thể xảy ra.

Anh không thấy khuôn mặt cô, chỉ nghe được tiếng cô thả chìa khóa loảng xoảng vào cái tủ kê gần cửa. Trong thoáng chốc, tưởng cô đi vào phòng ngủ, một nỗi khiếp sợ trào lên trong lòng anh.

Nhưng rồi anh thấy đôi bốt biến mất trong phòng khách, đồng thời có tiếng sột soạt của bộ đồ da. Anh vừa định đưa tay áo lau mồ hôi trên mặt thì đột nhiên cứng người. Anh đã quên không tắt điện thoại.

Con chó rên rỉ ở ghế sau. Nhưng ít nhất nó cũng không động đậy. Espérandieu đi vào khúc quanh cuối cùng, gần như mất kiểm soát, giống hệt cách cậu đã vòng qua tất cả những khúc quanh từ đầu đến giờ. Đuôi xe như muốn văng ra, nhưng cậu nhả số, quay bánh xe về phía đối diện, nhanh chóng nhấn chân ga và có lái về phía trước.

Ngôi nhà của Ziegler.

Cậu đỗ bên ngoài, với lấy khẩu súng và nhảy ra. Cậu nhìn lên, thấy có ánh sáng trong phòng khách. Xe máy của Ziegler cũng ở đây. Không có dấu hiệu nào của Servaz. Cậu cẩn thận lắng nghe. Chẳng có gì ngoài tiếng rên rỉ của gió.

Mẹ kiếp, Martin, xuất hiện đi!

Espérandieu đang tuyệt vọng đảo mắt tìm kiếm xung quanh thì đột nhiên một ý tưởng lóe lên trong óc. Cậu trở lại sau tay lái và khởi động xe. Con chó yếu ớt phản kháng.

“Tao biết, anh bạn nhỏ. Đừng lo, tao sẽ không bỏ mày lại đâu.”

Cậu lái trở lại triền đồi thoải thoải dẫn lên bãi đỗ xe có la bàn chỉ đường. Cậu lấy ống nhòm và len vào khoảng trống giữa bụi cây, vừa lúc nhìn thấy Ziegler đang ra khỏi bếp với hộp sữa trên tay. Cô đã quàng áo khoác lên ghế xô pha. Cậu thấy cô uống trực tiếp từ cái hộp và tháo dây lưng khỏi chiếc quần da rồi kéo tuột đôi boots. Cô rời khỏi phòng khách. Ánh đèn sáng lên trong khung cửa sổ nhỏ mờ sương bên trái. Nhà tắm. Cô ta đang tắm. Martin đã đi đâu? Liệu anh ấy có kịp trốn ra ngoài không? Nếu thế thì anh ấy đang nấp ở đâu, vì Chúa? Espérandieu nuốt nước bọt. Có một ô cửa sổ khác giữa phòng tắm và cửa sổ lớn ở phòng khách. Vì tấm rèm cửa sổ đã được kéo lên và cửa đang mở, nên cậu nhận ra, hẳn là phòng ngủ, nhờ ánh sáng ở lối vào. Đột nhiên, một bóng người nhô ra từ gầm giường. Cái bóng đứng lên, ngập ngừng trong giây lát rồi rời khỏi phòng ngủ và lén lút tiến về phía cửa chính. Martin! Espérandieu muốn hét lên sung sướng, đưa ống nhòm về phía lối vào ngôi nhà chờ Servaz xuất hiện. Một nụ cười thấp sáng khuôn mặt cậu. Servaz hét quay trái lại quay phải để tìm Espérandieu cho tới lúc cậu nhét hai ngón tay vào miệng và huýt gió.

Servaz nhìn lên và trông thấy cậu. Anh chỉ lên trên và Espérandieu hiểu ý. Cậu lia ống nhòm lên cửa sổ, Irène Ziegler vẫn đang trong nhà tắm. Cậu ra hiệu cho Servaz đi sang mặt bên của tòa nhà và trèo lại vào trong xe. Một phút sau anh đã mở cánh cửa bên ghế phụ lái.

“Mẹ kiếp, cậu ở đâu vậy?” Servaz nhổ một ngụm nước bọt ra khỏi miệng. “Tại sao cậu không...”

Anh sửng lại khi thấy con chó nằm trên ghế sau, “Cái gì thế?”

“Một con chó.”

“Tôi thấy rồi. Nó làm gì ở đó?”

Espérandieu mô tả vắn tắt lại vụ tai nạn. Servaz ngồi vào ghế hành khách và đóng sập cửa.

“Cậu bỏ tôi, vì một... con chó?”

Espérandieu tỏ vẻ hối lỗi, “Em giống Brigitte Bardot* ở điểm ấy. Thêm nữa, điện thoại của em vỡ rồi. Anh làm em sợ chết khiếp! Lần này chúng ta thực sự đã làm loạn hết cả lên.”

Trong chiếc xe tối om, Servaz lắc đầu, “Tất cả là lỗi của tôi. Cậu nói đúng, không phải ý hay.”

Đây là điều mà Espérandieu thích ở Martin. Không giống như rất nhiều cấp trên khác, anh biết thừa nhận sai lầm, và chịu trách nhiệm cho những sai lầm ấy.

“Nhưng tôi tìm được một thứ không tồi,” anh nói thêm.

Anh kể với Espérandieu về tấm bản đồ và bản chứng thư bất động sản. Anh lôi ra tờ giấy chép tọa độ. Họ cùng im lặng một hồi.

“Chúng ta phải gọi cho Samira và những người khác. Chúng ta cần tiếp viện.”

“Anh có chắc mình không để lại chút dấu vết nào không?”

“Hơi chắc. Ngoại trừ một ít mồ hôi dưới gầm giường.”

“Được, thế thì tốt,” Espérandieu nói. “Nhưng có chuyện khẩn cấp hơn phải giải quyết.”

“Gì thế?”

“Con chó. Chúng ta phải tìm một bác sĩ thú y. Ngay lập tức.”

Servaz nhìn trợ lý của mình và tự hỏi phải chăng cậu đang đùa. Espérandieu trông không thể nghiêm túc hơn. Servaz quay đầu lại ngó con vật. Con chó trông rất yếu. Nó khẽ ngẩng lên nhìn anh bằng đôi mắt hiền lành, buồn bã và cam chịu.

“Ziegler đang tắm,” trợ lý của anh nói. “Cô ta sẽ không tiếp tục ra ngoài vào đêm nay đâu. Cô ta biết mình có nguyên cả ngày mai để bắt Chaperon, vì ngày mai anh sẽ ở nhà. Cô ta sẽ làm việc giữa thanh thiên bạch nhật.”

Servaz do dự.

“Được rồi,” anh nói. “Tôi sẽ gọi cho sen đêm và xem ở đâu có bác sĩ thú y. Trong lúc đó, cậu gọi Samira dậy, bảo cô ấy xuống đây với hai sĩ

quan nữa.”

Espérandieu nhìn đồng hồ. 2:45. Cậu lấy điện thoại của Servaz, bấm số Samira và nói chuyện với cô phải đến mười phút. Sau đó, cậu cúp máy và quay sang sắp mình. Servaz đang tựa vào cửa, đã ngủ say tự lúc nào.

Anh ngồi dậy. Chiếc giường gấp kêu kễ kẹt. Anh hát chần ra và đặt bàn chân trần xuống sàn nhà lát gạch lạnh lẽo. Một căn phòng bé xíu, không có đồ đạc. Servaz ngáp dài và bật đèn sàn. Anh nhớ lại giấc mơ về Charlene Espérandieu. Họ trần truồng, làm tình trên hành lang một bệnh viện, trong khi các bác sĩ và y tá đi qua đi lại, nhưng không ai để ý. Trên sàn bệnh viện? Anh nhìn xuống phần cương cứng vào buổi sáng của mình và phá lên cười vì sự lạ lùng của tình huống này. Anh nhặt đồng hồ đeo tay nhét dưới nệm lên, 6 giờ sáng. Anh đứng lên, vươn vai và với lấy quần áo sạch đặt sẵn trên ghế. Chiếc áo quá lớn nhưng quần thì vừa đúng chiều dài. Anh cầm đồ lót, khăn tắm và sữa tắm đã được sắp sẵn. Servaz chuẩn bị chỉnh tề rồi mới ra ngoài, dù khó mà bắt gặp ai vào lúc sáng sớm thế này. Anh tiến về nhà tắm ở cuối hành lang. Ziegler đã bị đặt dưới sự giám sát liên tục, và anh muốn ngủ ở trụ sở sen đầm để có thể theo sát việc này.

Khu nhà tắm hoàn toàn vắng vẻ. Có một chỗ gió lùa hiểm hóc, cướp đi những nỗ lực nhỏ bé của một chiếc máy sưởi. Servaz biết sen đầm ngủ ở khu nhà khác, họ được phân chỗ ở cố định nên tòa nhà này không được sử dụng thường xuyên lắm. Nhưng anh vẫn không khỏi chửi thề khi bật vòi nước nóng và chỉ thấy một tia nước âm âm hạ cổ nhỏ xuống từ vòi tắm.

Mỗi cử động trong lúc xoa xà phòng lên người đều khiến anh co rúm lại vì đau đớn. Anh bắt đầu suy nghĩ, gần như đã chắc chắn về việc Irène Ziegler có tội, nhưng vẫn còn có một số điểm lẩn khuất, một số cánh cửa mở ra những hành lang dài dẫn tới sự thật. Ziegler đã bị bốn tên kia cưỡng hiếp, cùng với những cô gái khác trong vùng.

Mấy cuốn sách anh nhìn thấy trong căn hộ của cô là bằng chứng cho thấy chấn thương tâm lý vẫn còn rỉ máu. Grimm và Perrault bị giết vì

những vụ cưỡng hiếp mà họ gây ra, nhưng tại sao lại là treo cổ? Bởi đây là cách các nạn nhân đã tự sát? Hay có lý do nào khác? Một chi tiết khiến anh ám ảnh, Chaperon bỏ lại căn nhà và tháo chạy như thể cái chết đã cận kề. Phải chăng ông ta biết sát thủ là ai? Servaz cô trấn an bản thân, Ziegler đang bị theo dõi, họ biết nơi Chaperon đang lẩn trốn, họ nắm mọi quân cờ trong tay.

Có thể do gió lùa, nước đang lạnh dần từng giây, hoặc tâm trí bị ám ảnh vì chiếc túi nhựa mà anh cứ run lẩy bẩy. Tất cả những gì anh cảm nhận được trong phòng tắm vắng vẻ là nỗi sợ hãi.

Khi những người khác lần lượt kéo đến, Servaz đã ngồi bên một chiếc bàn trong phòng điều tra với cốc cà phê trong tay. Maillard, Confiant, Cathy d’Humières, Espérandieu và hai thành viên khác của tổ hình sự là Pujol và Simeoni. Hai tay to con hẹp hòi, có định kiến với Espérandieu. Mọi người ngồi xuống và kiểm tra lại ghi chép của mình trước khi bắt đầu, căn phòng chỉ có tiếng sột soạt của giấy tờ. Servaz quan sát những khuôn mặt tái xám, mệt mỏi của họ. Sự căng thẳng khủng khiếp đến nỗi gần như chạm vào được. Anh viết vài từ lên tập giấy của mình trong lúc đợi mọi người sẵn sàng, rồi anh ngẩng lên và bắt đầu.

Anh tóm tắt lại tình hình. Khi anh kể với họ vụ việc mình gặp phải ở trại hè, một sự im lặng nặng nề bao trùm. Pujol và Simeoni chăm chú quan sát anh. Cả hai dường như đều đang nghĩ rằng, một việc như thế sẽ không bao giờ xảy ra với họ. Có lẽ đúng. Họ có thể đại diện cho những bộ mặt xấu xa nhất của nghề này, nhưng dù thế nào họ vẫn là những cảnh sát dạn dày kinh nghiệm mà người ta có thể trông cậy nếu gặp tình huống cam go.

Servaz bắt đầu trình bày tội lỗi của Ziegler, và lần này, Maillard là người tái mặt và nghiến chặt răng. Bầu không khí nặng nề. Cảnh sát nghi ngờ một sen đầm vì tội giết người, đây rõ ràng là công thức cho mọi xung đột.

“Tôi không thích chuyện này chút nào,” d’Humières điềm tĩnh nói.

Anh hiếm khi thấy bà hộc hác như thế. Những nét âu lo phờ phạc khiến gương mặt bà nhợt nhạt như bị bệnh. Anh liếc nhìn đồng hồ đeo tay. 8 giờ. Có lẽ Ziegler cũng sắp ngủ dậy. Như để chứng thực suy nghĩ của Servaz, di động của anh reo lên.

“Chúng tôi đã sẵn sàng, cô ta đang dậy rồi,” Samira Cheung nói qua điện thoại.

Anh lập tức ra lệnh, “Pujol, tới với Samira đi. Ziegler vừa ngủ dậy. Đồng thời, tôi muốn một xe thứ ba dự phòng. Cô ta cũng thuộc tổ điều tra nên tôi không muốn các cậu bị phát hiện. Simeoni, cậu đi xe thứ ba. Không cần bám sát quá. Ngoài ra, chúng ta biết nơi cô ta sẽ đến. Thà mất dấu cô ta còn hơn để cô ta phát hiện ra mình đang bị theo dõi.”

Pujol và Simeoni im lặng rời khỏi phòng. Servaz đứng lên, đi tới bức tường treo một tấm bản đồ khu vực khổ lớn. Anh nhìn qua nhìn lại giữa tập giấy của mình và tấm bản đồ một lúc, rồi ấn ngón tay lên chính xác một điểm. Tay vẫn giữ trên bản đồ, anh quay lại nhìn các đồng nghiệp.

“Đây.”

Một cuộn khói bốc lên từ ống khói trên phần mái phủ rêu của ngôi nhà gỗ. Servaz nhìn ra xung quanh. Những cụm mây xám phủ lên triền rừng. Không khí có mùi sương giá, mùi mùn và khói củi. Họ đang đứng giữa rừng cây. Bên dưới là ngôi nhà gỗ nằm trong lòng chảo của một thung lũng nhỏ phủ đầy tuyết, giữa một bãi đất trống với rừng cây bao bọc khắp xung quanh và chỉ có một đường mòn dẫn vào. Khuất khỏi tầm nhìn, ba viên sen đầm và một người kiểm lâm đang canh gác lối vào. Servaz quay sang Espérandieu cùng Maillard và họ trả lời anh bằng một cái gật đầu. Cùng với hơn mười người hộ tống, họ chậm rãi tiến vào thung lũng nhỏ.

Đột nhiên, họ dừng lại. Một người đàn ông vừa ra khỏi căn lều. Ông ta vươn vai trong ánh nắng buổi sớm, hít khí trời và nhổ nước bọt xuống đất. Từ nơi đang đứng, họ nghe thấy ông ta đánh rầm, âm thanh to như tiếng tù và của một người chặn cừ. Kì lạ thay, một con chim trong rừng bỗng kêu quang quác như để giễu cợt ông ta. Người đàn ông

nhìn quanh lần cuối rồi trở vào trong.

Servaz lập tức nhận ra ông ta, dù có thêm bộ râu.

Chaperon.

Họ đến bãi đất trống phía sau căn lều. Ấm ướt như trong một cái nhà tắm kiểu Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng lạnh lẽo chứ không nóng như thế. Servaz nhìn những người khác. Bọn họ ngằm trao đổi và chia làm hai nhóm. Họ chậm rãi di chuyển về phía trước, tuyết ngập tới tận đầu gối. Họ cúi rạp xuống để vòng lên cửa chính. Servaz dẫn đầu nhóm tiên phong, anh đang vòng qua góc nhà để ra phía trước thì cánh cửa đột nhiên bật mở. Servaz bước lùi lại, giữ chắc súng trong tay. Anh thấy Chaperon tiến tới ba bước, tụt quần xuống và tiểu xuống tuyết với vẻ khoan khoái, miệng khẽ ngâm nga.

“Đái xong đi rồi giơ tay lên, Pavarotti,” Servaz nói vọng lên.

Thị trưởng bật chữ thề, nước bắn tóe vào giày.

Diane đã trải qua một đêm kinh khủng. Không dưới bốn lần, cô choàng tỉnh, người đầm mồ hôi với cảm giác ngạt thở như thể bị chiếc áo lót thắt ngực lại. Máy lớp ga trải giường cũng ướt đầm mồ hôi. Cô tự hỏi liệu có phải mình bị sốt không.

Cô nhớ mình đã gặp ác mộng. Cô bị buộc chặt vào giường của một buồng giam ở Viện trong chiếc áo trói thân và bị một đám bệnh nhân bao vây. Họ nhìn cô và chạm vào mặt cô bằng những bàn tay ướt đầm mồ hôi vì thuốc. Cô lắc đầu quày quật và gào thét cho tới khi cửa phòng mở ra, Julian Hirtmann đi vào cùng nụ cười ghê tởm trên môi. Giây lát sau, cô đã không còn trong buồng giam nữa mà ở trong một không gian rộng lớn hơn nhiều. Cô ở ngoài trời. Là buổi đêm, có một cái hồ và lửa cháy bập bùng, hàng nghìn con côn trùng khổng lồ đầu chim đang trườn bò dưới mặt đất tối tăm và hàng trăm cơ thể đàn ông đàn bà trần truồng đang làm tình dưới ánh lửa đỏ rực. Hirtmann là một trong số đó, và Diane hiểu rằng hẳn ta chính là người đã tổ chức cuộc giao hoan kinh khủng này. Cô hoảng sợ khi nhận ra mình cũng trần truồng, trên giường, vẫn bị trói nhưng không còn chiếc áo trói thân nữa, và cô vùng

vẫy cho tới khi tỉnh lại.

Cô đứng dưới vòi tắm rất lâu, cố gắng tổng khứ cảm giác nhầy nhụa do giấc mơ để lại. Cô tự hỏi giờ mình sẽ phải cư xử thế nào. Mỗi lần nghĩ tới việc nói chuyện với Xavier, cô lại nhớ đến đơn đặt hàng thuốc gây mê dành cho thú y và cảm thấy phát bệnh. Phải chăng cô đang tự đưa mình vào miệng cọp? Giống như những bức tranh 3D mà hình ảnh sẽ thay đổi tùy theo cách ta cầm. Cô không thể giữ cho nó ổn định. Vai trò của Xavier trong toàn bộ chuyện này là gì?

Dựa vào những yếu tố đã biết, Xavier có vẻ cũng như cô. Qua cảnh sát, anh ta biết ở Viện có kẻ dính líu tới những vụ giết người, và đang cố tìm ra kẻ đó. Tuy nhiên, anh ta đang dẫn trước cô và nắm được một loạt thông tin mà cô không có. Thế nhưng, chỉ vài ngày trước cái chết của con ngựa, anh ta đã nhận một đơn hàng với những chế phẩm có tác dụng đánh thuốc mê một con ngựa. Điều này dẫn cô trở lại một điểm, hai giả thuyết hoàn toàn trái ngược, tuy nhiên đều có cơ sở thực tế chứng minh. Có thể nào Xavier chỉ vô tình chuyển thuốc mê cho một người khác mà không hề biết chuyện gì sẽ xảy ra? Trong trường hợp đó, tên của người này phải xuất hiện trong cuộc tìm kiếm của anh ta mới đúng. Diane hoàn toàn không hiểu nổi.

Ai là Irène Ziegler và Gaspard Ferrand? Trông qua thì có vẻ hai người này liên quan đến trại hè Les Isards. Lisa Ferney cũng vậy...

Đây là nơi cô nên bắt đầu. Manh mối vững chắc duy nhất cô có lúc này là: y tá trưởng.

Servaz vào nhà. Mái nhà dốc thấp tè, đỉnh đầu chạm tới trần. Ở cuối căn nhà là một chiếc giường nhỏ bề bộn ga trắng, chăn nâu và một chiếc gối dơ bẩn. Một bếp lò bằng gỗ rất lớn có ống khói biến mất trên mái nhà, bên cạnh là một chõng củi. Dưới cửa sổ là bồn rửa và bàn bếp nhỏ, cùng một chiếc đầu đốt hẵn là nối với bình gas. Một quyển trò chơi ô chữ đang mở trên bàn, cạnh chai bia và cái gạt tàn đầy đầu mẩu thuốc lá, một chiếc đèn bão treo ngay phía trên. Có mùi của khói củi đốt, thuốc lá, bia, và hơn hết, mùi mồ hôi lâu ngày. Không có nhà tắm.

Anh thắc mắc không biết Chaperon tắm rửa thế nào.

Đây là những gì còn lại của những tên khốn, hai cái xác và một thằng cha thảm hại sống chui rúc như một con chuột thối tha.

Anh mở tủ. Luồn tay xuống dưới đệm. Lục túi chiếc áo khoác treo sau cửa. Bên trong, anh tìm thấy mấy chiếc chìa khóa, một túi đựng tiền xu và một cái ví. Trong ví có một tấm thẻ căn cước, một tập chi phiếu, thẻ bảo hiểm quốc gia, thẻ Visa và một thẻ American Express. Trong túi đựng tiền xu, anh thấy 800 Euro tiền mặt mệnh giá 20 và 50. Anh mở ngăn kéo, tìm thấy súng và đạn.

Anh đi trở ra.

Trong chưa đầy năm phút, nhóm người đã vào vị trí. Mười người xung quanh căn lều và trong rừng, sáu người khác tại những vị trí chiến lược bên trên thung lũng và bao quát đường mòn để có thể thấy cô ta đi đến. Khoác chiếc áo hỏa lực phòng không bằng sợi Kevlar, tất cả bọn họ đều đứng vững hệt như những con búp bê Playmobil. Servaz và Espérandieu đợi bên ngoài căn lều cùng với Chaperon.

“Cái mẹ gì thế,” lão thị trưởng nói. “Nếu các anh không tìm được gì ở chỗ tôi thì tôi sẽ đi khỏi đây. Các anh không thể giữ tôi lại khi tôi không đồng ý.”

“Tùy ông thôi,” Servaz nói. “Nếu ông muốn có kết cục như các bạn ông thì tùy. Nhưng chúng tôi sẽ tịch thu khẩu súng. Và thời điểm bước chân ra khỏi đây, ông sẽ không có gì bảo vệ hết, những điệp viên bị mất đi lớp vỏ bọc gọi là ‘ngoài vùng đất lạnh’ đấy.”

Chaperon nhìn anh bằng ánh mắt nanh nọc, căm phẫn. Sau khi cân nhắc được mất, lão nhún vai và ngồi sụp trở lại chiếc giường nhỏ.

9:54. Samira gọi để báo cho anh biết Ziegler đang rời khỏi nhà. Cô ta đứng đĩnh thật đấy, anh nghĩ. Cô ta biết mình còn cả ngày dài. Anh với lấy bộ đàm và cảnh báo tất cả các đơn vị rằng mục tiêu đang trên đường hành động. Anh rót cho mình một cốc cà phê.

10:32. Servaz rót cốc cà phê thứ ba của buổi sáng và hút điếu thuốc thứ năm, mặc Espérandieu can ngăn. Chaperon im lặng ngồi bên bàn tỏ vẻ kiên nhẫn.

10:43. Samira gọi để thông báo Ziegler đã ghé qua một tiệm tạp hóa, còn mua một ít thuốc lá, tem thư và hoa.

“Hoa? Ở tiệm bán hoa sao?”

“Vâng, chắc chắn không thể nào ở hàng thịt rồi.”

Chắc chắn cô ta đã phát hiện ra họ...

10:52. Servaz được biết cuối cùng Ziegler cũng đi về phía Saint-Martin. Để tới thung lũng nhỏ có căn nhà này, từ thị trấn nơi cô ta đang sống, phải đi theo một con đường lớn cũng dẫn tới Saint-Martin, rẽ vào con đường tiếp theo, tiến thẳng về phía Nam, tới một vùng toàn đèo núi, vách đá và rừng sâu, cuối cùng là đến con đường xuyên rừng dẫn tới lối mòn vào thung lũng nhỏ.

“Cô ta đang làm cái quái gì thế?” Espérandieu hỏi, khi đã quá 11 giờ. Họ không nói với nhau quá ba từ trong hơn một tiếng đồng hồ, ngoại trừ cuộc trao đổi giữa Samira và Servaz trên điện thoại.

Hỏi hay lắm, Servaz nghĩ.

11:09. Samira gọi để báo rằng Ziegler đã đi hết con đường dẫn tới thung lũng mà không hề giảm tốc, và giờ đang hướng vào Saint-Martin. Cô ta không tới đây. Servaz chửi thề và ra ngoài hít khí trời. Maillard hiện ra từ rừng cây và đi về phía anh.

“Giờ chúng ta làm gì?”

“Đợi.”

“Cô ta đang ở nghĩa trang,” Samira nói, lúc 11 giờ 45 phút.

“Gì? Cô ta làm gì ở nghĩa trang? Cô ta đang lừa mấy người đấy. Cô ta đã phát hiện ra mấy người rồi!”

“Có lẽ không đâu. Cô ta đã làm một việc kì lạ.”

“Ý cô là gì?”

“Cô ta đi vào một khu mộ và ở trong đó ít nhất năm phút. Để hoa lại. Cô ta ra ngoài mà không đem theo chúng.”

“Một khu mộ gia đình?”

“Phải, nhưng không phải của gia đình cô ta. Tôi đã tới kiểm tra. Là khu mộ của gia đình Lombard.”

Servaz giật mình. Anh không biết người nhà Lombard được chôn ở đây. Đột nhiên anh cảm thấy tình hình đang vượt khỏi tầm kiểm soát. Có một điểm mù mà anh không nhìn thấy. Tất cả bắt đầu với con ngựa của Éric Lombard, cuộc điều tra tạm thời gạt Lombard sang một bên để tập trung vào bộ ba Grimm-Perrault-Chaperon và những nạn nhân tự tử. Và giờ quân bài Lombard lại bất ngờ xuất hiện một lần nữa. Nó có ý nghĩa gì? Irène Ziegler đang làm gì trong khu mộ? Anh thật sự không thể hiểu nổi.

“Cô đang ở đâu?” Anh hỏi.

“Tôi vẫn đang ở nghĩa trang. Cô ta đã trông thấy tôi nên Pujol và Simeoni thay tôi tiếp tục theo dõi.”

“Tôi đến đây.”

Servaz ra khỏi nhà gỗ, đi xuống lối mòn dẫn vào rừng, hướng tới bụi cây ở bên tay phải. Anh vén những cành cây nặng trĩu tuyết đang nguy trang cho chiếc xe và lách vào sau vô lăng.

Khi Servaz đỗ xe lại bên nghĩa trang thì đã là 12 giờ 12 phút. Samira Cheung đợi anh trước cổng. Bất chấp giá lạnh, cô mặc một chiếc áo khoác da đơn giản, quần soóc siêu ngắn ngoài quần tất dày và một đôi giày leo núi bằng da nâu sẫm. Nhạc trong tai nghe của cô lớn đến mức Servaz cũng nghe được. Bên dưới chiếc mũ bê rê, khuôn mặt ửng hồng của cô khiến anh nghĩ tới sinh vật kì lạ trong bộ phim Margot đã lồi

anh đi xem, toàn người già, pháp sư và mấy chiếc nhân ma thuật. Anh cau mày khi thấy cái đầu lâu trên chiếc áo chui cổ của Samira. Khá thích hợp, anh nghĩ. Trông cô giống một kẻ báng bổ người chết hơn là một viên cảnh sát.

Họ trèo lên một quả đồi nhỏ, đi xuyên qua những cây lãnh sam và bia mộ, hướng về phía một bụi cây thường xuân đánh dấu điểm cuối của nghĩa trang. Một bà già nghiêm nghị nhìn họ. Khu mộ nhà Lombard nổi bật giữa nghĩa trang. Chỉ riêng kích thước thôi đã gần bằng một lãnh mộ, hoặc một nhà nguyện. Hai bên là hàng cây thủy tùng được cắt tỉa cẩn thận. Ba bậc thềm đá dẫn lên lối vào được canh giữ bằng một hàng rào có hoa văn rất đẹp. Samira quăng điều thuốc sang một bên, đi vòng quanh mộ, lũng tìm một lúc rồi trở lại với một chiếc chìa khóa.

“Tôi thấy Ziegler đã làm như vậy,” cô nói. “Nó được giấu bên dưới một hòn đá bị kênh.”

“Cô ta không chú ý tới cô sao?” Servaz nghi ngờ hỏi, quan sát bộ đồ của cô.

Người phụ nữ Pháp lai Trung Quốc-Ma rốc này nhú mày.

“Tôi biết ứng biến chứ. Khi cô ta nhìn thấy tôi, tôi đang đặt một bó hoa lên mộ một người đàn ông tên là Graves*. Thật buồn cười phải không?”

Servaz ngẩng đầu xem xét nhưng không có gì viết ở khoảng tường tam giác bên trên cánh cửa. Samira tra khóa vào ổ và mở cánh cổng. Servaz theo chân cô vào bóng tối bên trong khu mộ. Ánh sáng lờ mờ lọt qua khe hở ở phía bên phải, chẳng đủ để họ nhìn thấy bất cứ thứ gì ngoài những hình thù mơ hồ của ba bia mộ. Một lần nữa, Servaz tự hỏi tại sao mọi thứ lại phải nặng nề, buồn bã và chìm trong bóng tối, như thể cái chết còn chưa đủ vậy. Thế nhưng ở một số đất nước, cái chết gần như tươi sáng, gần như hân hoan, và họ tổ chức tiệc tùng, vui đùa thay vì đến những nhà thờ ảm đạm, thê lương cùng những lễ cầu hồn, kinh cầu siêu, những lời cầu nguyện chan chứa cả thung lũng nước mắt. Như thể ung thư, tai nạn giao thông, trụy tim, tự sát, và giết người vẫn còn

chưa đủ vậy. Anh nhận thấy một bó hoa đặt trở trọi trên một trong ba ngôi mộ. Một điểm sáng giữa cảnh u tối. Samira lấy chiếc iPhone của mình ra và bật đèn lên. Nó tỏa ra một chùm sáng nhợt nhạt. Cô giơ nó lên lần lượt từng bia mộ, Édouard Lombard... Henri Lombard... người ông và người bố. Servaz tự nhủ, bia mộ thứ ba hẳn là của mẹ Éric, vợ của Henri, người từng là diễn viên thất bại, gái gọi, con điếm, theo Henri Lombard... Vì cớ gì Irène lại đến đặt hoa lên bia mộ đó?

Servaz cúi xuống đọc dòng chữ khắc trên bia mộ. Và nhú mày.

Anh từng nghĩ họ đã tiến gần đến sự thật. Nhưng giờ thì họ đang lạc lối.

Anh nhìn Samira, rồi lại nhìn dòng chữ khắc trên bia mộ, dưới ánh sáng của chiếc điện thoại: *MAUD LOMBARD, 1976-1998*.

“Ai thế?”

“Em gái của Éric Lombard, sinh sau anh ta bốn năm. Tôi không biết rằng cô ta đã chết.”

“Có quan trọng không?”

“Có thể.”

“Vậy anh nghĩ tại sao Ziegler lại đặt hoa trên mộ cô ta? Có đoán ra gì không?”

“Hoàn toàn không.”

“Ziegler có bao giờ kể với anh về chuyện này không? Hay hé lộ việc mình quen biết Maud?”

“Không.”

“Nó liên quan gì tới những vụ án mạng?”

“Tôi không biết.”

“Nhưng ít nhất lần này anh cũng có một sợi dây liên kết,” Samira nói.

“Ý cô là gì?”

“Một sợi dây liên kết Lombard với phần còn lại của vụ án.”

“Liên kết cái gì?” Anh băn khoăn.

“Không tự dưng mà Ziegler lại đến đây và đặt hoa lên bia mộ này.”

Chắc chắn có liên quan. Và cho dù anh không biết nó là cái gì, nhưng cô ta thì biết. Tất cả những gì anh phải làm là đưa ra câu hỏi khi thẩm vấn cô ta.”

Phải. Irène Ziegler rõ ràng biết nhiều hơn anh về toàn bộ vụ án. Servaz nhắm tính, Maud Lombard cũng tầm tuổi Ziegler. Phải chăng họ từng là bạn bè? Vì cô ta từng ở trại hè, nên một đoạn quá khứ khác của cô ta vừa trở thành đối tượng của cuộc điều tra. Hiển nhiên, Irène Ziegler không chỉ có một bí mật. Không thấy dấu hiệu nào của vợ Henri Lombard, mẹ Éric. Không được thừa nhận ngay cả khi đã chết. Bà không được phép chung hưởng sự vinh hăng đáng sợ với gia tộc này. Khi họ quay trở ra, Servaz nghĩ về việc Maud Lombard đã chết ở tuổi 22. Anh lập tức cảm thấy đây là một điểm máu chốt. Cô ta chết như thế nào? Tai nạn, bệnh? Hay lý do nào khác?

Samira nói đúng. Ziegler nắm giữ chìa khóa của vấn đề. Khi bị bắt, có thể cô ta sẽ thành thật khai báo, nhưng anh không nghĩ vậy. Anh đã hơn một lần được chứng kiến tính cách kiên cường của Irène Ziegler.

Bây giờ cô ta đang đi đâu?

Đột nhiên anh lo âu khỉnh khiếp và lập tức kiểm tra đồng hồ đeo tay. Họ không nhận được tin tức gì cũng mất một lúc rồi. Anh định gọi cho Pujol thì di động reo lên.

“Chúng tôi mất dấu cô ta rồi!” Simeoni hét.

“Gì?”

“Con giặc cái, tôi nghĩ ả đã phát hiện ra chúng tôi! Đi cái xe máy khôn kiếp, ả đã dễ dàng cắt đuôi chúng tôi!”

Chết tiệt! Servaz cảm thấy adrenalin chảy dòn trong mạch máu, và bụng quặn thắt. Anh tìm số của Maillard.

“Pujol và Simeoni đã mất dấu mục tiêu!” Anh hét lên. “Cô ta có thể ở bất cứ đâu! Thông báo cho trung úy Espérandieu và tất cả vào vị trí sẵn sàng!”

“Được. Không vấn đề gì. Chúng tôi đang đợi đây.”

Servaz cúp máy. Anh ước mình có thể bình tĩnh như viên sen đầm. Đột nhiên một ý nghĩ khác nảy ra trong óc, anh lôi di động ra và gọi vào

số của Saint-Cyr.

“Alô?”

“Maud Lombard, anh có biết gì về cô ta không?”

Một quăng ngập ngừng ở đầu dây bên kia, “Đương nhiên. Em gái Eric Lombard.”

“Cô ta chết năm 22 tuổi. Có phải là hơi trẻ không? Anh biết cô ta chết thế nào không?”

“Cô ấy tự tử,” ông thẩm phán trả lời, lần này không chút lưỡng lự.

Servaz nín thở. Chính là điều anh hy vọng sẽ nghe thấy. Tầng băng đang dần nổi lên bề mặt. Mỗi lúc một rõ ràng...

Tim anh đập dồn dập, “Chuyện gì đã xảy ra?”

Lại một khoảng ngập ngừng.

“Sự việc rất bi thương,” người ở đầu dây bên kia nói. “Maud là một cô gái mong manh, lý tưởng hóa mọi thứ. Hồi du học ở Mỹ, cô ấy đem lòng yêu say đắm một chàng trai. Vào cái ngày anh ta rời bỏ cô để đến với người khác, cô ấy đã không thể chịu đựng được. Cộng với cái chết của ông bố vào năm trước đó... Cô ấy trở lại đây và kết liễu đời mình.”

“Chỉ thế thôi sao?”

“Cậu đang trông đợi điều gì?”

“Những cây cảnh hình con vật trong vườn nhà Lombard, có phải để tưởng nhớ cô ấy không?”

Lại một khoảng ngập ngừng nữa.

“Phải. Henri Lombard là một người đàn ông bạo ngược, tàn nhẫn, nhưng đôi khi ông ta cũng thể hiện sự quan tâm đến con cái. Ông ta cho tĩa cây cảnh năm Maud 6 tuổi, nếu tôi nhớ không nhầm. Và Eric Lombard giữ chúng lại. Để tưởng nhớ em gái mình.”

“Cô ta chưa bao giờ tới trại hè đấy chứ?”

“Người nhà Lombard ở Les Isards! Cậu đùa đấy à! Les Isards chỉ dành cho những đứa trẻ con nhà nghèo không có tiền đi nghỉ ở nơi khác thôi.”

“Tôi biết.”

“Thế thì vì sao cậu lại nghĩ một đứa trẻ nhà Lombard có thể đặt chân đến đó chứ?”

“Lại một vụ tự tử. Anh không nghĩ tới việc liệt cô ta vào danh sách sao?”

“Năm năm sau? Loạt tự tử đã kết thúc từ lâu. Ngoài ra, Maud đã là một phụ nữ, không còn là thiếu niên nữa.”

“Câu hỏi cuối cùng. Cô ta tự tử thế nào?”

Saint-Cyr ngừng một lát.

“Cô ấy cắt cổ tay.”

Servaz thất vọng, không phải treo cổ.

12:30. Espérandieu nhận được một tin nhắn qua bộ đàm: *Bữa trưa*. Nhìn Chaperon nằm dài trên giường, cậu nhún vai và ra ngoài. Những người khác đang đợi ở ngoài bìa rừng. Là ‘khách’ của lực lượng an ninh và trật tự, cậu được lựa chọn giữa bánh sandwich Paris bao gồm bánh mì dài, thịt nguội và pho mát Thụy Sĩ, bánh mì kẹp pan-bagnat kiểu Pháp, hoặc sandwich kiểu Á với thịt nướng, cà chua, hồ tiêu và salad.

Cậu quyết định chọn kiểu Á.

Khi Servaz trèo vào xe, một ý nghĩ bỗng hiện lên từ đống hỗn độn những câu hỏi không lời đáp. Maud Lombard tự tử... con ngựa của Lombard đứng đầu tiên trong danh sách. Nếu đây mới là chìa khóa của cuộc điều tra, chứ không phải trại hè thì sao? Theo bản năng, anh cảm thấy điều này sẽ mở ra những hướng nhìn mới. Có một cánh cửa vẫn phong kín, trên đó viết cái tên ‘Lombard’. Tại sao Éric Lombard lại là một trong những mục tiêu của hung thủ? Anh nhận ra mình đã hơi lơ là khía cạnh này. Servaz nhớ Vilmer từng tái mặt khi anh đưa ra giả thuyết rằng Lombard có thể dính dáng đến mấy tên tội phạm tình dục. Lúc ấy nó chỉ là một câu nói đùa nhằm gây hoang mang cho lão giám đốc ngạo mạn của cục cảnh sát hình sự Toulouse, nhưng đằng sau câu đùa là một câu hỏi thực sự. Giờ thì chuyến viếng thăm của Ziegler tới

khu mộ nhà Lombard đã cho thấy câu hỏi này có thể đóng vai trò then chốt đến mức nào. Chính xác thì bản chất mối liên hệ giữa Lombard và các nạn nhân khác là gì?

“Cô ta đang trên đường đến.”

“Đã rõ.”

Espérandieu bật dậy. Cậu nhả tay khỏi nút bấm bộ đàm và nhìn đồng hồ đeo tay. 13:46. Cậu lấy súng.

Một khoảng thời gian trôi qua.

“Chốt 3 đây, cô ta vẫn chưa đi qua. Tôi nhắc lại, mục tiêu chưa đi qua đây.”

“Chết tiệt, cô ta ở đâu?” Espérandieu quát vào bộ đàm. “Có ai thấy cô ta không? Trả lời!”

“Chốt 3 đây, không, không thấy dấu hiệu nào...”

“Chốt 4, tôi cũng không thấy gì cả.”

“Chốt 5, không có ai trong tầm ngắm.”

“Chúng ta đã mất dấu cô ta rồi, chỉ huy. Tôi nhắc lại, chúng ta đã mất dấu cô ta!”

Martin đâu rồi, mẹ kiếp! Ngón tay Espérandieu vẫn đang giữ trên nút bấm của bộ đàm khi cánh cửa ngôi nhà gỗ mở tung ra và bật vào tường. Cậu quay ngoắt lại, chĩa súng... và thấy mình đang nhìn vào nòng một khẩu súng ngắn. Đôi mắt đen nhìn thẳng vào cậu. Espérandieu nuốt nước bọt.

“Anh đang làm quái gì ở đây?” Ziegler hỏi.

“Cô đã bị bắt,” cậu trả lời, nhưng giọng run run, không có mấy sức thuyết phục.

“Irène! Bỏ vũ khí xuống!” Maillard từ bên ngoài hét lên.

Một giây căng thẳng kéo dài tưởng chừng vô tận. Cô ta làm theo và

hạ súng xuống. “Đây là ý của Martin?”

Espérandieu nhận thấy một nỗi buồn sâu sắc trong mắt cô ta, cũng như sự nhẹ nhõm của chính bản thân mình.

16:35. Hoàn hôn lạnh giá trùm lên dãy núi, những bông tuyết lại xoáy tít trong gió. Diane rời khỏi phòng và bước ra hành lang vắng vẻ của tầng năm. Không một tiếng động. Vào thời điểm này, tất cả cán bộ đều tụ tập ở các tầng dưới. Bản thân Diane đáng ra cũng đang phải ở cùng bệnh nhân hoặc trong văn phòng của mình, nhưng cô đã lạng lã trốn lên mười lăm phút trước. Sau khi hé cửa nghe ngóng xem có tiếng động nào không, cô đã kết luận rằng khu vực nghỉ ngơi hoàn toàn vắng lặng.

Cô liếc nhìn sang hai bên và chỉ lưỡng lự trong tích tắc trước khi vặn tay nắm cửa. Lisa Ferney không khóa cửa phòng. Diane coi đây là một dấu hiệu xấu. Nếu y tá trưởng có điều giấu giếm, cô ta nhất định đã khóa cửa phòng. Căn phòng nhỏ, tắm trong ánh sáng mờ mờ, chẳng khác nào phòng của cô. Bên ngoài cửa sổ, dãy núi đang tối dần lại, những triền dốc như vệt đi vì một cơn bão mới. Diane sờ công tắc đèn và một quầng sáng vàng mờ ảo trùm lên căn phòng. Hệt như một thám tử nhà nghề, cô sờ dưới đệm, mở các loại tủ, nhìn dưới giường, kiểm tra tủ thuốc trong phòng tắm. Không có quá nhiều chỗ để cất giấu, và trong chưa đầy mười phút, cô đã tay trắng rời khỏi.

“Cậu không thể thẩm vấn cô ta,” d’Humières nói.
“Tại sao không?” Servaz hỏi.

“Chúng ta đang đợi hai sĩ quan từ hội đồng kỉ luật của sen đầm. Đợi họ đến mới được tiến hành thẩm vấn. Chúng ta phải tránh mọi khả năng gây ra sơ suất. Đại úy Ziegler phải được thẩm vấn với sự có mặt của người trong tổ chức của cô ta.”

“Tôi không muốn thẩm vấn cô ta, tôi chỉ muốn nói chuyện!”

“Thôi nào, Martin... câu trả lời là không. Chúng ta phải đợi.”

“Thế bao giờ họ tới đây?”

Cathy d’Humières nhìn đồng hồ đeo tay, “Họ sẽ có mặt ở đây sau hai tiếng nữa. Tầm ấy.”

“Hình như tối nay Lisa của chúng ta ra ngoài.”

Diane nhìn về phía cửa căng tin. Cô thấy Lisa Ferney đi tới quày và gọi một cốc cà phê. Cô y tá trưởng không mặc đồng phục mà diện một chiếc áo chui cổ dài màu hồng nhạt, quần bò, cùng áo khoác trắng cổ lông và đi đôi bốt cao đến đùi. Tóc cô ta buông lơi xuống lớp lông mượt mà và cô ta trang điểm khá kĩ lưỡng, đánh mắt, chải mascara, tô son và phủ bóng.

“Anh có biết chị ta đang đi đâu không?” Diane hỏi.

Alex gật đầu với một nụ cười ranh mãnh. Y tá trưởng thậm chí còn không buồn liếc mắt về phía họ. Cô ta uống hết cốc cà phê và biến mất. Tiếng bước chân vội vã đi vào hành lang.

“Chị ta đang trên đường đi gặp ‘người tình bí ẩn’ của mình,” anh ta nói.

Diane nhìn anh ta chăm chăm. Lúc này, trông anh ta như một cậu bé tinh quái sắp sửa tiết lộ bí mật lớn nhất của mình cho người bạn thân.

“Là sao?”

“Ai cũng biết Lisa có một người tình ở Saint-Martin. Nhưng người ấy thế nào thì không rõ. Chưa ai từng bắt gặp hai người cùng lúc, ở Saint-Martin hay bất cứ đâu. Mỗi lần ra ngoài như thế, phải sáng hôm sau chị ta mới quay về. Vài nhân viên đã cố trêu chọc Lisa nhằm moi thêm chút thông tin, nhưng lần nào cũng bị chị ta đuổi thẳng cổ.”

“Hắn anh ta đã có vợ.”

“Nếu vậy thì vợ anh ta làm đêm rồi.”

“Hoặc công việc đòi hỏi thường xuyên phải đi công tác.”

“Trừ phi việc này xấu hổ đến mức không thể nói ra,” Alex gợi ý, rướn người qua bàn với vẻ ranh mãnh.

Diane cố ra vẻ thờ ơ. Nhưng cô không thể gạt đi những gì mình đã biết, và nổi căng thẳng cứ bám riết lấy cô, “Ví dụ như?”

“Có lẽ chị ta đi bữa bãi qua đêm. Hoặc chị ta chính là kẻ sát nhân mà mọi người đang tìm kiếm.”

Cô cảm thấy bụng mình thắt lại. Càng lúc càng khó khăn trong việc che giấu nỗi lo âu chưa phút nào rời bỏ mình. Tim cô bắt đầu đập nhanh hơn, Lisa Ferney ra ngoài cả đêm... Đây là cơ hội của cô.

“Không thiết thực lắm, áo khoác trắng với áo chui cổ hồng nhạt, để đi giết người,” cô cố nói đùa. “Có thể sẽ bị dây bắn một chút, không phải sao? Và cả lớp trang điểm kia chỉ để...”

“Có lẽ chị ta cảm dỗ họ trước khi giết. Cô biết đấy, giống bọn ngựa ấy.”

Hình như Alex thấy điều đó rất buồn cười. Diane muốn được chuyển đề tài. Bụng cô ậm ạch, có cảm giác bị một khối bê tông lèn chặt lên. “Rồi chị ta treo nạn nhân của mình dưới cầu? Đấy không phải là bọn ngựa, mà là kẻ hủy diệt.”

“Vấn đề của người Thụy Sĩ các cô là luôn nhìn nhận mọi chuyện từ góc độ quá thực tế,” anh ta trêu chọc.

“Tôi tưởng anh thích khiếu hài hước của người Thụy Sĩ chúng tôi.”

Alex cười. Diane đứng dậy.

“Tôi phải đi đây,” cô nói.

Anh ta gật đầu và ngược mắt nhìn cô. Nụ cười hơi nồng ấm quá mức.
“Được rồi. Tôi cũng có việc phải làm. Mong được gặp lại cô.”

18:30. Servaz đã uống quá nhiều cà phê và hút nhiều thuốc tới mức anh bắt đầu buồn nôn. Anh vội vàng đi vào toilet, vã nước lạnh lên mặt và suýt nữa thì nôn vào bồn cầu. Sau đó cơn nôn nao cũng vơi bớt, dù không hoàn toàn hết hẳn.

“Mẹ kiếp, bọn họ đang làm gì thế?” Anh hỏi, trở lại phòng chờ, nơi đội cảnh sát đang kiên nhẫn ngồi đợi trên những chiếc ghế nhựa.

Diane đóng cánh cửa lại sau lưng rồi đứng dựa vào nó, tim đập thình thịch.

Căn phòng cũng tắm trong ánh sáng xanh xám như văn phòng của Xavier hôm trước.

Một mùi nước hoa phảng phất. Diane nhận ra mùi hương này, Lolita Lempicka. Trên mặt bàn nhẵn nhụi, một cái chai phản chiếu ánh sáng lờ mờ từ cửa sổ.

Bắt đầu từ đâu đây?

Cũng có những chiếc tủ đựng tài liệu, như trong văn phòng Xavier. Nhưng theo bản năng, cô quyết định bắt đầu với bàn làm việc.

Không có ngăn kéo nào khóa. Cô bật đèn lên để kiểm tra bên trong và nhìn thấy một vật rất đổi lạ lùng. Một con kì nhông màu vàng kim, khảm những viên đá quý, hồng ngọc, ngọc bích và ngọc lục bảo. Rõ ràng được dùng để chặn giấy. Dựa vào kích thước, Diane kết luận rằng những viên đá kia chắc chắn là giả và vàng chỉ là lớp mạ ngoài. Cô chuyển sự chú ý sang ngăn kéo. Những cặp tài liệu đủ màu sắc. Cô mở chúng ra. Toàn bộ đều liên quan tới công việc quản lý Viện của cô ta. Ghi chép, hóa đơn, tóm tắt những buổi nói chuyện, báo cáo giám sát. Không thứ gì có vẻ đáng ngờ. Hoặc ít nhất là như thế, cho tới ngăn kéo

thứ ba.

Một tập tài liệu cứng đơ, nằm sâu tít trong ngăn kéo. Diane nhắc lên và mở ra. Các mẫu báo. Tất cả đều về những vụ án mạng trong thung lũng. Lisa Ferney đã cẩn thận thu thập mọi nội dung được báo chí ghi lại về những vụ án này.

Đơn thuần là hiếu kì, hay vì điều gì hơn thế?

Cơn gió gào thét bên dưới cánh cửa. Diane ngừng tay trong thoáng chốc. Cơn bão đang mỗi lúc một dữ dội. Cô bỗng rùng mình, nhưng rồi lại tiếp tục tìm kiếm.

Tủ hồ sơ. Vẫn là kiểu hồ sơ treo như trong văn phòng của Xavier. Khi đưa chúng ra ánh sáng để xem từng cái một, Diane cảm thấy mình đang lãng phí thời gian. Cô sẽ không tìm thấy gì ở đây hết. Có ai lại điên rồ hay dại dột đến mức để lại dấu vết phạm tội trong chính căn phòng của mình?

Khi lật qua những trang giấy, cô vô tình nhìn xuống con kì nhông, thấy những viên ngọc và đá ánh lên rực rỡ dưới quầng sáng của chiếc đèn bàn. Diane không phải chuyên gia, nhưng cô phải công nhận đây là một món đồ làm giả rất tinh tế.

Nhưng nếu là thật thì sao? Cô nhìn trân trân vào nó. Nếu món đồ là thật thì nó gợi lên điều gì về y tá trưởng? Một mặt, nó chứng tỏ cô ta tự ý thức được rằng sức mạnh và quyền lực của mình lớn đến nỗi không ai dám vào văn phòng này mà không xin phép. Thứ hai, người tình của cô ta là một người giàu có, vì nếu những viên đá ngọc là thật thì con kì nhông này đáng giá một khoản không nhỏ.

Sau khi xem xét mọi thứ, Diane linh cảm thấy mình đang gần chạm đến một điều gì.

Hai đại diện của hội đồng kỉ luật sen đầm mặc thường phục. Khuôn mặt họ vô cảm như lớp mặt nạ sáp. Họ chào hỏi Cathy d'Humières và Confiant bằng một cái bắt tay xã giao, yêu cầu được thẩm vấn riêng đại úy Ziegler. Servaz định kháng nghị thì bà trưởng công tố chặn ngang bằng việc lập tức chấp thuận yêu cầu của họ. Nửa giờ trôi qua, cánh cửa

vào phòng nơi tạm giam Ziegler mới mở ra lần nữa.

“Đến lượt tôi thẩm vấn riêng đại úy Ziegler,” Servaz nói khi họ đi ra ngoài. “Tôi không cần lâu đâu. Sau đó chúng ta có thể đối chiếu quan điểm.”

Cathy d’Humières quay sang, định nói gì thì ánh mắt họ gặp nhau. Bà giữ im lặng. Nhưng một trong hai bức tượng sáp kia như thể đã sống lại, “Đại diện của sen đảm không thể bị thẩm vấn bởi một cảnh...”

Bà trưởng công tố giơ tay ngắt lời. “Các anh đã có thời gian thẩm vấn riêng, không phải sao? Mười phút, Martin. Không hơn một giây. Rồi cuộc thẩm vấn sẽ tiếp tục với sự có mặt của mọi người.”

Anh đi qua khung cửa. Cô sen đảm ngồi một mình trong căn phòng nhỏ, ánh đèn hắt lên một bên mặt. Ngoài cửa sổ, tuyết đang rơi dưới ánh đèn đường, giống hệt lần cuối cùng hai người ở bên nhau trong căn phòng này. Trời bên ngoài tối đen như mực. Anh ngồi xuống và nhìn cô. Với mái tóc vàng cùng bộ quần áo liền thân bằng da màu đen dày khóa kéo, dây đai và những miếng bảo vệ trên vai, trên đầu gối, trông cô như một nữ anh hùng bước ra từ câu chuyện khoa học giả tưởng.

“Cô không sao chứ?”

Cô gật đầu, môi mím chặt.

“Tôi không nghĩ cô có tội,” anh nói ngay, và cũng tin chắc như thế.

Cô chăm chăm nhìn anh, không nói gì. Anh đợi vài giây rồi mới nói tiếp, không biết phải bắt đầu từ đâu. “Cô không giết Grimm và Perrault. Nhưng nhìn bề ngoài thì tất cả các bằng chứng đều đang chống lại cô, cô biết chứ?”

Một lần nữa, cô gật đầu.

Anh xòe mấy ngón tay để liệt kê lần lượt từng sự kiện. Cô đã nói dối, hoặc giấu giếm sự thật, về trại hè và các nạn nhân tự sát. Cô đã che giấu việc cô biết Chaperon trốn ở đâu.

“Và cô không ở bên cạnh Perrault khi ông ta chết. Cô ở gần nhất, đáng ra phải tới trước tiên.”

“Tôi bị tai nạn xe máy.”

“Cô nên thừa nhận là một cái cớ không mấy thuyết phục. Một vụ tai nạn không có ai làm chứng.”

“Chỉ là sự việc xảy ra đúng như vậy.”

“Tôi không tin cô,” anh trả lời.

Ziegler mở to mắt.

“Anh nghĩ lại đi,” cô nói. “Anh cho rằng tôi vô tội hay có tội?”

“Vô tội. Nhưng cô đang nói dối về vụ tai nạn.”

Cô có vẻ kinh ngạc trước sự thấu suốt của anh. Nhưng lần này cô lại khiến anh ngạc nhiên, cô mỉm cười.

“Ngay từ đầu tôi đã biết anh là người tốt,” cô nói.

Anh tiếp tục, “Đêm hôm qua, tôi biết cô đi tới quán bar sau nửa đêm, và tới khi cô quay về thì tôi đang trốn dưới gầm giường. Tôi ra ngoài lúc cô đang tắm. Cô nên trang bị thêm khóa cửa, chứ đừng chỉ dùng một loại khóa tiêu chuẩn. Cô đã làm gì ở quán bar ấy?”

Cô cô tiêu hóa những gì anh vừa nói và trầm tư nhìn anh rất lâu.

“Tôi tới gặp một người bạn,” cuối cùng, cô trả lời.

“Vào lúc nửa đêm, khi cuộc điều tra đang diễn ra sao? Khi cuộc điều tra ấy đòi hỏi chúng ta phải dồn tất cả tâm trí và sức lực? Khi ai cũng đều kiệt quệ cả tinh thần và thể xác sao?”

“Việc khẩn cấp.”

“Việc gì mà khẩn cấp đến thế?”

“Rất khó giải thích.”

“Tại sao?” Anh hỏi. “Vì tôi là một gã đàn ông, một tay cớm đực rựa, và cô chỉ yêu phụ nữ sao?”

Cô ngang ngạnh nhìn anh, “Anh thì biết gì về những chuyện này?”

“Không gì cả, cô nói đúng. Nhưng tôi không phải người có nguy cơ bị kết tội gây ra hai vụ án mạng. Và tôi không phải kẻ thù của cô, Irène. Hay một thằng ngu cục súc nhỏ nhen kì thị người đồng tính mà cô vẫn thường gặp. Thế nên cứ thử xem nào.”

Cô vẫn điềm tĩnh nhìn anh, không hề lay chuyển. “Về nhà đêm qua, tôi nhận được một lời nhắn. Của Zuzka, bạn gái tôi, người Slovakia. Cô

ấy nói muốn giữ khoảng cách. Cô ấy làm khó tôi, chê trách tôi quá đắm chìm vào công việc, rằng tôi đang bỏ bê cô ấy, rằng tôi ở bên nhưng không thực sự ở bên. Đại loại như vậy. Tôi nghĩ anh cũng từng trải qua chuyện như thế, vì anh đã ly hôn, nên anh hiểu được ý tôi đây. Có rất nhiều cuộc hôn nhân đổ vỡ và chia tay trong giới cảnh sát, ngay cả cảnh sát đồng tính. Tôi cần giải thích. Ngay lập tức. Tôi không muốn cô ấy bỏ đi như vậy mà không có cơ hội nói rõ ràng cho cô ấy hiểu. Bây giờ, tôi không thể chịu đựng nổi. Thế nên tôi chẳng kịp suy nghĩ gì, vội vã đến ngay Chuối Hồng. Zuzka là quản lý ở đây.”

“Các cô quen nhau lâu chưa?”

“Một năm rưỡi.”

“Và hai người rất yêu nhau?”

“Phải.”

“Hãy quay trở lại vụ tai nạn. Hoặc cái gọi là tai nạn. Vì không có vụ tai nạn nào hết, có phải không?”

“Đương nhiên là có! Anh không thấy tình trạng quần áo của tôi sao? Và những vết sây sát? Anh nghĩ vì sao tôi lại bị thế?”

“Trong khoảnh khắc tôi đã tin rằng là vì cô nhảy xuống từ chiếc cabin,” anh trả lời. “Sau khi cô đẩy Perrault ra ngoài.”

Cô vắn vẹo trên chiếc ghế. “Và anh không tin như thế nữa?”

“Phải, vì cô vô tội.”

“Làm sao anh biết?”

“Vì tôi nghĩ tôi biết là ai. Nhưng tôi cũng nghĩ rằng, dù có thể cô đã gặp tai nạn thật, nhưng cô vẫn không hề cho tôi biết toàn bộ sự thật.”

Một lần nữa cô lại sững sốt trước sự thấu suốt của anh. Rốt cuộc cô nói, “Sau vụ tai nạn, tôi cố tình đến muộn. Tôi không vội.”

“Tại sao?”

“Perrault, tôi muốn lão chết. Hoặc đúng hơn, tôi muốn kẻ sát nhân có cơ hội tóm được lão.”

Servaz trân trân nhìn cô một lúc. Anh gật đầu.

“Vì những việc họ đã làm với cô,” anh nói. “Grimm, Chaperon,

Mourrenx và ông ta.”

Cô không trả lời nhưng gật đầu.

“Tại trại hè,” anh tiếp tục.

Cô kinh ngạc nhìn lên.

“Không, là rất lâu sau đó. Hồi tôi học luật ở Pau. Vào một ngày cuối tuần, tôi tình cờ gặp Perrault tại hội làng. Lão đề nghị cho tôi đi nhờ xe. Grimm và Mourrenx đợi chúng tôi ở cuối một đường mòn, cách đó vài kilomet. Đêm ấy không có Chaperon, tôi không biết tại sao. Chỉ biết bởi thế tôi không liên hệ lão ta với những tên còn lại cho tới khi anh tìm ra bức ảnh. Lúc... thấy Perrault lái chệch khỏi đường cái và chạy vào đường mòn, tôi lập tức đoán được ý định của lão. Tôi muốn thoát ra nhưng lão đánh tôi tới tấp ngay trong khi lái xe, và cả khi đã dừng lại. Lão bảo tôi là đồ đong trai, là con điếm. Người tôi đầy máu. Sau đó...”

Cô im bặt. Anh do dự rất lâu rồi mới hỏi, “Sao cô không...”

“Tổ cáo? Tôi... quan hệ khá bừa bãi vào thời điểm đó. Đàn ông, phụ nữ... Thậm chí cả với một trong các giảng viên ở đại học của tôi, một phụ nữ đã có chồng con. Bố tôi lại là sen đầm. Tôi biết chuyện gì sẽ xảy ra, người ta sẽ tiến hành điều tra, rồi bê bối. Tôi nghĩ tới bố mẹ và phản ứng của họ. Cả anh ruột cùng chị dâu tôi nữa, họ đều không biết gì về đời sống cá nhân của tôi.”

Thì ra đây là lý do giúp bọn chúng giữ kín bí mật của mình lâu như vậy, anh thầm nghĩ. Linh cảm ban đầu của anh tại nhà Chaperon đã đúng. Bọn chúng tin tưởng rằng 90% nạn nhân bị hiếp dâm sẽ không trình báo vụ việc. Ngoại trừ các thiếu niên ở trại hè chưa từng nhìn thấy mặt chúng, con mồi chúng lựa chọn phải là những mục tiêu dễ bị công kích, những người có lối sống buông thả, khiến họ không dám tìm đến cảnh sát. Những kẻ sẵn mồi thông minh. Nhưng vợ của chúng đã nhìn thấu chúng, đã nghi ngờ và tách ra ngủ riêng, hoặc ly dị hẳn.

Anh lại nghĩ tới tay giám đốc trại hè đã chết trong một vụ tai nạn xe cộ. Đối với hắn có khi thế lại hay.

“Cô có nhận ra chính cô đã suýt đẩy tôi tới chỗ chết không?”

“Tôi xin lỗi, Martin. Thực lòng đấy. Nhưng để trả giá, tôi đang bị

buộc tội giết người đây,” cô nở một nụ cười buồn.

Cô nói đúng. Anh sắp phải tham gia một cuộc chơi khó khăn. Confiant sẽ không dễ dàng buông tay như vậy, nhất là khi cậu ta đã nắm trong tay một nghi phạm lý tưởng. Và chính Servaz là người đã dâng cô lên cho cậu ta.

Anh nói, “Điều khiến tình hình phức tạp là cô đã lợi dụng sự vắng mặt của tôi để lần theo dấu vết Chaperon, mà không nói cho ai cả.”

“Tôi không muốn giết lão. Tôi chỉ muốn... dọa cho lão sợ. Tôi muốn nhìn thấy nỗi khiếp sợ trong mắt lão, tương tự như cách lão từng vui sướng khi được nhìn thấy nỗi sợ trong mắt các nạn nhân. Tôi muốn đích thân tìm thấy lão trong khu rừng ấy và nhét nòng súng vào miệng lão, để lão nghĩ rằng mạng lão đã tận. Rồi tôi sẽ bắt giữ lão.”

Giọng cô nhạt dần, như tiếng một dòng nước nhỏ mỏng manh và lạnh buốt, trong phút chốc anh băn khoăn có phải mình đã nghe nhầm.

“Một câu hỏi nữa,” anh nói. “Cô phát hiện mọi chuyện từ khi nào?”

Cô nhìn thẳng vào mắt anh. “Ngay từ vụ án mạng đầu tiên tôi đã nghi ngờ. Rồi khi Perrault chết và Chaperon lặn mất tăm, tôi biết có người đang bắt chúng phải trả giá cho những tội ác của mình. Nhưng tôi không biết là ai.”

“Tại sao cô lại giấu danh sách lũ trẻ ở trại hè?”

“Đó là một hành động ngu xuẩn, có tội giết mình. Tôi bắt gặp nó khi đang xem xét cái hộp chết tiệt. Mà anh thì lộ rõ hứng thú với những thứ bên trong. Tôi không muốn bị tra hỏi, tôi không muốn người ta đào bới quá khứ của mình.”

“Câu hỏi cuối cùng. Tại sao cô đặt hoa lên mộ Maud Lombard vào sáng nay?”

Irène Ziegler im lặng một lúc. Lần này cô không ngạc nhiên một chút nào. Cô đã nhận ra mình bị theo đuôi cả ngày.

“Maud Lombard cũng tự tử.”

“Tôi biết.”

“Tôi luôn biết rằng cô ấy cũng là nạn nhân của chúng. Thậm chí tôi

còn nghĩ tới việc giải thoát bằng cách tương tự. Có một thời gian, Maud và tôi thường cùng nhau tới dự tiệc, trước khi tôi vào đại học, và trước khi cô ấy gặp phải lũ khốn nạn. Chúng tôi khá thân thiết, không hẳn là bạn bè, chỉ là người quen, nhưng tôi rất quý cô ấy. Maud là một cô gái kín đáo, độc lập và ít nói, nhưng luôn nỗ lực thoát ra khỏi hoàn cảnh của mình. Vì vậy hằng năm, vào đúng ngày cô ấy mất, tôi lại mang hoa đến viếng. Hôm nay thì tôi muốn gửi cho Maud một lời nhắn nho nhỏ, trước khi bắt giữ kẻ cuối cùng còn sống sót.”

“Nhưng Maud Lombard chưa bao giờ đi nghỉ ở trại hè.”

“Thế thì sao? Cô ấy đã bỏ nhà đi vài lần, thường xuyên giao du với những thành phần bất hảo. Và luôn về muộn. Chắc hẳn cô ấy đã đụng phải chúng ở đâu đó, giống như tôi.”

Servaz lại vắt óc suy nghĩ. Giả thuyết của anh càng lúc càng sáng tỏ. Một hướng đi không thể tin nổi... Anh không còn câu hỏi nào nữa. Đầu anh lại xoay mòng mòng. Anh xoa bóp hai thái dương và khổ sở đứng lên.

“Có thể còn một giả thuyết khác mà chúng ta chưa tính đến,” anh nói.

D’Humières và Confiant đang đợi anh trong hành lang. Servaz đi về phía họ, vật lộn với cảm giác những bức tường cùng sàn nhà đang xoay tròn và anh sắp sửa mất thăng bằng. Anh xoa bóp gáy và hít một hơi thật sâu, nhưng không đủ để tổng khứ cảm giác choáng váng chao đảo.

“Thế nào?” Bà trưởng công tố hỏi.

“Tôi không nghĩ là cô ta.”

“Cái gì?” Confiant hét lên. “Tôi hy vọng là anh đang đùa!”

“Hiện tại, tôi không có thời gian để giải thích. Chúng ta phải nhanh chóng hành động. Trong lúc đó, cứ giữ Ziegler lại nếu các vị muốn. Chaperon đâu?”

“Chúng tôi đang tìm cách buộc ông ta phải thừa nhận việc cưỡng bức những thiếu niên ở trại hè,” d’Humières lãnh đạm trả lời. “Nhưng lão

không hé răng nửa lời.”

“Không giới hạn thời gian thi hành án chứ?”

“Không, chừng nào vẫn nảy sinh những yếu tố mới khiến chúng ta phải tái điều tra. Martin, tôi hy vọng cậu biết mình đang làm gì.”

Họ trao đổi một ánh mắt.

“Tôi cũng hy vọng như vậy,” anh nói.

Đầu óc anh quay cuồng. Anh ra lễ tân xin một chai nước, uống viên thuốc mà Xavier kê cho rồi đi ra xe đang đỗ ngoài bãi.

Làm sao anh có thể trình bày giả thuyết của mình mà không khiến Confiant phát điên và không đặt bà trưởng công tố vào tình thế khó xử? Vẫn còn một câu hỏi đeo bám anh. Anh muốn tuyệt đối chắc chắn trước khi ngã bài. Và anh cần một người cho anh ý kiến, một người có thể nói với anh rằng anh đang đi đúng hướng, và trên hết, rằng anh có thể đi xa tới đâu mà không quá dấn thân vào nguy hiểm. Anh nhìn đồng hồ đeo tay. 21:12.

Máy tính.

Cô bật nó lên. Không giống của Xavier, có yêu cầu nhập mật mã. Chà chà. Cô nhìn đồng hồ đeo tay. Cô đã ở trong này được một tiếng.

Vấn đề là, cô không phải hacker. Mất hơn mười phút, cô vất óc tìm mật mã, cố đánh tên Julian Hirtmann và Lisa Ferney theo mọi kiểu có thể, nhưng vô ích. Cô lục lại ngăn kéo cất giữ hồ sơ cá nhân. Dựa vào đó, cô nhập các số điện thoại và số hiệu sổ phúc lợi xã hội, hết ngược lại xuôi, đến ngày sinh, kết hợp giữa tên và tên đệm của y tá trưởng, kết hợp giữa ba chữ cái đầu tên và ngày sinh, nhưng tất cả đều vô ích. Chết tiệt!

Mắt cô vô tình lướt xuống con kì nhông.

Cô nhập ‘kinhong’ và ‘gnohnik’.

Không có gì.

Cô kiểm tra đồng hồ trên góc màn hình. 21:28.

Cô nhìn con kì nhông một lần nữa. Và với một thôi thúc mãnh liệt,

cô nhấc nó lên rồi lật lại. Trên bụng nó khắc chữ *Van Cleef & Arpels, New York*. Cô nhập dòng chữ vào máy. Không có gì. Chết tiệt! Thật vớ vẩn! Chẳng khác gì mấy bộ phim điệp viên ngu ngốc khôn kiếp! Cô thử đảo các chữ cái. Cũng không thấy gì. Mà trông đợi cái gì hả? Đây không phải là phim chiếu rạp! Hoàn toàn thất bại, cô thử viết tắt những chữ cái đầu, VC&ANY. Không có gì. Thế thì ngược lại đi, YNA&VC.

Màn hình đột nhiên nhấp nháy. Trúng phóc! Diane không thể tin vào mắt mình. Cô đợi màn hình nền và tất cả các biểu tượng hiện ra.

Cuộc chơi tiếp tục. Nhưng thời gian đang trôi đi. 21:32.

Cầu mong sao Lisa Ferney thực sự qua đêm bên ngoài.

Những bức thư điện tử.

Có khoảng hơn một trăm thư, từ một người bí ẩn có tên Demetrius.

Tiêu đề của các thư đều là: *E-mail mã hóa*.

Cô mở một bức thư nhưng không thấy gì ngoài những thông số khó hiểu. Diane hiểu đây là cái gì, vì cô đã từng gặp phải hồi đại học. Đó là dấu hiệu cho thấy mã hóa thông điệp đã hết hạn và người nhận không thể giải mã được nữa.

Bộ não cô đang hoạt động hết tốc lực.

Thông thường, nhằm giải quyết vấn đề này, người ta sẽ lưu luôn nội dung thư vào đâu đó, chẳng hạn ở dạng HTML. Cô sẽ làm thế nếu là Lisa Ferney. Cô mở phần *My Documents*, rồi đến *My Inboxy* và lập tức trông thấy nó. Một tệp tin đề tên 'Demetrius'.

Lisa Ferney không có thêm biện pháp phòng ngừa nào khác. Máy tính của cô ta đặt mật khẩu và cô ta biết chẳng ai dám tới đây mở nó ra.

Lisa,

Anh sẽ ở New York cho tới Chủ nhật. Công viên Trung tâm chỉ toàn một màu trắng và thời tiết lạnh đến giá băng. Thật lộng lẫy. Anh nghĩ tới em. Tỉnh thoảng, nửa đêm anh lại tỉnh giấc, mồ hôi đầm đìa, và anh biết mình vừa mơ thấy cơ thể và làn môi của em. Anh hy vọng mười ngày nữa có thể trở về Saint-Martin.

Éric

Lisa

Thứ Sáu anh sẽ đi Kuala Lumpur. Trước đó chúng ta có thể gặp nhau không? Anh sẽ ở lâu dài đợi em. Đến nhé.

Éric

Em đâu rồi, Lisa?

Sao anh không nhận được tin của em? Có phải em vẫn giận anh vì lần trước không? Anh có một món quà cho em. Anh mua nó của Boucheron. Rất đắt tiền. Em sẽ thích.

Thư tình. Hàng chục bức. Thậm chí hàng trăm bức. Trải dài suốt mấy năm trời.

Lisa Ferney đã cẩn thận lưu chúng lại. Toàn bộ. Và chúng đều được kí tên một người, 'Éric'. Éric đi du lịch rất nhiều, Éric giàu có và những ý muốn của Éric có vẻ giống mệnh lệnh. Éric thích sử dụng hình ảnh so sánh ẩn tượng và là một người tình ghen tuông tới mức bệnh hoạn.

Những đợt sóng ghen tuông cuốn anh đi và khiến anh ngạt thở. Anh tự hỏi em đang ngủ với ai. Anh hiểu em, Lisa. Em có thể sống thiếu một cục thịt nhồi giữa hai chân trong bao lâu? Hãy thề với anh là không có ai khác.

Và thỉnh thoảng, khi cả đe dọa và trách móc đều có vẻ vô tác dụng, Éric lại chìm đắm trong việc tự thóa mạ mình.

Chắc em nghĩ rằng anh là một thằng cặn bã khôn nạn, một thằng đàn chính hiệu. Anh không xứng đáng với em, Lisa. Anh đã sai khi nghĩ rằng anh có thể mua em bằng đồng tiền bẩn thỉu của mình. Em có thể tha thứ cho anh không?

Diane kéo xuống dưới cùng, dò đến thời điểm hiện tại. Cô thấy giọng điệu anh ta dần thay đổi. Không đơn thuần là chuyện tình nữa. Còn một việc khác đang diễn ra.

Em nói đúng. Đã đến lúc phải hành động. Anh đã chờ đợi quá lâu. Nếu chúng ta không ra tay bây giờ thì sẽ là không bao giờ. Anh vẫn chưa quên những giao ước của chúng ta, Lisa ạ. Và em cũng biết lời anh nói luôn là cam kết.

Thấy em mạnh mẽ và quyết tâm như thế, anh như được tiếp thêm can đảm, Lisa ạ. Anh nghĩ em nói đúng, không có hệ thống luật pháp nào trên trái đất trả lại tâm hồn thanh thản cho chúng ta. Chúng ta phải tự giành lấy.

Chúng ta phải chờ đợi quá lâu. Và anh nghĩ, thời điểm đang chín muồi.

Đột nhiên, ngón tay cô đông cứng trên con chuột. Tiếng bước chân trong hành lang. Cô nín thở. Dù là ai đi nữa thì người đó cũng biết Lisa đã ra ngoài. Họ sẽ ngạc nhiên khi thấy ánh đèn dưới cánh cửa.

Nhưng tiếng bước chân đi qua không hề dừng lại. Diane thở ra và tiếp tục kéo qua những tin nhắn, khẽ chữi thè với chính mình. Cô càng lúc càng tuyệt vọng. Cho tới giờ, cô hoàn toàn không thu được điều gì chắc chắn, chỉ có những lời ám chỉ và bóng gió.

Sau năm phút nữa, cô sẽ biến khỏi đây. Cô lần lượt xem qua ba mươi bức thư cuối cùng.

Chúng ta phải nói chuyện, Lisa. Anh có một kế hoạch. Một kế hoạch kinh khủng. Em biết thí quân là gì không, Lisa? Trong cờ vua, thí quân là sự hy sinh của một quân cờ ở ngay đầu trận để thu được lợi thế chiến lược. Anh đã sẵn sàng thực hiện. Thí một quân mã. Nhưng sự hy sinh làm tan vỡ trái tim anh.

Con ngựa, Diane nín thở.

Trái tim cô dường như sắp sửa bắn ra khỏi ngực, nhưng khi cô mở ra bức thư tiếp theo, cô còn chìm sâu hơn nữa vào bóng tối.

Em đặt hàng được chưa? Em chắc chắn rằng anh ta sẽ không nhận ra em đã giao dịch bằng tên anh ta chứ?

Mắt mở trừng trừng, miệng khô khốc, Diane nhìn thời gian trên bức thư. Mừng 6 tháng Mười hai... Không có câu trả lời nào trong thư mục, hay ở bất cứ bức thư nào khác, nhưng cô không cần. Mảnh ghép cuối cùng vừa mới khớp vào đúng chỗ của nó. Hai giả thuyết của cô đã hợp làm một. Xavier điều tra đơn giản vì anh ta vô tội. Anh ta không phải người đã đặt hàng những loại thuốc mê kia. Là Lisa Ferney, lấy tên của anh ta.

Diane ngả lưng ra ghế và suy xét việc này. Câu trả lời đã rõ ràng. Lisa và người đàn ông tên Eric đã giết con ngựa, và chắc hẳn là cả ông được sĩ nữa.

Dưới danh nghĩa một lời hứa giữa họ từ rất lâu trước đây, một lời hứa mà cuối cùng họ đã quyết tâm thực hiện.

Đầu óc cô điên cuồng chạy đua với thời gian.

Những gì cô biết đã đủ để báo cảnh sát. Tên của viên cảnh sát đã tới Viện là gì nhỉ? Servaz. Cô đặt lệnh in nội dung bức thư cuối cùng và nhắc điện thoại lên.

Dưới ánh sáng đèn pha, những hàng cây hiện ra trong đêm như một đội quân thù địch. Thung lũng này yêu bóng tối và bí mật, ghét người bên ngoài đến chỗ mũi lung tung. Servaz chớp mắt, mỗi một nhìn qua kính chắn gió ra con đường hẹp uốn lượn xuyên rừng. Cơn đau đầu của anh càng lúc càng tệ hơn, và anh có cảm tưởng hai thái dương chỉ chực nổ tung. Bão tuyết không dứt, những đợt gió mạnh thổi tuyết bay tứ phía. Tuyết lao nhanh về chiếc xe, bắt sáng như những ngôi sao chói chổng vánh vụt qua. Anh bật nhạc của Mahler với âm lượng lớn nhất, *Bản giao hưởng số 6*. Với những nốt nhấn nhá mang giai điệu bi thương, và ngập đầy niềm báo đáng sợ. Đây là bản nhạc đệm hoàn hảo cho tiếng gào thét của cơn bão tuyết.

Anh đã chớp mắt được bao lâu trong bốn mươi tám tiếng vừa qua? Anh kiệt sức. Không hiểu sao anh lại nghĩ tới Charlene. Ý nghĩ này, cùng sự dịu dàng cô trao cho anh trong phòng trưng bày nghệ thuật khiến anh ấm lòng. Điện thoại trên xe bắt đầu kêu lên rì rì.

“Vui lòng cho tôi gặp sĩ quan chỉ huy Servaz.”

“Cho hỏi ai đây?”

“Tên tôi là Diane Berg. Tôi là chuyên gia tâm lý tại Viện Wargnier và tôi...”

“Anh ấy hiện tại không thể nghe máy được,” viên sen đảm ở đầu dây bên kia ngắt lời.

“Nhưng tôi cần phải nói chuyện với anh ta!”

“Cho tôi số của cô, anh ấy sẽ gọi lại cho cô.”

“Là việc gấp!”

“Xin lỗi, anh ấy đã ra ngoài rồi.”

“Vậy anh có thể cho tôi số của anh ta.”

“Nghe này, tôi...”

“Tôi làm việc ở Viện,” cô nói, giọng tỏ ra biết điều và kiên định nhất có thể, “Và tôi biết ai đã mang DNA của Julian Hirtmann ra khỏi đây. Anh hiểu ra chưa?”

Một khoảng lặng kéo dài ở đầu dây bên kia, “Cô nói lại lần nữa được không?”

Cô làm theo.

“Đợi chút. Tôi sẽ nối dây để cô nói chuyện với một người.”

Điện thoại reo ba tiếng, “Đại úy Maillard xin nghe, tôi có thể giúp được gì?”

“Nghe này,” cô tuyên bố, “tôi không biết anh là ai nhưng tôi cần nói chuyện với sĩ quan chỉ huy Servaz ngay lập tức. Là chuyện vô cùng quan trọng.”

“Cô là ai?”

Cô giải thích lần thứ hai.

“Cô cần gì ở anh ấy, bác sĩ Berg?”

“Về những vụ án mạng ở Saint-Martin. Như tôi đã nói với anh, tôi làm việc ở Viện, và tôi biết ai mang DNA của Hirtmann ra khỏi đây.”

Thông tin cuối cùng khiến viên đại úy nín lặng. Diane tự hỏi phải chăng anh ta đã cúp máy.

“Được,” rút cuộc anh ta nói. “Cô có gì để ghi lại không? Tôi sẽ cho cô số của anh ấy.”

“Servaz nghe.”

“Chào buổi tối,” một giọng phụ nữ ở đầu dây bên kia. “Tên tôi là Diane Berg, tôi là chuyên gia tâm lý ở Viện Wargnier. Anh không biết tôi nhưng tôi biết anh. Tôi ở ngay căn phòng bên cạnh khi anh tới văn phòng của bác sĩ Xavier. Và tôi đã nghe được toàn bộ cuộc đối thoại của các anh.”

Servaz định nói với cô ta rằng anh không có thời gian, nhưng có điều gì trong giọng điệu và việc cô ta nói rằng mình làm việc ở Viện đã ngăn anh không ngắt lời.

“Anh nghe thấy tôi nói không?”

“Tôi đang nghe đây. Bà muốn gì, thưa bà Berg?”

“Là cô. Tôi biết ai đã giết con ngựa. Và gần như chắc chắn cũng là kẻ đã mang DNA của Julian Hirtmann ra khỏi đây. Anh có muốn biết là ai không?”

“Đợi một lát,” anh nói.

Anh đi chậm lại và tấp vào lề đường. Xung quanh, cơn gió đang xoáy qua đám cây, nào cành nào nhánh giương nanh múa vuốt trước ánh sáng đèn pha, giống như trong một bộ phim cổ theo chủ nghĩa biểu hiện của Đức*.

“Tiếp tục đi. Kể cho tôi nghe tất cả xem nào.

“Cô nói tác giả của các e-mail tên là Éric?”

“Phải. Anh biết là ai không?”

“Tôi nghĩ là có.”

Servaz đỗ xe ven đường, ngay giữa cánh rừng, nghĩ về thông tin vừa

nhận được. Giả thuyết nhen nhóm sau khi anh đến nghĩa trang đã được củng cố một lần khi Irène Ziegler tiết lộ rằng Maud từng bị hãm hiếp, giờ được củng cố lần hai nhờ người phụ nữ ở Viện. Và củng cố theo cách bất ngờ nhất. Éric Lombard... Anh nhớ đến hai gã bảo vệ ở nhà máy điện cùng sự im lặng và những lời nói dối của họ. Ngay từ đầu, anh đã chắc chắn họ đang có điều giấu giếm. Giờ thì anh biết họ nói dối không phải vì có tội, mà vì bị ép buộc. Hoặc bị tống tiền hoặc được mua sự im lặng, có lẽ là cả hai. Bọn họ đã nhìn thấy sự thật, nhưng lựa chọn giữ im lặng và nói dối, ngay cả khi việc này khiến chính họ bị tình nghi, bởi họ biết rằng mình không thể làm gì khác.

“Cô tìm hiểu được lâu chưa, cô Berg?”

Mất một lúc cô mới trả lời, “Tôi mới tới Viện vài ngày.”

“Có thể nguy hiểm đấy.”

Lại im lặng. Servaz băn khoăn cô Berg đang gặp nguy hiểm tới mức nào. Cô ta không phải cảnh sát, chắc hẳn sẽ phạm sai lầm. Và cô ta đã dấn thân vào một môi trường tàn bạo, nơi bất cứ chuyện gì cũng có thể xảy ra.

“Cô đã nói với ai khác chưa?”

“Chưa.”

“Nghe kĩ này,” anh nói. “Đây là việc cô sẽ phải làm. Cô có xe không?”

“Có.”

“Tốt. Lập tức rời khỏi Viện, lên xe và lái đến Saint-Martin trước khi bị cơn bão tuyết ngăn lại. Đi thẳng tới trụ sở sen đầm và yêu cầu nói chuyện với trưởng công tố. Nói với bà ấy là tôi bảo cô đến. Và nói với bà ấy mọi điều cô vừa nói với tôi. Cô hiểu không?”

“Hiểu.”

Anh cúp máy rồi, cô mới nhớ ra xe của mình không khởi động được.

Dưới ánh đèn pha, Servaz nhìn thấy những tòa nhà của trại. Trông tối tăm và quạnh quẽ. Chẳng thấy ngựa cũng chẳng thấy người. Những gian chuồng đã đóng lại về đêm, hoặc vì mùa đông. Anh dừng lại trước

tòa nhà lớn xây bằng gỗ và gạch rời ra khỏi xe.

Những bông tuyết cuộn xoáy như muốn nuốt chửng anh khi gió rít qua những rặng cây. Servaz dựng cổ áo lên và hướng về phía lối vào. Những con chó bắt đầu sủa và giật xích trong bóng tối. Có ánh đèn bên trong một ô cửa sổ và anh thấy một bóng người nhìn ra.

Servaz bước vào tòa nhà. Cánh cửa khép hờ với ánh đèn ở giữa hành lang. Anh bị choáng vì mùi phân ngựa. Ở bên phải, ngay dưới một hàng đèn, anh thấy một con ngựa và một kỹ sĩ đang đi vòng quanh trường cưỡi rộng lớn trong nhà, dù đêm đã khuya. Marchand bước ra từ cánh cửa đầu tiên phía bên trái.

“Chuyện gì thế?” Ông ta nói.

“Tôi có vài điều cần hỏi ông.”

Ông ta dẫn anh tới một cánh cửa khác ở phía trước một đoạn. Servaz đi vào. Vẫn là văn phòng bày đầy cúp, những cuốn sách về ngựa và những kệ tài liệu anh đã nhìn thấy vào hôm đầu tiên ghé thăm. Trên màn hình laptop là ảnh một con ngựa. Một con vật tuyệt mỹ với bộ lông nâu đỏ của ngựa hồng. Có lẽ là con Tự Do. Marchand đi lướt qua anh và Servaz ngửi thấy mùi whisky trong hơi thở của ông ta. Một chai Label 5 đặt trên kệ, đã vơi quá nửa.

“Là về Maud Lombard,” anh nói.

Marchand nhìn anh bằng ánh mắt ngạc nhiên và cảnh giác. Đôi mắt ông ta hơi sáng quá mức.

“Tôi biết cô ấy đã tự tử,” Servaz nói.

“Phải,” ông già huấn luyện ngựa nói. “Một việc tồi tệ.”

“Ý ông là gì?”

Anh thấy Marchand lưỡng lự. Trong chốc lát, người đàn ông nhìn ra chỗ khác rồi cuối cùng cũng quay lại phía Servaz. Ông ta chuẩn bị nói dối.

“Cô ấy đã cắt cổ tay...”

“Nhảm nhí!” Servaz hét lớn, đột ngột túm lấy cổ áo ông ta. “Ông đang nói dối, Marchand! Ông xem, một người vô tội vừa bị buộc tội giết

Grimm và Perrault. Nếu ông không nói ra sự thật ngay bây giờ thì tôi sẽ tố cáo ông là đồng phạm giết người. Ông nghĩ và quyết định nhanh đi, tôi không có cả đêm đâu!” Mặt anh tái đi vì giận dữ, tay chực lấy cái còng.

Marchand khiếp sợ trước cơn tức giận của Servaz. Ông ta tái đại đi khi nghe thấy tiếng chiếc còng tay. Đôi mắt ông ta trợn trừng, nhưng vẫn cố thăm dò viên cảnh sát.

“Anh đừng có bịp tôi.”

Một tay chơi poker rất cừ, không dễ bị đưa vào tròng. Servaz nắm lấy cổ tay ông ta và vặn ngược ra sau.

“Anh định làm gì?” Marchand kinh ngạc hỏi.

“Tôi đã cảnh cáo ông.”

“Anh không có bằng chứng!”

“Ông có biết bao nhiêu người đã bị bắt giữ không cần bằng chứng và đang chết mục trong trại tạm giam không?”

“Đợi đã! Anh không thể làm thế!” Marchand đột nhiên hoảng sợ chống đối. “Anh không có quyền!”

“Tôi cảnh cáo ông, có phóng viên ảnh bên ngoài trụ sở sen đầm,” Servaz nói dối, thô bạo lôi ông ta về phía cửa. “Nhưng chúng tôi sẽ trùm áo khoác lên đầu ông khi đưa ông ra khỏi xe. Tất cả những gì ông phải làm là nhìn xuống đất và để chúng tôi dẫn ông đi.”

“Đợi đã! Mẹ kiếp, đợi đã!”

Nhưng Servaz đã ghì chặt ông ta lại. Họ đã ra bên ngoài hành lang. Gió đang rít lên, tuyết cuốn vào bên trong khung cửa mở.

“Được rồi! Được rồi! Tôi đã nói dối! Bỏ ra đi!”

Servaz ngừng lại. Con ngựa và người kỵ sĩ đã dừng lại và quan sát họ từ trường cửu.

“Đầu tiên, hãy nói sự thật,” Servaz thì thào vào tai ông ta.

“Cô ấy đã treo cổ. Trên xích đu trong khu vườn ở lâu đài. Chết tiệt!”

Servaz nín thở. Một vụ treo cổ nữa. Chính là nó. Anh tháo còng. Theo bản năng, Marchand xoa xoa cổ tay.

“Tôi không bao giờ quên được,” ông ta nói, đầu cúi xuống. “Đó là lúc hoàng hôn, mùa hè. Cô ấy mặc một chiếc váy trắng, gần như trong suốt. Cô ấy lơ lửng như một con ma phía trên bãi cỏ, cổ gầy gập, dưới ánh hoàng hôn. Giờ tôi vẫn mơ thấy hình ảnh ấy. Gần như mỗi đêm.”

Mùa hè. Mùa cô gái đã chọn để kết thúc cuộc đời mình, như những người khác. Một bộ váy trắng. Tìm màu trắng, Propp đã nói như vậy.

“Tại sao ông nói dối?”

“Vì có người đã yêu cầu tôi làm thế, tất nhiên rồi,” Marchand vẫn cúi mặt. “Đừng hỏi tôi treo cổ với cửa cổ tay thì khác gì nhau, tôi không biết. Ông chủ không muốn người khác biết.”

“Khác nhau rất nhiều đấy,” Servaz trả lời, hướng về phía cửa.

Espérandieu vừa tắt laptop thì điện thoại reo lên. Cậu thở dài, nhìn giờ, 22:40, rồi nhấc máy. Cậu hơi dựng thẳng lưng khi nhận ra giọng Luc Damblin, người quen ở Interpol. Cậu đã đợi cuộc điện thoại này kể từ khi trở về Toulouse và đang mất dần hy vọng.

“Cậu nói đúng,” Damblin nói luôn. “Chính là y. Cậu đang điều tra cái gì thế? Tôi không biết rõ chuyện đang xảy ra nhưng, vì Chúa, tôi có cảm giác cậu giết được một con cá lớn rồi. Cậu có thể nói thêm được không? Một tay như y sao lại dính dáng tới án hình sự?”

Espérandieu suyt chút nữa thì ngã ra khỏi ghế. Cậu nuốt nước bọt và ngồi thẳng lại.

“Cậu chắc không? Cái gã FBI đã xác nhận điều đó? Hỏi cho tôi xem anh ta lấy thông tin từ đâu?”

Năm phút tiếp theo, Luc Damblin đi vào giải thích tường tận. Ôi Chúa ơi! Espérandieu nghĩ khi cúp máy. Đã đến lúc gọi cho Martin. Ngay lập tức.

Servaz cảm thấy như thể mọi thứ đều đang cấu kết với nhau chống lại anh. Tuyết xoáy tít dưới luồng đèn pha và những thân cây đang bị nhuộm thành màu trắng bên mặt hướng về phía Bắc. Một trận bão

tuyết thực sự. Lại đúng vào đêm nay. Anh lo lắng liệu cô bác sĩ tâm lý có thể xuống được tới Saint-Martin không. Vài phút trước, khi rời khỏi trường luyện ngựa, anh đã gọi cuộc điện thoại cuối cùng.

“A lô?”

“Tôi phải gặp anh. Ngay tối nay. Và tôi hơi đói một chút. Có muộn quá không?”

Một tiếng cười ở đầu dây bên kia. Nhưng rồi đột nhiên im bật.

“Diễn biến mới sao?” Gabriel Saint-Cyr hỏi, không giấu nổi tò mò.

“Tôi biết ai rồi.”

“Thật sao?”

“Phải, thật.”

Đầu bên kia bỗng im lặng

“Cậu có lệnh bắt giữ không?”

“Chưa có. Tôi muốn biết ý kiến của anh trước.”

“Cậu tính làm gì?”

“Đầu tiên tôi cần phải làm rõ vài vấn đề pháp lý với anh. Rồi tôi sẽ hành động.”

“Cậu không muốn nói cho tôi biết là ai à?”

“Hãy ăn tối trước, chúng ta sẽ nói chuyện sau.”

Một lần nữa, anh nghe thấy một tiếng cười nhỏ phát ra từ đầu dây bên kia. “Phải công nhận là cậu làm tôi tò mò chết đi được. Qua đi. Tôi vẫn còn một ít thịt gà.”

“Tôi đang đến đây,” Servaz nói, rồi cúp máy.

Những khung cửa sổ của cối xay tỏa ra ánh sáng và sự ấm áp bất chấp cơn bão khi anh đỗ xe bên dòng nước. Trên đường đến, Servaz không gặp chiếc xe hay người đi bộ nào. Anh khóa xe lại và gặp người trước từng đợt gió mạnh đầy tuyết, vội vã tiến về phía cây cầu nhỏ. Cánh cửa lập tức mở ra. Mùi thơm hấp dẫn của gà quay, củi cháy trong lò sưởi, rượu và gia vị. Saint-Cyr cầm lấy áo khoác của anh và mắc lên giá, rồi dẫn anh xuống phòng khách phía dưới.

“Bắt đầu bằng một ly vang nóng nhé? Gà sẽ sẵn sàng sau hai mươi

phút nữa. Như vậy chúng ta có thể nói chuyện.”

Servaz nhìn đồng hồ đeo tay. 10 giờ rưỡi. Những giờ phút tiếp theo sẽ mang tính quyết định. Anh phải nghĩ sẵn đường đi nước bước trước khi vào vị trí chiến đấu, nhưng tâm trí anh đã đủ tỉnh táo chưa? Vị thẩm phán già cùng kinh nghiệm của ông ta có thể sẽ giúp anh tránh được mọi sai sót. Kẻ địch của anh vô cùng ghê gớm. Servaz không muốn trượt chân vào lỗ hổng pháp lý nào dù là nhỏ nhất. Anh cũng đói kinh khủng. Mùi gà nướng khiến bụng anh sôi sục.

Ngọn lửa nhảy múa trong lò sưởi, chiếu những cái bóng và ánh sáng lập lờ lên tường và xà nhà. Căn phòng chỉ còn tiếng gỗ cháy tanh tách, tiếng gió than vãn trong ống khói và tiếng dòng nước cuồn cuộn chảy ngoài kia. Lần này không có Schubert. Rõ ràng Saint-Cyr không muốn bỏ sót một từ nào mà Servaz sắp sửa nói ra.

Hai ly rượu màu hồng ngọc rót đầy đến nửa đang đợi trên bàn trà giữa hai chiếc ghế bành sắp sẵn trước lò sưởi. Ly rượu bốc khói nghi ngút.

“Ngồi đi,” vị thẩm phán nói, chỉ về phía một trong hai chiếc ghế.

Servaz cầm ly rượu gần mình nhất. Nó nóng bỏng. Anh xoay xoay ly rượu và hít hà hương thơm quyến rũ. Anh có thể ngửi thấy mùi cam, quế và nhục đậu khấu.

“Rượu vang nóng,” Saint-Cyr nói. “Tiếp thêm sinh lực và calo cho một đêm thế này. Hơn hết, nó là một phương thuốc chữa mệt mỏi tuyệt hảo. Đêm nay hẳn sẽ rất dài đây, phải không?”

“Rõ ràng như vậy sao?” Servaz hỏi.

“Cái gì rõ ràng?”

“Sự mệt mỏi của tôi.”

Ánh mắt của ông thẩm phán nấn ná trên người anh. “Trông cậu như sắp kiệt sức.”

Servaz uống rượu. Anh nhắm mắt khi thấy lưỡi mình nóng rẫy. Vị nồng đượm của rượu và gia vị tràn đầy miệng và cổ họng anh. Saint-Cyr sắp thêm vài lát bánh mì gừng nho nhỏ để nhấm nháp cùng rượu. Servaz ăn hết lát đầu tiên, rồi thêm miếng nữa. Anh đang chết đói.

“Sao?” Saint-Cyr nói. “Cậu không định nói với tôi sao? Là ai?”

“Cậu chắc không?” Cathy d’Humières nói qua loa ngoài điện thoại.

Espérandieu nhìn chăm chăm vào mũi đôi giày Converse, hai tay chống lên bàn làm việc trong văn phòng của mình ở đại lộ Embouchure.

“Nguồn tin của tôi đã khẳng định như vậy. Anh ta làm việc tại tổng hành dinh của Interpol ở Lyon. Một người đàn ông tên là Luc Damblin. Anh ta lấy thông tin từ một mối quan hệ ở FBI. Anh ta chắc chắn, 200%.”

“Trời đất!” Bà trưởng công tố kêu lên. “Và cậu không liên lạc được với Martin phải không?”

“Tôi đã gọi hai lần và cả hai lần máy đều bận. Tôi nhận được thư thoại của anh ấy. Vài phút nữa tôi sẽ thử gọi lại.”

Cathy d’Humières nhìn đồng hồ đeo tay, một chiếc Chopard màu vàng kim mà người chồng làm bên truyền thông tặng bà nhân dịp kỉ niệm hai mươi năm ngày cưới. 22:50. Bà thở dài.

“Tôi muốn cậu làm việc này giúp tôi, Espérandieu. Cậu cứ tiếp tục gọi cho Martin. Gọi tới bao giờ được thì thôi. Rồi bảo với cậu ta rằng tôi muốn lên giường trước bình minh, và chúng ta sẽ không đợi cậu ta cả đêm đâu!”

Ở bên này, Espérandieu giơ tay chào kiểu quân đội, “Đã rõ, thưa bà.”

Irène Ziegler lắng nghe tiếng gió rít ngoài chấn song cửa sổ. Một trận bão tuyết thực sự. Cô đã bước xa khỏi chỗ vẫn đứng, tai áp lên tường. Là giọng của d’Humières, rõ ràng chi phí xây dựng có hạn, những bức tường ở đây mỏng như bìa các tông, cũng giống như hàng trăm trụ sở sen đầm khác trên khắp nước Pháp.

Ziegler đã nghe được tất cả. Có vẻ Espérandieu đã thu được tin tức trọng yếu, thay đổi toàn bộ vụ điều tra. Ziegler thầm nghĩ cô biết là việc gì. Về phần Martin, anh đã mất tăm mất tích. Cô biết một nơi anh có

thể đến, để xin lời khuyên trước khi tiếp tục hành động. Cô gõ vào cánh cửa và nó mở ra gần như ngay lập tức.

“Tôi cần đi vệ sinh,” cô nói.

Viên sĩ quan đóng cửa lại trước mặt cô. Rồi cửa lại mở ra, một cô gái trẻ mặc cảnh phục ngờ vực nhìn cô. “Đi theo tôi, đại úy. Đừng có lộn xộn đấy.”

Ziegler đứng lên, để hai cổ tay bị còng trước mặt.

“Cảm ơn,” cô nói. “Tôi cũng muốn được nói chuyện với bà trưởng công tố. Chuyển lời tới bà ấy. Nói với bà ấy đây là việc quan trọng.”

Cơn gió đang rít lên trong ống khói, bạt cả ngọn lửa. Servaz kiệt sức. Anh đặt ly xuống và thấy tay mình run rẩy. Anh thu tay về sát người, sợ Saint-Cyr nhận thấy. Rượu nấu cùng gia vị rất ngon, nhưng để lại dư vị đắng đắng. Anh chhuizen choáng, nhưng giờ không phải lúc đi nằm. Anh tự bảo mình sẽ không uống gì ngoài nước lọc trong nửa giờ tới, rồi anh sẽ xin một cốc cà phê đặc.

“Trông cậu có vẻ không ổn lắm,” ông thẩm phán già nói, đặt ly của mình xuống và chăm chú quan sát.

“Tôi khá hơn rồi, và tôi sẽ ổn thôi.”

Thực lòng mà nói, anh nhớ mình chưa từng cảm thấy kiệt sức và căng thẳng như thế bao giờ. Mệt mỏi rã rời, đầu óc mụ mị, vầng vát. Thế nhưng anh sắp phá được vụ án kì lạ nhất trong toàn bộ sự nghiệp của mình.

“Vậy cậu không cho rằng Irène Ziegler có tội?” Saint-Cyr tiếp tục. “Tuy vậy, mọi chỉ dấu dường như đều hướng vào cô ta.”

“Tôi biết. Nhưng có tình tiết mới.”

Cặp lông mày của ông thẩm phán nhú chặt tạo thành hình chữ V ngược.

“Tối nay tôi nhận được cuộc gọi của một bác sĩ tâm lý làm việc tại Viện Wargnier.”

“Và?”

“Tên cô ta là Diane Berg, người Thụy Sĩ. Cô ta mới đến ít lâu, nghĩ rằng có điều bất thường đang diễn ra và đã tự tiến hành điều tra bí mật. Rồi cô ta phát hiện ra y tá trưởng của Viện đã kiếm được thuốc mê cho ngựa... và người phụ nữ này là tình nhân của một Eric nào đó, một người đàn ông giàu có thường xuyên đi xa, dựa vào những e-mail mà anh ta gửi cho cô ả.”

“Làm thế nào cô bác sĩ tâm lý ấy có thể phát hiện ra toàn bộ chuyện này?” Ông thẩm phán ngờ vực hỏi.

“Là một câu chuyện dài.”

“Thêm nữa, tay Eric này, cậu nghĩ là...? Nhưng anh ta đang ở Mỹ vào cái đêm con ngựa bị giết.”

“Bằng chứng ngoại phạm hoàn hảo,” Servaz nói. “Ngoài ra, ai lại đi nghi ngờ nạn nhân là hung thủ chứ?”

“Cậu tin cô ta? Làm sao cậu biết cô ta đáng tin? Cái Viện đó hẳn phải khiến người ta loạn thần kinh nếu không quen với nó.”

Servaz nhìn Saint-Cyr. Trong giây lát, anh cảm thấy hoài nghi. Nếu ông thẩm phán nói đúng thì sao?

“Anh có nhớ từng bảo với tôi rằng mọi chuyện xảy ra trong thung lũng này đều bắt rễ từ quá khứ không?” Servaz nói.

Saint-Cyr im lặng gật đầu.

“Chính anh đã nói với tôi, em gái của Eric Lombard tự tử ở tuổi 22.”

“Đúng như vậy,” Saint-Cyr trả lời. “Vậy cậu nghĩ vụ tự tử này có liên quan tới những vụ khác? Cô ấy chưa bao giờ đến trại hè.”

“Có hai nạn nhân tự sát cũng chưa từng đến.” Tim Servaz bắt đầu đập thình thịch chẳng rõ vì lý do gì. “Grimm và Perrault chết bằng cách nào?”

“Bọn họ bị treo cổ.”

“Chính xác. Khi tôi hỏi rằng em gái của Eric Lombard tự tử bằng cách nào, anh bảo tôi rằng cô ấy cắt cổ tay. Vì gia đình họ thông báo như thế. Tôi nay tôi vừa phát hiện ra, cô ta cũng treo cổ. Tại sao Lombard phải nói dối về việc đó? Nếu không phải để phòng ngừa có

người liên hệ vụ tự tử của Maud với những vụ giết người kia?”

“Cô bác sĩ tâm lý có nói chuyện này với ai khác không?”

“Chắc là không. Tôi đã dặn cô ta xuống Saint-Martin và liên hệ với Cathy d’Humières.”

“Vậy là cậu cho rằng...”

“Tôi cho rằng Éric Lombard đứng đằng sau vụ án mạng của Grimm và Perrault,” Servaz nói, cảm thấy lưỡi mình như dính vào vòm miệng và cơ hàm cứng lại. “Tôi nghĩ y đang trả thù cho những gì em gái phải chịu, người em gái mà y hết mực yêu thương. Lombard kết án thay cho em và cho cả bảy đứa trẻ từng là nạn nhân của bộ tứ Grimm-Perrault-Chaperon-Mourrenx. Tôi cho rằng y đã nghĩ ra một âm mưu quỷ quyệt để tự mình thực thi công lý, đồng thời loại bỏ mọi hiềm nghi liên quan tới mình với sự giúp đỡ của một đồng phạm ở Viện Wargnier, và có thể có thêm một người nữa ở trường luyện ngựa.”

Anh nhìn tay trái của mình. Nó đang trượt ra khỏi tay vịn ghế. Anh cố giữ yên, nhưng vô ích. Khi ngược mắt lên, anh thấy Saint-Cyr đang nhìn chăm chăm vào tay mình.

“Lombard là một người đàn ông cực kì thông minh. Y hiểu rằng sớm muộn gì người điều tra những vụ án mạng này rốt cuộc cũng liên hệ nó với những vụ tự tử diễn ra mười lăm năm trước, bao gồm cả cái chết của cô em gái. Chắc hẳn y đã phát hiện ra cách tốt nhất để làm chệch hướng điều tra là biến mình thành một trong những nạn nhân. Như vậy vụ án đầu tiên phải lấy y làm mục tiêu. Nhưng làm sao để thực hiện điều đó? Không thể tự đứng đi giết một người vô tội. Rồi Lombard chợt nảy ra ý hay. Có thể gây ra một vụ án mà không ai nghi ngờ được, bằng cách tiêu diệt một thứ mà y yêu quý hơn hết thảy, đó là con ngựa ưa thích. Chắc là y đã rất đau buồn khi đi đến quyết định này, nhưng còn bằng chứng ngoại phạm nào tốt hơn việc vụ sát hại xảy ra khi, như y đã nói, y đang ở Mỹ? Đó là lý do tại sao lũ chó không sửa, và con ngựa không hí. Thậm chí y có thể có một đồng phạm khác nữa ở trường luyện ngựa, bên cạnh y tá trưởng của Viện Wargnier. Vì cần có ít nhất hai người để đưa con ngựa lên trên. Và chuông báo động ở trường luyện

ngựa cũng không kêu. Tuy nhiên, để chắc chắn rằng con Tự Do không phải chịu đựng đau đớn, y sẽ không đời nào để ai khác giết nó. Không phải là phong cách làm việc của người nhà Lombard, và Eric Lombard lại là một người yêu thể thao, ưa mạo hiểm. Y còn là một chiến binh, đã quen với những thử thách khắc nghiệt nhất, quen gánh vác trách nhiệm. Và hoàn toàn không ngại bẩn tay.”

Là vì kiệt sức, hay thiếu ngủ? Mắt anh bắt đầu nhòe đi, như thể bỗng nhiên đeo một cặp kính lệch độ.

“Tôi cũng nghĩ rằng Lombard, hoặc một trong những tay chân của y, đã đe dọa hai gã bảo vệ ở nhà máy điện, dọa sẽ đuổi việc hoặc mua chuộc sự im lặng của họ. Hơn nữa, Lombard chắc chắn đã sớm nhận ra manh mối ở chỗ Hirtmann sẽ không dẫn đi xa được. Nhưng vấn đề cũng không khiến y bận tâm. Đó chỉ là đòn tung hỏa mù đầu tiên. Trong lúc nguy cấp, việc chúng ta đào bới lại những vụ tự tử mười lăm năm trước cũng không đáng kể gì với Lombard, trái lại, nó còn khiến số đối tượng tình nghi tăng lên theo cấp số nhân. Kẻ thủ ác có thể là bất cứ phụ huynh nào, hoặc thậm chí là chính những thiếu niên từng bị bộ tư hãm hiếp mà giờ đây đã trở thành người lớn. Tôi thắc mắc không biết y nắm bắt được bao nhiêu về Ziegler, về việc cô ấy từng ở trại hè. Cô ấy sẽ là nghi can lý tưởng. Hoặc có lẽ đơn giản chỉ là trùng hợp.”

Saint-Cyr không đáp lại, trông ông có vẻ rầu rĩ, như thể đang tập trung vào việc gì. Servaz lấy cổ tay áo lau mồ hôi đang chảy ròng ròng xuống mắt.

“Như vậy, về lâu dài, chắc hẳn y đã tính toán được rằng ngay cả khi sự việc không xảy ra chính xác như dự tính, thì y cũng đã xáo bài kĩ đến mức người ta gần như không thể lần ra sự thật, hoặc truy tới y.”

“Gần như thế,” Saint-Cyr đồng ý với một nụ cười buồn bã. “Nhưng hiển nhiên Lombard đã không thể tính đến việc sẽ phải đối đầu với một người như cậu.”

Servaz nhận thấy giọng điệu của ông thẩm phán đã thay đổi. Nụ cười của người đàn ông cao tuổi vừa có vẻ cảm phục, vừa có vẻ ganh ghét đan xen. Servaz cố cử động bàn tay, nó không còn run rẩy nữa,

nhưng cánh tay anh lại nặng như chì.

“Cậu là một điều tra viên xuất chúng,” Saint-Cyr lạnh nhạt nói. “Nếu có một người như cậu làm việc cho tôi, có Chúa mới biết tôi sẽ phá thêm được bao nhiêu vụ án đã phải khép lại vì thiếu bằng chứng.”

Điện thoại của Servaz bắt đầu rung lên trong túi áo. Anh cố lấy nó ra nhưng lại cảm giác cánh tay mình đang bị bó lại trong một lớp xi măng. Hình như phải mất vô tận thời gian mới di chuyển cánh tay đi được vài phân. Di động kêu rất lâu, phá vỡ sự tĩnh lặng bao trùm hai người đàn ông. Cuộc gọi chuyển sang chế độ thư thoại, và tiếng chuông dừng lại. Ông thẩm phán đang chăm chăm nhìn anh.

“Tôi... tôi... cảm... cảm thấy... rất lạ,” Servaz lắp bắp, bất lực để cánh tay buông thõng.

Chết tiệt! Có chuyện gì với anh vậy? Hàm anh cứng lại và gần như không thể phát âm cho rõ ràng. Anh ráng sức vươn dậy khỏi ghế và cố đứng lên. Căn phòng lập tức chao đảo. Sức cùng lực kiệt, anh lại ngồi sụp xuống chiếc ghế bành. Anh nghĩ mình thoáng nghe thấy Saint-Cyr nói, “Đưa Hirtmann vào là một sai lầm...” Anh thắc mắc liệu mình có nghe nhầm không. Anh vật lộn, cố vén màn sương mù đang vây lấy trí óc, tập trung vào những lời lẽ phát ra từ miệng ông thẩm phán.

“... cũng dễ dự đoán. Cái tôi của Hirtmann đã chiếm thế thượng phong. Hắn dùng DNA của mình để moi thông tin từ Élisabeth. Hắn để cậu lần theo dấu vết những thiếu niên tự tử đơn giản chỉ vì niềm sung sướng được thể hiện rằng hắn là người cầm trịch. Và để thỏa mãn niềm kiêu hãnh và tính tự cao tự đại vô hạn của bản thân. Hắn có vẻ thích cậu đấy.”

Servaz cố nhú mày. Có thật là Saint-Cyr đang nói không? Trong tích tắc anh nghĩ người đối diện mình là Lombard. Anh nháy mắt, cố gạt đi những giọt mồ hôi cay sè trong mắt, và thấy vẫn là ông thẩm phán. Saint-Cyr lấy điện thoại ra khỏi túi áo và bấm số gọi, “Lisa? Gabriel đây. Hình như kẻ rình mò cháu vẫn chưa nói với ai đâu. Cô ta chỉ kịp gọi cho Martin. Có, bác chắc chắn... Phải, tình huống vẫn nằm trong tầm kiểm soát của bác.”

Saint-Cyr cúp máy và lại quay về Servaz.

“Tôi sẽ kể cho cậu một câu chuyện,” ông ta nói. Servaz cảm thấy giọng nói như vẳng tới chỗ anh từ cuối một đường hầm. “Chuyện về một cậu bé là con trai của một người đàn ông chuyên chế, bạo ngược. Một cậu bé cực kì thông minh, một cậu bé kì diệu. Khi tới gặp chúng tôi, thằng bé luôn mang theo một bó hoa hái được trên đường, hoặc những viên sỏi lượm được ở bờ suối. Vợ chồng tôi không có con. Vì thế cậu có thể hình dung được rằng việc Éric bước vào cuộc đời chúng tôi chính là một món quà của Thượng đế, một tia nắng mặt trời soi sáng màn đêm tăm tối.”

Saint-Cyr giơ tay như thể muốn giữ khoảng cách với kí ức, để không đánh mất mình trước cảm xúc.

“Nhưng có một đám mây đen trên bầu trời xanh ấy. Bố của Éric, Henri Lombard nổi tiếng. Lão khùng bố mọi người xung quanh, cả ở các nhà máy và ở nhà, tòa lâu đài mà cậu đã biết. Và mặc dù có lúc lão cũng thể hiện tình yêu và sự âu yếm với các con, nhưng những lúc khác lão lại khiến chúng khiếp sợ bằng những cơn giận dữ, những tràng quát tháo, và những trận đánh như mưa trút lên mẹ của chúng. Không cần phải nói, tâm lý của cả Éric và Maud đều bị rối loạn trước bầu không khí bạo lực bao trùm tòa lâu đài.”

Servaz cố nuốt nước bọt, nhưng không thể. Anh cố cử động. Một lần nữa, điện thoại reo lên hồi lâu rồi lại rơi vào im lặng.

“Thời gian đó, vợ chồng tôi sống ở một ngôi nhà trong rừng, cách tòa lâu đài không xa.” Saint-Cyr tiếp tục, không thèm đếm xỉa đến tiếng chuông điện thoại của Servaz. “Henri Lombard mặc dù có thể rất bạo ngược, đa nghi, hoang tưởng và vô cùng điên rồ, nhưng ông ta chưa bao giờ quây diền sản của mình lại bằng hàng rào, dây thép gai hay camera, như ngày nay người ta vẫn làm. Nói chung thời ấy không ai làm thế. Không có tội ác, không có đe dọa. Dù mọi người có nói gì đi nữa, thì thế giới chúng tôi từng sống vẫn còn rất nhân văn. Tóm lại, nhà chúng tôi chính là nơi ẩn náu của Éric nhỏ bé, thường là vào những buổi chiều. Thỉnh thoảng thằng bé sẽ đưa Maud đi cùng, cô bé thật xinh đẹp, nhưng có khuôn mặt buồn bã, và gần như không bao giờ mỉm cười. Éric

vô cùng yêu thương em gái. Khi mới lên 10, thằng bé dường như đã quyết định sẽ bảo vệ em mình cả đời.”

Ông ta dừng lại một lúc.

“Công việc của tôi rất vất vả, và tôi thường xuyên vắng nhà. Nhưng kể từ thời điểm Eric bước vào cuộc sống của hai vợ chồng, tôi đã cố gắng dành ra nhiều thời gian rỗi nhất có thể. Tôi luôn hạnh phúc mỗi khi nhìn thấy thằng bé đi trên con đường từ lâu đài tới nhà chúng tôi, dù đi một mình hay cùng cô em gái lẻo đẻo theo sau. Trên thực tế, tôi đóng vai người bố mà thằng bé không có. Tôi nuôi lớn cậu bé ấy như chính con đẻ của mình. Không có gì khiến tôi thấy hãnh diện hơn. Thành công lớn nhất của đời tôi đấy. Tôi đã dạy thằng bé mọi điều tôi biết. Nó là một đứa trẻ có khả năng lĩnh hội phi thường. Đền đáp tôi gấp trăm lần những gì tôi cho đi. Hãy xem nó đã trở thành người thế nào! Không chỉ là nhờ để chế được thừa kế. Không phải, mà là nhờ những bài học của tôi, và tình yêu của chúng tôi.”

Servaz chết trân nhìn ông thẩm phán già bật khóc, nước mắt trào xuống hai gò má nhăn nheo.

“Rồi sự việc tồi tệ xảy đến. Tôi vẫn nhớ cái ngày chúng tôi thấy Maud treo cổ trên xích đu. Từ đó, Eric không còn là chính mình nữa. Thằng bé thu mình lại, trở nên cau có và ngoan cố. Dường như đã tự làm bản thân chai sạn. Tôi nghĩ cũng phù hợp với ngành kinh doanh. Nhưng thằng bé không còn là Eric mà tôi biết nữa.”

“Thế chuyện... chuyện gì... đã xảy ra với... với...?”

“Với Maud? Eric không kể chi tiết, nhưng tôi nghĩ con bé đã gặp phải lũ khốn.”

“Không... sau đó...”

“Eric vừa thừa kế để chế thì Maud tự tử, Henri cũng mới chết năm trước. Thằng bé ngập trong công việc, hôm trước ở Paris, hôm sau đã ở New York hoặc Singapore. Thằng bé không có đến một phút dành cho bản thân. Rồi mọi ngờ vực và nghi vấn về cái chết của em gái bỗng dừng trở lại. Tôi nhận ra điều đó vài năm về trước, khi thằng bé tới gặp tôi và bắt đầu đặt câu hỏi. Tự nhiên nó quyết định phải tìm ra sự thật, và thuê

một số thám tử tư. Những kẻ không cầu nệ cách thức làm việc hay đặt nặng vấn đề đạo đức, những gã mà ta có thể mua sự im lặng của chúng bằng một cái giá ngất ngưỡng. Bọn họ chắc hẳn cũng lần theo những manh mối giống như cậu, và họ khám phá ra sự thật về bốn gã kia. Không khó để Éric hình dung được những gì đã xảy ra với em gái mình và các cô gái khác. Thằng bé quyết định tự tay tìm lại công lý. Éric có tiềm lực để làm việc đó. Thằng bé biết quá rõ hệ thống pháp luật của đất nước này chỉ có thể tin nhiệm được đến chừng ấy. Thằng bé cũng có sự hỗ trợ quý báu của Élisabeth Ferney. Cô ấy cũng là người lớn lên trong vùng này. Không chỉ là người yêu của Éric Lombard, cô ấy còn là nạn nhân của bộ tứ.”

Ánh sáng từ những ngọn nến và đèn điện như những cây kim sắc nhọn khiến mắt Servaz đau đớn. Người anh đầm đìa mồ hôi.

“Tôi đã là một lão già và thời gian của tôi sắp hết,” Saint-Cyr nói. “Một năm, năm năm, mười năm, có khác gì nhau đâu? Cuộc đời đã ở sau lưng. Và bất kể thế nào, thời gian sau cuối của tôi chỉ còn là chuỗi ngày mòn mỏi chờ đợi giây phút cuối cùng. Tại sao không rút ngắn nó lại nếu cái chết của tôi có thể giúp ích cho ai hoặc điều gì đó? Nhất là với một người toàn diện và quan trọng như Éric Lombard.”

Servaz cảm thấy nỗi sợ hãi choán lấy anh. Trái tim đập thành thịch, mạnh đến nỗi anh tưởng chừng lồng ngực mình sắp nổ tung. Nhưng anh không cử động được. Và căn phòng xung quanh giờ chỉ còn những hình dáng lờ mờ, nhòe nhoẹt.

“Tôi sẽ để lại một bức thư, nhận toàn bộ trách nhiệm về mình,” Saint-Cyr tuyên bố bằng một giọng kiên định và bình tĩnh đáng kinh ngạc. “Cuối cùng công lý cũng được thực thi. Rất nhiều người biết những vụ tự tử đã ám ảnh tôi thế nào. Sẽ chẳng ai ngạc nhiên đâu. Tôi sẽ nói rằng tôi giết con ngựa vì nghi Henri, bố của Éric, cũng tham gia vào những vụ hãm hiếp. Tôi giết cậu vì cậu đã phát hiện ra tôi chính là hung thủ. Nhưng tôi nhận ra rằng đảng nào mình cũng không còn đường thoát, và trước mặt cảm ảm ăn năn, tôi quyết định tốt hơn nên thú tội rồi mới kết liễu đời mình. Một bức tâm thư tuyệt vời, vừa cảm động vừa tôn nghiêm. Tôi đã viết xong rồi.”

Ông ta vẫy vẫy lá thư ngay trước mặt Servaz. Trong giây lát, Servaz cảm thấy nỗi sợ hãi đã xua tan màn sương mù giăng trong não anh này giờ.

“Vô... vô ích thôi. Diane... Diane Berg có bằng chứng... phạm tội... nói với Cathy... d’Humières...”

“Dù sao thì,” Gabriel Saint-Cyr không hề tỏ ra nao núng, “Đêm nay cô bác sĩ tâm lý cũng sẽ chết. Trong đồng giấy tờ của nạn nhân, người ta sẽ tìm thấy bằng chứng chứng minh rằng cô ta từ Thụy Sĩ đến đây vì một mục đích duy nhất. Để giúp người đồng hương, đồng thời cũng là tình cũ của cô ta, Julian Hirtmann, đào thoát.”

“Tại sao... ông... lại làm... việc này?”

“Tôi đã nói với cậu rồi, Éric là niềm kiêu hãnh hạnh phúc của cuộc đời tôi. Tôi đã nuôi lớn thằng bé. Người đã tạo ra Éric của ngày hôm nay. Không chỉ là một doanh nhân xuất sắc, mà còn là một người đàn ông hoàn hảo không chê vào đâu được. Là đứa con trai mà tôi chưa từng có.”

“Y... liên can... biển thủ... công quỹ... tham nhũng... bóc lột trẻ... trẻ em...”

“Đó là những lời dối trá!” Saint-Cyr hét lên, nhảy dựng khỏi ghế bành.

Với một khẩu súng trong tay. Một khẩu súng lục tự động.

Servaz trở mắt. Mồ hôi đang nhỏ giọt từ lông mày xuống mắt, làm giác mạc anh bỏng rát. Giọng của Saint-Cyr cùng mọi âm thanh và mùi vị khác đều đã trở nên dữ dội tới mức đau đớn. Tất cả các giác quan của anh đều quá tải vì bị đẩy tới cực điểm, khiến đầu anh như muốn nổ tung.

“Chát gây ảo giác,” Saint-Cyr khẽ mỉm cười. “Cậu không thể hình dung hết được khả năng của chúng đâu. Cứ yên tâm, những thứ thuốc mà cậu đã ăn vào bụng mấy bữa ở đây không gây chết người, mà chỉ để gây suy giảm trí năng và thể lực của cậu, cũng như khiến hành động của cậu trở nên đáng ngờ với chính cậu và những người xung quanh thôi. Còn với thứ thuốc tôi bỏ vào rượu, nó sẽ làm cậu tê liệt một thời

gian. Nhưng cậu cũng chẳng có cơ hội để hỏi phục đâu, bởi cậu đã chết trước đó rồi. Tôi vô cùng xin lỗi vì đẩy sự việc đến nước này, Martin ạ. Lâu lắm rồi tôi chẳng gặp ai thú vị như cậu.”

Miệng Servaz há ra, như một con cá bị bắt ra khỏi nước. Anh đờ đẫn nhìn Saint-Cyr. Trong lòng bất chợt trào lên một cơn phẫn nộ. Thứ thuốc ôn vật này khiến anh trông giống hệt một thằng ngu khi chết!

“Tôi đã dành trọn cuộc đời mình để đấu tranh với tội ác, và giờ tôi chuẩn bị kết liễu đời mình trong cái lót của một kẻ giết người,” ông thảm phán cay đắng nói. “Nhưng cậu không cho tôi lựa chọn nào khác, Éric Lombard phải được tự do. Thằng bé có biết bao nhiêu dự định. Nhờ những hiệp hội mà thằng bé tài trợ, những đứa trẻ sẽ được ăn no, các nghệ sĩ có thể sáng tác, các sinh viên nhận được trợ cấp... Tôi sẽ không để mấy tên cớm quèn phá hủy cuộc đời của một trong những cá nhân ưu tú nhất thời đại. Một người đàn ông không làm gì quá đáng, ngoài việc đảm bảo rằng công lý được thực thi, theo cách của mình, trong một đất nước nơi mà bản thân cụm từ ấy đã mất đi ý nghĩa của nó từ lâu rồi.”

Servaz tự hỏi liệu có phải họ đang nói về cùng một người hay không, kẻ đã cấu kết với tất cả những công ty dược lớn nhất để ngăn chặn các nước châu Phi sản xuất thuốc chống AIDS hay viêm màng não, kẻ khuyến khích những nhà thầu phụ bóc lột phụ nữ và trẻ em ở Ấn Độ hay Bangladesh, kẻ thuê luật sư để mua lại Polytex nhằm lấy bằng sáng chế sa thải toàn bộ công nhân. Ai mới là Éric Lombard thật sự? Một doanh nhân vô lương tâm bất chấp đạo lý hay là nhà hảo tâm và người bảo trợ cho nghệ thuật? Là cậu bé thương yêu em gái hết mực, hay là một kẻ hút máu lạm dụng nỗi bất hạnh của con người? Servaz không còn suy nghĩ tỉnh táo được nữa.

“Tôi... bác sĩ tâm lý,” anh lắp bắp. “Những kẻ giết người... ông quay lại... những nguyên tắc... kết thúc cuộc đời... làm một... một kẻ giết người.”

Anh thấy một tia hoài nghi lướt qua gương mặt của ông ta. Saint-Cyr lắc đầu dữ dội, như thể để xua nó đi.

“Tôi sẽ ra đi không một chút hối tiếc. Chắc chắn một điều, có những nguyên tắc mà tôi chưa bao giờ thỏa hiệp trong suốt cuộc đời mình. Nhưng ngày nay, ngay cả những nguyên tắc cũng bị chà đạp. Sự tầm thường, gian manh và chủ nghĩa hoài nghi đã trở thành luật lệ. Con người thời nay muốn giống như những đứa trẻ bất trị. Vô trách nhiệm. Ngu ngốc. Tội lỗi. Khờ dại, và vô đạo đức. Một làn sóng của sự man rợ sẽ sớm quét qua chúng ta, với mức độ tàn bạo chưa từng thấy. Những dấu hiệu đầu tiên đã xuất hiện rồi. Và thành thực mà nói, ai sẽ thương tiếc cho số phận chúng ta? Sự ích kỷ và tham lam đã khiến nhân loại phung phí các di sản do tổ tiên để lại. Chỉ còn vài người như Eric là vẫn đang tiếp tục vùng vẫy giữa vũng bùn lầy.”

Ông ta vẫy khẩu súng trước mặt Servaz. Người anh như bị dính chặt vào ghế, nhưng anh có thể cảm thấy sự phẫn nộ dâng trào trong cơ thể như một liều thuốc giải cho chất độc đang chảy từ dạ dày ra khắp huyết mạch. Anh lao tới trước, nhắc được mình lên khỏi ghế, rồi lập tức nhận ra nỗ lực của mình là hoàn toàn vô ích. Hai chân anh khụy xuống, không đỡ nổi cơ thể. Saint-Cyr đứng sang một bên và nhìn anh ngã xuống.

Servaz va phải chiếc bàn bên cạnh, dụng rơi lọ hoa và đèn trên đó. Lọ hoa vỡ tan, ánh đèn chói lòa làm mắt anh nhức nhối. Anh nằm sấp mặt, sũng mồ hôi trên chiếc thảm Ba Tư. Trán anh toác ra vì đập vào cạnh bàn và máu rỉ xuống lông mày.

“Thôi nào, Martin, vô ích thôi,” Saint-Cyr tỏ vẻ bao dung.

Servaz đau đớn chống khuỷu tay để cố ngồi dậy. Cơ gan giật dữ trong anh đang cháy rục như một cục than hồng. Ánh sáng chói lòa, những đốm đen nhảy nhót trước mắt. Tất cả những gì anh có thể thấy là những cái bóng và những tia sáng yếu ớt.

Anh chậm rãi trườn tới và vờ lấy chân Saint-Cyr, nhưng ông ta lùi lại. Giữa hai chân ông ta, Servaz nhìn thấy ngọn lửa trong lò sưởi. Anh thấy quáng mắt.

Rồi mọi chuyện xảy đến rất nhanh.

“Bỏ vũ khí xuống!” Một giọng nói vang lên từ phía bên trái, một

giọng nói anh nhớ đã nghe thấy ở đâu, nhưng anh không thể định danh, tâm trí anh gần như tê liệt.

Phát đạn đầu tiên vang lên, rồi phát thứ hai. Anh thấy Saint-Cyr nảy lên rồi ngã về phía lò sưởi. Cơ thể ông ta đập vào mặt lò sưởi bằng đá rồi đổ nhào về phía Servaz, anh cúi đầu xuống. Khi ngược lên nhìn, anh thấy ai đã kéo cơ thể nặng nề ấy sang một bên, như một cái cây ngựa.

“Martin! Martin! Anh không sao chứ?”

Anh nháy mắt, như thể đang cố gạt đi một sợi lông mi. Một khuôn mặt mờ nhòe hiện ra trước đôi mắt ứa nước của anh. Irène. Ai đó đang đứng đằng sau cô. Maillard.

“Nước,” anh nói.

Irène Ziegler vội vã lao vào căn bếp thông với phòng khách, rót một cốc nước, trở lại và đặt nó lên môi anh. Servaz chậm rãi nuốt, cơ hàm anh đau nhức.

“Giúp... tôi... nhà... tắm.”

Hai viên sen dầm đỡ dưới cánh tay, nhắc anh lên và giúp anh đi chuyển. Servaz tưởng như mình sắp ngã quy sau mỗi bước đi.

“Lom... bard,” anh lắp bắp.

“Sao cơ?”

“Chặn... đường...”

“Xong rồi,” Irène vội vàng trả lời. “Tất cả đường vào thung lũng đều đã bị chặn lại từ lúc chúng tôi nhận được cuộc gọi từ trợ lý của anh. Không thể ra khỏi thung lũng bằng đường bộ.”

“Vin... cent?”

“Phải. Anh ấy đã tìm được bằng chứng cho thấy Éric Lombard đã nói dối, y không hề ở Mỹ vào cái đêm con Tự Do bị giết.”

“Trực...”

“Không thể. Hắn không thể cất cánh trong thời tiết này.”

Anh chúí người xuống cái bồn rửa. Ziegler vịn vôi và vãi nước lạnh lên mặt anh. Servaz cúi lại gần hơn và nhúng mặt mình vào dòng nước lạnh giá. Nó lập tức có tác dụng như một cú sốc điện. Anh ho và khạc

nhỏ. Anh đã đứng chúi đầu vào bồn rửa trong bao lâu? Anh không biết nữa.

Khi đứng dậy, anh cảm thấy khá hơn nhiều. Tác dụng của thuốc đang tan dần. Trên hết, anh cảm nhận được từng tế bào trong cơ thể đang cố gắng chiến đấu chống lại trạng thái mê mệt. Họ phải hành động. Càng nhanh càng tốt.

“Cath...”

“Họ đang đợi chúng ta. Ở trụ sở sen đầm.” Ziegler nhìn anh. “Ổn rồi. Đi thôi! Chúng ta không được chậm trễ.”

Lisa Ferney cúp điện thoại. Tay kia của cô ta đang cầm một khẩu súng ngắn. Diane không biết gì về vũ khí nhưng cô đã xem đủ phim để hiểu vật hình trụ lớn ở đầu nòng súng chính là bộ giảm thanh.

“Tôi e là sẽ không có ai đến giúp cô đâu, Diane ạ,” y tá trưởng nói. “Không đầy nửa giờ nữa, tay cảnh sát đã nói chuyện với cô cũng sẽ chết. May cho cô là buổi đi chơi tối của tôi đã bị hủy vì tên cớm.”

“Cô có biết dùng nó không?” Diane chỉ vào khẩu súng.

Lisa Ferney cười nhạt, “Tôi đã học. Tôi có tham gia một câu lạc bộ bắn súng. Eric đã giới thiệu cho tôi môn này. Eric Lombard.”

“Tình nhân của cô,” Diane nhận xét. “Và đồng phạm của cô.”

“Đào bới đời sống của người khác là không hay đâu,” y tá trưởng mỉa mai. “Tôi biết cô sẽ thấy khó tin, Diane, nhưng Wargnier cũng có một số ứng viên để lựa chọn, khi ông ta thấy mình cần có một trợ lý. Tiện đây tôi nói luôn rằng, tôi đã rất méch lòng khi ông ta ám chỉ rằng tôi không đủ năng lực cho vị trí đó, và tôi chính là người đã lựa chọn cô, tôi là người đã gây áp lực để ông ta chọn cô.”

“Tại sao?”

“Vì cô là người Thụy Sĩ.”

“Cái gì?”

Lisa Ferney mở cửa và liếc ra hành lang im ắng, nòng súng vẫn nhắm vào Diane.

“Giống như Julian. Khi tôi nhìn thấy hồ sơ của cô trong chồng đơn xin việc, tôi lập tức biết rằng đây là điềm tốt cho kế hoạch của chúng tôi.”

Diane bắt đầu hiểu ra lời giải thích này sẽ dẫn tới đâu. Và nó khiến cô lạnh sống lưng.

“Kế hoạch gì?”

“Giết lũ khốn,” Lisa trả lời.

“Ai?”

“Grimm, Perrault và Chaperon.”

“Vì những gì họ đã làm ở trại hè,” Diane bỗng nhớ lại tờ giấy ghi chú trong văn phòng của Xavier.

“Chính xác. Ở trại hè và cả những nơi khác. Thung lũng này là bãi săn của chúng.”

“Tôi đã thấy một người ở trại hè. Một người đàn ông, khóc lóc và la hét. Anh ta có phải là một trong những nạn nhân trước đây của họ không?”

Lisa nhìn cô bằng ánh mắt sắc lẹm, có lẽ đang tự hỏi rốt cuộc Diane biết được bao nhiêu, “Phải, Mathias. Cậu trai khốn khổ chưa bao giờ bình phục. Cậu ta hóa điên rồi. Nhưng hoàn toàn vô hại.”

“Tôi vẫn không hiểu việc này thì liên quan gì tới tôi.”

“Không quá quan trọng,” Lisa Ferney nói. “Cô từ Thụy Sĩ đến để giúp Hirtmann trốn thoát, Diane ạ. Cô là người sẽ phóng hỏa đốt Viện và dẫn hắn tới nơi an toàn. Nhưng rủi thay, ra ngoài, tên Julian vô ơn bạc nghĩa sẽ không thể kiềm chế những thôi thúc mà hắn đã phải kìm nén quá lâu, và chẳng cưỡng lại nổi cảm dỗ muốn giết chết người đồng hương và tông phạm của mình. Hết chuyện.”

Diane bất động, một nỗi sợ hãi thuần khiết choán lấy tâm trí.

“Ban đầu, chúng tôi nghĩ ra vài cách để tung hỏa mù. Nhưng tôi lập tức nghĩ tới Julian. Cuối cùng lại là một sai lầm. Một kẻ như Julian luôn so đo có đi có lại. Để đổi lấy nước bọt và máu của hắn, chúng tôi phải cho hắn biết lý do. Nhưng đòi hỏi của hắn không dừng lại ở đây. Tôi

phải hứa hẹn với hắn một thứ khác. Và đó là lúc cô lên sân, Diane ạ.”

“Vô lý. Ở Thụy Sĩ người ta biết rõ tôi. Không ai đi tin một câu chuyện như thế.”

“Nhưng cảnh sát Thụy Sĩ không phải là người sẽ tiến hành điều tra. Bên cạnh đó, mọi người đều biết nơi này có thể gây rối loạn thần kinh với một người có tinh thần yếu ớt. Bác sĩ Wargnier thực sự đã có những nghi ngại về cô. Trong những cuộc đàm luận và e-mail trao đổi giữa hai người, ông ta có thể nhận thấy mức độ ‘dễ tổn thương’ nhất định ở cô. Và khi thời cơ đến, tôi sẽ chỉ ra điều ấy với cảnh sát, để họ thẩm vấn Wargnier. Và Xavier, người ngay từ đầu đã không muốn cô ở đây, sẽ không làm trái ý tôi đâu. Thế nên cô thấy đấy, rốt cuộc sẽ có rất nhiều lời khai chống lại cô. Đáng ra cô không nên ngáng chân tôi, Diane ạ. Tôi đã định tha cho cô con đường sống. Cô sẽ chỉ phải dành vài năm trong tù, thế là xong.”

“Nhưng cô không thể gán vụ DNA cho tôi,” Diane đánh bạo cãi lại trong tuyệt vọng.

“Đúng vậy. Vì thế chúng tôi đã tìm được một ứng viên khác cho việc này. Trong vài tháng vừa rồi chúng tôi đã nhét tiền cho Ngài Atlas. Đổi lại, gã nhắm mắt cho qua việc tôi lén lút vào Khu A cùng với âm mưu nhỏ của mình. Vấn đề duy nhất là số tiền sẽ chống lại gã khi cảnh sát phát hiện ra nó được chuyển khoản từ Thụy Sĩ. Và họ cũng sẽ tìm thấy một ông tiêm vẫn còn lưu dấu máu của Julian ở nhà riêng của gã.”

“Vậy là cô định sẽ giết cả anh ta nữa sao?” Diane cảm thấy choáng váng, như thể rơi xuống một vực sâu không đáy.

“Cô nghĩ sao? Cô cho rằng tôi muốn dành hết phần đời còn lại của mình trong tù ư? Đi thôi,” Lisa nói. “Chúng ta phí phạm thời gian đủ rồi.”

“Catherine đang đợi tôi à?”

Cathy d’Humières nhảy dựng lên khi nghe thấy giọng anh. Bà ngoảnh ra cửa, chăm chăm nhìn Servaz một hồi lâu rồi quay lại Ziegler và Maillard, xong lại ngoảnh ra Servaz.

“Lạy Chúa lòng lành! Chuyện gì xảy ra với cậu thế?”

Servaz ngạc nhiên trước hình phản chiếu của chính mình trong tấm kính cửa, dưới đôi mắt trũng sâu và đỏ ngầu của anh là hai vết thâm đen.

“Kể cho họ đi,” anh nói với Ziegler và ngồi sụp xuống ghế, cảm giác sàn nhà vẫn đang chao đảo.

Irène Ziegler thuật lại những gì đã xảy ra. D’Humières, Confiant và hai cái mặt nạ sáp của lực lượng sen đầm lắng nghe trong im lặng. Chính bà trưởng công tố là người đã quyết định thả Ziegler ngay sau cú điện thoại của Espérandieu. Và đến lượt trực giác của Ziegler đã mách bảo cô rằng Servaz đang ở cùng với người cố vấn, nên cô đã kịp thời đến cứu anh. May mắn thay, trụ sở sen đầm chỉ cách cối xay có năm phút lái xe.

“Saint-Cyr!” D’Humières kêu lên, lắc đầu. “Không thể tin được!”

Servaz bỏ một viên aspirin sủi vào cốc nước. Màng sương trong não anh gần như đã tiêu tan và anh có thể hình dung lại toàn bộ cảnh tượng ở cối xay nước một lần nữa. Anh mở to cặp mắt đỏ ngầu của mình và nhìn những người khác.

“Mẹ kiếp!” Anh rống lên. “Khi tôi bắt đầu chóng mặt, Saint-Cyr đã gọi cho cái ả... Lisa ở Viện... để nói với ả rằng cô bác sĩ vẫn chưa kể với ai ngoài tôi, rằng ông ta đã kiểm soát được tình hình... sau đó ông ta có...”

Bà trưởng công tố tái mặt.

“Điều này có nghĩa là cô gái đang gặp nguy hiểm! Maillard, chúng ta còn chốt giám sát ở Viện không? Bảo người của cậu lập tức vào trong!”

Cathy d’Humières lấy điện thoại ra và bấm gọi, rồi bà tắt máy sau vài giây.

“Bác sĩ Xavier không trả lời.”

“Chúng ta phải thẩm vấn Lombard,” Servaz khó nhọc nói. “Và bắt giữ y. Nhưng thực hiện bằng cách nào? Y có thể ở bất cứ đâu, Paris, New York, trên một hòn đảo thuộc sở hữu cá nhân, hay ngay tại đây, nhưng tôi ngờ là đám người đó sẽ không tự nguyện cung cấp thông tin đâu.”

“Y đang ở đây,” Confiant nói.

Mọi người quay ra nhìn cậu ta.

“Trước khi đến trụ sở, tôi đã tới tòa lâu đài theo yêu cầu của Lombard, để cập nhật với y diễn biến cuộc điều tra. Sau đó trợ lý của anh gọi điện đến,” cậu ta nói với Servaz. “Tôi chưa kịp, hừm, nói với ai. Có quá nhiều chuyện xảy ra...”

Servaz thắc mắc, không biết từ đầu đến giờ, tay thẩm phán trẻ này đã tới lâu đài bao nhiêu lần.

“Chúng ta sẽ giải quyết việc đó sau,” d’Humières nói với giọng nghiêm khắc. “Mọi con đường dẫn vào thung lũng đã được phong tỏa hết rồi, đúng không? Tốt. Chúng ta sẽ liên lạc với sở chỉ huy cảnh sát. Tôi muốn đồng thời tiến hành lục soát nơi ở của Lombard ở Paris và khám xét lâu đài. Quá trình này phải được phối hợp hoàn hảo và kín đáo. Chỉ những người thực sự cần thiết mới được tham gia. Y đã sai lầm khi nhắm vào người của tôi,” bà nhìn Servaz. “Y mang cái họ Lombard thật đấy, nhưng y đã vượt quá giới hạn. Và những kẻ như thế sẽ phải đối đầu với tôi.”

Bà đứng lên, “Tôi phải gọi cho Chancery. Chúng ta không còn nhiều thời gian để bài binh bố trận và xử lý tiểu tiết nữa. Chúng ta sẽ hành động. Một phút cũng không được lãng phí.”

Mọi người ngồi quanh bàn liền bắt đầu ngay. Không phải ai cũng

đồng ý với bà trưởng công tố. Hai sĩ quan của lực lượng sen đàm cho rằng, Lombard là một nhân vật có máu mặt, nên sẽ có nguy cơ mất việc, đối đầu với chính quyền, rồi các nguy cơ ngoài dự kiến...

“Sao Vincent lại phát hiện ra Lombard không ở Mỹ?” Servaz hỏi.

Ziegler giải thích. Bọn họ đã rất may mắn. Vì một đơn tố cáo nặc danh, đội điều tra tội phạm kinh tế Paris đã tiến hành kiểm toán sổ sách của một số công ty con của tập đoàn. Có vẻ họ sắp khai ra một vụ bê bối lớn. Vài ngày trước, khi đang xem xét sổ sách của Truyền thông Lombard, họ đã phát hiện một chi tiết bất thường, Một khoản tiền 135.000 đô la được chuyển từ Truyền thông Lombard tới một công ty chuyên sản xuất phóng sự truyền hình. Sau khi kiểm tra chéo với công ty kia thì hóa ra chẳng có phóng sự nào như thế và các hóa đơn đều là giả. Tổ điều tra bắt đầu đặt ra nghi vấn về việc số tiền ấy có thể tương ứng với cái gì khác, và hơn hết, tại sao người ta lại cố giấu giếm nó? Phải chăng là tiền hối lộ? Hay biến thủ công quỹ? Họ xin được lệnh thẩm tra mới, lần này là với ngân hàng đã thực hiện lệnh chuyển khoản, và họ yêu cầu được biết danh tính của người nhận thực sự. Nhưng thật không may, chủ thể của những giao dịch này cực kì thận trọng, chỉ trong khoảng thời gian vài giờ, số tiền đã được chuyển tới một tài khoản ở London, rồi tới một tài khoản ở Bahamas, và tới tài khoản thứ ba ở vùng biển Caribe. Tổ điều tra hoàn toàn mất dấu. Mục đích là gì? 135.000 đô la có thể là một khoản tiền không nhỏ, nhưng chỉ là một giọt nước giữa biển khơi so với đế chế Lombard. Họ triệu tập giám đốc điều hành của Truyền thông Lombard và đe dọa sẽ cáo buộc ông ta tội gian lận tài chính. Người đàn ông này hoảng sợ và rút cuộc cũng khai ra. Anh ta thực hiện giao dịch giả theo yêu cầu của Éric Lombard, vì một việc khẩn cấp, nhưng thề rằng không biết số tiền được sử dụng vào việc gì. Vì Espérandieu đã đề nghị được biết mọi yếu tố bất thường xảy ra trong giai đoạn gần đây đối với Éric Lombard, nên người quen của cậu đã cung cấp thông tin này, mặc dù thoát nhìn nó không liên quan gì tới cái chết của con ngựa.

“Vậy thực ra nó liên quan tới cái gì?” Một trong hai vị quan lớn của lực lượng sen đàm hỏi.

“Là thế này,” Ziegler nói, “Trung úy Espérandieu có một ý tưởng khác. Anh ấy đã gọi tới một hãng hàng không chuyên cho các doanh nhân giàu có thuê máy bay và phát hiện ra đây chính xác là chi phí cho một chuyến bay khứ hồi vượt Đại Tây Dương bằng phi cơ riêng.”

“Éric Lombard có máy bay và phi công riêng,” viên sĩ quan phản đối. “Tại sao hẳn phải sử dụng một hãng khác?”

“Để không để lại chứng cứ, để chuyến bay không hiển thị trong bất kì sổ sách kế toán nào của công ty,” Ziegler trả lời. “Và tất cả những gì họ phải làm là giấu khoản chi phí đi.”

“Nguyên nhân của cái phóng sự ma kia,” d’Humières xen vào.

“Chính xác.”

“Thú vị thật,” viên sĩ quan nói. “Nhưng tất cả đơn thuần chỉ là giả thuyết.”

“Không hẳn. Trung úy Espérandieu đã đoán ra nếu Éric Lombard bí mật từ Mỹ về vào cái đêm con ngựa bị giết, chắc hẳn y phải hạ cánh cách đây không xa. Vì thế anh ấy gọi cho một loạt các sân bay trong vùng, bắt đầu từ cái gần nhất và dịch ra xa dần, Tarbes, Pau, Biarritz... Đến cái thứ ba, trúng phóc. Một chiếc máy bay riêng thuộc một hãng vận tải của Mỹ đã hạ cánh tại Biarritz- Bayonne vào tối thứ Ba, mùng 9 tháng Mười hai. Theo như chúng ta tìm hiểu được, Éric Lombard đã về nước, sử dụng tên và giấy tờ giả. Không ai nhận ra y. Máy bay đỗ lại chừng mười hai tiếng và cất cánh trở về Mỹ vào sáng sớm. Thừa thời gian để đi ô tô từ Bayonne tới Saint-Martin, vào trường luyện ngựa, giết con Tự Do, treo nó lên đỉnh cáp và rời đi.”

Mọi người chăm chú nhìn cô sen đầm.

“Và chưa phải là tất cả,” cô nói. “Sân bay tại Biarritz đã lưu thông tin chiếc máy bay Mỹ trong hồ sơ hoạt động của sân bay. Vincent Espérandieu đã gọi cho người quen của anh ấy ở Interpol, người này liên lạc với FBI. Hôm nay họ đã tới gặp viên phi công. Anh ta đã xác nhận Éric Lombard chính là vị khách hôm ấy. Và sẵn sàng đứng ra làm chứng.”

Ziegler quay sang nhìn Servaz.

“Lombard có thể đã biết dự tính của chúng ta,” cô nói. “Hẳn y cũng có vài mối quan hệ ở FBI hoặc trong Bộ Nội vụ.”

Servaz giơ tay, “Tôi đã bố trí hai người của mình bên ngoài lâu đài từ đầu buổi tối. Từ lúc tôi bắt đầu nghi ngờ những gì đã xảy ra. Nếu thông tin của ngài thẩm phán đây là chính xác, thì Lombard vẫn còn ở lâu đài. Nhân tiện, Vincent đâu rồi?”

“Anh ấy đang đến. Anh ấy sẽ có mặt ở đây sau vài phút nữa,” Ziegler trả lời.

Servaz cố đứng lên, nhưng đôi chân anh vẫn không đỡ nổi thân thể.

“Anh nên đến trung tâm y tế để giải độc,” Ziegler khuyên. “Anh không đủ sức khỏe để tham gia tấn công đâu. Anh phải đi rửa ruột và ở lại theo dõi tình hình. Chúng ta thậm chí còn không biết Saint-Cyr nhét vào họng anh những loại thuốc gì nữa.”

“Tôi sẽ đi bệnh viện khi xong xuôi hết mọi việc. Đây cũng là cuộc điều tra của tôi. Tôi sẽ ở vòng ngoài vậy,” anh nói. “Trừ phi Lombard để chúng ta vào mà không gây khó dễ, mà như thế thì tôi rất bất ngờ đấy.”

“Nếu y còn ở đó thì dễ,” d’Humières nói.

“Linh cảm mách bảo tôi rằng y vẫn còn ở đó.”

Hirtmann lắng nghe gió quất vào cửa sổ, mang theo những bông tuyết li ti buốt giá. Một trận bão tuyết thực sự, hẳn nghĩ thầm và mỉm cười. Tối nay, ngồi trên giường, hẳn tự hỏi mình sẽ làm gì đầu tiên nếu lại được tự do, một giả thuyết mà hẳn vẫn thường xuyên tính đến. Và mỗi lần như vậy, hẳn lại chìm trong chuỗi mộng tưởng kéo dài.

Ở một trong những viên cảnh yêu thích của mình, hẳn lấy lại được số tiền và những giấy tờ được giấu trong một nghĩa trang ở Savoie, gần biên giới Thụy Sĩ. 100.000 franc Thụy Sĩ, toàn đồng mệnh giá 100 và 200 franc, cùng thẻ căn cước giả đựng trong một chiếc hộp chống thấm cách điện, giấu trong cỗ quan tài chứa di hài bà mẹ của một trong những nạn nhân của hẳn. Chính cô ả đã nói với hẳn về ngôi mộ và nghĩa trang ấy ngay trước khi bị giết. Với số tiền này, hẳn sẽ thuê bác sĩ

phẫu thuật thẩm mỹ ở Var, người từng được vinh dự tham gia những buổi 'dạ hội Geneva' của hắn. Và ở một nơi cất giấu khác, Hirtmann đã lưu trữ vài cuộn băng ghi hình, đủ để hủy hoại thanh danh của một thầy thuốc, người mà hắn đã sáng suốt không khai ra tên tuổi trong vụ xét xử. Trong khi chờ đợi tháo băng sau ca phẫu thuật, hắn sẽ ở lại bệnh viện của người bác sĩ tốt bụng ấy, trong một căn phòng có giá 1.000 euro một đêm với tầm nhìn trông ra Địa Trung Hải. Hắn sẽ thu xếp một hệ thống âm thanh hàng đầu để thưởng thức nhạc của Mahler yêu dấu, với sự thăm viếng hằng đêm của một ả gái gọi chuyên nghiệp.

Nụ cười mơ màng vụt tắt. Hirtmann đặt tay lên lông mày và nhãn mắt. Phương pháp điều trị khôn kiếp này gây ra những cơn đau đầu khủng khiếp. Thằng đàn Xavier và tất cả bọn chuyên gia tâm lý ngu ngốc chó chết... Aaa! Như nhau hết, với cái tín ngưỡng lang băm của chúng!

Hắn cảm thấy cơn giận sục sôi. Một cơn thịnh nộ len lõi trong não, dần dần cắt đứt mọi suy nghĩ của lý trí, cuối cùng đầu óc hắn không còn gì ngoài một đám mây đen như mực. Cơn cău giận như một con lươn chui ra khỏi hang và cắn nuốt toàn bộ sự minh mẫn của hắn. Hắn muốn đánh đập ai đó, hoặc thụi một cú đấm vào tường. Hắn nghiêng răng và lắc đầu quày quật, rên rỉ như một con mèo bị luộc sống cho đến lúc bình tĩnh lại. Đôi lúc hắn gần như không thể kiểm soát nổi bản thân, nhưng hắn vẫn còn khả năng kiềm chế. Trong quá trình bị giam giữ tại vô số bệnh viện tâm thần, hắn đã dành hàng tháng trời để đọc đóng sách do lũ bác sĩ tâm thần ngu đần viết ra. Hắn đã biết được những luận thuyết ảo tưởng, và cả những mảnh lời nho nhỏ của bọn chúng. Tất cả chỉ là diễn trò, giống như ảo thuật. Và trong ngục sâu, hắn đã nhắm đi nhắm lại mở luận thuyết kia không biết bao lần, giống như bị ám. Hắn biết điểm yếu lớn nhất của chúng, không một bác sĩ tâm thần nào trên đời này lại không có tính tự phụ. Tuy nhiên, một trong số đó đã đoán ra mục đích của hắn và lấy đi những quyển sách.

Thình lình, một âm thanh the thé đâm xuyên qua tai hắn. Hắn ngồi thẳng dậy, bực mình. Tiếng còi báo động bên ngoài hành lang. Âm thanh bồng rạt, nhức nhối, khiến màng nhĩ hắn đau đớn và cơn nhức

đầu càng lúc càng dữ dội.

Hiếm khi nào hẳn thắc mắc chuyện gì đang xảy ra. Nhưng rồi đèn phụt tắt, hẳn ngồi trong cảnh tranh tối tranh sáng. Chỉ còn ánh trắng xam xám chiếu tới khung cửa sổ và một luồng sáng rực rỡ màu cam nháng lên từng hồi. Còi báo cháy!

Trái tim hẳn bắt đầu đập rộn lên, 160 nhịp/phút. Một vụ cháy trong Viện! Có thể đây chính là cơ hội...

Đột nhiên, cửa phòng giam bật mở, Lisa Ferney sải bước vào trong, hình dáng của cô ta nổi trên nền sáng màu cam đang khẩn thiết nhấp nháy ngoài cửa, trông chẳng khác nào kịch bóng. Một tay cô ta đang cầm áo khoác lông cừu, áo blu trắng, quần và giày. Và cô ta quăng đồng hồ ấy về phía hẳn.

“Mặc vào, nhanh lên!” Cô ta đặt lên bàn một cặp kính bảo hộ bằng thủy tinh hữu cơ và chiếc mặt nạ phòng độc. “Đeo cả cái này vào. Mau lên!”

“Chuyện gì bên ngoài thế?” Hẳn vừa hỏi vừa nhanh chóng mặc quần áo. “Mọi việc không diễn ra suôn sẻ sao? Cô cần ai đánh lạc hướng phải không?”

“Anh không bao giờ tin tưởng kế hoạch ấy, đúng không?” Cô ta quay sang hẳn, mỉm miệng cười. “Anh chỉ làm thế vì anh thấy thích thú. Anh không bao giờ tin tôi sẽ giữ lời.” Ánh nhìn kiên định dõi vào hẳn. “Kế hoạch anh dành cho tôi là gì, Julian? Anh có định trừng phạt tôi không?”

Cô ta liếc ra ngoài cửa sổ.

“Đi thôi!” Cô ta nói. “Chúng ta không có cả đêm đâu.”

“Bảo vệ đâu hết rồi?”

“Tôi đã xử lý Ngài Atlas rồi. Những người khác đang chạy tán loạn, cô ngăn các bệnh nhân đào thoát. Ngọn lửa đã vô hiệu hóa hệ thống báo động. Tối nay mở cửa tự do. Nhanh lên! Có một đội sen đầm dưới nhà, ngọn lửa và các bệnh nhân khác sẽ giữ chân họ được một lúc.”

Hirtmann đeo mặt nạ vào và kéo dây ra sau đầu. Lisa có vẻ thỏa mãn. Với chiếc áo blu trắng và mặt nạ phòng độc, cộng với ánh đèn lờ mờ,

gần như không thể nhận ra Hirtmann nữa, ngoại trừ chiều cao.

“Đi xuống tầng hầm.” Cô ta đưa cho hắn một chiếc chìa khóa nhỏ. “Xuống tới nơi, anh chỉ cần đi theo những mũi tên sơn trên tường, chúng sẽ dẫn tới một lối ra bí mật. Tôi đã thực hiện phần giao kèo của mình. Giờ đến lượt anh.”

“Phần giao kèo của tôi thì sao?” Giọng Hirtmann méo mó đằng sau lớp mặt nạ.

Lisa rút một khẩu súng trong túi ra và đưa cho hắn, “Anh sẽ tìm thấy Diane Berg bị trói dưới tầng hầm. Dẫn cô ta theo. Giết cô ta và vứt xác ở đâu đó rồi biến đi.”

Hirtmann ngửi thấy mùi khói ra đến hành lang. Ánh sáng chói lòa của đèn báo cháy khiến mắt hắn nhức nhối, và tiếng còi báo động làm màng nhĩ hắn đau buốt. Hành lang hoàn toàn vắng vẻ, tất cả các cửa mở toang. Khi đi qua, Hirtmann trông thấy những phòng giam trống trơn.

Ngài Atlas đang nằm trên sàn phòng kính với một vết thương ghê rợn sau gáy. Có máu trên sàn nhà. Lênh láng. Họ đi qua cánh cửa an ninh để mở và thấy khói bốc lên từ cầu thang.

“Nhanh!” Lisa Ferney kêu lên, lần đầu tiên cô ta có vẻ hoảng sợ.

Luồng sáng từ đèn báo cháy khiến mái tóc dài màu hạt dẻ của Lisa sáng lóa, quét lên khuôn mặt cô ta một màu cam kì dị, đồng thời nhấn đậm quầng tối quanh mắt và dọc mũi, làm nổi bật quai hàm vuông vức, khiến cô ta càng thêm phần nam tính.

Họ lao xuống cầu thang. Khói đặc hơn bao giờ hết. Lisa bật ho. Khi họ đặt chân đến tầng trệt, cô ta dừng lại và chỉ vào đoạn cầu thang cuối cùng dẫn xuống tầng hầm.

“Đánh tôi đi,” cô ta nói.

“Gì?”

“Đánh tôi đi! Đám! Vào mũi. Nhanh lên!”

Hirtmann chỉ ngập ngừng một thoáng. Khi nắm đám của hắn giáng xuống, cô ta bật ngửa, kêu rú một tiếng và lấy tay ôm mặt. Mắt

Hirtmann ánh lên thỏa mãn trước cảnh tượng máu phụt ra, rồi hần chạy đi.

Lisa nhìn Hirtmann biến mất trong làn khói. Cơn đau dữ dội, nhưng hơn hết, cô ta thấy lo lắng. Trước khi châm lửa đốt, cô ta trông thấy số sen đầm ẩn nấp trên núi đang di chuyển về phía Viện. Bọn họ làm gì ở đây khi tên cớm đã chết, còn Diane vẫn đang bị trói, bất động, dưới hầm?

Có gì đó không đúng.

Lisa trở dậy. Máu chảy xuống cằm và chiếc áo blu. Cô ta loạng choạng đi ra cổng Viện.

Servaz đang đứng bên ngoài cánh cổng lâu đài. Cùng với anh là Maillard, Ziegler, Confiant, Cathy d’Humières, Espérandieu, Samira, Pujol và Simeoni. Đằng sau họ là ba chiếc xe tải nhỏ của lực lượng sen đầm, những người trong xe đều được trang bị vũ trang. Servaz đã bấm chuông cổng hai lần nhưng vô ích.

“Thế nào?” Cathy d’Humières nói, đập hai bàn tay đeo găng vào nhau để giữ ấm.

“Không ai trả lời.”

Họ giẫm lên lớp tuyết bên ngoài cổng, tạo ra những dấu chân chông chéo lên nhau.

“Không thể không có ai được,” Ziegler nói. “Ngay cả khi Lombard không ở đây, thì lâu đài luôn luôn có người canh gác và người làm. Nghĩa là họ cố tình không trả lời.”

Hơi thở của họ biến thành làn hơi nước trắng, cuốn đi trong gió.

Bà trưởng công tố nhìn chiếc đồng hồ vàng đeo ở tay. 12:36.

“Mọi người đã vào vị trí chưa?” Bà hỏi.

Chưa đầy năm phút nữa, cảnh sát sẽ bắt đầu lục soát căn hộ tại Paris ở quận 8, cách ga Étoile không xa. Hai dân thường rét cóng đang đi đi lại lại trước nhà, bác sĩ Castaing và công chứng viên Maitre Gamelin,

được yêu cầu làm nhân chứng trung lập trong trường hợp chủ nhà vắng mặt. Vì cuộc khám xét diễn ra về đêm, bà trưởng công tố phải viện đến lý do rằng đây là trường hợp khẩn cấp, đề phòng bằng chứng quan trọng bị thủ tiêu. Bà cũng cho rằng cuộc khám xét của bọn họ là hoàn toàn hợp lệ, dựa trên mưu toan sát hại Servaz của Saint-Cyr.

“Maillard, hỏi bên Paris xem họ đã sẵn sàng chưa. Martin, cậu cảm thấy thế nào? Trông cậu kiệt quệ lắm. Có lẽ sẽ tốt hơn nếu cậu đợi ngoài này? Cứ để Ziegler phụ trách. Cô ấy có thể làm tốt.”

Maillard vội vàng đi tới một trong những chiếc xe tải. Servaz nhìn Cathy d’Humières và gượng cười. Bà đã để mặc chiếc khăn quàng cổ và mái tóc nhuộm vàng bay tứ tung trong cơn bão, có vẻ cơn giận dữ và phần nộ đã lấn át cả việc giữ hình tượng.

“Tôi sẽ ổn thôi,” anh nói.

Họ nghe thấy tiếng la hét trong chiếc xe tải. Maillard đang mất bình tĩnh, “Vì tôi đã nói là chúng ta không thể! Cái gì? Ở đâu?... Được, tôi sẽ báo với họ ngay lập tức!”

“Chuyện gì thế?” D’Humières hỏi khi anh ta lao ra ngoài.

“Có cháy ở Viện, tình hình rối ren! Người của chúng ta cùng với các nhân viên bảo vệ đang cố hết sức để ngăn bệnh nhân trốn thoát. Hệ thống an ninh đã bị vô hiệu hóa. Chúng ta phải đưa toàn bộ người sang càng sớm càng tốt.”

Servaz tập trung suy nghĩ. Đây không thể là chuyện trùng hợp.

“Là đánh lạc hướng,” anh nói.

Cathy d’Humières nhìn anh với ánh mắt nghiêm nghị.

“Tôi biết.” Bà quay sang Maillard. “Chính xác thì bọn họ nói gì?”

“Nói rằng Viện đang cháy. Tất cả các bệnh nhân đều đã trốn ra ngoài, chỉ có rất ít nhân viên bảo vệ và các thành viên trong đội chúng ta ở trên đó để trông chừng họ. Tình huống có thể xấu đi bất cứ lúc nào. Hình như vài bệnh nhân đã tẩu thoát thành công. Họ đang cố bắt những người đó lại.”

Servaz tái mặt. “Bệnh nhân ở Khu A thì sao?”

“Tôi không biết.”

“Họ không thể đi xa trong thời tiết này đâu.”

“Tôi xin lỗi, Martin, nhưng đây là trường hợp khẩn cấp,” d’Humières quả quyết. “Nhóm của cậu hãy ở lại đây, nhưng tôi phải huy động nhiều người nhất có thể để đến đó. Tôi sẽ xin thêm tiếp viện.”

Servaz nhìn Ziegler.

“Để đại úy lại cho tôi,” anh nói.

“Cậu muốn vào mà không cần hỗ trợ sao? Bọn chúng có thể có vũ khí đấy.”

“Hoặc có thể chẳng có ai hết.”

“Tôi sẽ đi cùng sĩ quan chỉ huy Servaz,” Ziegler nói. “Tôi không nghĩ rằng tình huống này sẽ quá nguy hiểm. Lombard là một kẻ sát nhân, nhưng không phải xã hội đen.”

D’Humières lần lượt nhìn các thành viên của tổ cảnh sát.

“Được. Confiant, cậu ở lại đây với họ. Nhưng đừng hành động thiếu suy nghĩ. Ngộ nhỡ gặp chuyện bất trắc, các cô cậu phải đợi tiếp viện, rõ chưa?”

“Cậu cứ ở ngoài,” Servaz nói với Confiant. “Tôi sẽ gọi cậu vào lục soát khi chắc chắn khu vực đã được phong tỏa.”

Confiant ử rũ gạt đầu. Cathy d’Humières kiểm tra đồng hồ lần nữa.

“Được rồi, xuất phát tới Viện thôi,” bà nói, đi về phía xe của mình.

Họ nhìn Maillard và những sen đêm khác trèo lại vào xe tải. Chốc lát sau, tất cả đi hết.

Viên sen đêm đang canh gác lối thoát hiểm tầng hầm vội đặt tay lên súng khi cánh cửa kim loại bật tung ra. Anh thấy một người đàn ông cao lớn đang bước lên cầu thang với một phụ nữ bất tỉnh trong tay, anh ta mặc áo blu trắng và đeo mặt nạ phòng độc trên mặt.

“Cô ấy bị ngất,” người đàn ông nói qua lớp mặt nạ. “Khói... Anh có phương tiện nào không? Xe cứu thương chẳng hạn? Cô ấy cần đi gặp bác sĩ. Nhanh lên!”

Viên sen dậm do dự. Hầu hết các bệnh nhân và bảo vệ đều đã tập trung lại ở phía bên kia tòa nhà. Anh không biết có bác sĩ nào trong số đó không. Nhiệm vụ của anh là canh giữ lối ra này.

“Chúng ta phải nhanh lên,” người đàn ông quả quyết. “Tôi đã cố hô hấp nhân tạo cho cô ấy nhưng không có tác dụng. Mỗi phút đều là sống còn! Anh có xe không? Có hay không?”

Đằng sau chiếc mặt nạ là chất giọng trầm thấp, âm vang và đầy uy quyền.

“Tôi sẽ tìm ai đó,” viên sen dậm nói, rồi chạy đi mất.

Một phút sau, một chiếc xe tập vào bên ngoài cửa. Viên sen dậm ra khỏi ghế hành khách, và người lái xe, một sen dậm khác, ra hiệu cho Hirtmann lên ghế sau. Diane được đặt yên vị trên ghế, chiếc xe lao đi. Họ vòng qua tòa nhà chính và Hirtmann thấy những khuôn mặt quen thuộc, bệnh nhân và cán bộ, co cụm lại ngoài đám cháy. Một phần không nhỏ của Viện đã bị ngọn lửa nhấn chìm. Lính cứu hỏa đang gõ vòi phun từ một chiếc xe tải đồ trông mới cứng. Một chiếc vòi khác đang phun nước vào tòa nhà, nhưng đã quá muộn, không đủ để dập tắt ngọn lửa. Bên ngoài lối vào, các nhân viên y tế đang mở một chiếc cang vừa được lấy ra từ sau xe cứu thương.

Khi những tòa nhà đang cháy lùi xa về phía sau, Hirtmann nhìn chăm chăm vào gáy của người lái xe qua lớp mặt nạ, và cảm nhận lớp kim loại lạnh lẽo của khẩu súng trong túi áo.

“Chúng ta qua cổng bằng cách nào?”

Servaz xem xét nó. Những thanh sắt uốn trông kiên cố và chỉ có xe tăng mới công phá được. Anh quay sang nhìn Ziegler. Cô chỉ vào dây thường xuân đang uốn mình quanh một trong những cột trụ.

“Dùng cách này.”

Nằm gọn trong tầm ngắm của camera, anh nghĩ.

“Cô biết bao nhiêu người ở bên trong không?” Samira hỏi. Cô đang kiểm tra ổ đạn.

“Có thể không có ai cả, có thể họ đã trốn hết rồi,” Ziegler nói.

“Hoặc có thể là mười, hai mươi hay ba mươi người,” Espérandieu nói, và rút ra một khẩu Sig Sauer cùng ổ đạn mới tinh.

“Trong trường hợp đó, đành phải hy vọng bọn họ sẽ tôn trọng pháp luật,” Samira đùa. “Trong truyện trinh thám luôn có nút thắt như thế này, những tên giết người cùng lúc trèo tường ra hai hướng khác nhau...”

“Không có bằng chứng nào cho thấy Lombard đủ thời gian trèo tường,” Servaz trả lời. “Tôi chắc chắn y ở trong ấy. Bởi thế y muốn chúng ta nhanh chóng đến Viện.”

Confiant không nói gì. Cậu ta đang quan sát Servaz với vẻ hoang mang. Ziegler nắm lấy dây thừng xuyên và nhẹ nhàng trèo lên trên cột trụ. Cô bám vào chiếc camera giám sát trên đỉnh, lấy lại thăng bằng và nhảy xuống phía bên kia. Servaz ra hiệu cho Pujol và Simeoni đứng ngoài canh phòng cùng tay thẩm phán trẻ. Anh hít một hơi thật sâu và làm theo Ziegler, mặc dù khó khăn hơn nhiều, đặc biệt là với lớp áo chống đạn bên dưới áo len. Espérandieu trèo cuối cùng.

Servaz cảm thấy đau nhói khi nhảy xuống, không khỏi buột miệng kêu lên. Khi cất bước, anh lại thấy đau ứa nước mắt. Anh đã bị tẹo mắt cá chân.

“Có sao không?”

“Không sao,” anh xãng giọng.

Để chứng minh, anh khập khiễng bước đi, mặc cơn đau nhói lên tận óc. Anh nghiêng rặng, ít nhất lần này anh đã nhớ mang theo súng.

“Đã nạp đạn chưa?” Ziegler cất tiếng hỏi. “Anh lên đạn sẵn đi. Ngay bây giờ. Và cầm sẵn trên tay.”

Anh nuốt nước bọt. Lời phê bình của cô khiến thần kinh anh căng thẳng.

1:05. Servaz châm một liều thuốc và chăm chú nhìn tòa lâu đài nằm cuối con đường lớn lát gạch kéo dài với hai hàng sỏi vài trăm tuổi nằm dọc hai bên. Mặt tiền và thảm cỏ trắng xóa tuyệt được thấp sáng rực rỡ. Những bóng đèn nhỏ chiếu tỏ từng cây cảnh tạo hình con vật. Vài

khung cửa sổ sáng rực lên ở trung tâm tòa nhà. Như thể có người đang chờ đợi họ.

Ngoài ra, tất cả đều lặng yên. Không hề có dấu hiệu của sự sống bên trong những ô cửa sổ. Họ đã đi đến cuối con đường. Một tòa lâu đài. Như trong cổ tích. Một câu chuyện cổ tích dành cho người lớn.

Y đang ở bên trong. Y vẫn chưa rời đi, mọi chuyện sẽ được quyết định tại đây.

Tất cả đã được sắp đặt sẵn. Ngay từ đầu.

Có gì hư ảo dưới thứ ánh sáng nhân tạo kia, với mặt tiền màu trắng, trông tòa lâu đài vô cùng lộng lẫy. Một lần nữa, Servaz lại nghĩ tới lời dặn của Propp, “Tìm màu trắng...”

Sao anh không nghĩ ra sớm hơn?

“Dừng lại.”

Người lái xe hơi quay đầu về sau, mắt vẫn cố nhìn đường.

“Sao cơ?”

Hirtmann áp phân kim loại lạnh lẽo của ông giảm thanh lên cổ viên sen dầm.

“Dừng lại,” hấn quát.

Chiếc xe giảm tốc. Hirtmann đợi đến lúc người lái xe tấp vào lề đường và dừng hẳn lại mới bóp cò. Sọ não của anh ta nổ tung thành một thứ hỗn hợp đặc sệt trộn giữa máu, xương và óc, bắn tóe lên mặt bên trái của kính chắn gió. Mùi thuốc súng dăng khét tràn ngập trong xe. Những vệt dài màu nâu chảy thành dòng xuống kính chắn gió và Hirtmann tự nhủ phải lau rửa sạch rồi mới tiếp tục lên đường được.

Hấn quay lại nhìn Diane, cô vẫn đang ngủ. Hấn gỡ mặt nạ, mở cửa và bước ra ngoài cơn bão tuyết, mở cửa bên ghế lái và kéo viên sen dầm ra ngoài. Hấn bỏ lại thi thể trên tuyết và lục lọi để tìm giẻ lau. Hấn chùi vết máu bắn tung tóe cho sạch nhất có thể, rồi ra sau xe và luồn tay dưới nách Diane để nhấc cô lên. Người cô vẫn rũ xuống, nhưng hấn cảm giác không lâu nữa cô sẽ tỉnh dậy khỏi hơi gây mê chloroform. Hấn đặt cô

lên ghé phụ lái, thắt chặt dây an toàn cho cô và ngồi vào ghé lái với khẩu súng kẹp giữa hai đùi. Giữa bão tuyết và trời đêm giá rét, cơ thể vẫn còn ấm của viên sen đầm bắt đầu bốc hơi, như thể bị cái lạnh hấp thụ.

Ziegler dừng lại ở cuối con đường dài trông sỏi hai bên, ngay sát con đường đi dạo hình bán nguyệt bên ngoài lâu đài. Gió thổi từng cơn buốt giá. Bọn họ đều lạnh cóng. Những con thú bằng cây cảnh to lớn và những đường bao xung quanh khu vườn được rắc tuyết như đường bột phủ lên bánh ngọt, mặt tiền màu trắng... Vạn vật đều có vẻ hư ảo.

Và êm đềm. Êm đềm tới mức giả tạo, Servaz nghĩ thầm, mọi giác quan của anh đều căng lên cảnh giác.

Núp đằng sau thân cây sỏi cuối cùng để tránh gió, Ziegler đưa một chiếc bộ đàm cho Servaz và một chiếc nữa cho Espérandieu. Cô nắm quyền chỉ huy, “Chúng ta sẽ chia ra. Hai đội. Một sang phải, một sang trái. Đợi hai người vào vị trí yểm trợ, cô và tôi sẽ đột nhập,” cô trở Samira. “Nếu bọn họ kháng cự, chúng ta sẽ rút lui và đợi tiếp viện can thiệp.”

Samira gật đầu. Hai người phụ nữ nhanh chóng băng qua con đường ở giữa để tiến về phía hàng cây bên kia, rồi biến mất trước khi Servaz kịp phản ứng. Anh nhìn Espérandieu, cậu nhún vai. Họ cũng luôn vào giữa đám cây, theo hướng ngược lại, đi vòng theo con đường hình bán nguyệt. Servaz vẫn không hề rời mắt khỏi tòa lâu đài.

Đột nhiên anh rùng mình. Có gì đó chuyển động. Anh nghĩ mình đã nhìn thấy một cái bóng vụt qua cửa sổ.

Chiếc bộ đàm phát ra tiếng nói, “Các anh đã vào vị trí chưa?”

Giọng Ziegler. Servaz ngập ngừng. Có phải anh đã nhìn thấy gì đó không nhỉ?

“Tôi nghĩ mình vừa nhìn thấy một người ở tầng hai,” anh nói. “Tôi không chắc.”

“Được rồi, dù sao bọn tôi vẫn sẽ vào. Yểm trợ cho chúng tôi.”

Trong tích tắc, anh đã định bảo cô đợi đã.

Quá muộn! Hai người phụ nữ đã nhanh chóng băng qua con đường phủ đầy tuyết, chạy theo lối đi rải sỏi. Họ lách vào giữa hai cây cảnh hình sư tử, Servaz cảm thấy máu mình đông lại, một cửa sổ ở tầng hai vừa mở ra. Anh thấy một nòng súng ló ra! Không chút do dự, anh ngắm bắn và bóp cò. Một tấm kính vỡ tan, nhưng không phải ở cửa sổ ấy! Cái bóng biến mất.

“Chuyện gì thế?” Ziegler nói qua bộ đàm.

Anh thấy cô trốn đằng sau một trong những con thú khổng lồ. Gần như không có gì che chắn. Chỉ cần một loạt đạn bắn qua bụi cây là tất cả sẽ chấm hết.

“Cẩn thận!” Anh hét lên. “Có ít nhất một kẻ mang vũ khí ở trong! Hắn đã định bắn cô!”

Ziegler ra hiệu cho Samira và họ cùng lao về phía mặt tiền. Rồi biến vào bên trong. Chúa ơi! Cả hai cô gái đều có nhiều testosterone* hơn cả anh và Espérandieu cộng lại!

“Đến lượt các anh,” Ziegler nhắc nhở.

Servaz càu nhàu. Họ nên quay trở ra theo cách họ đã đi vào. Để đợi tiếp viện. Tuy vậy, anh vẫn chạy về phía cửa vào của lầu đài, Espérandieu theo sau. Vài tiếng súng vang lên bên trong. Họ vội vàng nhảy từng ba bậc lên thềm, lao qua khung cửa mở rộng. Ziegler đang nhả đạn từ đằng sau một bức tượng ở cuối căn phòng. Samira bò trên mặt sàn.

“Chuyện gì xảy ra vậy?” Servaz hét.

“Họ bắn chúng tôi!”

Servaz nhìn loạt phòng khách tối tăm nối tiếp nhau. Ziegler cúi xuống xem xét. Samira bị thương ở chân, máu chảy ào ạt. Một vết máu dài kéo qua sàn nhà cẩm thạch. Viên đạn đã xé toác đùi cô, nhưng không ảnh hưởng tới động mạch chính. Nằm trên sàn, Samira đặt bàn tay đang đeo găng của mình lên vết thương để cầm máu. Họ sẽ án binh bất động ở đây chờ cứu viện tới. Ziegler lôi bộ đàm ra gọi xe cứu thương.

“Kể từ giờ, chúng ta sẽ ở lại đây!” Servaz ra lệnh khi cô kết thúc cuộc gọi. “Chúng ta sẽ đợi tiếp viện.”

“Họ sẽ không đến kịp trong một tiếng nữa!”

“Không sao hết!”

Ziegler gật đầu.

“Để tôi băng bó cho cô,” cô nói với Samira. “Ta không thể nói trước được điều gì. Vũ khí phải luôn luôn sẵn sàng.”

Trong vài giây, với một cuộn băng gạc và một tập khăn giấy lấy ra từ túi áo, cô đã băng bó đủ chặt để cầm máu cho Samira. Servaz biết rằng khi máu ngừng chảy, người bị thương có thể tạm thời ở yên trong tình trạng ấy mà không cần quá lo ngại. Anh với lấy bộ đàm.

“Pujol, Simeoni, vào đây!”

“Có chuyện gì thế?” Pujol hỏi.

“Bọn chúng nã súng vào chúng tôi. Samira bị thương. Cần hỗ trợ. Chúng tôi đang ở tiền sảnh lâu đài. Đường vào đã hết trở ngại.”

“Rõ.”

Anh quay đầu lại và giật mình.

Vài cái đầu thú nhồi bông treo trên những bức tường tiền sảnh đang cúi xuống nhìn anh. Một con gấu. Một con sơn dương Pyrenees. Một con hươu đực. Một trong những cái đầu trông rất quen. Tự Do... Con ngựa đang chăm chăm nhìn anh với đôi mắt vàng kim.

Đột nhiên anh thấy Irène bật dậy và bắt đầu chạy vào sâu trong tòa nhà. Chết tiệt!

“Ở lại với Samira!” Anh hét về phía trợ lý của mình và lao theo Ziegler.

Diane cảm giác như thể mình đã ngủ nhiều giờ liền. Khi cô mở mắt, thứ đầu tiên cô nhìn thấy là con đường đang uốn lượn qua kính chắn, và ngàn vạn bông tuyết đang ào tới chào đón họ. Cô nghe thấy tiếng tách tách phát ra từ bảng điều khiển, hơi chệch về phía bên trái.

Cô ngoảnh sang và thấy hấn, không hề thắc mắc có phải mình đang

mơ không. Vì cô biết mình hoàn toàn tỉnh táo.

Thấy cô đã tỉnh, Hirtmann chụp lấy khẩu súng giữa hai đùi, chìa vào cô, tay kia vẫn giữ chặt vô lăng. Hắn không nói gì, không cần thiết.

Diane không thể không thắc mắc rằng hắn sẽ giết cô ở đâu, bao giờ. Và bằng cách nào. Liệu có giống như hàng tá những cô gái khác, chết mà chưa được tìm thấy xác, kết cục của cô có phải là mục ruỗng dưới đáy một cái hồ trong rừng không? Ý nghĩ này làm cô tê liệt vì khiếp sợ. Cô giống như một con thú nhỏ bị sa bẫy. Cô không thể chịu đựng nổi, rồi cảm giác giận dữ và quyết tâm dần dần thay thế nỗi sợ hãi. Một quyết tâm lạnh lùng, băng giá như không khí ngoài kia. Nếu phải chết cô sẽ không chết với tư cách nạn nhân. Cô sẽ chiến đấu, và hắn phải trả một cái giá xứng đáng. Tên khốn ấy không biết điều gì đang chờ đợi mình. Cô phải đợi đến đúng thời điểm. Chắc chắn sẽ có một cơ hội, điều quan trọng là phải sẵn sàng.

Maud, em gái bé bỏng thương yêu của anh. Ngủ đi, em gái nhỏ. Ngủ đi. Em thật xinh đẹp khi em ngủ. Thật bình yên, thật rạng rỡ.

Anh đã làm em thất vọng, Maud. Anh muốn bảo vệ em, em đã tin nhiệm anh, em đã tin tưởng anh. Anh đã làm em thất vọng. Anh đã không thể bảo vệ em khỏi thế giới, em gái nhỏ, anh đã không thể ngăn thế gian này làm tổn thương em, vậy bản em.

“Chúng ta phải đi ngay, thưa cậu! Đi thôi!”

Éric Lombard quay lại, với một bình xăng trong tay. Otto một tay cầm súng, tay kia buông thõng, và tay áo ướt đẫm máu.

“Đợi đã,” y nói. “Cho tôi thêm chút thời gian, Otto. Em gái tôi... chúng đã làm gì em ấy? Chúng đã làm gì em ấy hả, Otto?”

Y quay trở lại quan tài. Y đang ở trong một căn phòng hình tròn rộng mênh mông, được chiếu sáng rực rỡ. Mọi thứ trong căn phòng đều trắng, tường, sàn, đồ đạc. Ở giữa vòng tròn là một cái bục hình vuông. Hai bên là hai bậc thang. Một cỗ quan tài lớn màu trắng ngà được đặt trên bục. Còn có hai chiếc bàn thấp với hoa tươi cắm trong bình. Những bông hoa màu trắng, bình và bàn màu trắng.

Éric Lombard tưới xăng lên quan tài. Cỗ quan tài đang mở. Bên trong, nằm giữa tấm đệm lót màu ngà voi, Maud Lombard dường như đang say ngủ trong bộ váy trắng. Cô nhắm mắt. Mỉm cười. Tinh khiết. Bất tử. Nhựa hóa*. Toàn bộ dịch thể của người chết được thay thế bằng Silicon, giống như tiêu bản được bảo quản hoàn hảo và đem trưng bày trong triển lãm thi thể. Éric Lombard chăm chú nhìn khuôn mặt trẻ trung thiên thần giờ đã bị tưới đầy xăng.

“Bạo lực đã trôi dạt thành cơn trượng của độc ác, không còn sống sót một mạng nào. Không còn tiếng gầm tiếng thét. Chúng chẳng còn được nghỉ ngơi yên hàn nữa. Giờ đã điểm, ngày đã tận... cơn thịnh nộ sẽ giáng xuống tất cả. Ai cũng sống theo tội lỗi của mình, nên sẽ không thể đứng vững. 7: 11-14, Ezekiel, Kinh Thánh.”

“Cậu có nghe tôi nói không? Đến lúc phải đi rồi!”

“Xem em ấy ngủ kìa. Trông bình yên biết bao. Chưa bao giờ em ấy lại xinh đẹp như lúc này.”

“Cô ấy chết rồi, vì Chúa! Chết rồi! Hãy bình tĩnh lại đi!”

“Bố đã đọc *Kinh Thánh* cho chúng tôi nghe, mỗi buổi tối, Otto ạ. Ông có nhớ không? *Kinh Cựu ước*. Có phải không, Maud? Bố đã dạy anh em mình những bài học, bố bảo chúng ta phải tự tay thực thi công lý, đừng bao giờ để bất kì lời sỉ nhục hay tội ác nào không bị trừng phạt.”

“Tỉnh táo lại đi, thưa cậu! Chúng ta phải đi thôi!”

“Nhưng ông ta là một người đàn ông bất công và tàn nhẫn. Và khi Maud bắt đầu có bạn trai, ông ta đã đối xử với em như cách ông ta đối xử với mẹ chúng ta. *Những ai đi trốn sẽ thoát nạn, chúng sẽ lên núi như chim bồ câu trong thung lũng, tất cả sẽ than khóc, từng kẻ một, cho tội lỗi của chúng. Tay sẽ rã rời, và gối sẽ mỏi. Kinh hãi rồi sẽ phủ lấp chúng. 7:16-18, Ezekiel, Kinh Thánh.”*

Những tiếng súng vang lên trên đầu họ. Otto quay lại và đi về phía cầu thang, vung khẩu súng trên tay. Ông ta nhăn nhó vì vết thương trên cánh tay trúng đạn.

Gã đàn ông vòng qua góc tường. Diễn biến xảy ra trong chớp mắt. Viên đạn sượt qua sát tới mức Servaz nghe thấy một tiếng viu như ong

võ cánh. Anh không kịp phản ứng. Ziegler đã nã súng và anh thấy gã đàn ông gục xuống như một bức tượng cẩm thạch. Súng của gã nảy trên sàn, phát ra một âm thanh khô khốc.

Ziegler đi tới chỗ gã, tay vẫn giữ chắc khẩu súng ở tư thế sẵn sàng. Cô cúi người về phía gã. Một vết đỏ lớn đang loang ra khắp vai người đàn ông. Gã vẫn sống nhưng bị choáng. Ziegler thông báo qua bộ đàm rồi đứng thẳng dậy.

Servaz, Pujol và Simeoni đi qua chỗ cô. Và đằng sau bức tượng, họ tìm thấy một cánh cửa mở vào một cầu thang dẫn xuống dưới.

“Đường này,” Pujol nói.

Một cầu thang xoắn màu trắng. Những bức tường cẩm thạch trắng uốn lượn. Những bậc thang cuộn xuống phần trung tâm bên dưới tòa nhà đồ sộ. Ziegler dẫn đầu, súng chĩa về phía trước. Đột nhiên một tiếng súng vang lên và cô lao trở lại để nấp.

“Chết tiệt! Có kẻ nổ súng dưới kia!”

Ziegler tháo một vật đang móc trên thắt lưng. Servaz lập tức nhận ra cô định làm gì.

Otto nhìn thấy một vật màu đen nảy lên như một quả bóng quần vợt và lăn về phía ông ta. Tích-tích-tích... Ông ta nhận ra nó quá muộn. Lựu đạn gây lóa mắt. Khi nó phát nổ, một ánh sáng chói lòa có cường độ vài triệu candela gây tê liệt thị lực. Kéo theo là một tiếng nổ đinh tai, cả căn phòng rung chuyển, làm Otto có cảm giác mọi thứ xung quanh đều quay tròn. Ông ta lao đảo.

Thời điểm Otto hồi phục, hai bóng người đã xuất hiện trong tầm mắt. Cảm thấy ai đó đá vào quai hàm mình, súng rơi khỏi tay, người bị lật ngược lại và chất thép lạnh lẽo của chiếc còng khóa chặt hai cổ tay. Đúng lúc ấy, ông ta nhìn thấy ngọn lửa. Lửa đã bắt đầu liếm nuốt nhà táng. Cậu chủ của ông ta đã biến mất. Otto không chống cự. Vào thập niên 1960, khi còn trẻ, Otto từng làm lính đánh thuê ở châu Phi dưới trướng Bob Denard và David Smiley. Ông ta đã quá quen với sự tàn bạo của những cuộc xung đột hậu thuộc địa, đã tra tấn và bị tra tấn. Sau đó

ông ta về làm cho Henri Lombard, một người đàn ông cứng rắn không kém gì ông ta, rồi cuối cùng chọn phụng sự cho con trai của người đó. Không dễ gì khiến Otto ấn tượng.

“Cút mẹ chúng mày đi,” ông ta nói một câu đơn giản.

Sức nóng tỏa ra từ vụ cháy thiêu rít mắt họ. Ngọn lửa choán hết phần trung tâm căn phòng, hun đen cả trần nhà cao tít bên trên. Chẳng mấy chốc sẽ chẳng còn không khí để thở.

“Pujol và Simeoni,” Ziegler hét lên, chỉ vào cầu thang. “Đưa ông ta ra xe tải!”

Cô quay sang Servaz, anh nhìn chăm chăm vào cái bọc đang cháy hừng hực. Ngọn lửa nuốt lấy cơ thể bên trong quan tài, nhưng họ vẫn kịp nhìn thấy mái tóc vàng xõa dài và khuôn mặt tươi trẻ.

“Lạy Chúa!” Ziegler thở dài.

“Tôi thấy mộ của cô ấy ở nghĩa trang,” Servaz nói.

“Tôi đoán là nó trống không. Họ bảo quản cô ấy lâu như thế bằng cách nào? Cô ấy được ướp xác ư?”

“Không, như thế chưa đủ. Lombard có tiềm lực. Và cả các kĩ thuật hiện đại.”

Servaz nhìn vào khuôn mặt trẻ đẹp như thiên thần trước khi xác thối, xương và Silicon dần dần cháy thành than. Một khung cảnh hư ảo.

“Lombard đâu rồi?” Ziegler hỏi.

Đột nhiên sức tĩnh khỏi trạng thái thất thần khi ngắm nhìn cảnh tượng cũ quan tài rực cháy, anh hát cầm về phía một cánh cửa nhỏ đang mở ở phía bên kia. Họ đi vòng qua căn phòng, ôm sát lấy bức tường hình vòng cung để tránh khỏi sức nóng của ngọn lửa, rồi đi qua cánh cửa.

Một cầu thang khác dẫn lên trên. Hẹp hơn rất nhiều và không được bảo quản tốt như đoạn cầu thang hồi nãy. Màu xám, bằng đá ướt đẫm, và ó bản với những vết sọc đen sì.

Họ đã ở bên ngoài, phía sau tòa lâu đài.

Gió. Tuyết. Bão. Bóng tối.

Ziegler dừng lại và nghe ngóng. Mọi thứ đều im lặng, ngoại trừ cơn gió. Vàng trắng tròn đến và đi đằng sau những đám mây. Servaz quét mắt qua những cái bóng đang chuyển động trong khu rừng.

“Ở kia,” cô nói.

Ba vệt dài của xe máy trượt tuyết hiện lên mờ mờ dưới ánh trăng. Chúng đi theo một lối nhỏ xuyên qua những hàng cây. Ở xa hơn, bầu trời đầy những gợn mây tối sẫm lại và lối nhỏ ấy mất hút trong bóng đêm.

“Quá muộn. Y đã trôn mất.” Servaz nói.

“Tôi biết lối đó dẫn đi đâu, đầu tiên là tới một trường đua cách đây 2 kilomet, chạy lên núi, vắt qua một con đèo và trở xuống một thung lũng khác. Ở đó có một con đường đi đến biên giới Tây Ban Nha.”

“Chắc Pujol và Simeoni sẽ tới nhanh thôi.”

“Họ sẽ phải đi đường vòng dài 15 kilomet. Lombard sẽ tới trước bọn họ. Chắc chắn đã có xe đợi sẵn y ở phía bên kia.”

Ziegler đi qua một căn nhà nhỏ ở bìa rừng. Dấu vết của xe trượt tuyết bắt đầu từ đây. Cô mở cửa và bật công tắc. Bên trong lều là hai chiếc xe máy trượt tuyết khác, và một tấm bảng trên tường treo la liệt chìa khóa, ván trượt, ủng, mũ bảo hiểm và những bộ đồ liền thân màu đen có sọc vàng phản quang.

“Lạy Chúa!” Ziegler thốt lên. “Tôi thật muốn biết làm cách nào mà y được cấp phép!”

“Ý cô là gì?”

“Việc sử dụng những thứ này bị quản lý rất ngặt nghèo,” cô nói, lấy một bộ đồ liền thân khỏi móc.

Servaz nuốt nước bọt khi nhìn Irène mặc nó vào, “Cô đang làm gì vậy?”

“Mặc vào!”

Cô chỉ vào một bộ đồ liền thân và một đôi ủng. Servaz lưỡng lự. Chắc hẳn phải có cách nào khác... Ví dụ ngăn đường. Nhưng toàn bộ người

của bọn họ đều đã được điều động đến Viện. Và Lombard hẳn đã có kế hoạch chạy trốn sang bên kia. Irène lục lọi trong đống chìa khóa và khởi động một trong những chiếc xe thon dài, trượt nó ra bên ngoài. Cô bật đèn pha, bước vào trong lấy hai chiếc mũ bảo hiểm cùng hai đôi găng tay. Servaz đang xoay sở với bộ đồ liền thân, nó quá rộng, và áo chống đạn của anh rất vướng víu.

“Anh đội cái này vào rồi trèo lên,” cô nói trên nền âm thanh động cơ bốn thì.

Servaz đội chiếc mũ bảo hiểm màu trắng pha đỏ và ngay lập tức cảm thấy ngột thở. Anh trùm mũ của bộ đồ qua chiếc mũ bảo hiểm và đi ra ngoài. Đôi ủng làm anh đi lại như một nhà du hành vũ trụ, hoặc một con chim cánh cụt.

Bên ngoài, cơn bão tuyết đã hơi dịu đi. Gió lạnh và những bông tuyết thưa dần dưới luồng sáng chiếu rọi từ đèn pha của chiếc xe máy trượt tuyết. Anh nhấn nút trên bộ đàm.

“Vincent? Samira thế nào rồi?”

“Cô ấy không sao. Nhưng gã còn lại thì đang rất tệ. Xe cứu thương sẽ tới đây trong vòng năm phút nữa. Còn anh?”

“Không có thời gian giải thích! Cứ ở lại với cô ấy.”

Servaz ngắt liên lạc, hạ kính che mặt trên mũ bảo hiểm xuống và vụng về giạng chân qua chỗ ngồi tôn cao đằng sau Ziegler. Anh dựa mình vào phần tựa lưng đằng sau. Cô lập tức lên đường. Trong luồng sáng đơn độc, những bông tuyết lao vào họ như mưa sao băng. Những thân cây trắng xóa ở một bên, lao qua họ với tốc độ rất nhanh. Chiếc xe dễ dàng trượt qua vệt tuyết đã bị nén xuống từ trước, nổ rầm rầm như một chiếc xe phân khối lớn. Những áng mây lại tách ra và qua lớp kính bảo hộ, anh nhìn thấy những ngọn núi ở ngay bên trên.

“Tôi biết cô đang nghĩ gì, Diane.”

Giọng nói trầm thấp, khàn khàn của hắn làm cô giật mình. Cô vừa suy nghĩ thất thần.

“Cô đang tự hỏi tôi sẽ giết cô như thế nào. Và cô đang tuyệt vọng tìm cách thoát thân. Cô đang đợi tôi phạm sai lầm. Rất tiếc phải báo cho cô biết là tôi sẽ không mắc sai lầm nào hết. Và do đó, phải, đêm nay cô sẽ chết.”

Khi nghe những lời hăn nói, một cơn ớn lạnh lan khắp người Diane, lan tỏa từ trên đầu xuống bụng và tới chân. Trong giây lát, cô nghĩ mình sắp ngất xỉu. Cô nuốt khan, nhưng cảm thấy họng tắc lại.

“Hoặc có thể tôi sẽ không làm thế. Có lẽ cuối cùng tôi sẽ để cô sống. Tôi không thích bị thao túng. Élisabeth Ferney sẽ phải hối hận vì đã lợi dụng tôi. Lúc nào ả cũng thích là người quyết định cuối cùng, thế nên có lẽ lần này ả sẽ thất vọng. Giết cô sẽ tước đi cái khoái cảm chiến thắng nhỏ bé của tôi. Đây có thể là cơ hội của cô đấy, Diane ạ. Thật lòng mà nói, tôi vẫn chưa quyết định đâu.”

Hăn nói dối... Hăn đã quyết định rồi. Toàn bộ kinh nghiệm về tâm lý học của cô đang gào lên như vậy. Đây chỉ là một trong những trò chơi biến thái nho nhỏ của hăn, một trong những mảnh lời của hăn. Đầu tiên là cho nạn nhân một tia hy vọng, rồi đoạt đi tất cả. Hăn làm thế để hủy hoại cô. Phải, chính thế! Một thú vui biến thái khác của hăn. Hy vọng đến cuồng điên và rồi, phút cuối, tuyệt vọng đến cùng cực.

Đột nhiên Hirtmann nín lặng, chú ý lắng nghe tin tức phát ra từ radio. Diane cũng làm theo, nhưng tâm trí cô chỉ là một mớ rối rắm, hỗn loạn, nên chẳng thể tập trung được vào tiếng phát thanh rè rè.

“Có vẻ như các bạn sen đầm của cô đang bận ngập đầu ở trên kia,” hăn nói. “Bọn chúng hơi bị quá tải.”

Diane nhìn phong cảnh vụt qua cửa sổ. Con đường hẹp màu trắng, nhưng hăn lái rất nhanh. Chiếc xe chắc hăn đã được bọc lớp để đi trên tuyết. Không có gì quấy nhiễu sắc trắng tinh khiết ngoài những thân cây đen đúa và vài tảng đá xám trôi lên đó đây. Ở đằng xa, những ngọn núi cao ngất đứng sừng sững trên nền trời đêm trước mặt. Diane thấy một khoảng trống giữa những đỉnh núi. Có lẽ con đường sẽ băng qua đó.

Diane nhìn tên đàn ông sắp sửa giết mình. Một ý nghĩ nháng qua

tâm trí cô, sắc bén như nhũ băng dưới trăng. Hấn đã sai khi nói rằng sẽ không mắc sai lầm. Hấn chỉ muốn làm cô tin. Hấn muốn cô từ bỏ mọi hy vọng và giao phó bản thân cho hấn, với hy vọng hấn sẽ để cô sống.

Hấn đã nhầm. Cô không định làm như thế.

Họ đi ra khỏi khu rừng, tăng tốc qua hai cùn tuyết đóng băng. Servaz trông thấy lối vào trường đua, một cánh cửa khổng lồ. Anh nhớ lại công trình kiến trúc đồ sộ từng nhìn thấy vào lần đầu tiên tới thung lũng này. Mọi thứ ở đây đều mang tầm vóc quá khổ, từ phong cảnh đến xúc cảm, tội ác. Cơn bão tuyết bỗng nhiên mạnh trở lại, tuyết cuộn thành từng đám xung quanh họ. Ziegler bám vào tay lái, gập người trước cơn gió đằng sau lớp kính chắn mỏng manh bằng thủy tinh hữu cơ. Servaz thu mình lại để tận dụng triệt để sự che chắn khiêm nhường mà người đồng đội có thể cho anh. Đôi găng tay và bộ đồ liền thân không đủ để giữ ấm. Cơn gió xuyên qua quần áo anh, chỉ có áo chống đạn là giữ lại được chút hơi ấm. Thỉnh thoảng chiếc xe trượt tuyết lại nảy lên, nghiêng sang phải hoặc sang trái. Không chỉ một lần anh đã nghĩ họ sắp sửa lật úp.

Không lâu sau, bất chấp những đợt gió mạnh, anh thấy họ đang đến gần một vũ đài đồ sộ với những bậc thang sục lở và bám đầy băng tuyết. Phía xa, vài thác nước đã đóng băng, trông chẳng khác nào những cây nến trắng cao ngất đang chảy sáp xuống mặt đá. Khi vàng trắng tròn hiện ra từ phía sau màn mây và thấp sáng xung quanh, vẻ đẹp của khung cảnh ấy khiến anh ngạt thở. Thời gian như ngừng lại nơi đây.

“Tôi thấy y rồi!” Anh hét lên.

Chiếc xe trượt tuyết thuần dài đang leo lên con dốc phía bên kia trường đua. Servaz nghĩ anh có thể nhìn ra đường nét mơ hồ của đường mòn hướng về phía một lỗ hổng lớn trên bức tường đá. Chiếc xe đã lên được nửa đường. Đột nhiên những đám mây rẽ ra và mặt trăng một lần nữa xuất hiện, như thể đang treo lơ lửng giữa một lòng hồ tối tăm đảo ngược lên trời. Ánh trăng tràn ngập trường đua, đổ tạc từng chi tiết trên đá và băng. Servaz nhìn lên. Bóng Lombard như thể vừa tan biến

vào vách đá, rồi lại đột ngột hiện ra dưới ánh trăng ở phía bên kia. Anh vươn người về trước và giữ thật chắc khi chiếc xe của họ bám trên con dốc.

Qua bên kia lỗ hổng, họ lại đi giữa những hàng lãnh sam. Lombard đã biến mất. Đường mòn tiếp tục hướng lên, uốn lượn qua cánh rừng. Gió đang thổi mạnh, tạo thành một màn sương màu xám và trắng. Luồng sáng từ đèn pha đội lại phía họ. Servaz cảm thấy như thể một vị thần phẫn nộ đang phun hơi thở băng giá vào mặt họ. Trong bộ đồ liền thân, anh run lấy bầy vì lạnh, nhưng đồng thời cũng cảm thấy một dòng mồ hôi chảy giữa hai xương bả vai.

“Lombard đâu rồi?” Ziegler hét lên. “Mẹ kiếp! Tên khốn đi đâu mất rồi?”

Anh có thể cảm nhận được sự căng thẳng của cô. Ziegler đang phải gồng mình lên để điều khiển chiếc xe trượt tuyết. Và cả sự giận dữ nữa. Lombard đã lợi dụng họ, đã suýt tống được cô vào tù thay cho y. Trong giây lát, Servaz tự hỏi liệu Irène có hoàn toàn tỉnh táo không, liệu cô có dẫn cả hai người bọn họ vào một cái bẫy chết người hay không?

Rừng cây thưa thớt dần. Họ đi qua một con đèo nhỏ và bắt đầu lướt xuống một con dốc khác. Cơn bão bỗng dừng ngớt đi và những ngọn núi hiện ra khắp xung quanh như một đội quân người khổng lồ đang chờ đợi cuộc chiến lúc nửa đêm. Đột nhiên, họ nhìn thấy Lombard ở phía dưới, cách đó 100 mét. Y đã rời khỏi đường mòn, bỏ lại chiếc xe trượt tuyết, đang gặp người chúi mặt đi.

“Y có ván trượt tuyết!” Ziegler hét lên. “Tên khốn! Y sắp tẩu thoát mất rồi!”

Lombard đang đứng trên đỉnh một triền dốc đứng, rải rác những tảng đá cuội rất lớn. Servaz nhớ lại những bài báo mình đã đọc về thành tích thể thao của y. Anh tự hỏi liệu chiếc xe trượt tuyết của họ có thể bám theo Lombard qua địa hình này không. Nhưng anh lập tức hiểu ra nếu được thì Lombard đã không bỏ lại xe trượt tuyết. Ziegler đang lao xuống dốc với một tốc độ nguy hiểm. Cô đột ngột tắt máy, và trong khoảnh khắc, Servaz tưởng họ đang bay lên. Anh nhìn thấy

Lombard quay ngoắt lại và giơ tay về phía họ.

“Cẩn thận! Y có súng!”

Anh không thể mô tả chính xác Ziegler đã làm gì, nhưng chiếc xe trượt tuyết thành linh quay chín mươi độ và Servaz lộn nhào xuống tuyết. Một tia sáng lóe lên trước mặt họ, tiếng nổ lớn theo sau tức thì. Âm thanh dội vào dãy núi, bật trở về và khuếch đại thành những tiếng vang. Tiếng nổ thứ hai. Rồi thứ ba. Những phát súng và tiếng dội lại của chúng tạo thành một đợt sấm sét inh tai. Thứ tư... Không có tiếng thứ tư nữa. Servaz nằm im trong lớp tuyết trắng như bột phấn, kiên nhẫn chờ đợi. Tim anh đập thành thịch. Ziegler đang nằm cạnh anh. Cô đã rút súng ra, nhưng không hiểu sao cô quyết định không dùng đến nó. Tiếng vang cuối cùng còn chưa dứt hẳn, một âm thanh khác đã nổi lên. Một tiếng nứt vỡ khủng khiếp.

Có gì đó bất thường. Nhưng Servaz không biết là gì.

Vẫn đang nằm trên tuyết, anh cảm nhận một cơn rung chuyển bên dưới bụng. Trong khoảnh khắc, anh nghĩ mình sắp ngất. Anh chưa từng nghe hay cảm thấy thứ gì như thế.

Theo sau tiếng nứt là một tiếng trầm hơn, sâu hơn, rộng hơn, và âm hơn. Và vẫn bất thường như thế.

Đột nhiên, anh hiểu ra.

Anh nhìn theo ánh mắt khiếp sợ của Ziegler dõi về đỉnh núi ở phía bên phải họ. Cô chụp lấy tay anh và kéo anh đứng dậy.

“Nhanh lên! Chúng ta phải chạy đi! Nhanh!!!”

Cô dẫn anh về phía đường mòn. Chân họ ngập trong tuyết tới tận đầu gối. Servaz chạy theo, nặng nề và lúng túng trong bộ đồ liền thân và ủng. Anh bỗng dừng lại và quay nhìn về phía Lombard qua kính che mặt của chiếc mũ bảo hiểm. Y đã ngừng bắn và đang vật lộn với quai buộc trên ván trượt. Servaz thấy y lo lắng liếc về phía đỉnh dốc. Anh cũng nhìn theo và cảm thấy như bị một cú đâm thụi trúng bụng. Trên ấy, dưới ánh trăng, trận tuyết lở như một người khổng lồ say ngủ đột nhiên thức giấc và lao xuống phía họ. Sợ hãi cuống cuồng, Servaz đâm đầu về phía trước, nhảy lên và vung tay để chạy nhanh hơn. Nhưng anh

vẫn không rời mắt khỏi dòng chảy của tuyết.

Khối tuyết khổng lồ đổ xuống thành dòng thác, tuôn âm âm qua những cây lãnh sam trên núi. Thế là hết, anh nghĩ. Thế là hết! Anh cố chạy thật nhanh. Anh thôi không nhìn những gì đang xảy ra trên ấy nữa. Tuyết ập lên đầu họ vài giây sau. Anh bị nhấc khỏi mặt đất và quăng ra xa như một nắm rơm. Anh bật ra một tiếng kêu yếu ớt, tưởng như sắp ngạt thở vì tuyết. Cảm giác như đang lộn nhào trong một cái thùng máy giặt. Anh há miệng, ho ra tuyết, nấc lên, và cố vùng vẫy. Anh đang nghẹt thở. Đang chết chìm. Anh bắt gặp ánh mắt của Ziegler, đầu gục xuống tuyết. Cô đang nhìn ra phía sau anh với sự kinh hoàng tột độ trên gương mặt. Rồi cô biến khỏi tầm nhìn của anh. Anh bị nhấc lên, bị lắc mạnh, và bị lật ngửa ra.

Anh không nghe thấy gì cả.

Tai ù đặc.

Anh cố hít lấy không khí.

Anh sắp chết vì ngạt thở, vì bị chôn sống.

Thế là hết.

Diane nhìn thấy vụ lở tuyết trước hấn.

“Coi chừng!” Cô gào lên, khiến Hirtmann hoảng sợ và đồng thời cũng cảnh báo cho hấn nguy hiểm trước mắt.

Hirtmann quay sang cô và Diane thấy mắt hấn trợn to với vẻ sửng sốt. Con sóng đồ sộ của tuyết, mảnh vụn và đá chuẩn bị ập lên con đường và chôn vùi họ, hấn đột ngột bẻ tay lái và chiếc xe loạng choạng mất kiểm soát. Đầu Diane đập vào cửa sổ, cô cảm thấy đuôi xe trượt sang một bên. Cùng khoảnh khắc, tuyết lở đánh thẳng vào đầu xe.

Trời đất đảo ngược. Diane thấy con đường xoay tròn như một đu quay ở công viên. Người cô bị ném sang một bên, đầu cô đập vào kính và thanh kim loại trên cửa xe. Một đám sương trắng bao phủ lên họ cùng một tiếng gầm đáng sợ. Chiếc xe lăn vài vòng xuống triền dốc, những bụi cây chẳng thể cản lại nổi. Diane như ngất đi, nên toàn bộ

chuỗi biến cố với cô chỉ là một loạt hình ảnh chớp nhoáng mơ hồ và những hố đen cứ vụt hiện lên rồi biến mất. Cuối cùng chiếc xe cũng dừng lại với một tiếng rền rĩ ghê rợn của kim loại, Diane đau điếng người nhưng vẫn còn tỉnh. Kính chắn gió đã vỡ tan, nắp ca pô của chiếc xe bị một ụ tuyết lấp mắt. Từ bảng điều khiển, tuyết và đá cuội nhỏ đang chảy thành dòng xuống chân cô. Cô nhìn Hirtmann. Không đeo dây an toàn, hắn đã lịm đi. Mặt hắn đầy máu. Súng của hắn... Diane cố tháo dây an toàn và khó khăn lắm mới gỡ ra được. Cô rướn người qua tìm khẩu súng. Cuối cùng, cô thấy nó ở dưới chân tên sát nhân, gần như kẹt bên dưới bàn đạp. Phải cúi xuống sâu hơn nữa. Cô rùng mình, cố luôn cánh tay vào giữa hai chân Hirtmann để với lấy khẩu súng. Cô nhìn nó hồi lâu, tự hỏi chốt an toàn có mở không. Có một cách rất dễ để biết... Cô nhắm khẩu súng vào Hirtmann, ngón tay đặt trên cò súng. Nhưng cô lập tức nhận ra mình không phải một kẻ giết người. Bất kể con quái vật này đã từng làm gì, cô cũng không có khả năng bóp cò. Cô hạ súng xuống.

Bây giờ cô mới ý thức được một thứ. Sự im lặng. Ngoài cơn gió thổi qua những cành cây trụi lá, không còn gì chuyển động.

Cô tìm một phản ứng trên khuôn mặt của tên sát nhân, một dấu hiệu cho thấy hắn sắp tỉnh lại, nhưng hắn chỉ trơ ra. Có lẽ hắn đã chết. Cô không muốn chạm vào hắn để tìm hiểu. Nỗi sợ hãi của cô vẫn còn, và sẽ mãi tồn tại chừng nào cô còn bị nhốt trong cái hộp kim loại này với hắn. Cô moi móc các túi trên người, tìm điện thoại và phát hiện ra nó đã bị lấy mất. Có thể Hirtmann giữ nó trong người, nhưng cô không đủ can đảm lục túi của hắn.

Tay vẫn cầm khẩu súng, Diane gắng sức trèo qua bảng điều khiển. Cô trườn qua kính chắn gió vỡ nát và ra tới nắp ca pô phủ tuyết. Cô thậm chí không cảm thấy lạnh. Luồng adrenaline đang giữ ấm cho cô. Cô trượt ra khỏi xe và lập tức lún sâu vào lớp tuyết xung quanh. Rất khó để di chuyển. Vượt qua nỗi hoảng sợ ban đầu, cô bắt đầu trèo dần về phía con đường. Khẩu súng trong tay khiến cô vững dạ. Cô nhìn chiếc xe một lần cuối. Hirtmann vẫn không động đậy. Có lẽ hắn đã chết.

Có veee như anh áyyyy đaaaang tỉnh lạiiii.

Anh có ngheeeee thấy chúng tôi không?

Tiếng nói. Rất xa xôi. Họ đang gọi anh. Và rồi đau đớn. Rất đau đớn. Kiệt sức, khao khát được nghỉ ngơi, được uống thuốc... Một thoáng tỉnh táo khi anh nhìn thấy những khuôn mặt và bóng đèn, rồi lại là tuyết lở, núi, lạnh lẽo, và cuối cùng, bóng tối.

Maaartin, aaanh cooo ngheee thấyyy eeem noiii khônggg?

Anh từ từ mở mắt, ban đầu bị chói lòa vì những quầng sáng trên trần nhà. Một dáng người xuất hiện trước mắt anh và cúi người qua. Servaz cô tập trung vào khuôn mặt đang dịu dàng nói chuyện với anh, nhưng quầng sáng phía trên cô chói lóa như một vầng hào quang, khiến mắt anh đau đớn. Khuôn mặt ghé lại và nhòe đi. Thế nhưng với anh, có vẻ là một khuôn mặt rất xinh đẹp.

Bàn tay người phụ nữ cầm lấy tay anh.

Martin, anh có nghe thấy em nói không?

Anh gật đầu. Charlène mỉm cười với anh. Cô cúi xuống và hôn lên má anh. Rất dễ chịu. Mùi nước hoa thoang thoảng. Cửa phòng mở ra và Espérandieu đi vào.

“Anh ấy tỉnh chưa?”

“Có vẻ tỉnh rồi. Anh ấy vẫn chưa nói gì cả.”

Cô quay sang và nháy mắt với anh vẻ láu cá, Servaz bỗng nhiên cảm thấy tỉnh như sáo. Espérandieu băng qua căn phòng, cầm theo hai chiếc cốc lớn bốc hơi nghi ngút. Cậu đưa một cốc cho vợ. Servaz cố quay đầu, nhưng lập tức cảm thấy bị ngăn lại. Một cái nẹp cổ.

“Đúng là thảm họa, mẹ kiếp!” Espérandieu nói.

Servaz cố ngồi dậy, nhưng anh co rúm vì đau đớn và quyết định từ bỏ nỗ lực. Espérandieu nhận thấy điều đó.

“Bác sĩ nói anh không nên cử động. Anh bị gãy ba cái xương sườn, vài tổn thương nhỏ gần cổ và đầu, còn suýt chết cồng nữa. Và, ừm, họ phải cắt đi ba ngón chân.”

“Gì?”

“Đùa thôi.”

“Còn Irène?”

“Cô ấy sống sót. Đang ở phòng bên cạnh. Cô ấy bị thương nặng hơn anh một chút nhưng rồi sẽ ổn. Gãy xương vài chỗ, chỉ thế thôi.”

Servaz cảm thấy như trút bỏ được một gánh nặng. Anh mau chóng nghĩ tới một việc cấp bách khác.

“Lombard?”

“Vẫn chưa tìm thấy thi thể y, thời tiết trên đây không cho phép tiến hành tìm kiếm. Phải đợi ngày mai. Chắc Lombard đã chết trong trận tuyết lở. Hai người may mắn đấy, nó chỉ sượt qua hai người thôi.”

Servaz co rúm lại lần nữa. Anh muốn biết Espérandieu sẽ ra sao nếu cũng bị sượt qua như thế.

“Khát,” anh nói.

Espérandieu gật đầu và đi ra. Cậu quay lại cùng y tá và bác sĩ. Hai vợ chồng rời khỏi phòng, bác sĩ hỏi han và kiểm tra Servaz một cách kỹ lưỡng. Y tá đưa cho anh một chiếc cốc và ống hút. Nước. Cổ họng anh khô khốc. Anh uống hết sạch và xin thêm. Cửa lại mở ra và Margot xuất hiện. Qua biểu cảm của con bé, anh biết trông mình rất kinh khủng.

“Bố đi đóng phim kinh dị được đấy! Trông bố khủng khiếp lắm!” Con bé cười lớn.

“Em mạn phép đưa cô bé tới,” Espérandieu nói, tay đặt trên nắm cửa. “Hai bố con ở lại nói chuyện nhé.”

Cậu đóng cửa.

“Một trận tuyết lở,” Margot không dám nhìn anh quá lâu. “Ừm, vô cùng đáng sợ.” Con bé ngượng ngập cười với anh, nụ cười tan biến. “Bố có nhận ra là có thể bố sẽ chết không? Mẹ kiếp, bố đừng bao giờ làm như thế nữa, chết tiệt!”

Thứ ngôn ngữ gì thế? Anh thắc mắc một lần nữa, rồi nhận ra con bé đang rơm rớm nước mắt. Chắc là nó đã ghé qua trước khi anh tỉnh lại, và rất buồn lo vì tình trạng của anh. Đột nhiên anh cảm thấy bồn chồn. Anh chỉ vào cạnh giường.

“Ngồi xuống đây,” anh nói.

Anh cầm lấy tay con bé. Lần này, con bé không phản đối. Một khoảng lặng dài, anh đang định mở lời thì một tiếng gõ cửa vang lên. Anh đưa mắt nhìn, thì thấy một phụ nữ trẻ khoảng 30 tuổi đi vào phòng. Anh chắc chắn mình chưa gặp cô ta bao giờ. Cô có vài vết thương trên mặt, ở má phải và lông mày, một vết rách dài trên trán, và đôi mắt cô đỏ ngầu với quầng thâm bên dưới. Phải chăng cô ta cũng gặp trận tuyết lở?

“Sĩ quan chỉ huy Servaz?”

Anh gật đầu.

“Tên tôi là Diane Berg, bác sĩ tâm lý của Viện Wagnier. Chúng ta đã nói chuyện qua điện thoại.”

“Chuyện gì xảy ra với cô vậy?”

“Tôi gặp tai nạn ô tô,” cô mỉm cười, cứ như đang nói gì vui vẻ. “Tôi có thể hỏi anh câu tương tự, nhưng tôi đã biết câu trả lời rồi.” Cô liếc qua Margot. “Tôi nói chuyện với anh một lát được không?”

Servaz nhìn Margot. Con bé nhăn mặt, nhìn từ đầu xuống chân người phụ nữ trẻ, rồi đứng lên và đi ra ngoài. Diane đi tới bên giường. Servaz chỉ vào chiếc ghế trống.

“Anh biết Hirtmann mất tích chưa?” Cô hỏi khi ngồi xuống.

Servaz chăm chăm nhìn cô một lúc. Anh lắc đầu, dù cổ đang bị nẹp chặt. Hirtmann tự do... Mặt anh đột nhiên tối sầm lại. Xét đến cùng, đêm ấy anh và đồng đội đã không thu hoạch được gì nhiều. Lombard có thể là kẻ sát nhân, nhưng y chỉ nguy hiểm với một nhóm những cá nhân độc ác. Động cơ của Hirtmann lại khác. Cơ thịnh nộ vô phương kiểm soát, thiêu đốt như một ngọn lửa đen sẽ cháy mãi trong trái tim hắn, vĩnh viễn tách biệt hắn với những người khác. Tàn nhẫn, khát máu và không mảy may hối lỗi. Servaz cảm thấy râm ran suốt dọc sống lưng. Chuyện gì sẽ xảy ra khi tên sát nhân người Thụy Sĩ lại được tự do lang thang khắp nơi? Ngoài ra, khi không có được phẩm điều trị, hành vi thái nhân cách, những thôi thúc và bản năng sẵn mồi của hắn sẽ sống lại. Ý nghĩ khiến anh đông cứng. Những tên thái nhân cách

ngghiêm trọng như Hirtmann không có dù chỉ một chút nhân tính. Cơn khoái lạc mà chúng đã trải nghiệm khi tra tấn, hãm hiếp và giết người là quá lớn. Nếu có cơ hội, Hirtmann sẽ lại tiếp tục hành động.

“Chuyện gì đã xảy ra?” Anh hỏi.

Diane bèn kể với anh mọi chuyện kể từ khi bị Lisa Ferney bắt quả tang trong văn phòng cô ta cho tới lúc cô bắt đầu đi dọc con đường giá buốt, để lại Hirtmann bất động trong xe. Cô đã phải cuộc bộ gần hai tiếng đồng hồ mới gặp được một người còn sống khác. Và khi đến được ngôi nhà đầu tiên ở lối vào làng, cô gần như đóng băng và bị giảm thân nhiệt. Khi sen đêm tới hiện trường vụ tai nạn, chiếc xe trống không, có dấu chân và máu rớt trên đường, không còn gì khác.

“Ai đó đã cho hẳn đi nhờ xe,” Servaz nói.

“Phải.”

“Chỉ là một chiếc xe đi ngang qua, hoặc... một kẻ đồng lõa.”

Anh quay đầu nhìn ra cửa sổ. Trời bên ngoài tối đen như mực.

“Từ khi nào cô phát hiện ra Lisa Ferney là đồng phạm của Lombard?” Anh hỏi.

“Chuyện rất dài, anh có muốn nghe kể luôn bây giờ không?”

Anh mỉm cười nhìn cô. Anh cảm giác mặc dù là một bác sĩ tâm lý, nhưng cô mới là người cần được giải bày. Cô cần được giải tỏa. Ngay lúc này... Hiện tại là thời điểm tốt, cho cả hai người họ. Anh nhận ra cô cũng đang có cùng cảm giác mơ hồ giống như mình, một cảm giác không chỉ sinh ra từ cái đêm lạ lùng đầy sợ hãi và tàn bạo ấy, mà còn từ những ngày trước đó. Lúc này, dù chỉ có hai người với nhau trong sự im lặng của căn phòng bệnh viện cùng đêm đen ngoài cửa sổ, dù chỉ là những người xa lạ, họ đã trở nên rất gần gũi.

“Tôi có cả đêm,” anh nói.

Cô mỉm cười.

“Được,” cô bắt đầu. “Tôi đến Viện vào cái ngày họ tìm thấy con ngựa chết trên núi. Tôi còn nhớ rất rõ. Hôm ấy trời đổ tuyết, và...”

CHUNG CƯỚC.

“Crimen extinguitur mortalite”

(Cái chết diệt trừ tội ác)

Khi nhận ra, Caesar bèn phát tín hiệu như thỏa thuận cho phòng tuyến thứ tư bao gồm sáu đội quân do ông sắp xếp. Đội quân xông lên với tốc độ kinh khủng. Đội hình tấn công của họ đã tạo ra một cuộc đột kích dũng mãnh tới mức không ai kháng cự nổi.

“Bọn họ kia kìa,” Espérandieu nói.

Servaz ngẩng lên từ cuốn *Cuộc chiến của người Gaul*. Anh cuộn cửa sổ xuống. Ban đầu, anh chỉ nhìn thấy một đám đông vội vã qua lại dưới những ánh đèn Giáng sinh, như thể đang phóng to một bức ảnh. Nhưng sau đó, anh thấy rõ hai dáng hình hiện lên từ đám người. Một cảnh tượng khiến ngực anh nhức nhối. Margot. Con bé không đi một mình. Một người đàn ông đang đi bên cạnh con gái anh. Cao, thanh lịch, mặc đồ đen, ngoài 40 tuổi.

“Là hấn,” Espérandieu nói, tháo đôi tai nghe đang phát *The Rip* của Portishead xuống.

“Cậu chắc không?”

“Chắc.”

Servaz mở cửa.

“Đợi tôi ở đây.”

“Đừng có làm gì ngu ngốc đấy nhé?” Trợ lý của anh nhắc.

Anh không trả lời mà hòa vào đám đông. Phía trước anh 150 mét, Margot và người đàn ông rẽ phải. Servaz vội vàng đi tới góc đường, đề phòng họ nảy ra ý tưởng nào không hay như biến vào một con ngõ nhỏ. Nhưng họ băng qua giao lộ, tiến thẳng về phía quảng trường Capitoles nơi đang tổ chức hội chợ Giáng sinh. Anh đi chậm lại, bước xuống đường dạo menh mông có hàng trăm biệt thự nhỏ. Margot và người yêu của con bé đang ngắm đồ dọc dãy quầy hàng. Anh nhận thấy con gái mình tràn đầy hạnh phúc. Đôi lúc con bé lại đặt tay mình lên tay gã kia và chỉ vào cái gì đó. Người đàn ông cười lớn và cũng chỉ cho con gái anh cái gì. Mặc dù bọn họ không quá lộ liễu, nhưng những cử chỉ ấy thể hiện mỗi thân mật rõ ràng. Servaz cảm thấy cơn ghen tị nhói lên trong lòng. Lần cuối anh thấy Margot vui vẻ thế này là bao giờ? Anh bắt đầu nghĩ có lẽ Espérandieu đã đúng, rằng người đàn ông này

vô hại.

Hai người đi dọc đường dạo, băng qua những quán cà phê dưới mái vòm, rồi ngồi xuống một chiếc bàn ngoài trời. Người đàn ông chỉ gọi đồ cho mình, nên Servaz đoán rằng Margot sẽ không ở lại. Anh trốn đằng sau một căn biệt thự và chờ đợi. Năm phút sau, suy đoán của anh được chứng thực. Con gái anh đứng dậy, hôn nhẹ lên môi người đàn ông và đi mất. Servaz đợi thêm vài phút nữa. Nhân cơ hội đó, anh quan sát người yêu của Margot. Một tên đẹp trai, tự tin, với vàng trán cao và quần áo đắt tiền thể hiện vị thế xã hội. Mặc dù hấn có vẻ còn rất phong độ, nhưng Servaz nghĩ hấn phải hơn anh vài tuổi. Một chiếc nhẫn cưới trên tay trái hấn. Anh cảm thấy nổi tức giận trào lên. Cô con gái 17 tuổi của anh đang hẹn hò với một người đàn ông có gia đình, và lớn tuổi hơn cả bố nó.

Servaz hít sâu, rút ngắn khoảng cách cuối cùng bằng những bước dài quyết đoán, và ngồi xuống chỗ Margot vừa bỏ trống.

“Xin chào,” anh nói.

“Chỗ này có người ngồi rồi,” người đàn ông nói.

“Tôi biết, cô gái trẻ vừa rời đi.”

Người đàn ông ngạc nhiên nhìn anh. Servaz đáp trả ánh mắt hấn, không để lộ ra bất cứ cảm xúc nào. Một nụ cười thích thú thấp sáng khuôn mặt người đàn ông.

“Còn những bàn trống khác nữa. Tôi muốn được ngồi một mình, nếu anh không phiền.”

Hấn nói năng rất lịch sự, và giọng điệu mỉa mai của hấn thể hiện sự tự tin. Không dễ quấy nhiễu người đàn ông này.

“Cô bé ấy chưa đủ tuổi, phải không?” Servaz nói.

Giờ thì nụ cười trên mặt hấn bỗng tan biến. Ánh mắt hấn đanh lại.

“Việc gì đến anh?”

“Anh vẫn chưa trả lời câu hỏi của tôi.”

“Tôi không biết anh là ai, nhưng tốt hơn anh nên xéo khỏi đây.”

“Tôi là bố con bé.”

“Gì?”

“Tôi là bố của Margot.”

“Tay cóm?” Người yêu con gái anh hỏi, vẻ hoài nghi.

Servaz cảm thấy như thể vừa bị con la đá một phát.

“Con bé gọi tôi như thế?”

“Không, là tôi gọi anh như thế,” người đàn ông trả lời. “Margot gọi anh là ‘bố’. Cô ấy rất yêu anh.”

Servaz không để cảm xúc lung lay, “Thế vợ anh nghĩ sao?”

Người đàn ông lập tức lấy lại vẻ lạnh lùng.

“Không phải việc của anh,” hắn vặn lại.

“Và anh đã nói chuyện với Margot chưa?”

Anh thỏa mãn khi thấy hắn lung lay.

“Nghe này, dù anh có là bố cô ấy thì cũng không việc gì đến anh. Và có đấy, tôi đã nói tất cả cho Margot biết. Cô ấy không quan tâm. Giờ thì mời anh đi cho.”

“Nếu tôi không muốn đi thì sao, anh định làm gì? Gọi cảnh sát chắc?”

“Anh không nên chơi chiêu với tôi,” người đàn ông nói bằng giọng trầm thấp nhưng đầy hăm dọa.

“Không nên? Nếu tôi đến gặp vợ anh và bàn bạc với cô ta về việc này thì sao?”

“Tại sao anh lại làm việc này?” Người đàn ông hỏi. Nhưng điều khiến anh ngạc nhiên là hắn có vẻ băn khoăn nhiều hơn là sợ hãi.

Servaz do dự, “Tôi không thích việc cô con gái 17 tuổi của tôi bị một gã ở tuổi anh lợi dụng như một món đồ chơi người lớn.”

“Anh thì biết gì về chúng tôi?”

“Anh có ly hôn vì một đứa con gái 17 tuổi không?”

“Đừng có nực cười.”

“Nực cười? Anh không thấy nực cười khi một gã ở tuổi anh quan hệ với một đứa trẻ sao? Anh nghĩ thế nào? Không phải có gì hết sức mặt

hạng trong chuyện này sao?”

“Thẩm vấn thế là đủ rồi đấy,” người đàn ông nói. “Thôi đi. Đừng đóng vai cảnh sát nữa.”

“Anh nói gì?”

“Anh nghe thấy rồi đấy.”

“Con bé là trẻ vị thành niên, tôi có thể bắt giữ anh.”

“Nhảm nhí! Tuổi quan hệ có sự đồng thuận ở đất nước này là 15 tuổi. Cứ tiếp tục thế này là anh sẽ gặp rắc rối không nhỏ đấy.”

“Ồ, vậy sao?” Servaz mĩa mai.

“Tôi là luật sư,” người đàn ông nói.

Chết tiệt, Servaz nghĩ. Đúng là tất cả những gì tôi cần.

“Vậy đây,” Hãn khẳng định. “Tôi là thành viên của tòa án Toulouse. Margot sợ anh sẽ phát hiện ra... chuyện tình của chúng tôi. Cô ấy vô cùng kính trọng anh, nhưng hiển nhiên, ở một số vấn đề nhất định, cô ấy thấy anh hơi... cổ hủ.”

Servaz im lặng, mắt vẫn nhìn thẳng.

“Bên dưới bề ngoài nổi loạn, Margot là một cô gái tuyệt vời, thông minh và độc lập. Và cũng trưởng thành hơn rất nhiều so với đánh giá của anh về cô ấy. Dù vậy thì anh nói đúng, tôi không có ý định từ bỏ gia đình mình vì Margot. Và cô ấy biết rõ điều đó. Ngoài ra, về phần mình, thỉnh thoảng cô ấy cũng kết giao với những cậu bé cùng tuổi.”

Servaz những muốn bảo hãn câm miệng lại.

“Chuyện này kéo dài được bao lâu rồi?” Anh hỏi, bằng một giọng nghe lạ lẫm với chính anh.

“Mười tháng. Chúng tôi gặp nhau khi xếp hàng ở rạp chiếu phim. Cô ấy là người chủ động trước, nếu anh muốn biết.”

Vậy là bắt đầu từ khi con bé 16 tuổi... Tim Servaz đập dòn đập. Anh có cảm giác giọng nói của hãn bị nhấn chìm bởi tiếng vo ve của hàng ngàn con ong.

“Tôi hiểu mối lo ngại của anh,” viên luật sư nói. “Nhưng nó hoàn toàn vô căn cứ, Margot là một cô gái khỏe mạnh, có chừng mực, cô ấy

yêu bản thân, và có thể tự đưa ra quyết định cho riêng mình.”

“Yêu bản thân? Anh không thấy con bé dạo này buồn thế nào sao? Có phải là vì anh không?”

Người đàn ông có vẻ ngượng, nhưng hấn thẳng thắn đáp trả ánh mắt Servaz.

“Không. Là vì anh. Cô ấy thấy anh lạc lõng, cô đơn và quẫn trí. Cô ấy biết nỗi cô đơn đang kéo anh xuống, biết anh muốn con gái dành nhiều thời gian cho mình hơn, biết công việc đang nuốt chửng anh, và anh nhớ Alexandra. Tất cả khiến cô ấy đau lòng. Tôi xin nhắc lại lần nữa: Margot hết sức quan tâm đến anh.”

Im lặng kéo dài trong chốc lát. Rồi Servaz nói tiếp, giọng lạnh lùng.

“Bào chữa thông minh, anh bạn ạ,” anh nói. “Nhưng anh nên để dành mấy lời rỗng tuếch cho phòng xử án. Anh đang lãng phí thời gian với tôi đấy.”

Qua khóe mắt, anh thỏa mãn nhìn người đàn ông đã méch lòng trước sự thẳng thắn, không khoan nhượng của anh.

“Giờ thì nghe kĩ đây. Anh là một luật sư, anh có danh tiếng của mình, và không có danh tiếng, anh sẽ chết, ở phương diện sự nghiệp. Dù cho con gái tôi đã đến tuổi quan hệ hợp pháp hay chưa thì cũng chẳng thay đổi được gì. Nếu ngày mai tin đồn anh có quan hệ với một đứa trẻ truyền ra ngoài, tất cả sẽ chấm hết với anh. Khách hàng sẽ lần lượt bỏ anh mà đi. Và hiện tại vợ anh có thể nhắm mắt làm ngơ trước hành vi của anh, nhưng còn lâu cô ta mới chịu đựng khi tiền bạc ngừng chảy vào túi anh, tin tôi đi. Thế nên, anh sẽ nói với Margot rằng mọi chuyện giữa hai người chấm dứt tại đây. Anh sẽ hành động một cách khôn khéo nhất có thể. Anh có thể nói với con bé những gì anh muốn. Dù sao phỉnh phờ cũng là sở trường của anh. Nhưng tôi không muốn nghe tới anh một lần nào nữa. Và nhân tiện, tôi đã ghi âm lại cuộc nói chuyện này, ngoại trừ đoạn cuối. Để đề phòng thôi. Chúc một ngày tốt lành.”

Anh đứng lên và đi mất, không thèm ngoảnh lại xem những lời của mình có tác động ra sao. Vì anh đã biết rồi.

Anh nghĩ tới nỗi đau khổ của Margot, bỗng thấy căn rút lương tâm.

Vào hôm Giáng sinh, Servaz dậy sớm. Anh lặng lẽ đi xuống cầu thang, cảm thấy mình tràn đầy năng lượng. Anh và Margot thức khuya nói chuyện đến tảng sáng, sau khi mọi người đều đã đi ngủ. Bố và con gái trong căn phòng khách không phải nhà họ, ngồi ở cuối chiếc xô pha cạnh cây thông Giáng sinh trang hoàng lộng lẫy.

Dưới chân cầu thang, anh liếc nhìn chiếc nhiệt kế. 1° ngoài trời và 15° trong nhà. Chủ nhà đã tắt hệ thống sưởi về đêm nên dù ở trong nhà, không khí vẫn rất lạnh lẽo.

Servaz đứng vài giây, lắng nghe ngôi nhà trong tĩnh lặng. Anh có thể tưởng tượng ra họ đang nằm dưới lớp chăn lông vũ, Vincent và Charlène, Megan, Margot. Rất lâu rồi anh mới không ở nhà mình vào một buổi sáng Giáng sinh. Một cảm giác xa lạ, nhưng không hề khó chịu. Trái lại. Ngủ dưới cùng một mái nhà là người bạn thân thiết nhất đồng thời cũng là trợ lý của anh, một người phụ nữ khiến anh dâng trào một niềm khát khao mãnh liệt, và con gái của anh.

Kì quái? Thứ kì quái nhất là anh chấp nhận mọi thứ ở đúng vị trí của nó. Khi anh nói với Espérandieu rằng anh sẽ đón đêm Giáng sinh cùng con gái, Espérandieu đã ngay lập tức mời bọn họ tới nhà. Servaz định từ chối nhưng lại ngạc nhiên thấy mình đồng ý.

“Nhưng con còn không biết họ!” Margot phản đối trong xe. “Bố đã bảo con là chỉ có hai bố con mình, chứ không phải dành cả buổi tối với một đám cảnh sát!”

Nhưng Margot lại rất hợp với Charlène, Megan và hơn hết là Vincent. Có một lúc, con bé đã khá say, tay lắc lắc chai rượu, con bé la lên, “Con chưa bao giờ nghĩ một tay cớm có thể tuyệt đến vậy!” Đây là lần đầu tiên Servaz thấy con gái mình say rượu. Vincent cũng gần say như con bé, cậu ngồi cười rữ rượi trên thảm dưới chân ghế. Về phần Servaz, ban đầu anh thấy hơi ngỡ ngàng ngập trước sự có mặt của Charlène, và kì lạ không nhớ lại hành động của cô tại phòng tranh. Nhưng với tác dụng của rượu và bầu không khí tươi vui, rốt cuộc anh

cũng có thể thả lỏng.

Anh đang đi chân trần vào bếp thì ngón chân đập vào một vật và nó bắt đầu nháy lên, tạo ra âm thanh the thé. Một con robot Nhật Bản, hoặc Trung Quốc. Anh thắc mắc không biết các sản phẩm của Trung Quốc giờ có nhiều hơn của Pháp trên thị trường nước mình hay không. Nhưng rồi một hình thù màu đen lao ra khỏi phòng khách và xông vào chân anh. Servaz cúi xuống, phấn khích xoa mình chú chó. Nó chính là con chó lai mà Espérandieu đã đâm phải trên đường từ quán bar về. Cậu đã dựng bác sĩ thú y dậy vào 3 giờ sáng và con chó được cứu sống. Hóa ra nó lại là một chú chó rất hiền lành và tình cảm nên Espérandieu quyết định nhận nuôi nó. Để tưởng nhớ cái đêm lạnh cóng kinh khủng, cậu đặt tên nó là Bóng Tối.

“Ê, anh bạn,” Servaz nói. “Giáng sinh an lành. Ai biết được mà sẽ ở đâu nếu mà không nảy ra sáng ý chạy qua đường nhỉ?”

Bóng Tối trả lời bằng mấy tiếng ăng ẳng tán thành, cái đuôi đen của nó đập vào chân Servaz khi anh đứng ở cửa bếp. Trái lại với những gì anh nghĩ, anh không phải người thức dậy đầu tiên. Charlene Espérandieu đã dậy từ lâu. Cô đã bật ấm đun nước và máy pha cà phê và đang thả vài miếng bánh mì vào máy nướng bánh. Cô quay lưng về phía anh, còn anh nhìn cô trong giây lát. Mái tóc đỏ của cô buông xõa xuống chiếc váy dài. Anh định rút lui thì cô quay về phía anh, một tay đặt trên cái bụng tròn.

“Chào buổi sáng, Martin.”

Qua cửa sổ, anh nhìn thấy một chiếc ô tô đi rất chậm trên đường. Đèn Giáng sinh nhấp nháy quanh viền mái. Hẳn đã như vậy cả đêm qua. Một đêm Giáng sinh thực sự. Anh tiến về phía trước và giẫm phải một món đồ chơi mềm, nó ré lên một tiếng dưới chân anh. Charlene cười lớn và cúi xuống nhặt nó lên. Cô đứng thẳng dậy, vươn tay tới Servaz, đặt một tay lên cổ anh, kéo anh gần lại và hôn lên môi anh. Servaz lập tức cảm thấy máu dồn lên má. Nếu ai đi vào thì sao? Đồng thời, anh cũng cảm thấy niềm khao khát của mình, bắt cháp cái bụng tròn giữa họ. Đây không phải là lần đầu anh hôn một người phụ nữ mang thai, nhưng đây là lần đầu tiên anh hôn một người phụ nữ không

mang cái thai của anh.

“Charlène, tôi...”

“Suyttt. Đừng nói gì cả. Anh ngủ có ngon không?”

“Rất ngon. Vui lòng cho tôi... tôi có thể xin một cốc cà phê được không?”

Cô âu yếm vuốt ve má anh và đi tới chỗ máy pha cà phê.

“Charlène...”

“Đừng nói gì cả, Martin. Không phải lúc này. Chúng ta sẽ nói chuyện sau. Đang là Giáng sinh.”

Anh cầm lấy cốc cà phê, uống cạn lúc nào không hay. Đầu óc anh trống rỗng. Miệng anh chai cứng. Anh bỗng dưng thấy hối tiếc vì đã không đánh răng trước khi đi xuống. Khi anh quay đầu lại, cô đã biến mất. Servaz dựa người vào kệ bếp, cảm tưởng như những con mối đang gặm nhấm da dày mình. Anh có thể cảm thấy trong xương và cơ sự đau đớn từ cuộc viễn chinh lên núi. Đây là Giáng sinh lạ lùng nhất mà anh từng biết. Và cũng đáng sợ nhất. Anh không thể quên nỗi việc Hirtmann đang ở bên ngoài. Hắn đã rời khỏi vùng này chưa? Đã cách xa vạn dặm hay vẫn còn lảng vảng đâu quanh đây? Servaz không thể ngừng nghĩ về hắn. Và cả Lombard. Cuối cùng người ta đã tìm thấy xác của y. Đóng băng. Servaz rùng mình mỗi khi nghĩ về chuyện đó. Thật là một cái chết kinh khủng... suýt nữa anh cũng chết giống như vậy.

Quãng thời gian lạnh lẽo và đẫm máu của cuộc điều tra giờ đây thật hư ảo. Và chưa gì, nó đã có vẻ xa vời. Servaz biết, có những sự việc chắc sẽ chẳng bao giờ giải thích nổi. Như hai chữ cái “CS” trên những chiếc nhãn. Chúng viết tắt của từ gì? Loạt tội ác của bộ tứ kia bắt đầu từ khi nào và cụ thể là trong trường hợp nào? Ai là người khởi xướng, ai là kẻ đầu sỏ? Câu trả lời sẽ vĩnh viễn bị chôn vùi. Chaperon đã nhốt mình trong im lặng, ông ta đang ngồi tù đợi xét xử, nhưng không hề hé răng nửa lời. Servaz nghĩ tới một chuyện khác. Chỉ vài ngày nữa là anh tròn 40 tuổi. Anh sinh ngày 31 tháng Mười hai. Và theo lời mẹ anh thì đúng nửa đêm, khi bà nghe thấy tiếng nút rượu champagne nổ ở căn phòng bên cạnh cũng là lúc anh bật ra tiếng khóc chào đời.

Ý nghĩ giáng xuống anh như một cái tát vào mặt. Anh đã sắp 40 tuổi... anh đã làm được gì cho cuộc đời mình?

“Về cơ bản, cậu mới là người có khám phá quan trọng nhất trong cả cuộc điều tra,” kleim162 đọc đoán khẳng định sau hôm Giáng sinh. “Chứ không phải sếp của cậu. Tên anh ta là gì ấy nhỉ?”

Kleim162 xuống vùng Tây Nam để nghỉ lễ. Anh ta đến La Ville Rose*, thành phố màu hồng vào đêm hôm trước trên chuyến tàu cao tốc TGV tuyến Paris-Bordeaux-Toulouse.

“Servaz.”

“Dù sao thì quý ông tôi-trích-dẫn-tục-ngữ-La tinh-nghe-cho-thông-thái của cậu, anh ta có thể là vua điều tra, nhưng điều đó không che lấp được sự thật rằng cậu đã qua mặt anh ta.”

“Đừng phóng đại. Tôi may mắn thôi. Martin cũng rất xuất sắc.”

“Thánh sống của cậu, khuynh hướng tình dục của anh ta thế nào?”

“Thẳng, 150%.”

“Đáng tiếc.”

Kleim162 tung chân ra khỏi chần và ngồi bên mép giường. Anh ta đang khóa thân. Vincent Espérandieu tranh thủ chiêm ngưỡng tấm lưng rộng, săn chắc của anh ta trong khi hút thuốc, một tay lên sau gáy, lưng ngả ra gối. Lớp mồ hôi mỏng anh ánh trên ngực cậu. Khi kleim162 đứng dậy và bước vào phòng tắm, viên cảnh sát cầm lòng không đậu, dõi theo sẫm soi cặp lông của tay nhà báo.

Bên ngoài cửa sổ, rớt cuộc tuyết cũng rơi, vào ngày 26 tháng Mười hai.

“Không phải cậu yêu anh ta đấy chứ,” kleim162 nói qua cánh cửa đang mở của phòng tắm.

“Vợ tôi cơ.”

Mái tóc vàng ngó ra qua cửa phòng tắm.

“Ý cậu là gì? Bọn họ ngủ với nhau à?”

“Vẫn chưa,” Vincent nói, thổi một làn khói lên trần nhà.

“Nhưng anh tưởng cô ấy đang mang thai? Còn anh ta là cha đỡ đầu tương lai?”

“Chính xác.”

Kleim162 quan sát cậu với vẻ mặt sững sờ, “Và cậu không ghen?”

Espérandieu lại cười, mắt ngược lên trần nhà. Tay nhà báo trẻ lắc đầu như thể rất sốc rồi biến mất trong nhà tắm. Espérandieu đeo lại tai nghe. Giọng hát khàn khàn tuyệt diệu của Mark Lanegan đáp lại lời thầm thì mờ ảo của Isobel Campbell trong *The False Husband*. Chờ hờ.

Một sáng tháng Tư đẹp trời, Servaz đến nhà vợ cũ đón con gái. Anh mỉm cười khi thấy con bé đeo ba lô và kính đen ra khỏi nhà.

“Sẵn sàng?” Anh hỏi khi con bé ngồi xuống bên cạnh.

Họ đi lên xa lộ hướng về dãy Pyrenees, rồi tới lối ra Montréjeau/Saint-Martin-de-Comminges (nguyên nhân khiến Servaz cau mày và da đầu anh ngứa ngứa). Họ lái thẳng hướng Nam, tiến về phía những ngọn núi. Thời tiết đẹp vô cùng. Trời xanh, những đỉnh núi trắng xóa. Qua khung cửa sổ mở, luồng khí trong lành tràn vào xe. Margot bật thể loại nhạc yêu thích to hết cỡ trong tai nghe, và con bé đang hát theo, nhưng ngay cả việc ấy cũng không làm hỏng tâm trạng vui vẻ của Servaz.

Ý tưởng về chuyến đi chơi này đến với anh từ một tuần trước, khi Ziegler gọi điện hỏi thăm, sau mấy tháng bặt tin. Họ đi qua một ngôi làng đẹp như tranh vẽ, núi non càng lúc càng gần, rồi họ vượt qua và không còn nhìn thấy ngôi làng đâu nữa. Con đường bắt đầu dốc lên. Qua mỗi khúc quanh, họ lại gặp một cảnh tượng hùng vĩ trời lên từ những thảo nguyên xanh mướt. Thôn xóm khuất nẻo ở cuối các thung lũng, những con suối lấp lánh dưới ánh mặt trời, từng lớp sương mù tràn ngập ánh sáng phủ lên hàng đàn gia súc. Cảnh tượng không còn giống khi trước một chút nào. Họ đến một bãi đỗ xe nhỏ. Mặt trời buổi sớm vẫn chưa chiếu tới. Họ không phải những người đầu tiên đến đây. Một chiếc xe máy đang đỗ ở cuối bãi. Có hai người đang ngồi trên máy tăng đá đợi bọn họ. Họ đứng lên.

“Chào buổi sáng, Martin,” Ziegler nói.

“Chào buổi sáng, Irène. Irène, giới thiệu với cô con gái tôi, Margot. Margot, đây là Irène.”

Irène bắt tay Margot và quay sang giới thiệu người phụ nữ tóc đen xinh đẹp đi cùng cô. Zuzka Smatanova bắt tay rất mạnh mẽ, với mái tóc đen tuyền và một nụ cười chói lóa. Họ chỉ trao đổi vài lời trước khi lên đường, như thể đã gặp nhau vài ngày trước. Ziegler và Martin đi phía trước, Zuzka và Margot thảo nhiên để họ dẫn bước. Servaz có thể nghe thấy tiếng cười của hai người đằng sau. Trèo được một lát trên con đường dài, anh và Irène bắt đầu nói chuyện. Sỏi đá trên đường mòn kêu lạo xạo dưới đế giày của họ và tiếng thəm thì của nước dâng lên từ con suối bên dưới. Mặt trời ấm áp đã chiếu lên chân và khuôn mặt họ.

“Tôi vẫn tiếp tục tìm kiếm,” cô bỗng dưng nói, khi họ vừa đi qua một cây cầu nhỏ làm bằng lãnh sam.

“Tìm kiếm cái gì?”

“Thông tin về bộ tứ.”

Servaz thận trọng nhìn cô. Anh không muốn làm hỏng ngày đẹp trời này bằng cách khơi lên những chuyện không hay đã cũ.

“Và?”

“Tôi phát hiện ra năm 15 tuổi, Chaperon, Perrault, Grimm và Mourrenx được bố mẹ gửi đến một trại hè. Bên biển. Anh biết khu trại gọi là gì không?”

“Nói đi.”

“Colonie des Sternes.”

“Thì sao?”

“Anh còn nhớ chữ cái trên chiếc nhẫn không?”

“Có.”

“Anh có nghĩ rằng... có lẽ đó là nơi mọi chuyện bắt đầu...?”

“Có khả năng.”

Ánh sáng buổi sớm xuyên qua tầng lá của một lùm cây dương đang xào xạc trong ngọn gió nhè nhẹ.

“Mười lăm tuổi. Tuổi ta tìm thấy chính mình. Tuổi bắt đầu những tình bạn trọn đời. Cũng là tuổi thức tỉnh nhu cầu tình dục,” Servaz nói.

“Và là tuổi của những tội ác đầu tiên,” Ziegler bổ sung.

“Phải, có thể.”

“Hoặc có thể là thứ khác,” Ziegler nói.

“Hoặc có thể là thứ khác.”

“Chuyện gì thế?” Margot tò mò hỏi và đi tới chỗ họ. “Sao lại dừng lại?”

Zuzka nhìn họ bằng ánh mắt sắc lẹm.

“Dừng lại,” cô nói. “Chết tiệt, dừng lại một chút đã!”

Servaz nhìn khắp xung quanh anh. Quả là một ngày tuyệt vời. Anh chợt nghĩ tới bố mình. Anh mỉm cười.

“Phải, đã tới lúc dừng lại,” anh nói, và bắt đầu bước tiếp.



Lời tác giả

Một số thông tin và sự kiện trong cuốn sách này có vẻ là sản phẩm của trí tưởng tượng quá đà, tuy nhiên hoàn toàn không phải như vậy. Nhà máy thủy điện trong lòng núi ở độ cao 2.000 mét thực sự tồn tại, tôi chỉ di chuyển nó đi vài chục kilomet. Tương tự như vậy, một số phương pháp trị liệu của tâm thần học được mô tả ở đây như liệu pháp gây ghét sợ hay phương pháp đo thể tích dương vật, không may lại đang được sử dụng ở các bệnh viện ở châu Âu hay những nơi khác trên thế giới. Sốc điện cũng vậy, mặc dù chắc chắn nó đã thay đổi kể từ thời kì người ta nghe nhạc Lou Reed và *Kill Your Sons*, phương pháp trị liệu này vẫn còn xuất hiện rất nhiều trên các bản tin của nước Pháp ở thế kỉ 21.

Về phần những bài hát Espérandieu nghe, các bạn vẫn có thể tải về.

Lời cảm ơn

Để nói lời cảm ơn, ‘nghĩ can’ số một phải là Jean-Pierre Schamber. Một thủ phạm lý tưởng kết hợp giữa khiếu thưởng thức không chê vào đâu được, niềm đam mê với tiểu thuyết trinh thám và những hình thức văn học khác, cùng kiến thức về âm nhạc mà tôi hết sức thiếu thốn. Anh ấy là người mà từ những trang đầu tiên đã giúp tôi hiểu rằng, dừng lại ở đây là không thích đáng. Cảm ơn, bạn của tôi.

Những nghĩ can khác, bất kể mức độ phạm tội, đều có một phần trách nhiệm đối với vụ án. Vợ tôi, người biết chung sống với một nhà văn là như thế nào, cũng là người đã giúp cuộc đời tôi thêm vô vàn suôn sẻ. Con gái tôi, một nhà du hành khắp thế giới mà hành tinh này chỉ là một sân chơi quá nhỏ, tôi phải cần tới ba kiếp người mới bắt kịp con bé. Con trai tôi, người có vốn hiểu biết vượt xa tôi về những công nghệ mới nhất, và tôi hy vọng nó sẽ đặt chúng sang một bên đủ lâu để đọc cuốn sách này.

Dominique Matos Ventura chắc chắn cũng là một manh mối. Không có những lời động viên và tài năng của ông, cùng tình bạn giữa chúng tôi, cuốn sách này sẽ không bao giờ ra đời. Hơn nữa, những bài hát của ông chính là nhạc nền cho tôi viết cuốn sách này.

Greg Robert có thể không có tội, nhưng cậu ấy hiển nhiên rất đáng nghi. Một người soát lỗi kiên nhẫn, không biết mệt. Lầm lỗi duy nhất là niềm yêu thích với truyện hư cấu. Greg không chỉ là cháu tôi mà còn là một người bạn.

Sau đây là những tông phạm đã được xác định: Nhà xuất bản XO, bắt đầu bằng chính Bernard Fixot, vì đã kiến tạo nên những ông vua của nghệ thuật câu chữ, Édith Leblond vì kĩ năng và sự hỗ trợ của cô, Jean-Paul Campos vì đã nói rằng anh ấy là người hâm mộ số một của tôi, Valérie Taillefer vì bí quyết và kĩ năng truyền thông của cô, Florence Pariente, Gwenaëlle Le Goff và cuối cùng nhưng đương nhiên không kém phần quan trọng, là Caroline Lépée, người đã thành công trong

việc biến phế liệu thành vàng.

Cảm ơn Gaelle vì những bức ảnh, Patrick vì khiếu hài hước đặc biệt, Claudine và Philippe vì đã tra dầu cho những chiếc bánh xe, chị gái tôi và Jo vì đã luôn ở bên, và toàn bộ các thành viên của nhóm K: Loic vì Brittany của anh ấy, Christian vì hầm rượu và các dụng cụ, Didier vì đã làm một người bạn lý tưởng, Dominique, Ghislaine, Patricia vì những tiếng cười của họ.

Sau tất cả, trái với hình dung ban đầu của tôi, viết lách hóa ra không phải một hoạt động đơn độc đến thế.

Chú thích

người da đỏ bao vây: Lấy ý từ phim *Chuyến xe bão táp* (Stagecoach) kể về một cuộc hành trình của tám người trên chiếc xe khách ngựa kéo từ khu vực Arizona tới Lordsburg, New Mexico. Chuyến đi vô cùng sóng gió vì người da đỏ liên tục tấn công họ trên đường đi. Thời gian này đang diễn ra cuộc chiến giữa người da đỏ bản địa và người da trắng tìm đến lục địa mới.

sen đầm: Có hai lực lượng cảnh sát ở Pháp là cảnh sát và sen đầm, phân biệt theo địa bàn hoạt động. Cảnh sát phụ trách Paris và các thành phố lớn, sen đầm phụ trách khu vực nông thôn và các thành phố nhỏ.

Dãy Pyrenees: Dãy núi nằm giữa Pháp và Tây Ban Nha.

khổng lồ một mắt: Trong *Thần thoại Hy Lạp*, Cyclop là những người khổng lồ một mắt giữa trán, tính cách hung bạo.

Polyphemus: tên khổng lồ một mắt được nhắc tới trong trường ca *Odyssey*, chuyên ăn thịt người, sống trong hang đá trên đảo cùng những tên khổng lồ một mắt khác.

thái nhân cách: theo tâm thần học là một trạng thái thiếu hụt khả năng đồng cảm hoặc lương tâm. Những người thái nhân cách thường có tính ngạo mạn, khoa trương, nông cạn, thích kiểm soát, đặc biệt dễ gây tội ác và hoàn toàn không cảm thấy ăn năn hay hối lỗi.

Scherzo: Khúc nhạc mạnh mẽ, sinh động trong một tác phẩm lớn.

Clément: nghĩa là khoan dung, nhân từ.

Juvenal: Nhà thơ trào phúng La Mã, sống ở cuối thế kỷ thứ nhất và đầu thế kỷ thứ hai sau công nguyên.

Thebes: Một thành phố cổ đại ở Boeotia, đóng vai trò quan trọng trong thần thoại Hy Lạp, tương truyền có bảy cánh cổng.

spaghetti alla puttanesca: Món mì Ý ăn cùng sốt cà chua, dầu ô liu, cá, quả ô liu đen, nụ bạch hoa và tỏi.

Ngựa Thuần Chủng: tên một giống ngựa lai phối từ ngựa đực Ả Rập và ngựa cái của Anh từ thế kỷ 17 và 18 chủ yếu phục vụ cho việc đua ngựa, khác với ngựa thuần chủng đơn thuần. Giống ngựa này được coi là ngựa 'máu nóng', nổi tiếng với sự lanh lợi, tốc độ và khí thế.

tuyết hạt: Một dạng tuyết có hạt, do đã bị tan chảy một phần, rồi đông lại và nén chặt vào nhau, nhưng không rắn bằng băng đá. Đây là loại tuyết gắn liền với sự hình thành sông băng.

Chết ở Venice Tiểu thuyết của nhà văn Đức Thomas Mann.

phân tích huyền tưởng: Phân tích các hình ảnh hoang tưởng, ảo giác của bệnh nhân.

phương pháp ghi thể tích: Phương pháp ghi lại sự thay đổi thể tích của các cơ quan, bộ phận, hoặc toàn bộ cơ thể khi chịu tác động hoặc kích thích nhất định (do sự thay đổi tuần hoàn máu).

Clockwork Orange: Tiểu thuyết của nhà văn Anthony Burgess xuất bản năm 1962, kể về thế giới giả tưởng đầy xấu xa tội lỗi nơi những người trẻ có thói quen sử dụng bạo lực và ngôn ngữ đồi trụy, lệch lạc.

phân tâm học: Tập hợp những lý thuyết và phương pháp tâm lý học có mục đích tìm hiểu những mối quan hệ vô thức của con người qua tiến trình liên tưởng, do bác sĩ người Áo, Sigmund Freud sáng lập.

Keith Allen Haring: họa sĩ, nghệ sĩ, nhà hoạt động xã hội người Mỹ, đấu tranh mạnh mẽ cho người đồng tính luyến ái, phản đối chiến tranh hạt nhân và chống phân biệt chủng tộc. Chết vì AIDS. Nhân vật điển hình trong tác phẩm của ông là những hình người đơn giản không có mặt

mũi.

Big Brother Awards: danh hiệu dành cho chính phủ và các tổ chức trong khối tư nhân có 'đóng góp' to lớn nhất trong việc đe dọa đến quyền riêng tư cá nhân. Giải thưởng này được đặt tên theo nhân vật Big Brother (Anh Cả) trong tiểu thuyết 1984 của George Orwell.

Who's Who: tên thường đặt cho những ấn phẩm tổng hợp thông tin và tiểu sử của một nhóm cá nhân nào đó.

freeride: Môn thể thao đi xe đạp trên mọi địa hình.

base jump Môn thể thao mạo hiểm tương tự như nhảy dù nhưng thay vì nhảy từ máy bay thì người chơi nhảy từ nóc các cao ốc, cầu và vách đá.

kitesury Hay còn gọi là lướt ván điều, môn thể thao người chơi lợi dụng sức gió của dù để lướt sóng trên biển.

Binh đoàn Lê dương Pháp: Đội quân được tổ chức chặt chẽ, có chuyên môn cao, và tuyển mộ qua Internet cả những người đến từ các quốc gia ngoài Pháp.

Mossad: Cơ quan tình báo của Israel, tên đầy đủ là Mossad le Modi'inule Taikidim Meyuhadim (tạm dịch là Viện Tình báo và các Chiến dịch đặc biệt).

trận Stalingrad: Trận đánh quyết định trong chiến tranh Xô-Đức.

Friedrich Wilhelm Nietzsche (1844-1900): nhà triết học người Đức biện luận rằng các giáo lý đạo Cơ Đốc nhấn mạnh vào thế giới bên kia khiến những con chiên không còn cố gắng trong cuộc sống hiện tại, và những nhà lãnh đạo lý tưởng phải là người dẫn dắt và truyền hứng khởi cho người khác chứ không phải cấm cản họ.

Borg: chủng tộc người ngoài hành tinh xấu xa được giới thiệu trong bộ

phim truyền hình *Star Trek - The Next Generation*.

Kali: Trong Hindu giáo (Ấn Độ), Kali là nữ thần mang tới sự sống, cái chết và sự hồi sinh. Bà là vợ của thần Shiva tối cao và được coi là một trong những vị thần hiếu chiến nhất trong thần thoại.

Bác sĩ Jekyll và ông Hyde: tiểu thuyết ra đời năm 1886 của Robert Louis Stevenson. Câu chuyện phác họa hai nhân cách trong một con người là Jekyll và Hyde, đồng thời đưa ra những khái niệm đầu tiên về hội chứng rối loạn nhân dạng phân ly hay còn gọi là đa nhân cách.

trượt tuyết ngoại biên: Trượt tuyết ở bên ngoài đường trượt được chuẩn bị sẵn (những chỗ tuyết đã được nén xuống từ trước).

Methadone: thuốc giảm đau, tương tự như morphine.

Art Déco: Trường phái nghệ thuật và trang trí được bắt đầu tại thành phố Paris vào thập niên 1920 và phát triển ra toàn thế giới trong thập niên 1930. Đặc điểm nhận dạng của trường phái này là hình dáng hình học và góc cạnh, sử dụng chất liệu bóng và các đường thẳng trong trang trí.

Eau de Cologne: Loại bình dân nhất trong phân loại nước hoa, có lượng tinh dầu ít nhất.

4x4: Còn gọi là xe hai cầu, bốn bánh chủ động, thích hợp cho các dạng địa hình phức tạp, hiểm trở.

Atlas: Vị thần khổng lồ trong thần thoại Hy Lạp, người nâng đỡ cả bầu trời.

Johanna Spyri: Nhà văn nữ người Thụy Sĩ nổi tiếng với các tác phẩm truyện dành cho trẻ em.

Charles Pierre Baudelaire: một trong những nhà thơ có ảnh hưởng lớn nhất ở Pháp vào thế kỷ XIX.

Sistina: Nhà nguyện nổi tiếng với kiến trúc và trang trí của trần nhà đã được vẽ trên tường bởi các họa sĩ vĩ đại nhất thời Phục hưng, gồm Michelangelo, Raphael, Bernini, và Sandro Botticelli.

ảnh Polaroid: Loại ảnh được in từ máy chụp lấy ngay.

nhạc New Age: Nhạc mang âm hưởng chậm rãi, thường được sử dụng để tạo cảm hứng nghệ thuật, hoặc thư giãn.

Percy Bysshe Shelly: Nhà thơ, nhà triết học nổi tiếng người Anh.

Confiant: tiếng Pháp có nghĩa là tin tưởng.

Franklin D. Roosevelt (1882-1945): tổng thống Hoa Kỳ đời thứ 32, được biết đến như một huyền thoại trong lịch sử nước này.

Winston Churchill (1874-1965): thủ tướng Anh trong Chiến tranh thế giới thứ hai, một vị anh hùng dân tộc và danh nhân lịch sử thế giới.

Adolf Hitler (1889-1945): trùm phát xít Đức phát động Chiến tranh thế giới thứ hai.

thùng động: Đường kính 10-11 mm, thường dùng trong leo núi, có độ đàn hồi tốt, giúp giảm va đập khi rơi.

đầu đọc vi phim: Sử dụng để lưu trữ một khối lượng tài liệu khổng lồ những tấm ảnh nhỏ xíu, những trang sách hoặc tài liệu khác... trên một tấm phim có diện tích rất nhỏ.

Sự sụp đổ của dòng họ Usher: truyện ngắn của Edgar Allan Poe.

cột của các ẩn sĩ: Rất nhiều ẩn sĩ theo đạo Thiên chúa giáo chọn giảng đạo, ăn chay, và cầu nguyện trên đỉnh các cây cột. Đối với họ, hình thức hành xác này đem lại sự thanh tịnh cho tâm hồn.

Hướng dẫn Seveso: Hướng dẫn của Liên minh châu Âu về phòng ngừa các nguy cơ tai nạn nghiêm trọng do các hóa chất nguy hiểm gây ra.

thảm họa AZF ở Toulouse: Vụ nổ Nhà máy phân bón hóa học AZF tại thành phố Toulouse khiến 31 người thiệt mạng và hơn 20.000 người bị thương. Đây được coi là thảm họa lớn nhất trong lịch sử công nghiệp của nước này kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Pop art: nghệ thuật đại chúng, một trào lưu nghệ thuật bắt đầu xuất hiện từ thập niên 1950, phản ánh hiện thực vật chất trong cuộc sống hằng ngày của đại chúng.

Roy Lichtenstein: một trong những họa sĩ tiên phong của trào lưu pop art tại Mỹ vào những năm 1960. Các tác phẩm của ông chủ yếu ảnh hưởng và lấy cảm hứng từ truyện tranh.

Aethiopica: Tiểu thuyết lãng mạn của Hy Lạp cổ đại.

Tinkerer và Green Goblin: Hai nhân vật phản diện trong truyện tranh của Marvel.

Lucius Annaeus Seneca: tức Seneca con, là nhà triết học lỗi lạc thuộc trường phái Khắc kỷ thời La Mã cổ đại, ngoài ra ông còn là chính khách, biên kịch và nghệ sĩ hài.

Marcus Aurelius: hoàng đế La Mã trị vì từ năm 161 đến 180, là một trong năm Ngũ hiền đế thời kì La Mã. Ông được coi là một trong những nhà hiền triết kiệt xuất theo trường phái Khắc kỷ.

Thiên đường trốn thuế: một thuật ngữ kinh tế, chính trị chỉ các quốc gia và vùng lãnh thổ có chính sách bí mật để khuyến khích cá nhân hoặc doanh nghiệp nước ngoài đưa tiền mặt đến. Những nơi này thường có luật thuế nhẹ nhàng, ưu đãi và đội ngũ luật sư, kế toán chuyên nghiệp giúp những người nước ngoài giàu có che giấu tài sản. Những thiên đường trốn thuế nổi tiếng thế giới có thể kể đến là Thụy Sĩ, Luxembourg, quần đảo Cayman...

Phỏng chiếu, chuyển dịch: Hai cơ chế tâm lý học do Sigmund Freud đề

ra. Phỏng chiếu là hành động vô thức gắn một cảm xúc tiêu cực hoặc thuộc tính không mong muốn ở bản thân chúng ta sang cho người khác. Ví dụ, một bà mẹ ám ảnh về cân nặng thường có xu hướng thấy con gái của mình thừa cân. Sự chuyển dịch xảy ra khi một người cảm nhận hoặc tin rằng người khác đang có những cảm xúc tiêu cực đối với mình, ngay cả khi cảm nhận ấy thường là của bản thân người ấy, chứ không đúng với những cảm xúc hoặc hành vi thực tế của người kia. Ví dụ, ông chồng nói với vợ rằng, “Em nhìn anh như một kẻ vô dụng,” thì trên thực tế, chính ông ta đang cảm thấy mình vô dụng và chuyển dịch cảm nhận đó sang bà vợ.

thuốc xâm hại tình dục: Thuốc thuộc nhóm này có tác dụng gây tê liệt hệ thần kinh trung ương, nếu bị lạm dụng thì nạn nhân mất khả năng chống cự về thể chất hay tình dục.

Jean Piaget (1896-1980): nhà tâm lý học, triết học nổi tiếng người Thụy Sĩ.

Madchen: Bé gái, trinh nữ (tiếng Đức).

Nữ quyền luận cấp tiến - Một tư liệu lịch sử: Nguyên văn là *Woman-identified Woman, Radical Feminism, A Documentary History*. Woman-identify woman là khái niệm bắt nguồn từ một bản tuyên ngôn của một nhóm người đồng tính nữ cấp tiến trong phong trào nữ quyền vào năm 1970. Tuyên ngôn này đấu tranh cho quyền của người đồng tính nữ và quyền tự do yêu người nữ của họ.

Brigitte Bardot: Nữ diễn viên, ca sĩ và người mẫu nổi tiếng của Pháp những năm 1950 và 1960, người sau này trở thành một nhà hoạt động bảo vệ động vật.

Graves: Mộ (tiếng Anh).

chủ nghĩa biểu hiện của Đức: Khuynh hướng của nghệ thuật tạo hình, kiến trúc, điện ảnh, văn học... được hình thành và phát triển ở Đức

trong hai thập niên đầu của thế kỷ 20. Trong lĩnh vực điện ảnh, phong cách này có đặc trưng là hình thức tự sự vô cùng độc đáo và mới lạ, đa dạng hóa cách nhìn và cách thể hiện của các nghệ sĩ đối với hiện thực.

testosterone: Hoóc môn nội tiết tố nam.

Nhựa hóa: Phương pháp ướp xác do nhà giải phẫu người Đức Gunther von Hagens phát triển từ năm 1977.

La Ville Rose: Biệt danh của thành phố Toulouse, nghĩa là thành phố màu hồng.